

Hai Mươi Năm  
**Hai Mươi Năm**  
**VĂN HỌC MIỀN BẮC**  
**1954 - 1975**

**Tập IV**

# HUỶNH ÁI TÔNG

# HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

\*

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 – 1975

### Tập IV

Mục Lục .....	3
Lời Tựa .....	5
<b>Chương thứ hai: Văn học Miền Bắc từ năm 1954</b> .....	7
Tiết Ba: Những người trách nhiệm đập tan NVGP .....	7
1) Hồ Chí Minh (1890-1969) .....	11
2) Trường Chinh (1907-1980) .....	61
3) Tố Hữu (1920-2002) .....	73
4) Nguyễn Đình Thi (1924-2003) .....	103
5) Hoài Thanh (1909-1982) .....	142
6) Võ Hồng Cương ( ? - ? ) .....	178
Tiết Bốn: Những người tiếp tay đập tan NVGP .....	193
1) Hằng Phương (1908-1983) .....	194
2) Bùi Huy Phôn (1913-1990) .....	205
3) Mạnh Phú Tư (1913-1959) .....	221
4) Đoàn Văn Cừ (1913-1976) .....	234
5) Nguyễn Khắc Viện (1913-1977) .....	243
6) Hoàng Xuân Nhị (1914-1990) .....	265

## HUỶNH ÁI TÔNG

7) Lương Xuân Nhị (1914-2006) .....	280
8) Huyền Kiều (1915-1995) .....	286
9) Xuân Diệu (1916-1985) .....	307
10) Như Phong (1917-1985) .....	331
11) Huy Cận (1917-2005) .....	339
12) Chế Lan Viên (1920-1989) .....	348
13) Tô Hoài (1920-2014) .....	356
14) Hồng Chương (1921- 1989) .....	370
15) Vũ Đức Phúc (1921- ) .....	399
16) Đỗ Nhuận (1922-1991) .....	412
17) Vũ Cao (1922-2007) .....	428
18) Từ Bích Hoàng (1922-2010) .....	433
19) Hoàng Trung Thông (1925-1999) .....	459
20) Bằng Sĩ Nguyên (1925- ) .....	481
21) Võ Huy Tâm (1926-1996) .....	486
22) Đào Vũ (1926-2006) .....	497
23) Hữu Mai (1926-2007) .....	524
24) Xuân Thiêm (1926- ) .....	540
25) Lương Ngọc Trác (1928-2013) .....	552
26) Nguyễn Khải (1930-2008) .....	565
Tiết Năm. Biện pháp thanh trùng .....	590
Tiết Sáu. Hậu quả đối với nhóm Nhân Văn – Giai Phẩm .	616
1) Với Phan Khôi .....	616
2) Với Phùng Quán .....	619
3) Với Lê Đạt .....	631
4) Với Trần Dần .....	632
5) Với Nguyễn Mạnh Tường .....	632
6) Với Nguyễn Hữu Đang .....	637
7) Với Hoàng Cầm .....	651
Tiết Bảy. Phục hồi cho các văn nghệ sĩ NV - GP .....	663
Tiết Tám. Tổng kết về phong trào Nhân Văn – Giai Phẩm .	669

## Tự

Trong tập này, chúng tôi soạn về những người chủ trương, thi hành và những người khác hoặc do muốn tiến thân hoặc do muốn bảo vệ thanh danh, đời sống của mình đã có những bài viết đả kích những người trong nhóm *Nhân Văn - Giai Phẩm*.

Tập I, soạn về Bối cảnh miền Bắc và nhìn thoáng qua chặng đường văn học Miền Bắc, với những tạp chí và những nhà văn đã chủ trương, cộng tác với các tạp chí ấy vẫn ở lại đất Bắc sau khi Hiệp định Geneve 1954 có hiệu lực, phân chia nước Việt Nam thành 2 miền có 2 chế độ khác nhau: Tự do và Cộng sản.

Phe Tự do đứng đầu là nước Mỹ một nước có nền dân chủ đứng hàng đầu thế giới, Mỹ muốn hỗ trợ Việt Nam để làm tiền đồn ngăn chặn làn sóng đỏ từ Trung Hoa tràn xuống các nước Đông Nam Á. Phe Cộng sản do Liên Xô đứng đầu, muốn bành trướng Cộng sản để thực hiện một thế giới cộng sản đại đồng.

Nước Việt Nam, dân tộc Việt Nam chẳng may bị thế giới tự do và cộng sản chọn lựa trong cảnh đối đầu. Chính vì thế mà người dân hai miền Bắc, Nam Việt Nam mặc nhiên bị bánh xe lịch sử của thời kỳ chiến tranh ý thức hệ càn quét.

Kém may mắn hơn, những văn nghệ sĩ trí thức hàng đầu của Việt Nam ở miền Bắc, ngay từ những ngày đầu, với đầu óc nhạy bén, cảm nhận được thời thế, họ là những đảng viên, những người không có đảng, đã có thành tích kháng chiến, can đảm đứng ra đòi hỏi tự do sáng tác...

## HUỶNH ÁI TÔNG

Mục đích của họ, của những người quy tụ dưới danh nghĩa *Nhân Văn – Giai Phẩm*, những người chịu ảnh hưởng, những người ủng hộ phong trào, thậm chí có những người như Từ Phác, Đặng Đình Hưng bị gán ghép vào, đã bị đảng trừ dập một thời gian có ngắn, có dài hoặc cả đời họ.

Có những người được sưu tầm, được nói đến trong sách này, nhưng cũng còn một số người chúng tôi chưa sưu tầm được như Hồng Quảng với bài *Tính chất Phan Khôi hay ngựa quen đường cũ*. Khắc Thành *Quét sạch những nọc độc của Trần Đức Thảo trong việc giảng dạy triết học*.

Cho nên sau khi hoàn tất tập này, những thiếu sót chúng tôi mong có cơ hội bổ túc, mong được độc giả hiểu mà thông cảm cho.

Với những nhà biên khảo như Thụy Khuê (1944- ), Lại Nguyên Ân (1945- ), Phạm Thị Hoài (1960- ) xin nhận nơi đây lòng biết ơn của chúng tôi đối với những biên khảo, sưu tầm, lưu trữ. Nếu không có tài liệu của quý vị, cũng như trang *Bách khoa toàn thư mở Wikipedia*, chúng tôi sẽ khó hoàn thành tập sách này.

Cần ghi

Louisville, ngày 6 tháng 6 năm 2013

Soạn giả



## Chương thứ hai: Văn học Miền Bắc từ năm 1954

### Tiết Ba: Những người trách nhiệm đập tan NVGP

Trong việc lãnh đạo, chủ trương của Đảng cộng sản, của nhà cầm quyền miền Bắc, người ta muốn tìm hiểu xem, ai là người chủ trương, có trách nhiệm đối với việc đập tắt phong trào Nhân Văn – Giai Phẩm.

Đây là việc làm có chủ trương, đường lối chứ không phải nhất thời, đã kéo dài hàng mấy thập kỷ, trên diện rộng khắp miền Bắc chứ không phải chỉ có ở Hà Nội mà thôi và nhà cầm quyền đã thẳng tay trừ dập, làm cho người dân biết sợ, không dám liên hệ với những người trong nhóm, cũng không lưu truyền vụ việc *Nhân Văn – Giai Phẩm*, vì vậy trên 30 năm sau nhà phê bình Thụy Khuê trở về Hà Nội tìm kiếm thông tin, rất ít người biết *Nhân Văn – Giai Phẩm* là gì.

Trở lại, tìm hiểu ai chỉ đạo, chủ trương đập tắt phong trào *Nhân Văn – Giai Phẩm*, tốt nhất là nghe những nạn nhân trong cuộc, họ có nhận định chính xác hơn những thông tin khác.

Theo Văn Cao phát biểu với Vũ Thư Hiên tác giả *Đêm giữa ban ngày* : “... Không phải Hồ Chí Minh đâu, Ông Cụ không

## HUỶNH ÁI TÔNG

nghe ra cái đó, Ông Cụ không tệ đến thế. Cũng không phải Nguyễn Chí Thanh. Đừng vì vụ Trần Dần bị giam vào cái hồi thất mà đổ cho lúy. Thằng cha lúc ấy còn bận củng cố địa vị vừa chiếm được của général Giáp. Tác giả chính là Longue Marche, cậu nghe rõ chưa, là Trường-Chinh...

... Cần phải công bằng. Tố Hữu có không ưa mình, có làm khổ mình thật, do lòng đố kỵ mà ra. Mình cũng ghét cái thằng báng nhắng ấy lắm. Nhưng có thể nào nói thế ấy. Tố Hữu chỉ là kẻ thừa hành thôi. Nói gì thì nói, trong lòng Tố Hữu vẫn còn một chút gì của nhà thơ chứ. Bề ngoài thì thế đấy - Tố Hữu lãnh đạo cuộc đánh từ đầu chí cuối. Người ta tưởng vụ Nhân văn - Giai phẩm nổ ra là bởi báo Nhân văn đăng mấy bài phê bình thơ Tố Hữu, Tố Hữu tức, Tố Hữu đánh. Nhảm hết.

Longue Marche mới là kẻ sáng tác ra Nhân văn - Giai phẩm. Để chạy tội Cải cách ruộng đất. Để tạo ra cái hố rác mà trút mọi tội lỗi của lúy vào đấy. Chính Longue Marche chứ không ai khác. Đừng tước bản quyền của lúy, tội nghiệp!

Longue Marche còn cho mời mình và Nguyễn Tuân đến gặp. Lúy nói cả tiếng đồng hồ về đảng tính, về trách nhiệm đảng viên. Chiêu hồi mà. Nguyễn Tuân nghe, mặt hắt lên, ngáp không cần che miệng. Nguyễn Tuân vẫn thế - bất cần đời. Đôi lúc cũng có hèn một tí, hèn có mức độ thôi, trong đại đa số trường hợp là kẻ bất chấp.

Mình nói với Longue Marche: "Nếu trong vườn hồng có sâu thì ta phải chịu khó mà bắt bằng tay, từng con một. Đổ ụp cả đồng thuốc trừ sâu vào đấy thì chết cả vườn hồng. Rồi anh sẽ thấy: qua đợt đánh phá này không biết bao giờ nền văn nghệ Việt Nam mới ngóc đầu dậy được!"

Lúy nghe, mặt căng căng. Cái cách của Trường Chinh là thế. Lúy gọi mình đến còn có ý này nữa: lúy muốn mình phải hiểu - tôi đã chịu khó nghe các anh rồi đấy nhá, tôi dân chủ lắm rồi



## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

*đấy nhá ! Chứ còn cái nền văn nghệ của các anh, nó đáng giá mấy xu?"*

Nhưng Nguyễn Hữu Đang, là nhân vật từng giữ chức vụ Thứ trưởng Bộ tuyên truyền rồi Bộ thanh niên, trong thời kỳ tiền phong của chế độ Cộng sản trên miền Bắc, ông là người tổ chức ngày 2 tháng 9 năm 1945 tại Quảng trường Ba Đình để Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn độc lập, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng Hòa, ông cũng từng làm việc chung với Trường Chinh từ chiến khu Việt Bắc.

Ông bị kêu án và vào tù từ năm 1960 cho đến 1973, sau đó còn bị quản chế nhiều năm tại quê nhà ở Thái Bình, sống trong nghèo khó khốn cùng, đương nhiên là ông phải có những suy tư, để trả lời cho vấn nạn: Ai đã đày ải ông xuống tận đáy sâu của xã hội đương thời?

Ông đã trả lời cho bà Thụy Khuê phỏng vấn về vấn nạn này, trên đài RFI ngày 3-9-1995 như sau: *"Cái việc mà người ta cứ nói là việc nọ việc kia là người dưới làm chứ cụ Hồ không biết, cụ Hồ không thực tiễn làm, đó là một cách nói không đúng sự thật. Người ta thấy việc gì mà có dư luận kêu ca, thắc mắc thì không muốn để cái kêu ca thắc mắc đó hướng vào vị lãnh tụ mà người ta suy tôn tuyệt đối. Có thể nói là người ta thần thánh hóa cụ Hồ. Vì cái lý do nó là như thế. Thực chất thì cụ Hồ không phải là người bị vô hiệu hóa trong bộ máy lãnh đạo của đảng và của dân tộc. Cụ Hồ lúc nào cũng là người có đầy đủ quyền hành, lúc nào cụ cũng sáng suốt, linh lợi, lúc nào cụ cũng có uy tín với dân và cũng có quyền đối với các đồng chí trong đảng, đối với những người lãnh đạo khác. Chắc bà cũng biết rằng những vị lãnh đạo khác của đảng, đối với cụ Hồ là học trò chứ không phải như ở các đảng Cộng sản khác đâu. Cho nên uy tín của cụ Hồ, quyền hành của cụ Hồ bao giờ cũng rất vững, cụ Hồ biết hết cả, và việc đó cụ Hồ cũng đồng tình làm.*

## HUỶNH ÁI TÔNG

*Có thể nói tóm một câu là cho đến mấy năm sau cùng, vì cụ yếu cụ ít chăm nom công việc, cụ khoán cho Bộ chính trị, cụ ít can thiệp trực tiếp, chứ còn trước đó thì bất cứ việc gì cũng là trong phạm vi chỉ đạo của cụ cả. Hay cũng ở cụ, dở cũng ở cụ. Cụ phải gánh trách nhiệm đó, điều đó rõ ràng.*

*Có khi nào một lãnh tụ tối cao đối với dân tộc, lãnh tụ tối cao của Đảng mà lại không có trách nhiệm về việc nọ, việc kia. Điều đó không đúng. Chế độ gọi là "báo cáo thỉnh thị" rất chặt chẽ trong nội bộ đảng Cộng sản và trong bộ máy chuyên chính của nhà nước cũng thế, nghiêm ngặt lắm".*

Do đó, trong việc này nó là chánh sách của Đảng cộng sản, có sự chỉ đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Trường Chinh phát động, Tố Hữu thi hành với những Cai tù văn nghệ như Hoài Thanh, Nguyễn Đình Thi, Nguyễn Chương, Hồng Chương, Xuân Trường, Như Phong, Quang Đạm, Hoàng Xuân Nhị, Hồng Cương, Chính Hữu, ngoài ra còn có những người cơ hội để bảo vệ chức quyền hoặc bắt buộc phải viết bài đả kích nhóm *Nhân Văn – Giai Phẩm* để bảo vệ đời sống của cá nhân và gia đình họ.

Tài liệu tham khảo:

- Nhân Văn Giai Phẩm Web: [diendanthekey.net](http://diendanthekey.net)
- Nhân Văn Giai Phẩm và vấn đề Nguyễn Ái Quốc Web: [rfa.org](http://rfa.org)

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

### 1) Hồ Chí Minh



#### **Hồ Chí Minh - Nguyễn Sinh Cung (1890-1969)**

Ông tên thật là Nguyễn Sinh Cung (giọng địa phương phát âm là *Công*), tự là Tất Thành, Văn Ba. Từ năm 1919 lấy tên Nguyễn Ái Quốc, rồi Lý Thụy, Thầu Chín, Tống Văn Sơ, Lin, Linov, Hồ Quang, Già Thu rồi từ năm 1942 lấy tên là Hồ Chí Minh. Quê nội là làng Kim Liên (tên Nôm là làng Sen). Ông sinh ra ngày 19 tháng 5 năm 1890 ở quê ngoại là làng Hoàng Trù (tên Nôm là làng Chùa, nằm cách làng Sen khoảng 2 km) và sống ở đây cho đến năm 1895. Hai làng này vốn cùng nằm trong xã Chung Cự, thuộc tổng Lâm Thịnh, huyện Nam Đàn. Quê nội của ông, làng Kim Liên là một làng quê nghèo khó. Phần lớn dân chúng không có ruộng, phải làm thuê cấy rẫy, mặc quần áo rách, đóng khổ nhiều, bởi thế nên làng này còn có tên là làng Đai Khố. Vào đời ông, phần lớn dòng họ của ông đều cơ hàn, kiếm sống bằng nghề làm thuê, và cũng có người tham gia các hoạt động chống Pháp.

Thân phụ ông là một nhà nho tên là Nguyễn Sinh Sắc, từng đỗ phó bảng. Thân mẫu là bà Hoàng Thị Loan. Ông có một người chị là Nguyễn Thị Thanh, một người anh là Nguyễn Sinh Khiêm (tự Tất Đạt, còn gọi là Cả Khiêm) và một người em trai

## HUỶNH ÁI TÔNG

mất sớm là Nguyễn Sinh Nhuận (1900-1901, tên khi mới lọt lòng là Xin).

Năm 1895, Nguyễn Sinh Cung cùng cha mẹ và anh trai vào Huế lần đầu tiên. Sau khi mẹ mất (1901), ông về Nghệ An ở với bà ngoại một thời gian ngắn rồi theo cha về quê nội, từ đây ông bắt đầu dùng tên *Nguyễn Tất Thành*. Tất Thành theo học chữ Hán với cử nhân Hoàng Phạm Quỳnh và một số thầy khác.

Năm 1906, Nguyễn Tất Thành theo cha vào Huế lần thứ hai và học ở trường tiểu học Pháp-Việt Đông Ba. Tại đây, ông trải qua các niên khoá 1906 - 1907 lớp nhì và 1907 - 1908 lớp nhất. Tốt nghiệp bằng Primaire (tương đương tốt nghiệp tiểu học) năm 1908. Có cùng anh là Nguyễn Tất Đạt ghi danh vào Trường Quốc Học, nhưng Nguyễn Tất Thành vì sức học yếu kém nên bỏ học. Năm 1909, vào Phan Thiết dạy chữ Hán và chữ Quốc ngữ cho học sinh lớp ba và tư tại trường Dục Thanh của Hội Liên Thành.

Khoảng trước tháng 2 năm 1911, ông nghỉ dạy và vào Sài Gòn cũng với sự giúp đỡ của Hội Liên Thành. Tại đây, ông theo học trường Bá Nghệ (nay là trường Cao Đẳng kỹ thuật Cao Thắng), là trường đào tạo công nhân hàng hải và công nhân chuyên nghiệp cho xưởng Ba Son. Theo học được 3 tháng, ông quyết định bỏ học xin việc làm trên một con tàu viễn dương để được ra nước ngoài học hỏi tinh hoa của phương Tây.

Ngày 5 tháng 6 năm 1911, từ Bến Nhà Rồng, ông lấy tên **Văn Ba**, lên đường sang Pháp với nghề phụ bếp trên chiếc tàu buôn *Đô đốc Latouche-Tréville*. Ngày 6 tháng 7 năm 1911, sau hơn 1 tháng đi biển, tàu cập cảng Marseilles, Pháp. Tại Marseilles, ông đã viết thư đến Tổng thống Pháp, xin được nhập học vào Trường Thuộc địa (École Coloniale), trường chuyên đào tạo các nhân viên hành chính cho chính quyền thực dân, với hy vọng "giúp ích cho Pháp". Thư yêu cầu của ông bị từ chối và được chuyển đến Khâm sứ Trung Kỳ ở Huế. Từ năm 1912 đến

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

1914 ông vẫn làm việc trên tàu hoặc phụ bếp, làm bồi hay khuân vác cho những chuyến tàu xuyên đại tây dương. Từ năm 1914 ông rời bỏ công việc làm trên tàu, lên bờ sống ở Luân Đôn làm nghề cào tuyết, rửa chén bát, phụ bếp ở khách sạn Carlton, buổi tối đi học thêm tiếng Anh, trong thời gian này, ông giao du với nhà cách mạng Phan Chu Trinh đang ở Pháp.



*Bảng đánh dấu ở Luân Đôn*

Khoảng đầu tháng 6 năm 1919, Nguyễn Tất Thành rời bỏ Luân Đôn sang Paris, sinh hoạt chung với các ông Phan Chu Trinh, Phan Văn Trường, Nguyễn Thế Truyền và Nguyễn An Ninh, là những người trong Nhóm những người An Nam yêu nước, họ viết báo và lấy tên chung là Nguyễn Ái Quốc.

Trong thời gian này tại thủ đô Paris, có Hội nghị của các nước thắng trận gồm Pháp, Hoa Kỳ, Anh với nước bại trận là Đức, Ý trong thế chiến thứ nhất 1914-1918. Hội nghị khai mạc tại cung điện Versailles ngày 18-1-1919

Ngày 18 tháng 6 năm 1919, Nguyễn Tất Thành thay mặt cho Hội những người An Nam yêu nước (*Association des Patriotes Annamites*), đã mang tới Hội nghị Hòa bình Versailles bản Yêu sách của nhân dân An Nam (*Revendications du peuple annamite*) gồm 8 điểm để kêu gọi lãnh đạo các nước Đồng Minh áp dụng các lý tưởng của Tổng thống Mỹ Wilson cho các lãnh thổ thuộc địa của Pháp ở Đông Nam Á.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Từ đây, Nguyễn Tất Thành công khai nhận mình là **Nguyễn Ái Quốc** và sử dụng tên này trong suốt 30 năm sau đó.

Bản yêu sách gồm 8 điểm:

- 1) Tổng ân xá tất cả những người bản xứ bị án tù chính trị.
- 2) Cải cách nền pháp lí Đông Dương bằng cách để người bản xứ cũng được quyền hưởng những bảo đảm pháp lí như người châu Âu. Xóa bỏ hoàn toàn những tòa án đặc biệt dùng làm công cụ để khùng bố và áp bức bộ phận trung thực nhất trong nhân dân An Nam.
- 3) Tự do báo chí và tự do ngôn luận.
- 4) Tự do lập hội và hội họp.
- 5) Tự do cư trú ở nước ngoài và tự do xuất dương.
- 6) Tự do họp tập, thành lập các trường kĩ thuật tại tất cả các tỉnh cho người bản xứ.
- 7) Thay chế độ ra các sắc lệnh bằng chế độ ra các đạo luật.
- 8) Có đại biểu thường trực của người bản xứ do người bản xứ bầu ra tại Nghị viện Pháp để giúp cho Nghị viện biết được nguyện vọng của người bản xứ.

Hội nghị đã ký kết một hiệp ước chấm dứt chiến tranh, đem lại hòa bình cho Châu Âu ngày 28-6-1919 tại cung điện Versailles, được gọi là Hòa Ước Versailles 1919.

Năm 1920, ông tham dự Đại hội lần thứ 18 của Đảng Xã hội Pháp tại Tours (từ 25 đến 30 tháng 12 năm 1920) với tư cách là đại biểu nhóm xã hội Đông Dương của Đảng Xã hội Pháp, đã

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

phát biểu ủng hộ việc Đảng Xã hội Pháp gia nhập Quốc tế Cộng sản. Sau đó, ông trở thành đảng viên của Đảng Cộng sản Pháp và tách khỏi đảng Xã hội.

Tháng 7 năm 1921, một số nhà yêu nước của các thuộc địa Pháp lập ra Hội Liên hiệp Thuộc địa (*Union intercoloniale - Association des indigènes de toutes les colonies*) nhằm tập hợp các dân tộc bị áp bức đứng lên chống chủ nghĩa đế quốc. Thành phần khi mới thành lập hội, có luật sư Marie Bloncourt, đại diện Dahoney, Phi Châu làm Tổng Thư Ký; Nguyễn Ái Quốc đại diện Đông Dương... có 200 hội viên, trong đó có cả Phan Văn Trường, Nguyễn Thế Truyền, Nguyễn An Ninh. Hội có tờ báo *Le Paria* ra hàng tháng, số 1 phát hành ngày 1-4-1922, báo này do nhà văn Henri Barbusse bảo trợ. Nguyễn Ái Quốc chủ nhiệm kiêm chủ bút. Từ ngày 4 tháng 11 năm 1923, Nguyễn Thế Truyền là Phó tổng Thư ký của hội và là chủ bút của tờ *Le Paria*, số kép 36-37 phát hành tháng 10 năm 1925, toàn bộ bài viết bênh vực nhà cách mạng Phan Bội Châu, sau số này Nguyễn Thế Truyền rời khỏi *Le Paria* để ra tờ *Việt Nam Hồn*, số 38 phát hành tháng 4 năm 1926 rồi đình bản.

Tác phẩm "Bản án chế độ thực dân Pháp" bằng tiếng Pháp (*Procès de la colonisation française*) đứng tên tác giả Nguyễn Ái Quốc, được Librairie du Travail xuất bản năm 1925, đã tố cáo chính sách thực dân tàn bạo của Pháp và đề cập đến phong trào đấu tranh của các dân tộc thuộc địa, cũng như một số bài viết trên *Le Paria* ký tên Nguyễn Ái Quốc đều là do nhóm Ngũ Long hay Những người An Nam yêu nước viết. Chủ yếu là những người trí thức, có căn bản học vấn tại Pháp như ông Phan Văn Trường (1878-1933), cử nhân luật năm 1912 luật sư Tòa Thượng Thẩm Paris, ông Nguyễn Thế Truyền (1898-1969), kỹ sư hóa ở Toulouse năm 1920, cử nhân Triết ở Paris năm 1922, ông Nguyễn An Ninh (1900-1943), cử nhân Luật ở Pháp năm 1920.

Tháng 6 năm 1923, Nguyễn Ái Quốc rời Paris đến Moskva học

## HUỶNH ÁI TÔNG

tập tại trường Đại học Lao động Cộng sản Phương Đông. Tại đây ông đã dự Hội nghị lần thứ nhất Quốc tế Nông dân (họp từ ngày 12 đến ngày 15 tháng 10 năm 1923), ông được bầu vào Ban chấp hành và Đoàn Chủ tịch Quốc tế Nông dân. Tại Đại hội lần thứ 5 Đệ Tam Quốc tế (họp từ ngày 17 tháng 6 đến ngày 8 tháng 7 năm 1924), ông được cử làm ủy viên Ban Phương Đông, phụ trách Cục Phương Nam.



*Nguyễn Ái Quốc, chụp tại Liên Xô năm 1923.*

Năm 1924, tại thành phố Moskva, ông viết và nộp cho tổ chức Đệ Tam Quốc tế một bản Báo cáo về tình hình Bắc Kỳ, Trung Kỳ và Nam Kỳ.

Cuối năm 1924, Nguyễn Ái Quốc rời Liên Xô tới Quảng Châu, lấy tên là **Lý Thụy**, làm phiên dịch trong phái đoàn cố vấn của chính phủ Liên Xô bên cạnh chính phủ Trung Hoa Dân quốc, do Mikhail Markovich Borodin làm trưởng đoàn.

Năm 1925, ông thành lập tổ chức Việt Nam Thanh niên Cách mạng Đồng chí Hội ở Quảng Châu (Trung Quốc) để truyền bá chủ nghĩa Marx-Lenin (thường được phiên âm là *Mác-Lê-nin*) vào Việt Nam. Cuốn *Đường Kách mệnh*, mà ông là tác giả, tập hợp các bài giảng tại các lớp huấn luyện chính trị của Việt Nam Thanh niên Cách mạng Đồng chí Hội, được xuất bản năm 1927.



## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Cùng năm 1925, ông tham gia thành lập Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông, do Liêu Trọng Khải, một cộng sự thân tín của Tôn Dật Tiên, làm hội trưởng và ông làm bí thư. Do Tưởng Giới Thạch khủng bố các nhà cách mạng cộng sản Trung Quốc và Việt Nam, ông rời Quảng Châu đi Hương Cảng, rồi sang Liên Xô. Tháng 11 năm 1927, ông được cử đi Pháp, rồi từ đó đi dự cuộc họp Đại hội đồng của Liên đoàn chống đế quốc từ ngày 9 đến ngày 12 tháng 12 năm 1927 tại Brussel, Bỉ.

Theo nghiên cứu của một số sử gia có tên tuổi tại Hoa Kỳ, Pháp, và Trung Quốc, trong thời gian ở Quảng Châu, ông đã kết hôn với một thiếu nữ Trung Quốc tên là Tăng Tuyết Minh (ngày 18 tháng 10 năm 1926) và sống với nhau cho đến khi ông rời Quảng Châu, vào khoảng tháng 4 hoặc 5 năm 1927, từ đó không bao giờ còn gặp lại nhau, mặc dù ông và Tăng Tuyết Minh cố gắng dò tìm liên lạc nhau trước và sau khi trở thành Chủ tịch nước, trước vì chiến tranh, ông cũng như Tăng Tuyết Minh thay đổi địa chỉ nhiều lần, sau có thể vì chức vụ cao nhất nước của ông.



*Tăng Tuyết Minh* 曾雪明- Zēng Xuě míng (1905–1991)

HUỶNH ÁI TÔNG

與妹相別、轉瞬年餘、懷念情深、不  
言自曉。茲因鴻便、遂寄寸箋、俾妹  
安心、是我所望。并請  
岳母萬福。  
拙兄  
王瑞

Thư gửi Tăng Tuyết Minh bị Mật thám Đông Dương chặn được ngày 14.8.1928, hiện tàng trữ tại C.A.O.M. (Aix en Provence). Xuất xứ : Daniel Hémery, *HO CHI MINH De L'Indochine au Vietnam*, Gallimard, Paris 1990, tr.145

Mùa thu 1928, ông từ châu Âu đến Thái Lan, với bí danh **Thầu Chín** để tuyên truyền và huấn luyện cho Việt kiều tại Thái Lan.

Cuối năm 1929, ông rời khỏi Vương quốc Thái và sang Trung Quốc.

Ngày 3 tháng 2 năm 1930, tại Cửu Long (九龍, *Kowloon*) thuộc Hương Cảng, ông thống nhất ba tổ chức đảng cộng sản

HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975  
thành Đảng Cộng sản Việt Nam (sau đó đổi tên là "Đảng Cộng sản Đông Dương", rồi đổi thành "Đảng Lao Động Việt Nam" và nay là "Đảng Cộng sản Việt Nam").

Năm 1931, dưới tên giả là **Tổng Văn Sơ** (*Sung Man Ch'o*), Nguyễn Ái Quốc bị nhà cầm quyền Hương Cảng bắt giam. Nhưng sau đó nhờ sự biện hộ và giúp đỡ tận tình của luật sư Frank Loseby, Tổng Văn Sơ được thả ngày 28 tháng 12 năm 1932. Ông đi Thượng Hải rồi bí mật quay trở lại Liên Xô.



*Tổng Văn Sơ (1932)*

Ông đến Moskva vào mùa xuân năm 1934. Với bí danh **Lin**, Nguyễn Ái Quốc học ở Trường Quốc tế Lenin (1934-1935). Ông dự Đại hội lần thứ 7 Đệ Tam Quốc tế (từ ngày 25 tháng 7 đến ngày 20 tháng 8 năm 1935) với vai trò quan sát viên của ban thư ký Dalburo với tên **Linov**. Theo tài liệu của một số nhà sử học, ông bị buộc ở Liên Xô cho đến năm 1938 và bị giam lỏng ở đó do bị nghi ngờ về lý do ông được nhà cầm quyền Hương Cảng trả tự do. Trong những năm 1931-1935, ông đã bị Trần Phú và sau đó là Hà Huy Tập phê phán về đường lối cải lương "liên minh với tư sản và địa chủ vừa và nhỏ", không đúng đường lối đấu tranh giai cấp của Đệ Tam Quốc tế.

Năm 1938, ông trở lại Trung Quốc. Trong vai thiếu tá Bát Lộ quân **Hồ Quang**, Nguyễn Ái Quốc đến công tác tại văn phòng Bát Lộ quân Quế Lâm, sau đó đi Quý Dương, Côn Minh rồi

## HUỖNH ÁI TÔNG

đến Diên An, căn cứ đầu não của Đảng Cộng sản Trung Quốc và Hồng quân Trung Quốc mùa đông 1938.

Ông trở về Việt Nam vào ngày 28 tháng 1 năm 1941, ở tại hang Cốc Bó, bản Pác Bó, tỉnh Cao Bằng với bí danh **Già Thu**. Tại đây, ông mở các lớp huấn luyện cán bộ, cho in báo, tham gia các hoạt động thường ngày... Tài liệu huấn luyện và tuyên truyền chủ yếu là sách do ông dịch và viết về nhiều chủ đề. Ông cho lập nhiều hội đoàn nhân dân như hội phụ nữ cứu quốc, hội phụ lão cứu quốc, hội nông dân cứu quốc,...

Tháng 5 năm 1941, hội nghị mở rộng lần thứ 8 của Trung ương Đảng họp ở Cao Bằng và quyết định thành lập Việt Nam Độc lập Đồng minh Hội (Việt Minh). Ông là chủ tọa.

Ngày 13 tháng 8 năm 1942, ông lấy tên **Hồ Chí Minh**, sang Trung Quốc với danh nghĩa đại diện của cả Việt Minh và Hội quốc tế phản xâm lược Việt Nam (một hội đoàn được ông tổ chức ra trước đó) để tranh thủ sự ủng hộ của Trung Hoa Dân quốc. Đây là lần đầu tiên trong các giấy tờ cá nhân ông sử dụng tên Hồ Chí Minh. Ông khai nhân thân là "Việt Nam-Hoa kiều".

Ông bị chính quyền địa phương của Trung Hoa Dân quốc bắt ngày 29 tháng 8 khi đang đi cùng một người Trung Quốc dẫn đường và giam hơn một năm, trải qua khoảng 30 nhà tù. Ông viết *Nhật ký trong tù* trong thời gian này (từ tháng 8 năm 1942 đến tháng 9 năm 1943).

Sau khi được trả tự do ngày 10 tháng 9 năm 1943, Hồ Chí Minh tham gia Ban Chấp hành Trung ương Việt Nam Cách mệnh Đồng minh Hội. Từ trước đó, Việt Minh cũng đã ra tuyên bố ủng hộ Việt Nam Cách mệnh Đồng minh Hội.

Cuối tháng 9 năm 1944, ông trở về Việt Nam. Khi này các đồng chí của ông ở Liên tỉnh ủy Cao-Bắc-Lạng như Võ

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Nguyễn Giáp, Phạm Văn Đồng... đã quyết định tiến hành phát động chiến tranh du kích trong phạm vi liên tỉnh. Ông ngăn chặn thành công quyết định này. Thay vào đó, ông ra lệnh tổ chức lập lực lượng vũ trang và căn cứ địa cho chặt chẽ và hiệu quả hơn. Ông trực tiếp ra chỉ thị thành lập một đội quân mang tính chính thống và chính quy là đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân, với 34 đội viên là các tiểu đội trưởng, trung đội trưởng hoặc thành viên của các đội quân nhỏ bé và rải rác trước đó của Việt Minh. Cuối năm 1944, ông trở lại Côn Minh hoạt động cho tới đầu năm 1945.

Ngày 16 tháng 8 năm 1945, Tổng bộ Việt Minh triệu tập Đại hội quốc dân tại Tân Trào (tỉnh Tuyên Quang), cử ra Ủy ban dân tộc giải phóng tức Chính phủ lâm thời, do Hồ Chí Minh làm chủ tịch.



*Hồ Chí Minh đọc tuyên ngôn độc lập ngày 2 tháng 9 năm 1945 trên khán đài tại quảng trường Ba Đình.*

Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn Độc lập vào ngày 2 tháng 9 năm 1945 trên quảng trường Ba Đình tại Hà Nội, tuyên bố thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Ông trích dẫn bản Tuyên ngôn Độc lập của Hoa Kỳ và bản Tuyên ngôn Dân quyền và Nhân quyền của Pháp để mở đầu bản Tuyên ngôn Độc lập của Việt Nam.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Ngoài ra, ông còn gửi thư cho nhiều nguyên thủ quốc gia trên thế giới kêu gọi công nhận nhà nước Việt Nam mới được thành lập cũng như tranh thủ sự ủng hộ nhưng không nhận được hồi âm (Tổng thống Hoa Kỳ Harry Truman, lãnh tụ Liên Xô Stalin, Tổng thống Pháp Léon Blum, bộ trưởng Thuộc địa Pháp Marius Moutet và Nghị viện Pháp,...).

Ngày 23 tháng 9 năm 1945, quân Pháp tấn công Sài Gòn. Quân dân Sài Gòn chống cự quyết liệt. Ủy ban kháng chiến Nam Bộ được thành lập với Trần Văn Giàu là chủ tịch. Xứ ủy và Ủy ban nhân dân Nam Bộ điện ra Trung ương xin cho được đánh. Chính phủ ra huấn lệnh, bản thân ông gửi thư khen ngợi "lòng kiên cường ái quốc của đồng bào Nam Bộ".

Ngày 6 tháng 1 năm 1946, tổng tuyển cử tự do trong cả nước được tổ chức, bầu ra Quốc hội và Quốc hội thông qua Hiến pháp dân chủ đầu tiên của Việt Nam. Quốc hội khóa I của Việt Nam đã cử ra Chính phủ Liên hiệp kháng chiến do Hồ Chí Minh làm chủ tịch. Đại biểu quốc hội chủ yếu là nhân sĩ trí thức, người ngoài Đảng. Hồ Chí Minh trở thành Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, và với chức danh Chủ tịch Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, ông cũng đảm nhiệm luôn công việc của thủ tướng. Chính phủ này, cho tới cuối năm 1946, đã trải qua 3 lần thay đổi cơ cấu và nhân sự vào các thời điểm: ngày 1 tháng 1; tháng 3; và ngày 3 tháng 11.

Nhà nước và chính phủ của ông đối mặt với hàng loạt khó khăn cả về đối nội và đối ngoại. Về đối ngoại, khi này Việt Nam chưa được bất cứ quốc gia nào công nhận, không phải thành viên Liên hiệp quốc, cũng như không nhận được sự ủng hộ nào về vật chất của các nước khác. Ngoài 20 vạn quân của Tưởng Giới Thạch ở miền Bắc, còn có quân Anh và quân Pháp (vào thời điểm toàn quốc kháng chiến, tháng 12 năm 1946, Pháp có khoảng 6 vạn quân), và khoảng 6 vạn quân Nhật. Về đối nội, "*giặc đói, giặc dốt*" - như chính cách ông gọi - và ngân quỹ trống rỗng là những vấn đề hệ trọng nhất.

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Bởi thế, ông chú trọng đến việc phát triển giáo dục, mà trước hết là xóa nạn mù chữ bằng cách mở các lớp học Bình dân học vụ.

Với tập đoàn Trường Giới Thạch, ông chấp nhận sự hiện diện của Việt Cách, Việt Quốc trong các chính phủ liên tục được thay đổi, chấp nhận 70 ghế cho Việt Quốc, Việt Cách trong quốc hội không cần qua bầu cử. Ông cũng cung cấp gạo (ban đầu kiên quyết từ chối) cho quân Trường. Quân Trường cũng được tiêu giấy bạc "kim quan" và "quốc tệ" tại miền Bắc.

Tháng 11 năm 1945, ông quyết định cho Đảng tự giải tán. Về mặt công khai, đảng của ông không còn hiện diện mà chỉ có một bộ phận hoạt động dưới danh nghĩa Hội nghiên cứu chủ nghĩa Mác ở Đông Dương. Ông kêu gọi các đảng viên nếu tự xét thấy mình không đủ phù hợp thì nên tự rút lui khỏi hàng ngũ lãnh đạo chính quyền.

Với tư tưởng đặt lợi ích quốc gia lên hàng đầu, ông kêu gọi và thực hiện triệt để chính sách đại đoàn kết dân tộc bằng cách mời nhiều nhân sĩ, trí thức tham gia các Chính phủ và Quốc hội, tiêu biểu như: Bảo Đại, Huỳnh Thúc Kháng, Phan Kế Toại, Phan Anh ...

Theo Hiệp ước Pháp-Hoa, ký ngày 28 tháng 2 năm 1946, quân Pháp sẽ thay thế quân của Trường Giới Thạch. Một tuần sau, ngày 6 tháng 3 năm 1946, ông cùng Vũ Hồng Khanh ký với Jean Sainteny - Ủy viên Pháp ở miền bắc Đông Dương - bản Hiệp định sơ bộ với Pháp, với 3 nội dung chủ chốt:

1. Pháp công nhận Việt Nam "là một nước tự do, là một phần tử trong Liên bang Đông Dương thuộc Liên hiệp Pháp". Trước đó, đàm phán căng thẳng khi ông muốn Việt Nam được công nhận là quốc gia độc lập và phản đối kịch liệt khi Pháp muốn dùng chữ "Quốc gia Tự trị" để mô tả tổ quốc của ông.

## HUỶNH ÁI TÔNG

2. Pháp được đưa 1,5 vạn quân ra Bắc thế cho quân Tưởng, nhưng phải rút trong 5 năm, mỗi năm rút 1/5 quân số.

3. Ngừng xung đột, giữ nguyên quân đội tại vị trí cũ.



*Hồ Chí Minh và Phạm Văn Đồng tại Paris, 1946*

Ngày 31 tháng 5 năm 1946, ông lên đường sang Pháp theo lời mời của chính phủ nước này; cùng ngày, phái đoàn chính phủ do Phạm Văn Đồng dẫn đầu cũng khởi hành. Trước khi đi, ông bàn giao quyền lãnh đạo đất nước cho Huỳnh Thúc Kháng ông ở Pháp 4 tháng (Hội nghị Fontainebleau diễn ra từ 6 tháng 7 tới 10 tháng 9 năm 1946) mà không tránh khỏi thất bại chung cuộc.

Ngày 14 tháng 9 năm 1946, ông ký với đại diện chính phủ Pháp, bộ trưởng Thuộc địa Marius Moutet, bản Tạm ước (*Modus vivendi*), quy định đình chỉ chiến sự tại miền Nam, và thời gian tiếp tục đàm phán vào đầu năm 1947.



## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Thế nhưng những nhân nhượng đó cũng không tránh nổi chiến tranh. Sau khi nhận được liên tiếp 3 tối hậu thư của Pháp trong vòng chưa đầy một ngày, ông kí lệnh kháng chiến. Tối ngày 19 tháng 12 năm 1946, Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến được phát trên đài phát thanh. 20h tối cùng ngày, kháng chiến bùng nổ.

Tháng 3 năm 1947, ông và Trung ương Đảng chuyển lên Việt Bắc. Ông kêu gọi nhân dân tiêu thổ kháng chiến, tản cư cũng là kháng chiến, phá hoại (cho quân Pháp không lợi dụng được) cũng là kháng chiến.

Đúng dịp Tết Nguyên đán Canh Dần năm 1950, ông thực hiện một chuyến đi bí mật sang Trung Quốc, Liên Xô. Ngày 2-1-1950, ông cùng Trần Đăng Ninh, từ Tuyên Quang đi đến Bắc Kinh. Ông làm việc ở Bắc Kinh một tuần, sau đó cùng Trần Đăng Ninh đi xe lửa liên vận đến Liên Xô. Chuyến đi bí mật này, ông đã thành công ở cả hai phương diện chính trị và ngoại giao, đó là chuyến đi lịch sử làm tiền đề cho việc thiết lập quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam - Liên Xô, giữa Việt Nam - Trung Quốc và các nước Xã hội Chủ nghĩa khác. Ngày 11-3-1950, Hồ Chí Minh và ông Trần Đăng Ninh về đến Bắc Kinh, giữa tháng 4 -1950, ông mới về đến Tuyên Quang.

Tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ 2 được tổ chức vào trung tuần tháng 2 năm 1951 tại Tuyên Quang, ông quyết định đưa Đảng ra hoạt động công khai trở lại. Tuy nhiên, khi này tên gọi không còn là Đảng Cộng sản nữa mà có tên mới là Đảng Lao động Việt Nam.

Cuộc Chiến tranh Đông Dương kết thúc vào năm 1954, khi thực dân Pháp bị đánh bại tại Điện Biên Phủ - sự kiện báo hiệu sự cáo chung của chủ nghĩa thực dân trên phạm vi toàn thế giới - và dẫn đến Hiệp định Genève. Kết quả mà đoàn Việt Nam thu nhận được kém hơn nhiều so với mục tiêu đề ra ban đầu. Tuy

## HUỶNH ÁI TÔNG

vậy, trên các phương tiện truyền thông chính thức, Hồ Chí Minh tuyên bố "*Ngoại giao đã thắng to!*"

Cuộc cải cách ruộng đất tại Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được phát động vào cuối năm 1953 và kéo dài cho tới cuối năm 1957. Dù theo tuyên bố của Đảng Cộng sản Việt Nam và nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là đã "đánh đổ được giai cấp địa chủ cùng bọn Việt gian phản động", cuộc cải cách này đã phạm nhiều sai lầm nghiêm trọng, nhất là trong việc lạm dụng đấu tố và xử tử những người bị liệt vào thành phần địa chủ, phú nông thậm chí vu oan và giết nhầm cả những đảng viên trung kiên. Cựu thủ tướng Võ Văn Kiệt cho rằng, những vụ sát hại này đã "gây những tổn thất lớn về chính trị và kinh tế". Trước tình cảnh đó, từ tháng 2 năm 1956, công cuộc sửa sai được khởi sự, phục hồi được khoảng 70-80% số người bị kết án, trả lại tài sản ruộng đất. Những nhân vật cốt cán của cải cách bị cách chức. Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư cho đồng bào và cán bộ nhìn nhận sai lầm.

Một khía cạnh cuộc đời của Hồ Chí Minh xảy ra từ năm 1955-1957, theo sách *Đêm Giữa Ban Ngày* của Vũ Thư Hiên là con của ông Vũ Đình Huỳnh, thư ký của ông Hồ Chí Minh:

.....

*Tôi sững sờ. Lại thêm một bí mật tôi được biết trong những bí mật cung đình được giữ rất kín.*

*- Như vậy, có thể coi như bà Xuân là bà hoàng hậu cuối cùng trong lịch sử Việt Nam ?*

*Ông cười chua chát :*

*- Có thể coi là như vậy. Và là bà hoàng hậu bất hạnh nhất trong lịch sử Việt Nam. Bất hạnh vì không một ngày được thừa nhận là hoàng hậu, vì để ra đứa con không được gọi cha ruột*

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

*của nó bằng cha... Tất cả diễn ra trong sự lén lút nhục nhã, như thể đó là tội lỗi.*

- Ai đã giết bà Xuân ?

- *Đừng vội. Ta hãy ghi nhận sự việc này : vào một buổi sáng mùa xuân năm 1957, người ta thấy có xác một người đàn bà bị xe ô tô đụng chết ở dốc Cổ Ngư lên Chèm(14). Xác chết được đưa vào bệnh viện Việt Đức, được nhận dạng. Đó chính là cô Xuân. Nhưng xác không được mổ theo thường lệ, mà bị chôn cất vội vã, theo lệnh của Trần Quốc Hoàn.*

- Tại sao lại Trần Quốc Hoàn ?

- *Bởi vì cô Xuân là người của cơ quan trực thuộc Trung ương, việc xảy ra phải báo cáo ngay cho Trần Quốc Hoàn biết.*

- Rồi sau thì sao ?

- *Chưa hết. Sau, em ruột của cô Xuân bị điều đi học một lớp y tá ở Thái Nguyên, rồi bị đưa về Cao Bằng điều trị bệnh... thần kinh. ót lâu sau xác cô nổi lên ở một cây cầu trên sông Bằng Giang... Cô em gái họ cũng biến mất. Như vậy là cùng một thời gian, cùng một sự việc, có tới ba người thiệt mạng.*

- Những đầu mối đều bị bịt ?

- *Tất nhiên. Nhưng những lý do dẫn tới những cái chết đã bị lặt ra ngoài.*

- *Về những cái chết này không có ai điều tra hết ?*

*Ông Tạo cúi mặt xuống.*

- *Không.*

## HUỶNH ÁI TÔNG

- Tại sao, thưa bác ?

- Tại vì thủ phạm là một nhân vật quá to để có thể đụng tới.

- Trần Quốc Hoàn ?

- Phải. - ông thờ dài - Tất cả những người biết việc này đều có lỗi với hương hồn cô Xuân và hai cô em, tất cả đã không dám làm gì để rửa mối hận cho họ. Tất cả đã cúi đầu trước giường máy, trước uy tín của Đảng có thể bị mất đi vì vụ bê bối này. Mọi người đều làm khi nghĩ như vậy...

- Vì sao Trần Quốc Hoàn giết bà Xuân ?

- Đó là một câu chuyện dài. Khi Bộ Nội Vụ, vì công tác bảo vệ, bố trí cho mấy chị em cô Xuân ở ngôi nhà của Bộ ở phố Hàng Bông Thợ Nhuộm, thì chỉ có vài người biết họ là ai. Trong ngôi nhà này còn hai gia đình cấp vụ khác ở cùng. Thời gian trước khi cô Xuân bị giết ít lâu, Trần Quốc Hoàn thường tới đó. Việc Trần Quốc Hoàn tới thăm rồi cưỡng hiếp cô Xuân, cô em của cô Xuân biết, có nói lại cho người yêu của mình ở quê. Anh này về sau có làm đơn tố cáo gửi Trung ương.

- Và Trung ương im lặng ?

- Không phải anh ta gửi ngay lập tức. Ngay lập tức thì anh ta cũng bị giết ngay, mà mãi về sau này...

- Cụ Hồ không có ý kiến gì về mấy cái chết oan khuất đó ?

Ông Nguyễn Tạo dăm chiêu suy nghĩ.

- Có nhiều điều chúng ta không biết được. - ông nói, giọng bùi ngùi - Tôi nghĩ thân phận Bác lúc ấy cũng tội nghiệp lắm. Biết

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

*nói với ai ? Với Lê Duẩn chẳng ? Hay Lê Đức Thọ ? Hay nói thẳng với Trần Quốc Hoàn ? Tôi nghĩ Bác là con người, Bác cũng biết đau khổ. Nhưng cái thế của Bác buộc Bác phải im lặng...*

*- Nghĩa là, theo bác, ông Hồ không có lỗi ?*

*- Trong mấy cái chết nói trên ? Không.*

*- Nhưng sự im lặng trước cái chết của họ ? Ông Hồ cũng không có lỗi ? - tôi gắng - Bỏ ra ngoài mối quan hệ tình cảm, chỉ nói tới cái chết oan khuất của một con người, với tư cách đồng bào ?*

*- Thế hệ các anh khắc nghiệt trong sự phán xét. - ông thở dài - Tôi hiểu các anh. Các anh vô can. Chúng tôi thì không. Chúng tôi tự đặt mình trong sự ràng buộc với Đảng, với những quyết định của nó, dù sai dù đúng. Chúng tôi lo lắng cho uy tín của Đảng. Chúng tôi cảm thấy nhục nhã nếu Đảng bị phỉ báng. Đảng là cuộc sống tinh thần của chúng tôi, là danh dự của chúng tôi. Bác cũng vậy. Ông Cụ cũng đau đớn lắm chứ. Ông cũng là con người. Như mọi người. Các anh khác. Các anh chỉ nhìn thấy một lẽ công bằng, đòi phải có nó, đòi mọi sự phải sòng phẳng. Cái đó là phải thôi. Đúng, chứ không sai. Nhưng có nên như vậy không nhỉ ? Hay là cần phải độ lượng hơn, thông cảm hơn với sự yếu đuối của con người ? Dù họ có là ai đi chăng nữa...*

Tháng 8 năm 1957, một năm sau cuộc nổi dậy năm 1956 tại Hungary, Hồ Chí Minh dẫn đầu Đoàn đại biểu cấp cao Việt Nam bỏ ra năm ngày thực hiện cuộc viếng thăm hữu nghị Cộng hoà Nhân dân Hungary.

Năm 1959, ông tới thăm thủ đô Bắc Kinh nhân dịp kỷ niệm 10

## HUỶNH ÁI TÔNG

năm cách mạng Trung Quốc. Trong những cuộc đàm phán riêng, ông nhận được sự hứa hẹn của cả Bắc Kinh lẫn Moskva để viện trợ thêm vũ khí và dân sự, nhưng đã khôn khéo từ chối những đề nghị gửi quân tình nguyện hay cố vấn quân sự đến Việt Nam.

Từ khoảng nửa cuối thập niên 1960, Hồ Chí Minh giảm dần các hoạt động chính trị (nhất là trong 3 năm cuối đời khi ông liên tục ốm nặng). Trong một số lần tiếp xúc ngoại giao từ năm 1963, ông nói rằng mình sẽ dần bàn giao công việc cho Bí thư thứ nhất Lê Duẩn. Ông dần lui về nắm giữ vai trò biểu tượng của cách mạng, dành nhiều thời gian để đi thăm hỏi, động viên cán bộ và đồng bào. Quyền lực dần dần tập trung về tay bí thư thứ nhất Lê Duẩn và một số nhân vật gần gũi trong Đảng Lao động Việt Nam, những người chủ trương tích cực thúc đẩy quá trình thống nhất đất nước bằng cách đẩy mạnh cuộc chiến tranh ở miền Nam. Tuy nhiên với vai trò và uy tín to lớn, các quyết sách lớn (như tổng tiến công Tết Mậu Thân hay việc đàm phán ở Paris) vẫn cần có sự phê duyệt của ông.

Ít lâu sau khi Hoa Kỳ bắt đầu cuộc chiến tranh không kích, ném bom vào miền Bắc Việt Nam, Hồ Chí Minh nhận được điện từ nhà triết học nổi tiếng người Anh Bertrand Russell - một người yêu hòa bình. Trong điện này, Russell nêu ra quan điểm chống đối của mình đối với sự can thiệp của quân đội Hoa Kỳ trong chiến tranh Việt Nam

Ngày 8/2/1967 tổng thống Mỹ Johnson gửi thư cho Chủ tịch Hồ Chí Minh của Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Nội dung thư có đại ý là người Mỹ nhiều lần chuyển đến chính phủ Hồ Chí Minh mong muốn hoà bình bằng những kênh khác nhau nhưng không đạt kết quả nào và đề nghị chấm dứt cuộc xung đột tại Việt Nam để không tiếp tục gây đau khổ cho nhân dân hai miền Việt Nam cũng như nhân dân Mỹ. Tổng thống Mỹ cam kết sẽ ngừng ném bom miền Bắc Việt Nam và ngừng tăng thêm quân tại miền Nam Việt Nam ngay khi miền Bắc chấm

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

dứt đưa quân vào miền Nam. Hai bên cùng kiếm chế leo thang chiến tranh để đối thoại song phương một cách nghiêm túc hướng đến hoà bình. Việc tiếp xúc có thể diễn ra ở Moskva, Miến Điện hay bất cứ nơi nào Bắc Việt Nam muốn.

Ngày 15/2/1967 Chủ tịch Hồ Chí Minh viết thư trả lời tổng thống Johnson tố cáo Mỹ đã xâm lược Việt Nam, vi phạm những cam kết của đại diện Mỹ tại Hội nghị Geneva, phạm nhiều tội ác chiến tranh tại cả hai miền Nam Bắc Việt Nam. Trong thư, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định nhân dân Việt Nam quyết tâm đánh thắng Mỹ bằng mọi giá. Nếu Mỹ muốn trực tiếp đối thoại với Việt Nam Dân chủ Cộng hoà thì trước tiên phải ngừng ném bom vô điều kiện miền Bắc Việt Nam. Chỉ có thể đạt được hoà bình nếu Mỹ chấm dứt những hoạt động quân sự, rút quân Mỹ và đồng minh khỏi miền Nam để người Việt Nam tự giải quyết vấn đề của mình, đồng thời công nhận Mặt trận Dân tộc Giải phóng Miền Nam Việt Nam.

Hồ Chí Minh liên tục ốm nặng trong khoảng hơn 3 năm cuối đời. Trong thời gian chuẩn bị diễn ra sự kiện Tết Mậu Thân 1968, ông đang trong đợt dưỡng bệnh dài ngày tại Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa. Tuy vậy ông vẫn quay về Việt Nam ít ngày vào tháng 12 năm 1967 để phê duyệt quyết định tổng tấn công..

Hồ Chí Minh bắt đầu viết di chúc vào dịp sinh nhật lần thứ 75 của ông vào ngày 10 tháng 5 năm 1965,

Hồ Chí Minh bị tiểu đường, đau tim và sau cùng bị nhồi máu cơ tim qua đời vào hồi 9 giờ 47 phút sáng ngày 2 tháng 9 năm 1969 (tức ngày 21 tháng 7 âm lịch) tại thủ đô Hà Nội, hưởng thọ 79 tuổi. Do hoàn cảnh thời chiến, để tránh trùng với ngày Quốc khánh, ngày mất của ông ban đầu được Ban Lãnh đạo Đảng công bố là ngày 3 tháng 9, đến năm 1989 mới công bố lại là ngày 2 tháng 9.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Tang lễ được tổ chức vào ngày 9 tháng 9 tại quảng trường Ba Đình với hơn 100.000 người đến dự, trong đó có các đoàn đại biểu từ các nước xã hội chủ nghĩa. Hàng triệu người trên đất Bắc Việt Nam đã khóc. Sau đó thi hài ông được ướp, bảo quản đặt trong lăng Hồ Chí Minh tại Hà Nội, tương tự như đối với thi hài Lenin ở Moskva, để cho những người ngưỡng mộ ông chiêm ngưỡng.

Ông dùng 173 bút danh khi viết sách, báo: Nguyễn Ái Quốc, Nguyễn, Nguyễn A.Q, Ng A.Q, Ng. Ái Quốc, N.A.Q, N., Wang, N.K., A.N; P.C. Lin, P.C. Line (1938, Trung Quốc), Line (1938, Trung Quốc), Q.T, Q.TH, Lê Quyết Thắng (1948-50), A.G, X.Y.Z (1947-50), G., Lê Nhân, Lê, Lê Ba, Lê Nông, Lê Thanh Long, L.T., T.L. (1955-69), Trần Dân Tiên, T.Lan (1955-69), Tuyết Lan, Thanh Lan, Đin (1950-53), Tân Trào, Đ.X (trong chuyên mục "Thường thức chính trị" trên báo *Cứu quốc* năm 1953), C.B (trên báo *Nhân Dân* 1951-57), V.K., K.C., C.K., Trần Lực (1948-61), C.S, Chiến Sĩ, Chiến Đấu, La Lập, Nói Thật, Thu Giang, K.V., Trâm Lam, Luật sư TH. Lam, Nguyễn Kim, K.O, Việt Hồng...

Tác phẩm:

- *Đường cách mệnh* (1927)
- *Chính cương vắn tắt và Sách lược vắn tắt* (1930)
- *Nhật kí chìm tàu* (1930)
- *Cách đánh du kích*
- *Nhật ký trong tù* (1942, thơ)
- *Lịch sử nước ta* (1942)
- *Tuyên ngôn Độc lập* (1945)
- *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* (1946)
- *Sửa đổi lề lối làm việc* (1947)
- *Những mẫu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch* (bút danh Trần Dân Tiên - 1948)
- *Vừa đi đường vừa kể chuyện* (bút danh T. Lan - Sự Thật,



HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975  
1963)

- *Di chúc* (1965)

Những bài sau đây có thể Phan Văn Trường viết, ký tên tác giả là Nguyễn Ái Quốc:

- *Yêu sách của nhân dân An Nam (Revendications du peuple annamite - 1919)*

- *Con rồng tre* (1922, kịch, nhằm đả kích vua Khải Định)

- *Bản án chế độ thực dân Pháp* (1925)

Những bài sau đây đăng trên tờ *Le Paria* có thể do Nguyễn Thế truyền viết, ký tên Nguyễn Ái Quốc:

- *Đoàn kết giai cấp* (1924)

- *Con rùa* (1925)

- *Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu* (1925)

Trích văn:

### **Đường Cách Mệnh**

Không có lý luận cách mệnh, thì không có cách mệnh vận động... Chỉ có theo lý luận cách mệnh tiên phong, đảng cách mệnh mới làm nổi trách nhiệm cách mệnh tiên phong

Lê nin  
Bị áp bức dân tộc liên hợp hội  
Tuyên truyền bộ ấn hành

\*\*\*

Tư cách một người cách mệnh

*Tự mình phải:*

## HUỶNH ÁI TÔNG

Cần kiệm.  
Hoà mà không tư.  
Cả quyết sửa lỗi mình.  
Cẩn thận mà không nhút nhát.  
Hay hỏi.  
Nhẫn nại (chịu khó).  
Hay nghiên cứu, xem xét.  
Vị công vong tư.  
Không hiếu danh, không kiêu ngạo.  
Nói thì phải làm.  
Giữ chủ nghĩa cho vững.  
Hy sinh.  
Ít lòng tham muốn về vật chất.  
Bí mật.

### *Đối người phải:*

Với từng người thì khoan thứ.  
Với đoàn thể thì nghiêm.  
Có lòng bày vẽ cho người.  
Trực mà không táo bạo.  
Hay xem xét người.

### *Làm việc phải:*

Xem xét hoàn cảnh kỹ càng.  
Quyết đoán.  
Dũng cảm.  
Phục tùng đoàn thể.

\*\*\*

### *Vì sao phải viết sách này?*

1. Phạm làm việc gì cũng vậy, bất kỳ lớn bé, bất kỳ khó dễ, nếu không ra sức thì chắc không thành công. Tục ngữ Tàu có câu:

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

"Su tử bất thổ tất dùng hết sức". Su tử mạnh biết chừng nào, nếu bất thổ thì có khó gì, thế mà còn phải dùng hết sức, huống gì làm việc to tát như việc giải phóng công cụ nô lệ cho đồng bào, cho nhân loại, nếu không hết sức thì làm sao được.

2. Lại nhiều người thấy khó thì ngã lòng, không hiểu rằng "nước chảy đá mòn" và "có công mài sắt có ngày nên kim". Việc gì khó cho mấy, quyết tâm làm thì làm chắc được, ít người làm không nổi, nhiều người đồng tâm hiệp lực mà làm thì phải nổi. Đời này làm chưa xong thì đời sau nối theo làm thì phải xong.

3. Muốn đồng tâm hiệp lực, muốn bền gan thì trước ai ai cũng phải hiểu rõ vì sao mà phải làm, vì sao mà không làm không được, vì sao mà ai ai cũng phải gánh một vai, vì sao phải làm ngay không nên người này ngồi chờ người khác. Có như thế mục đích mới đồng; mục đích có đồng, chí mới đồng; chí có đồng, tâm mới đồng; tâm đã đồng, lại phải biết cách làm thì làm mới chóng.

4. Lý luận và lịch sử cách mệnh có nhiều sách lắm. Pháp nó sợ, nên cấm chúng ta học, cấm chúng ta xem, cho nên đồng bào ta đối với hai chữ cách mệnh còn lờ mờ lắm. Có người biên chép đề xướng ra một chút lại làm một cách rất hồ đồ; hoặc xúi dân bạo động mà không bày cách tổ chức; hoặc làm cho dân quen tính ỷ lại; mà quên tính tự cường.

5. Mục đích sách này là để nói cho đồng bào ta biết rõ: (1) Vì sao chúng ta muốn sống thì phải cách mệnh. (2) Vì sao cách mệnh là việc chung cả dân chúng chứ không phải việc một hai người. (3) Đem lịch sử cách mệnh các nước làm gương cho chúng ta soi. (4) Đem phong trào thế giới nói cho đồng bào ta rõ. (5) Ai là bạn ta? Ai là thù ta? (6) Cách mệnh thì phải làm thế nào?

## HUỶNH ÁI TÔNG

6. Sách này muốn nói cho vấn tất, dễ hiểu, dễ nhớ. Chắc có người sẽ chê rằng văn chương cụt quắn. Vâng! Đây nói việc gì thì nói rất giản tiện, mau mắn, chắc chắn như hai lần hai là bốn, không tô vẽ trang hoàng gì cả.

Hơn sáu mươi năm nay, đế quốc chủ nghĩa Pháp đập trên đầu; hơn hai mươi triệu đồng bào hấp hối trong vòng tử địa. Phải kêu to, làm

chóng để cứu lấy giống nòi, thì giờ đâu rảnh mà vẽ vờ trau chuốt ?

Sách này chỉ ước ao sao đồng bào xem rồi thì nghĩ lại, nghĩ rồi thì tỉnh dậy, tỉnh rồi thì đứng lên đoàn kết nhau mà làm cách mệnh.

Văn chương và hy vọng sách này chỉ ở trong hai chữ: Cách mệnh ! Cách mệnh !! Cách mệnh !!!

\*\*\*

### ***Cách mệnh***

#### *1. Cách mệnh là gì ?*

Cách mệnh là phá cái cũ đổi ra cái mới, phá cái xấu đổi ra cái tốt. Thí dụ: ông Galilê (1633) là khoa học cách mệnh. Ngày xưa ai cũng tưởng rằng giới tròn đất vuông, nhân kinh nghiệm và trắc đạc, ông ấy mới quyết rằng trái đất tròn và chạy chung quanh mặt giới.

Ông Stêphenxông (1800) là cơ khí cách mệnh. Ngày xưa chỉ đi bộ và đi xe ngựa kéo; ông ấy mới làm ra xe lửa.

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Ông Đacuyn (1859) là cách vật cách mệnh. Ngày xưa không ai hiểu rõ sự sinh hoá của vạn vật, ông ấy mới nghiên cứu ra vì sao mà có sự sinh hoá ấy.

Ông Các Mác là kinh tế học cách mệnh. Ông ấy nghiên cứu rõ ràng tư bản chủ nghĩa, đế quốc chủ nghĩa, giai cấp tranh đấu, vân vân ở đâu mà sinh ra; lịch sử nó thế nào, hiện tượng nó thế nào, và kết quả nó sẽ ra thế nào.

### 2. Cách mệnh có mấy thứ ?

ấy là tư tưởng cách mệnh, dân chúng cách mệnh thì có ba thứ:

A- Tư bản cách mệnh.

B- Dân tộc cách mệnh.

C- Giai cấp cách mệnh.

Tư bản cách mệnh như Pháp cách mệnh năm 1789. Mỹ cách mệnh độc lập năm 1776 (đuổi Anh), Nhật cách mệnh năm 1864.

Dân tộc cách mệnh như Ytali đuổi cường quyền áo năm 1859. Tàu đuổi Mãn Thanh năm 1911.

Giai cấp cách mệnh như công nông Nga đuổi tư bản và giành lấy quyền năm 1917.

### 3. Vì sao mà sinh ra tư bản cách mệnh?

A. Tư bản ở thành phố là tư bản mới, nó có lò máy và làm ra hàng hoá. Có lò máy thì muốn có nhiều thợ làm công cho nó. Làm ra hàng hoá thì muốn nhiều người mua của nó. Muốn nhiều người mua bán thì muốn giao thông tiện lợi.

## HUỖNH Ỉ TÔNG

B. Tư bản ở hương thôn là địa chủ, nó muốn giữ những chế độ phong kiến, thổ địa nhân dân; ở chỗ nào chủ quyền đều là về tay bọn quyền quý ở đấy cả; nó đối với nhân dân, nó coi như trâu, như lợn, nó bắt ở yên một chỗ để cày ruộng cho nó, nó đối với người đi buôn, thì hàng hoá nó muốn lấy thuế bao nhiêu thì lấy, không có chừng độ, tiền bạc mỗi xứ một thứ, đi lại phải xin chúng nó cho phép, nó làm nhiều cách trở ngại cho việc buôn bán mới.

Địa chủ hết sức ngăn trở tư bản mới, tư bản mới hết sức phá địa chủ, hai bên xung đột nhau làm thành ra tư bản cách mệnh.

Không bao giờ hai tụi này chống nhau kịch liệt và rõ ràng, dễ thấy bằng bên Mỹ. Năm 1861 đến 1865, mấy tỉnh phía bắc (tư bản mới) cử binh đánh lại mấy tỉnh phía nam (điền chủ) như hai nước thù địch vậy.

### *4. Vì sao mà sinh ra dân tộc cách mệnh?*

Một nước cậy có sức mạnh đến cướp một nước yếu, lấy võ lực cai trị dân nước ấy, và giành hết cả quyền kinh tế và chính trị. Dân nước ấy đã mất cả tự do độc lập, lại làm ra được bao nhiêu thì bị cường quyền vơ vét bấy nhiêu.

Nó đã cướp hết sản vật, quyền lợi của dân rồi, khi có giặc dã, nó lại bắt dân đi lính chết thay cho nó. Như trong trận Âu chiến 1914-1918, Tây bắt ta đi lính, sau lại gia thuế gia sưu. Đánh được thì nó hưởng lợi quyền, thua thì mình đã chết người lại hại của.

Nói tóm lại là bọn cường quyền này bắt dân tộc kia làm nô lệ, như Pháp với An Nam. Đến khi dân nô lệ ấy chịu không nổi nữa, tỉnh ngộ lên, đoàn kết lại, biết rằng thà chết được tự do hơn sống làm nô lệ, đồng tâm hiệp lực đánh đuổi tụi áp bức mình đi; ấy là dân tộc cách mệnh.

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

### 5. Vì sao mà sinh ra giai cấp cách mệnh ?

Trong thế giới có hai giai cấp:

A. Tư bản ( không làm công mà hưởng lợi).

B. Công và nông (làm khó nhọc mà chẳng được hưởng).

Như người thợ An Nam, làm ở mỏ than Hòn Gay, một ngày làm 11 giờ, đầu năm làm đến cuối, một ngày chỉ được ba hào, ăn chẳng đủ ăn, mặc không có mặc, đau không có thuốc, chết không có hòm.

Còn anh chủ mỏ ấy không bao giờ nhúng tay đến việc gì, mà nó ăn sung mặc sướng, lên ngựa xuống xe, mỗi năm lại được mấy mươi triệu đồng lời (năm 1925 nó được 17.000.000 đồng). Thử hỏi 17 triệu ấy thằng chủ Tây làm ra hay là công nhân An Nam làm ra?

Dân cày ta ruộng không có mà cày, mà tụi đồn điền Tây nó chiếm hết 122.000 mẫu ruộng tốt ở Trung Kỳ, 150.000 mẫu ở Nam Kỳ.

Dân ta nơi thì không đủ ăn, nơi thì chết đói, mà điền chủ mỗi năm nó bán gạo gần 1.000 triệu quan tiền Tây (năm 1925 nó bán 911.477.000 quan).

Nước ta như vậy, các nước cũng như vậy. Công nông không chịu nổi, đoàn kết nhau đánh đuổi tư bản đi, như bên Nga, ấy là giai cấp cách mệnh; nói tóm lại là giai cấp bị áp bức cách mệnh để đập đổ giai cấp đi áp bức mình.

### 6. Cách mệnh chia làm mấy thứ ?

Cách mệnh chia ra hai thứ:

## HUỶNH ÁI TÔNG

A. Như An Nam đuổi Pháp, ấn Độ đuổi Anh, Cao ly<sup>2</sup> đuổi Nhật Philippin đuổi Mỹ, Tàu đuổi các đế quốc chủ nghĩa để giành lấy quyền tự do bình đẳng của dân nước mình, ấy là dân tộc cách mệnh.

B. Tất cả dân cày, người thợ trong thế giới bất kỳ nước nào, nòi nào đều liên hợp nhau lại như anh em một nhà, để đập đổ tất cả tư bản trong thế giới, làm cho nước nào, dân nào cũng được hạnh phúc, làm cho thiên hạ đại đồng - ấy là thế giới cách mệnh.

Hai thứ cách mệnh đó tuy có khác nhau, vì dân tộc cách mệnh thì chưa phân giai cấp, nghĩa là sĩ, nông, công, thương đều nhất trí chống lại cường quyền. Còn thế giới cách mệnh thì vô sản giai cấp (dân cày và người thợ) đứng đầu đi trước. Nhưng hai cách mệnh ấy vẫn có quan hệ với nhau. Thí dụ: An Nam dân tộc cách mệnh thành công thì tư bản Pháp yếu, tư bản Pháp yếu thì công nông Pháp làm giai cấp cách mệnh cũng dễ. Và nếu công nông Pháp cách mệnh thành công, thì dân tộc An Nam sẽ được tự do.

Vậy nên cách mệnh An Nam với cách mệnh Pháp phải liên lạc với nhau.

### *7. Ai là những người cách mệnh ?*

Vì bị áp bức mà sinh ra cách mệnh, cho nên ai mà bị áp bức càng nặng thì lòng cách mệnh càng bền, chí cách mệnh càng quyết. Khi trước tư bản bị phong kiến áp bức cho nên nó cách mệnh. Bây giờ tư bản lại đi áp bức công nông, cho nên công nông là người chủ cách mệnh.

1. Là vì công nông bị áp bức nặng hơn,

2. Là vì công nông là đông nhất cho nên sức mạnh hơn hết, B. Là vì công nông là tay không chân ròi, nếu thua thì chỉ mất một



## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

cái kiếp khổ, nếu được thì được cả thế giới, cho nên họ gan góc. Vì những cơ ấy, nên công nông là gốc cách mệnh; còn học trò, nhà buôn nhỏ, điền chủ nhỏ cũng bị tư bản áp bức, song không cực khổ bằng công nông; ba hạng ấy chỉ là bầu bạn cách mệnh của công nông thôi.

### 8. Cách mệnh khó hay là dễ ?

Sửa cái xã hội cũ đã mấy ngàn năm làm xã hội mới, ấy là rất khó. Nhưng biết cách làm, biết đồng tâm hiệp lực mà làm thì chắc làm được, thế thì không khó. Khó dễ cũng tại mình, mình quyết chí làm thì làm được. Nhưng muốn làm cách mệnh thì phải biết:

A- Tụi tư bản và đế quốc chủ nghĩa nó lấy tôn giáo và văn hoá làm cho dân ngu, lấy phép luật buộc dân lại, lấy sức mạnh làm cho dân sợ, lấy phú quý làm cho dân tham. Nó làm cho dân nghe đến hai chữ cách mệnh thì sợ rùng mình.

Vậy cách mệnh trước phải làm cho dân giác ngộ.

B- Dân khổ quá hay làm bạo động, như dân An Nam ở Trung Kỳ kháng thuế, Hà Thành đầu độc, Nam Kỳ phá khám; không có chủ nghĩa, không có kế hoạch, đến nổi thất bại mãi.

Vậy cách mệnh phải giảng giải lý luận và chủ nghĩa cho dân hiểu.

C- Dân vì không hiểu tình thế trong thế giới, không biết, so sánh, không có mưu chước, chưa nên làm đã làm, khi nên làm lại không làm.

Cách mệnh phải hiểu phong trào thế giới, phải bày sách lược cho dân.

## HUYỀN ÁI TÔNG

D- Dân thường chia rẽ phái này bọn kia, như dân ta người Nam thì nghi người Trung, người Trung thì khinh người Bắc, nên nổi yêu sức đi, như đũa mỗi chiếc mỗi nơi.

Vậy nên sức cách mệnh phải tập trung, muốn tập trung phải có đảng cách mệnh.

### *9. Cách mệnh trước hết phải có cái gì ?*

Trước hết phải có đảng cách mệnh, để trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi. Đảng có vững cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy. Đảng muốn vững thì phải có chủ nghĩa làm cốt, trong đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo chủ nghĩa ấy. Đảng mà không có chủ nghĩa cũng như người không có trí khôn, tàu không có bàn chỉ nam.

Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất là chủ nghĩa Lênin.

.....

\*\*\*

### ***Lịch sử cách mệnh Mỹ***

#### *1. Lịch sử Mỹ thế nào ?*

Thế kỷ thứ XIV về trước, chưa ai biết Mỹ ở đâu. Đến năm 1492, người buôn tên là Christophe Colomb đi tàu buôn muốn qua Ấn Độ, nhưng đi lạc đường, may lại gặp châu Mỹ. Dân xứ ấy là loài da đỏ, chỉ đi săn bắn không biết buôn bán và làm nghề.

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Từ lúc Colomb tìm ra châu Mỹ, thì người các nước bên Âu tràn qua đây làm ăn. Người da trắng muốn bắt người da đỏ làm nô lệ, nhưng nó không chịu làm, thì chúng giết mòn giết mỏi người da đỏ đi, rồi bắt người da đen bên Phi qua làm cho chúng nó.

Người Âu qua Mỹ thì nước nào cũng có, nhưng đông nhất là người Anh (3.000.000 người). Vì vậy, Anh giành Mỹ làm thuộc địa.

### *2. Vì sao mà Mỹ làm cách mệnh ?*

Thổ sản Mỹ rất giàu, đồng, sắt, than, bông, lúa, trâu bò, vôi vôi, vật gì cũng nhiều. Anh thì tham, muốn hút về cho mình cả, cho nên đặt ra ba phép như sau này:

1. Có bao nhiêu thổ sản, Mỹ phải cung cấp cho Anh hết, không được bán cho các nước khác. 2. Dân Mỹ không được lập ra lò máy và hội buôn bán. 3. Các nước không được vào buôn bán với Mỹ chỉ Anh được buôn bán mà thôi.

Vì ba điều ấy, lại thêm thuế má nặng nề, làm cho kinh tế Mỹ rất khôn đốn, nên từ năm 1770, dân Mỹ tức mình "tây chay" Anh .

### *3. Phong trào ấy kết quả ra thế nào ?*

Phong trào "tây chay" giặc dai đến 5 năm. Anh đem lính qua dẹp, và bắt những người cầm đầu làm tội. Mỗi lần bắt một người cầm đầu, thì dân càng tức giận thêm. Đến năm 1775, khi lính Anh bắt mấy người cầm đầu nữa, dân kéo nhau ra cứu, lại bị lính Anh giết chết chín người. Việc này như lửa rơi vào thuốc súng, dân tức quá thì nổ, sống chết cũng quyết đuổi được Chính phủ Anh mới thôi.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Cách một năm sau, đến ngày 4 tháng 7 năm 1776 thì cách mệnh được và Mỹ tuyên bố độc lập, và nước Mỹ thành ra nước cộng hoà.

Bây giờ Mỹ có 48 tỉnh và 110.000.000 dân<sup>3</sup>.

*4. ý nghĩa cách mệnh Mỹ với cách mệnh An Nam thế nào ?*

1. Chính sách Pháp đối với An Nam bây giờ xấu hơn Anh đối với Mỹ trước, vì Pháp đã vơ vét hết của cải dân ta, đã ngăn cấm dân ta làm việc này việc khác; nó lại bắt dân ta hút thuốc phiện và uống rượu. Anh chỉ ham tiền Mỹ, Pháp đã ham tiền lại muốn làm mất nòi, mất giống An Nam đi. Thế mà dân An Nam còn chưa học Mỹ mà làm cách mệnh!

2. Trong lời Tuyên ngôn của Mỹ có câu rằng: "Giời sinh ra ai cũng có quyền tự do, quyền giữ tính mệnh của mình, quyền làm ăn cho sung sướng... Hễ chính phủ nào mà có hại cho dân chúng, thì dân chúng phải đập đổ Chính phủ ấy đi, và gây lên chính phủ khác...".

Nhưng bây giờ chính phủ Mỹ lại không muốn cho ai nói đến cách mệnh, ai đụng đến chính phủ!

3. Mỹ tuy rằng cách mệnh thành công đã hơn 150 năm nay, nhưng công nông vẫn cứ cực khổ, vẫn cứ lo tính cách mệnh lần thứ hai.

Ấy là vì cách mệnh Mỹ là cách mệnh tư bản, mà cách mệnh tư bản là chưa phải cách mệnh đến nơi.

Chúng ta đã hy sinh làm cách mệnh, thì nên làm cho đến nơi, nghĩa là làm sao cách mệnh rồi thì quyền giao cho dân chúng số nhiều, chớ để trong tay một bọn ít người. Thế mới khỏi hy sinh nhiều lần, thế dân chúng mới được hạnh phúc.

## ***Cách mệnh Pháp***

### *1. Vì sao Pháp có phong trào cách mệnh ?*

Hồi thế kỷ thứ XVIII, vua thì kiêu xa dâm dật; quý tộc và bọn cố đạo thì hoành hành; thuế nặng dịch phiền, dân tình khốn khổ.

Phần thì Canada và Ấn Độ, nguyên là thuộc địa Pháp, nay bị Anh vơ mất.

Phần thì những người học thức như ông Môngtexkiơ (1755), Vôn-te và Rút-xô (1778) tuyên truyền chủ nghĩa tự do bình đẳng.

Phần thì phong trào cách mệnh Anh (ông Krôm-ven chém vua Anh và lập cộng hoà chính phủ năm 1653) còn mới, và phong trào dân chủ Mỹ (1776) vừa qua.

Nhất là vì tư bản mới bị tụi phong kiến ngăn trở, dân thì bị vua, quý tộc và cố đạo áp bức. Vậy nên tư bản mới liên hiệp với học trò, dân cày và người thợ để phá phong kiến.

### *2. Cách mệnh Pháp khởi từ bao giờ ?*

Vua thấy dân chộn rộn, thì bắt bớ những người tuyên truyền và tổ chức. Dân thấy vậy thì tức quá, đến ngày 14 tháng 7 năm 1789 kéo nhau đến phá khám lớn (Bax-ti). Vua đem lính về giữ kinh đô; dân lại tổ chức cách mệnh đội để phòng chống lại, vua lui ra ở tại tỉnh Véc-xây.

Ngày 5 tháng 10 năm ấy, thợ thuyền đàn bà con gái Pari kéo nhau đến Véc-xây bắt vua về khai hội, và ký tờ tuyên ngôn:

## HUỶNH ÁI TÔNG

1. Là bỏ chế độ phong kiến, giải phóng nông nô.
2. Là đem của các nhà thờ đạo làm của Nhà nước.
3. Là cho dân tự do làm báo, tổ chức, vân vân.
4. Là lập hiến pháp, nghĩa là vua không được chuyên quyền.

1792, vì vua cầu cứu với ngoại quốc và thông với bọn phản cách mệnh, dân mới bỏ vua mà lập ra cộng hoà.

1793, ngày 21 tháng 1 làm án vua và vợ con vua là phản quốc tặc, rồi đem ra chém.

### *3. Các nước âu châu đối với cách mệnh Pháp thế nào ?*

Dân các nước thì đều mừng thầm và tán thành. Nhưng vua và quý tộc các nước thì sợ dân mình bắt chước dân Pháp, cho nên bên ngoài chúng nó liên binh đánh cách mệnh mà bên trong thì giúp cho tụi phản cách mệnh.

Dân Pháp tuy lương thực ít, súng ống thiếu, nhưng chỉ nhờ gan cách mệnh mà trong dẹp nội loạn, ngoài phá cường quyền. Hồi ấy lính cách mệnh gọi là "lính không quần", người không có nón, kẻ không có giày, áo rách quần tua, mặt gầy bụng đói. Thế mà lính ấy đến đâu, thì lính ngoại quốc thua đấy, vì họ gan liều hy sinh quá, không ai chống nổi.

Thế thì biết: một người cách mệnh có gan, hơn một ngàn người vô chí.

### *4. Pháp cách mệnh đến mấy lần ?*

Năm 1792 đến 1804 Cộng hoà lần thứ nhất. Năm 1804 Napôlêông phản cách mệnh lên làm hoàng đế.

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Năm 1814 các nước đánh Napôlêông thua rồi đem dòng vua cũ lên ngôi đến 1848.

Năm 1848 lại cách mệnh lần thứ hai.

Năm 1852 cháu Napôlêông lại phản cách mệnh lên làm vua.

Năm 1870 nhân thua Đức, Napôlêông thứ ba bỏ chạy, Pháp lại lập lên Cộng hoà lần thứ ba.

### 5. *Pari Công xã (Commune de Paris) là gì ?*

Năm 1871 vua Pháp thua chạy rồi, lính Đức tới vây kinh đô Pháp là Pari. Tư bản Pháp cắt hai tỉnh cúng cho Đức để cầu hoà. Vì giặc già mà chết nhiều người, hại nhiều của. Dân không bánh ăn, thợ không công làm. Ngày 18 tháng 3, thợ thuyền Pari nổi lên làm cách mệnh cộng sản (Công xã).

Vì thợ thuyền còn non nớt, tổ chức không khéo, vả lại Đức giúp cho tư bản Pháp đánh lại thợ thuyền, nên cuối tháng 5 thì cách mệnh thất bại.

### 6. *Mục đích Công xã ấy thế nào ?*

Khi vừa lấy được Pari rồi, thì Công xã lập lên chính phủ dân và tuyên bố rằng Công xã sẽ thực hành những việc này:

- 1- Bao nhiêu cơ quan sinh sản riêng đều đem làm của công.
- 2- Tất cả trẻ con trong nước, bất kỳ con trai con gái, đều phải đi học. Học phí Nhà nước phải cho.
- 3- Dân có quyền tự do tổ chức, làm báo, khai hội, xuất dương, v.v..

## HUỶNH ÁI TÔNG

4- Bất kỳ đàn ông đàn bà, ai cũng được quyền chính trị, tuyền cử và ứng cử.

5- Chính phủ tự dân cử lên, và dân có quyền thay đổi Chính phủ.

### 7. *Kết quả Công xã ra thế nào ?*

Tư bản Pháp khi ấy như nhà cháy hai bên, bên thì Đức bắt chịu đầu, bên thì cách mệnh nổi trước mắt. Tư bản Pháp thế chịu nhục với Đức, chứ không chịu hoà với cách mệnh. Đức thấy cách mệnh cũng sợ, cho nên hết lòng giúp tư bản Pháp đánh lại cách mệnh. Lúc Pháp vừa hàng, thì Đức bắt bỏ hết lính, chỉ cho 40.000 culít<sup>4</sup> mà thôi. Khi cách mệnh nổi lên, Đức lại cho phép tư bản Pháp thêm lên 100.000 lính để dẹp cách mệnh.

Xem vậy thì hiểu rằng: "Tư bản không có Tổ quốc".

Dẹp được cách mệnh rồi thì tư bản ra sức báo thù. Nó giết hết 30.000 người cả đàn ông, đàn bà, người già, trẻ con. Nó đày 28,000 người. Nó bắt giam 650 đứa trẻ con, 850 người đàn bà, 37.000 người đàn ông.

### 8. *Cách mệnh Pháp đối với cách mệnh An Nam thế nào ?*

a) Trong ba lần cách mệnh, 1789, 1848, 1870, đều vì dân can đảm nhiều, nhưng trí thức ít, cho nên để tư bản nó lợi dụng.

b) Pari Công xã vì tổ chức không khéo và vì không liên lạc với dân cày, đến nổi thất bại.

c) Tư bản nó dùng chữ Tự do, Bình đẳng, Đồng bào để lừa dân, xúi dân đánh đổ phong kiến. Khi dân đánh đổ phong kiến rồi, thì nó lại thay phong kiến mà áp bức dân.



## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

d) Cách mệnh Pháp cũng như cách mệnh Mỹ, nghĩa là cách mệnh tư bản, cách mệnh không đến nơi, tiếng là cộng hoà và dân chủ, kỳ thực trong thì nó tước lộc công nông, ngoài thì nó áp bức thuộc địa. Cách mệnh đã bốn lần rồi, mà nay công nông Pháp hăng còn phải mưu cách mệnh lần nữa mới hòng thoát khỏi vòng áp bức. Cách mệnh An Nam nên nhớ những điều ấy.

*9. Cách mệnh Pháp làm gương cho chúng ta về những việc gì ?*

Cách mệnh Pháp dạy cho chúng ta:

1. Dân chúng công nông là gốc cách mệnh, tư bản là hoạt đầu<sup>5</sup>, khi nó không lợi dụng được dân chúng nữa, thì nó phản cách mệnh.
2. Cách mệnh thì phải có tổ chức rất vững bền mới thành công.
3. Đàn bà trẻ con cũng giúp làm việc cách mệnh được nhiều.
4. Dân khí mạnh thì quân lính nào, súng ống nào cũng không chống lại.
5. Cách mệnh Pháp hy sinh rất nhiều người mà không sợ; ta muốn làm cách mệnh thì cũng không nên sợ phải hy sinh.

\*\*\*

### ***Lịch sử Cách mệnh Nga***

*1. Nguyên do cách mệnh Nga từ đâu ra ?*

Nga là một nước rất rộng, nửa nằm về châu á, nửa nằm về châu Âu. Dân Nga hơn 90 phần là dân cày, không đầy 10 phần là thợ thuyền. Khi trước theo chế độ nông nô, nghĩa là bao nhiêu đất ruộng và dân cày đều ở dưới quyền địa chủ. Địa chủ xem

## HUỶNH ÁI TÔNG

nông nô như súc vật, nó cho sống được sống, nó bắt chết phải chết, khi nó cần tiền, thì nó đem nông nô đi bán như bán trâu bán bò. Nông dân không được bỏ xứ này qua xứ khác.

Chùng nửa thế kỷ thứ XIX , tư bản mới hơi phát đạt, nó vừa mở lò máy, nó cần người làm công, nó mới vận động bỏ chế độ nông nô để cho dân cày tới làm với nó, đến năm 1861, chế độ nông nô mới bỏ.

Tư bản mới và địa chủ từ đây mới sinh hiềm khích to, mà phong trào cách mệnh công nông cũng từ đây mọc ra.

### 2. Nông nô được giải phóng rồi thì làm gì ?

Được giải phóng rồi, người thì ra thành phố làm công, người thì ở lại làm ruộng.

Đi làm công thì tiền công ít, giờ làm nhiều, phải làm nô lệ cho tư bản, ở lại cày thì đất ruộng ít, trâu bò thiếu, phải chịu lòn tụi phú gia. Dân tiếng tự do tuy được, kỳ thực cứ kiếp nô lệ: người thợ thì cực khổ, dân cày cũng chẳng sướng hơn.

Những người có lòng cách mệnh thì lập ra đảng để liên hiệp dân cày lại, nhưng mà không chú ý đến thợ thuyền.

Năm 1875 mới có đảng cách mệnh gọi là "Công nhân giải phóng". Năm 1878 lại có một đảng mới gọi là "Công đảng"

Nhưng hai đảng ấy người ít sức hèn, lại bị chính phủ bắt bớ nhiều, sau hoá ra đảng kịch liệt, chỉ lo đi ám sát vua và các quan.

### 3. Kết quả hai đảng ấy ra thế nào ?

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

ám sát là làm liều, và kết quả ít, vì giết thẳng này còn thẳng khác, giết sao cho hết? Cách mệnh thì phải đoàn kết dân chúng bị áp bức để đánh đổ cả cái giai cấp áp bức mình, chứ không phải chỉ nhờ năm, bảy người giết hai, ba anh vua, chín, mười anh quan mà được. Hai đảng ấy tuy hy sinh hết nhiều người, làm được nhiều sự ám sát oanh liệt, nhưng vì đi sai đường cách mệnh, không có sức dân chúng làm nền, cho nên bị chính phủ trị mãi đến nổi tan.

Năm 1883, ông Plékhanốp lập nên đảng "Lao động tự do". Đảng này tổ chức theo cách ông Mã Khắc Tư<sup>6</sup> dạy, nghĩa là liên hiệp cả dân cày và thợ thuyền làm cả kinh tế và chính trị cách mệnh.

### 4. Đảng này làm việc cách mệnh thế nào ?

Đảng này lấy thợ thuyền làm cốt cách mệnh, và dân cày phụ vào.

Làm việc rất bí mật.

Ở Nga, ma tà, mật thám nhiều quá, nên cơ quan đảng phải lập ở ngoại quốc (Luân Đôn).

Năm 1894, ông Lênin vào đảng.

Năm 1898, đảng khai hội một lần trong nước, chẳng may chính phủ dò ra, bắt hết nhiều đảng viên. Tuy đảng viên, bị bắt, nhưng lời tuyên ngôn của Đảng đã truyền khắp cả nước, cho nên phong trào cách mệnh càng ngày càng cao. Những người chưa bị bắt thì hết sức bí mật tuyên truyền và tổ chức.

Ít lâu đổi tên là "Xã hội dân chủ Đảng", sau lại đổi tên ra "Cộng sản Đảng".

## HUỶNH ÁI TÔNG

Năm 1904 - 1905, Nga với Nhật đánh nhau, nhân lúc dân tình xục rục, đảng ra sức vận động cách mệnh,

### 5. Sao mà biết dân tình xục rục mà vận động ?

a) Trước khi đánh Nhật, vua phỉnh tư bản xuất tiền, lừa họ rằng đánh được thì kinh tế sẽ phát đạt, và tư bản sẽ được lợi to Sau đánh thua thì tư bản mất tiền nhiều mà chẳng được gì cho nên oán vua.

b) Thợ thuyền ghét vua đã sẵn nay vì đánh thua lại bị áp bức thêm, lại thêm ghét vua.

c) Dân cày ghét vua xưa nay, bây giờ đi lính chết chóc nhiều, vả lại thuế má nặng thêm, lòng ghét vua cũng càng ngày càng to,

Ba hạng ấy mục đích tuy khác nhau, nhưng lòng ghét vua thì như nhau. Đảng biết vậy thì vận động cách mệnh đuổi vua.

### 6. Lúc bấy giờ vua xử trí thế nào ?

Vua biết thợ thuyền là hăng hái cách mệnh nhất, thì đặt cách làm cho tư bản, dân cày và thợ thuyền rời nhau. Nó xúi một người cố đạo ra tổ chức công hội, một là để lung lạc thợ thuyền, hai là để dò ai hăng hái thì bắt.

Ngày 9 tháng 1 năm 1905, anh cố đạo ấy (tên là Gapông) đem thợ thuyền đến chỗ vua ở thỉnh nguyện. Vì anh ta quen báo trước, và vì vua thấy đông người thì sợ bạo động, nên sai lính ra dẹp, bắn chết mất nhiều người. Gapông bỏ chạy ra ngoại quốc. Thợ thuyền các tỉnh nghe tin ấy thì bãi công và bạo động, lập ra công nhân hội nghị.

Cách mệnh chống nhau với vua và chính phủ từ tháng 1 đến tháng 10. Vua một đường thì dùng lính dẹp cách mệnh, một

HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975  
đường thì giả tuyên bố lập ra nghị viện cho đại biểu dân bàn  
việc nước.

*7. Vì sao cách mệnh 1905 thua ?*

1. Vì khi đầu tư bản muốn lợi dụng thợ thuyền đập đổ vua; sau nó thấy thợ thuyền hăng hái quá, nó sợ đập vua rồi lại đập cả nó, cho nên nó phản thợ thuyền mà giúp cho vua.

2. Vì thợ thuyền với dân cày không nhất trí. Khi thợ thuyền nổi lên thì dân cày không theo ngay. Thợ thuyền thua rồi, dân cày mới nổi lên, để cho vua nó trị thợ thuyền rồi nó trở qua trị dân cày.

3. Thợ thuyền chưa có kinh nghiệm nhiều, và tổ chức chưa hoàn toàn.

4. Chưa vận động lính và súng ống khí giới của dân ít quá

*8. Cách mệnh 1905 thất bại, thợ thuyền và đảng có ngã lòng không ?*

Không. Trải qua lần thất bại ấy, đảng nghiên cứu lại, phê bình lại, sai lầm ở đâu, vì sao mà thất bại? Biết rõ ràng những chỗ khuyết điểm mà sửa sang lại. Cũng như rèn một con dao, thử cắt mới biết chỗ nào sắc, chỗ nào cùn; sau cứ theo chỗ cùn mà mài, con dao mới tốt.

Nhờ chuyên thất bại 1905, thợ thuyền mới hiểu rằng: một là phải tổ chức vững vàng, hai là phải liên lạc với dân cày ba là phải vận động lính, bốn là không tin được tụi đề huề, năm là biết tư bản và vua cùng là một tụi, muốn đuổi vua thì phải đuổi cả tư bản.

Cách mệnh 1905 thất bại làm gương cho cách mệnh 1917 thành công.

## HUỶNH ÁI TÔNG

### 9. Lịch sử cách mệnh 1917 thế nào ?

Cách mệnh 1917 có mấy cơ sau này:

1. Khi Âu chiến, đế quốc chủ nghĩa Anh và Pháp lợi dụng vua Nga đánh lại Đức. Nhưng vua Nga lười thôi, tiêu hết nhiều tiền, chết hết nhiều lính, tất bị Đức đánh thua mãi. Các đế quốc chủ nghĩa ấy giận và giúp cho tư bản đẩy vua đi.

2. Tư bản giận vua chỉ tin dụng bọn quý tộc cầm binh quyền, bọn quý tộc lại vô tài, đánh đâu thua đó. Vả tư bản bên Nga phần nhiều là chung với tư bản Anh và Pháp; nếu Nga thua Đức, thì chẳng những tư bản Nga, mà tư bản Anh và Pháp cũng nguy; và nếu cứ để vua thì chắc thua. Vậy nên tư bản cũng muốn đẩy vua.

3. Thợ thuyền và dân cày đối với vua như đối với thù địch đã đành.

4. Bọn hoạt đầu nhân cơ hội ấy, thì lợi dụng hai bọn này đuổi vua cho tư bản Nga và đế quốc chủ nghĩa Anh và Pháp. Tư bản và đế quốc chủ nghĩa lại lợi dụng bọn hoạt đầu.

### 10. Bọn hoạt đầu làm thế nào ?

Nhân dịp lính chết nhiều, dân gian đói khổ, thợ thuyền thất nghiệp, chính phủ lười thôi; bọn hoạt đầu xúi dân rằng bây giờ cách mệnh đuổi vua đi, thì ruộng đất sẽ về dân cày, công xưởng sẽ về người thợ, nhân dân sẽ được quyền chính phủ, chiến tranh sẽ hoá ra hoà bình.

Chẳng ngờ lúc tháng 2 đuổi vua đi rồi, tụi hoạt đầu và tụi tư bản lên cầm chính quyền, bao nhiêu lời nguyện ước chúng nó quên hết. Chúng nó cứ bắt lính đi đánh, ruộng đất cứ ở tay địa chủ, lò máy cứ ở tay nhà giàu; công nông cũng không được dự vào chính phủ.

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

### 11. Sao Đảng Cộng sản không ra tay làm ?

Khi cách mệnh đuổi vua, Đảng Cộng sản vẫn đứng đầu dân chúng. Nhưng lúc ấy đảng viên hăng còn ít, và hoàn cảnh chưa đến, nên chưa giựt lấy chính quyền.

Cách mệnh xong lúc tháng 2. Từ tháng 2 đến tháng 4, dân nhiều người còn tưởng rằng chính phủ mới chưa kịp thi hành những việc lợi dân, vì chưa có thì giờ.

Đến tháng 4 thì ông Lênin và nhiều đồng chí ở ngoại quốc về. Từ tháng 4 đến tháng 11, chính phủ mới thì mỗi ngày mỗi lộ mặt phản cách mệnh ra. Còn đảng viên cộng sản phần thì đi tuyên truyền cho dân rằng: "Đấy, các anh xem đấy, tội hoạt đầu là thầy tớ của tư bản và đế quốc chủ nghĩa, chúng nó chẳng hơn gì vua...", làm cho ai cũng oán chính phủ mới, phần thì lòn vào nông, công, binh, tổ chức bí mật để thực hành cộng sản cách mệnh.

### 12. Cộng sản cách mệnh thành công bao giờ ?

Cuối tháng 10, đâu cũng có tổ chức cả rồi, ai cũng muốn cử sự. Nhưng ông Lênin bảo: "Khoan đã! Chờ ít bữa nữa cho ai ai cũng phản đối chính phủ, lúc ấy sẽ cử sự". Đến ngày 5 tháng 11, chính phủ khai hội để ban bố phép luật mới, mà phép luật ấy thì lợi cho tư bản mà hại cho công, nông. Ông Lênin nói với đảng viên rằng: mồng 6 cử sự thì sớm quá, vì dân chưa biết hết luật lệ xấu ấy, mà chưa biết luật lệ ấy thì chưa ghét chính phủ lắm. Mồng 8 cử sự thì muộn quá vì khi ấy thì chính phủ đã biết rằng dân oán và đã phòng bị nghiêm ngặt rồi.

Quả nhiên ngày mồng 7 Đảng Cộng sản hạ lệnh cách mệnh, thì thợ thuyền ào đến vây chính phủ, dân cày ào đến đuổi địa chủ. Chính phủ phái lính ra dẹp, thì lính ùa theo thợ thuyền mà trở lại đánh chính phủ.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Từ bữa ấy, chính phủ hoạt đầu bỏ chạy, Đảng Cộng sản cầm quyền, tổ chức ra chính phủ công, nông, binh, phát đất ruộng cho dân cày, giao công xưởng cho thợ thuyền, không bắt dân đi chết cho tư bản và đế quốc chủ nghĩa nữa, ra sức tổ chức kinh tế mới, để thực hành chủ nghĩa thế giới đại đồng.

### 13. Cách mệnh Nga đối với cách mệnh An Nam thế nào ?

Trong thế giới bây giờ chỉ có cách mệnh Nga là đã thành công, và thành công đến nơi, nghĩa là dân chúng được hưởng cái hạnh phúc tự do, bình đẳng thật, không phải tự do và bình đẳng giả dối như đế quốc chủ nghĩa Pháp khoe khoang bên An Nam. Cách mệnh Nga đã đuổi được vua, tư bản, địa chủ rồi, lại ra sức cho công, nông các nước và dân bị áp bức các thuộc địa làm cách mệnh để đập đổ tất cả đế quốc chủ nghĩa và tư bản trong thế giới.

Cách mệnh Nga dạy cho chúng ta rằng muốn cách mệnh thành công thì phải dân chúng (công nông) làm gốc, phải có đảng vững bền, phải bền gan, phải hy sinh, phải thống nhất. Nói tóm lại là phải theo chủ nghĩa Mã Khắc Tư và Lênin.

.....

Trích thơ:

### **Ngắm trăng**

*Trong tù không rượu cũng không hoa  
Cảnh đẹp đêm nay khó hững hờ  
Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ  
Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ.*

### **Tức cảnh Pác Bó**



HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

*Sáng ra bờ suối tối vào hang  
Cháo bẹ rau măng vẫn sẵn sàng  
Bàn đá chông chênh dịch sử Đảng  
Cuộc đời cách mạng thật là sang .*

**Cảnh khuya**

*Tiếng suối trong như tiếng hát xa  
Trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa  
Cảnh khuya như vẽ người chưa ngủ  
Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà.*

Trích tập thơ *Ngục trung nhật ký*:

**入靖西縣獄**

獄中舊犯迎新犯  
天上晴雲逐雨雲  
晴雨浮雲飛去了  
獄中留住自由人

**Nhập Tĩnh Tây huyện ngục**

Ngục trung cựu phạm nghênh tân phạm  
Thiên thượng tinh vân trục vũ vân  
Tinh vũ phù vân phi khứ liễu  
Ngục trung lưu trú tự do nhân

**Vào nhà ngục huyện Tĩnh Tây** (Người dịch: Không rõ)

*Trong lao tù cũ đón tù mới,  
Trên trời mây tạnh đuổi mây mưa;  
Tạnh, mưa, mây nổi bay đi hết,  
Còn lại trong tù khách tự do.*

HUỶNH ÁI TÔNG  
南寧獄

監房建築頂摩登  
澈夜輝煌照電燈  
因為每餐惟有粥  
使人肚子戰兢兢

**Nam Ninh ngục**

Giam phòng kiến trúc đỉnh "ma-đăng"  
Triệt dạ huy hoàng chiếu điện đăng  
Nhân vị mỗi xan duy hữu chúc  
Sử nhân đồ tử chiến căng căng.

**Nhà ngục Nam Ninh** (Nam Trân dịch)

*Nhà lao xây dựng kiểu tân thời,  
Đèn điện thâu đêm sáng rực trời;  
Nhưng mỗi bữa ăn lưng bát cháo,  
Cho nên cái bụng cứ rên hoài.*

黃昏

風如利劍磨山石  
寒似尖鋒刺樹枝  
遠寺鐘聲催客步  
牧童吹笛引牛歸

**Hoàng hôn**

Phong như lợi kiếm ma sơn thạch,  
Hàn tự tiêm phong thính thụ chi;  
Viễn tự chung thanh thôi khách bộ,  
Mục đồng xuy địch dẫn ngưu quy.

HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975  
**Hoàng hôn** (Nam Trân dịch)

*Gió sắc tựa gươm mài đá núi,  
Rét như dùi nhọn chích cành cây;  
Chùa xa chuông giục người nhanh bước,  
Trẻ dẫn trâu về tiếng sáo bay.*

**結論**

幸晤英明侯主任  
而今又是自由人  
獄中日記從今止  
深謝侯公再造恩

**Kết luận**

Hạnh ngộ anh minh Hầu Chủ nhiệm,  
Nhi kim hựu thị tự do nhân;  
Ngục trung nhật ký tòng kim chi,  
Thâm tạ Hầu công tái tạo ân.

**Kết luận** (Khương Hữu Dụng dịch)

*Sáng suốt, nhờ ơn Hầu chủ nhiệm,  
Tự do trở lại với mình rồi;  
Ngục trung nhật ký từ đây dứt,  
Tái tạo ơn sâu, cảm tạ người.*

**Thơ chúc Tết năm 1969 (Kỷ Dậu)**

*Năm qua thắng lợi vẻ vang,  
Năm nay tiền tuyến chắc càng thắng to.  
Vì độc lập, vì tự do,  
Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào.*

# HUYỀN ÁI TÔNG

Tiến lên! Chiến sĩ, đồng bào,  
Bắc-Nam sum họp, xuân nào vui hơn!

## DI CHÚC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

"Văn kiện chính ta, Bắc Hồ có đi lại cho Đảng ta, cho toàn thể đồng bào và chiến sĩ hai miền Nam Bắc ngày hôm đi chiến đấu rồi. Đó là những lời căn dặn cuối cùng của Bắc, là những tình cảm và niềm tin của Bắc đối với chúng ta ngày nay và các thế hệ mai sau."  
(Điêu văn của Ban chấp hành trung ương Đảng Lao động Việt Nam)

10/9/69

Chào anh Mỹ, chào mẹ và anh em  
những người bạn thân yêu, bằng tình cảm thân ái  
và lòng tin tưởng vô hạn trong lời chào trân trọng,  
Đó là 1 điều chắc chắn.  
Tôi có ý định đến ngày tới, tôi sẽ đi khám  
2 miền Nam Bắc, để thăm hỏi đồng bào, chiến  
sĩ và chiến sĩ, thăm hỏi các cơ quan báo, các  
chính quyền và những đơn vị quân sự ở địa phương  
kể theo đó, tôi sẽ thấy một nhà gần là tới  
thôn xóm và còn ở các nước anh em trong  
x. l. c. nữa, và các mặt bầu bạn của tôi tôi  
sống hồ sẽ gặp tôi ở địa phương cũng như ở đây, và  
mỗi một nhà gần ta

Ông Đỗ Phủ là một nhà thơ nổi tiếng ở Trung Quốc,  
thời nhà Đường. Là nhà thơ, nhà sinh thái học có lời  
hay, ngắn gọn "hệ thống 70, hôm nay hôm nay".  
Hôm nay, tôi vừa 70 tuổi, đã là "người" "hôm  
nay hôm nay" nhưng tuổi thơ, tôi học và sống  
một nhà thơ, ông Đỗ Phủ, là bạn bè với các  
mặt khác ông. Ông Đỗ Phủ cũng là một nhà thơ. Khi  
ông ta đã ngoài 70 tuổi, thì tuổi tác càng cao,  
sức khỏe càng yếu.  
Ông Đỗ Phủ đã viết bài thơ "Tôi còn phụ vợ C. M., phụ vợ tôi ở quê"  
phụ vợ ở quê thật là buồn cười?  
Ở vùng quê đó anh em tôi nay, đang khi tôi ở quê thì  
gặp vợ anh em, vợ anh em và các cô, em. Anh em  
thật là vui vẻ, mình ở quê thì cũng rất là vui vẻ.  
Đó là một nhà thơ thật đấy."

03/14/20

Văn của Hồ Chí Minh với bút pháp giản dị, câu văn sáng sủa nhờ đó lôi kéo được người đọc bình dân, thơ ông cũng vậy, lời chẳng cầu kỳ, tứ càng giản dị người đọc thường thức được, am hiểu được nhờ đó tác động càng sâu rộng trong giới nông, công, thương.

Tài liệu tham khảo:

- Hồ Chí Minh Web: vi.wikipedia.org
- Thơ Hồ Chí Minh Web: thivien.net
- Nhân Văn Giai Phẩm Web: nhanvangiaipham.free.fr/

2) Trường Chinh



**Trường Chinh - Đặng Xuân Khu (1907-1988)**

Ông tên thật là Đặng Xuân Khu, sinh ngày 9 tháng 2 năm 1907, ở thôn Hành Thiện, xã Xuân Hồng, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định. Cụ nội ông là cụ Đặng Xuân Bảng, đỗ Tiến sĩ tam giáp đệ nhất danh năm 1856. Thân phụ ông là cụ Đặng Xuân Viện, là một nhà nho không thành đạt trong đường khoa bảng, là một thành viên trong nhóm Nam Việt đồng thiên hội, là người biên soạn bộ Minh đô sử (gồm 100 quyển đóng thành sách).

Do truyền thống gia đình, được sự giáo dục của thân phụ, từ nhỏ, ông đã làm quen với Tứ thư, Ngũ kinh, thơ Đường và được đào tạo bài bản về văn hóa và lịch sử theo truyền thống Nho học. Khi lớn lên, ông bắt đầu tiếp xúc Tây học và theo học bậc Thành chung tại Nam Định.

Chịu ảnh hưởng tinh thần yêu nước của thân phụ, từ năm 1925, khi còn là còn học ở bậc Thành Chung, ông đã tham gia phong trào đấu tranh đòi ân xá cho Phan Bội Châu, lãnh đạo cuộc bãi khóa ở Nam Định để truy điệu Phan Chu Trinh. Năm 1926, ông bị trường đuổi học.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Năm 1927, ông chuyển lên Hà Nội, tiếp tục học ở trường Cao đẳng

Thương mại và tham gia Việt Nam Thanh niên Cách mạng Đồng chí Hội. Năm 1929, ông tham gia cuộc vận động thành lập Đông Dương Cộng sản Đảng ở Bắc Kỳ và trở thành một trong những đảng viên đầu tiên của đảng này.

Năm 1930, ông được chỉ định vào Ban tuyên truyền cổ động Trung ương của Đảng Cộng sản Đông Dương. Cuối năm này, ông bị Pháp bắt và kết án 12 năm tù và đày đi Sơn La, đến năm 1936 được trả tự do.

Giai đoạn 1936–1939, ông là Xứ Ủy viên Bắc Kỳ cùng Hoàng Văn Thụ và Hoàng Quốc Việt, đại biểu của Đảng Cộng sản Đông Dương trong Ủy ban Mặt trận Dân chủ Bắc Kỳ. Năm 1940, ông được cử làm chủ bút báo *Cờ giải phóng*, cơ quan của Xứ ủy Bắc Kỳ, kiêm phụ trách các tờ báo tiếng Pháp như *Le Travail*, *Rassemblement*, *En Avant* và báo *Tin tức*.

Tại Hội nghị Trung ương 7 họp tại làng Đình Bảng, Từ Sơn, Bắc Ninh từ ngày 6 đến ngày 9 tháng 11 năm 1940, ông được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương cùng Hoàng Văn Thụ, Hoàng Quốc Việt và được cử làm Quyền Tổng Bí thư Đảng thay Nguyễn Văn Cừ.

Tháng 5 năm 1941, tại Hội nghị Trung ương 8 họp tại Cao Bằng, ông được bầu làm Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Đông Dương, kiêm Trưởng Ban tuyên huấn Trung ương. Năm 1943, ông bị thực dân Pháp kết án tử hình vắng mặt.

Tháng 3 năm 1945, ông triệu tập và chủ trì Hội nghị Thường vụ Trung ương ra Chỉ thị nổi tiếng "*Nhật Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta*", xác định thời cơ Tổng khởi nghĩa giành chính quyền. Trong giai đoạn chuẩn bị Cách mạng tháng

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Tám 1945, tại Hội nghị toàn quốc của Đảng do ông chủ trì, ông được cử phụ trách Ủy ban Khởi nghĩa toàn quốc.

Cuối năm 1945, nhằm mục đích tránh những bất lợi về chính trị và tạo điều kiện thuận lợi hơn trong chỉ đạo phong trào Việt Minh, Đảng Cộng sản Đông Dương rút vào hoạt động bí mật nên tuyên bố tự giải tán, chuyển thành *Hội nghiên cứu chủ nghĩa Mác ở Đông Dương* do ông làm Hội trưởng.

Khi cuộc cuộc kháng chiến toàn quốc nổ ra năm 1946, để xác định mục tiêu và cổ vũ tinh thần cho những người kháng chiến, ông đã viết loạt bài báo nổi tiếng với tựa đề "*Kháng chiến nhất định thắng lợi*", đăng trên báo "Sự thật" từ số 70 (4 tháng 3 năm 1947) đến số 81 (1 tháng 8 năm 1947). Đại tướng Võ Nguyên Giáp nhận định: "*Bác Hồ là linh hồn của cuộc kháng chiến chống Pháp, nhưng đề ra đường lối cụ thể, chỉ đạo cụ thể về lý luận với cuốn Kháng chiến nhất định thắng lợi, là do anh Trường Chinh*".

Năm 1951, tại Đại hội lần thứ 2 của Đảng, đổi tên thành Đảng Lao động Việt Nam, ông được bầu lại vào Ban chấp hành Trung ương và giữ chức Tổng Bí thư cho đến tháng 10 năm 1956.

Năm 1953, giữa lúc Quân đội Nhân dân Việt Nam bắt đầu chiếm ưu thế trên chiến trường, ông được cử làm Trưởng ban cải cách ruộng đất Trung ương. Cuộc cải cách ban đầu có những kết quả nhất định khi chỉ thực hiện việc tịch thu tài sản, đất đai của những người bị xem là "phản quốc" (theo Pháp, chống lại đất nước), "phản động" (chống lại chính quyền) và chia cho bần nông, cố nông. Chính việc cải cách này đã góp một phần không nhỏ nâng cao sự ủng hộ của dân chúng để dốc toàn lực cho trận chiến quyết định

Tuy nhiên, sau khi nắm được quyền kiểm soát miền Bắc, dưới áp lực của các cố vấn Trung Quốc, cuối năm 1954, chiến dịch

## HUỶNH ÁI TÔNG

cải cách ruộng đất bắt đầu được đẩy mạnh và nhanh, với cường độ lớn. Từ giữa năm 1955 ở một số nơi đã xuất hiện hiện tượng đấu tố tràn lan, mất kiểm soát. Nhiều người bị quy tội sơ sài là "địa chủ, tư sản bóc lột" và bị xử tử hình hay tù khổ sai. Nhiều trường hợp lạm quyền của các cán bộ đội viên đội công tác ruộng đất trong công tác đất đai, dẫn đến trả thù cá nhân, thậm chí bùng phát bạo lực, dẫn đến nhiều cái chết oan ức.

Là người lãnh đạo cao nhất của Cải cách ruộng đất, tất nhiên ông phải gánh phần nặng nhất. Tháng 9 năm 1956, trong Hội nghị Trung ương về vấn đề sửa sai cải cách ruộng đất, ông phải từ chức Tổng Bí thư. Sau đó ông đứng đầu chỉ đạo công tác sửa sai.

Năm 1958, ông được bổ nhiệm làm Phó Thủ tướng kiêm Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học Nhà nước.

Năm 1960, ông lại được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Quốc hội cho đến năm 1981.

Năm 1981, ông được Quốc hội bầu làm Chủ tịch Hội đồng Nhà nước, Chủ tịch Hội đồng Quốc phòng nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Ngày 14 tháng 7 năm 1986, tại Hội nghị đặc biệt Ban Chấp hành Trung ương, ông được bầu làm Tổng Bí thư Đảng cộng sản Việt Nam thay cho Lê Duẩn vừa mất.

Tháng 12 năm 1986, tại Đại hội Đảng lần thứ VI, ông rút khỏi các chức vụ quan trọng của Đảng và Nhà nước và được cử làm Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Ông đã giữ các chức vụ quan trọng trong hệ thống chính trị của Việt Nam như Tổng bí thư của Đảng Cộng sản Việt Nam, là nhân vật duy nhất hai lần giữ chức Tổng Bí thư, Chủ tịch Hội



HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975  
đồng Nhà nước và Chủ tịch Quốc hội Việt Nam. Ông còn là  
một nhà thơ với bút danh Sóng Hồng.

Ông được Nhà nước Việt Nam tặng Huân chương Sao vàng và  
nhiều Huân chương khác. Ông qua đời ngày 30 tháng 9 năm  
1988 do tai nạn bất ngờ, thọ 81 tuổi.

Tác phẩm:

- *Vấn đề dân cày* (viết chung với Võ Nguyên Giáp) (1938)
- *Đề cương văn hóa Việt Nam* (1943)
- *Nhật Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta* (tháng 3 năm 1945)
- *Cách mạng Tháng Tám* (1946)
- *Kháng chiến nhất định thắng lợi* (1947)
- *Chủ nghĩa Mác và vấn đề văn hóa Việt Nam* (1948)
- *Bàn về cách mạng Việt Nam* (1951)
- *Thơ Sóng Hồng*, tập I (1960), tập II (1974)

Trích văn:

## ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HOÁ VIỆT NAM

(Năm 1943 của T.U.)

### CÁCH ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Phạm vi vấn đề: Văn hoá bao gồm cả tư tưởng, học thuật, nghệ thuật.
2. Quan hệ giữa văn hoá và kinh tế, chính trị: nền tảng kinh tế của một xã hội và chế độ kinh tế dựng trên nền tảng ấy quyết định toàn bộ văn hoá của xã hội kia (hạ tầng cơ sở quyết định thượng tầng kiến trúc).
3. Thái độ Đảng Cộng sản Đông Dương đối với vấn đề văn

## HUỶNH ÁI TÔNG

hoá:

- a) Mặt trận văn hoá là một trong ba mặt trận (kinh tế, chính trị, văn hoá) ở đó người cộng sản phải hoạt động.
- b) Không phải chỉ làm cách mạng chính trị mà còn phải làm cách mạng văn hoá nữa.
- c) Có lãnh đạo được phong trào văn hoá, Đảng mới ảnh hưởng được dư luận, việc tuyên truyền của Đảng mới có hiệu quả.

### LỊCH SỬ VÀ TÍNH CHẤT VĂN HOÁ VIỆT NAM

#### 1. Các giai đoạn trong lịch sử văn hoá Việt Nam

- a) Thời kỳ Quang Trung trở về trước: văn hoá Việt Nam có tính chất nửa phong kiến, nửa nô lệ, phụ thuộc vào văn hoá Trung Quốc.
- b) Thời kỳ từ Quang Trung đến khi đế quốc Pháp xâm chiếm, văn hoá phong kiến có xu hướng tiêu tư sản.
- c) Thời kỳ từ Pháp sang xâm chiếm đến nay: văn hoá nửa phong kiến, nửa tư sản và hoàn toàn có tính cách thuộc địa (chú ý phân biệt mấy giai đoạn trong thời kỳ này).

#### 2. Tính chất văn hoá Việt Nam hiện tại: văn hoá Việt Nam hiện nay về hình thức là thuộc địa, về nội dung là tiền tư bản.

Chiến tranh và xu trào văn hoá hiện nay: ảnh hưởng của văn hoá phát xít làm cho tính chất phong kiến, nô dịch trong văn hoá Việt Nam mạnh lên, nhưng đồng thời chịu ảnh hưởng của văn hoá tân dân chủ, xu trào văn hoá mới của Việt Nam đang cố vượt hết mọi trở lực để nảy nở (văn nghệ bất hợp pháp).

### NGUYÊN CƠ CỦA VĂN HOÁ VIỆT NAM DƯỚI ÁCH PHÁT XÍT NHẬT - PHÁP

#### 1. Những thủ đoạn phát xít trói buộc văn hoá và giết chết văn hoá Việt Nam:

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

### a) Chính sách văn hoá của Pháp:

- Đàn áp các nhà văn hoá cách mạng dân chủ chống phát xít.
- Ra tài liệu tổ chức các cơ quan và các đoàn thể văn hoá để nhồi sọ.
- Kiểm duyệt rất ngặt những tài liệu văn hoá.
- Mua chuộc và hăm dọa các nhà văn hoá.
- Mật thiết liên lạc với tôn giáo để truyền bá văn hoá trung cổ, văn hoá ngu dân, v.v..
- Tuyên truyền chủ nghĩa đầu hàng và chủ nghĩa ái quốc mù quáng và hẹp hòi (chauvinisme).
- Làm ra vẻ sẵn sàng đến trí dục, thể dục và đức dục cho dân.

### b) Chính sách văn hoá của Nhật:

- Tuyên truyền chủ nghĩa Đại Đông á.

Gây ra một quan niệm cho người Nhật là cứu tinh của giống da vàng và văn hoá Nhật Bản chiếu rọi những tia sáng văn minh tiến bộ cho các giống nòi Đại Đông á, v.v..

- Tìm hết cách phô trương và giới thiệu văn hoá Nhật Bản (triển lãm, diễn thuyết, đặt phòng du lịch, viện văn hoá, trao đổi du học sinh, mời nghệ sĩ Đông Dương sang thăm nước Nhật, mở báo chí tuyên truyền, tổ chức ca kịch, chiếu bóng ...).
- Đàn áp các nhà văn chống Nhật và mua chuộc các nhà văn có tài.

### 2. Tiền đồ văn hoá Việt Nam: hai ức thuyết:

- Nền văn hoá phát xít (văn hoá trung cổ và nô dịch hoá) thắng thì văn hoá dân tộc Việt Nam nghèo nàn thấp kém.
- Văn hoá dân tộc Việt Nam sẽ do cách mạng dân chủ giải phóng thắng lợi mà được cởi mở xiềng xích và sẽ đuổi kịp văn

## HUỶNH ÁI TÔNG

hoá dân chủ thế giới. Hai ức thuyết, cái nào sẽ trở nên sự thực? Căn cứ vào điều kiện kinh tế, chính trị, xã hội hiện nay, cách mạng dân tộc Việt Nam nhất quyết sẽ làm cho ức thuyết thứ hai trở nên sự thực.

### VẤN ĐỀ CÁCH MẠNG VĂN HOÁ VIỆT NAM

1. Quan niệm của người cộng sản về vấn đề cách mạng văn hoá:

a) Phải hoàn thành cách mạng văn hoá mới hoàn thành được cuộc cải tạo xã hội.

b) Cách mạng văn hoá muốn hoàn thành phải do Đảng Cộng sản Đông Dương lãnh đạo.

c) Cách mạng văn hoá có thể hoàn thành khi nào cách mạng chính trị thành công (cách mạng văn hoá phải đi sau cách mạng chính trị. Những phương pháp cải cách văn hoá đề ra bây giờ chỉ là dọn đường cho cuộc cách mạng triệt để mai sau).

2. Nền văn hoá mà cuộc cách mạng văn hoá Đông Dương phải thực hiện sẽ là văn hoá xã hội chủ nghĩa.

3. Cách mạng văn hoá Việt Nam và cách mạng dân tộc giải phóng:

a) Cách mạng văn hoá ở Việt Nam phải dựa vào cách mạng dân tộc giải phóng mới có điều kiện phát triển.

b) Cách mạng dân tộc giải phóng Việt Nam chỉ có thể trong trường hợp may mắn nhất đưa văn hoá Việt Nam tới trình độ dân chủ và có tính chất dân tộc hoàn toàn độc lập dựng nên một nền văn hoá mới.

c) Phải tiến lên thực hiện cách mạng xã hội ở Đông Dương, gây dựng một nền văn hoá xã hội ở khắp Đông Dương.

4. Ba nguyên tắc vận động cuộc vận động văn hoá nước Việt Nam trong giai đoạn này:

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

a) Dân tộc hoá (chống mọi ảnh hưởng nô dịch và thuộc địa khiến cho văn hoá Việt Nam phát triển độc lập).

b) Đại chúng hoá (chống mọi chủ trương hành động làm cho văn hoá phân lại đông đảo quần chúng hoặc xa đông đảo quần chúng).

c) Khoa học hoá (chống lại tất cả những cái gì làm cho văn hoá trái khoa học, phản tiến bộ).

Muốn cho ba nguyên tắc trên đây thẳng, phải kịch liệt chống những xu hướng văn hoá bảo thủ, chiết trung, lập dị, bi quan, thần bí, duy tâm, v.v.. Nhưng đồng thời cũng phải chống xu hướng văn hoá quá trốn của bọn tởrốtkit.

5. Tính chất của nền văn hoá mới Việt Nam: văn hoá mới Việt Nam do Đảng Cộng sản Đông Dương lãnh đạo chủ trương chưa phải là văn hoá xã hội chủ nghĩa hay văn hoá Xôviết (như văn hoá Liên Xô chẳng hạn).

Văn hoá mới Việt Nam là một thứ văn hoá có tính chất dân tộc về hình thức và tân dân chủ về nội dung. Chính vì thế nó cách mạng nhất và tiến bộ nhất ở Đông Dương trong giai đoạn này.

### NHIỆM VỤ CẦN KÍP CỦA NHỮNG NHÀ VĂN HOÁ MÁC XÍT ĐÔNG DƯƠNG

### VÀ NHẤT LÀ NHỮNG NHÀ VĂN HOÁ MÁC XÍT VIỆT NAM

#### **I- Mục đích trước mắt**

- Chống lại văn hoá phát xít phong kiến, thoái bộ, nô dịch, văn hoá ngu dân và phỉnh dân.

- Phát huy văn hoá tân dân chủ Đông Dương.

#### **II- Công việc phải làm**

a) Tranh đấu về học thuyết, tư tưởng (đánh tan những quan niệm sai lầm của triết học Âu, Á, có ít nhiều ảnh hưởng tai hại ở

## HUỶNH ÁI TÔNG

ta: triết học Khổng, Mạnh, Đêcác (Descartes), Bécông (Bergson), Căng (Kant), Nítơ (Nietzsche), v.v. ; làm cho thuyết duy vật biện chứng và duy vật lịch sử thắng.

b) Tranh đấu về tông phái văn nghệ (chống chủ nghĩa cổ điển, chủ nghĩa lãng mạn, chủ nghĩa tự nhiên, chủ nghĩa tượng trưng, v.v.) làm cho xu hướng tả thực xã hội chủ nghĩa thắng.

c) Tranh đấu về tiếng nói, chữ viết:

1- Thống nhất và làm giàu thêm tiếng nói;

2- ấn định mẹo văn ta;

3- Cải cách chữ quốc ngữ, v.v..

### III- Cách vận động

a) Lợi dụng tất cả khả năng công khai và bán công khai để:

1- Tuyên truyền và xuất bản.

2- Tổ chức các nhà văn.

3- Tranh đấu giành quyền lợi thực tại cho các nhà văn, nhà báo, nghệ sĩ, v.v..

4- Chống nạn mù chữ, v.v..

b) Phối hợp mật thiết phương pháp bí mật và công khai thống nhất mọi hoạt động văn hoá tiên bộ dưới quyền lãnh đạo của đảng vô sản mácxít.

Trích thơ:

### Là thi sĩ

*Nếu "thi sĩ nghĩa là ru với gió,  
Mơ theo trăng và vơ vẩn cùng mây",  
Để tâm hồn treo ngược ở cành cây  
Hay là lướt đi hiu hắt cùng ngọn liễu;*

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Nếu thi sĩ nghĩa là nhẵn với máu,  
Nghĩa là van Thương để rủ lòng thương,  
Hôn bơ vợ lạc lõng ở mười phương,  
Khóc rả rích như ve sầu tháng hạ;  
Nếu thi sĩ vui đầu mài miết tá  
Cặp "tuyệt lê" hồi hộp trước tình yêu,  
Cho cuộc đời là mộng ái cao siêu,  
Chìm đắm ở thương hoa và tiếc ngọc;  
Nếu thi sĩ nghĩa là đem gắm góc  
Phủ lên trên xã hội đã điêu tàn,  
Véo von ca cho át tiếng kêu than  
Của nhân loại cần lao đang giã giũa;  
Thì bạn hỡi, một nhà thơ như rứa  
Là tai ương, chướng họa của nhân quần,  
Nhọc tơ lòng mà phí cả ngày xuân  
Để ca ngợi bất công và tàn ngược;  
Uốn gối trước cường quyền và mong được  
Lượm hương thừa, phân thái để qua ngày;  
Khiến loài người đăm đuối và mê say,  
Sống thoi thóp dưới gông xiềng nô lệ.  
Không, không được! Hỡi các nhà văn nghệ,  
Các nhà thơ yêu dấu của đồng bào,  
Các nhà thơ trong sạch và thanh tao,  
Hoa thơm ngát trong vườn xuân đất Việt!  
Là thi sĩ phải là hồn cao khiết,  
Chí kiên cường và sứ mệnh cao siêu;  
Ca tự do, tiến bộ với tình yêu  
- Yêu nhân loại, hòa bình và công lý -  
Cao giọng hát những bài ca chính khí  
Của anh hùng đã vì nước quên mình,  
Sống quang vinh mà chết cũng quang vinh,  
Của Bãi Sậy, Thái-nguyên và Yên-bái...  
Là thi sĩ nghĩa là theo gió mới  
Tìm ý thơ trên ngọn sóng Bạch - đằng,  
Để tâm hồn dào dạt với Chi-lăng,

## HUỶNH ÁI TÔNG

*Làm bất tử trận Đống - đa oanh liệt,  
Dốc cho hết cả một bầu nhiệt huyết,  
Tươi tâm can đồng loại lúc tàn đông;  
Thả trái tim hòa nhịp với Đô-lương,  
Với Lục-tĩnh, Bắc-sơn và Đình-cả.  
Là thi sĩ nghĩa là cao khúc họa  
Cuộc đấu tranh vĩ đại của hoàn cầu  
Chống hung tàn xâm lược khắp năm châu,  
Trên trái đất dựng cao cờ dân chủ.  
Dùng bút làm đòn chuyển xoay chế độ,  
Mỗi vần thơ: bom đạn phá cường quyền,  
Và lúc cần, quẳng bút lấy long tuyến.*

*Hỡi thi sĩ! Hãy vươn mình đứng dậy!  
Thời rệu nông, đềm gấm đã qua rồi.  
Thôi thôi đừng khóc gió với than mây,  
Hãy nhịp bước trên con đường tiến bộ.  
Dùng thi khúc mà lạnh lòng soi tỏ  
Những bệnh căn xã hội đã tràn đầy;  
Cùng công nông vun xới cuộc tương lai  
Đã chớm nở từ Liên-xô hùng vĩ.*

(Ngoại thành Hà Nội, tháng 6-1942)

*Trường Chinh là nhà lý luận của Đảng Cộng sản Việt Nam, văn ông viết phân tích rõ ràng, dễ đọc nhằm mục đích cho giới thợ thuyền, nông dân có thể đọc và hiểu được nội dung, thơ của ông cũng rung cảm được lòng người, nhưng ông dùng nó để phục vụ chính trị hơn là để diễn tả những rung cảm của thi nhân.*

Tài liệu tham khảo:

- Trường Chinh Web: [vi.wikipedia.org](http://vi.wikipedia.org)
- Trường Chinh Web: [cn.cpv.org.vn](http://cn.cpv.org.vn)



**3) Tố Hữu**



**Tố Hữu - Nguyễn Kim Thành (1920-2002)**

Tố Hữu tên thật là Nguyễn Kim Thành, sinh ngày 4 tháng 10 năm 1920, tại làng Phù Lai, nay thuộc xã Quảng Thọ, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế. Cha ông là một nhà nho nghèo, không đỗ đạt và phải kiếm sống rất chật vật nhưng lại thích thơ, thích sưu tập ca dao tục ngữ. Ông đã dạy Tố Hữu làm thơ cổ. Mẹ ông cũng là con của một nhà nho, thuộc nhiều ca dao dân ca Huế và rất thương con. Cha mẹ đã góp phần nuôi dưỡng tâm hồn thơ Tố Hữu. Mẹ ông mất vào năm ông lên 12 tuổi.

Năm 13 tuổi, ông vào trường Quốc học Huế. Tại đây, được trực tiếp tiếp xúc với tư tưởng của Karl Marx, Friedrich Engels, Vladimir Ilyich Lenin, Maxim Gorky,... qua sách báo, kết hợp với sự vận động của các đảng viên của Đảng Cộng sản Việt Nam bấy giờ là Lê Duẩn, Phan Đăng Lưu, Nguyễn Chí Diểu, Nguyễn Kim Thành sớm tiếp cận với lý tưởng cộng sản. Năm 1936 Ông gia nhập Đoàn thanh niên.

Năm 1938 ông được kết nạp vào Đảng Cộng sản.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Tháng 4 năm 1939, ông bị bắt, bị tra tấn dã man và đày đi nhiều nhà lao.

Cuối 1941, ông vượt ngục về hoạt động bí mật ở huyện Hậu Lộc và thôn Tâm Quy xã Hà Tân huyện Hà Trung Thanh Hóa.

Đến năm 1945, khi Cách mạng tháng Tám bùng nổ, ông được bầu làm Chủ tịch Ủy ban Khởi nghĩa Thừa Thiên - Huế.

Năm 1946, ông là bí thư Tỉnh ủy Thanh Hóa.

Cuối 1947, ông lên Việt Bắc làm công tác văn nghệ, tuyên huấn. Từ đó, ông được giao những chức vụ quan trọng trong công tác văn nghệ, trong bộ máy lãnh đạo Đảng và nhà nước.

Năm 1948: Phó Tổng thư ký Hội Văn nghệ Việt Nam.

Năm 1952: Giám đốc Nha Tuyên truyền và Văn nghệ thuộc Thủ tướng phủ.

Năm 1954: Thứ trưởng Bộ Tuyên truyền.

Năm 1963: Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp văn học nghệ thuật Việt Nam.

Năm 1951, tại đại hội Đảng lần II, ông được bầu vào Ủy viên dự khuyết Trung ương, đến năm 1955, là Ủy viên chính thức

Năm 1960, tại đại hội Đảng lần III, ông được bầu vào Ban Bí thư.

Năm 1976, tại đại hội Đảng lần IV, được bầu vào Ủy viên dự khuyết Bộ Chính trị, Bí thư Ban chấp hành Trung ương, Trưởng ban Tuyên truyền Trung ương, Phó Ban Nông nghiệp Trung ương;

HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975  
Từ 1980, là Ủy viên chính thức Bộ Chính trị.

Năm 1981: Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, rồi Phó Chủ tịch thứ nhất Hội đồng Bộ trưởng cho tới 1986.

Ông từng đảm nhiệm nhiều chức vụ khác như Hiệu trưởng Trường Nguyễn Ái Quốc, Trưởng Ban Thống nhất Trung ương, Trưởng Ban Tuyên huấn Trung ương, Trưởng Ban Khoa giáo Trung ương. Ông còn là Đại biểu Quốc hội khoá II và VII.

Trong thời gian phụ trách về văn nghệ, ông là người thi hành thẳng tay đường lối Đảng, đối với những người tham gia phong trào Nhân văn-Giai phẩm vào năm 1956 đến năm 1958. Sau khi Lê Duẩn mất, có sự thay đổi mạnh mẽ tiến tới đổi mới nhằm thoát khỏi khủng hoảng kinh tế toàn diện. Ông bị mất uy tín vì vai trò "nhà thơ đi làm kinh tế" qua những vụ khủng hoảng tiền tệ những năm 1980 nên bị miễn nhiệm mọi chức vụ, chỉ còn làm một chức nghiên cứu hình thức.

Thi văn và sự nghiệp cách mạng, ông được các giải thưởng và huân chương sau đây:

- Giải nhất giải thưởng văn học Hội Văn nghệ Việt Nam 1954-1955 (tập thơ Việt Bắc)
- Giải thưởng Văn học ASEAN của Thái Lan năm 1996 cho tập thơ "*Một tiếng đờn*".
- Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học – Nghệ thuật (đợt 1, 1996)
- Huân chương Sao Vàng (1994)

Ông mất vào lúc 9 giờ 15 phút, ngày 9 tháng 12 năm 2002 tại Bệnh viện 108, ở Hà Nội, thọ 78 tuổi.

Tác phẩm:

## HUỶNH ÁI TÔNG

- *Từ ấy* (1946)
- *Việt Bắc* (1954)
- *Gió lộng* (1961)
- *Ra trận* (1962-1971)
- *Máu và Hoa* (1977)
- *Một tiếng đờn* (1992)
- *Ta với ta* (1999)
- *Xây dựng một nền văn nghệ lớn xứng đáng với nhân dân ta, thời đại ta* (tiểu luận, 1973)
- *Cuộc sống cách mạng và văn học nghệ thuật* (tiểu luận, 1981)

Trích văn:

### **Ý nghĩa một cuộc đấu tranh trong văn nghệ**

Trong phong trào sôi nổi học tập nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa như là một luồng gió mới lạnh mạnh thổi đến trên miền Bắc, toàn giới văn nghệ đang tiến hành một cuộc đấu tranh quyết liệt chưa từng thấy trong lịch sử văn nghệ cách mạng nước nhà.

Đội quân văn nghệ trung thành với Tổ quốc, với nhân dân, với chế độ dân chủ cộng hòa, bước đầu được vũ trang tư tưởng xã hội chủ nghĩa, càng thấm sâu lòng yêu nước, đã đứng lên đầy sức sống mới, đấu tranh kiên quyết chống những tư tưởng chính trị thù địch, vạch mặt những phần tử phá hoại lén lút trong hàng ngũ của mình, và chống những quan điểm sai lầm trong văn học nghệ thuật.

Một ánh sáng mới, ánh sáng xã hội chủ nghĩa, đã chiếu rọi vào tình hình văn nghệ của ba năm qua, vào tâm hồn tư tưởng của mỗi người công tác văn hóa, của mỗi nhà văn và nghệ sĩ trên giai đoạn mới của cách mạng. Dưới ánh sáng mới ấy, đã bật rõ ranh giới giữa cách mạng và phản cách mạng, giữa cái mới và cái cũ; mỗi người yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội đều đã có thể

HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975  
nhìn thấy, **phân biệt rõ ràng những con người và những con  
quỷ, những hoa thơm và những cỏ độc trong văn nghệ.**

Hơn hai tháng nay, mấy nghìn văn nghệ sĩ và cán bộ văn hóa, trải qua học tập đấu tranh dưới sự lãnh đạo chặt chẽ của Đảng, đã bắt đầu nhận rõ sự thật mới. Thật là một sự bừng tỉnh trước bước ngoặt to lớn của thời đại và bước ngoặt của cách mạng Việt Nam chuyển sang giai đoạn mới.

Hai văn kiện có ý nghĩa quốc tế lớn lao của các đảng cộng sản và đảng công nhân trên thế giới, nhận định của Trung ương Đảng ta về cách mạng chuyên biến, và về tình hình và nhiệm vụ trước mắt, đã cho mọi người một chỗ đứng vững vàng và con mắt sáng để nhìn đúng hiện thực vô cùng phức tạp. Sự đánh giá đúng tình hình trên thế giới và trong nước đã giúp xua đuổi những tâm trạng hoang mang, hoài nghi, bi quan trong một thời gian khá dài đè nặng tâm trí của nhiều văn nghệ sĩ. Một sức phấn khởi cách mạng mới trên cơ sở nhận thức khoa học, đã đưa mọi người lên vị trí chiến đấu mới, tiến lên đảm đương nhiệm vụ vẻ vang mà Trung ương Đảng ta đã đề ra: tham gia cuộc cách mạng văn hóa, xây dựng nền văn nghệ mới dưới lá cờ của chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa xã hội, góp phần xây dựng tu tưởng xã hội chủ nghĩa, đấu tranh quét sạch những tư tưởng thù địch, chống tư tưởng tư sản và những thói quen lạc hậu.

Và mỗi người càng nhận thấy rõ ràng sự cần thiết cấp bách xây dựng một đội quân văn nghệ thật lòng trung thành với Tổ quốc, với nhân dân, với chủ nghĩa xã hội, *một đội quân văn nghệ xã hội chủ nghĩa.*

Không thể nào khác, **muốn là “kỹ sư tâm hồn” xã hội chủ nghĩa, không thể nào không tự cải tạo bản thân văn nghệ sĩ thành những tâm hồn xã hội chủ nghĩa thật sự.** Không thể nào xây dựng những tâm hồn mới với những tâm hồn rác rưởi thối nát của giai cấp tư sản, hoặc với những tâm hồn bạc

## HUỶNH ÁI TÔNG

nhược, lạc lõng của giai cấp tiểu tư sản. **Càng không thể để lên lút vào trong hàng ngũ văn nghệ, những con rắn độc thù địch phun nọc giết người.**

Phải xác định rõ ràng thái độ của mỗi người công dân:

- Ủng hộ hay phản đối chế độ dân chủ nhân dân ở miền Bắc, sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa và sự nghiệp đấu tranh thống nhất nước nhà?
- Ủng hộ hay phản đối sự lãnh đạo của giai cấp công nhân và đảng của nó – Đảng lao động Việt Nam?
- Ủng hộ hay phản đối phe xã hội chủ nghĩa và vai trò lãnh đạo của Liên-xô?

Đó là **tiêu chuẩn chính trị để phân rõ ranh giới: ai là thù, ai là bạn. Không thể mập mờ.** Mỗi người, trên giai đoạn mới của cách mạng, phải tự hỏi và trả lời dứt khoát. Không phải trả lời bằng những lời tuyên bố đầu lưỡi như nhóm *Nhân văn-Giai phẩm* gian trá, như bọn Tư-rốt-ski và những phần tử phân cách mạng nguy hiểm khác, mà trả lời bằng hành động thực tế cách mạng.

Mỗi văn nghệ sĩ lại phải tự trả lời dứt khoát: ủng hộ hay phản đối đường lối văn nghệ của chủ nghĩa Mác-Lênin, đường lối văn nghệ phục vụ công nông binh, phục tùng chính trị, theo yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng và phục tùng sự lãnh đạo của Đảng?

Đó là tiêu chuẩn để *phân rõ ranh giới giữa hai đường lối văn nghệ vô sản và tư sản.* Không thể nhập nhằng. Không thể lừa dối mình và lừa dối người bằng những lập luận quanh co của quan điểm văn học nghệ thuật tư sản đòi trừu tượng hình dưới nhiều chiêu bài giả dối “chống công thức”, “chống giáo điều”, “đi tìm cái mới”.

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Đã đến lúc cách mạng đòi hỏi **mỗi văn nghệ sĩ và mỗi cán bộ văn hóa “duyet lại” những tư tưởng, tình cảm của mình, những sáng tác và công tác trong ba năm qua, và dưới ánh sáng của tư tưởng xã hội chủ nghĩa, làm một cuộc phê phán thật nghiêm trang, không khoan nhượng đối với mình, đối với bạn, đối với địch.**

**Trong kháng chiến, chỉnh huấn đã là một cuộc đấu tranh tư tưởng thắng lợi, vạch rõ ranh giới giữa lập trường tư tưởng dân tộc dân chủ và lập trường tư tưởng đế quốc phong kiến, nâng cao ý thức phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân.** Cuộc đấu tranh ngày nay là một cuộc đấu tranh tư tưởng vạch rõ ranh giới giữa lập trường tư tưởng xã hội chủ nghĩa và lập trường tư sản, tiểu tư sản, quét sạch ảnh hưởng của tư tưởng đế quốc phong kiến còn rơi rớt trong xã hội nói chung và trong giới văn nghệ nói riêng.

**Cũng thông qua cuộc đấu tranh lần này mà lột trần bộ mặt gian ác của những phần tử phản cách mạng, chống chế độ, chống nhân dân, phá hoại sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và sự nghiệp đấu tranh thống nhất nước nhà. Phải lôi chung ra ánh sáng, xé toạc mặt nạ của chúng mà ném xuống đất.**

Đó là một yêu cầu của tất cả những người văn nghệ và trí thức yêu nước. Đó cũng là một yêu cầu của nhân dân toàn quốc, miền Bắc và miền Nam, một yêu cầu của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc.

Trong không khí phấn khởi và tin tưởng, giới văn nghệ Việt Nam đã nhiệt liệt hoan nghênh bản nghị quyết của Bộ chính trị ra ngày 6-1-1958 về công tác văn nghệ.

Một lần nữa, sau bức thư của Trung ương Đảng gửi Đại hội văn nghệ toàn quốc lần thứ hai, Trung ương Đảng ta phát biểu ý kiến về tình hình văn nghệ nước nhà, phân tích và phê phán

## HUỶNH ÁI TÔNG

sâu sắc những trạng thái tư tưởng chính trị và những quan điểm văn học nghệ thuật sai lầm từ hơn một năm nay, và chỉ ra phương hướng cụ thể cho văn nghệ tiên bước, theo kịp yêu cầu của cách mạng.

Nhận xét tình hình chung của văn nghệ sĩ, nghị quyết Bộ chính trị vạch rõ:

*“Nhìn chung tình hình văn nghệ sĩ hiện nay, ta thấy một số đông, nhất là lớp văn nghệ sĩ trẻ, đang cố gắng sáng tác hoặc chăm lo học tập, nâng cao trình độ chính trị và nghệ thuật. Một số tác phẩm tốt đã xuất hiện. Các đội văn công đã có những cố gắng mới về sáng tác và biểu diễn nghệ thuật, về ý thức phục vụ nhân dân.*

*Nhưng trong giới văn nghệ đã có nhiều biểu hiện lệch lạc về chính trị, tư tưởng và sinh hoạt. Số đông văn nghệ sĩ tập trung ở Hà Nội, mấy năm nay đã xa rời thực tế lao động và sinh hoạt của quần chúng công nông binh, lại rất ít học tập chính trị, không hiểu rõ tính hình và nhiệm vụ của cách mạng trong giai đoạn mới, chưa được giáo dục về tư tưởng xã hội chủ nghĩa.*

*Do đó, lập trường chính trị rất mơ hồ, ý chí phấn đấu cách mạng bị giảm sút nghiêm trọng. Trạng thái dao động hoang mang còn nặng, ngay cả trong hàng ngũ đảng viên, ranh giới giữa địch và ta có lúc bị lu mờ, tình trạng mất cảnh giác là phổ biến. Đồng thời, tư tưởng cá nhân chủ nghĩa, tự mãn, hiểu danh, tham tiền, tư tưởng an nhàn hưởng lạc ngày càng nảy nở. Tư tưởng tự do chủ nghĩa, vô tổ chức, vô kỷ luật, chia bè, chia nhóm cũng đang trên đà phát triển.*

*Về văn học nghệ thuật, ranh giới giữa tư tưởng văn nghệ của Đảng và tư tưởng văn nghệ tư sản bị xóa nhòa. Trên tuần báo Văn và trong một số sách xuất bản hoặc tái bản, đã biểu hiện khuynh hướng xa rời thực tế đời sống của nhân dân lao động ở nông thôn và thành thị, thoát ly chính trị và không nhằm đúng*



## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

*những nhiệm vụ trung tâm của cách mạng trong giai đoạn mới. Những tình cảm cá nhân chủ nghĩa đang có chiều hướng phát triển, những chủ đề lớn do đời sống thực tại đề ra không được chú ý. Hình ảnh công nông binh phấn đấu dũng cảm trong hòa bình mờ nhạt trong văn thơ và trong các tác phẩm nghệ thuật khác. Nhiều quan điểm văn nghệ của giai cấp tư sản lại được nêu lên.*

Cuộc tranh luận giữa tạp chí Học tập và báo Văn gần đây lại là một biểu hiện cụ thể của cuộc đấu tranh giữa đường lối văn nghệ của Đảng với khuynh hướng chống lại hoặc xa rời đường lối đó. Tư tưởng chủ đạo biểu hiện trên báo Văn chính là tư tưởng tách rời đường lối văn nghệ phục vụ công nông binh, tách rời những nhiệm vụ trung tâm của cách mạng trong giai đoạn hiện tại, tách rời sự lãnh đạo của Đảng.”

Những lời phê phán hết sức đúng đắn và thẳng thắn ấy của Trung ương Đảng đã như một ngọn đèn pha rất sáng chiếu thẳng vào giới văn nghệ, không nể nang khoan nhượng mà cũng chân tình độ lượng biết bao.

Tất cả anh chị em văn nghệ sĩ yêu nước đã lắng nghe trong tiếng nói của Trung ương Đảng ta, những đòi hỏi nóng hổi của Tổ quốc, của nhân dân, của cách mạng đang sục sôi trên đất nước, đối với những văn nghệ sĩ của mình, những người con của mình. **Mỗi người đều “giật mình” nhận ra rằng: với cách mạng chuyên biến giai đoạn, tất cả đời sống chung quanh đã chuyển khác rồi, đã đổi mới và từng bước tiến dần lên lý tưởng đẹp đẽ của loài người là chủ nghĩa xã hội.** Mỗi người ít nhiều đều thấy rõ mình ba năm qua, **đã lệch théch đi sau cuộc sống mới, “xác” ở hiện tại mà “hồn” như còn ngẩn ngơ ở giai đoạn trước.** Có biết bao nhiêu điều mới mẻ, vĩ đại, mà mình chưa thấy, chưa nghe, chưa biết, vẫn đem con người cũ mà nhìn, đầu óc cũ mà nghĩ. Chính vì vậy mà nhiều khi đã không thể hiểu được ý nghĩa của những hiện tượng, bản chất của những người và những vấn đề phức tạp trong đời sống hàng ngày. **Làm sao** trong trạng thái tư tưởng

## HUỶNH ÁI TÔNG

chính trị mơ hồ và lệch lạc ấy, **có thể phân biệt được trong hiện thực cái gì là hồng, là đen**, cái gì là phải, là trái, cái gì là tốt, là xấu? Làm sao có thể sáng tác tốt, và đoàn kết tốt, vì lợi ích của Tổ quốc và của chủ nghĩa xã hội?

**Nếu khuyết điểm phổ biến** trong giới văn nghệ ta là **lạc hậu đối với cách mạng**, tình hình ấy cũng đã là một trở lực lớn trong công cuộc xây dựng một nền văn nghệ xã hội chủ nghĩa, cho sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa. Nhận ra được khuyết điểm phổ biến ấy là một thắng lợi bước đầu để đi tới những sáng tác tốt.

**Nhưng đó mới chỉ là một thứ bệnh “sốt rét kinh niên” bên cạnh một cái họa nguy hiểm hơn: những hoạt động phá hoại của những phần tử thù địch trong giới văn nghệ.**

Qua học tập, đấu tranh, dưới ánh sáng của nghị quyết Bộ chính trị, tất cả những văn nghệ sĩ yêu nước, trung thực, đã nhận ra bộ mặt thật ghê tởm và những âm mưu thủ đoạn đen tối của chúng. “Cháy nhà ra mặt chuột”. Đúng như vậy. Những con chuột địch đã không thể giấu mình được nữa trong những mảng bóng tối của tình hình văn nghệ.

Nghị quyết Bộ chính trị đã vạch trần chân tướng của chúng:

*Tình hình trên đây (tình hình của số đông văn nghệ sĩ như đã nêu ở trên - T.H) là một miếng đất tốt cho những phần tử thù địch tiến hành những hoạt động phá hoại. Nhằm vào chỗ yếu của mặt trận văn nghệ, nhất là dựa vào sự mơ hồ về lập trường tư tưởng của số đông văn nghệ sĩ, những phần tử phá hoại đã tiếp tục hoạt động và tác hại một cách nghiêm trọng. Rõ ràng những phần tử chống chủ nghĩa xã hội, chống Đảng đã nhân chỗ sơ hở của ta mà tiếp tục tiến công ta về mặt tư tưởng dưới hình thức văn nghệ. Sự hoạt động của những phần tử phá hoại trong giới văn nghệ là một hiện tượng hết sức nguy hiểm, một vấn đề cấp bách cần giải quyết. Vậy mà một số cán bộ đảng*

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

viên của ta đến nay vẫn chưa nhìn thấy sự thật đó. Bọn phá hoại dùng những thủ đoạn thâm độc, phao đồn tin nhảm, gieo hoang mang, gây mâu thuẫn giữa cá văn nghệ sĩ. Chúng mua chuộc, phỉnh phờ, thậm chí dọa nạt một số văn nghệ sĩ lạc hậu và cả một số ít đảng viên thiếu trách nhiệm, thiếu kỷ luật, lôi kéo họ vào việc đả kích sự lãnh đạo của Đảng và đả kích những cán bộ phụ trách, những đảng viên tốt và những người ngoài đảng tích cực ủng hộ Đảng. Chúng truyền bá những tài liệu và những báo chí phản động. Dưới chiêu bài “chống giáo điều, máy móc”, chúng gieo rắc những nọc độc của chủ nghĩa xét lại trong văn nghệ, nhằm lôi kéo văn nghệ sĩ đi vào con đường nghệ thuật tư sản suy đồi. Trước những hoạt động có hại đó, số đông văn nghệ sĩ, kể cả một số văn nghệ sĩ đảng viên, đã mất cảnh giác hoặc bị động, không kiên quyết đấu tranh, thậm chí một số còn hòa theo chúng.

Tình hình trên đây tồn tại ở các hội văn học nghệ thuật dưới mức độ khác nhau. Ta cần phải tiếp tục đi sâu kiểm tra từng ngành một cách chính xác. **Riêng ở Hội nhà văn, những cơ quan xung yếu (tuần báo Văn, ban biên tập nhà xuất bản, câu lạc bộ, ban nghiên cứu sáng tác, ban văn học nước ngoài), mặc dù về hình thức do các đồng chí của ta lãnh đạo, song về thực tế đã bị một số phần tử xấu hoặc lạc hậu lũng đoạn.** Trong khi nắm lấy những công việc thực tế, những phần tử này đã lái những hoạt động của các cơ quan Hội nhà văn đi chệch đường lối văn nghệ của Đảng và lợi dụng những cơ quan ấy làm nơi gieo rắc những quan điểm văn nghệ và chính trị sai lầm.

Nhận định sáng suốt của Bộ chính trị trên đây đã thức tỉnh cảnh giác cách mạng của mấy nghìn văn nghệ sĩ và cán bộ văn hóa tham gia học tập và đấu tranh. Trong trí nhớ của mỗi người, cả một số người đã từng bị lôi kéo, vào những hoạt động phản cách mạng, dồn dập hiện lên hình thù quái ác và những thủ đoạn gian xảo của bọn mặt người dạ thú. Chúng là những ai?

## HUỶNH ÁI TÔNG

Là những tên đã quen nghề “tác động tinh thần” của địch, có tên như Thụy-An đến bây giờ vẫn còn nức nở khen những tên tướng giặc là “đại tướng cao quý thơm tho” (!), khen những thằng bán nước là “lịch duyệt thông thái”(!). Là những tên đã từng làm chó săn cho giặc tham gia những trận càn quét hoặc chỉ huy những hệ thống chi điểm giết hại đồng bào và cán bộ.

Chúng là những tên phản trắc, có kẻ như **Phan-Khôi** một đời đã năm lần phản bội Tổ quốc, kẻ đã từng phục mạ “người An-nam là chó, và đã là chó thì phải ăn cứt” để “thuyết phục” người khác đầu hàng địch, mà vẫn dương dương tự cho mình là “học giả tiết tháo”, và được kẻ đồng bọn phong cho là “anh hùng của ba trăm nô lệ” (!).

Chúng là những con buôn “mác-xít”, “cách mạng” đầu lười như **Trương-Tửu**, **Trần-Đức-Thảo** mà thực chất là những tên tư-rôt-skit vô tổ quốc đã từng nấp dưới nách của địch chống lại cách mạng, suốt đời thù ghét những người cộng sản và tất cả những ai tin yêu Đảng vẻ vang đã lãnh đạo cách mạng thắng lợi, luôn luôn thù ghét phe xã hội chủ nghĩa và nuôi lòng căm giận tột độ đối với Liên-xô là trung tâm của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, là hy vọng tươi sáng nhất của loài người.

Chúng là những kẻ **đầu cơ cách mạng**, như **Nguyễn-Hữu-Đang**, mượn màu cách mạng tô điểm cho dã tâm cá nhân, mưu đồ “vương tướng”, và một khi không được thỏa mãn thì quay ra phản bội cách mạng, “ăn cháo đá bát”, “đâm bị thóc chọc bị gạo”, cam tâm làm đầy tớ cho những phần tử phản động trong giai cấp tư sản, kết bè kéo cánh với cả những tên chó săn tư-rôt-skit, lập kế bầy mưu, thừa cơ đục nước béo cò, dù có nhúng tay vào tội ác phản lại Tổ quốc, phản lại nhân dân, chống lại sự nghiệp đấu tranh thống nhất nước nhà, chống lại sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa cũng không từ.

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Gặp nhau trong một mục đích chung, chống Tổ quốc, chống nhân dân, chống chế độ, chống phe xã hội chủ nghĩa, chống Đảng lãnh đạo, tất cả bọn chúng đã liên minh thành một khối, phối hợp hoạt động phá hoại trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa, trong các hội văn học nghệ thuật, một số cơ quan văn hóa, trong giới đại học, v.v... Những kẻ nguy hiểm ấy đã lạm dụng lượng khoan hồng của cách mạng. Nhân dân ta, Đảng và Chính phủ ta hiểu rõ những lịch sử xấu xa của chúng, nhưng đã không muốn nhắc lại, để cho chúng có cơ hội tự cải tạo; chẳng những thế, đã hết lòng giúp đỡ cho chúng đi vào con đường cách mạng, đi tới tương lai. Nhưng chúng đã lợi dụng thái độ rất nhân đạo ấy để che đậy tội ác, và làm thêm tội ác.

Chúng đã lợi dụng những quyền tự do dân chủ rộng rãi mà chế độ ta bảo đảm cho mọi người công dân, chúng đã lợi dụng lòng tin độ lượng của nhân dân, của giới trí thức và văn hóa yêu nước, để làm những điều phi nghĩa, phục vụ cho những âm mưu đen tối.

Không từ một thủ đoạn nào để làm “ma dẫn lối, quỷ đưa đường”, chúng đã lôi kéo một số văn nghệ sĩ lạc hậu vào con đường truy lạc về thể chất và tinh thần. Vũ khí của chúng là: từ những phòng trà đến những bàn đèn thuốc phiện, từ những cái liếc cái cười đến những cái giường sa đọa, từ những tin đồn nhảm đến những luận điệu phản động, những sách báo chửi rủa chủ nghĩa xã hội và các đảng cộng sản, v.v...

Phối hợp chặt chẽ với tất cả những thủ đoạn bỉ ổi ấy, là cả một kế hoạch tinh vi lôi kéo, trung lập, đả kích đối với từng người, tùy theo mỗi thái độ, mỗi tính nết, mỗi trường hợp... Tất cả nhằm đạt mục đích: chia rẽ Đảng lãnh đạo với quần chúng, chia rẽ nội bộ văn nghệ sĩ, trí thức, tăng thêm vây cánh bao bọc cho chúng, tăng thêm sức lực phá hoại của chúng.

## HUỶNH ÁI TÔNG

**Trên thực tế, rõ ràng chúng đã làm như những tay sai của địch thực hành kế hoạch phá hoại của Mỹ-Diệm ở miền Bắc là “chống cộng trong lòng cộng”.**

Không phải ngẫu nhiên mà đài phát thanh và báo chí của Mỹ-Diệm đã hết lời khen ngợi chúng từ khi báo Nhân văn và các tập *Giai phẩm* xuất hiện dưới chế độ ta, và trên báo Văn cũng như trên một số sách xuất bản và tái bản lại thấy trôi lên những tư tưởng và những con người “Nhân văn”.

“Trong kia Nhân vị, ngoài này Nhân văn”. Người ta không thể không đặt vấn đề: vì sao “Nhân vị” ở miền Nam và “Nhân văn” ở miền Bắc lại “đồng khí tương cầu” đến như vậy.

Sự phẫn nộ của nhân dân, của mấy nghìn văn nghệ sĩ và cán bộ văn hóa yêu nước, trung thành với cách mạng, với chế độ dân chủ cộng hòa, đã cháy lên ngùn ngụt như một ngọn lửa chiếu thẳng vào mặt những kẻ phá hoại:

**“Chớ gọi bóng tối là ánh sáng, cũng chớ gọi ánh sáng là bóng tối.”**

**“Chớ gọi sói là cừu, cũng chớ gọi cừu là sói.”**

Đúng như vậy. Hãy gọi những kẻ phá hoại là những kẻ phá hoại, những kẻ phản cách mạng là những kẻ phản cách mạng. Chớ để chúng che giấu bộ mặt thật xấu xa ấy dưới những danh nghĩa đẹp đẽ trong chế độ ta: “văn nghệ sĩ”, “học giả”, “triết gia”, “trí thức”.

**“Kẻ gieo gió phải gặt bão”. Chúng phải chịu sự trừng phạt của búa rìu dư luận, và nếu cần thiết, của pháp luật Nhà nước cách mạng.**

Nhưng vấn đề văn nghệ của chúng ta ngày nay không phải chỉ giải quyết bằng một kết luận ấy. Đó là một kết luận cần thiết, nhưng không đủ.

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Vấn đề còn phải đặt ra là:

Vì sao bọn phá hoại đã có thể khuấy đục tình hình văn nghệ của ta một thời gian?

Và phải trở lại nhận định của Bộ chính trị về tình hình số đông văn nghệ sĩ, để mỗi người tìm ra kết luận cần thiết cho mình và phấn đấu để khỏi trở thành “miếng đất tốt cho những phần tử thù địch tiến hành những hoạt động phá hoại”.

**Cuối năm 1956, nói đến báo Nhân văn và các tập Giai phẩm, Hồ Chủ tịch đã chỉ rõ: “Đó là những hạt giống xấu gieo trên miếng đất của những tư tưởng sai lầm.”** Bởi vậy, vấn đề không phải chỉ là vứt bỏ những hạt giống xấu, mà còn là dọn lại đất cho tốt.

Phải đấu tranh trừ bỏ mọi tư tưởng sai lầm, trước hết là những ảnh hưởng tư tưởng tư sản, những tư tưởng tiểu tư sản còn nặng gốc trong số đông văn nghệ sĩ chúng ta. Phải nhỏ không ngừng, nhỏ cho sách những cỏ dại ấy đi để cho tư tưởng xã hội chủ nghĩa nảy nở trong mỗi người chúng ta.

Đương nhiên, đó là một cuộc đấu tranh lâu dài, gian khổ, không dễ mấy ngày mấy tháng có thể làm xong.

Nhưng con đường tiến lên đã rõ trước mắt mỗi người.

Con đường ấy là con đường mà Trung ương Đảng ta đã vạch ra trong bức thư gửi Đại hội văn nghệ toàn quốc lần thứ hai, và Bộ chính trị đã nhắc lại trong bản nghị quyết quan trọng vừa rồi:

*“Sau đợt giáo dục về tư tưởng và chấn chỉnh về tổ chức, cần có kế hoạch khuyến khích, giúp đỡ các văn nghệ sĩ xuống các cơ sở sản xuất, đi vào công nông binh, và nếu có thể thì tham gia lao động để thâm nhập thực tế và gần gũi quần chúng hơn. Mặt khác, cần có kế hoạch tổ chức cho văn nghệ sĩ học*

## HUỶNH ÁI TÔNG

*tập một cách thường xuyên những vấn đề thời sự và chính sách trong giai đoạn mới của cách mạng, tiến tới tổ chức học tập chủ nghĩa Mác-Lê-nin, cải tạo tư tưởng một cách có hệ thống.”*

Chắc chắn những lời khuyên nhủ ân cần ấy của Trung ương Đảng sẽ thấm sâu vào lòng của mỗi anh chị em văn nghệ.

Cùng lúc này, mỗi chúng ta lại nhớ lời khuyên **âm áp và sâu xa của Hồ Chủ tịch trong đêm bế mạc Đại hội văn nghệ toàn quốc lần thứ hai**: “Mong anh chị em hết lòng phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân, và **luôn luôn giữ lấy tính khiêm tốn**.”

Chúng ta đã qua mùa xuân 1958, một mùa xuân đấu tranh cho tư tưởng xã hội chủ nghĩa giành thắng lợi bước đầu, mở đường cho một thời kỳ phát triển mới của văn học nghệ thuật Việt-nam.

Nhất trí lập trường xã hội chủ nghĩa, giới văn nghệ chúng ta qua đấu tranh đã đoàn kết thật sự, đoàn kết cao hơn, đoàn kết chặt chẽ chung quanh Đảng lãnh đạo.

Cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc đã chuyển bước sang thời kỳ kiến thiết theo kế hoạch dài hạn, sự nghiệp đấu tranh thống nhất nước nhà không ngừng phát triển. Toàn bộ sự nghiệp cách mạng kêu gọi mỗi văn nghệ sĩ phấn khởi đi tới, dưới ngọn cờ vẻ vang của Đảng lao động Việt-nam, xây dựng một nền văn nghệ mới, nền *văn nghệ xã hội chủ nghĩa*.

Trách nhiệm thật lớn, khó khăn. Nhưng nhất định giới văn nghệ Việt-nam có đủ nhiệt tình và nghị lực để làm tròn nhiệm vụ của mình.

(Nguồn: *Học Tập*, tạp chí lý luận và chính trị của Đảng Lao động Việt Nam, số tháng 4.1958)



**Hai đứa trẻ**

*Tôi không dám mời anh đi xa lạ  
Tìm đau thương trong xã hội điêu tàn  
Kể làm sao cho hết cảnh lầm than  
Lúc trái ngược đã tràn đầy tất cả!*

*Này đây anh một bức tranh gần gũi:  
Nó thô sơ? Có lẽ. Nhưng trung thành.  
Nó tầm thường? Nhưng chính bởi hồn anh  
Chê chán kẻ bị đời vui hất hủi.*

*Hai đứa bé cùng chung nhà một tuổi  
Cùng ngây thơ, khờ dại, như chim con  
Bụi đời dơ chưa vắn đục hồn non  
Cùng trinh tiết như hai tờ giấy mới.*

*Ồ lạ chưa! Đứa xinh tròn mũm mĩm  
Cười trong chẵn và nũng nịu nhìn me.  
Đứa ngoài sân, trong cát bắn bò lê  
Ghèn nhậy nhựa, ruồi bu trên môi tím!*

*Đứa chồm chap vỗ ôm li sữa trắng  
Rồi cau mày: "Nhạt lắm! Em không ăn!".  
Đứa ôm đầu, trước cổng đứng treo chân  
Chờ mẹ nó mua về cho củ sắn!*

*Đứa ngây ngất trong phòng xanh mát rượu  
Đây ngựa nga, đây lính thổi kèn Tây.  
Đứa kia thèm, giương mắt đứng nhìn ngây  
Không dám tới, e đòn roi, tiếng chươi!*

*Vẫn chưa hết những cảnh đời đau khổ  
Nhưng kể làm chi nữa, bạn lòng ơi!*

## HUỖNH ÁI TÔNG

*Hai đũa kia như sống dưới hai trời  
Chỉ khác bởi không cùng chung một tổ:*

*Đũa vui sướng là đũa con nhà chủ  
Và đũa buồn, con mụ ở làm thuê.*

(Huế, tháng 10-1937)

### **Đòi đòi nhớ Ông**

*Bữa trước mẹ cho con xem ảnh  
Ông Stalin bên cạnh nhi đồng  
Áo Ông trắng giữa mây hồng  
Mắt Ông hiền hậu, miệng Ông mỉm cười*

*Stalin! Stalin!  
Yêu biết mấy, nghe con tập nói  
Tiếng đầu lòng con gọi Stalin!*

*Hôm qua loa gọi ngoài đồng  
Tiếng loa xé ruột xé lòng biết bao  
Làng trên xóm dưới xôn xao  
Làm sao, Ông đã... làm sao, mắt rồi!  
Ông Stalin ơi, Ông Stalin ơi!  
Hỡi ơi, Ông mắt! đất trời có không?  
Thương cha, thương mẹ, thương chồng  
Thương mình thương một, thương Ông thương mười  
Yêu con yêu nước yêu nòi  
Yêu bao nhiêu lại yêu Người bấy nhiêu!  
Ngày xưa khô héo quanh hieu  
Có người mới có ít nhiều vui tươi  
Ngày xưa đói rách toi bời  
Có người mới có được nôi cơm no  
Ngày xưa cùm kẹp dày vò  
Có người mới có tự do tháng ngày  
Ngày mai dân có ruộng cày*

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Ngày mai độc lập ơn này nhớ ai  
Ơn này nhớ để hai vai  
Một vai ơn Bác một vai ơn Người  
Con còn bé dại con ơi  
Mai sau con nhớ trọn đời nhớ Ông!  
Thương Ông mẹ nguyện trong lòng  
Yêu làng, yêu nước, yêu chồng, yêu con  
Ông dù đã khuất không còn  
Chân Ông còn mãi dấu son trên đường  
Trên đường quê sáng tinh sương  
Hôm nay nghỉ ngút khói hương xóm làng  
Ngàn tay trắng những băng tang  
Nói liền khúc ruột nhớ thương đời đời.

(5-1953)

### **Hoan hô chiến sĩ Điện Biên**

Hoan hô chiến sĩ Điện Biên  
Chiến sĩ anh hùng  
Đầu nung lửa sắt  
Năm mươi sáu ngày đêm  
Khoét núi, ngủ hầm, mưa dầm, cơm vắt  
Máu trộn bùn non  
Gan không núng  
Chí không mòn !  
Những đồng chí thân chôn làm giá súng  
Đầu bịt lỗ châu mai  
Băng mình qua núi thép gai  
Áo ào vũ bão  
Những đồng chí chèn lưng cứu pháo  
Nát thân, nhắm mắt, còn ôm  
Những bàn tay xẻ núi, lặn bom  
Nhất định mở đường  
cho xe ta lên chiến trường tiếp viện

## HUỶNH ÁI TÔNG

Và những chị, những anh, ngày đêm ra tiền tuyến  
Mấy tầng mây, gió lớn mưa to  
Đốc Pha Đin, chị gánh anh thô  
Đèo Lũng Lô, anh hò chị hát  
Dù bom đạn, xương tan thịt nát  
Không sờn lòng, không tiếc tuổi xanh  
Hỡi các chị, các anh  
Trên chiến trường ngã xuống !  
Máu của anh chị, của chúng ta, không uống :  
Sẽ xanh tươi đồng ruộng Việt Nam

### **Bầm ơi!**

Ai về thăm mẹ quê ta  
Chiều nay có đưa con xa nhớ thăm...  
Bầm ơi có rét không bầm!  
Heo heo gió núi, lâm thâm mưa phùn  
Bầm ra ruộng cấy bầm run  
Chân lội dưới bùn, tay cấy mạ non  
Mạ non bầm cấy mấy đon  
Ruột gan bầm lại thương con mấy lần.  
Mưa phùn ướt áo tứ thân  
Mưa bao nhiêu hạt, thương bầm bấy nhiêu!  
Bầm ơi, sớm sớm chiều chiều  
Thương con, bầm chớ lo nhiều bầm nghe!  
Con đi trăm núi ngàn khe  
Chưa bằng muôn nỗi tái tê lòng bầm  
Con đi đánh giặc mười năm  
Chưa bằng khó nhọc đời bầm sáu mươi.  
Con ra tiền tuyến xa xôi  
Yêu bầm yêu nước, cả đời mẹ hiền.  
Nhớ thương con bầm yên tâm nhé  
Bầm của con, mẹ Vệ quốc quân.  
Con đi xa cũng như gần  
Anh em đồng chí quây quần là con.  
Bầm yêu con, yêu luôn đồng chí

HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

*Bầm quý con, bầm quý anh em.  
Bầm ơi, liền khúc ruột mềm  
Có con có mẹ, còn thêm đồng bào  
Con đi mỗi bước gian lao  
Xa bầm nhưng lại có bao nhiêu bầm!  
Bao bà cụ từ tâm như mẹ  
Yêu quý con như để con ra.  
Cho con nào áo nào quà  
Cho củi con sưởi, cho nhà con ngơi.  
Con đi, con lớn lên rồi  
Chỉ thương bầm ở nhà ngồi nhớ con!  
Nhớ con, bầm nhé đừng buồn  
Giặc tan, con lại sớm hôm cùng bầm.  
Mẹ già tóc bạc hoa râu  
Chiều nay chắc cùng nghe thắm tiếng con...*

(1948)

**Việt Bắc**

- *Mình về mình có nhớ ta  
Mười lăm năm ấy thiết tha mặn nồng.  
Mình về mình có nhớ không  
Nhìn cây nhớ núi, nhìn sông nhớ nguồn?*

- *Tiếng ai tha thiết bên cồn  
Âng khuâng trong dạ, bồn chồn bước đi  
Áo chàm đưa buổi phân li  
Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay...*

- *Mình đi, có nhớ những ngày  
Mưa nguồn suối lũ, những mây cùng mù  
Mình về, có nhớ chiến khu  
Miếng cơm chấm muối, mối thù nặng vai?  
Mình về, rừng núi nhớ ai  
Trám bùi để rụng, măng mai để già*

## HUỶNH ÁI TÔNG

Mình đi, có nhớ những nhà  
Hắt hiu lau xám, đậm đà lòng son  
Mình về, còn nhớ núi non  
Nhớ khi kháng Nhật, thuở còn Việt Minh  
Mình đi, mình có nhớ mình  
Tân Trào, Hồng Thái, mái đình cây đa?

- Ta với mình, mình với ta  
Lòng ta sau trước mặn mà đinh ninh  
Mình đi, mình lại nhớ mình  
Nguồn bao nhiêu nước nghĩa tình bấy nhiêu...  
Nhớ gì như nhớ người yêu  
Trăng lên đầu núi, nắng chiều lưng nương  
Nhớ từng bản khói cùng sương  
Sớm khuya bếp lửa người thương đi về.  
Nhớ từng rừng nứa bờ tre  
Ngòi Thia sông Đáy, suối Lê vơi đầy  
Ta đi, ta nhớ những ngày  
Mình đây ta đó, đắng cay ngọt bùi...

Thương nhau, chia củ sắn lùi  
Bát cơm sẻ nửa, chăn sui đắp cùng  
Nhớ người mẹ nắng cháy lưng  
Địu con lên rẫy bẻ từng bắp ngô  
Nhớ sao lớp học i tờ  
Đồng khuya đuốc sáng những giờ liên hoan  
Nhớ sao ngày tháng cơ quan  
 Gian nan đời vẫn ca vang núi đèo.  
Nhớ sao tiếng mõ rừng chiều  
Chày đêm nện cối đều đều suối xa...

Ta về, mình có nhớ ta  
Ta về ta nhớ những hoa cùng người  
Rừng xanh hoa chuối đỏ tươi  
Đèo cao nắng ánh dao gài thắt lưng.  
Ngày xuân mơ nở trắng rừng

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Nhớ người đan nón chuốt từng sợi giang  
Ve kêu rùng rợn phách đổ vàng  
Nhớ cô em gái hái măng một mình  
Rừng thu trăng rọi hòa bình  
Nhớ ai tiếng hát ân tình thủy chung.

Nhớ khi giặc đến giặc lùng  
Rừng cây núi đá ta cùng đánh Tây  
Núi giăng thành lũy sắt dày  
Rừng che bộ đội rừng vây quân thù  
Mệnh mông bốn mặt sương mù  
Đất trời ta cả chiến khu một lòng.

Ai về ai có nhớ không?  
Ta về ta nhớ Phủ Thông, đèo Giàng  
Nhớ sông Lô, nhớ phố Ràng  
Nhớ từ Cao-Lạng nhớ sang Nhị Hà...  
Những đường Việt Bắc của ta  
Đêm đêm rầm rập như là đất rung  
Quân đi điệp điệp trùng trùng  
Ánh sao đầu súng bạn cùng mũ nan  
Dân công đỏ đuốc từng đoàn  
Bước chân nát đá, muôn tàn lửa bay.  
Nghìn đêm thăm thẳm sương dày  
Đèn pha bật sáng như ngày mai lên.  
Tin vui chiến thắng trăm miền  
Hòa Bình, Tây Bắc, Điện Biên vui về  
Vui từ Đồng Tháp, An Khê  
Vui lên Việt Bắc, đèo De, núi Hồng.

Ai về ai có nhớ không?  
Ngọn cờ đỏ thắm gió lồng cửa hang.  
Nắng trưa rực rỡ sao vàng  
Trung ương, Chính phủ luận bàn việc công  
Điều quân chiến dịch thu đông  
Nông thôn phát động, giao thông mở đường

## HUỶNH ÁI TÔNG

*Giữ đê, phòng hạn, thu lương  
Gửi dao miền ngược, thêm trường các khu...*

*Ở đâu u ám quân thù  
Nhìn lên Việt Bắc: Cụ Hồ sáng soi  
Ở đâu đau đớn giống nòi  
Trông về Việt Bắc mà nuôi chí bền.  
Mười lăm năm ấy ai quên  
Quê hương cách mạng dựng nên Cộng hòa  
Mình về mình lại nhớ ta  
Mái đình Hồng Thái cây đa Tân Trào.*

*- Nước trôi nước có về nguồn  
Mây đi mây có cùng non trở về?  
Mình về, ta gửi về quê  
Thuyền nâu trâu mộng với bè nửa mai  
Nâu này nhuộm áo không phai  
Cho lòng thêm đậm cho ai nhớ mình  
Trâu về, xanh lại Thái Bình  
Nửa mai gài chặt mối tình ngược xuôi.*

*- Nước trôi, lòng suối chẳng trôi  
Mây đi mây vẫn nhớ hồi về non  
Đá mòn nhưng dạ chẳng mòn  
Chàm nâu thêm đậm, phấn son chẳng nhòa.  
Nửa mai mình gửi quê nhà  
Nước non đâu cũng là ta với mình  
Thái Bình đồng lại tươi xanh  
Phên nhà lại âm, mái đình lại vui...*

*- Mình về thành thị xa xôi  
Nhà cao, còn thấy núi đồi nữa chăng?  
Phố đông, còn nhớ bản làng  
Sáng đèn, còn nhớ mảnh trăng giữa rừng?  
Mình đi, ta hỏi thăm chừng  
Bao giờ Việt Bắc tung bừng thêm vui?*



HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

- Đường về, đây đó gần thôi!  
Hôm nay rời bản về nơi thị thành  
Nhà cao chẳng khuất non xanh  
Phố đông, càng giục chân nhanh bước đường.  
Ngày mai về lại thôn hương  
Rừng xưa núi cũ yêu thương lại về  
Ngày mai rộn rã sơn khê  
Ngược xuôi tàu chạy, bốn bề lưới giăng.  
Than Phấn Mễ, thiếc Cao Bằng  
Phố phường như nắm như măng giữa trời  
Mái trường ngói mới đỏ tươi.  
Chợ vui trăm nẻo về khơi luồng hàng  
Muối Thái Bình ngược Hà Giang  
Cày bừa Đông Xuất, mía đường tỉnh Thanh  
Ai về mua vại Hương Canh  
Ai lên mình gửi cho anh với nàng  
Chiếu Nga Sơn, gạch Bát Tràng  
Vải tơ Nam Định, lụa hàng Hà Đông  
Áo em thêu chỉ biếc hồng  
Mùa xuân ngày hội lòng từng thêm tươi  
Còn non, còn nước, còn trời  
Bác Hồ thêm khỏe, cuộc đời càng vui!

- Mình về với Bác đường xuôi  
Thưa giùm Việt Bắc không nguôi nhớ Người  
Nhớ ông Cụ mắt sáng ngời  
Áo nâu túi vải đẹp tươi lạ thường!  
Nhớ Người những sáng tinh sương  
Ung dung yên ngựa trên đường suối reo  
Nhớ chân Người bước lên đèo  
Người đi rừng núi trông theo bóng Người...

- Lòng ta ơn Đảng đời đời  
Ngược xuôi đôi mắt một lời song song.  
Ngàn năm xưa nước non Hồng

## HUỶNH ÁI TÔNG

*Còn đây ơn Đảng nối dòng dài lâu  
Ngàn năm non nước mai sau  
Đời đời ơn Đảng càng sâu càng nồng.*

*Cầm tay nhau hát vui chung  
Hôm sau mình nhé, hát cùng Thủ đô.*

### **Bài ca mùa xuân 1961**

*Tôi viết bài thơ xuân  
Nghìn chín trăm sáu mốt  
Cành táo đầu hè rung rinh quả ngọt  
Nắng soi sương giọt long lanh...  
Rét nhiều nên ấm nắng hanh  
Đắng cay lắm mới ngọt lành đó chẳng?  
Giã từ năm cũ băng khuâng  
Đã nghe xuân mới lâng lâng lạ thường!*

\*\*\*

*Chào xuân đẹp! Có gì vui đấy  
Hỡi em yêu? Mà má em đỏ dậy  
Như buổi đầu hò hẹn, say mê  
Anh nắm tay em, sôi nổi, vụng về  
Mà nói vậy: "Trái tim anh đỏ  
Rất chân thật chia ba phần tươi đỏ:  
Anh dành riêng cho Đảng phần nhiều  
Phần cho thơ, và phần để em yêu..."  
Em xấu hổ: "Thế cũng nhiều anh nhỉ!"  
Rồi hai đứa hôn nhau, hai người đồng chí  
Dắt nhau đi, cho đến sáng mai nay  
Anh đón em về, xuân cũng đến trong tay!*

\*\*\*

*Ồi tiếng hót vui say con chim chiến chiến*

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

*Trên đồng lúa chiêm xuân chao mình bay liệng*

*Xuân ơi xuân, vui tới mông mênh*

*Biển vui dâng sóng trắng đầu ghềnh*

*Thơ đã hát, mát trong lời chúc:*

*Đường lên hạnh phúc rộng thênh thênh*

*Tam Đảo, Ba Vì vui núi xuân xanh...*

*Chào 61! Đỉnh cao muôn trượng*

*Ta đứng đây, mắt nhìn bốn hướng*

*Trông lại nghìn xưa, trông tới mai sau*

*Trông Bắc trông Nam, trông cả địa cầu!*

*Trải qua một cuộc bể dâu*

*Câu thơ còn đọng nỗi đau nhân tình*

*Nỗi chìm kiếp sống lênh đênh*

*Tổ Như ơi, lệ chảy quanh thân Kiều!*

*Nghe hồn Nguyễn Trãi phiêu diêu*

*Tiếng gươm khua, tiếng thơ kêu xé lòng...*

*Ôi tiếng của cha ông thuở trước*

*Xin hát mừng non nước hôm nay:*

*Một vùng trời đất trong tay*

*Đầu chưa toàn vẹn, cũng bay cờ hồng!*

*Việt Nam, dân tộc anh hùng*

*Tay không mà đã thành công nên người!*

*Có gì đẹp trên đời hơn thế*

*Người yêu người sống để yêu nhau*

*Đảng cho ta trái tim giàu*

*Thẳng lưng mà bước, ngẩng đầu mà bay!*

\*\*\*

*Đời vui đó, hôm nay mở cửa*

*Như dãy hàng bách hóa của ta*

*Hỡi những người yêu, hãy ghé mua hoa*

*Và đến đó, sắm ít quà lễ cưới:*

*Lụa Nam Định đẹp tươi mát rượi*

*Lược Hàng Đào chải mái tóc xanh!*

*Ta còn nghèo, phố chật nhà gianh*

## HUỶNH ÁI TÔNG

Nhưng cũng đủ vài tranh treo Tết...  
Đời vui đó, tiếng ca Đoàn kết  
Ta nắm tay nhau xây lại đời ta  
Ruộng lúa, đồng khoai, nương sắn, vườn cà  
Chuông lợn, bầy gà, đàn rau, ao cá  
Dọn tí phân rơi, nhặt từng ngọn lá  
Mỗi hòn than, mẩu sắn, cân ngô  
Ta nâng niu gom góp dựng cơ đồ!

\*\*\*

Ồ thích thật, bài thơ miền Bắc  
Rất tự do nên tươi nhạc, tươi vần  
Cả không gian như xích lại gần  
Thời gian cũng quên tuần quên tháng.  
Đời trẻ lại. Tất cả đều cách mạng!  
Rũ sạch cô đơn, riêng lẻ, bản cùng  
Quê hương ta rộn rã cuộc vui chung  
Người hợp tác nên lúa dày thêm đó.  
Đường nở ngực. Những hàng dương liễu nhỏ  
Đã lên xanh như tóc tuổi mười lăm  
Xuân ơi Xuân, em mới đến dăm năm  
Mà cuộc sống đã tung bừng ngày hội  
Như hôm nay, giữa công trường đổ bụi  
Những đoàn xe vận tải nối nhau đi  
Hong Quảng, Lào Cai, Thái Nguyên, Việt Trì  
Tên đất nước reo vui bao tiếng gọi...

\*\*\*

Nào đi tới! Bác Hồ ta nói  
Phút giao thừa, tiếng hát đêm xuân  
Kế hoạch năm năm. Mời những đoàn quân  
Mời những bàn chân, tiến lên phía trước.  
Tất cả dưới cờ, hát lên và bước!  
Đi ta đi! Khai phá rừng hoang

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Hỏi núi non cao, đâu sắt đâu vàng ?  
Hỏi biển khơi xa, đâu luồng cá chạy ?  
Sông Đà, sông Lô, sông Hồng, sông Chảy  
Hỏi đâu thác nhảy, cho điện quay chiều ?  
Hỡi những người trai, những cô gái yêu  
Trên những đèo mây, những tầng núi đá  
Hai bàn tay ta hãy làm tất cả!  
Xuân đã đến rồi. Hỡi hã tương lai  
Khói những nhà máy mới ban mai...

\*\*\*

Tôi viết cho ai bài thơ 61 ?  
Đêm đã khuya rồi, rét về tê buốt  
Hà Nội rì rầm... Còi thổi ngoài ga  
Một chuyến tàu chuyến bánh đi xa  
Tiếng xình xịch, chạy dọc đường Nam Bộ...  
Ôi đâu phải con tàu! Trái tim ta đỏ  
Tiếng đập thình thình, muốn vỡ làm đôi!  
Ta biết em rất khỏe, tim ơi  
Không khóc đấy. Nhưng sao mà nóng bỏng  
Như lửa cháy trong lòng ta gió lộng ?  
Mấy hôm nay, như đứa nhớ nhà  
Ta vẫn vợ hoài, rạo rục, vào ra  
Nghe tiếng mõ và nghe tiếng súng  
Miền Nam dậy, hò reo náo động!  
Ba con tôi đã ngủ lâu rồi  
Còn bao nhiêu chưa được ngủ trong nôi  
Miền Bắc thiên đường của các con tôi!  
Gà gáy sáng. Thơ ơi, mang cánh lửa  
Hãy bay đi! Con chim kêu trước cửa  
Thêm một ngày xuân đến. Bình minh  
Cành táo đầu hè quả ngọt rung rinh  
Như hạnh phúc đơn sơ, ước mơ nho nhỏ  
Treo trước mắt của loài người ta đó:  
Hòa bình

## HUỶNH ÁI TÔNG

*Ám no  
Cho  
Con người  
Sung sướng  
Tự do!*

(24-1-1961)

### **Bài thơ cuối cùng của Tố Hữu**

*Xin tạm biệt đời yêu quý nhất  
Còn mấy vần thơ một nắm tro  
Thơ gửi bạn đường, tro gửi đất  
Sống là cho và chết cũng là cho.*

(Báo Văn Nghệ số 50 ngày 14-12-2002)

Mặc Lâm trên trang mạng của Đài Á Châu Tự Do, viết về Tố Hữu như sau: “ *Nhà thơ Xuân Sách có lẽ là người tổng kết một cách xuất sắc nhất sự nghiệp của Tố Hữu. Chỉ bằng bốn câu phỏng theo bài thơ Từ ấy của Tố Hữu, ông đã minh họa hết sức sinh động và cay đắng chân dung một nhà thơ mà sự nghiệp được tạo nên không bằng tài năng của thơ ca mà bằng những thứ khác, vừa phù phiếm vừa nhạt nhẽo và nhất là đầy ắp máu xương người khác...*

*Từ ấy tìm tôi ngừng tiếng hát  
Trông về Việt Bắc tím mù mây  
Nhà càng lộng gió thơ càng nhạt  
Máu ở chiến trường hoa ở đây ....”*

Tài liệu tham khảo:

- Tố Hữu Web: [vi.wikipedia.org](http://vi.wikipedia.org)
- Tố Hữu Web: [rfa.org](http://rfa.org)

4) Nguyễn Đình Thi



**Nguyễn Đình Thi (1924-2003)**

Nguyễn Đình Thi sinh ngày 20 tháng 12 năm 1924 ở Luang Prabang, Lào, nguyên quán của ông là ở làng Vũ Thạch, hiện nay là phố Bà Triệu thuộc địa phận phường Trảng Tiền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. Cha ông là một viên chức Sở bưu điện Đông Dương, sang làm việc ở Lào, lập gia đình ở đây, nên ông được sinh ra trên đất Lào.

Vào năm 1941, ông học ở Hà Nội, là học sinh thông minh, học giỏi sớm nổi tiếng về thi văn, do ông viết sách triết học, viết văn, làm thơ, ông thuộc hạng người: “đẹp trai, học giỏi, con nhà giàu”, nên cha mẹ phải cưới vợ sớm cho ông, khi vừa tròn 17 tuổi, sau đó ông tiếp tục học luật được một thời gian thì bị đuổi học vì tham gia phong trào sinh viên, gia đình phải vận động để ông được đi học lại.

Những năm 1940 ông tham gia Tổ Văn hóa Cứu quốc. Năm 1945 ông tham dự Hội nghị Quốc dân Tân Trào, sau đó được bầu làm Đại biểu Quốc hội Việt Nam khóa 1. Sau Cách mạng

## HUỶNH ÁI TÔNG

tháng Tám, Nguyễn Đình Thi làm Tổng thư ký Hội Văn hóa cứu quốc.

Trong kháng chiến, gia đình phải tản cư lên Tuyên Quang, vợ ông bà Bùi Nữ Trâm Nguyệt Nga qua đời vì bệnh lao vào Tết nguyên đán năm 1951.

Năm 1951, trong Đại hội liên hoan thanh niên quốc tế tại Berlin, ông đã gặp phóng viên báo *Nhân đạo* cô Madeline Riffaud, từng là du kích quân đánh phát xít Đức, năm 1946 được chính phủ Pháp ban thưởng huân chương Bắc Đẩu bội tinh, họ mến mộ nhau, sau Madeline Riffaud, sang Việt Nam vào chiến khu để viết bài về kháng chiến Việt Nam, sau này cô trở lại Việt Nam nhiều lần, nhưng đó là mối tình lớn và đẹp, vì Đảng không cho phép thành hôn với người nước ngoài. Madeline Riffaud sống độc thân cho tới khi liã đời, còn Nguyễn Đình Thi năm 1955, lấy người vợ thứ hai là bà Phạm Thị Trường, cán bộ địch vận, người Hải Dương, về sau trở thành bác sĩ Viện trưởng bệnh viện Việt-Xô.



*Nguyễn Đình Thi và Madeline Riffaud*



## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Sau năm 1954 ông tham gia công tác quản lý văn học nghệ thuật. Cho nên khi phong trào *Nhân Văn – Giai Phẩm* xảy ra, ông đã tích cực đàn áp, thi hành chính sách trừ dập những người đã tham gia phong trào.

Từ năm 1958 đến năm 1989, ông làm Tổng Thư ký Hội nhà văn Việt Nam. Từ năm 1995, ông là Chủ tịch Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật.

Ông thuộc thế hệ các nghệ sĩ trưởng thành trong kháng chiến chống Pháp. Ông viết sách khảo luận triết học, viết văn, làm thơ, soạn nhạc, soạn kịch, viết lý luận phê bình. Ông được nhà nước phong tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật đợt I năm 1996.

Ông mất ngày 18 tháng 4 năm 2003 tại Hà Nội, thọ 79 tuổi.

Tác phẩm:

- *Diệt phát xít* (nhạc, 1945)
- *Người Hà Nội* (nhạc, 1947)
- *Đất nước* (thơ, 1948- 1955).
- *Xung kích* (truyện, 1951)
- *Máy vấn đề văn học* (tiểu luận, 1956)
- *Bên bờ sông Lô* (tập truyện ngắn, 1957)
- *Người chiến sỹ* (thơ, 1958)
- *Bài thơ Hắc Hải* (thơ, 1958)
- *Công việc của người viết tiểu thuyết* (tiểu luận, 1964)
- *Vào lửa* (truyện, 1966)
- *Mặt trận trên cao* (truyện, 1967)
- *Vỡ bờ* (truyện, tập I năm 1962, tập II năm, 1970)
- *Dòng sông trong xanh* (thơ, 1974)
- *Tia nắng* (thơ, 1985)
- *Con nai đen* (kịch, 1959)
- *Hoa và Ngăn* (kịch)
- *Giấc mơ* (kịch)

## HUỶNH ÁI TÔNG

- *Rừng trúc* (kịch)
- *Nguyễn Trãi ở Đông Quan* (kịch)
- *Tiếng sóng*(kịch)

Trích văn:

### Chống chủ nghĩa xét lại trong văn nghệ

#### I.

Những cuộc tranh luận sôi nổi từ mấy tháng nay đang làm nổi bật vấn đề chống chủ nghĩa xét lại thành vấn đề nóng hổi trung tâm của văn nghệ ta. Cách đây một năm, trong khi phê bình những quan điểm hẹp hòi, đơn giản, tầm thường hóa văn nghệ, Đại hội văn nghệ toàn quốc lần thứ hai đã nêu lên sự cần thiết phải chống chủ nghĩa xét lại. Đại hội đã lên án khuynh hướng tư tưởng phá hoại và những luận điểm “xét lại” trên báo *Nhân văn* và các tập sách *Giai phẩm* xuất bản hồi cuối năm 1956.

Trong năm vừa qua, có một lúc trên báo chí tình hình như lặng êm đi. Nhưng thật ra cuộc đấu tranh tư tưởng vẫn tiếp tục, chung quanh nhiều vấn đề về sáng tác cũng như về phê bình. Trên tuần báo *Văn*, lại thấy phát biểu một số quan điểm nghệ thuật sai lầm. Điều nguy hiểm là một số văn thơ mang khuynh hướng xấu của báo *Nhân văn* cũ, đã xuất hiện trở lại.

Một lần nữa, đời sống chúng ta là trên mặt trận tư tưởng không thể có sự chung sống êm đềm giữa cái đúng với cái sai, giữa đường lối của Đảng và những đường lối chống Đảng. Hơn ba năm vừa qua, từ ngày hòa bình lập lại, trong văn nghệ ta đã diễn ra nhiều trận giao phong tư tưởng ráo riết, dai dẳng, có những trận quyết liệt. Đó chính là cuộc đấu tranh không thể điều hòa giữa tư tưởng vô sản với tư tưởng tư sản, giữa đường lối văn nghệ của Đảng với những khuynh hướng chọi lại đường lối đó.

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Trong cuộc tranh luận chung quanh tập thơ *Việt-bắc* của Tô-Hữu hồi đầu năm 1955, đã thấy nảy ra luận điểm của Lê-Đạt về “điệu tâm hồn” của người văn nghệ sĩ. Lê-Đạt vịn vào cái “điệu tâm hồn” đó để dim thấp lập trường, quan điểm giai cấp và ý thức phục vụ chính trị, phục vụ quần chúng trong thơ Tô-Hữu. Cũng lúc bấy giờ, trong quân đội, một nhóm văn nghệ sĩ như Trần-Dần, Từ-Phác, v.v... đã đòi lập một chi hội văn nghệ độc lập, không chịu sự lãnh đạo chính trị, và lãnh đạo về tổ chức của Quân đội. Những quan điểm lệch lạc đó đã bị đánh bại trong một cuộc đấu tranh đầu tiên kéo dài mấy tháng, nhưng thực chất tư tưởng tư sản trong những luận điểm và chủ trương của Lê-Đạt hay Trần-Dần chưa bị vạch ra trước dư luận.

Đầu năm 1956, trong tập sách *Giai phẩm mùa xuân*, cũng nhóm văn nghệ sĩ trên đây đã phát lên nhiều lá cờ, nào là “chống công thức, tìm cái mới”, nào là “chân thành làm người”. Tập *Giai phẩm mùa xuân* có nhiều bài thơ đưa ra những tình cảm rầy rụa, những tư tưởng vô chính phủ, nhìn vào cuộc sống dưới chế độ ta ở miền Bắc một cách đen tối và hằn học, kêu la đòi quyền “làm người”. Thật ra, những tác giả của các bài thơ đó đã đem con mắt bết tắc của chủ nghĩa cá nhân, vô chính phủ, để nhìn vào cuộc sống mới của chúng ta. Thấy chủ nghĩa cá nhân của họ bị cùng đường thì họ kêu la cuộc sống chung quanh là “công thức”, không cho “làm người”. Trong tập sách *Giai phẩm mùa xuân*, tư tưởng tư sản đã biểu hiện trầm trọng thêm một mức, không những nó chống lại đường lối văn nghệ của Đảng, nó còn tiến công vào bản chất chế độ ta, nó gieo rắc hoài nghi, bi quan và hằn học đối với cuộc sống mới của xã hội ta. Cuộc đấu tranh quyết liệt đó với tập *Giai phẩm mùa xuân* tuy còn một vài khuyết điểm, nhưng là một cuộc đấu tranh đúng và cần thiết.

Sau đại hội lần thứ 20 của Đảng cộng sản Liên-xô, đã có những cơn sóng gió nổi lên trong văn nghệ. Việc chống tư tưởng sùng bái cá nhân, chống giáo điều, rõ ràng đã làm cho những văn

## HUỶNH ÁI TÔNG

nghệ sĩ lớn lên trong ý thức trách nhiệm, trong sự cố gắng suy nghĩ độc lập. Nhưng cũng có những người cầm bút lúc đó trong tư tưởng bị đảo lộn và mất phương hướng suy nghĩ đúng. Dưới chiêu bài “chống giáo điều”, những tư tưởng thù địch với chủ nghĩa xã hội, những tư tưởng sai lầm cũ của chủ nghĩa cá nhân đã quật dậy, một luồng tư tưởng xấu, có tính chất “xét lại” đã thành hình trong văn nghệ.

Những khó khăn của tình hình thế giới và trong nước lúc đó càng làm cho cuộc đấu tranh tư tưởng trong văn nghệ trở nên thêm gay gắt và phức tạp. Con số rét “chống cộng sản”, “chống Liên - xô” mà bọn đế quốc chủ nghĩa hết sức tạo ra hồi bấy giờ, đã gieo hoang mang vào một số người không vững vàng trong nước ta”. Đảng ta phát hiện những sai lầm trong cải cách ruộng đất, thì kẻ thù đế quốc, phong kiến và bọn tay sai của chúng đã khắp khởi mừng và ra sức hoạt động để phá hoại. Đồng thời một vài giới tư sản ở thành thị đã lợi dụng lúc Đảng tự phê bình để mở cuộc tiến công vào lãnh đạo của Đảng trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, tư tưởng. Họ bơm to những khuyết điểm, phủ nhận thành tích của Đảng, đòi sửa lại những nguyên tắc của Nhà nước, những đường lối chính sách căn bản, theo lối tự do tư sản. Cuộc đấu tranh giai cấp đó đã phản ánh vào trong văn nghệ: báo *Nhân văn* và các tập sách *Giai phẩm* khi ấy đã ra đời.

Trong bài nói chuyện ở Đại hội văn nghệ toàn quốc lần thứ hai, đồng chí Trường-Chinh đã phân tích rõ: “Báo *Nhân văn* là sự kết hợp giữa hai trạng thái tư tưởng dưới đây:

- a. Do những động cơ bất chính mà vu khống, xuyên tạc, làm cho tờ báo biến thành một công cụ gieo rắc nọc độc vào tư tưởng bạn đọc, hệt như một cơ quan “tác động tinh thần” của chế độ cũ ở miền Bắc.
- b. Do thắc mắc, hoang mang trước nhiều vấn đề của xã hội và của đời sống văn nghệ mà chưa tìm được hướng đi, lối

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

thoát, lại chịu ảnh hưởng của tư tưởng tư sản, cho nên đã phát ngôn vô trách nhiệm và đề xướng quan điểm tư sản về nghệ thuật và tự do.

Báo *Nhân văn* đã mở cuộc tiến công của nó một cách khôn khéo. Bước đầu, nó đề cập đến một số vấn đề văn học, nghệ thuật, tình cảm, rồi lan qua các vấn đề xã hội, pháp lý, kinh tế, cuối cùng đi thẳng vào những vấn đề chính trị. Trong khoảng thời gian xảy ra biến cố ở Hung-ga-ri, thì tờ báo *Nhân văn* đã lộ rõ trắng trợn khuynh hướng chính trị của nó và đã tự bộc lộ mặt nạ trước quần chúng.

Nhớ lại quá trình đấu tranh với báo *Nhân văn*, chúng ta thấy trong hàng ngũ văn nghệ đã có nhiều ý kiến khác nhau. Có người mới đầu còn khen tờ báo đó là “dũng cảm”. Có người không tán thành thái độ đả kích của báo *Nhân văn*, nhưng đồng tình một phần nào với những vấn đề mà báo đó nêu lên. Có người thấy báo *Nhân văn* là xấu nhưng lại rụt rè, không tán thành đấu tranh quyết liệt với nó, “lo cho lãnh đạo bị cô lập”. Khi cuộc đấu tranh của quần chúng đã nổi lên rầm rộ, và tờ báo đã nói trắng những quan điểm chính trị nguy hại của nó, thì một số văn nghệ sĩ trước kia tán thành nó, tới bây giờ cũng không cho nó là đúng nữa. Song các bạn đó chỉ thấy báo *Nhân văn* sai vì đi quá trớn vào vấn đề chính trị, các bạn đó cho rằng nếu nó cứ đứng ở lĩnh vực văn học nghệ thuật thì không sao.

Tất nhiên số ý kiến như trên chỉ là số ít, số rất đông văn nghệ sĩ đã không lầm và từ lâu đã thấy tờ báo *Nhân văn* là xấu. Nhưng qua đấu tranh, chúng ta mới dần dần thấy rõ hơn thực chất của nó. Khuynh hướng tư tưởng của báo *Nhân văn* và các tập sách *Giai phẩm* là khuynh hướng đối địch với Đảng, với chế độ, với chủ nghĩa xã hội. Không phải chỉ khi báo *Nhân văn* đề cập thẳng những vấn đề chính trị nó mới có khuynh hướng đó, mà khi nó đề cập những vấn đề văn hóa, văn nghệ, thì khuynh hướng tư tưởng của nó vẫn chỉ là một. Trong những sáng tác

## HUỶNH ÁI TÔNG

văn nghệ của *Nhân văn*, *Giai phẩm* đã biểu hiện ra ở một số nét như sau:

1. Bôi nhọ chủ nghĩa cộng sản là không “*nhân văn*”, là “chà đạp con người”, bôi nhọ những đảng viên cộng sản là “khổng lồ không tim”, không phải là “cộng sản chân chính”, xuyên tạc sự giáo dục của Đảng là “rập khuôn đầu óc và tâm hồn”, văn học nghệ thuật xã hội chủ nghĩa là “công thức, giả tạo”, đẻ ra những “thi sĩ máy”. Dưới chiêu bài “đề cao con người”, “chống công thức”, báo *Nhân văn*, *Giai phẩm* đã đề cao chủ nghĩa cá nhân, “tự do” cá nhân, đòi quyền, “tự do” cho những lối sống và tình cảm ích kỷ trụy lạc.
2. Phản đối chuyên chính, đòi “dân chủ”, “tự do” theo lối tư sản trên mọi mặt chính trị, kinh tế, văn hóa. Đả kích từ Mậu dịch, quản lý hộ khẩu, Buru điện, cơ quan báo chí, bệnh viện, cho tới Quốc hội, nói chung là đả kích vào bộ máy Nhà nước của ta, đòi tự do đối lập với Chính phủ, trong lúc bọn phản động đang âm mưu phá hoại và một vài giới tư sản đang tiến công ta.
3. Đưa ra chiêu bài “chống sùng bái cá nhân” để xuyên tạc sự lãnh đạo của Đảng là “đáng trị”, là sự độc đoán của một bè phái quan liêu mâu thuẫn với quyền lợi quần chúng. Đem đối lập quần chúng với lãnh đạo, kích quần chúng chống lãnh đạo. Như trong một luận điểm khá điển hình của Trương-Tửu cho rằng “những lực lượng sản xuất dân tộc, được cách mạng giải phóng thoát ách đế quốc và phong kiến đang vấp phải trong bộ máy quan hệ sản xuất mới, những chính sách, những tổ chức, những tác phong lãnh đạo, những cán bộ chấp hành cản trở bước đường phát triển của nó”. Đáng chú ý là luận điểm đó và các luận điểm tương tự được đưa ra và phát triển về nhiều khía cạnh trong lúc cuộc đấu tranh giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản đã diễn ra hàng ngày ở miền Bắc, mà *Nhân văn*, *Giai*

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

*phẩm* không hề nhắc tới, làm như không có cuộc đấu tranh đó.

4. Phê bình đả kích đầu óc quốc gia chủ nghĩa tư sản, đả kích Liên-xô, cho sự giáo dục con người ở Liên-xô là “rập khuôn”, văn học nghệ thuật Liên-xô là “công thức”, không có giá trị. Vẽ vào khẩu hiệu “trăm hoa đua nở” để xuyên tạc đường lối văn học nghệ thuật của Trung quốc, làm hình như đường lối đó chọi với đường lối Liên-xô. Khi thấy Trung-quốc chống chủ nghĩa xét lại, thì lại cố đi tìm một thứ đường lối “cộng sản dân tộc” ở nơi khác.
5. Phủ nhận những thành tích to lớn của nhân dân ta, của Đảng ta trong công cuộc xây dựng miền Bắc và đấu tranh thống nhất nước nhà, phủ nhận những kết quả to lớn của cải cách ruộng đất, những thành tích trong việc khôi phục kinh tế, phát triển văn hóa, phủ nhận những thành tích mà văn nghệ ta đã đạt được từ sau Cách mạng tháng Tám, cho rằng văn nghệ mới của ta kém văn nghệ hồi thuộc Pháp. Thôi phònh những khuyết điểm về mọi mặt của ta, xuyên tạc để gieo rắc hoài nghi hoang mang và bôi đen chế độ ta.
6. Riêng về văn nghệ, thì trong *Nhân văn*, *Giai phẩm* đã đề xướng “trăm hoa đua nở” theo lối tự phát vô chính phủ, “hoa lành, hoa độc, hoa thối, hoa thơm” đều có quyền nở tự do như nhau. Thực chất là nó đòi hủy bỏ sự lãnh đạo của Đảng, nêu khẩu hiệu “tra văn nghệ về cho văn nghệ”, “văn nghệ và chính trị vỡ vai nhau hai bên cùng có lợi” v.v...

Nói tóm lại, báo *Nhân văn* và các tập sách *Giai phẩm* đã tập trung một cách khá điển hình những thứ tư tưởng chống Đảng, chống chế độ, chống chủ nghĩa xã hội trên những vấn đề nguyên tắc cơ bản, cũng như trong từng mặt cụ thể của đời sống. Có thể nói nhiều lập luận xuyên tạc trên tờ báo *Nhân văn* và những tập *Giai phẩm*, *Đất mới* không khác gì những lập luận ở cái kho tuyên truyền xuyên tạc của “thế giới tự do” Mỹ.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Một mặt khác, *Nhân văn*, *Giai phẩm* đã tập trung vào đề xướng “chủ nghĩa tự do” tư sản về chính trị và văn nghệ. Khuynh hướng tư tưởng của báo *Nhân văn* và các tập sách *Giai phẩm* là một biểu hiện nghiêm trọng và xấu nhất của tư tưởng tư sản ở nước ta về chính trị và văn nghệ trong thời gian vừa qua.

Một đặc điểm của báo *Nhân văn* và những tập sách *Giai phẩm* là rêu rao lừa bịp “phần đấu cho chủ nghĩa Mác-Lê-nin chân chính”, “tự nguyện đứng dưới sự lãnh đạo của Đảng”, “dùng cảm nói sự thật với Đảng”, nhưng trên thực tế thì xuyên tạc của nghĩa Mác-Lê-nin, đả kích sự lãnh đạo thực tại của Đảng, bới móc, xỏ xiên, bóp méo sự thật để bôi đen đời sống chế độ ta. Trong *Nhân văn*, *Giai phẩm* có những hơi hướng, nhắc ta nhớ lại những thứ luận điệu “muốn cộng sản chân chính thì phải chống Đảng cộng sản” của bọn Tư-rốt-kít ngày trước.

Báo *Nhân văn* và các tập sách *Giai phẩm* đã gài đúng vào chỗ ngứa của tất cả những kẻ luyện tiếc chế độ cũ và xã hội thối nát cũ. Một vài giới tư sản đã ủng hộ nó, và hà hơi cho nó. Mỹ Diệm ở miền Nam đã bỏ nhiều công sức thổi phồng nó, cổ vũ nó. Điều đó không có gì lạ, vì những tư tưởng chống Đảng, chống chủ nghĩa xã hội không thể nào tránh khỏi đi ngược lại quyền lợi tối cao của Tổ quốc, của nhân dân ta.

Cuộc đấu tranh với báo *Nhân văn* đã cho chúng ta thấy rõ thực chất nguy hiểm của những thứ lý luận “xét lại”, núp dưới những chiêu bài “chống giáo điều”, “phát triển chủ nghĩa Mác cho hợp với thời đại mới”, nhưng thật ra là đả kích vào những nguyên tắc căn bản của chủ nghĩa Mác-Lê-nin. Chủ nghĩa xét lại là một tấm áo khoác để che đậy tư tưởng tư sản, nó ky với chủ nghĩa Mác-Lê-nin, với tư tưởng vô sản như lừa với nước, trái lại nó ngoặc với những thứ tuyên truyền phản động của kẻ địch một cách “đồng thanh tương ứng” rất tự nhiên và nhạy bén.



II.

Một số “lý luận gia”, “học giả” của chủ nghĩa xét lại trong văn nghệ ta như Trương-Tửu, Phan- Khôi là những người đã có khá nhiều “thành tích” trong việc xuyên tạc chủ nghĩa Mác, hoặc chống lại chủ nghĩa Mác từ hàng chục năm nay. Những nhà văn nghệ sĩ lớp trước không lấy gì làm lạ trước những “lý luận Trương Tửu”, hay “lý luận Phan-Khôi”. Nhưng sau cách mạng Tháng Tám, có lúc các “lý luận gia”, “học giả” đó đã nói ngược lại những điều họ nói ngày trước, do đó một số văn nghệ sĩ trẻ, hoặc học sinh, thanh niên, có lẽ cũng yên trí đó là những “nhà lý luận, học giả” đi theo chủ nghĩa Mác-Lê-nin. Tới nay, họ lại quay ngược lại một lần nữa, thì sự quay ngược lại lần này chỉ có nghĩa là tư tưởng cũ của họ đã hiện trở lại nguyên hình để đả kích, xuyên tạc chủ nghĩa Mác-Lê-nin và chống Đảng cộng sản.

Ngoài những “lý luận” của một số “học giả” như trên, trong khi đấu tranh với chủ nghĩa xét lại, chúng ta thấy cũng có những quan điểm lệch lạc của một số nhà văn nghệ, vì còn lúng túng hoặc vướng mắc trước những vấn đề mới, hoặc vì không nắm vững đường lối văn nghệ của Đảng, và còn chịu ảnh hưởng những tư tưởng nghệ thuật tư sản cho nên ở điểm này hoặc điểm khác, đã rơi vào sai lầm.

Chủ nghĩa xét lại đã biểu hiện trong văn nghệ ta như thế nào? Hiện nay, trong giới văn nghệ đang sôi nổi phân tích và phê phán nó. Theo tôi thấy, về các vấn đề văn nghệ khuynh hướng xét lại đã đưa ra khá nhiều luận điểm, nhưng nhìn chung thì những điểm chính là nó *chống lại đường lối văn nghệ phục vụ chính trị, phục vụ công nông binh, và chống lại sự lãnh đạo của Đảng*. Nó đưa ra nhiều khẩu hiệu trống rỗng về “tự do”, “chân thành”, “tìm cái mới”, v.v... thật ra đó chỉ là những khẩu hiệu của “nghệ thuật vị nghệ thuật” cũ rích”. Núp dưới những

## HUỶNH ÁI TÔNG

khẩu hiệu giả trá ấy, nó đòi “tự do” cho những tư tưởng phản động hoặc lạc hậu, chống lại chế độ ta, chống lại chủ nghĩa xã hội.

*Về vấn đề văn nghệ phục vụ chính trị*, chủ nghĩa xét lại biểu hiện ở chỗ nó phủ nhận vai trò của thể giới quan Mác-Lê-nin, phủ nhận lập trường giai cấp trong sự sáng tác văn nghệ. Nó đề xướng tự do vô trách nhiệm của văn nghệ sĩ, thật ra là đòi trở về với “nghệ thuật vì nghệ thuật”. Dưới cớ là “dũng cảm phát hiện sự thật”, nó chủ trương lối sáng tác bôi đen và xuyên tạc bản chất của cuộc sống chúng ta.

Trong bức thư gửi các họa sĩ năm 1951 ở Việt Bắc, Hồ Chủ Tịch có nói: “Văn hóa, nghệ thuật cũng là một mặt trận. Anh em là chiến sĩ trên mặt trận ấy.” Những lời nói giản dị và sáng rõ đó, có lẽ cũng là bài học lớn nhất mà đời sống kháng chiến đã làm cho chúng ta hiểu thấu. Rời bỏ cuộc đời cũ, ném mình lên những con đường của kháng chiến, những người văn nghệ đã dần dần thấy rằng phục vụ cuộc chiến đấu của dân tộc, phục vụ đời sống quần chúng, phục vụ cách mạng, đó là lẽ sống, là ý nghĩa nghệ thuật và của cả cuộc đời chúng ta nữa. Văn học nghệ thuật là một vũ khí đấu tranh cách mạng, đấu tranh giai cấp, và chỉ có đi vào chính giữa cuộc đấu tranh ấy thì văn nghệ mới khám phá được sự thật ở tận gốc đời sống và mới thực có sáng tạo mãnh liệt và lớn lao. Người văn nghệ sĩ cách mạng là người chiến sĩ cầm bút, có ý thức rõ rệt về công việc chiến đấu của mình, có lập trường đúng trong sự suy nghĩ và trong tình yêu ghét của mình, có trách nhiệm trong sự sáng tác.

Điều thay đổi căn bản trong quan niệm ấy về văn nghệ đã làm cho rơi rụng những quan niệm cũ kỹ về “nghệ thuật vì nghệ thuật”, “nghệ thuật tự nó là cao nhất”, “nghệ sĩ tự do ở trên hết mọi đòi hỏi thấp kém của cuộc đời” v.v... Chúng ta đã thấy nghệ thuật mà tự quay vào nó, tự lấy nó làm ý nghĩa của nó, thì không có nguồn sống và chỉ có thể héo mòn đi, mà trên thực tế thứ nghệ thuật đó thường chỉ là một trò chơi cho bọn ăn không

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

ngồi rồi, một công cụ lừa bịp và đầu độc trong tay bọn hút màu mù của nhân dân lao động cực khổ. Nói “nghệ thuật tự nó cao nhất” chỉ là tự lừa mình, và mắc lừa bọn chủ của một xã hội mất hết phẩm giá, và nghệ sĩ cũng mất đến cả nhân cách.

Những vui sướng và tự hào của chúng ta trong những ngày gian khổ lặn lội ở chiến dịch, ở nông thôn đã làm cho chúng ta hiểu rõ rằng nhiệm vụ “kỹ sư tâm hồn” cao quý và cũng nặng trách nhiệm như thế nào. Chúng ta tự thấy cần thiết phải học tập chủ nghĩa Mác-Lê-nin để có một thế giới quan và nhân sinh quan đúng đắn, giúp cho chúng ta đổi mới được cả tâm hồn, trí óc, làm cho chúng ta có thể lớn lên trong cuộc sống, trong việc làm, trong sự suy nghĩ và tình cảm. Chúng ta muốn mỗi dòng chữ của chúng ta góp được một cái gì đó có ích cho kháng chiến, cho đời sống, đem đến được một cái gì đúng, tốt cho người đọc chúng ta.

Viết theo yêu cầu của cách mạng, viết theo yêu cầu của cuộc chiến đấu, viết cho đúng với lợi ích của Tổ quốc, của nhân dân, của Đảng, đầu phải làm vậy là biến thành “thi sĩ máy”! Chỉ có kẻ thù hoặc những người đã mất suy xét mới nói như vậy. Trái lại, viết để phục vụ quần chúng, sáng tác theo yêu cầu của Tổ quốc, của cuộc chiến đấu, đó là ngọn lửa sáng rực trong tâm hồn của chúng ta, đó là điều mong muốn và vinh dự của chúng ta tự đòi hỏi ở ngòi bút của mình. Càng biết tự đòi hỏi như thế, chúng ta càng biết tôn trọng ngòi bút của chúng ta, không sùng bái môn trốn nó, mà biết quý nó và nghiêm khắc với nó, làm cho ngòi bút của chúng ta lớn lên. Chính cái ý thức chính trị, cái tinh thần trách nhiệm của người cầm bút, chính mối liên hệ chặt chẽ của sự sáng tác với đời sống lao động và phấn đấu cách mạng của quần chúng là cái mới và là một nguyên tắc căn bản của văn học nghệ thuật, đi theo đường lối của Đảng. Và chính cái vũ khí cách mạng của người văn nghệ ngày nay là lập trường quan điểm giai cấp, là thế giới quan và nhân sinh quan Mác - Lê-nin, là đường lối chính sách của Đảng. Nhờ vũ khí đó, mà con mắt chúng ta trở nên sắc bén hơn và nhìn rõ được

## HUỶNH ÁI TÔNG

sự thật của đời sống. Nhờ vũ khí đó, nghệ thuật của chúng ta không những phản ánh được đúng đời sống mà còn cải tạo được đời sống đó, cải tạo được tâm hồn con người theo phương hướng tiến lên của cách mạng.

Vì vậy, những khuynh hướng “xét lại” trước hết nhằm tước vũ khí tư tưởng của chúng ta, phá bỏ hoặc làm yếu mối liên hệ giữa văn nghệ với cuộc chiến đấu cách mạng. Trong hoàn cảnh chủ nghĩa Mác-Lê-nin có uy thế lớn lao trong quần chúng, tư tưởng “nghệ thuật vị nghệ thuật”, “nghệ sĩ không chịu ràng buộc gì của đời sống”, v.v... không thể hiện lại nguyên hình. Nó phải khoác ngoài những tấm áo mới, mang một mặt nạ mới.

Trong *Giai phẩm mùa thu*, Trương-Tử đưa ra nhiều luận điệu, thổi phồng bản chất đặc biệt của người văn nghệ sĩ, tôn vinh văn nghệ sĩ là “luong tâm của thời đại”, cho rằng tự bản chất người văn nghệ sĩ chân chính đã có khuynh hướng về cái tốt, cái thật, cái đẹp rồi. Do đó chỉ cần người văn nghệ sĩ “tự do” và “chân thành” nghe theo lương tâm mình là sẽ thấy sự thật, dũng cảm viết sự thật. Trong bài *Từ Po-rô-lê-cun đến trăm hoa đua nở*, Nguyễn-Hữu-Đang cũng đưa ra lập luận như trên phỉnh nịnh người trí thức là có “bản chất rất khác thường”, “có khả năng tiến bộ đặc biệt”, đi theo cách mạng theo “một nhu cầu cơ thể như bản năng làm mẹ thôi thúc con người phụ nữ và các con vật cái”! Gần đây, Phùng-Quán trong bài *Lời mẹ dặn* cũng nêu cao ngọn cờ “chân thật”, và cho lý tưởng là “yêu ai cứ bảo là yêu, ghét ai cứ bảo là ghét”. Chúng ta cũng nhớ một số ý kiến khác của những văn nghệ sĩ trong nhóm *Nhân văn* cho rằng càng nêu lên lập trường, càng có ý thức chính trị, chỉ càng làm cho văn nghệ khô khan đi. Vì “tình cảm chân thành”, hãy gác “lập trường” gác “chính trị” sang một bên!

Tất cả những lời đẹp đẽ và trống rỗng về “luong tâm thời đại”, về “tự do” và “chân thành” đó chỉ là những cách khác nhau để đi tới kết luận rằng người văn nghệ sĩ chỉ cần vâng theo mình, và chỉ cần tự biểu hiện mình khi sáng tác, như Trương-Tử nói

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

“nghệ sĩ chỉ có thể chiếu tỏa ra ngoài đời cái ánh sáng của chính bản thân mình”. Tự do của văn nghệ sĩ khi đó tức là tự do chỉ vâng theo đòi hỏi của mình. Cái đuôi hồ ly của “nghệ thuật vị nghệ thuật” mọc meo lại thò ra. Chúng ta cần vạch trần cái luận điệu lừa phỉnh: tự bản chất văn nghệ đã là tiến bộ, người văn nghệ sĩ tự nghe theo mình thì “tự nhiên” sẽ thấy sự thật và sẽ chiến đấu cho chính nghĩa. Trong các văn nghệ sĩ lớp trước, hầu hết đã trải qua cuộc đời cũ mà biết rất rõ rằng vì lúc đó chỉ nghe theo mình mà không nghe thấy cách mạng, nên đã bảo anh chị em chúng ta đi vào những lầm lạc đau đớn, quần quai. Và “bản chất” người văn nghệ sĩ tiểu tư sản chúng ta có phía tiến bộ là yêu nước, ghét thực dân, ghét bọn vua quan, nhưng cũng có phía không tiến bộ là thường mang nặng đầu óc cá nhân, đầu óc vô chính phủ. Chỉ có ánh sáng của cách mạng, của thực tế phấn đấu với quần chúng, của tư tưởng vô sản là cải tạo được chúng ta, làm chúng ta thật hiểu rõ đời sống. Hơn thế, chúng ta còn biết rất rõ rằng trong văn nghệ sĩ, không phải là không có bọn phản cách mạng, chúng rất hẳn học chửi lại cách mạng, phá cách mạng, và chúng còn làm công việc như bản đó với rất nhiều “nghệ thuật” nữa.

Ranh giới giữa cái tốt và cái xấu trong văn nghệ là: phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân, hay phản lại Tổ quốc, phản lại nhân dân. Ranh giới đó là: cách mạng hay phản cách mạng, chứ không phải là tự do nghe theo mình, hay không tự do nghe theo mình. Đối với người văn nghệ sĩ chân chính, vấn đề là khi mình có tình cảm, ý nghĩ đúng, thì mình nghe theo, và mình cũng có can đảm đấu tranh đến cùng với những ý nghĩ và tình cảm không đúng, ngược lại với lợi ích của cách mạng. Cố nhiên, nói như vậy không phải chúng ta bảo rằng người văn nghệ sĩ có thể giả dối khi viết theo yêu cầu của cách mạng. Bọn phản động thường rêu rao như vậy. Trái lại, chỉ những người văn nghệ sĩ cách mạng mới có thể nói thật, trung thành với sự thật và chiến đấu đến cùng cho sự thật.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Một lập luận thứ hai cũng do Trương-Tửu đưa ra là: văn nghệ xưa nay luôn luôn chống đối lại thực tại, nó chỉ có ý nghĩa và có giá trị khi nào nó chống đối. Người văn nghệ sĩ chân chính phải là người không bao giờ bằng lòng thực tại. Luận điệu này thật ra đã cũ lắm. Từ năm 1946, trong cuốn *Trương lai văn nghệ Việt-nam*, Trương-Tửu nói về “tân văn nghệ”, cũng đề ra cho “tân văn nghệ” đó cái nhiệm vụ gọi là đem gieo rắc trong tâm hồn người ta “chất men bất phục tùng và phản kháng”. Câu này lấy nguyên của Ang-đơ-rê Dít (André Gide), một văn sĩ phản động Pháp. Một phía khác, trong Giai phẩm *mùa xuân*, Lê-Đạt kêu gào “mới! mới! luôn luôn mới! Bay cho cao! Bay cho xa! Gần đây Trần-Dần cũng phát cờ “Hãy đi mãi”, “Không bằng lòng hiện trạng”.

Tất cả những ý kiến trên đây có khía cạnh nguy hiểm là đều có vẻ mặt rất “tả”, rất “tiền phong”, “cách mạng hơn cách mạng”, “cộng sản hơn Đảng cộng sản”. Và cách kêu gọi “xông lên”, “bay lên”, “dấn vào kho thuốc nổ của đời sống”, “chất men bất phục tùng và phản kháng”, cũng dễ hấp dẫn người ta, với vẻ say sưa của nó. Song bất cứ người nào suy xét cũng thấy được tính chất nguy hiểm và sự lệch lạc của những lập luận đó.

“Văn nghệ phải luôn chống đối”, người văn nghệ sĩ chân chính phải “không bao giờ bằng lòng với thực tại”, như vậy cũng có nghĩa là “có bất mãn mới là biết suy nghĩ”. Nhưng vấn đề là chống đối cái gì, chống đối chế độ nào, bất mãn với cái gì, với thực tại nào? Chống đối đế quốc, phong kiến, tư bản thì tốt, chống đối với Tổ quốc, nhân dân, với cách mạng thì chỉ đi vào chỗ đòi bại và tiêu diệt.

Bất mãn với cái xấu của xã hội cũ thì đúng, nhưng bất mãn vì dục vọng cá nhân của mình không đạt được thì sai. “Tìm cái mới, luôn luôn mới, đi mãi, mở đường” nhưng vấn đề là tìm cái mới nào, ở đâu, làm gì? Đi mãi, nhưng đi đâu, đi làm gì? Mở đường nhưng mở con đường nào? Tất cả những kêu gào như vậy đều trở thành vô nghĩa và còn có thể trở thành nguy

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

hiếm, nếu vì muốn “mới”, muốn “đi mãi”, muốn “mở đường” mà chống lại nguyên tắc của cách mạng, chống lại những cái tốt trong đời sống, vì cho nguyên tắc hoặc cái tốt là “cũ”, là “quá thời”. Những thứ lý luận về “chống đối, nổi loạn, đi mãi”, v.v... trên đây thật ra là cái mặt tô son đã thối rữa trong thời kỳ cuối cùng của nó, - thời kỳ đế quốc chủ nghĩa. Ăng-đơ-rê Dít cũng đã nói nhiều đến sự nổi loạn, và cho sự nổi loạn ấy không cần mục đích gì, tự bản thân nó là cái lẽ của nghệ thuật. Ăng-đơ-rê Man-rô (André Malraux) cũng nói đến triết lý “hành động để hành động”, để có cái say sưa của hành động, không cần biết đó là hành động để làm gì. Trên những tấm áp phích tuyên truyền mộ lính nhảy dù sang Triều-tiên hoặc vào lính lê dương sang Việt-nam trước đây, người ta thấy vẽ những người con gái đẹp xa xôi và in những khẩu hiệu: “Hỡi các bạn thanh niên, cái mới lạ và hành động đang chờ các bạn!” Cái thế hệ thanh niên “cao bồi” mà “lối sống Mỹ” đã đẻ ra ở khắp nơi nào đó bèn mảng đến chính là một sản phẩm của thứ triết lý phản động này. Trong văn học ta trước cách mạng cũng đã có nhiều người ca tụng lối “yêu để mà yêu”, và vì cái cách yêu “cao thượng” đó mà có quyền hành hạ, cấu xé, ruồng bỏ người mình yêu. Và cũng đã có nhà văn một thời “đi để mà đi” và cũng đi mãi không biết tới đâu và để làm gì cuộc đời mình. Tất cả những cái đó nghệ thuật tức là “sáng tạo để sáng tạo”, cái bộ mặt già cỗi của “nghệ thuật vị nghệ thuật” lại hiện ra ở đây. Thực chất của tất cả những luận điệu đó vẫn chỉ là tư tưởng đòi thỏa mãn dục vọng cá nhân, thích thú cá nhân, không cần có trách nhiệm gì với đời sống chung quanh; đó là cách hưởng lạc và sự tự hành hạ của một thứ chủ nghĩa cá nhân đã đến độ tắc tị tột cùng của nó. Ở đây, nó có cái khía cạnh “anh hùng” vô chính phủ đôi khi làm cho người ta tưởng lầm rằng nó là cách mạng. Trong xã hội cũ, cái nghệ thuật “nổi loạn để nổi loạn”, “mới để mới” ấy đưa đến những thứ chủ nghĩa quái dị siêu thực, đa đa v.v... và có lúc nào đó đã đánh lừa một số nghệ sĩ chán ghét sự phê phán của bọn thống trị tư bản chủ nghĩa. Nhưng trong bề sâu, đó vẫn là một thứ nghệ thuật phản động, xa lạ với cách mạng, với cuộc chiến đấu của quần chúng. Bọn

## HUỶNH ÁI TÔNG

thống trị không sợ thứ nghệ thuật đó mà còn coi đó là một món ăn lạ, đầy kích thích. Và những nghệ sĩ “nổi loạn” ấy thật ra chẳng nổi loạn gì chống bọn thống trị mà chỉ như những đứa con hư của nhà giàu, ăn chơi phá phách, để rồi lại trở về ăn năn với bố mẹ, và bóc lột người khác. Chỉ trừ khi nào người nghệ sĩ đã giác ngộ cách mạng, đi vào quần chúng, phục vụ quần chúng, thì mới dứt bỏ được với xã hội cũ. Trong xã hội mới của chúng ta, trong xã hội cách mạng đang xây dựng, thì cái tâm lý nổi loạn phá phách của văn nghệ đôi trụ cũ không những sai lạc nguy hiểm, làm hại cách mạng, và chống lại cách mạng.

Để áp dụng trong sáng tác cái lý luận chống đối nói trên, Trương-Tửu đã đưa ra cách viết gọi là “phát hiện khuyết điểm để kiểm tra chính sách”. Trương-Tửu nêu lên cho văn nghệ cái nhiệm vụ gọi là “dũng cảm phát hiện sự thật”. Khi người ta phê bình thái độ đả kích, bới móc và xuyên tạc của báo *Nhân văn* thì báo đó cũng trả lời: không phải chúng tôi chống Đảng, chống chế độ, chúng tôi chỉ phát hiện khuyết điểm để giúp Đảng sửa chữa.

Gần đây trong những cuộc tranh luận về vấn đề “biểu hiện thực tế”, cũng có một vài nhà văn đưa ra một chủ trương tương tự, là văn nghệ chỉ cần nêu lên vấn đề, còn giải quyết vấn đề là công việc của Đảng, Chính phủ và cơ quan có trách nhiệm.

Để bênh vực cho chủ trương như trên, có người vin vào câu nói nổi tiếng của Ăng-ghe-n: “Khuyh hướng phải toát ra từ bản thân tình thế và hành động chứ không nên nói trắng ra một cách bộc lộ, và nhà thơ không nhất thiết phải đưa sẵn nguyên vẹn cho độc giả cách giải quyết lịch sử tương lai của những sự xung đột xã hội mà nhà thơ diễn tả”. Câu nói của Ăng-ghe-n rất đúng, đó là một nguyên tắc căn bản của văn nghệ hiện thực; xưa cũng như nay, hiện thực cổ điển cũng như hiện thực xã hội chủ nghĩa. Nhà văn nghệ diễn tả sự thật của đời sống chứ không phải diễn thuyết về cách giải quyết đời sống. Trong tác



## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

phẩm văn học, phải để cho sự sống thực tự nó nói lên khuynh hướng của nó chứ nhà văn đừng đứng ra mà diễn thuyết về thế giới quan, nhân sinh quan hoặc lập trường tư tưởng của mình. Làm trái với điều trên đây, tác phẩm văn nghệ sẽ đi vào chỗ khái niệm, hoặc rơi vào lối khẩu hiệu cứng nhắc nào mà bộ xương không có máu thịt của cuộc đời. Nhà thơ cũng không nhất thiết phải đưa sẵn cho người đọc cách giải quyết những sự xung đột, mà có thể để cho người đọc tự suy nghĩ thấy cách giải quyết bao hàm trong sự việc và tình hình miêu tả tác phẩm. Ăng-ghen chống lại lối khái niệm hóa văn nghệ, nhưng không hề nói rằng tác phẩm không cần có khuynh hướng gì, những sự xung đột không cần có cách giải quyết nào. Trái lại, Ăng-ghen nói đến khuynh hướng của tác phẩm, cách giải quyết những sự xung đột xã hội, nghĩa là nói đến lập trường tư tưởng của nhà văn trước đời sống và trách nhiệm của nhà văn trong khi nêu lên những vấn đề của đời sống.

Chủ trương gọi là sáng tác để “phát hiện sự thật, phát hiện vấn đề, phát hiện khuyết điểm”, v.v... khác hẳn với ý kiến của Ăng-ghen ở chỗ nó cho rằng tác phẩm không cần có khuynh hướng gì, nhà văn khi tả một sự việc không cần có ý kiến gì về sự việc đó cũng được, tóm lại tác phẩm không cần bao hàm thế giới quan nào, tác giả không cần có lập trường nào, chỉ cần “dùng cảm nói sự thật”. Trước hết, trong văn nghệ thực tế không có sự việc nào mà chúng ta mô tả lại không có ý kiến nhận xét phê phán của ta về phía này hay phía khác. Các nhà văn đều biết rất rõ là cùng một sự vật, cùng một việc, cùng một con người mà có năm bảy cách nhìn, cách cảm, cách đánh giá, cách trình bày. Đời sống miêu tả trong văn học nghệ thuật là đời sống sáng tạo lại, và trong sự sáng tạo đó cách nhìn, cách cảm xúc của nhà văn nghệ có một vai trò quyết định. Nhìn đúng, cảm xúc đúng thì tả đúng và làm rõ sự thật lên, nhìn sai, cảm xúc sai thì sự thật bị bóp méo đi, thành ra giả tạo. Cho nên chủ trương gọi là “dùng cảm phát hiện vấn đề”, thật ra chỉ là bào chữa, che đậy cho những lập trường thái độ không đúng.

## HUỖNH ÁI TÔNG

Một là nó phản ánh sự bất lực và rối trí của nhà văn trước những vấn đề phức tạp của đời sống thấy có những việc rắc rối song không biết vấn đề thực ở đâu và phải giải quyết như thế nào. Theo tôi, đó là trường hợp một số sáng tác đã phê bình gần đây như “Một ngày chủ nhật”, “Thao thức”, hay là “Cây Hà-nội”, “Ông lão hàng xóm”. Những trường hợp ấy nhà văn cần cố gắng vượt lên, chứ không thể nêu sự bất lực và hoang mang thành một chủ trương sáng tác để làm lây hoang mang sang người khác.

Hai là nó bào chữa cho thái độ “tài tử” vô trách nhiệm của nhà văn, khi miêu tả đời sống. Thấy chuyện thì tôi nêu lên, kết quả thế nào là việc khác, giải quyết không phải là việc của tôi, đó chỉ là một biến hình của “nghệ thuật vị nghệ thuật”, chơi rờn vói ngòi bút.

Nhưng nguy hiểm nhất là cái chủ trương “phát hiện sự thật” trên đây dễ trở thành cái giấy thông hành giả để công khai hóa những thái độ xấu, muốn đả kích vào đời sống của chúng ta. Những kẻ có ác ý, và cả kẻ địch cũng không cần gì hơn từng nẩy đề có thể nghiễm nhiên bôi móc mọi khuyết điểm, mọi cái xấu, đem chắp lại thành những hình ảnh đen tối về đời sống, những hình ảnh không đúng thật, lấy những hiện tượng xấu ghép vào nhau để xuyên tạc bản chất chế độ ta, gieo rắc hoang mang, thất vọng, thù hằn. Chính đó là thủ đoạn xuyên tạc quen thuộc của lối “tác động tinh thần”. Đó cũng là phương pháp đã kích xuyên tạc của bọn Tờ-rốt-kit: ví dụ như qua cán bộ của Đảng mà đả kích chính sách, qua những khuyết điểm của chính sách mà làm cho hoài nghi toàn bộ đường lối cách mạng của Đảng và sự lãnh đạo của Đảng. Trong *Nhân văn*, Giai phẩm, có nhiều bài cũng đã dùng phương pháp đó để gieo rắc ấn tượng đen tối đối với chế độ ta, Đảng ta. Như đưa ra chiêu bài “tặng những người cộng sản chân chính” mà mạt sát những người cộng sản hiện thời, “nhân câu chuyện mấy người tự tử”, vì bị bố mẹ ép duyên mà đặt vấn đề “bực công an đặt giữa trái tim người”, v.v. ...

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Chống lại lối sáng tác bôi đen, và xuyên tạc như trên, không hề có nghĩa là ngăn cấm văn nghệ đấu tranh với những cái xấu còn rớt lại trong chế độ ta và phê bình những khuyết điểm trong các công tác. Không những văn nghệ có quyền mà còn cần phải làm những công việc đó. Vấn đề là nhà văn nghệ phải có lập trường đúng để nhận rõ cái gì là tốt, cái gì là xấu đối với ta, có lập trường đúng, có đủ trình độ chính trị mới nêu lên được vấn đề một cách đúng đắn và thấy được phương hướng giải quyết, không gọi là cái trắng là đen, và cái đen là trắng, cũng không đem khó khăn để tự sát mình và sát người khác. Khi phê bình những cái xấu, những khuyết điểm, nhà văn nghệ cần nhận rõ bản chất chế độ ta là tốt. Khi phê bình là để sửa chữa, để xây dựng, để làm cho chế độ ta, xã hội ta tốt hơn, tiến bộ hơn. Những điều đó, Đảng đã nhiều lần khuyên nhủ chúng ta, nếu ai không nghe thì đó chỉ là vì không muốn nghe mà thôi.

Trên vấn đề văn nghệ phục vụ công nông binh, chủ nghĩa xét lại đã biểu hiện ở chỗ phủ nhận hoặc xóa mờ ranh giới giai cấp, nêu lên “con người”, “nhân tính”, “nhân phẩm”, “*Nhân văn*” siêu giai cấp để đề cao chủ nghĩa cá nhân tư sản hoặc tiểu tư sản, bôi nhọ hoặc phủ nhận những đức tính cách mạng tốt đẹp của quần chúng lao động, chống lại hoặc trốn tránh việc đi vào công nông binh và sáng tác phục vụ công nông binh.

Trên báo *Nhân văn* cũng như các tập sách Giai phẩm luôn luôn nói đến “trái tim, bộ óc, tự do và nhân phẩm”. Ngay cái tên báo *Nhân văn* cũng là một lá cờ tư tưởng theo phương hướng đó. Một số tác giả như Hoàng-Cầm, Lê-Đạt hay nói đến tình yêu, và công kích cuộc sống chúng ta hiện nay là xâm phạm vào tình cảm con người. Những bài văn, thơ, như “Con người Trần-Dần”, “Nhân câu chuyện mấy người tự tử”, v.v... đều xoay vào đề tài đó. Trần-Duy, trắng trợn hơn, bôi nhọ những người cộng sản là “không lò không tim”, và để tỏ ra là mình “có tim”, Trần-Duy khóc lóc than vãn với những “tiếng sáo tiền kiếp” đòi truy, bé tắc. Những thứ luận điệu, “tư tưởng” đó

## HUỶNH ÁI TÔNG

thật ra đã cũ rích trong văn nghệ tư sản từ bao lâu về trước. Gần đây, có một vài bài văn thơ, dưới cờ là mô tả ra “con người”, còn thi vị hóa hình ảnh những nhân vật bán nước, hoặc sa đọa nữa.

Quan niệm của chúng ta về “con người”, “nhân tính”, “nhân phẩm” nhất định không thể giống với quan niệm của báo *Nhân văn* hoặc các tập sách *Giai phẩm*: Không phải “yêu ai là cứ bảo yêu, ghét ai là cứ bảo ghét”, hoặc hơn nữa, yêu ai thì cứ “sắn sỏ đòi tình yêu”, như vậy là “con người”. Trái lại, theo đạo đức cách mạng đó không phải là “người”. Chúng ta đã học một cách làm người khác: nhiều khi đói mà không ăn, thà chịu khổ để kháng chiến, để làm cách mạng, còn hơn ăn miếng cơm trong cuộc đời nô lệ, hoặc bị ối hơn nữa, ăn cơm thừa canh cặn của quân thù. Và tình yêu tự do của con người mới, không thể nào có nghĩa là tự do làm theo mọi người đòi hỏi, mọi thèm khát của mình. Thứ tự do đó chỉ là tự do của thú tính. Trái lại những cặp người yêu của thời đại ta không coi người yêu là một vật để thỏa mãn mình, không coi tình yêu là chỉ biết có tình yêu. Tình yêu thật của hàng nghìn vạn người thật mà chúng ta gặp trong đời sống ngày nay là tôn trọng giúp đỡ lẫn nhau, hy sinh cho nhau, trung thành, có trách nhiệm với nhau và có trách nhiệm với xã hội, với Tổ quốc, khi cần thì có thể hy sinh cả hạnh phúc riêng cho lợi ích của cách mạng. Như vậy không phải là “dại”, “không biết sống”, cũng không phải là “không tim”. Trái lại những người có “trái tim, bộ óc” tất phải làm như thế. Thời đại lớn của chúng ta đã cho chúng ta có trái tim và bộ óc lớn. Trước trái tim, bộ óc cao quý đó, chỉ có mấy anh lùn, từ dưới thấp lè tè sát đất, đem con mắt ích kỷ và quen hại người mà nhìn lên một cách ngớ ngẩn, rồi giễu cợt: “Kìa, bọn khổng lồ không tim”!

Trong cuộc thảo luận về con người mới, con người thời đại, có một vài ý kiến thắc mắc về vấn đề nhân tính và giai cấp tính, và cho rằng văn nghệ có cái gì ở trên các giai cấp. Vấn đề này cũng là một vấn đề cũ, đã nhiều lần thảo luận trong các tác

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

phẩm của chủ nghĩa Mác-Lê-nin. Nhân tính cố nhiên có, nhưng trong xã hội phân chia giai cấp, thì nhân tính biểu hiện cụ thể thành giai cấp tính, không có nhân tính trừu tượng nào đứng ngoài giai cấp. Nếu nhà thơ muốn tìm trong tình yêu trai gái chẳng hạn, một cái gì “cao thượng” ở trên các giai cấp giống nhau cho mọi giai cấp, thì có lẽ sẽ chỉ tìm thấy sự “đực cái” nguyên thủy mà thôi!

Thực chất của những lập luận về “con người, nhân phẩm” trừu tượng ở trên các giai cấp, chỉ là để thi vị hóa và bào chữa cho những lối sống dã man và ích kỷ của giai cấp bóc lột, và phủ nhận những đức tính tốt đẹp của quần chúng lao động. Theo quan điểm kỳ quặc về “con người” theo lối ấy, thì lao động quên mình hy sinh dũng cảm, có những tình cảm lành mạnh, tích cực, tức là “công thức, giả tạo” không “con người”, đã xoáy vào những cái xấu, kém, trình bày những con người chiến đấu cách mạng, những người lao động, thành những nhân vật thô bỉ, cục súc. Trái lại, đối với những tư tưởng, tình cảm hèn yếu hoặc bệnh tật, trốn tránh lao động, đấu tranh quay vào vỏ ốc của chủ nghĩa cá nhân, thêm thưởng hưởng thụ, thì lại có một số vần thơ môn trốn, xoa vuốt, tô son vẽ phấn, cho đó mới thật là “con người”.

Khi chúng ta nêu lên vấn đề văn nghệ phải đi vào lao động, biểu hiện con người lao động thì có những tiếng mai mỉa: “công nông binh lao động sản xuất chủ nghĩa!” Chúng ta không sợ những thứ mai mỉa đó. Đúng là chúng ta đề cao công nông binh lao động! Cũng như trước kia, trong kháng chiến, chúng ta đã nêu lên: văn nghệ phải đi vào kháng chiến, biểu hiện những kháng chiến. Nếu có tiếng nói nào mai mỉa “công nông binh kháng chiến chủ nghĩa”, thì chỉ đáng buồn và đáng áy ngại cho tiếng nói ấy. Đúng, theo quan điểm của chúng ta là người, trước hết nghĩa là đừng bóc lột, ăn bám mà phải lao động. “Nhân tính”, “nhân phẩm”, trước hết là ở đó. Sống bóc lột, ăn bám vào mồ hôi và máu của người khác, theo chúng ta không phải là sống ra con người. Khi nói tới “con người” hoặc

## HUỶNH ÁI TÔNG

“con người mới”, “con người thời đại”, chúng ta không thể tách vấn đề đó ra khỏi những câu hỏi: đó là con người lao động hay là con người bóc lột, ăn bám? Đó là con người tập thể hay là con người cá nhân chủ nghĩa? Đó là con người có tổ chức hay là con người vô kỷ luật, vô chính phủ? Trong thực tế của cách mạng xã hội chủ nghĩa đang tiến lên, đời sống đã đặt câu hỏi đó trước mặt mỗi người. Văn nghệ khi biểu hiện con người cũng không thể trốn tránh những câu hỏi đó.

Vì vậy hiện nay những cách kêu gào trống rỗng phải bảo vệ con người “chung chung”, phải tôn trọng “mọi tình cảm” của “con người”, mà không phân biệt rõ là bảo vệ con người lao động hay con người bóc lột, ăn bám, phải tôn trọng tình cảm đặt mình vào lợi ích tập thể hay đặt mình ở trên lợi ích tập thể, những cách kêu gào đó chỉ là một thứ khói hỏa mù để che mắt người ta, không cho nhìn rõ cuộc đấu tranh xóa bỏ và cải tạo những tầng lớp bóc lột trong xã hội. Nhà văn nghệ yêu sự thật, không thể lừa dối mình và lừa dối mọi người bằng những cách nói như vậy.

Cho nên khi nói đến con người mới, Đảng ta luôn luôn nói rõ: con người mới là con người lao động chân tay và trí óc, những con người mới trước hết là công nông binh. Trong bức thư gửi Đại hội văn nghệ toàn quốc lần thứ hai, Trung ương Đảng đã kêu gọi các nhà văn nghệ đi vào những con người lao động quen mình và phấn đấu kiên quyết, hàng ngày sáng tạo, làm cho chủ nghĩa xã hội thành sự thật của đời sống.

Đời sống của công nông binh, đó là máu thịt, là chất sống của văn nghệ cách mạng, bỏ chất sống đó đi thì cũng không còn văn nghệ cách mạng nữa. Ngày nay, không ai còn có thể công khai chống lại đường lối văn nghệ đó, vì đã qua cuộc đấu tranh gian khổ của chín năm kháng chiến, do sự cố gắng của những người văn nghệ, do sự xây dựng kiên trì của Đảng, nền văn nghệ phục vụ công nông binh không phải chỉ là lý thuyết mà đã thành sự thật, nó đã đứng lên đầy sức sống. Song rải rác gần

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

đây trong khi thảo luận về chủ đề sáng tác, chúng ta lại thấy xuất hiện một số ý kiến có thể gây ra lẫn lộn về vấn đề căn bản đó. Có ý kiến nói: viết về tiểu tư sản mà sâu sắc và hay còn phục vụ được công nông binh hơn là viết về công nông binh mà nông cạn và dở. Có ý kiến nói: nhà văn chỉ thành công khi nào viết lên cái mình đã quen thuộc và biết rõ. Cũng có ý kiến nói: tả giọt nước cũng có thể thấy được cái vô cùng của biển cả, trời xanh. Hoặc có ý kiến khác nữa: cái giá trị của tác phẩm là dạy cho người ta cách nhìn mới, làm cho cảm giác thấy những cái mới ngay trong cuộc sống hàng ngày đã quen thuộc, chứ không phải cái giá trị là ở chủ đề mới.

Chúng ta đều đồng ý rằng riêng chủ đề không làm ra được tác phẩm nghệ thuật mà chủ đề ấy phải thể hiện lên thành những con người, những tư tưởng tình cảm có sự sống thật. Viết về công nông binh nhưng nếu diễn tả công nông binh còn nông cạn, cứng nhắc, chưa thành người, hoặc lại diễn tả sai lạc đi theo con mắt nhìn tiểu tư sản thì tác phẩm vẫn không có giá trị. Và cũng đã có trường hợp nhà văn chỉ mượn đề tài công nông binh, hoặc chiến đấu, lao động làm cái có để nói lên những tình cảm tiểu tư sản của mình.

Chúng ta công nhận rằng nhà văn hay nhà thơ có thể miêu tả giai cấp tư sản hay tiểu tư sản với lập trường tư tưởng của giai cấp công nhân. Tác phẩm như vậy có ích lợi cho công nông binh. Và công nông binh còn hoan nghênh cả những bức tranh vẽ phong cảnh bông hoa, tĩnh vật hay người khỏa thân, nếu vẽ lành mạnh, đẹp, đúng với nhu cầu tình cảm của quần chúng. Cho nên chúng ta không hề gạt bỏ đề tài nào, hoặc cấm một đề tài nào. Nhà văn có thể viết về bất cứ đề tài nào mình thấy cần viết và đủ sức viết, miễn là tác phẩm có nội dung tư tưởng tốt, xây dựng được tâm hồn quần chúng, giáo dục được quần chúng, phục vụ cho cách mạng tiến lên.

Song vấn đề đặt ra ở đây không phải đặt ra chung chung cho những nhà văn nghệ lý tưởng đủ sức và đủ trình độ để sáng tác

## HUỶNH ÁI TÔNG

thành công về bất cứ đề tài nào, mà vấn đề đang đặt ra cụ thể cho các văn nghệ sĩ ta, những văn nghệ sĩ Việt - nam, đa số xuất thân ở giai cấp tiểu tư sản, trước đây ít gần gũi quần chúng lao động, mới bước đầu đi vào công, nông, binh, về tư tưởng thì còn vướng mắc nhiều trong những tư tưởng của giai cấp cũ. Đối với thực trạng của đa số chúng ta như vậy, nếu không quyết tâm cải tạo tư tưởng của mình, và không chịu gian khổ lăn vào đời sống của quần chúng, tham gia vào cuộc sống lao động phấn đấu, tìm hiểu cuộc sống đó, thì không thể thoát khỏi con người cũ của mình được, không thể có cách nhìn mới đối với cuộc sống được. Và khi đó không những bắt lực không thể viết về công nông binh, mà viết về giai cấp tiểu tư sản hoặc tư sản cũng không thể thành công, không miêu tả được thực chất những giai cấp đó theo đúng lập trường tư sản vô sản. Trong thực trạng hiện nay của đa số chúng ta, nếu kêu la: “Cứ để cho tôi viết cái tôi đã quen”, “cứ để cho tôi tả giọt nước cũng có thể thấy trời xanh biển cả”, nếu chỉ kêu là như vậy thì thực tế nghĩa là nhà văn không cần phải đi đâu, cứ ngồi nhà viết về tiểu tư sản, say sưa với tình cảm tiểu tư sản của mình, tuyên truyền cho tư tưởng, tình cảm tiểu tư sản. Tác phẩm như vậy chỉ có thể sai lầm, có hại, không phục vụ gì cho công nông binh được. Nhà văn như vậy không phải là mượn giọt nước để tả biển cả trời xanh mà thực tế là thu mình trong vỏ ốc, đi vào những thích thú tụn mồn, bên rìa cuộc sống của quần chúng. Những giọt nước khi đó không phản ánh được biển cả trời xanh nào, mà chỉ phản ánh cái bóng tối om của cái vỏ ốc cá nhân chủ nghĩa. Trong thực tế, thì hơn ba năm nay, một số khá đông văn nghệ sĩ chúng ta đã tách rời đời sống quần chúng một cách nghiêm trọng. Nhìn vào đời sống một số văn nghệ sĩ ở Hà - nội, không khỏi sốt ruột! Đối với cơ quan thì những anh em đó không nhận mình là cán bộ và không tham gia sinh hoạt cơ quan, đối với khu phố thì những anh em đó lại là cán bộ cơ quan, không tham gia sinh hoạt khu phố. Chưa nói tới việc tìm hiểu nhà máy, hầm mỏ, nông thôn, miền núi v.v... ngay sinh hoạt chính trị của nhân dân khu phố mình ở, có văn nghệ sĩ cũng không biết gì. Trong tình trạng như vậy, mà chỉ nói “cứ tả



## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

giọt nước cũng thấy biển cả” thì rồi đi tới đâu, chúng ta đã thấy! Một số văn nghệ sĩ chúng ta hiện nay chỉ làm việc “rút ruột tằm”, sáng tác trên cái vốn sống cũ từ trước, mà thiếu hẳn vốn sống trong thực tế mới của quần chúng.

Vấn đề của chúng ta ngày nay không phải là “cứ viết về cái mình quen thuộc”, mà là phải gian khổ đi vào đời sống quần chúng, cho đến quen thuộc quần chúng, thấm nhuần tư tưởng tình cảm mới của đời sống lao động, phấn đấu cách mạng, để có thể sáng tác thành công về công nông binh và về mọi đề tài khác.

\*

*Về vấn đề Đảng lãnh đạo văn nghệ* trên báo *Nhân văn* và những tập sách *Giai phẩm* cũng như trong một số bài không tốt còn đăng lén lút ở sách báo gần đây, chưa có tiếng nói nào dám trắng trợn tuyên bố: tôi chống lại sự lãnh đạo của Đảng. Vì nói như vậy là tự lột mặt nạ trước quần chúng và sẽ bị quần chúng đập xuống ngay. Nhưng cái mũi nhọn tiên công của những tư tưởng xấu trước sau vẫn là chĩa vào sự lãnh đạo của Đảng, vì sự lãnh đạo đó là kim chỉ nam, là linh hồn của cách mạng, của mọi mặt đời sống chúng ta, trong văn học nghệ thuật cũng không thể khác. Toàn bộ lý luận của báo *Nhân văn* và các tập sách *Giai phẩm* về sự lãnh đạo của Đảng là xuyên tạc và đòi lật đổ hoặc thoát ly sự lãnh đạo đó. Chúng ta thấy rõ như vậy, khi đọc lại những bài về “Trăm hoa đua nở” hoặc đọc loạt bài của Trương-Tửu về “Chống sùng bái cá nhân trong văn nghệ” và “Văn nghệ với chính trị”. Trước hết điểm lý luận mà Trương-Tửu đã tập trung vào nêu lên, tức là: sự lãnh đạo của Đảng là giáo điều, độc đoán, xâm phạm vào tự do của văn nghệ, sai với chủ nghĩa Mác-Lê-nin. Để chứng minh điều đó, Trương Tửu đã trích dẫn rất nhiều những câu, những đoạn trong các tác phẩm của chủ nghĩa Mác-Lê-nin, nhưng đem cắt câu, xén đuôi, tách ra khỏi ý nghĩa trong nguyên bản, rồi đem chấp lại thành một thứ chủ nghĩa “Mác-Lê-nin” của Trương-Tửu, sặc

## HUỶNH ÁI TÔNG

mùi vị vô chính phủ. Sau đó, Trương-Tửu đem sự lãnh đạo của Đảng ta đối chiếu với thứ chủ nghĩa “Mác-Lê-nin” đã xuyên tạc đó, để kết luận rằng Đảng ta lãnh đạo văn nghệ không theo đúng chủ nghĩa Mác-Lê-nin, Đảng ta không phải Đảng Mác-Lê-nin chân chính. Ví dụ, để bênh vực cho cái lý luận: “Văn nghệ chỉ cần vâng theo sự thúc đẩy của nội tâm mình”, Trương-Tửu thường nhắc đến câu của Lê-nin: “Không thể chối cãi được rằng sự nghiệp văn học ít nhân nhượng hơn cả đối với sự bình quân máy móc, đối với việc san bằng, đối với việc số đông thống trị số ít. Không thể chối cãi được rằng trong sự nghiệp đó tuyệt đối phải đảm bảo phạm vi rộng rãi bao la cho sáng kiến cá nhân, cho chiều hướng cá nhân, bảo đảm phạm vi rộng rãi bao la cho tư tưởng và sức tưởng tượng, cho hình thức và nội dung.”

Song chúng ta đều biết câu nói trên đây là ở trong bài văn nổi tiếng của Lê-nin về “Tổ chức Đảng và văn học Đảng”. Ý nghĩa chính của toàn bài đó không phải ở câu trên, mà ở nguyên tắc về tính đảng của văn học. Lê-nin viết: “Nguyên tắc đó của văn học Đảng là gì? Nguyên tắc đó không phải chỉ ở chỗ đối với giai cấp vô sản xã hội chủ nghĩa, sự nghiệp văn học không những không thể là công cụ kiếm tiền của những cá nhân hoặc những nhóm, mà nói chung, nó không thể là sự nghiệp cá nhân độc lập hẳn với sự nghiệp chung của giai cấp vô sản”. Lê-nin nói rõ thêm: “Sự nghiệp văn học phải thành một bộ phận trong toàn bộ sự nghiệp của giai cấp vô sản, phải thành “một cái bánh xe nhỏ và một cái đinh ốc” trong bộ máy xã hội dân chủ chủ nghĩa vĩ đại, thống nhất, do đội tiên phong hoàn toàn giác ngộ của toàn bộ giai cấp công nhân mở máy. Sự nghiệp văn học phải thành một bộ phận khăng khít của công tác Đảng xã hội-dân chủ thống nhất có kế hoạch, có tổ chức”.

Sau khi vạch ra nguyên tắc như trên, Lê-nin mới nói về đặc điểm của sự nghiệp văn học là không thể nhân nhượng với sự bình quân máy móc, và phải bảo đảm phạm vi rộng rãi cho sáng kiến cá nhân. Nhấn vào đặc điểm của văn học rồi, Lê-nin

## HAI MUỐI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

lại nhắc lại nguyên tắc: “Tất cả những điều đó không thể chối được. Nhưng tất cả những điều đó chỉ chứng tỏ rằng: bộ phận văn học trong sự nghiệp Đảng của giai cấp vô sản không thể cùng với những bộ phận khác của giai cấp vô sản đập khuôn như nhau. Tất cả những điều đó cũng không lật đổ cái nguyên lý mà giai cấp tư sản và phái dân chủ của giai cấp tư sản cho là lạ lùng, kỳ quái; sự nghiệp văn học nhất định phải là một bộ phận công tác của Đảng xã hội – dân chủ gắn liền chặt chẽ với các bộ phận khác”.

Chúng ta đều thấy rõ, nếu chỉ nhắc có một đoạn như Trương-Tử đã làm, mà nêu lên đó là nguyên lý của Lê-nin về văn học thì thật là đổi trắng thay đen đến tột độ. Và nếu căn cứ vào “nguyên lý” đã xuyên tạc đi như vậy mà nhìn, thì Đảng không được quyền dòm ngó gì đến công việc của văn nghệ sĩ nữa, chỉ có việc là “tuyệt đối phải bảo đảm phạm vi rộng rãi bao la cho sáng kiến cá nhân, cho chiều hướng cá nhân”, v.v... tốt nhất là Đảng chỉ có việc cung cấp lương, tiền và điều kiện làm việc, làm một thứ Mạnh-Thường-Quân ù lì của văn nghệ, còn ngoài ra các văn nghệ sĩ muốn làm gì thì làm, Đảng không được phát biểu ý kiến gì. Hễ đảng vạch ra đường lối sáng tác, hễ Đảng phê bình sai lầm khuyết điểm, đấu tranh tư tưởng, thì đều là “giáo điều, can thiệp, thô bạo” trái với Lê-nin! Như vậy mà tuyên bố thừa nhận sự lãnh đạo của Đảng thì thật là kỳ quặc!

Những “lý luận Trương-Tử” và các thứ lý luận tương tự trong *Nhân văn*, Giai phẩm đều nhằm thổi phồng đặc điểm của văn nghệ, xuyên tạc những đặc điểm đó, để phủ nhận bất cứ sự lãnh đạo nào của Đảng, phủ nhận nguyên lý của Lê-nin: sự nghiệp văn học phải là một bộ phận của sự nghiệp cách mạng, do Đảng lãnh đạo. Nhà văn, chiến đấu trong hàng ngũ cách mạng, phải phục tùng sự lãnh đạo của Đảng là bộ tham mưu chỉ đạo toàn bộ cách mạng.

Cũng trong luồng lý luận như trên, chúng ta còn nhớ Phan-Khôi đưa ra chủ trương “văn nghệ và chính trị vô vai nhau: tôi

## HUỶNH ÁI TÔNG

với anh hai bên cùng có lợi”, biến quan hệ giữa văn nghệ với cách mạng, với Đảng thành một thứ mặc cả mua bán.

Về mặt “lý luận” và nguyên tắc Đảng lãnh đạo văn nghệ thì như trên, còn đối với tổ chức của Đảng, đối với các cơ quan và nhất là cán bộ của Đảng thì báo *Nhân văn* và các tập sách Giai phẩm đã bịa đặt và xuyên tạc sự việc, đã kích một cách hằn học, dùng những danh từ thô bỉ để mạ sát, quên cả lễ độ tối thiểu của ngòi bút. Những người viết các bài đó vấy bùn lên những cán bộ, và có ngụ ý thâm hiểm hơn nữa là trong khi vẽ lên những bức tranh về những cán bộ xấu, ác, dốt, đê hèn, thì họ muốn làm cho người ta nghĩ rằng: Đảng lao động Việt-nam là như vậy, cán bộ là như vậy. Thật ra trong khi họ phun ra tất cả sự hằn học đó, thì thực chất của họ đã lộ rõ trong những bức tranh quái gở mà họ vẽ nên để xuyên tạc về cán bộ của Đảng: những bức tranh đó đã thành tấm gương phản chiếu bộ mặt thật của họ. Đối với cán bộ của Đảng, lập luận của Trương-Tửu và của báo *Nhân văn* là: không biết chuyên môn không được nói về chuyên môn, không biết văn nghệ không thể có ý kiến về văn nghệ. Bằng lập luận đó, họ muốn bịt miệng, chặn họng quần chúng và cán bộ của Đảng. Nhưng quần chúng làm ra đời sống, đã không im trước những hình ảnh xuyên tạc về đời sống mà họ vẽ ra. Quần chúng đã đem thực tế của đời sống mà đối chiếu với những bức tranh xuyên tạc đó và vạch trần những lập luận giả dối của họ.

Một nét nữa của báo *Nhân văn* và của Trương-Tửu đối với sự lãnh đạo của Đảng là họ phỉn định quần chúng, làm như quyền lợi của quần chúng đối lập với Đảng, họ khơi sâu thêm những mâu thuẫn nảy ra trong quan hệ giữa lãnh đạo và người bị lãnh đạo và khích quần chúng nổi dậy chống lãnh đạo. Họ đòi “trăm hoa đua nở” theo lối “hoa lành hoa độc, hoa thối hoa thơm đều có quyền nở tự do”, phải đưa thẳng tất cả cho quần chúng, không được có “cấp trung gian” nào giữa văn nghệ sĩ và quần chúng, quần chúng sẽ tự định đoạt lấy và chọn lấy. Họ gọi tổ chức của Đảng là cung cấp trung gian, hệ thống quan

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

liêu, là cái “cầu mực nát” làm cho lãnh đạo xa lạ quần chúng, đề lên quần chúng. Trương - Tửu còn hay lợi dụng những người đã chết như đối với họa sĩ Tô-Ngọc-Vân. Bài “Chống sùng bái cá nhân trong văn nghệ” đã nêu Tô-Ngọc-Vân là “dũng cảm” vì dám tranh luận với ý kiến của một lãnh tụ Đảng, Trương-Tửu kêu gọi văn nghệ sĩ phải làm như vậy, có như vậy mới là “dũng cảm”. Sự thật như chúng ta đều biết là Đảng không hề ngăn cấm những ý kiến tranh luận trong văn nghệ, và chính những ý kiến của họa sĩ Tô-Ngọc-Vân đã đăng trên tạp chí *Văn nghệ* là một tờ báo chịu sự lãnh đạo của Đảng. Những cái dũng cảm thật của Tô-Ngọc-Vân đâu phải ở việc “dám chống lại lãnh đạo”, cái dũng cảm thật của anh là đi theo cách mạng, theo Đảng, rời bỏ Hà-nội, lăn vào kháng chiến, rời rời bỏ cả một số quan điểm nghệ thuật cũ của mình, nghe theo sự giáo dục của Đảng, lăn mình vào quần chúng mà sáng tác và phục vụ cho đến lúc hi sinh.

Những lối xúc xiểm, nịnh quần chúng của báo *Nhân văn* và lý luận Trương-Tửu, không khác gì những thủ đoạn của bọn khiêu khích.

Sau khi khuynh hướng của báo *Nhân văn* bị đánh lui, trên báo chí chúng ta đã thấy một lúc sạch được những lập luận như trên. Nhưng gần đây lại thấy hiện ra lê tẻ một vài lập luận tương tự. Một số bài lại nói bóng gió, gây không khí đối lập giữa văn nghệ sĩ với sự lãnh đạo của Đảng. Một số tin văn nghệ đã in rõ, không có một ý kiến phê bình, để nói về một cuốn in ở miền Nam nội dung là “ở miền Bắc thì văn nghệ sĩ bị gọi là Việt gian phản quốc, ở miền Nam thì bị gọi là phiến loạn, thật là tuyệt lộ”. Lý luận “không biết học văn chương thì không phê bình văn chương” lại đưa ra trong bài “Ông võ ngược”, còn “Ông Năm Chuột” của Phan-Khôi thì triết lý: tôi không dạy ông làm văn chương cũng như ông đừng dạy tôi làm thợ bạc.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Không thể để cho tình trạng đó tiếp tục, chúng ta phải làm sáng rõ nguyên tắc về Đảng lãnh đạo văn nghệ và đập tan những luận điệu *Nhân văn*, “nguyên tắc Trương—Tửu”, “lập luận Phan- Khôi” đang tìm cách nhồi lên trở lại.

Điều đáng quan tâm là gần đây trên tuần báo *Văn* có những ý kiến lệch lạc của một vài đồng chí phụ trách, phủ nhận hoặc coi thường sự lãnh đạo về tư tưởng. Ví dụ như có chủ trương cho rằng hiện nay, phải giải quyết mọi vấn đề văn nghệ bằng sáng tác, lấy sáng tác đọ với sáng tác, còn cãi nhau mãi không đi tới đâu, mọi lý lẽ đã hết cả rồi. Hoặc có chủ trương khác cho rằng đối với một số sáng tác có tư tưởng sai lầm thì cứ nên in ra cho mọi người đọc rồi phê bình sau. Dư luận đã phản đối chủ trương như trên. Theo tôi, những chủ trương đó đã san bằng cái đúng với cái sai, và tước vũ khí đấu tranh tư tưởng hóa và hạ thấp sự lãnh đạo của Đảng trong văn nghệ, thực tế là bỏ trận địa cho những tư tưởng sai lầm nảy nở và tác hại.

Cũng trên chiều hướng phủ nhận sự lãnh đạo của Đảng, chúng ta thấy xuất hiện một số lập luận dè bủ và dìm thấp những tác phẩm văn nghệ từ sau Cách mạng tháng Tám, và những tác phẩm của văn nghệ xã hội chủ nghĩa để quay trở về bái phục cái “nghệ thuật”, “kỹ thuật” của văn học tư sản cũ trên thế giới và ở Việt-nam, đòi “khôi phục” những tác phẩm có trào lưu văn học đó. Có nhà văn cũ của ta bị hỏi những câu như sau: Tại sao từ cách mạng đến nay anh viết kém hơn trước? Cái ngụ ý của người đặt ra câu hỏi như vậy không có gì khó thấy: người ấy muốn nói rằng văn học từ khi có Đảng lãnh đạo đã kém đi.

Trong việc tái bản những sách cũ, cũng có khuynh hướng khôi phục những tác phẩm văn học lãng mạn, suy đồi, mà không hề phê phán. Có những tác phẩm cũ mang những tư tưởng phản động hoặc lạc hậu còn được tâng bốc, khen ngợi, như trường hợp cuốn *Tiêu sơn tráng sĩ*. Dư luận đã phản đối việc làm đó. Sự phản đối ấy hoàn toàn đúng. Trong văn học hiện thực và lãng mạn trước Cách mạng tháng Tám có không ít tác phẩm có

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

nội dung căn bản tốt, chúng ta phải biết chọn đúng. Nhưng không thể in lại bừa bãi. Và chúng ta đều biết rõ phần lớn những tác phẩm trước cách mạng, cả một số tác phẩm căn bản tốt, cũng còn mang nhiều tư tưởng sai lầm của thời đó, và những tư tưởng phản động nữa. Khi đánh giá lại các tác phẩm cũ, chúng ta hết sức làm nổi bật mọi điểm tốt và tiến bộ, nhưng chúng ta phải phê phán những tư tưởng sai lầm, không thể bỏ qua, lại càng không thể tăng bốc như người ta đã làm.

Chúng ta cần chống lại với khuynh hướng “khôi phục” lại đó, và chống lại với thái độ dè dặt nền văn học cách mạng của chúng ta. Nền văn học mới của cách mạng dù còn non trẻ cũng không sợ bất cứ sự so sánh nào với văn học tư sản trước cách mạng. Chúng ta dám nói: Nếu so sánh với văn học lãng mạn tư sản trước đây thì nền văn học mới đã hơn hẳn, hơn về nội dung đã đành nhưng hơn hẳn cả về nghệ thuật nữa, hơn trong sự miêu tả thực chất của đời sống, của nhân vật, hơn trong tình cảm sâu sắc, hơn cả trong sự sử dụng ngôn ngữ dân tộc. Và nhất định không phải từ sau Cách mạng tháng Tám các nhà văn đã viết kém đi. Có người viết kém đi vì tài năng đã đứng hoặc lùi, đó không phải tại cách mạng. Nhìn chung, ai cũng biết là viết về cách mạng rất khó. Các nhà văn của chúng ta đều hiểu rất rõ những gian khổ của ngòi bút, khi muốn diễn tả cuộc sống mới bao la, ào ạt, chuyên biến lên không ngừng. Ngày nay chúng ta viết khó hơn ngày trước rất nhiều vì thực tế của cách mạng vượt qua mọi sự tưởng tượng và hiểu biết của người cầm bút. Song không vì thế mà các nhà văn của chúng ta không mỗi ngày một tiến bộ. Có một số nhà văn cũ nay viết chưa hay, nhưng cũng rõ ràng có những nhà văn đã viết hay hơn ngày trước rất nhiều. Nền văn học cách mạng của chúng ta còn non trẻ, nhưng nó đã có những tác phẩm tốt, có giá trị, tuy chưa có những tác phẩm lớn thật xứng đáng với thời đại ta. Những tác phẩm đó vang tới, chắc chắn sẽ tới.

Quan điểm căn bản của chủ nghĩa xét lại, tuy tự xưng là “mới”, nhưng đều rút ở cái kho lý luận đã quá thời của văn nghệ tư

## HUỶNH ÁI TÔNG

sản. Mặc dù nó khoác nhiều thứ áo lòe loẹt và tự rêu rao là “phát triển Mác-Lê-nin” v.v..., chủ nghĩa xét lại không thể giấu được bộ mặt thật của nó, và nhất định bị đánh ngã. Tuy nhiên, cuộc đấu tranh tư tưởng trong văn nghệ không thể đơn giản, gọn gàng. Nó còn phải trải qua nhiều bước phức tạp, khó khăn. Kinh nghiệm bước đầu của chúng ta, hơn ba năm qua, đã chứng tỏ điều đó. Kinh nghiệm đấu tranh ở các nước xã hội chủ nghĩa cũng cho ta thấy điều đó.

Một sự thật là nhiều văn nghệ sĩ chúng ta, suốt mấy năm qua, đã loanh quanh ở thành thị, giữa cuộc sống chạy đua kiếm chác, đầu cơ trục lợi, “cá lớn nuốt cá bé”, “khôn sống mòng chết” của giai cấp tư sản và những tầng lớp tiểu tư sản. Chúng ta hít thở cái không khí đó, và quá xa rời cuộc sống lao động phần đầu lành mạnh của công nông. Cách mạng đã chuyển biến, chủ nghĩa xã hội đã xuất hiện chung quanh ta, và hàng ngày đang lớn lên, đang đấu tranh trên mọi mặt với chủ nghĩa tư bản. Điều đó chúng ta thường chưa nhận rõ. Hoặc nếu có tìm hiểu cuộc đấu tranh đó thì chúng ta thường mới lo lắng nhìn thấy những cơn sóng gió dồn dập chứ chưa nhận rõ dòng sông to lớn đang chuyển mình lên. Cách mạng đã chuyển biến và đời sống thay đổi, nhưng chúng ta đã thường nhìn đời sống và suy nghĩ theo cách nhìn và những quan niệm của giai đoạn cách mạng cũ. Không những thế, những tư tưởng lạc hậu có gốc rễ trong văn nghệ từ trước cách mạng, nay lại quật dậy và lồng lộn, phá phách. Vì cuộc đấu tranh mới đã chích thẳng vào những tư tưởng đó. Tôi nghĩ rằng công việc sáng tác văn nghệ mà làm đúng thì bắt chúng ta phải lăn lộn vào đời sống, vật lộn với khách quan để tìm hiểu sự thật và diễn tả cho đúng sự thật đó. Nhưng một phía khác thì công việc ấy cũng rất dễ đánh lừa chúng ta. Vì sự sáng tác là một việc làm cá nhân, và không thể khác được. Một nhà tiểu thuyết đã nhận xét: “Khi ở trước trang giấy thì nhà văn dễ thấy mình là trung tâm vũ trụ”. Ý thức tư tưởng cá nhân, chủ quan, đầu óc siêu nhân, vô chính phủ, là những bệnh tư tưởng mà người văn nghệ ít nhiều thường mang trong mình. Đó cũng là một miếng đất tốt cho chủ nghĩa xét lại



## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

gieo vào và nảy nở. Nhất là một số đông văn nghệ sĩ, trước cách mạng, học trong trường Pháp, bị ảnh hưởng rất sâu của những quan điểm văn nghệ tư sản phương Tây trong thời kỳ suy đồi cuối cùng của nó. Thời gian vừa qua, nhất là sau Đại hội lần thứ 20 của Đảng cộng sản Liên-xô, sau khi Đảng ta phát hiện một số sai lầm khuyết điểm và tự phê bình, trong tư tưởng chúng ta hẳn lúc nào và ở nơi nào mất phương hướng của tư tưởng vô sản thì lúc ấy và ở nơi ấy những tư tưởng văn nghệ tư sản sống ngay trở lại. Những tư tưởng sai lầm này khi sống lại thì lập tức được sự cổ vũ, hưởng ứng của cuộc sống cũ và lớp công chúng cũ ở thành thị. Nó cũng được sự hoan nghênh của tất cả những lực lượng chống chủ nghĩa xã hội. Nhưng nó vấp ngay phải sự phê bình đấu tranh của Đảng và của quần chúng lao động. Cuộc đấu tranh ấy mỗi lúc càng gay gắt, nếu không nhận rõ tình hình thì một số văn nghệ sĩ lạc đường không những không nhận thấy mình sai lầm, mà còn quay lại hờn giận bực tức với Đảng, hoặc còn dựa vào những lực lượng lạc hậu để chống lại sự phê bình của Đảng. Tư tưởng tư sản không thể nào dung hòa với tư tưởng xã hội chủ nghĩa. Những quan điểm văn nghệ tư sản, dù biểu hiện ra dưới hình thức lừa dối của chủ nghĩa xét lại, cũng không trốn đâu được và vẫn là một vật chướng ngại đang ngăn cản bước đường xây dựng chủ nghĩa xã hội, trong lĩnh vực tư tưởng và văn nghệ.

Cuộc đấu tranh càng trở nên phức tạp vì kẻ địch không khoanh tay ngồi im mà tìm mọi cách chen vào, lợi dụng phá hoại. Bọn Mỹ-Diệm ở miền Nam và những lực lượng chống chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, đã ra sức gieo rắc những tư tưởng thù địch với chế độ ta, với chủ nghĩa xã hội, với Đảng. Cho nên cuộc đấu tranh tư tưởng hiện thời trong văn nghệ không phải chỉ là vấn đề phê bình những lệch lạc, đấu tranh với những sai lầm của một số người. Đó là cuộc giao phong giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản, đó cũng là cuộc đấu tranh ráo riết giữa địch và ta trên mặt trận tư tưởng. Câu hỏi: “ai thắng ai?”, - tư tưởng xã hội chủ nghĩa thắng hay tư tưởng các nhân tư sản thắng – đã đặt ra ở đây. Cuộc đấu tranh đó không những chỉ

## HUỶNH ÁI TÔNG

nhằm đập tan mọi tư tưởng thù địch, đánh bại những khuynh hướng sai lầm. Ý nghĩa chính của nó là mở ra cả một đoạn đường mới cho văn nghệ, xây dựng nền văn nghệ xã hội chủ nghĩa về nội dung và dân tộc về hình thức, làm cho văn nghệ càng bắt sâu gốc rễ vào đời sống lao động và phấn đấu của quần chúng để có thể phát triển mạnh mẽ, tốt đẹp.

Qua đấu tranh, văn nghệ ta đang tiến lên. Sức sống lành mạnh của nền văn nghệ cách mạng, do Đảng lãnh đạo, đã tỏ rõ trong những năm kháng chiến vẻ vang trước đây, và cả trong hơn ba năm hòa bình vừa qua. Vượt qua những cơn sóng gió mới, nền văn nghệ của chúng ta vẫn tiếp tục lớn lên không ngừng, đầy sức sống và đầy sức chiến đấu. Chúng ta tin chắc điều đó. Cuộc đấu tranh đang diễn ra không làm yếu văn nghệ ta như có người lo ngại, mà trái lại nó đang làm cho hàng ngũ những người văn nghệ yêu nước, yêu chế độ đoàn kết lại, đoàn kết thật sự, đoàn kết cao hơn. Chúng ta quyết tâm đấu tranh để tạo ra bầu không khí mới, trong hoạt động văn nghệ và làm cho xuất hiện ngày một thêm nhiều tác phẩm lành mạnh và có giá trị, xứng đáng với sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta.

(Nguồn: *Học Tập*, tạp chí lý luận và chính trị của Đảng Lao động Việt Nam, số tháng 3.1958, trang 5-22)

Trích thơ:

### **Đất Nước**

*Sáng mát trong như sáng năm xưa  
Gió thổi mùa thu hương cốm mới  
Tôi nhớ những ngày thu đã xa  
Sáng chớm lạnh trong lòng Hà Nội  
Những phố dài xao xác heo may  
Người ra đi đầu không ngoảnh lại  
Sau lưng thềm nắng lá rơi đầy.*

HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Mùa thu nay khác rồi  
Tôi đứng vui nghe giữa núi đồi  
Gió thổi rừng tre phấp phới  
Trời thu thay áo mới  
Trong biếc nói cười thiết tha.

Trời xanh đây là của chúng ta  
Núi rừng đây là của chúng ta  
Những cánh đồng thơm mát  
Những ngả đường bát ngát  
Những dòng sông đỏ nặng phù sa

Nước chúng ta  
Nước những người chưa bao giờ khuất  
Đêm đêm rì rầm trong tiếng đất  
Những buổi ngày xưa vọng nói về

Ôi những cánh đồng quê chảy máu  
Dây thép gai đâm nát trời chiều  
Những đêm dài hành quân nung nấu  
Bỗng bồn chồn nhớ mắt người yêu.

Từ những năm đau thương chiến đấu  
Đã ngời lên nét mặt quê hương  
Từ gốc lúa bờ tre hồn hậu  
Đã bật lên những tiếng căm hờn

Bát cơm chan đầy nước mắt  
Bay còn giăng khỏi miệng ta  
Thằng giặc Tây thằng chúa đất  
Đứa đê cỡ đứa lột da

Xiềng xích chúng bay không khoá được  
Trời đầy chim và đất đầy hoa  
Súng đạn chúng bay không bắn được  
Lòng dân ta yêu nước, thương nhà.

## HUỶNH ÁI TÔNG

*Khói nhà máy cuộn trong sương núi  
Kèn gọi quân vắng vắng cánh đồng  
Ôm đất nước những người áo vải  
Đã đứng lên thành những anh hùng.*

*Ngày nắng đốt theo đêm mưa dội  
Mỗi bước đường mỗi bước hy sinh  
Trán cháy rục nghĩ trời đất mới  
Lòng ta bát ngát ánh bình minh.*

*Súng nổ rung trời giận dữ  
Người lên như nước vỡ bờ  
Nước Việt Nam từ máu lửa  
Rũ bùn đứng dậy sáng loà.*

### Lá Đỏ

*Gặp em trên cao lộng gió  
Rừng lạ ào ào lá đỏ  
Em đứng bên đường như quê hương  
Vai ác bạc quàng súng trường.  
Đoàn quân vẫn đi vội vã  
Bụi Trường Sơn nhòa trời lửa.  
Chào em, em gái tiền phương  
Hẹn gặp nhau nhé giữa Sài Gòn.  
Em vẫn cười đôi mắt trong.*

(Trường Sơn, 12/1974)

### Việt Nam Quê Hương Ta

*Mặt người vất vả in sâu  
Gái trai cũng một áo nâu nhuộm bùn  
Đất nghèo nuôi những anh hùng  
Chìm trong máu lửa lại vùng đứng lên*

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

*Đạp quân thù xuống đất đen  
Súng gươm vứt bỏ lại hiền như xưa.  
Việt Nam đất nắng chan hòa  
Hoa thơm quả ngọt bốn mùa trời xanh  
Mắt đen cô gái long lanh  
Yêu ai yêu trọn tấm tình thủy chung  
Đất trăm nghề của trăm vùng  
Khách phương xa tới lạ lòng tìm xem  
Tay người như có phép tiên  
Trên tre lá cũng dệt nghìn bài thơ  
Nước băng khuâng những bến đò  
Đêm đêm còn vọng câu hò Trương Chi  
Đói nghèo nên phải chia ly  
Xót xa lòng kẻ rời quê lên đường  
Ta đi ta nhớ núi rừng  
Ta đi ta nhớ dòng sông vỗ bờ  
Nhớ đồng ruộng, nhớ khoai ngô  
Bát cơm rau muống quả cà giòn tan...*

(Trích đoạn trường ca *Bài thơ Hắc Hải*)

*Nguyễn Đình Thi con người tài hoa, ông sáng tác nhạc, làm thơ, viết sách triết học, lý luận văn học; địa hạt nào ông cũng thành công và đem hết tâm trí mình phục vụ cho Đảng. Có một nhà văn trong giai đoạn này phát biểu rằng văn chương của mình phục vụ cho một chế độ, khi chế độ ấy tàn thì sự nghiệp văn chương của mình cũng bị vùi chôn theo.*

Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Đình Thi Web: [vi.wikipedia.org](http://vi.wikipedia.org)
- Nguyễn Đình Thi Web: [giaitri.vnexpress.net](http://giaitri.vnexpress.net)

5) Hoài Thanh



**Hoài Thanh - Nguyễn Đức Nguyên (1909-1982)**

Nhà văn Hoài Thanh, tên thật là Nguyễn Đức Nguyên sinh ngày 15-7-1909 tại xã Nghi Trung, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An trong một gia đình nhà nho nghèo. Từ nhỏ, cậu bé Nguyễn đã sớm làm lụng vất vả trên đồng ruộng giúp đỡ gia đình. Tốt nghiệp thủ khoa Trung kỳ bậc thành chung ở trường Quốc học Vinh năm 1928, Hoài Thanh ra Hà Nội học trường Bưởi (trường Chu Văn An ngày nay). Do tham gia tổ chức Tân Việt cách mạng đảng (cùng chi bộ với đồng chí Tôn Quang Phiệt), ông bị bắt giam ở Sở Mật thám Hà Nội rồi bị giải về Vinh. Chính quyền thực dân Pháp kết án Hoài Thanh 6 tháng tù treo. Hết hạn tù, ông trở lại học trường Bưởi nhưng rồi lại bị đuổi học, vì mật thám Pháp khám ngăn tù, họ thấy ông vẫn có sách chính trị chống đối.

Rời trường Bưởi, Hoài Thanh ra ở trọ tại quán cơm số nhà 32 Hàng Đồng. Tại đây, Hoài Thanh gặp Lưu Trọng Lư và một vài học sinh vừa bãi khoá ở Quốc học Huế ra đang kiếm chỗ học tư. Hoài Thanh dạy những người đó học để có tiền tự học đi thi tú tài Tây (vì đã bị đuổi học thì không được thi tú tài bản xứ - thời ấy thường gọi là “tú tài ta”).

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Đỗ tú tài, Hoài Thanh xin vào làm ở tờ nhật báo *Phổ thông* xuất bản hồi đầu tháng 7 năm 1930. Nơi đây, Hoài Thanh được sự giúp đỡ của Ngô Tất Tố trong nghề báo. Ngô Tất Tố rất quý mến Hoài Thanh. Trong cuốn *Phê bình Nho giáo của Trần Trọng Kim*, Ngô Tất Tố có cho in lời đề tặng ở ngay đầu sách: “*Tặng Hoài Thanh - Nguyễn Đức Nguyên, một người trong sạch, có nghị lực trong lớp thanh niên ngày nay*”.

Những bài viết của Hoài Thanh và đồng sự trên tờ *Phổ thông* ít nhiều đều có tính chất đả kích chính quyền thực dân hồi bấy giờ nên thường bị kiểm duyệt bỏ. Hoài Thanh và đồng sự bàn với chủ báo là Đặng Nguyên Quang ra thêm tờ *Le Peuple* (Nhân dân) mỗi tuần hai kỳ. Lúc bấy giờ báo tiếng Pháp không bị kiểm duyệt. Hoài Thanh và đồng sự tha hồ đả kích kẻ cầm quyền. Đây là tờ báo đầu tiên bằng tiếng Pháp của người Việt Nam ở miền Bắc. Báo bán rất chạy.

*Le Peuple* ra được ba số, số 4 đang in thì báo bị đóng cửa, Hoài Thanh bị bắt giam rồi bị trục xuất khỏi Hà Nội, giải về quê nhà giao cho lý trưởng quản lý.

Về quê, Hoài Thanh đi làm gia sư cho một chủ khách sạn ở Vinh. Tình cờ, ông chủ nhà in *Đặc Lập* ở Huế có việc ghé qua khách sạn thấy Hoài Thanh có bằng tú tài Tây nên đã xin chủ khách sạn cho đưa Hoài Thanh vào Huế làm thợ chữa mo-rat cho nhà in *Đặc Lập*. Lúc ấy là năm 1931.

Suốt mấy năm trời, trong thân phận người làm thuê chuyên sửa bản in báo tiếng Việt và tiếng Pháp để mưu sinh.

Từ tháng 6-1936 đến 1945, Hoài Thanh dạy học tư ở Huế và tiếp tục viết sách, viết phê bình, nghiên cứu văn chương cho nhiều tờ báo khác ở khắp Bắc – Trung – Nam (ngoài 2 tờ bị Pháp cấm viết).

## HUỖNH ÁI TÔNG

Tham gia Tổng khởi nghĩa của Việt Minh cướp chính quyền ở Huế tháng 8 năm 1945, ông giữ chức vụ: Chủ tịch Hội văn hóa cứu quốc, Huế (tháng 9 năm 1945).

Tháng 10-1945, ông rời Huế ra Hà Nội nhận công tác mới theo một sắc lệnh của Chủ tịch Hồ Chí Minh (ký ngày 10-10-1945) về việc thành lập trường Đại học Văn khoa. Ông được giao nhiệm vụ làm giáo sư giảng dạy văn chương Việt Nam tại Đại học Hà Nội.

Từ 1947 đến 1948 công tác tại Đài Tiếng nói Việt Nam.

Từ năm 1950, ủy viên Ban thường vụ Hội Văn nghệ Việt Nam.

Từ năm 1950-1956, là Trưởng tiểu ban Văn nghệ Ban Tuyên huấn Trung ương.

Từ năm 1958, là Vụ trưởng Vụ nghệ thuật và giảng dạy tại Khoa Văn Đại học Tổng hợp Hà Nội.

Từ năm 1958-1968, ông là đại biểu Quốc hội khóa 2, là Tổng Thư ký Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam, là Ủy viên Ban Chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam khóa 1 và 2.

Từ 1959-1969 ông giữ chức Phó viện trưởng Viện Văn học Việt Nam kiêm Thư ký tòa soạn Tạp chí Nghiên cứu văn học của Viện.

Từ 1969 đến 1975 ông giữ chức Chủ nhiệm tuần báo Văn nghệ.

Ông là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam.

Hoài Thanh mất ngày 14 tháng 3 năm 1982 tại Hà Nội, thọ 73 tuổi.



## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Năm 2000, Hoài Thanh được Nhà nước Việt Nam truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật.

Tác phẩm:

- *Văn chương và hành động* (1936)
- *Thi nhân Việt Nam 1932-1941* (cùng viết với Hoài Chân, 1941)
- *Có một nền văn hóa Việt Nam* (1946)
- *Quyền sống con người trong Truyện Kiều của Nguyễn Du* (1949)
- *Nhân văn Việt Nam* (1949)
- *Xây dựng văn hóa nhân dân* (1950)
- *Nói chuyện thơ kháng chiến* (1951)
- *Nam Bộ mến yêu* (1955)
- *Quê hương và thời niên thiếu của Bác* (cùng viết với Thanh Tịnh, 1960)
- *Phê bình và tiểu luận* (3 tập, 1960-1971)
- *Phan Bội Châu* (1978)
- *Chuyện thơ* (1978)
- *Tuyển tập Hoài Thanh* (2 tập, 1982-1983)
- *Di bút và di cảo* (1993)
- *Hoài Thanh toàn tập* (4 tập, 1998)

Trích văn:

### **Vạch tính chất phản động của bài “Nhất định thắng” của Trần Dần**

Sau tám mươi năm bị địch giày xéo và sau mười lăm năm bị chiến tranh tàn phá, miền Bắc của chúng ta còn trải qua nhiều khó khăn. Giặc ngoại xâm tuy bắt buộc phải rút lui nhưng bọn tay sai chúng gài lại và giai cấp địa chủ vẫn không ngừng phá hoại chúng ta. Nhưng nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Hồ Chủ tịch, Đảng và Chính phủ, trong hơn một năm nay, đã nỗ lực phi thường để hàn gắn mọi vết thương. Chỉ trong hơn một

## HUỲNH ÁI TÔNG

năm, chúng ta đã thu được những thành tích cực kỳ to lớn. Không phải kể lại đây những kết quả chúng ta đã đạt được trong mọi ngành hoạt động; có một điều chúng ta có thể nói dứt khoát là chưa bao giờ, trên đất nước Việt Nam, cuộc sống, mặc dầu còn nhiều thiếu thốn, lại có thể tươi vui như bây giờ. Không những người công nhân đang trở thành chủ nhân xí nghiệp, người nông dân đang trở thành chủ nhân nông thôn, người lao động trí óc mà chân trời phục vụ trở nên rộng mông mênh cảm thấy sâu sắc như thế, mà tất cả mọi tầng lớp nhân dân đều thấy như thế. Có những chuyện mới đây một năm tưởng như còn là những chuyện mơ ước xa xôi, ví dụ như chuyện xây dựng xong những đường xe lửa, mà trong khoảnh khắc trên đất nước Việt Nam đã trở thành sự thật. Lại có những chuyện rất nhỏ mà ý nghĩa rất lớn. Tết chưa đến mà ở Hà Nội những tranh Tết cô truyền đã không thể mua ở đâu cho ra. Tranh hết và hoa cũng hết. Vì không chỉ người giàu mà cả người nghèo Tết năm nay cũng muốn sắm một ít hoa. Đó là chuyện mấy ngàn năm nay chưa từng có.

Sách báo Tết của ta năm nay đều phản ánh cái không khí phấn khởi và tung bừng ấy.

Cho nên chúng ta càng ngạc nhiên khi thấy cũng trong một quyển sách ra vào dịp Tết này, tập *Giai phẩm 1956* của nhà xuất bản Minh Đức - Thời Đại, một bài hoàn toàn lạc điệu. Đó là một bài của Trần Dần viết theo thể thơ nhan đề “Nhất định thắng”.

Miền Bắc trong bài Trần Dần hoàn toàn không đúng với miền Bắc thực của chúng ta. Mới xem lướt qua, có người tưởng lầm là Trần Dần chỉ nói đến những khó khăn. Nhưng xem lại thì thấy rõ Trần Dần đã xuyên tạc và vu khống miền Bắc. Trần Dần đã tạo ra một miền Bắc đen tối và ngột ngạt. Bốn lần Trần Dần day đi day lại cái hình ảnh mưa rơi trên cờ đỏ, cố gây một ấn tượng âm u đối với thực tế tươi sáng của chúng ta. Phải chăng vì một thứ phiền muộn vẩn vơ nào đây mà Trần Dần

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

nhìn cảnh vui lại hóa ra cảnh buồn? Nhưng nếu chỉ có thế thì cũng chỉ là một sự sai lầm bình thường như nhiều sai lầm khác trong các tác phẩm văn nghệ của ta. Đối với những sai lầm ấy, người đọc chỉ phê bình và thường là phê bình một cách thân ái.

Trái lại bài của Trần Dần đã làm cho hầu hết mọi người đọc đều phẫn nộ. Có đồng chí bộ đội đọc đến giận quá, xé ngay. Hội Văn nghệ Việt Nam có tổ chức một buổi họp để nhận định về bài này. Không khí buổi họp rất sôi nổi, anh chị em văn nghệ miền Bắc, miền Nam, vùng tự do cũ và vùng mới giải phóng, ai cũng muốn được phát biểu ý kiến để nói lên sự phẫn nộ của mình.

Vì sao vậy? Vì mọi người đã nhận thấy đây không chỉ là sai lầm mà chính là một lời vu khống.

Hãy lấy một vấn đề di cư. Ai cũng biết không có bàn tay độc ác của Mỹ Diêm thì không làm gì có vấn đề di cư. Tiếng nói thật của quần chúng đi Nam là: chúng tôi bị dụ dỗ, chúng tôi bị cưỡng ép, chúng nó dọa đốt nhà, chúng nó dọa giết người, không đi không được. Nhưng Trần Dần làm lời quần chúng đã gán cho quần chúng những là: di cư vì thiếu tiền, thiếu gạo, thiếu cha, thiếu Chúa, thiếu gió, thiếu mây. Đúng là luận điệu của địch.

Trần Dần cứ day đi day lại: "Ai dẫn họ đi? Ai?" mà không thấy trả lời, không vạch mặt chỉ tên quân địch.

Ngoài việc vu cáo ta về vấn đề di cư chính do chúng gây ra, bọn Mỹ Diêm còn thường xuyên xuyên tạc về các vấn đề thất nghiệp, đói kém, hàng hóa ế ẩm do chúng để lại. Đối với những sự việc ấy Chính phủ và nhân dân ta giải quyết kịp thời với những kết quả to lớn hiển nhiên. Nhưng bài "Nhất định thắng" đã phủ nhận những thắng lợi đó của ta, đã hoàn toàn rập theo những luận điệu vu khống xảo trá của quân địch. Trần Dần nói đến những vấn đề trên với một giọng oán thán, hằn

## HUỶNH ÁI TÔNG

học. Hần học ai? Mọi người đều biết khó khăn ta còn gặp phải chính là bọn đế quốc xâm lược, bọn Mỹ Diệm, gây ra. Nhưng Trần Dần đã phản lại nhận định đó. Trần Dần viết:

*Ta biết đâu bên Mỹ miếc tí mù...  
Chúng còn đang bày kế hại đời ta?*

hay:

*Em biết đâu Mỹ miếc Ngô nghe gì?*

để đỡ đòn cho địch trước sức căm phẫn của nhân dân ta, để bảo rằng việc nhân dân ta buộc tội Mỹ Diệm là vô căn cứ.

Một mặt khác Trần Dần tuyệt nhiên không nói đến cái phần khởi cái tin tưởng không bờ bến của nhân dân ta.

Địch không sợ gì hơn là lòng tin tưởng, sức phấn khởi đó. Chúng tìm đủ mọi cách để gieo rắc tinh thần tiêu cực, hoang mang. Trần Dần đã làm đúng như điều mong muốn của chúng.

Trần Dần khi không dựng đứng lên:

*Cả nước đã bầu tôi toàn phiếu  
Tôi là người vô địch của lòng tin.*

Ta có thể tưởng chỉ là câu nói huênh hoang vô nghĩa của một người điên. Nhưng mà không. Trần Dần nói thế để nói tiếp theo đó:

*Em ơi thế ra  
Người tin tưởng nhất như anh  
Vẫn có những phút giây ngờ vực.*

Trần Dần ngờ vực như thế nào? Trong cuộc đấu tranh giữa nhân dân ta và Mỹ Diệm, Trần Dần gieo mồi ngờ:

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

*Ai có lý? Và ai có lực?*

Chúng ta biết trong khi nhân dân ta tiếp tục cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, nắm chắc chính nghĩa trong tay và hoàn toàn tin tưởng vào lực lượng của mình đã được thử thách trong kháng chiến, không phải không có một số ít người ngại đấu tranh, co mình lại nghĩ lẩn tránh hết chuyện này đến chuyện nọ. Trần Dần ném ra một câu hỏi vu vơ, không giải quyết, chính là đánh trúng vào tâm lý ấy.

Hơn thế nữa, sau khi đã xuyên tạc dựng nên một miền Bắc với những cảnh ngọt ngào, đen tối như trên, đặt ra câu hỏi "Ai có lý? Ai có lực" chỉ là để trả lời rằng miền Bắc tốt đẹp và lớn mạnh của chúng ta theo Trần Dần thì không có lý và không có lực.

Cả cái giọng nói của Trần Dần cũng góp phần gây hoang mang. Trần Dần có một lối nói chán chường, buông thõng: *những tự do tự diéc, Mỹ miéc Ngô nghê* hoặc như nói về tổng tuyển cử mà mọi người đang hy sinh phấn đấu để thực hiện cho bằng được thì Trần Dần buông một câu:

*Liệu tổng hay chẳng tổng?*

Từ trong giọng nói toát ra một thứ chán chường nặng trĩu. Trần Dần nuôi dưỡng cái phần hoài nghi, phần khiếp nhược, phần dơ dáy trong một số người. Địch không mong gì hơn là gọi dậy các thứ bùn nhơ ấy nó là cơ sở cho chế độ thối tha của chúng cũng như lòng dửng cảm, chí hy sinh, niềm tin tưởng là cơ sở cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng của chúng ta.

\*

Sau bao nhiêu đoạn vu khống ta, cuối cùng có đoạn hình như Trần Dần chửi địch như đoạn tả cuộc biểu tình của đồng bào

## HUỶNH ÁI TÔNG

Sài Gòn. Nhưng toàn là những câu chữ băng quơ tuyệt nhiên không nêu một tội ác cụ thể nào của địch. Trái lại Trần Dần lại còn gọi những người biểu tình phản đối Mỹ Diệm là:

*Những mảng thịt  
Những đọt máu đào  
đang rằm rập kéo nhau đi ngoài phố*

gây nên một ấn tượng khủng khiếp, làm cho người đọc tưởng tượng ở miền Nam nhân dân ta cũng chẳng có lực lượng gì.

Cũng có đoạn hình như Trần Dần ca ngợi miền Bắc. Trần Dần vẽ lên một cảnh mít-tinh và Trần Dần nói người đói, người no, người lành, người rách, người đang vui, người đang buồn tất cả ra đường hô khẩu hiệu. Rồi máu trời rơi xuống vì

*Những tiếng ta hô  
có sức đâm trời chảy máu*

Cái vĩ đại của miền Bắc là ở sức lao động sáng tạo của hàng triệu người đang xây dựng hòa bình và hạnh phúc ở khắp nơi trên đất nước giàu đẹp của chúng ta. Tuyệt nhiên không nói đến những cảnh ấy mà chỉ nói đến mít-tinh và nói theo kiểu Trần Dần nói thì không phải là ca ngợi mà chính là xuyên tạc.

\*

Toàn bài của Trần Dần toát ra một sự hằn học sâu sắc đối với chế độ tươi sáng ở miền Bắc, đối với sự nghiệp đấu tranh cho hòa bình, thống nhất của nhân dân ta. Tôi không kết luận về người. Tôi chỉ căn cứ vào bài văn. Tự nó, bài “Nhất định thắng” trong lời và chữ của nó, chứa đựng những tư tưởng phản động, đứng về phía địch chống lại nhân dân ta, chống lại cuộc đấu tranh thống nhất đất nước.

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Trong nền văn nghệ chúng ta đầy tin tưởng ở hiện tại và tương lai của chế độ, của dân tộc, bài “Nhất định thắng” của Trần Dần thật đúng như lời đồng chí Nguyễn Tuân nói, là một thứ mụn lở trên một cơ thể lành mạnh.

Nhưng chúng ta vốn đã biết trong cuộc đấu tranh quyết liệt của chúng ta, những phản ứng như vậy của tư tưởng địch là chuyện tất nhiên. Nó tuyệt đối không thể cưỡng lại sức mạnh của chính nghĩa, của nhân dân đang tiến mau như thác cuốn.

25-2-56

(Nguồn: Báo Văn nghệ<sup>[1]</sup>, Hà Nội, số 110 ngày 1.3.1956)

\*

Phụ lục

### **Buổi họp nhận định bài thơ “Nhất định thắng”**

*H.P.*

người tự hỏi: "Lúc này sao lại có người có thể đặt bút viết một bài thơ như thế?" Nhiều người đọc xong bài thơ không nên được phần nộ muốn xé ngay trang sách dưới tay mình. Nhưng cũng có vài người nghĩ: "Đây chỉ là một bài thơ tâm sự đau ốm...!"

Đề thống nhất trên nhận định chung, Hội Văn nghệ Việt Nam đã triệu tập một cuộc họp, phê bình bài thơ ấy. Đến tham gia cuộc họp đông đủ hầu hết văn nghệ sĩ thủ đô và các cán bộ văn nghệ thuộc các bộ phận của Hội. Mỗi người đều muốn góp ý kiến của mình. Không phải vì bài thơ đã có một giá trị nghệ thuật đáng phải suy nghĩ, nhưng chính vì nó đã xúc phạm nhiều hoặc ít đến những điều suy nghĩ thiết tha nhất của mọi người hiện nay: những vấn đề lớn trong cuộc đấu tranh hiện tại của dân tộc.

## HUỖNH ÁI TÔNG

Trong cuộc đấu tranh chính trị hiện nay với một kẻ địch vô cùng nguy hiểm, thâm độc, khi trắng trợn tấn công, khi lẩn lút phá hoại ngay bên cạnh ta, mỗi người cầm bút nhất định đều phải thấy trách nhiệm nặng nề của mình trong mỗi tác phẩm, mỗi trang sách, mỗi dòng chữ mình viết. Phải viết làm sao để tố cáo đợc hết cái đen tối xấu xa của chế độ phát xít Mỹ - Diệm ở miền Nam. Phải viết làm sao để đem hết tâm lòng mình vào ngòi bút ca tụng cái tốt đẹp có một không hai trong lịch sử dân tộc của chế độ dân chủ cộng hòa miền Bắc chúng ta, phải động viên giáo dục nhân dân khắc phục những khó khăn tạm thời, tiến lên xây dựng chế độ của chúng ta, đảm bảo đấu tranh thắng lợi. Đó nhất định phải là thái độ tư tưởng của mỗi người văn nghệ chân chính hiện nay bất luận thuộc khuynh hướng nghệ thuật nào.

Nhưng Trần Dần thì không thế. Trần Dần đã viết nên những câu thơ hần học, xuyên tạc và bôi nhọ cái thực tế đẹp đẽ của miền Bắc chúng ta. Anh Văn Giáo đã đứng lên vạch cái chân tướng ấy của thơ Trần Dần: "Bài thơ 'Nhất định thắng' của Trần Dần là kết quả sự sa ngã của người viết vào những cặn bã mà đế quốc để lại ở đây. Với bài thơ ấy Trần Dần đã đi vào cá nhân chủ nghĩa, nghệ thuật vị nghệ thuật, do đó đã hóa ra thâm hại, khiếp nhục. Cái nhìn của Trần Dần là cái nhìn trên lập trường phản nhân dân của kẻ địch..."

Lời nói Văn Giáo đầy nhiệt tình và căm giận. Và đó cũng là ý nghĩ, nỗi lòng chung của anh chị em có mặt trong buổi họp. Cùng một nhận định ấy, phát triển trong nhiều cạnh khía khác nhau: Tú Mỡ, Nguyễn Tuân, Trần Cư, Trúc Đường, Lương Ngọc Trác, chị Thanh Hương, chị Ngọc Khanh, Nguyễn Văn Bông, Nguyễn Xuân Huy... đều phát biểu ý kiến của mình. Một người ngòì xuống là hàng chục cánh tay khác đã giơ lên xin nói. Càng đi sâu tìm những chứng minh cụ thể, càng thấy rõ những sai lầm nghiêm trọng và tư tưởng chính trị phản động của bài thơ Trần Dần.



## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Cái nguy hiểm của bài thơ là nguy trang dưới hình thức một bài thơ "tâm tình" (!) để bóp méo và nói xấu thực tế miền Bắc một cách hèn hạ. Thực tế ở miền Bắc chúng ta có những khó khăn; nhiều khó khăn nữa là khác, điều đó ai cũng biết. Và ai cũng biết chúng ta không ngăn cản người làm thơ nói lên những khó khăn, những khuyết điểm của cuộc sống trong tác phẩm; nhưng như vậy không có nghĩa là để mặc cho một người nào đấy có thể dùng ngòi bút xúc phạm đến những gì thiêng liêng nhất trong lòng chúng ta, khinh rẻ chúng ta và tự do bịa đặt, bôi bác thực tế theo cái chủ quan có thể nói là phản nhân dân của họ.

Một mặt khác, mọi người đều nhận rằng Trần Dần có nói đến kẻ địch. Nhưng ngòi bút của Trần Dần sắc sảo, nam hiểm bao nhiêu khi nói xấu ta thì lại công thức, gượng gạo bấy nhiêu khi nói đến địch. Đọc những lời huênh hoang, âm ỉ, mập mờ của Trần Dần người ta khó lòng tin được ở cái "căm thù" của tác giả! Đúng như ý kiến của nhiều bạn đã phát biểu, đó chính là bản chất trá trở, "thò lò hai mặt" của bài thơ "Nhất định thắng".

Anh Sỹ Ngọc, Văn Cao và một vài anh em khác đã có bài trong tập *Giai phẩm 1956* cũng lần lượt phát biểu ý kiến của mình và đều nhận thấy sai lầm lớn của mình đã để in lên một bài thơ như bài thơ của Trần Dần.

Quá nửa đêm, ý kiến phát biểu vẫn còn nhiều và sôi nổi. Nhưng với một bài thơ như vậy, việc phân tích và phê phán cũng đã khá đầy đủ. Anh Hoài Thanh thay mặt Chủ tịch đoàn tổng kết cuộc thảo luận.

Khuya lắm rồi. Mọi người ra về trên đường phố vắng. Đêm mùa xuân thơm mát trời thủ đô. Cuộc họp vừa qua làm cho mỗi người như thấy phần khởi, nhẹ nhõm hơn. Ánh sao vàng trên Hồ Gươm rực rỡ hơn lúc nào hết. Cuộc sống của chúng ta đêm cũng như ngày đều rạo rạo, tươi sáng như vậy. Trong khi

## HUỶNH ÁI TÔNG

ấy còn có những kẻ muốn bóp méo sự thực, muốn khoác chiếc màn đen lên ánh sáng của mùa xuân. Ý muốn ngông cuồng ấy chỉ là những chiếc nấm dại mọc lên trong xó rừng và chết lụi dần trong bóng tối.

H.P. <sup>[2]</sup>

---

<sup>[1]</sup>Đây là tờ *Văn nghệ*, cơ quan của Hội Văn nghệ Việt Nam, dưới dạng báo (tiếp tục tờ *Văn nghệ* dưới dạng tạp chí, ra được 56 số ở Việt Bắc từ 1948 đến tháng 10/1954). Trở về Hà Nội, *Văn nghệ* ra mắt từ 1/11/1954 dưới dạng báo (khổ 40x30 cm), đánh số từ số 57, lúc đầu định kỳ bán nguyệt san (ra vào ngày 1 và 15 hằng tháng); sau đó đổi sang 3 kỳ/tháng từ số 65 (11/3/1955) rồi trở thành tuần báo từ số 75 (7/7/1955); tờ *Văn nghệ* dạng tuần báo này tạm kết thúc vào đầu năm 1957, khi Hội Nhà văn Việt Nam thành lập và xuất bản tờ tuần báo *Văn* (tờ này ra được 37 số, từ tháng 5/1957 đến đầu 1958). Kế đó Hội Liên hiệp Văn học và Nghệ thuật Việt Nam cho xuất bản *Tạp chí Văn nghệ* (ra hằng tháng, từ 1957 đến 1963) đồng thời cho ra mắt tuần báo *Văn học* (từ 25/5/1958). Đến tháng 5/1963, *Tạp chí Văn nghệ* và tuần báo *Văn học* sáp nhập lại thành tuần báo *Văn nghệ*, tờ này ban đầu trực thuộc Hội Liên hiệp VHNTVN; đến 1978 trực thuộc Hội Nhà văn VN, và tồn tại đến hiện nay. (Lại Nguyên Ân)

<sup>[2]</sup>H.P. có thể là viết tắt của Huy Phương (L.N. Ân.)

(Nguồn: Báo *Văn nghệ*, Hà Nội, số 110 ngày 1.3.1956)

**Tôi đã sai lầm như thế nào trong việc phê bình bài “Nhất định thắng” của anh Trần Dần**

Cuộc cách mạng của chúng ta không thể nào tiến lên được, nếu chúng ta không tiến hành một cuộc đấu tranh không ngừng,

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

không nghi chống những tư tưởng sai lầm ở chung quanh ta và ở trong tâm trí mỗi chúng ta.

Một bên là những tư tưởng cách mạng của giai cấp vô sản kế thừa những truyền thống tốt đẹp nhất của dân tộc, của nhân loại; một bên là những tư tưởng áp bức bóc lột, sa đọa đồi trụy của xã hội thực dân phong kiến cũ nó đang liên hồi phản công vào chế độ chúng ta, cố gò chúng ta quay trở lại. Những chế độ chính trị khác nhau cần phải chung sống hòa bình với nhau, những giai cấp khác nhau có thể liên minh với nhau. Nhưng trong lĩnh vực tư tưởng không thể có liên minh cũng không thể có chung sống hòa bình giữa vô sản và phi vô sản, giữa cách mạng và chống cách mạng.

Nhưng đấu tranh tư tưởng không thể dùng lối áp bức mệnh lệnh, cũng không thể lấy đa số đàn áp thiểu số. Làm như thế không bao giờ giải quyết được vấn đề tư tưởng.

Đó là điều sai lầm của tôi trong việc phê bình bài “Nhất định thắng” của anh Trần Dần.

Bài “Nhất định thắng” theo ý tôi là một bài có những sai lầm nặng. Cái nhìn của anh Trần Dần trong bài này là một cái nhìn trịch thượng mà rất yếu đuối có khi bệnh tật, hoang loạn. Giọng nói của anh trong bài này là một giọng nói có khi nặng trĩu chán chường. Hình ảnh miền Bắc trong bài của anh rất là thảm đạm. Hình ảnh đấu tranh của đồng bào miền Nam cũng rất là thảm đạm. Người cầm bút có trách nhiệm không thể dựng lên những hình ảnh như vậy. Dựng lên để làm gì? Nhân dân ta trong cuộc đấu tranh giữ hòa bình, giành thống nhất gặp nhiều khó khăn lớn. Nhưng thái độ của anh Trần Dần trong bài “Nhất định thắng” là thái độ của người dao động. Và vì vậy, ngòi bút của anh không hiện thực. Cũng có những câu, những đoạn anh nói những điều có thể có lợi cho ta. Nhưng ngòi bút của anh sắc sảo và có nghệ thuật khi viết những điều có hại thì lại trở nên nhợt nhạt, vu vơ, công thức trong những câu, những đoạn

## HUỶNH ÁI TÔNG

ấy. Đọc xong, cái phần còn lại trong trí người ta chỉ là cái phần âm u, thâm đạm, còn thì bay đi đâu mất cả. Có người nói: Đó là tại thực tế hay tại anh Trần Dần? Nhưng trong quá trình đấu tranh cách mạng còn có những lúc khó khăn gấp bao nhiêu lần bây giờ, người cách mạng vẫn không thể nhìn theo lối nhìn ấy. Với lối nhìn ấy, anh Trần Dần sẽ gieo rắc buồn nản, hoang mang. Nhiều câu thơ của anh có sức làm tiêu ma chí khí đấu tranh trong khi mọi người còn phải nỗ lực phi thường để vượt những khó khăn do quân thù để lại. Tác giả có thể có ý muốn khác nhưng tác dụng khách quan của bài “Nhất định thắng” là có hại. Đấu tranh chống lại cái tác hại của bài này là đúng.

Nhưng dấu sao đó cũng chỉ là những sai lầm về tư tưởng. Và tiến hành đấu tranh cũng phải theo đúng phương thức đấu tranh tư tưởng của chúng ta.

Tôi đã không làm như thế. Thường vụ Hội Văn nghệ tổ chức cuộc họp để phê bình bài “Nhất định thắng”. Kể muốn tập trung vào một bài mà phê bình cũng được. Nhưng ý thức của tôi trong khi tham gia điều khiển cuộc họp ấy là muốn cô lập anh Trần Dần và tranh thủ những người khác có bài trong *Giai phẩm*. Cái lối cô lập và tranh thủ ấy dựa trên ý định lấy nhiều người đàn áp một người là một điều trái với nguyên tắc đấu tranh tư tưởng.

Hôm ấy lại không có mặt anh Trần Dần, hình như lúc bấy giờ anh còn ở nông thôn, nhưng chúng tôi không hề nghĩ đến việc cần phải tìm anh về và mời anh phát biểu. Cuộc phê bình rõ ràng là không bình đẳng.

Nhất là chúng tôi trong chủ tịch đoàn lại không hề uốn nắn nhiều lời phê bình quá đáng. Nên trước sau hội nghị chỉ phát biểu một chiều.

Tan cuộc họp, tôi rất mừng, tôi nghĩ rằng do cuộc họp này toàn giới văn nghệ sẽ đoàn kết phần khởi. Tôi liên hệ đến Cải cách

## HAI MUỖI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

ruộng đất, tôi nhớ lại tình hình đoàn kết phần khởi của nông dân sau mỗi lần đấu tranh với địch. Sự liên hệ này tố cáo, trong tư tưởng, tôi đã lầm lẫn bạn thù. Anh Trần Dân đối với tôi nghiêm nhiên đã là một kẻ thù, không còn nghi ngờ gì nữa.

Vấn sự lầm lẫn nghiêm trọng ấy trong bài phê bình của tôi đăng trên báo *Văn nghệ*. Trong bài này tôi đã nói: tính chất phản động của bài “Nhất định thắng”, bài “Nhất định thắng” chứa đựng những tư tưởng phản động, v.v... Tôi đã dùng hai chữ phản động không cân nhắc. Nhưng thực ra không phải chỉ là vấn đề dùng chữ. Toàn bài phê bình của tôi đều cùng một tinh thần ấy. Tôi nói tôi không kết luận về người, chẳng qua chỉ có nghĩa là tôi không nói anh Trần Dân là ở trong một tổ chức của địch. Kết luận thế nào được? Có chứng cứ gì đâu mà kết luận? Nhưng trong ý nghĩ của tôi thì đúng là địch rồi, dầu chưa có thể kết luận là ở trong một tổ chức địch. Tôi nhật từng câu từng chữ để chứng minh rằng tác giả đã cố ý nói xấu chế độ ta, cố ý vu khống miền Bắc. Nay tôi bình tĩnh đọc lại bài “Nhất định thắng” thì thấy tuy có câu không được rõ nghĩa nhưng không có gì để kết luận như thế. Không có chứng cứ mà kết luận như vậy thực là coi rẻ một cách quá đáng sinh mệnh chính trị của một người. Do đâu mà tôi đã kết luận như vậy?

Phải trở lại hoàn cảnh đầu năm nay. Lúc bấy giờ là lúc mới bước vào Cải cách ruộng đất đợt 5, chúng ta bắt đầu đánh vào dinh lũy cuối cùng của đế quốc phong kiến ở miền Bắc. Trước nguy cơ bị tiêu diệt, địch phá hoại điên cuồng. Nhưng có khi chúng ta đã đánh giá địch quá cao, tưởng chừng như chỗ nào cũng có địch. Riêng trong địa hạt văn nghệ, những tin tức về vụ Hồ Phong bên Trung Quốc cũng vừa truyền sang. Trong trí tôi nảy ra ý nghĩ: Trung Quốc có Hồ Phong, biết đâu chúng ta lại không có một Hồ Phong. Rồi một số dư luận về những quan hệ gia đình và xã hội của anh Trần Dân trong quá khứ và trong hiện tại tuy không có căn cứ gì nhưng cũng đã ảnh hưởng đến tôi. Hơn nữa cái không khí phản nộ chung đối với bài “Nhất định thắng” và một số bài khác của anh Trần Dân như bài

## HUỶNH ÁI TÔNG

“Anh Cò Lắm”<sup>[1]</sup> đăng trên báo *Tổ quốc*, nhất là việc có người đọc *Giai phẩm* tức quá xé ngay làm cho tôi càng thêm yên trí.

Sự yên trí ấy làm sai lạc cả nhận xét của tôi. Lúc đầu đọc bài “Nhất định thắng” tôi chỉ có cảm giác đây là một tâm trạng âm u, điên loạn, không chịu được ánh sáng của chế độ ta, nhưng chẳng mấy chốc tôi đã chuyển sang nghĩ đây là một sự cố tình vu khống.

Làm cái việc phê bình mà mang sẵn thành kiến trong mình, lại dựa dẫm vào ý kiến chung quanh, không thực sự cầu thị, không bình tĩnh suy xét thì thật là nguy hiểm, nhất là khi đứng trong cương vị lãnh đạo thì lại càng nguy hiểm.

Bài phê bình của tôi đăng báo hồi tháng 3, đến tháng 4, Đảng phê bình chúng tôi, tôi bắt đầu thấy sai nhưng vẫn xem rất nhẹ cái sai của mình. Sau đó chúng ta học tập nghị quyết của Đại hội Đảng Cộng sản Liên Xô lần thứ 20, một luồng gió mới thổi rất mạnh vào trong Đảng và trong nhân dân. Liên đó là lớp học lý luận văn nghệ do Hội tổ chức; dưới ánh sáng của những nguyên tắc cơ bản về văn nghệ, anh em văn nghệ phê bình việc này rất sôi nổi. Lúc bấy giờ tôi mới đo được cái sai lầm của tôi. Nhưng đi theo với những lời phê bình rất chính đáng, cũng có nhiều những lời đả kích, những lời bịa đặt. Tôi nổi tự ái lên, tôi không tự phê bình. Rồi những công việc sự vụ hàng ngày lôi cuốn tôi đi. Tôi cứ thế buông xuôi. Mãi đến hôm Quốc khánh vừa rồi, ở Quảng trường Ba Đình, trước hàng chục vạn đồng bào, Hồ Chủ tịch sau khi nhắc lại những thắng lợi của ta nói rõ ràng cái điều trước đó đã đăng báo nhưng hôm ấy tôi nghe như rất đột ngột là ta cũng đã phạm những sai lầm lớn, tôi cảm thấy sâu sắc cái vĩ đại của chế độ, của Đảng đang vươn mình lên trên mọi sĩ diện, tự ái, động cơ cá nhân nhỏ nhặt để sửa chữa khuyết điểm, khắc phục khó khăn, đưa nhân dân đến những thắng lợi mới. Tôi thấy tôi không thể nào không đấu tranh quyết liệt với mình để góp phần vào sự nghiệp chung của Đảng.

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Nhưng nghĩ lại, đấu tranh với sai lầm của người sao mà tôi vội vàng thế, đến khi đấu tranh với sai lầm của mình lại chậm chạp thế? Và cả hai thái độ trên đây đều đã gây rất nhiều tai hại.

Trước hết tôi đã làm cho nhiều người nhất là những bạn đọc ở xa không hiểu rõ đầu đuôi cũng nhận định sai lầm như tôi. Thật là một điều oan ức đối với anh Trần Dần. Không có một chứng cứ gì rõ rệt mà đã bị buộc tội trên mặt báo trước hàng vạn người! Một đồng chí Trung ương Đảng nói: "Gắn một chữ phản động vào tên người ta như vậy là một điều đến mấy đời sau này con cháu người ta còn lấy làm khổ". Tôi rất thấm thía về điều này.

Sự làm lẫn bạn thù trong việc phê bình còn gây một không khí e ngại không có lợi. Có người đã phải nói: "Làm văn nghệ khó thật". Người sáng tác cũng như người biểu diễn có có được cái tư thế của những con người hoàn toàn giải phóng thì công trình sáng tác biểu diễn mới có điều kiện thực sự thành công.

Một điều tai hại hơn nữa là những sai lầm của tôi cùng với những sai lầm khác có thể làm cho một số người hiểu lầm về bản chất của văn nghệ ta, là nền văn nghệ hoàn toàn tự do, thực sự tự do đầu tiên trong lịch sử văn nghệ Việt Nam.

Những sai lầm của tôi trong cuộc phê bình bài "Nhất định thắng" đối với tôi là một bài học lớn. Cách mạng tháng Tám và liền đó cuộc kháng chiến vĩ đại của dân tộc đã chuyển đời tôi và tư tưởng tôi theo một hướng mới: hướng phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân. Cũng trên hướng đó, chỉnh huấn và việc tham gia đấu tranh ở nông thôn nâng con người của tôi lên một bước: tôi bắt đầu nhìn thẳng vào con người cũ ở trong tôi và tôi thấy rõ muốn đi theo hướng mới không thể nào cứ yên ổn xuôi dòng đi xuôi mà phải đấu tranh bản thân quyết liệt. Nhưng con người cũ với các thứ yếu đuối, các thứ định kiến, các thứ tùy tiện của nó không phải đã chịu nằm im. Việc phê bình có tính chất đàn áp này là một ví dụ. Nhưng Đảng giúp tôi vùng dậy,

## HUỖNH ÁI TÔNG

anh em giúp tôi, cả bản chất của chế độ dân chủ cộng hòa giúp tôi. Với tôi đây là một cuộc chỉnh huấn mới một lần nữa nhắc tôi không thể nào đi theo hướng mới nếu không đồng thời gột rửa một số tàn tích trong mình.

(Nguồn: Báo *Văn nghệ*, Hà Nội, số 139 ngày 20.9.1956)

### Thực chất của tư tưởng Trương Tửu

Nếu văn chương chỉ là chuyện độc đáo thì quả thật Trương Tửu rất độc đáo. Trương Tửu đã tự tạo cho mình một bộ mặt riêng trong văn giới. Tiếc thay cái độc đáo của Trương Tửu, cái ngón sở trường của Trương Tửu lại là một thứ mà những người lương thiện không thể nào ưa được và chế độ chúng ta không thể nào dung túng được.

Cách đây hơn hai mươi năm công chúng bắt đầu chú ý đến Trương Tửu vì một loạt bài phê bình trên báo *Loa*. *Loa* là một thứ quái thai của của chế độ cũ, một tờ báo loã lồ và dâm dăng, một tai họa cho các gia đình có con trai con gái mới lớn lên. Loạt bài phê bình của Trương Tửu không dâm dăng nhưng âm ỹ. Loạt bài phê bình ấy tuy cũng chỉ nói đến sáu bảy nhà văn nhưng đều đặt dưới cái nhan đề lớn là “Văn học Việt Nam hiện đại” và trong từng bài dùng toàn những chữ to lớn: Hoàng Ngọc Phách là một nhà tiểu thuyết tâm lý; Khái Hưng là một nhà tiểu thuyết triết học; Nhất Linh là một nhà cải cách xã hội, v.v... Ông Vũ Ngọc Phan trong *Nhà văn hiện đại* quyển tư (tập hạ) nhận xét về các bài phê bình của Trương Tửu có nói: “Ông dùng những lời to tát quá để phát biểu ý kiến về những cái hết sức nhỏ trong một quyển sách. Có thể nói: ông là người dùng dao mổ trâu để cắt tiết gà”. Lúc bấy giờ là năm 1935, công chúng tư sản và tiểu tư sản còn rất thích Tự Lực văn đoàn. Trương Tửu cũng đề cao các nhà văn trong Tự Lực văn đoàn. Nhưng mục đích chính không phải là thế. Trương Tửu bắt đầu đề cao Khái Hưng, Nhất Linh, Thế Lữ là để có thể tiếp theo đó đề cao Lan Khai mà uy tín đối với công chúng lúc bấy giờ



## HAI MUỠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

không có bao nhiêu nhưng lại là chủ bút báo *Loa*. Trương Tửu nói đến Lan Khai trong ba số báo liền mà nói đến các nhà văn khác chỉ trong một hai số. Có thể nói đó là chuyên buồn lậu đầu tiên của Trương Tửu.

Kể đó Trương Tửu bước vào làng tiểu thuyết, cũng vẫn với một cái kiêu có thể nói là rất Trương Tửu, nghĩa là rất âm ỹ, tưởng chừng như có đủ cả xập xoã, thanh la mà thực chất lại là lừa bịp. Âm ỹ ở những cái nhan đề chỉ nhằm một mục đích là đánh lừa người đọc; nó cùng một loại với cái lối quảng cáo cao đơn hoàn tán ngày trước và cái lối bịa chữ nước ngoài để đặt tên các thứ thuốc mình pha chế, một mảnh khoé của bọn đầu cơ vừa bị lôi ra trước toà án. Trương Tửu có viết một cuốn tiểu thuyết nhan đề là *Khi chiếc yếm rơi xuống*. Thực ra thì đó không phải là một câu chuyện khiêu dâm. Nhưng Trương Tửu đã cố tìm một cái nhan đề cho hợp với khẩu vị đương thời. Đó là nói nhan đề. Về nội dung lại có một lối lừa bịp khác. Thời bấy giờ là thời Mặt trận Bình dân, phong trào đấu tranh của quần chúng do Đảng cộng sản Đông Dương lãnh đạo vang dội đến mọi tầng lớp nhân dân. Trương Tửu vì vậy cũng viết tiểu thuyết nói đến người nghèo, nói đến các vấn đề xã hội. Nhưng vì thiếu chân tình, thiếu thực sự đi vào quần chúng nên tiểu thuyết của Trương Tửu không có giá trị gì. Chẳng những thế Trương Tửu còn khuyến khích những hành động lưu manh. Trong quyển *Khi người ta đói* (1940), một nhân vật của Trương Tửu tên là Kiệt bệnh vực một tên kẻ cắp bị đánh rồi cho nó nằm xu và mắng: “Đồ mọi! Ăn cắp có chiếc đèn xe đạp mà cũng để nó bắt được”. Kiệt lại còn nói thêm: “Luong thiện làm cái gì! Mà có biết những đứa nào ở đời này được gọi là lương thiện không? Những thằng hèn! Những thằng yếu...”<sup>[1]</sup>

Đúng là cùng một triết lý với cái kiêu người hùng của Lê Văn Trương. Chúng ta nhớ Trương Tửu đã từng cộng tác với Lê Văn Trương trên tờ *Ích hữu*. Có thể nói đó là cái triết lý của bọn lưu manh vẫn ngự trị trong xã hội tư sản và trong văn học tư sản như Gooc-ki đã nhận định trong bản báo cáo đọc trước

## HUỶNH ÁI TÔNG

Đại hội nhà văn Xô-viết lần thứ I. Nhân tiện cũng nên nhớ rằng cái thứ triết lý này sống dai lắm và cho đến gần đây do sự sơ suất của ta nó vẫn còn được tuyên truyền công khai trên sân khấu Hà Nội trong vở *Thầy tú*.

Nhưng viết tiểu thuyết không được mấy ai chú ý, càng về sau Trương Tửu càng chuyên về lý luận phê bình.

Trương Tửu trong khi viết lý luận phê bình thường muốn tỏ ra thông minh. Nhưng thông minh Trương Tửu chủ yếu là cái thông minh của bọn đầu cơ buôn lậu. Trong lĩnh vực văn học nghệ thuật càng thông minh theo kiểu ấy càng chết. Vô luận sáng tác, biểu diễn hay nghiên cứu, phê bình, điều kiện đầu tiên là phải trung thực. Chúng ta đều biết một cố tật của Trương Tửu là hay trích dẫn sách vở. Trong một xã hội trình độ văn hoá chung rất thấp, cái lối trích dẫn như vậy không phải không có một sức hấp dẫn nhất định. Trương Tửu đã trích dẫn lung tung đủ các thứ sách đông tây kim cổ. Trên cái đà trích dẫn ấy nhiều khi Trương Tửu đã đi lạc hẳn ra ngoài đề. Trong nhiều quyển sách gọi là nghiên cứu văn học, Trương Tửu đã chông chát một mớ kiến thức lộn xộn về văn học, về sử học, về triết học, về tâm lý học, vơ vét chỗ này một ít, chỗ kia một ít. Tình trạng học vắn của Trương Tửu như vậy, chúng ta không trách Trương Tửu, đó là cái tội của bọn thống trị cũ. Nhưng cái điều không thể nào dung thứ được là cái dụng ý núp đằng sau tên tuổi của người khác uy thế của người khác để loè người đọc, thậm chí đe dọa người đọc. Một việc khá điển hình là cái việc Nguyễn Bách Khoa tức Trương Tửu bắt mạch Thuý Kiều, ghi bệnh trạng Thuý Kiều y như một bác sĩ. Một đồng chí trước kia làm việc ở nhà Hàn Thuyên cho biết sơ dĩ như vậy là chỉ vì trong bạn bè của Trương Tửu có một người là bác sĩ đã đưa cho Trương Tửu mượn một quyển sách về bệnh thần kinh, Trương Tửu đọc mấy hôm thế là tự nhiên Thuý Kiều thành ra người có bệnh. Về nhân vật Thuý Kiều Trương Tửu viết trong quyển *Nguyễn Du và Truyện Kiều* (1943): “Tất cả những triệu chứng ấy (buồn não, lo sợ, hoảng hốt, dễ khóc, dâm dăng,

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

trăng tráo...) đều là những hình thức phát hiện của một thứ bệnh trạng thần kinh mà y học Tây phương gọi là trạng thái u uất (hystérie). Đó là trạng thái của người con gái đến thời kỳ xuân tình phát động mà hoặc vì thân thể và thần kinh hệ yếu quá, không đủ lực chịu đựng sức tiến triển của cơ quan sinh dục hoặc bị lễ giáo kiềm chế, tính dâm dăng không thực hiện được nên đâm ra người gầy, mắt như có nước trong con ngươi, xanh vàng cả mặt và tay chân. Ở con bệnh, chất máu đỏ bị úa đi, sự tuần hoàn thiếu đều đặn, cơ quan tiêu hoá chậm hoạt động, cơ quan sinh dục luôn luôn náo động trong thời kỳ phát triển. Nó làm cho người khi vui quá độ, khi buồn quá mức, hay hờn dỗi khóc lóc, đêm ngủ thường giật mình tức ngực...”

Có lẽ không có quyền nghiên cứu văn học nào khác mà lại có cái lối phân tích nhân vật lạ lùng như vậy. Lạ lùng hơn nữa là người viết vẫn tự cho mình là nhà phê bình mác-xít biết nghiên cứu văn học theo duy vật lịch sử, theo quan điểm đấu tranh giai cấp. Ngày xưa mà tự nhận như thế cũng đã khó nghe. Thế mà cho đến gần đây Trương Tửu vẫn tự nhận như thế. Trong quyển *Truyện Kiều và thời đại Nguyễn Du* (1956) Trương Tửu tuy có nói lên một cách chung chung những sai lầm của Nguyễn Bách Khoa nhưng vẫn khẳng định Nguyễn Bách Khoa đã “đặc biệt nhấn mạnh vào quan điểm đấu tranh giai cấp”, đã “cố gắng đi theo ý thức hệ của giai cấp công nhân”. Đi theo hay là đi ngược, một khi Trương Tửu tự tiện gán cho ý thức hệ của giai cấp công nhân những điều kỳ quặc như thế ?

Đến đây chúng ta thấy rõ cái bản chất huênh hoang bịp bợm của Trương Tửu đã không chịu dừng lại trong phạm vi văn học. Nó đã rất nhanh chóng phát triển sang địa hạt chính trị. Với cái tật cố hữu muốn ăn to mà không cần bỏ vốn, muốn trở thành lãnh tụ, chí ít là thành một lãnh tụ con con mà không cần phải thực sự làm cách mạng, Trương Tửu đã rơi tòm vào cái lối mác-xít sách vở, rồi lại từ đó rơi vào khuynh hướng tờ-rốt-kít. Bởi vì ngay từ hồi bấy giờ, muốn thực sự làm cách mạng thì chỉ có một con đường là đi với Đảng cộng sản Đông Dương.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Mà đi với Đảng thì phải thực sự dũng cảm, phải chịu đựng gian khổ, phần lớn lại là những gian khổ âm thầm. Điều đó không thích hợp với bản chất Trương Tửu. Trương Tửu bèn giải quyết vấn đề bằng cách tự phong cho mình là cách mạng hơn Đảng mà không cần phải làm cách mạng. Do đó mà đối với Đảng có cái thái độ coi thường, khinh miệt, hằn học là chuyện tất nhiên. Lại do đó mà đi đến chỗ biến thành công cụ tự giác hay không tự giác trong tay đế quốc, đó cũng là chuyện cơ hồ đã thành quy luật.

Nhưng trong phạm vi bài này tôi chưa muốn đi sâu vào những hoạt động chính trị của Trương Tửu thời bấy giờ, cũng chưa muốn nói nhiều về những bài của Trương Tửu đề cao Tờ-rốt-ki, đề cao bọn tờ-rốt-kit và đả kích Đảng trên các báo như *Quốc gia*, *Thời thế*. Lúc bấy giờ là lúc Đảng cộng sản Đông Dương kêu gọi mọi tầng lớp nhân dân kể cả tư sản, thành lập Mặt trận Dân chủ để đòi tự do dân chủ, chống phản động thuộc địa. Kế đó phát-xít Nhật tràn vào Đông Dương, Đảng lại kêu gọi toàn dân tập hợp trong Mặt trận Việt Minh để đánh Pháp đuổi Nhật. Trương Tửu và bọn tờ-rốt-kit đả kích Đảng, cho là Đảng đã đi vào con đường cải lương, con đường dân tộc, không còn là Đảng cách mạng nữa. Họ đưa ra khẩu hiệu thành lập Mặt trận công nông, có vẻ cách mạng lắm. Nhưng một khẩu hiệu như thế ném ra giữa lúc mọi lực lượng đấu tranh cần phải chĩa vào bọn phản động thuộc địa và bọn phát-xít chính là chia rẽ hàng ngũ cách mạng, đi ngược lại quyền lợi của công nông. Trên thực tế bọn họ đều là bọn phá hoại cách mạng. Ngay trên địa hạt học thuật văn chương, một điều đáng chú ý là giữa lúc Đảng phát động phong trào đánh Pháp đuổi Nhật, giữa lúc lòng tự hào dân tộc là điều tối cần cho cách mạng thì nhóm Hàn Thuyên do Trương Tửu điều khiển in ra những quyển sách của Nguyễn Tế Mỹ bôi nhọ Hai Bà Trưng, những vị anh hùng dân tộc và quyển sách của Nguyễn Bách Khoa bôi nhọ *Truyện Kiều*, một giá trị lớn của văn hoá dân tộc. Điều nguy hiểm là lại nhân danh chủ nghĩa Mác mà bôi nhọ. Các đồng chí Văn Tân và Nguyễn Hồng Phong cho biết lúc bấy giờ các chiến sĩ cách

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

mạng của ta trong các nhà tù của đế quốc đã rất lấy làm công phần. Tờ báo *Giông sóng Công* xuất bản bí mật ở trại giam Bá Vân đã phê phán nghiêm khắc hai quyển sách của Nguyễn Tế Mỹ và Nguyễn Bách Khoa.<sup>[2]</sup>

Tuy vậy, sau khi Hội văn hoá cứu quốc được thành lập trong Mặt trận Việt Minh, nhằm tập hợp mọi nhà văn hoá yêu nước, thể theo tinh thần của Đảng không muốn bỏ sót một ai, Hội đã cử người đến gặp Trương Tửu. Trương Tửu vẫn nhất định không nghe. Chẳng những thế, có lần Nhật khủng bố, nhiều thanh niên yêu nước bị bắt, bị tra tấn dã man, Trương Tửu không những không chút đau xót mà theo các đồng chí Nguyễn Đỗ Cung, Bùi Huy Phồn thuật lại, lúc đó Trương Tửu còn có những cái cười gằn khoái chí ý nói: ai bảo đại cho chết!

Cách mạng tháng Tám thành công ngày 19-8-1945. Ba tuần sau, vào ngày 10-9-1945, Trương Tửu xuất bản quyển *Tương lai văn nghệ Việt Nam*. Trong quyển sách cũng như trong lời tựa hoàn toàn không có lấy một lời nói đến Cách mạng tháng Tám. Trái lại Trương Tửu luôn luôn nói đến “cái hôm nay đen tối và chật hẹp” chính giữa lúc dân ta sau tám mươi năm nô lệ tối tăm đang vùng dậy trong ánh sáng tung bùng của một thời đại mới. Quan điểm văn nghệ của Trương Tửu trong quyển này là một quan điểm phản động. Trong số các nhà văn, nhà tư tưởng Trương Tửu đề cao, bên cạnh Mác, Ăng-ghe-n, Lê-nin, Tôn-stôi còn có cả Man-rô (A. Malraux), Pờ-lit-ni-ê (Charles Plisnier), Ji-đờ (André Gide), Trần Độc Tú. Trương Tửu nhắc đi nhắc lại lời Ji-đờ khuyên các nhà văn, nhà nghệ sĩ hãy “gieo rắc vào tâm trí mọi người chất men bất phục tùng và phản kháng”. Phản kháng ai? Phản kháng cái gì? Quan điểm văn nghệ ấy lồng vào trong một quan niệm mơ hồ về thù bạn đã là chuyện nguy hiểm, trong hoàn cảnh cách mạng vừa giành được chính quyền và đang phải đương đầu với thù trong giặc ngoài, với một nạn đói kinh người và đủ các thứ khó khăn thì một quan điểm văn nghệ như vậy rõ ràng là phản động. Cái nguy hiểm là nó lại khoác một cái áo rất cách mạng. Theo Trương

## HUỶNH ÁI TÔNG

Từ tân văn nghệ phải có bốn yếu là: cách mạng, quần chúng, xã hội chủ nghĩa và khoa học. Tuyệt nhiên Trương Tửu không nói đến yếu tố dân tộc. Để thực hiện đường lối văn nghệ ấy, Trương Tửu chủ trương thành lập một đoàn Tân Văn Nghệ không chịu sự lãnh đạo của một đảng nào hết mà chỉ có thể hợp tác với các đảng chính trị “một cách hãn hữu”. Chủ trương về tổ chức này cũng như quan điểm cho văn nghệ là “chất men bất phục tòng và phản kháng” phải đặt nó vào hoàn cảnh hồi tháng 9-1945 mới thấy hết cái tác hại của nó. Giữa lúc Đảng đang ra sức tập hợp lực lượng của mọi tầng lớp nhân dân chiến đấu với quân thù, một chủ trương như vậy thật là nguy hiểm. Những ý kiến này của Trương Tửu về đường lối văn nghệ, về tổ chức văn nghệ sau này đã hiện lại nguyên hình trong *Giai phẩm*. Đó cũng là một điều nên chú ý để thấy nguyên nhân sâu xa của *Nhân văn-Giai phẩm*. Nguyên nhân ấy dứt khoát không phải là những sai lầm của chúng ta mà chính là những tư tưởng phản động vốn có từ lâu của những người cầm đầu *Nhân văn-Giai phẩm*.

Trên thực tế, Trương Tửu cũng đã gây nhiều rắc rối cho công tác văn hoá của Đảng. Giữa chủ trương “cách mạng xã hội” đầu lưỡi của Trương Tửu trong “Ủy ban Văn hoá Bắc Bộ” và chủ trương văn hoá phục vụ sự nghiệp cứu nước của Hội Văn hoá cứu quốc đã diễn ra một cuộc đấu tranh gay go. Có thể nói Trương Tửu đã ráo riết giành quyền lãnh đạo văn nghệ với Đảng. Chúng ta đã phải đấu tranh lại về lý luận và cả về tổ chức. Một mặt đồng chí Đặng Thai Mai trên hai số báo *Tiên phong* đã phân tích và phê phán những quan điểm của Trương Tửu trong *Tương lai văn nghệ Việt Nam*. Một mặt Hội Văn hoá cứu quốc đưa ra chủ trương thành lập Ủy ban vận động Hội nghị văn hoá toàn quốc để đoàn kết toàn thể giới văn hoá. Trương Tửu bị thất bại. Nhưng Trương Tửu vẫn không ngớt đả kích vào sự lãnh đạo văn nghệ của Đảng, nhất là đả kích cái chủ trương kêu gọi tinh thần yêu nước do Đảng đề ra. Một năm sau, vào tháng 8-1946, trong quyển *Văn hoá và Cách mệnh* của Đoàn xuất bản Việt Nam, Trương Tửu có viết một bài nhan đề

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

là *Nhà văn và Cách mạng*. Trong bài này, Trương Tửu nhận định tình hình văn học như sau: “Từ tiết ngâu trước đến tiết ngâu này, được mùa Cách mạng thì lại mất mùa văn chương sáng tác”. Nguyên nhân, theo Trương Tửu, là do ba cái phương châm Dân tộc, Khoa học, Đại chúng. Trương Tửu viết “Từ khi có những khẩu hiệu này thì các nhà văn sáng đã bối rối lại càng bối rối thêm”. Có thật như thế không? Mười năm về sau trong *Giai phẩm mùa thu* tập II, chính Trương Tửu cũng thừa nhận rằng ba phương châm ấy đã có tác dụng hướng dẫn văn nghệ đi theo con đường đúng. Cố nhiên lúc đó mới giữa mùa thu, Trương Tửu chỉ mới đá kích cán bộ lãnh đạo. Ba tháng sau, trong *Giai phẩm mùa đông*, Trương Tửu sẽ đá kích cả đường lối lãnh đạo. Trở lại hồi 1945-1946. Lúc bấy giờ chúng ta đặc biệt nhấn mạnh phương châm dân tộc. Đồng chí Nguyễn Đình Thi viết trên báo *Tiên phong*: “Lúc này chỉ văn nghệ cứu nước là văn nghệ cách mạng, lúc này không thể có văn nghệ cách mạng nào ngoài con đường cứu nước”. Trương Tửu kịch liệt đá kích chủ trương này. Trương Tửu viết: “Trong khi phần đông chúng ta chưa kịp nhận thức tất cả nội dung danh từ cách mạng thì nhóm *Tiên phong* ném ra một lời giải thích độc đoán: sáng tác để cứu nước”. Chủ trương ấy có độc đoán hay không, chủ trương ấy đã có tác dụng đến cách mạng, đến văn nghệ cách mạng như thế nào, thiết tưởng ngày nay mọi người đều đã rõ; thực ra ngay từ lúc bấy giờ mọi người cũng đã rõ, trừ Trương Tửu và một số người như Trương Tửu cố tình không muốn rõ. Trương Tửu cho rằng lúc bấy giờ là lúc phải “tranh đấu phá huỷ chế độ tư bản để xây dựng một trật tự xã hội mới trong đó sẽ hết những sự bất bình đẳng, bất công, bóc lột, đè nén”, nghĩa là phải tiến ngay lên chủ nghĩa xã hội. Giá thử cách mạng chiều theo Trương Tửu, nghĩa là giá thử từ 1945 chúng ta đã làm ngay những việc chúng ta đang làm bây giờ ở miền Bắc như xây dựng mậu dịch quốc doanh, cải tạo công thương nghiệp tư bản chủ nghĩa v.v... thì tình hình sẽ rối rắm như thế nào? Và kết quả cuối cùng sẽ là xây dựng chủ nghĩa xã hội hay khôi phục chủ nghĩa thực dân? Vì giữa lúc Trương Tửu ném ra cái chủ trương tiến ngay lên chủ nghĩa xã hội thì quân đội viễn

## HUỶNH ÁI TÔNG

chinh của Pháp đã gây chiến ở miền Nam và đang hàng ngày khiêu khích chúng ta ngay giữa thủ đô Hà Nội! Trái lại ngày nay trong khi miền Bắc đã hoàn toàn giải phóng, và Đảng lãnh đạo chúng ta tiến lên chủ nghĩa xã hội thì Trương Tửu lại kêu rằng chúng ta tiến lên nhanh quá!

Kháng chiến toàn quốc bùng nổ. Trong hoàn cảnh khó khăn chung, Đảng và Chính phủ vẫn hết sức săn sóc, giúp đỡ để Trương Tửu tham gia kháng chiến. Trước áp lực của kháng chiến, những tư tưởng đối địch với Đảng về văn nghệ và chính trị có bị dồn lại trong con người Trương Tửu, nhưng chưa hề sụp đổ, vì Trương Tửu thiếu tinh thần nỗ lực thật sự để cải tạo mình, thiếu khiêm tốn học tập, thiếu dũng cảm nhận trách nhiệm, tích cực tham gia và đi sâu vào thực tế chiến đấu sản xuất của quần chúng công nông binh. Qua ngôn ngữ, cử chỉ hàng ngày cũng như qua các bài viết, bài giảng, những tư tưởng cũ vẫn bộc lộ khá rõ. Đồng chí Nguyễn Sơn lúc bấy giờ làm Khu trưởng Liên khu IV đã gọi Trương Tửu là “mụn màu duy vật đánh lừa con đen”. Nhưng kháng chiến càng ngày càng thắng lợi, Trương Tửu dần dần cũng biết điều hơn nhất là từ sau kỳ chỉnh huấn, Trương Tửu có vẻ nhích lại gần Đảng hơn. Tuy vậy vấn đề tư tưởng trên căn bản vẫn chưa được giải quyết.

Cuối năm 1956, nhân dịp những sai lầm của đồng chí Sta-lin vừa được Đảng Liên xô phát hiện và những sai lầm về cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức vừa được Đảng ta phát hiện, các thế lực phản động từ đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai đến những phần tử phản động trong giai cấp tư sản lợi dụng thời cơ tấn công điên cuồng vào Đảng ta trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hoá. Những lúc như lúc ấy, người cán bộ đã tự nguyện phấn đấu cho cách mạng dưới lá cờ của Đảng càng phải gắn bó với Đảng, càng phải ra sức bảo vệ Đảng. Đó là thái độ của tuyệt đại đa số những đồng chí bị quy oan trong cải cách ruộng đất. Vừa được trả lại tự do, mặc dầu trong lòng còn nhiều âm ức chua xót, các đồng chí ấy đã dứt khoát đứng vào



## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

vị trí chiến đấu, kiên quyết bảo vệ thành quả của cách mạng, chống lại bọn phá hoại và ra sức giải thích, thuyết phục để bảo đảm sản xuất, ổn định nông thôn. Người xưa cũng đã từng nói “Gia bản tri hiếu tử”. Thái độ của Trương Tửu thì khác hẳn. Nhân lúc Đảng gặp khó khăn, toàn bộ con người cũ của Trương Tửu lại vùng dậy hung hăng hơn bao giờ hết! Uất ức vì bị chính nghĩa của cách mạng dồn ép, thái độ của nó lúc này là một thái độ phục thù. Giọng nói của nó là một giọng nói hằn học. Cùng một kiểu với các loại “con người” vùng dậy trong đám *Nhân văn-Giai phẩm* và có lẽ còn ở một mức độ cao hơn đa số những “con người” kiểu ấy, nó cũng đòi được “làm người” được “là mình” nghĩa là được đá kích Đảng tiên phong và chính quyền cách mạng. Trong ba tập *Giai phẩm* liên tiếp nó đã kích thậm tệ vào toàn bộ cán bộ đảng phụ trách công tác văn nghệ, phủ nhận tính chất mác-xít, tính chất vô sản của Đảng. Vẫn một lối huênh hoang và bịp bợm cũ, nó làm như chỉ có nó mới là triết để cách mạng. Một mặt nó bóp méo, bịa đặt sự việc để vu khống. Ví dụ nó dựng đứng lên rằng đồng chí Tố Hữu đã chỉ thị bỏ hết tranh tĩnh vật trong triển lãm mỹ thuật 1955, mặc dầu trong triển lãm ấy rõ ràng vẫn có tranh tĩnh vật của Trần Mạnh Tuyên và Hữu Thanh. Một mặt khác nó xuyên tạc lời nói của các lãnh tụ. Nó trích dẫn lời Mác đá kích chính quyền phản động cũ để gián tiếp đá kích chính quyền ta. Lê-nin nêu nguyên tắc sự nghiệp văn học phải thành “một bộ phận trong toàn bộ sự nghiệp của giai cấp vô sản, phải thành một cái bánh xe nhỏ và một cái đinh ốc” trong bộ máy cách mạng. Kế đó Lê-nin nhắc đến đặc điểm của văn học khiến văn học không thể rập khuôn với những bộ phận khác trong sự nghiệp Đảng của giai cấp vô sản. Nhưng sau khi nhắc đến đặc điểm của văn học, Lê-nin lại chỉ rõ những đặc điểm ấy không lật đổ được nguyên tắc đã nêu trên kia là sự nghiệp văn học nhất định phải là một bộ phận công tác của Đảng gắn chặt với các bộ phận khác. <sup>[3]</sup> Trương Tửu không hề nhắc đến phần đầu và phần cuối trong đoạn văn này mà tách riêng cái câu nói về đặc điểm, nêu câu ấy lên làm tiêu đề và nhắc đi nhắc lại, làm như đó là phần chính trong ý kiến Lê-nin.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Song song với cái lối dụng đứng, vu khống ấy, cái lối trích dẫn gian dối ấy, Trương Tửu ra sức phỉnh nịnh văn nghệ sĩ, biến văn nghệ sĩ thành một thứ người trời cực kỳ sáng suốt và kích thích các thứ tư tưởng và hoạt động vô chính phủ bằng cách đề cao cái “dũng cảm” đã kích vào Đảng, vào chế độ.

Cố nhiên những tư tưởng đối địch với Đảng ấy đều được dán cái nhãn hiệu suông là “thừa nhận sự lãnh đạo của Đảng” theo quy luật chung của tất cả các thứ hàng lậu. Với tất cả những mưu mô ấy Trương Tửu cũng định kiếm chác một chuyến, may ra lật đổ được cái tổ chức của Đảng trong văn nghệ, giành lấy quyền lãnh đạo, trở nên một thứ lãnh tụ văn nghệ và nếu thời cơ thuận tiện hơn nữa, nó sẽ còn kiếm chác hơn nữa, biết đâu...

Song như chúng ta biết, mọi việc đã không diễn ra theo ý định của Trương Tửu. Mặc dầu Đảng có sai lầm trong cái cách ruộng đất và chính đốn tổ chức, các tầng lớp nhân dân trước hết là các tầng lớp công nông binh đông đảo, đều thấy không thể lẫn lộn bản chất những sai lầm của Đảng với những tội ác của quân thù, đều thấy uy tín của Đảng, lực lượng của Đảng là cái vốn quý nhất của toàn dân. Điều đó đã được chứng thực trong hơn một phần tư thế kỷ và là một bảo đảm chắc chắn cho tương lai. Lòng tin tưởng sâu sắc ấy của các tầng lớp nhân dân đã bẻ gãy những mưu toan tối tăm của các thế lực phản động.

Song cũng như những phần tử khác cầm đầu *Nhân văn-Giai phẩm*, Trương Tửu không hề tỉnh ngộ trước những lời cảnh cáo nghiêm khắc của Đảng và nhân dân. Trương Tửu vẫn tiếp tục phá phách ở Đại học, tiếp tục gieo nọc độc vào tư tưởng sinh viên, gây đủ thứ khó khăn cho lãnh đạo và để đạt được mục đích phá hoại ấy, Trương Tửu đã không từ chối cả những thủ đoạn dê hèn như gian lận trong việc chấm thi để cố làm cho Phùng Quán trúng tuyển vào Đại học. Việc này báo *Hà Nội hằng ngày* đã từng vạch rõ.

Chúng ta đã thấy ngay từ đầu, Trương Tửu đã mang vào trong văn học các ngón sở trường của bọn gian thương. Cho nên mặc dầu có chút thông minh, mặc dầu thỉnh thoảng có một hai điều khám phá, nhất định Trương Tửu không thể tạo nên được những gì có giá trị chân chính. Bước sang địa hạt chính trị, Trương Tửu vẫn không ngừng phát triển những ngón sở trường ấy. Do đó trong các hoạt động văn học về sau, Trương Tửu lại càng thiếu trung thực, càng tìm mọi cách xoay xở.

Có thể nói một đặc điểm của Trương Tửu là thái độ lật lọng đến mức vô liêm sỉ. Trong các vấn đề văn học thực ra thay đổi ý kiến cũng là chuyện thường xảy ra và nếu có những ý kiến không đúng về một nhà văn, một tác phẩm thì cũng cần phải thay đổi. Nhưng đối với một bài văn, một bài thơ chúng ta thích, nó cũng như đối với một người yêu. Dầu biết là người ấy có vấn đề cần phải cắt đứt thì cũng là chuyện đứt ruột đi. Chúng ta hãy nhớ lại câu chuyện phim Liên-xô *Người thứ 41*. Gỡ mình cho thoát cái ám ảnh của một câu thơ có khi cũng ray rứt như vậy. Đảng này với Trương Tửu, thay đổi ý kiến y như chuyện trở bàn tay. Nói ngược cũng được, nói xuôi cũng được, miễn nói ngược hay nói xuôi đều phải phục vụ cho cá nhân Trương Tửu, cho những mưu đồ chính trị phản động của Trương Tửu.

Năm 1935, Trương Tửu hết lời đề cao Tự Lực văn đoàn để tự đề cao mình và đề cao Lan Khai. Nhưng liền sau đó và nhất là trong *Mùa gặt mới* số 2 năm 1940 Trương Tửu lại chuyển sang đả kích Tự Lực văn đoàn kịch liệt. Trong chỗ đả kích cũng có những ý kiến đúng, nhưng động cơ không phải là vì chân lý mà vì muốn tỏ ra mình là người triệt để cách mạng, triệt để chống tư sản, không “cải lương” như Đảng cộng sản Đông Dương.

Đối với *Truyện Kiều* và Nguyễn Du cũng một sự tráo trở như vậy. Trước kia Trương Tửu đã mạt sát Nguyễn Du không còn

## HUỶNH ÁI TÔNG

tiếc một lời nào. Trương Tửu đã từng viết: “Một xã hội ồm, một đảng cấp ồm, một cá tính ồm, tất cả *Truyện Kiều* là ở đó”; “Đó là một sinh hoạt căn cỗi và xáo loạn, một tư tưởng nhát hèn và uỷ mị, một tâm lý tùy thời và ích kỷ, *Truyện Kiều* là kết tinh của ba yếu tố suy đồi ấy”; “*Truyện Kiều* là một kết tinh phẩm của một chặng đường suy đồi nhất trên trường kỳ tiến hoá của cá tính Việt Nam”. Nghĩa là ngược hẳn lại những điều Trương Tửu sẽ khẳng định sau này trong quyển *Truyện Kiều và thời đại Nguyễn Du*: “Nguyễn Du tin ở con người tin ở tài năng và tình cảm tin ở ngày mai. Nguyễn Du tin rằng con người thắng được mệnh, đổi được nghiệp bằng sức lực bản thân mình. Mặc dầu là tiếng đọa trường, *Truyện Kiều* chủ yếu vẫn là một tiếng nói lạc quan”; “*Truyện Kiều* là bức tranh trung thành của thời đại Tây Sơn, tiếng nói trung thành của quần chúng nhân dân đã làm ra phong trào Tây Sơn...”; “Nguyễn Du đã ghi lại được quá trình thành bại của phong trào quần chúng vĩ đại ấy với tất cả những quy luật lịch sử chi phối nó”; “*Truyện Kiều* ... có một ý nghĩa cách mạng”; “*Truyện Kiều*... có ý nghĩa và tác dụng như một hành động chính trị phản kháng quyết liệt, táo bạo. Đó là tiếng hò vang chiến đấu hậu vệ của cuộc khởi nghĩa Tây Sơn thét vào mặt bọn vua quan cường hào nhà Nguyễn đang hì hục tìm cách thủ tiêu mọi di tích của phong trào ấy”.

Đây chưa phải là nhận định về *Truyện Kiều*, nhưng hiển nhiên là mạt sát *Truyện Kiều* như Trương Tửu là không đúng mà tâng bốc *Truyện Kiều* như Trương Tửu cũng không đúng.

Tại sao lại có sự thay đổi hẳn đi như vậy? Lúc này là năm 1955, chúng ta vừa mới tiếp quản Hà Nội, tiếng vang của Điện Biên Phủ còn rất lớn; đối với cách mạng, giai cấp tư sản chưa có những phản ứng mạnh. Trương Tửu nghĩ rằng đi với Đảng thì kiếm chắc được khá hơn. Trương Tửu viết quyển này là một số ý kiến của đồng chí Trường Chinh phát biểu trong một buổi toạ đàm thân mật. Đại ý đồng chí Trường Chinh nói: từ lâu nông dân ta vẫn rất thích *Truyện Kiều*, vậy *Truyện Kiều* có cái

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

gì mà khiến nông dân thích như thế, chúng ta nên chú ý điều đó. Trương Tửu viết: “Câu nói giản dị mà sâu xa của ông Trường Chinh đã vạch ra cái hướng tìm hiểu *Truyện Kiều* đúng nhất, căn bản nhất”. Tiếp thu ý kiến của đồng chí Trường Chinh là đúng nhưng vì thiếu thật thà và theo thói thường xưa nay của Trương Tửu là cứ muốn tổ thêm vào, muốn thổi phồng lên, Trương Tửu đã đi đến chỗ xem *Truyện Kiều* là bức tranh ghi lại trung thành cuộc khởi nghĩa Tây Sơn “vói tất cả những quy luật lịch sử chi phối nó”, là “tiếng hò vang chiến đấu hậu vệ” vân vân... Một điều cũng đáng chú ý là chỉ mấy tháng sau khi xuất bản quyển sách này, trong đó Trương Tửu hết lời ca tụng Đảng, ca tụng đồng chí Trường Chinh, là Trương Tửu đã chuyển giọng sang đả kích Đảng, đả kích đồng chí Trường Chinh trong *Giai phẩm*.

Bởi vì theo Trương Tửu thì tình hình đã biến chuyển; đầu năm 1956 là một thời, đến giữa năm 1956 lại là một thời khác và lúc này mới thật là cái thời Trương Tửu. Cũng vì vậy cho nên đầu 1956, theo một số anh em ở Đại học cho biết, Trương Tửu vẫn bảo Trần Dần với nhóm *Giai phẩm mùa xuân* là “một lũ đang đi tìm cái chết ngu xuẩn, điên cuồng, đẻ ra cái quái thai trong xã hội Việt Nam, một cái mà nghìn đời người ta sẽ còn chửi”. Và Trương Tửu khoe với người chung quanh rằng khi có người rủ Trương Tửu nhập bọn, Trương Tửu không những từ chối mà còn “chửi cho một trận”. Trương Tửu chửi thật hay chửi vờ. Thật khó mà biết. Chỉ biết mấy tháng sau, Trương Tửu không những nhập bọn với Trần Dần mà còn đi xa hơn Trần Dần trên con đường đối địch với Đảng. Vì sao vậy? Rõ ràng không có lý do nào khác ngoài cái lý do “bi nhất thời, thù nhất thời” mà Phan Khôi đã nâng lên thành triết lý.

Cũng một cái lối lật lọng tráo trở, đổi trắng thay đen ấy trong việc giảng dạy ở Đại học, năm sau giảng mâu thuẫn với năm trước, nhưng bao giờ cũng có những lý lẽ rất hùng hồn và Trương Tửu không hề một lần nào dính chính. Trước khi *Nhân văn* ra đời Trương Tửu trong khi giảng dạy vẫn đề cao Nguyễn

## HUỶNH ÁI TÔNG

Công Hoan và Ngô Tất Tố. Nhưng đến năm sau thì không nhắc đến Ngô Tất Tố mà lại nhấn mạnh tính chất lạc hậu của Nguyễn Công Hoan. Cũng chỉ bởi một lý do là Trương Tửu đã trắng trợn trở về con đường đối địch với Đảng mà Nguyễn Công Hoan và Ngô Tất Tố lại là những đảng viên. Hồi sau này Trương Tửu chỉ đơn thuần đề cao Vũ Trọng Phụng, đề cao đến độ xem Vũ Trọng Phụng là sáng suốt hơn Đảng. Vũ Trọng Phụng có sáng suốt hơn Đảng không? Chúng ta đều rõ Vũ Trọng Phụng tuy có đạt được những thành công nhất định nhờ sức vang dội của phong trào đấu tranh của quần chúng dưới sự lãnh đạo của Đảng nhưng Vũ Trọng Phụng còn có những cái nhìn rất lầm lạc về bọn thực dân là kẻ thù chính của dân tộc và về nhân dân lao động là lực lượng chính của cách mạng.

Khi tập thơ *Việt Bắc* của Tố Hữu mới in ra, trong một buổi họp ở Đại học, Trương Tửu nhiệt liệt đề cao, Trương Tửu nói trên một tiếng đồng hồ. Những anh chị em ngồi nghe tuy đều là người rất thích thơ Tố Hữu nhưng thấy Trương Tửu đề cao quá đáng cũng ngường ngường. Đồng chí Hoàng Xuân Nhị đã phải phát biểu uốn nắn lại, đại ý nói thơ Tố Hữu rất hay nhưng có lẽ chưa nên gọi là anh hùng ca của dân tộc. Trương Tửu đã từng tặng đồng chí Tố Hữu một quyển sách của Trương Tửu về *Truyện Kiều*, trong lời đề tặng Trương Tửu gọi đồng chí Tố Hữu là “người kế tục sự nghiệp của Nguyễn Du”. Nhưng chẳng mấy chốc Trương Tửu lại viết một bài dài gửi cho toà soạn tập san *Đại học sư phạm* chỉ trích rất gay gắt tập thơ của Tố Hữu!

Có người nhận định rằng Trương Tửu là duy tâm chủ quan về văn học và cơ hội về chính trị. Chúng ta có thể nói một cách giản đơn hơn: Trương Tửu là một tay bịp cả về văn học lẫn chính trị. Trương Tửu đã dùng chính trị và nhất là văn học làm những thủ đoạn đầu cơ kiếm chác, do đó không thể nào không đi vào con đường mác-xít giả hiệu nó cũng là con đường tờ-rốt-kít, con đường phản cách mạng. Trương Tửu đã gây tác hại cho cách mạng, cho văn học cách mạng. Đảng không phải không nhìn rõ cái thực chất ấy của Trương Tửu. Nhưng Đảng

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

không hề có thành kiến. Trên tinh thần nhân đạo chủ nghĩa cộng sản, Đảng đã hết sức cứu Trương Tửu ra khỏi bùn nhơ, thân ái phê bình giúp đỡ, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho Trương Tửu phục vụ cách mạng. Nhưng Trương Tửu luôn luôn muốn trở về con đường cũ. Trong đợt học tập và đấu tranh hiện nay, một lần nữa Đảng lại chỉ cho Trương Tửu thấy cái nguy cơ của con đường cũ, không dứt khoát, không thực thà từ bỏ nó đi thì vĩnh viễn làm hư hỏng cả cuộc đời. Liệu rồi Trương Tửu có tỉnh lại hay không? Dầu sao cuộc đời đang chuyển mạnh sang những chân trời mới ở Việt Nam cũng như trên thế giới. Những thói đầu cơ kiếm chác trên lĩnh vực chính trị và văn học cũng như trên lĩnh vực buôn bán kinh doanh, dầu khôn khéo đến đâu, tài tình đến đâu cũng không cách gì tồn tại được nữa. Làm văn học hay vô luận làm gì cũng chỉ một con đường là phải trung thực, phải thật thà đi với Đảng, ngoài ra không còn con đường nào khác.

Nhưng vô luận thái độ Trương Tửu như thế nào, đã đến lúc trường Đại học và các cơ quan văn học nghệ thuật, những trung tâm văn hoá của chúng ta trong cả nước, phải chặn lại không cho Trương Tửu được tự do truyền bá những tư tưởng phản động, những tác phong đòi bại. Không thể nào coi nhẹ tác động nguy hại của tư tưởng Trương Tửu. Bản chất tò-rôt-kít của nó khiến nó có sức hấp dẫn đối với những đầu óc “yêng hùng” vốn bạc nhược, vốn ngại gian khổ, trốn trách nhiệm, nhưng lại huênh hoang khoác lác, muốn tự phong cho mình là cách mạng hơn Đảng, cộng sản hơn Đảng và từ đó đi dần vào con đường chống Đảng, chống chủ nghĩa xã hội. Báo *Nhân dân* từng vạch rõ *Lời mẹ dặn* của Phùng Quán chỉ là lời “mẹ mìn” Trương Tửu. Những câu thơ âm ỹ của Trần Dần, Lê Đạt, các kiểu kêu gào hùng hổ *Hãy đi mãi, Bay cho cao! Bay cho xa!* Bên cạnh những lời vu khống chế độ chúng ta, nào *cuộc sống hàng ngày nhí nhách*, nào *công thức xó giầy vào mũi*, cũng đều sắc mùi tò-rôt-kít. Loại nọc độc này rất dễ nhiễm mà lại rất khó trừ. Nó không phải chỉ đưa người ta đến chỗ ngông cuồng mà còn có thể đưa người ta vào con đường tội lỗi.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Chúng ta không thể nào để cho họ tiếp tục đầu độc công chúng nhất là đầu độc lớp thanh niên yêu quý của chúng ta.

---

[1] Trích theo Vũ Ngọc Phan (nguyên chú của Hoài Thanh)

[2] Xem *Chống quan điểm phi vô sản về văn nghệ và chính trị*, Nhà Sự Thật xuất bản (nguyên chú)

[3] Xem cả đoạn văn này của Lê-nin trong quyển *Tổ chức của Đảng và văn học Đảng*, nhà xuất bản Sự Thật (nguyên chú)

(Nguồn: Tạp chí *Văn nghệ*, số 11 (tháng 4 năm 1958))

Có người đã ca ngợi Hoài Thanh: "... *Di sản của Hoài Thanh là một khối đồ sộ những ký thác và tin tưởng, thật đáng tự hào. Tài sản của Hoài Thanh đã đi vào lịch sử. Một tài sản lấp lánh biết bao về đẹp của một nhà văn hoá và nhà phê bình văn học tiêu biểu...*".

Ông Xuân Thủy, Phó Chủ tịch Quốc hội khóc Hoài Thanh:

*Ngọn bút Hoài Thanh nghỉ mát rồi  
Nhưng bài viết cũ mãi xanh tươi  
Văn anh êm ái và duyên dáng  
Đủ cả chua cay cả ngọt bùi.  
Phải chăng Văn Điển chẳng buồn đâu  
Cũng lắm văn chương, lắm bạn bầu  
Mưa nắng chan hòa trăng gió mát  
Tha hồ bàn tán chuyện nông sâu!*

Trong "*Chân dung nhà văn*" (bài 15), Xuân Sách dùng lối "lấy Kiền" để vẽ chân dung Hoài Thanh:

*Vị nghệ thuật nửa cuộc đời  
Nửa đời sau lại vị người ngồi trên  
Thi Nhân còn một chút duyên*



HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

*Lại vò cho nát, lại lèn cho đau*

*Bình thơ tới thuở bạc đầu*

*Vẫn chưa thể tắt nổi câu nhân tình.*

Tài liệu tham khảo:

- Hoài Thanh Web: [vi.wikipedia.org](http://vi.wikipedia.org)
- Hoài Thanh Web: [phongdiep.net](http://phongdiep.net)

## HUỶNH ÁI TÔNG

### 6) Võ Hồng Cương



#### **Võ Hồng Cương - Nguyễn Tri Phương ( ? - ? )**

Võ Hồng Cương tên thật là Nguyễn Tri Phương, không rõ ông sinh năm nào, ở đâu. Chỉ thấy vài nơi có ghi về ông, theo Sắc lệnh số 150-SL ngày 16-2-1950, ông được bổ nhiệm chức phó Đồng lý văn phòng Bộ Quốc Phòng và Sắc lệnh số 123-SL ngày 11-7-1950 bổ nhiệm ông Lê Liêm Cục trưởng Cục Tuyên huấn, ông Võ Hồng Cương Phó cục trưởng Cục Tuyên huấn thuộc Tổng Cục chính trị.

Sau vụ Nhân Văn – Giai Phẩm, Trần Duy gửi thư cho Phạm Văn Đồng để được giải quyết tình trạng của ông, Phạm Văn Đồng gửi cho Ban Tuyên giáo giải quyết. Trần Duy đến gặp Trưởng ban Tuyên giáo là Võ Hồng Cương.

Trong thời gian vụ Nhân Văn – Giai Phẩm xảy ra, Võ Hồng Cương là Phó cục trưởng Cục Tuyên huấn có viết bài:

- *Cuộc đấu tranh giai cấp trên mặt trận văn nghệ hiện nay* đăng trên *Văn nghệ quân đội* số 6 tháng 6 năm 1958

- *Bọn phản bội Trần Dân – Hoàng Cầm – Tử Phác* đăng trên *Quân đội nhân dân* số 437 ngày 11-4-1958.

Trích văn:

**Bọn phản bội Trần Dần – Hoàng Cầm – Tử Phác**

Từ khi *Nhân văn* ra đời, bài “Con người Trần Dần” đã gây nên một vài dư luận hiểu lầm về quân đội ta. Nhưng lúc đó chủ trương của trên chỉ cho phép Cục Tuyên huấn phát biểu một cách đại cương nhằm mở đường cho Trần Dần và những người khác hồi cải. Từ đó đến nay, Trần Dần và bè nhóm vẫn không hồi cải, lại tiếp tục phá hoại, nên chúng tôi thấy cần phải nói lên một phần sự thật về bọn Trần Dần, Hoàng Cầm, Tử Phác để chúng ta cùng thấy rằng chính sách của ta đối với họ trước sau đều rất khoan hồng và bọn họ đã tỏ rõ ra là một bọn phản bội, một bọn phá hoại có hệ thống, để thấy rằng đó không phải chỉ là những người có tư tưởng văn nghệ sai lầm mà còn rõ ràng là bọn người có âm mưu chống đối sâu sắc với chế độ ta, với nhân dân và quân đội ta.

Trần Dần, Hoàng Cầm, Tử Phác đã được anh chị em văn nghệ sĩ cách mạng diu dắt đi kháng chiến, rồi tham gia bộ đội. Trong những năm khó khăn của chiến tranh họ đã phạm nhiều sai lầm, và có thời kỳ đã là gánh nặng thêm cho các đồng chí phụ trách và các anh chị em đồng đội. Nhưng nhờ Đảng, Chính phủ và quân đội kiên trì giáo dục và nhờ vào cuộc kháng chiến của ta ngày càng giành được nhiều thắng lợi to lớn, dần dần tư tưởng hoang mang dao động của họ được ổn định; họ có chút ít tiến bộ và lập được chút ít thành tích.

Chính sách của ta đối với họ như thế nào?

Đảng, Chính phủ và quân đội đã hết sức ưu đãi, nâng đỡ, cất nhắc họ và có khi đã giao cho họ làm những nhiệm vụ quan trọng. Bộ Quốc phòng Tổng tư lệnh đã tặng thưởng Huân chương chiến sĩ hạng nhì cho Hoàng Cầm và đã đề bạt Hoàng Cầm lên cấp tiểu đoàn bậc trưởng. Tổng cục Chính trị đã giao cho Hoàng Cầm làm trưởng đoàn Ca múa, rồi trưởng đoàn Kịch nói là hai đoàn văn công lớn nhất của quân đội ta. Bộ

## HUỶNH ÁI TÔNG

quốc phòng Tổng tư lệnh cũng đã tặng thưởng Huân chương chiến sĩ hạng ba cho Tử Phác và đề bạt Tử Phác lên cấp tiểu đoàn bậc phó. Tổng cục Chính trị cũng đã giao cho Tử Phác làm trưởng ban nghệ thuật của Phòng văn nghệ quân đội, rồi thư ký toà soạn tạp chí *Sinh hoạt văn nghệ* của quân đội. Trần Dần cũng đã được đề bạt lên cấp đại đội bậc trưởng. Sở dĩ Trần Dần chưa được bình xét huân chương vì Trần Dần đi vắng và khi về thì phản bội ngay cho đến bây giờ.

Nhưng điều quan trọng hơn là Tổng cục Chính trị đã hết sức tạo điều kiện cho họ sáng tác bằng cách luôn luôn giáo dục chính trị cho họ, luôn luôn cho họ biết tình hình và nhiệm vụ bộ đội, luôn luôn cho họ đi thâm nhập thực tế học tập và chiến đấu của bộ đội nên họ mới có được một vài sáng tác tương đối khá. Công ơn của Đảng, Chính phủ, quân đội và nhân dân ta đối với họ thật là cao sâu trời biển.

Nhưng họ đã phản bội.

Đầu năm 1955 theo chỉ thị của Tổng cục Chính trị, Cục Tuyên huấn có đề ra cho anh em trong Phòng văn nghệ quân đội nghiên cứu để sửa đổi lại những điểm cần thiết trong chính sách văn nghệ trong quân đội cho thích hợp với tình hình nhiệm vụ mới và tiến tới Hội nghị Văn-Thơ toàn quân để tổng kết kinh nghiệm và đề ra phương hướng công tác mới. Bọn Trần Dần, Tử Phác đã nhân cơ hội này lộ rõ quan điểm nghệ thuật tư sản phản động của mình ra và âm mưu biến việc nghiên cứu để đạt chính sách và Hội nghị Văn-Thơ thành một cuộc đấu tranh chống lãnh đạo văn nghệ trong quân đội.

Trong buổi họp thân mật giữa đồng chí Nguyễn Chí Thanh, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị, với anh em trong Phòng văn nghệ quân đội, sau khi đồng chí Nguyễn Chí Thanh đi dưỡng bệnh vừa mới về, Tử Phác đã giới thiệu Trần Dần trình bày bản đề án sửa đổi chính sách văn nghệ trong quân đội.

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Trần Dần bắt đầu bản đề án bằng những câu: “Đảng không hiểu đặc điểm của văn nghệ nên không có chính sách văn nghệ. Văn nghệ có đặc điểm riêng của nó, không giống chính trị, có quy luật phát triển riêng của nó, không giống chính trị nên cán bộ chính trị không thể lãnh đạo được văn nghệ”. Rồi Trần Dần liên hệ với thực tế công việc lãnh đạo văn nghệ của các Đảng uỷ, các phòng chính trị và các Ban tuyên huấn, thối phồng một số khuyết điểm cụ thể lên thành phổ biến và thuộc về bản chất để khẳng định cho quan điểm “lý luận” của mình nói trên là hoàn toàn đúng. Cuối cùng, Trần Dần đưa ra mấy sửa đổi lớn rất phản động, yêu sách Tổng cục Chính trị phải thực hiện:

- 1/ Trả quyền lãnh đạo văn nghệ về tay văn nghệ sĩ.
- 2/ Bỏ chế độ chính trị viên trong các đoàn văn công quân đội.
- 3/ Bỏ mọi chế độ quân sự hiện hành trong văn nghệ sĩ quân đội (cụ thể là bỏ cấp bậc trên dưới, bỏ điều lệnh quân đội).
- 4/ Thành lập trong quân đội một chi hội văn nghệ thuộc Hội văn nghệ bên ngoài, không qua Cục Tuyên huấn và Tổng cục Chính trị.

Đề án này do Trần Dần và Tử Phác thảo ra, có thuyết phục một số anh em khác để kéo sự đồng tình, và chưa đưa ra Phòng văn nghệ thảo luận cũng như chưa đưa lên Cục Tuyên huấn thông qua.

Nghe xong, đồng chí Nguyễn Chí Thanh ôn tồn giảng giải cho anh em: “Đảng có chính sách văn nghệ, và căn bản chính sách đó là đúng. Có khuyết điểm là thuộc về thực hiện. Khuyết điểm của sự thực hiện là thuộc về trình độ và là cụ thể chứ không thuộc về bản chất”. Về việc chấp hành điều lệnh, đồng chí Nguyễn Chí Thanh nói: Nguyên tắc là phải chấp hành, nhưng tất nhiên không máy móc mà có thể châm chước có lợi cho công tác văn nghệ... Cuối cùng, đồng chí khuyên anh em cần

## HUỶNH ÁI TÔNG

giữ lấy truyền thống của văn nghệ kháng chiến, cần giữ lấy những bài học quý báu nhất là văn nghệ phải chịu sự lãnh đạo của Đảng và phải phục vụ đường lối chính trị của Đảng trong từng giai đoạn cách mạng, phải cảnh giác đề phòng rơi vào quan điểm nghệ thuật phản động của giai cấp tư sản đế quốc”. Đồng chí còn dặn rõ ràng: “Những điều đồng chí Trần Dần vừa phát biểu đã đi vào khuynh hướng phi chính trị, phi giai cấp, phi Đảng rồi. Anh em phải cẩn thận, nếu không sẽ phạm phải sai lầm nghiêm trọng và còn có thể đi quá xa hơn nữa”.

Sau buổi gặp đồng chí Nguyễn Chí Thanh ấy, nhiều anh em về suy nghĩ và thấy rõ sai lầm của mình. Riêng bọn Trần Dần, Tử Phác thì kiên quyết đi vào con đường chống đối kịch liệt hơn. Một mặt chúng liên hệ trực tiếp hoặc bằng thư từ kích động anh chị em văn nghệ trong quân đội, phóng đại những khuyết điểm của các cấp lãnh đạo và thắc mắc của mình để làm áp lực cho quan điểm nghệ thuật phản động của chúng. Một mặt chúng tranh lấy việc chuẩn bị Hội nghị Văn - Thơ toàn quân với một đề án do Trần Dần thảo rất phản động. Đại đề gồm có những điểm chính như sau:

- “Biểu hiện cao nhất của trách nhiệm người viết là thái độ tôn trọng, trung thành với sự thật. Đó là tiêu chuẩn cao nhất đánh giá tác giả và tác phẩm... Tôn trọng, trung thành với sự thật vừa là trách nhiệm, vừa là lập trường, vừa là phương pháp làm việc của người viết...”

- “... Sự thật lớn gấp triệu lần bất cứ chi thị, lý luận nào... Nếu như sự thật ngược lại chính sách, chi thị thì phải viết sự thật, chứ không phải bóp gò sự thật vào chính sách. Không bao giờ được biến chính sách, chi thị thành định kiến “định ninh”.

- “...Người viết chỉ viết do thôi thúc của thực tế... không phải viết để vừa lòng tuyên huấn, vừa lòng cấp trên, để có cái danh phục vụ kịp thời. Một triệu lần không có cái mùi mè giác ngộ, phục vụ gì cả! Cái áo không thể che được cái mùi thối trong

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

ruột. Cách mạng không cần những người vỗ tay hoan hô nhắm mắt, những anh hót ca chính sách, thậm chí những anh “thầy cúng chính sách” leng keng bóp méo, nghèo nàn... Liệu cứ viết như một anh thầy cúng ê a cảm thù, yêu nước, xông lên, có phải là trách nhiệm không?...

Những quan điểm nghệ thuật tư sản phản động của bọn Trần Dần, Tử Phác trên đây rõ ràng là chống đối hẳn với quan điểm nghệ thuật cách mạng của giai cấp công nhân, với đường lối văn nghệ của Đảng và Chính phủ ta như nước với lửa, như ngày với đêm.

Chiêu bài “viết sự thật” rỗng tuếch của chúng thật ra đã che đậy một dã tâm xấu xa bôi nhọ chế độ, thổi phồng khuyết điểm mà chúng đang ôm ấp.

Chúng ta tôn trọng sự thật và viết sự thật là đứng trên lập trường quan điểm của giai cấp công nhân, của cách mạng đã chuyển sang giai đoạn quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội và cuộc đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà trong điều kiện tình hình thế giới và trong nước hiện nay. Chúng ta phản đối việc đứng trên quan điểm siêu giai cấp, đứng trên lập trường của giai cấp tư sản mà phát hiện sự thật vì như thế sẽ mù quáng không thể nào thấy được sự thật chân chính mà chỉ đưa đến xuyên tạc, bóp méo, vu khống cách mạng. Bọn Trần Dần, Tử Phác chủ trương “tôn trọng và trung thành với sự thật” cốt là để bói lông tìm vết, xuyên tạc sự thật, bôi đen chế độ ta để phục vụ lợi ích của bọn phản cách mạng, của những phần tử phản động trong giai cấp tư sản ở miền Bắc, của bọn Mỹ-Diệm ở miền Nam mà thôi.

Quan điểm của chúng ta là đường lối chính sách của Đảng và Chính phủ với thực tiễn đấu tranh cách mạng của nhân dân ta căn bản không mâu thuẫn nhau, mà lại thống nhất với nhau. Đường lối của Đảng và Chính phủ là phản ánh quy luật phát triển của thực tiễn, là kết tinh của thực tiễn để chỉ đạo cho thực

## HUỶNH ÁI TÔNG

tiến phát triển nhanh chóng và tốt đẹp hơn. Thực tiễn đấu tranh cách mạng của nhân dân ta là thực hiện đường lối cách mạng của Đảng và Chính phủ ta, là làm cho đường lối chính sách của Đảng và Chính phủ ta thêm phong phú, vĩ đại. Bọn Trần Dần, Tử Phác đưa đường lối chính sách của Đảng và Chính phủ ta ra đối lập với thực tiễn là cốt nhằm đả kích, phá hoại đường lối chính sách cách mạng của Đảng và Chính phủ ta để phá hoại sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta.

Những người văn nghệ sĩ cách mạng chân chính viết theo chỉ thị của trái tim mình, nhưng trái tim đó là thuộc về Đảng và nhân dân. Bọn Trần Dần, Tử Phác đưa ra luận điệu “người viết chỉ viết do thôi thúc của thực tế” là cốt phỉnh nịnh văn nghệ sĩ, xúi văn nghệ sĩ tách ra ngoài sự lãnh đạo của Đảng để chống lại Đảng.

Cũng đầu năm 1955, đi đôi với việc chống sự lãnh đạo văn nghệ của Đảng trong quân đội, bọn Trần Dần, Tử Phác, Hoàng Cầm, câu kết với bọn Lê Đạt, bày ra cuộc phê bình tập thơ *Việt Bắc* của Tố Hữu để theo danh từ của chúng là “hạ thần tượng Tố Hữu xuống” để đưa Hoàng Cầm, Trần Dần, Lê Đạt lên đứng hàng đầu thơ ca Việt Nam. Hoàng Cầm từ trong kháng chiến đã tự phong cho mình là đứng về thơ ca thì kẻ đối thủ của mình là Tố Hữu, nếu hạ được “thần tượng Tố Hữu” xuống thì mình là “quán quân bậc nhất” của thơ ca. Trần Dần thì sau khi nhờ Đảng, Chính phủ, quân đội và nhân dân giáo dục bồi dưỡng đã viết xong cuốn *Người người lớp lớp* được nhiều người thích đọc, lại muốn được nổi tiếng về thơ ca. Chúng ta không lấy làm lạ từ sau khi phê bình thơ Tố Hữu, Trần Dần phần nhiều xuất hiện trên luồng văn nghệ phản động bằng thơ ca. Lê Đạt xưa nay không tên tuổi cũng xuất đầu lộ diện bằng một bài phê bình đả kích thơ Tố Hữu rồi một loạt bài thơ phản động trên *Giai phẩm* và *Nhân văn*.

Âm mưu của chúng không phải chỉ nhằm đả kích lãnh đạo văn nghệ của Đảng trong quân đội mà đả kích vào sự lãnh đạo văn



## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

nghệ kháng chiến nói chung của Đảng và Chính phủ ta để đi vào con đường nghệ thuật tư sản phản động. Không phải ngẫu nhiên mà chúng chọn tập thơ *Việt Bắc* của Tố Hữu để phê bình. Chúng ta biết tập thơ *Việt Bắc* là một trong những tập thơ tiêu biểu cho thơ ca kháng chiến và Tố Hữu là người được Trung ương và Chính phủ ta giao cho nhiệm vụ lãnh đạo văn nghệ. Hạ được tập thơ *Việt Bắc* và hạ được Tố Hữu xuống là hạ được cả giá trị văn nghệ kháng chiến xuống và hạ được sự lãnh đạo văn nghệ của Đảng và Chính phủ xuống. Âm mưu của chúng là nằm trong âm mưu chung của bọn Mỹ-Điệm và những phần tử tư sản phản động. Không phải ngẫu nhiên mà lúc đó báo *Nói thật* của Hoàng Công Khanh, trích đăng không chú thích rõ ràng bài “Sự chia tay giữa văn nghệ với chính trị” của Lỗ Tấn nói về sự chia tay giữa văn nghệ cách mạng với chính trị phản động của Quốc dân đảng. Cho đăng bài đó một cách lập lờ như vậy là để gây hoang mang giao động và đi đến lôi kéo văn nghệ sĩ tách rời sự lãnh đạo của Đảng và Chính phủ, rồi chống lại sự lãnh đạo của Đảng và Chính phủ.

Âm mưu của chúng thất bại. Số đông văn nghệ sĩ ta đã phản đối chúng. Bọn Trần Dần, Tử Phác lại tiến tới một bước phản động và hần học cay cú hơn. Suốt một thời gian dài, chúng tuôn ra những lời chửi bới vô cùng đê tiện.

Chúng nói Trung ương Đảng ta, thậm chí nói cả các lãnh tụ ta là “dốt văn nghệ”. Chúng rêu rao rằng Đảng và Chính phủ ta là “bọn ngu khờ cầm quyền” (*l'ignorance au pouvoir*) không thể lãnh đạo được văn nghệ.

Không phải chúng chỉ đá kích Đảng và Chính phủ ta về mặt văn nghệ. Chúng còn chửi cả chế độ ta một cách rất tàn nhẫn, và với một thái độ căm thù không khác gì bọn phản động nhất trong phe đế quốc. Chúng vu khống chế độ ta là cộng sản thời trung cổ (*moyen âge du communisme*), là cộng sản phong kiến (*communisme féodal*), chế độ ta là cộng sản suy đồi (*dégénérescence du communisme*), chúng xuyên tạc và nguyền

## HUỶNH ÁI TÔNG

rửa chính huấn của ta là đòi trụ tinh thần (avilissement de l'esprit), là nô dịch hoá tư tưởng (esclavage de la pensée). Chúng chế riều chính sách đả ngộ của ta là “bông lộc” vua ban, huân chương của ta là “mê-đay” của đế quốc. Không khác gì Phan Khôi đã ví chế độ ta với một triều đại phong kiến nào đó.

Chúng ngồi chửi bới đều cáng như vậy rồi tâng bốc nhau là “anh hùng” là “dũng cảm”, “dám nói sự thật”. Ai phản đối chống lại thì chúng bảo là “nô lệ”, là “nịnh thần” là “cộng sản đầu lưỡi” (communiste verbeux). Và có lần chính Trần Dần đã túm lấy cổ một đồng chí lúc đó làm trưởng phòng Văn nghệ quân đội, mà chửi và chực đánh. Chính cái hình ảnh cơn đờ này đã được Nguyễn Hữu Đang trâng tráo và hèn mạt xoay ngược lại rồi gợi ý cho Sĩ Ngọc vẽ lại thành bức tranh đồng chí Hoài Thanh nắm cổ Trần Dần trên báo *Nhân văn*. Khi đồng chí Cục phó Cục Tuyên huấn duyệt báo không cho đăng những bài đả kích của chúng thì Trần Dần chửi lại là “đàn áp theo kiểu cảnh sát” (répression policière)

Khi anh em trong Phòng văn nghệ quân đội kiên trì đấu tranh để chinh đốn thái độ của chúng thì Trần Dần, Từ Phác, Hoàng Cầm, kéo thêm Hoàng Tích Linh, Trúc Lâm đòi ra khỏi quân đội. Riêng Trần Dần thì còn đòi ra Đảng bằng một lá đơn rất phản động là “phải phá mà đi”, “phải đập tan cái luân lý hiện hành”.

Chi bộ họp xét đơn ra Đảng của Trần Dần thấy rằng Trần Dần xin ra Đảng không phải là trường hợp của một người vẫn yêu chủ nghĩa cộng sản, nhưng vì điều kiện bản thân chưa đủ tư cách đảng viên nên phải xin ra Đảng để cho Đảng được trong sạch và khỏi ảnh hưởng đến đảng viên khác, mà chính Trần Dần xin ra Đảng là để chống lại Đảng và chống lại quân đội. Và chi bộ đã tiến hành phê bình để giáo dục.

Nhưng Trần Dần không nhận một khuyết điểm nào mà còn hỗn xược tuyên bố là chi bộ có lỗi chứ còn Trần Dần thì không có

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

lỗi gì và kiên quyết chống lại nghị quyết phê bình của chi bộ. Chi bộ bắt buộc phải quyết định khai trừ Trần Dần ra khỏi Đảng và đề nghị với Cục Tuyên huấn đình chỉ công tác của Trần Dần và giữ Trần Dần ở trong doanh trại không cho phép ra ngoài một thời gian để suy nghĩ và tự kiểm thảo.

Cục Tuyên huấn đã đồng ý và cho Trần Dần ăn ở riêng một phòng để được yên tĩnh mà tự suy nghĩ và kiểm thảo và cho khỏi ảnh hưởng đến công tác của anh em khác. Cái phòng đó trước là chỗ để đàn dương cầm của anh em nhạc sĩ trong quân đội, hiện nay là phòng làm việc của đồng chí thủ trưởng cơ quan nhưng Hoàng Cầm đã vin vào việc cửa sổ có chấn song sắt mà xuyên tạc như là một ngục thất.

Việc giữ lại trong doanh trại không cho ra ngoài một thời gian đó là rất cần thiết, vì trong khi đấu tranh chống lãnh đạo, Trần Dần sau những buổi ngồi chửi bới nói trên đã tự ý mang ba lô ra phố ăn ở với một người con gái tình nghi có vấn đề chính trị. Cục Tuyên huấn và chi bộ khuyên can nhiều lần không được, càng khuyên giải lại càng làm già. Trước còn thỉnh thoảng về trại, sau đó thì ăn ở lý ngoài đó, đến nỗi dư luận của nhân dân gọi Trần Dần là “Tần Thủy Hoàng mặc áo đại quân”.

Chẳng những Trần Dần chẳng chịu kiểm thảo về những sai lầm của mình và nhận rõ thái độ khoan hồng rộng rãi của Đảng mà còn làm nhiều bài thơ phản động để vu cáo chế độ ta. Bài *Nhất định thắng* đăng ở *Giai phẩm mùa Xuân* do nhà Minh Đức Thời Đại xuất bản đầu năm 1956, là một trong những bài thơ phản động Trần Dần làm trong lúc đó.

Sau khi Ban chấp hành Đảng bộ Tổng cục Chính trị đã thông qua kỷ luật của Trần Dần, đồng ý với chi bộ khai trừ Trần Dần ra khỏi Đảng và đứng về chính quyền Cục Tuyên huấn đã cảnh cáo Trần Dần, Phòng văn nghệ quân đội cho Trần Dần đi tham quan cải cách ruộng đất. Trần Dần lại viết bài *Anh Cò Lắm* ký mạo tên là Trần Bá Xá, đăng ở báo *Tổ quốc* số 27 ngày 20-1-

## HUỶNH ÁI TÔNG

1956 để chửi nông dân, xúc phạm tới Đảng, Chính phủ và lãnh tụ, bôi nhọ quốc kỳ thiêng liêng của nhân dân ta. Trần Dần, Hoàng Cầm, Tử Phác, lại cùng với Văn Cao, Lê Đạt ra *Giai phẩm mùa Xuân* để công khai chống lại đường lối văn nghệ của Đảng và Chính phủ và đả kích chế độ ta. Trong *Giai phẩm mùa Xuân*, Trần Dần đã cho đăng bài *Nhất định thắng*, và viết thêm bài *Lão Rông* nhưng vẫn trốn trách nhiệm bằng cách chú thêm ở dưới là Trần Dần kẻ, Lê Đạt ghi nguyên văn, để tiếp tục xuyên tạc và chửi bới ta.

Trước những hành động đó, cơ quan của quân đội bắt buộc phải điều tra theo dõi thì được biết rằng Trần Dần không mấy khi có mặt ở đội cải cách mà luôn luôn về Hà Nội họp bí mật với những kẻ đáng nghi và đã bắt Trần Dần về hỏi cung và kiểm thảo.

Trong thời gian này, Trần Dần vẫn được đãi ngộ chăm sóc rất chu đáo. Nhưng Trần Dần đã cố tâm vu khống ta bằng cách kéo da cổ lấy lưỡi dao cạo cứa vào cho thành một vết thương ở cổ mà Hoàng Cầm và Nguyễn Sáng, theo mưu kế của Nguyễn Hữu Đang, đã lợi dụng để buôn bán hàng ăn to. Nhưng khốn cho Nguyễn Hữu Đang đã không biết là sau khi kiểm thảo, Trần Dần đã viết kế hoạch sửa chữa sáu tháng gồm năm điểm trong đó có một điểm đối với gia đình như sau: “Trước mắt giải thích cho vợ hiểu sự lợi ích của việc tôi ở trại giam, đánh tan những dư luận lếu láo hiện nay về việc này”.

Được trở về nhận công tác, Trần Dần đã cùng Tử Phác, Hoàng Cầm tham gia *Nhân văn* chống lại toàn bộ chủ trương chính sách của Đảng và bôi xấu chế độ ta. Hoàng Cầm viết bài “Con người Trần Dần”, Tử Phác đã trích dịch và chú thích xuyên tạc bài Pha-đê-ep để xuyên tạc vu khống chế độ ta. Trần Dần thì hoạt động phá hoại một cách rất nguy hiểm.

Trần Dần đã phá trại sáng tác về cải cách ruộng đất bằng cách nêu ra thủ phạm chính trong sai lầm cải cách ruộng đất là

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Trung ương, rồi mới đến đội, rồi mới đến cốt cán, phải đánh vào Trung ương là chính. Ai viết để phản ánh cái cách ruộng đất thắng lợi là căn bản thì bị Trần Dần trực tiếp hoặc xúi bọn đồng loã như Hoàng Tích Linh đe dọa là viết như vậy không đúng sự thật, sẽ bị nông dân đánh chết.

Trần Dần đã viết bài “*Em bé làm văn*” gửi cho *Giai phẩm mùa Thu* để chửi nền giáo dục của ta là đã nhồi sọ cho trẻ em cách viết “tô hồng” từ bé. Nhân câu chuyện một người xe xích-lô bị nổ lốp, Trần Dần còn nói sẽ viết một câu chuyện để lăng mạ một nước bạn và xuyên tạc rằng các nước anh em khác chuyên bán hàng xấu cho ta. Trần Dần chữa bài “Thi sĩ máy” đặt tên người cho có ý nghĩa, ký là Châm Văn Biếm (chính là của Như Mai).

Trần Dần tham gia *Nhân văn* một cách rất khôn khéo, thường giấu mặt, đã viết bài “*Không có lý do gì không tán thành trăm hoa đua nở*” ký H.L. Thông qua Hoàng Cầm và Lê Đạt, Trần Dần đã góp phần điều khiển *Nhân văn* một cách chặt chẽ. Trong *Nhân văn* số 1, chính Trần Dần đã thông qua bài “Con người Trần Dần” của Hoàng Cầm và còn chữa một đoạn theo ý mình cho nguy hiểm hơn. *Nhân văn* số 2, Trần Dần bàn với Lê Đạt nêu lên xét lại vụ *Giai phẩm mùa Xuân* và thơ Tố Hữu. Từ số 4 trở đi, tức là từ khi *Nhân văn* chuyển mạnh sang vấn đề chính trị và bị nhân dân ta phản đối mạnh, Trần Dần lại tham gia *Nhân văn* tích cực. Theo Trần Dần nói là để giữ vững phần văn nghệ kéo Nguyễn Hữu Đang và Trần Đức Thảo khỏi choán mất phần văn nghệ. Nhưng cũng theo Trần Dần thú nhận thì “giữ vững phần văn nghệ là chơi một chiến thuật chặt chẽ (jeu serré) cho khỏi lộ rõ âm mưu, cho khỏi bị đánh, cho khỏi vỡ phong trào, để đấu tranh cho thắng. Chương trình văn nghệ không hiền lành gì, mà lại khôn ngoan hơn”.

Sau khi *Nhân văn* bị đóng cửa cho đến nay thì Trần Dần, Từ Phác, Hoàng Cầm và nhóm *Nhân văn* – *Giai phẩm* vẫn tiếp tục chống Đảng, chống Chính phủ và phá hoại chế độ một cách

## HUỶNH ÁI TÔNG

nguy hại hơn. Chúng tung dư luận trong Đảng và Chính phủ ta có hai phe: một phe bảo thủ, độc đoán, quan liêu hiện nay đang chiếm ưu thế và một phe khác cũng chẳng giỏi giang gì nhưng biết điều hơn (có *bon sens*), phải đánh đổ tập đoàn quan liêu.

Để thực hiện âm mưu đó Trần Dần và bọn đồng lõa đã “phục xuống sáng tác” dùng sáng tác để đả kích. Chúng nói với nhau: “Bày biện bàn thờ tổ chức không ăn thua”, dùng ngay các báo chí và nhà xuất bản đã sẵn có, nhất là của Hội nhà văn, cho hợp pháp.

Đi vào sáng tác đả kích thì Trần Dần đã dùng “biểu tượng hai mặt (symbole équivoque) để hiểu mặt nào cũng được, tốt cũng được, xấu cũng được. Trần Dần lại dùng chiến thuật có mức độ (dosé): 8/10 thì ca ngợi chung chung, 2/10 thì đả kích độc địa. Theo chúng thì dùng hai chiến thuật này lãnh đạo biết cũng chỉ “cay” thôi, chẳng làm gì được. Bài “*Hãy đi mãi*” là làm theo hai chiến thuật đó. Viết cho thiếu nhi, Trần Dần cũng đầu độc các em bằng cách xuyên tạc những người bảo vệ đường lối chính sách của Đảng và Chính phủ, bảo vệ Đảng và Chính phủ và có ý thức phục tùng tổ chức thành những người “nịnh hót như chó ăn cứt”. Viết chuyện “*Con vẹt*” là để xuyên tạc đả kích cán bộ ta là giáo điều như con vẹt. Trần Dần viết về sửa sai cốt để khoét sâu vào chỗ đau đớn nhất của sai lầm trong cải cách ruộng đất.

Về dịch, Trần Dần đã bàn với Lê Đạt xuyên tạc để đánh vào cấp lãnh đạo mà chúng gọi là tập đoàn quan liêu. Trần Dần viết bài tựa về Mai-a ký tên Hoàng Cầm, cũng như dịch thơ của Bơ-re-sơ đều nhằm ý xấu đó. Trần Dần dịch *Crime et châtiment* (*Tội ác và trừng phạt*, tiểu thuyết của Đốt-stô-ep-sky) để gây tâm lý hoang mang và tan rã. Trần Dần lại sưu tầm, biên soạn chú thích và đề tựa “*Tiểu lâm*” một cách xuyên tạc rất hiểm độc và xỏ xiên.

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Về tổ chức thi Trần Dần và bọn đồng lõa chia người ra nắm cơ sở ở Hội nhà văn “để ban phát tư tưởng”, để lũng đoạn tư tưởng. Lũng đoạn tư tưởng được thì tất nhiên lũng đoạn được các mặt khác dễ dàng. Đi vào thực hiện, chúng nghiên cứu chỗ yếu nhất của từng người hoặc gài vào chỗ ngứa nhất của từng người để kích lên. Như đối với Tô Hoài thì Trần Dần đã cho Lê Đạt tâng bốc Tô Hoài lên là “Đương kim vô địch về sáng tác” và khích Tô Hoài viết bài trên báo *Văn* để chống lại bài *Học tập*. Như đối với Văn Giáo khi triển lãm xong có yêu cầu Trần Dần viết cảm tưởng về Phòng triển lãm của mình. Trần Dần không viết ngay mà hỏi cảm tưởng Văn Giáo thế nào rồi căn cứ vào ý kiến của Văn Giáo mà viết lại khích thêm vào để xúi Văn Giáo chống lại lãnh đạo. Như đối với Phùng Quán và Phan Vũ thì chủ trương “Chẳng cần xúi giục một việc gì cụ thể, chỉ cần khích một câu là Phùng Quán và Phan Vũ sẵn sàng làm từ mọi việc mà Trần Dần muốn, như Phùng Quán và Phan Vũ đã tự kiểm thảo là trong thời kỳ *Nhân văn* chờ khi có biểu tình nổ ra là sẵn sàng xung phong vác cờ đi đầu và cầm súng bắn vào Đảng và Chính phủ”.

Tư tưởng phản động của bọn Trần Dần, Hoàng Cầm, Tử Phác thật là có hệ thống. Những hành động phá hoại của chúng trong văn nghệ để đả kích Đảng, Chính phủ và chế độ đã có một tác hại vô cùng nghiêm trọng.

Tại sao trước đây chúng đã có thể đi theo kháng chiến, có chút ít tiến bộ và thành tích, đã được khen thưởng đề bạt khá cao, mà từ ngày hoà bình lập lại chúng lại đi vào con đường phản động một cách cực kỳ nghiêm trọng như vậy?

Trần Dần, Tử Phác phản bội là vì quyền lợi của giai cấp chúng.

Chúng xuất thân là địa chủ, tư sản, chưa vứt bỏ được quyền lợi của giai cấp bóc lột để đứng về quyền lợi của nhân dân lao động. Từ ngày hoà bình lập lại, cách mạng ở miền Bắc chuyển sang giai đoạn quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội đã hoàn toàn

## HUỶNH ÁI TÔNG

mâu thuẫn với quyền lợi của giai cấp chúng. Hiện nay chúng đã trở về lối sống của giai cấp tư sản và quay đầu về với giai cấp cũ. Chúng là phần tử tư sản phản động, không chịu đội trời chung với nhân dân ta trong chế độ ta. Chúng đã từng bàn định với nhau khi không hoạt động phá hoại được nữa thì “vù” đi Nam theo Mỹ-Diệm. Như thế là chúng từ bỏ con đường cách mạng xã hội chủ nghĩa, từ bỏ cả Tổ quốc và nhân dân ta.

(Nguồn: *Quân đội nhân dân*, số 437 ngày 11- 04-1958)

*Võ Hồng Cương từng làm chính ủy Sư đoàn, là Cục phó Cục Tuyên huấn, do đó văn ông viết rõ ràng, cứng rắn là lối văn hành chánh, chánh trị.*

Tài liệu tham khảo:

- Võ Hồng Cương Blog: [talawas.org](http://talawas.org)



### **Tiết Bốn: Những người tiếp tay đập tan NVGP**

Trường Chinh hô hào đập tan bọn Nhân Văn - Giai Phẩm, rồi Tố Hữu và những người có trách nhiệm thi hành, một số những nhà văn khác bị phân công viết những bài đả kích những người trong nhóm Nhân Văn – Giai Phẩm, có những người nhân cơ hội đó muốn lập công để bảo vệ quyền lợi của họ hoặc để kiếm chút quyền lực, danh lợi.

Ai có trong những buổi học tập ở Thái Hà, mới hiểu rằng đó là những tổ học tập, đấu tố để sống còn. Nhiều người miền Nam sau năm 1975 đã bị đi “học tập cải tạo”, đã hiểu như thế nào trong những buổi học tập.

Cho nên có những bài viết người ta dùng những lời lẽ, đáng lý ra không đúng hoặc không đáng dùng, đọc qua những bài ấy, người ta biết những người cầm bút đã sống như thế nào dưới chế độ Cộng sản.

Tóm lại, nhiều người vì miếng cơm, manh áo, vì muốn bảo vệ hạnh phúc cho gia đình mình, cho tương lai con cái mình, họ đành phải uốn cong ngòi bút, che mặt lương tâm nhất thời. Tiếc thay cho những nhà văn ấy, mà ngay như những người trong cuộc, cũng phải đối diện với trường hợp này. Cho nên cần phải đánh giá đúng những bài và nhân cách của mỗi người.

## HUỶNH ÁI TÔNG

### 1) Hằng Phương



#### **Hằng Phương - Lê Hằng Phương (1908-1983)**

Thi sĩ Hằng Phương tên thật là Lê Hằng Phương, sinh năm 1908 tại làng Bảo An, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam, thân phụ là nhà nghiên cứu Hán Nôm Sở Cường Lê Dư và thân mẫu là bà Phan Thị Diệm, gọi Phó bảng Phan Trân là ông ngoại, Phan Khôi là cậu ruột của Hằng Phương.

Thuở nhỏ Hằng Phương học ở chữ Pháp và chữ Hán ở trường làng với hai anh em con cậu là Phan Thanh và Phan Bôi, hai người bạn là Nguyễn Học Sĩ và Khương Hữu Dụng, và được ông ngoại dạy thêm chữ Hán.

Năm 1923, được 15 tuổi Hằng Phương theo cha ra sinh sống ở Hà Nội.

Năm 1925, được 19 tuổi Hằng Phương kết hôn với nhà phê bình Vũ Ngọc Phan.

Hằng Phương còn có 2 người em gái, người em kế là vợ nhà văn Mặc Định Hoàng Văn Chí, tác giả Trăm hoa đua nở trên đất Bắc, em gái út là Hằng Phân vợ của Tướng Nguyễn Sơn, từng là Tư lệnh kiêm Chính ủy Liên khu IV. Năm 1950, trở về

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Trung Quốc được phong Thiếu Tướng, sau đó lâm trọng bệnh, năm 1955 trở về mất ở Việt Nam.

Năm 1929, Hằng Phương có bài thơ đầu tiên *Nhớ con nhỏ Bội Trinh* đăng trên báo *Lục Tỉnh tân văn*. Sau đó Hằng Phương có thơ đăng trên báo ở Hà Nội như: *Đàn Bà, Tri Tân, Ngày Nay, Hà Nội tân văn, Trung Bắc tân văn*, báo ở Sài Gòn có *Phụ Nữ tân văn, Trung Lập*.

Nhà thơ Hằng Phương cùng với chồng nhà văn Vũ Ngọc Phan tham gia Mặt trận Dân chủ (1936-1939)

Hằng Phương tham gia thành lập Hội Truyền Bá Quốc Ngữ năm 1938, Hội phụ nữ cứu quốc năm 1941.



*Hằng Phương đang đọc diễn văn kêu gọi phụ nữ Việt Nam học chữ quốc ngữ*

Năm 1943, Hằng Phương cùng với Vân Đài, Anh Thơ, Mộng Tuyết in chung tập thơ *Hương Xuân*.

Sau Cách mạng Tháng Tám 1945 mấy tháng, nhà thơ Hằng Phương đã mang tới Phủ Chủ tịch một gói cam để biếu Chủ

## HUỶNH ÁI TÔNG

tịch Hồ Chí Minh. Lúc đó Hồ Chí Minh bận tiếp khách nên bà phải gửi lại gói cam kèm theo một bài thơ:

*Cam ngon Thanh Hoá vốn dòng  
Kính dâng Chủ tịch tỏ lòng mến yêu  
Đắng cay cụ nếm đã nhiều  
Ngọt bùi trời trả đủ điều từ đây  
Cùng quốc dân hưởng những ngày  
Tự do, hạnh phúc tràn đầy trời Nam  
Anh hùng mở mặt giang san  
Lưu danh thiên cổ, vẻ vang giống nòi.*



*Thủ bút của Hằng Phương*

Tháng 1 năm 1946, Hồ Chí Minh đã gửi một bài thơ, cảm ơn nhà thơ Hằng Phương:

*Cảm ơn bà tặng gói cam  
Nhận thì không đặng, từ làm sao đây  
Ăn quả nhớ kẻ trồng cây  
Phải chăng khổ tận đến ngày cam lai*

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Năm 1956, phong trào Nhân Văn Giai Phẩm xảy ra, nhà thơ Hằng Phương và chồng không tham gia, sau lại có bài đã kích: *Tác hại của tư tưởng “Nhân Văn” đối với phụ nữ*.

Nữ thi sĩ Hằng Phương mất ngày 2 tháng 2 năm 1983 tại Hà Nội, thọ 75 tuổi.

Tác phẩm:

- *Hương xuân* (1943)
- *Một mùa hoa* (1960)
- *Chim én bay xa* (1962)
- *Mùa gặt* (1961)
- *Hương đất nước* (1974)

Trích văn:

### **Tác hại của tư tưởng “Nhân văn” đối với phụ nữ**

Chúng ta đều biết tác hại của tư tưởng phản động của nhóm “Nhân văn”: Nguyễn Hữu Đang, Trương Tửu, Phan Khôi, Trần Duy, v.v...

Chúng là một bọn cơ hội, có đầu óc cường hào, chỉ muốn ăn trên ngồi trốc, muốn được tự do cá nhân vô kỷ luật để thỏa mãn thú tính bản thân. Trần Đức Thảo đã nêu lên một triết lý: *nhiệm vụ của vô sản chuyên chính là phát triển tự do cá nhân* để chống đối lại chuyên chính vô sản. Chúng là những kẻ chẳng kể gì Tổ quốc, đồng bào, sống chết mặc bay, dù có làm tội tởm cho đế quốc, miễn là riêng bản thân chúng được sung sướng.

Thừa lúc trong nước Đảng ta có sai lầm về cải cách ruộng đất, ngoài nước có vụ Hung-ga-ri và Pô-dơ-nan, bọn đầu cơ chính trị ấy đã nổi lên câu kết với tư sản phản động đòi “mở rộng dân chủ”, theo lối của chúng nghĩa là mở rộng những hoạt động

## HUỶNH ÁI TÔNG

phá hoại chế độ. Dã tâm, của chúng là muốn đi tới vận động biểu tình chống Đảng, chống chế độ.

Chúng nói người cộng sản không có tim có óc, nhưng trong khi người cộng sản Việt nam đã đem xương máu của mình giành lại tự do cho dân tộc, rồi lại đem sức lao động kiến thiết xã hội xã hội chủ nghĩa, một xã hội có tổ chức, có kỷ luật, và nhất là không có người bóc lột người, thì chính bản thân chúng toàn là những kẻ ăn chơi, truy lạc, bệ rạc. Thậm chí đối với vợ con, chúng cũng là kẻ có tội. Bọn đó đa số có vợ rồi lại bỏ vợ. Phụ nữ là nạn nhân của chúng. Lại có những kẻ mà khi đến chơi nhà bạn, bạn phải dặn vợ mình khi chồng đi vắng thấy đến là phải đóng cửa kêu lên! Bọn đó lại bắt vợ con những người trong trắng ra ngồi góc đường bán báo *Nhân văn*, chúng dùng vợ con làm công cụ để bêu rêu chế độ ta! Đáng thương nhất là những phụ nữ nhi đồng đó có biết đâu tờ báo mình bán là bản thiêu có biết đâu tư tưởng của tờ báo ấy là phá hoại hạnh phúc của chính mình. Vợ con cực nhục như vậy còn họ thì làm gì? Hút thuốc phiện, chơi gái, ăn uống bừa bãi ở các tiệm. Chính những văn nghệ sĩ truy lạc ấy đã tự thú nhận như vậy trong lớp học vừa rồi.

Tư tưởng cá nhân chủ nghĩa sa đọa đó thể hiện trong thơ Lê Đạt như thế nào. Các bạn hãy nghe trong bài “Gia đình”:

*Hai vợ chồng xô xát  
Bát đĩa quăng khắp nơi  
Tim người già moi được  
Cũng ném đi cho rồi  
Biết thế này thà không lấy nhau...*

trước kia họ yêu thương nhau như thế nào:

*... Không lấy được nhau thì chỉ còn có chết...*

mà bây giờ căm tức nhau muốn moi tim nhau ra chỉ vì:

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

*Nhiều dự định sa lầy trong đồng tử  
Cuộc sống gieo neo vất vả*

.....  
*Hàng Tiệp về không có tiền mua...*

vì thế mà:

*... Không đủ sức yêu nhau cho trọn vẹn đến cùng...*

rồi đến nỗi:

*Chân chết đứng giữa nửa chừng cuộc sống...*

Chị em phụ nữ chúng ta ngày nay đều thấy rằng hạnh phúc gia đình không phải ở chỗ nhà cao cửa rộng, mặc đẹp ăn ngon, mà ở chỗ đôi vợ chồng ý đầu tâm hợp, cùng tìm thấy lẽ sống, cùng đi một con đường là phục vụ Đảng, phục vụ nhân dân, cùng góp phần vào xây dựng chế độ xã hội chủ nghĩa. Càng vất vả, tình yêu càng khăng khít. Trong kháng chiến nhiều gia đình đã trải qua nhiều gian khổ. Ngày nay trong hoà bình, mức sống tuy chưa đầy đủ, nhưng nhất định là có dễ chịu hơn. Như vậy gian khổ đã có nhau, sung sướng ít hay nhiều cũng phải có nhau. Làm gì có những đôi vợ chồng đối xử với nhau tàn nhẫn đến như vậy. Đây là một cách phát động tư tưởng tinh vi của Lê Đạt đối với những người nội trợ, để cho họ thúc đẩy chồng phản đối chế độ, mà bọn *Nhân văn* vu khống là đã bản cùng hoá nhân dân.

Rồi đây bài “*Gặp lại*”:

Lê Đạt tả một chị chỉ huy du kích, trong thời kỳ kháng chiến đã anh dũng thân nhiên trong gió mưa đại bác. Thế mà năm năm sau gặp lại thì:

## HUỶNH ÁI TÔNG

*Không nhận ra được nữa  
chị đã lấy chồng...*

.....  
*Bao nhiêu chịu đựng nhục nhằn  
Leo lét cúi nhìn xuống đất*

và.....

*Chồng đánh chửi như cơm bữa  
Sợ chồng lâu dần chị không công tác nữa...*

Nếu muốn đưa ra một con người điển hình thì phải là con người có thể tiêu biểu cho thế hệ. Nếu lên một con người điển hình là biểu hiện lập trường tác giả đứng về phe nào. Ngày nay đâu có người phụ nữ Việt nam đã tham gia đấu tranh như vậy mà còn “chịu đựng nhục nhằn” để cho chồng đánh mình như cơm bữa.

Lê Đạt bịa ra cảnh gia đình địa ngục giả tạo này để bôi nhọ chế độ ta, cho là xã hội ta vẫn khổ sở tối tăm, nhân dân vẫn u mê như thời thực dân phong kiến.

Cuối cùng bài thơ này Lê Đạt thêm một câu nước mắt cá sấu:

*Hàng nghìn năm  
nặng trên lưng người phụ nữ.*

Thật ra hàng mấy nghìn năm rồi, không cứ phụ nữ Việt nam, phụ nữ toàn thế giới đều khổ cực. Ngày nay đã có Đảng dìu dắt chị em phụ nữ chúng tôi, chúng tôi đang phấn khởi cố gắng làm tròn nhiệm vụ để được xứng đáng với những quyền lợi Đảng đã đem lại cho chúng tôi. Chúng tôi cương quyết vạch mặt những kẻ phản động phình phờ, gieo rắc những tư tưởng phá hoại hạnh phúc gia đình vào hàng ngũ chị em phụ nữ.



HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975  
Trích thơ:

**Lòng quê**  
(Tặng Vũ Ngọc Phan)

*Xưa kia em ở bên trời  
Ngây thơ chưa rõ cuộc đời là chi,  
Mặc cho ngày tháng trôi đi  
Tóc mây nào biết có khi bạc đầu!*

*Chim non ở chốn rừng sâu,  
Quanh mình chỉ thấy một màu xanh xanh.  
Bình minh buổi ấy gặp anh  
Rủ em ra chốn đô thành xa khơi.*

*Yêu anh, em hóa yêu đời,  
Theo anh chấp cánh tung trời bay cao.  
Anh đưa em đến vườn đào,  
Màu tươi, sắc thắm, em nào dám chê.*

*Nhưng em luống nặng lòng quê,  
Nhớ thương cảnh cũ bốn bề núi non.  
Nhớ làng nhớ xóm con con,  
Nhớ hương cây quế chon von trên đồi ;*

*Bạn xưa, nhớ yếm tha môi,  
Cành xưa, em đỗ trong hồi còn thơ...  
Đường xa, ngoảnh lại ngẩn ngơ,  
Trông theo mây trắng thân thờ mắt xanh...*

**Nhớ mẹ**

*Đêm qua mưa nắng hột  
Ngoài thêm rơi thánh thót,  
Bên nương quốc gọi hè,  
Giật mình, lòng tái tê...*

## HUỶNH ÁI TÔNG

Nhớ thuở trong luỹ tre,  
Chơi đùa bên gốc me,  
Sớm tối mẹ nâng giấc,  
Ôm đau mẹ vuốt ve...

Gió Nam thổi thánh năm,  
Cùng mẹ đứng bên sông,  
Thuyền ai xa lướt sóng?  
Mắt mẹ lệ đôi dòng!

Thánh mười hơi gió may,  
Trước sân lá vàng bay,  
Dắt con mẹ tựa cửa,  
Đường xa cát bụi đầy.

Năm qua, lại thánh qua,  
Ngõn ngang nổi nước nhà,  
Phương trời mờ cánh nhận,  
Nhìn con mẹ xót xa.

Ngày thơ con biết gì!  
Mẹ khóc con cười khi,  
Ra vào quanh dưới gối,  
Mẹ khuây nổi biệt ly...

Ngày nay bên khóc trúc,  
Em thơ khóc rưng rức,  
Tìm mẹ biết tìm đâu?  
Trời xanh, xanh một màu.

### Tết xưa

Sáng mông một, tôi mặc quần áo mới,  
Theo mẹ tôi mừng Tết các nhà quen.  
Lạy bàn thờ xong cổ Tết bùng lên.  
Nào nem, bưởi, bánh in, rồi bánh tét,

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Lại cho trẻ gói giấy phong đồ loét,  
Tôi ra về, túi rùng rềng đây xu.  
Đàn trăm dây, gió ngoài nội vi vu,  
Nhạc muôn điệu, chim trên cành ca hát.  
Vòng lối xóm, gặp những người tuổi tác,  
Xoa đầu tôi, họ ha hả cười tươi:  
"Con bé này lớn như thổi chẳng chơi,  
Hễ có rượu phải nhớ mời lão nhé!"  
Tôi đỏ mặt, còn mẹ tôi vui vẻ,  
Vội dùng chân đạp lễ chúc nhiều câu.  
Những ngày vui sao chẳng được bao lâu,  
Vừa mới đó, cuộc đời đã khác trước,  
Vì có cánh tôi bay theo chim Phượng,  
Tới Bồng lai, xem mẹ ở nơi nao.  
Và quay đầu về dãy núi cao cao,  
Tìm quê cũ dưới nắng xuân rục rờ.

### Trên đò Suối

Hôm nay lại thấy chùa Hương,  
Lênh đênh đò Suối màn sương còn dày!  
Thuyền mơ năm trước đâu đây?  
Nhớ cô yếm thắm hây hây má hồng.  
Tiều phu chân núi lưng còng,  
Xo ro ngư phủ giữa dòng buông câu.  
Mây luôn đẩy nước qua cầu,  
Thuyền đi tưởng núi quay đầu trông theo.  
Tuyệt vời bức họa ai treo,  
Đưa hồn du tử bay theo gió ngàn.

### Trăng lên

Bên sông vừa ló bóng vàng,  
Liều soi tóc rối, nước tràn gương trong.  
Mây ngừng gió chẳng ruổi dong,  
Từ từ cánh vật tằm trong suối ngà.

## HUỶNH ÁI TÔNG

*Chuông chùa đồng vọng xa xa,  
Theo làn ánh bạc lọt qua song cài.  
Sáng trưng mái ngói nhà ai,  
Đôi chim gõ buồm ban mai, giạt mình.*

Trong *Thi Nhân Việt Nam* Hoài Thanh - Hoài Chân viết về Hằng Phương "*Thơ Hằng Phương cùng một giọng êm dịu, ngọt ngào như Vân Đài. Nhưng ít dấu tích thơ Đường và thành thực hơn. Như đoạn cuối trong bài "Lòng quê" trích theo đây lời thơ thực yếu điệu, dễ thương. Hằng Phương mượn lời chim để nói nỗi lòng mình. Nhưng thực ta không còn biết đây là lời người hay lời chim. Bởi môi tình ở đây nhẹ nhàng quá, trong trẻo quá.*"

Tài liệu tham khảo:

- Hằng Phương Web: [vi.wikipedia.org](http://vi.wikipedia.org)
- Hằng Phương Blog: [talawas.org](http://talawas.org)

2) **Bùi Huy Phồn**



**Đồ Phồn - Bùi Huy Phồn (1911-1990)**

Bùi Huy Phồn sinh ngày 16 tháng 12 năm 1911 tại Phố Đầm, xã Phụng Sơn, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. Quê gốc của ông ở làng Liên Bạt, xã Mai Đình, huyện Ứng Hòa, Hà Nội. Cha của Bùi Huy Phồn là một nhà nho, chi trưởng họ "Đại Bùi". Ông thi cử không đỗ, bỏ làng phiêu bạt lên Bắc Giang làm thầy giáo.

Trước năm 1940, gia đình Bùi Huy Phồn thuộc vào loại giàu có. Nhưng trong giai đoạn 1940-1945, gia đình ông bị phá sản và phải bán hết ruộng đất ở Phố Đầm để trở về quê gốc Ứng Hòa. Bùi Huy Phồn học chữ Hán hết chương trình tú tài và cũng thạo tiếng Pháp.

Trước Cách mạng tháng Tám, ông dạy học, viết văn, làm thơ, cộng tác với các báo *Hà Nội báo*, *Phong hóa*, *Tiểu thuyết thứ năm*, *Văn mới*... Ông gia nhập Hội nhà văn Việt Nam năm 1957. Bút danh: Đồ Phồn, Bùi Như Lạc, Cười Suông, Việt Lệ, âm Hai, Lý Ba Lê, BHP

Bùi Huy Phồn từng là ủy viên Ban vận động nghiệp đoàn những người viết báo Bắc Kỳ ở Hà Nội, ủy viên chấp hành

## HUỖNH ÁI TÔNG

đoàn Văn hóa kháng chiến Bắc Bộ, chủ bút tuần báo *Đậy Việt Bắc* (khu X), biên tập viên báo *Cứu quốc khu X*, Giám đốc nhà xuất bản Văn học (1958-1962), ủy viên Ban chấp hành Hội nhà văn Việt Nam khóa hai (1962-1972), đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội các khóa bốn, năm và sáu, ủy viên thường trực Hội văn học nghệ thuật Hà Nội. Sau đó, ông nghỉ hưu, mất ngày 31 tháng 10 năm 1990 tại Hà Nội.

Tác phẩm:

- *Lá huyết thư* (tiểu thuyết dã sử, 1932)
- *Một chuỗi cười* (tiểu thuyết trào phúng, 1941)
- *Sự tích Trần Hưng Đạo diễn ca* (truyện thơ, 1941)
- *Gan dạ đàn bà* (tiểu thuyết trinh thám, 1942)
- *Mối thù truyền kiếp* (tiểu thuyết trinh thám, 1942)
- *Tờ di chúc* (tiểu thuyết trinh thám, 1943)
- *Thôn nữ ca* (tập ca dao mới, 1944)
- *Khao* (tiểu thuyết trào phúng, 1946)
- *Người chiến sĩ chồng tôi* (tiểu thuyết, 1949)
- *Tình quân ngũ* (truyện vừa, 1949)
- *Tay người đàn bà* (kịch hai hồi, 1950)
- *Bia miệng, Mưu sâu Mỹ Diêm, Thơ ngang, Tàn xuân đế quốc* (tập thơ trào phúng 1952, 1957, 1959)
- *Vô lý không có lẽ* (kịch ngắn, 1960)
- *Phát* (tiểu thuyết, 1961)
- *Trái cam* (truyện ngắn và ký, 1972)
- *Bình minh hôm nay* (tiểu thuyết, 1990)

Trích văn:

### **Trương Tửu, một tên phản cách mạng đội lột mác-xít**

Trong bài “Thực chất tư tưởng của Trương Tửu” đăng trên Tạp chí *Văn nghệ* số 11, đồng chí Hoài Thanh đã vạch trần những tư tưởng và quan điểm văn nghệ phản động của Trương Tửu một cách quá rõ ràng! Chúng ta đều thấy rằng không những

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Trương Tửu đã lợi dụng cái “thông minh” của mình đem xào nấu lại để làm cho “mới” những thứ quan điểm văn nghệ của giai cấp tư sản đã nhai đi nhai lại từ lâu, mà hắn còn lợi dụng cả cái “dốt nát” của mình về chủ nghĩa Mác-Lênin đối với vấn đề văn học nghệ thuật để xuyên tạc nó đi bằng cách cắt đầu xén đuôi, dịch sai trích ấu. Chúng ta cũng đều thấy rằng những quan điểm văn nghệ phản động của Trương Tửu không phải xuất phát từ một sự lệch lạc nhất thời, hoặc do một hoàn cảnh ngẫu nhiên nào, như trường hợp một số anh em văn nghệ sĩ trong thời gian qua, mà nó có cả một lịch sử lâu dài, một hệ thống ý thức liên tục, đúng như đồng chí Hoài Thanh đã phân tích. Nhưng theo ý tôi, chỉ thấy thực chất tư tưởng của Trương Tửu biểu lộ trên mặt văn nghệ không thôi chưa đủ, mà, muốn hiểu rõ toàn bộ mặt thực Trương Tửu để đánh giá đúng những tội trạng phản nước hại dân của hắn, chúng ta cần thấy thêm cái chân tướng chính trị Trương Tửu nó đã biểu lộ qua những luận điệu và hành động phản cách mạng liên tục từ hai mươi năm nay.

\*

Hai mươi năm trước đây, tôi quen biết Trương Tửu cũng như tất cả mọi trường hợp quen biết thông thường. Nhưng có điều khác thường nó làm cho tôi phải chú ý đến Trương Tửu ngay trong những ngày gặp gỡ đầu tiên, là cái triết lý – kể ra so với hồi ấy cũng đã khá rẻ tiền – mà Trương Tửu xem như một “phương châm xử thế” nên đã áp dụng trong đời sống hàng ngày, cũng như trong đời sống chính trị. Nó là:

1. “Người "mác-xít" phải tùy thời thích chi. Khi nào điều kiện vật chất thay đổi, thì cách xử thế của người ta cũng phải thay đổi.”
2. “Tất cả mọi thủ đoạn đều tốt, miễn là đạt được mục đích ở đời.”

## HUỶNH ÁI TÔNG

Mục đích của đời Trương Tửu là gì? Các bạn đọc sẽ tự tìm thấy câu trả lời qua một số hiện tượng kể sau đây. Còn những thủ đoạn của Trương Tửu, thực quả cũng là xứng đáng với cái “mục đích” và cái “con người” hằng ôm ấp nó.

Trương Tửu xuất thân trong một gia đình có một lý lịch không rõ rệt. Người ta chỉ biết rằng vào khoảng 1934-1935, sau khi những phong trào Cách mạng như Xô-viết Nghệ An, cuộc khởi nghĩa Yên Bái bị thất bại, một nền văn nghệ lãng mạn đòi truy đương được bọn thống trị dung dưỡng cho phát triển hơn bao giờ hết ở Việt Nam hồng ru ngủ ý chí chiến đấu của thanh niên, thì Trương Tửu bước chân vào làng văn bằng một loạt bài phê bình đăng trên báo *Loa* không tiếc lời ca ngợi những tác phẩm của nhóm *Tự lực Văn đoàn*, tiêu biểu rõ rệt nhất cho nền văn nghệ lãng mạn đòi truy và ru ngủ nó. Đây không những chỉ là chuyện buôn lậu đầu tiên về văn nghệ của Trương Tửu. Tôi muốn nói rằng đây là lần đầu tiên Trương Tửu đã tự giác hay không tự giác, đem ngòi bút của mình phục vụ cho cái chính trị cướp nước của bọn thực dân.

Thời kỳ mặt trận dân chủ, Đảng Cộng sản Đông dương tập hợp mọi lực lượng yêu nước và tiến bộ thành lập một mặt trận chống phát xít, chống chiến tranh và chống phản động thuộc địa với khẩu hiệu đòi hòa bình, tự do, cơm áo cho nhân dân lao động. Hưởng ứng lời kêu gọi đó, các văn nghệ sĩ hoặc ít hoặc nhiều tiến bộ đều hăng hái tham gia phong trào. Trong khi ấy thì Trương Tửu nằm im trên cái gác xép phố Cửa Đông Hàng Gà, ngày ngày liên kết với bọn tò-rốt-skít Lương Đức Thiệp, Thái Văn Tam, chửi đổng Mặt trận Dân chủ và tuyên bố với xung quanh rằng “văn nghệ không làm chính trị để giữ sự độc lập của trí thức!” Tự tách mình ra khỏi cuộc đấu tranh của dân tộc, và chửi vào cuộc đấu tranh đó, mà vẫn dám huênh hoang là để “giữ sự độc lập cho trí thức”, kể thì cũng liều lĩnh thực. Nhưng tiếc thay chỉ một năm sau, cái bộ mặt “trí thức” của Trương Tửu đã hoàn toàn bị gỡ khi người ta thấy hấn xuất đầu lộ diện trên một tờ báo *Quốc gia* do hấn chủ trương. Lúc đó,



## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Mặt trận Dân chủ sắp gặp bước thoái trào, lực lượng tư bản phản động và phát-xít Pháp kịp thời trở dậy tấn công vào chính phủ bình dân bên kia, thế là bên này, Trương Tửu cũng kịp thời trở dậy theo, nhả ra một loạt bài đặc sệt màu sắc chính trị đăng trên báo *Quốc gia*, một mặt đả kích Mặt trận Dân chủ Đông Dương, một mặt khác tuyên truyền cho bọn tờ-rốt-skít, phản động quốc tế, tay sai của thực dân Pháp. Để đả kích Mặt trận Dân chủ, Trương Tửu đã có cả một chủ trương là viết nhiều bài phỏng vấn các đảng viên công khai của Đảng Cộng sản, rồi xuyên tạc, bóp méo, bịa đặt, cắt xén lời tuyên bố của những đồng chí đó để đánh thẳng vào Đảng Cộng sản là thỏa hiệp, là cái lương, kèm với những hình vẽ các đồng chí Đảng trông thực là hung ác xấu xa. Trái lại, để đề cao chủ nghĩa tờ-rốt-skít, Tửu cũng chủ trương viết một loạt bài phỏng vấn bọn thủ lĩnh tờ-rốt-skít Huỳnh Văn Phương, Thái Văn Tam, giới thiệu “thân thế và sự nghiệp” tên trùm phản động quốc tế Tờ-rốt-ski, giới thiệu thuyết “cách mạng thường trực”, “cách mạng vô sản triệt để” của tên này, bằng những lời văn huênh hoang nhằm lôi kéo những phân tử dao động bấp bênh và đánh lạc mục tiêu đấu tranh, đường lối cách mạng của Đảng trước quần chúng. Nhờ chuyến đầu cơ chính trị này, Trương Tửu đã đạt cái mục đích gần gũi nhất của đời hắn, là được cả nhà lẫn vợ, trên cơ sở đó, Tửu sẽ dùng làm bàn đạp tiến lên một đích cao hơn.

Thế là nổ ra đại chiến thứ hai. Đàn áp, khủng bố, sưu cao thuế nặng đè trĩu lên mỗi người dân. Đảng Cộng sản rút lui vào hoạt động trong bí mật, thành lập Mặt trận Việt Minh, đề ra chủ trương đoàn kết toàn dân đánh đuổi Nhật đuổi Pháp, đấu tranh vũ trang giành độc lập dân tộc. Lần thứ hai, Trương Tửu tuyên bố với xung quanh rằng: “văn nghệ không làm chính trị để giữ sự độc lập của trí thức”. Song lần này không chịu nằm im chửi đồng, Trương Tửu đã cùng tên đồng lõa Nguyễn Đức Quỳnh đi tập hợp một số văn nghệ sĩ quen biết, lợi dụng sự ngây thơ về chính trị của họ, thành lập ra nhóm *Hàn Thuyên*. Muốn lừa bịp anh em, Trương Tửu nêu lên cái chiêu bài là để xây dựng một

## HUỶNH ÁI TÔNG

nền “Tân văn nghệ” theo đường lối chủ nghĩa Mác–Lênin (tất nhiên là giả danh); và muốn bóc lột những quyền lợi trước mắt của anh em, Tửu luôn mồm nêu lên cái khẩu hiệu đã gắn thành điệp khúc là “đề phụng sự cho đại nghĩa!” (Servir la grande cause – nguyên văn câu này là của Tửu). Cái “đại nghĩa” phải kể đến đầu tiên trong giai đoạn này của Tửu, đó là nghĩa thầy trò giữa hắn và tên trùm mật thám Cút-xô (Cousseau). Khi mà thấy cái tên Trương Tửu đã lữa nghề phản nước hại dân, Cút-xô đã có công gây lại uy tín cho Tửu bằng cách cấm Tửu không được viết, rồi cho tửu hồi sinh dưới cái biệt hiệu nghe có vẻ thông thái là Nguyễn Bách Khoa. Khi mà cả Hà Nội lúc bấy giờ, các nhà xuất bản đều thiếu giấy in, thì Cút-xô đã đặc biệt cấp cho nhà *Hàn Thuyên* chẳng những đủ giấy để in, mà còn thừa đem bán chợ đen lấy tiền bỏ túi, để tung ra những loại sách gọi là “mác-xít” thực ra là phản động của bọn tờ-rốt-skít Lương Đức Thiệp, Thái Văn Tam, Nguyễn Tế Mỹ, Nguyễn Hải Âu, và nhiều nhất là của Nguyễn Bách Khoa, (như *Nguyễn Du và Truyện Kiều*, *Hai Bà Trưng*...) nhằm chống lại tinh thần dân tộc của ta đương được Mặt trận Việt Minh hết sức đề cao, như trong bài trước đồng chí Hoài Thanh đã vạch rõ. Hội Nhật thuộc, cái “đại nghĩa” của Trương Tửu là bỏ Pháp toan theo đuôi Nhật. Về hành động, chính hắn đã thành lập ra cái gọi là “Liên đoàn những người viết báo Bắc bộ”, một tổ chức thân Nhật, và chính hắn đã gửi điện văn ủng hộ chính phủ bù nhìn Trần Trọng Kim đương chống lại Mặt trận Việt Minh. Về luận điệu, chỉ cần nhắc lại một câu chuyện kể làm thí dụ cũng đủ rõ cái “đại nghĩa” mà Tửu theo đuổi nó thể nào. Hồi tháng 6-1945, vì bị thua trên các mặt trận, nhất là vì ta hoạt động mạnh, phát-xít Nhật càng gia sức lùng bắt khủng bố thanh niên cứu quốc ở nội ngoại thành. Họa sĩ Nguyễn Đỗ Cung và tôi có gặp Trương Tửu thuật lại việc này. Tửu đã tặc lưỡi đáp: “Đại thì cho chết!”. Đoạn thống cười khà khà, tiếng cười mà chúng tôi đến tận bây giờ mỗi khi nhớ lại vẫn còn thấy rờn rợn bên tai như của một tên trùm mật thám thực thụ.

Mấy năm sau, quả nhiên những cái “đại nghĩa” kiểu như trên

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

mà Trương Tửu lừa bịp bắt anh em “phụng sự” đó, đã đem lại cho gia đình Tửu cả một nhà xuất bản và nhà in *Hàn Thuyên* mà đến nay mỗi khi nhắc tới, nghe đâu Tửu vẫn lấy làm khoái trí; và đã đem lại cho những anh em khác một mớ tư tưởng tờ-rốt-skít vô cùng nguy hiểm, cộng thêm một cảm giác của người vừa bị mất cắp giữa ban ngày. Cho nên đã có thơ rằng:

### **Mắc lõm**

Tặng Trương Tửu

*Năm năm xe cát đắp nên bờ  
“Đào hải di sơn” chỉ những chờ  
Lãi tháng bố già xơi ngọt sót  
Cơm ngày cậu cả sống ngon ơ  
Đại danh, đại nghĩa cậu sầm phát  
Duy vật, duy tâm chuyện bố vờ  
Cái giá thẳng ông, a! Cũng đắt  
Không dung để được nó đầu cơ!*

(1945)

Bài thơ có kết, nhưng cái nghề đầu cơ chính trị, phản cách mạng chuyên nghiệp của Trương Tửu chưa phải là kết thúc ở đây. Cách mạng tháng Tám thành công càng làm cho Trương Tửu lộ mặt phản nước hại dân hơn nữa. Lần thứ ba, Tửu viết trên báo *Văn mới* do nhà *Hàn Thuyên* tái bản, bài “Tuyên ngôn độc lập của trí thức” đại ý vẫn nhai lại luận điệu cũ: “người trí thức muốn được độc lập suy nghĩ thì không nên làm chính trị”, nhằm mục đích phá hoại phong trào cứu quốc là một nhiệm vụ trung tâm trước mắt lúc chính quyền mới về tay nhân dân ta. Rồi Hồ Hữu Tường ra Bắc, lén lút gặp Tửu bàn tính âm mưu. Nhảy ra thành lập Ủy ban Văn hóa Bắc bộ hùng tranh giành ảnh hưởng với Hội Văn hóa Cứu quốc không xong, Tửu xuất bản cuốn *Trương lai văn nghệ Việt Nam* gieo rắc chất men “bất phục tùng và phản kháng” chính thể dân chủ nhân dân, liên kết với bọn tờ-rốt-skít Lương Đức Thiệp, Nguyễn Hải Âu, và một số sinh viên cảm tình tờ-rốt-skít, giải truyền đơn ở Bạch Mai

## HUỶNH ÁI TÔNG

xúi giục công nhân và sinh viên khởi loạn. Giữa lúc Đảng và Chính phủ ta chủ trương tránh mọi khiêu khích của Quốc dân Đảng Tưởng Giới Thạch, cốt để đề phòng khỏi rơi vào âm mưu của đế quốc Mỹ, thực dân Pháp muốn quay trở lại Đông Dương, thì Trương Tửu tung ra cái luận điệu khiêu khích của Hồ Hữu Tường, là phải “đánh Tưởng Giới Thạch, và dựa vào Mỹ”. Giữa lúc chúng ta cần tập hợp đông đảo nhân dân để tiến mạnh trên con đường cách mạng dân tộc dân chủ lúc đó, thì Trương Tửu và bè lũ chủi ta là cái lương, là thỏa hiệp, và kêu gào phải tiến ngay lên cách mạng xã hội chủ nghĩa, phải cách mạng vô sản triệt để, phải chia ngay ruộng đất cho dân cày, v.v... Tóm lại, toàn là những thủ đoạn chính trị khiêu khích phiến lưu nếu không nhằm phân hóa chia rẽ nhân tâm, thì cũng nhằm biến dân tộc Việt Nam thêm một lần nữa làm mồi ngon cho bọn giặc.

Kháng chiến toàn quốc. Có người thấy Trương Tửu theo đuổi được chín mười năm cũng là một điều kỳ lạ. Tôi thì tôi muốn đặt ngược lại vấn đề: Trương Tửu theo kháng chiến có phải là thực tâm tán thành cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của chúng ta, hay còn vì một “mục đích” gì khác nữa? Có thể rằng trong kháng chiến, sức quật khởi của toàn dân đã làm cho những luận điệu và hành động phá hoại của Trương Tửu chịu nếp xuống chiều sâu một phần nào, nhưng không phải vì thế mà nó không thời thường biểu lộ: chống lại chỉ thị của địa phương giải tán các chợ để tránh máy bay địch oanh tạc; giễu quân đội nhân dân ta là: “hy sinh mù quáng”; bài bác phong trào thi đua ái quốc; mệnh danh những cán bộ kháng chiến là “một giai cấp cường hào mới”; gây bè phái, chia rẽ, tuyên truyền chống lãnh đạo trong đám sinh viên trường dự bị đại học Thanh Hóa; công khai chống thuế và chủi cán bộ thuế nên đã bị nông dân địa phương điệu ra hỏi tội vì thế mà Trương Tửu đã chuẩn bị vào thành, và vân vân... Nói như nhà văn Vũ Ngọc Phan đại ý rằng: “Nếu quả thực cái nội tâm con người Trương Tửu đã viết trong *Giai phẩm mùa Đông* – thì đó là thứ ánh sáng nó đã làm cho đen sạm mặt giới văn nghệ kháng

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

chiến ở thôn Quần Tín...”. Thực thì câu nói đó cũng không ngoa. Còn nói như đồng chí Hoài Thanh, rằng “trong chín năm kháng chiến của Trương Tửu, hẳn đã chửi kháng chiến hết bảy năm”, thì riêng tôi, người biết rõ Trương Tửu lâu hơn, tôi cho nói như thế còn rất nhiều độ lượng. Cũng như nhân dân ta đối với Trương Tửu – riêng trong kháng chiến – cũng đã quá nhiều độ lượng. Phải vạch thẳng ra rằng suốt chín năm kháng chiến, Trương Tửu đã đứng trên lập trường của bọn cướp nước để phản bội lại quyền lợi của dân tộc trong cả chín năm mới đúng hơn.

Hòa bình lập lại, nếu có phần nào đúng như đồng chí Hoài Thanh nói là “Trương Tửu có vẻ nhích lại gần Đảng hơn”, thì tôi cho đó cũng chỉ là cái thủ đoạn trá hàng mà bọn phản động tở-rốt-skít vẫn thường dùng. Chúng ta đều còn nhớ khi những dư vang của chiến thắng Điện Biên Phủ đã làm cho bọn đế quốc hung hăng nhất cũng phải gục gồi cúi đầu, thì lũ tay chân không đại gì mà không tạm nép một bề để chờ đợi một thời cơ mới. Thời cơ ấy đã đến với Trương Tửu: đó là lúc ở ngoài nước, có nhiều sự kiện phức tạp, và ở trong nước chúng ta đang gặp nhiều khó khăn. Trông bề ngoài mà nói, đây là một dịp béo bở nhất cho bọn đầu cơ chính trị để thi thố ra mọi thủ đoạn hòng đạt được cái mục đích cuối cùng của những cuộc đời đầy khát vọng điên cuồng. Thế là Trương Tửu lại hùng hổ xông ra phát triển những luận điệu phá hoại sở trường với cả một hận thù giai cấp được nuôi dưỡng từ mất chục năm về trước.

Cho nên không phải là ngẫu nhiên mà Trương Tửu đã tham gia bọn cầm đầu nhóm *Nhân văn-Giai phẩm*; đã phân công nhau chui vào phá rối một số các cơ quan Nhà nước và đoàn thể như trường đại học, các ngành nghệ thuật, Hội Nhà văn; đã viết những bài xúi giục trí thức và văn nghệ sĩ chống đối lại chính trị, chống đối lãnh đạo, tiếp tục reo rắc cái tư tưởng “bất phục tùng và phản kháng” với chế độ chúng ta như Trương Tửu đã viết trong *Giai phẩm mùa Đông*. Không phải ngẫu nhiên mà

## HUỶNH ÁI TÔNG

Trương Tử tung ra những tin tức hoàn toàn bịa đặt, nào ở Liên Xô sắp xét lại vụ Tờ-rốt-ski; ở Trung Quốc sắp xét lại vụ Hồ Phong; ở Việt Nam sắp xảy ra một cuộc biến đổi căn bản (!) Cũng không phải ngẫu nhiên mà trong khi giảng dạy ở trường đại học, hoặc nói chuyện với những sinh viên thân cận, Trương Tử đưa ra một mớ lý luận chính trị sặc mùi tờ-rốt-skit nếu không là kiểu gián điệp: nào “giai cấp công nhân sắp hết vai trò sản xuất, quân đội sắp hết vai trò chiến đấu trong thời đại nguyên tử này.” Để làm gì, nếu không nhằm làm tê liệt ý chí đấu tranh và sản xuất của các tầng lớp cơ bản trong nhân dân ta? Và táo tợn hơn, trong khi nhận định về “con người mới” để huấn luyện cho một số sinh viên và văn nghệ sĩ bị hấn lừa bịp, Trương Tử đã dám nói rằng “con người mới hiện nay phải là nông dân thì chống thu mua, thị dân thì chống mậu dịch, trí thức thì chống sắc luật báo chí, quân đội thì chống kỷ luật”, rõ ràng là một khẩu hiệu phiến động phản ánh ý thức tiêu cực bộ phận phản động trong giai cấp tư sản muốn chống lại cách mạng xã hội chủ nghĩa! Cho nên, càng không phải là ngẫu nhiên mà Trương Tử đã câu kết chặt chẽ với những tên phản cách mạng lâu đời Phan Khôi, phản động đầu sỏ Nguyễn Hữu Đang, và một số văn nghệ sĩ đọa lạc cả về “con người” lẫn tư tưởng chính trị và về quan điểm nghệ thuật Trần Dân, Lê Đạt..., cũng như Tử đã ngoắc chặt chẽ với lũ Thụy An, Trần Duy, một con mụ và một thằng tay sai trung thành của đế quốc, để chống đối lại chế độ miền Bắc chúng ta có tổ chức, có chủ trương đường lối, có phối hợp hành động với Mỹ-Diệm ở miền Nam như ta đã thấy trong thời gian trước đây.

\*

Nói tóm lại, chân tướng phản cách mạng của Trương Tử có cả một quá trình lịch sử và một hệ thống ý thức rõ rệt, nên đến nay nó không còn lừa bịp nổi ai. Nếu trên địa hạt văn học như ta đã thấy ở bài trước, Trương Tử chỉ là một kẻ gian thương, thì trong bài này, chúng ta thấy Trương Tử chỉ là một kẻ đầu cơ hết thời vận trên địa hạt chính trị. Không còn lừa bịp nổi ai

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

cái thứ lý luận văn nghệ lạc hậu phủ ra ngoài những tư tưởng chính trị phản động. Không còn lừa bịp nổi ai cái áo mác-xít giả hiệu khoác ra ngoài những luận điệu và hành động phản nước hại dân. Thì cho rằng Trương Tửu có dùng đủ mọi thứ thủ đoạn xấu xa như chúng ta đã thấy để cốt đạt đến mục đích cuối cùng của cuộc đời, cái mục đích mà hôm nay Trương Tửu đã đạt được phải là một vũng bùn như để càng ngày hấn càng đầm xuống dần dần, trước những con mắt thần nhiên của mọi người, kể cả những người xưa nay từng bị Trương Tửu lừa bịp.

Âu đó cũng là đúng với câu phương ngôn “Gieo gió ắt phải gặt bão” như Trương Tửu đã trích dẫn trên *Giai phẩm mùa Đông*, một lẽ tất nhiên của lịch sử.

(Nguồn: Tạp chí *Văn nghệ*, số 12, tháng 5, năm 1958, Số đặc biệt thứ hai chống *Nhân văn-Giai phẩm*)

### Không đề

*Bao nhiêu năm nợ bao nhiêu phiền  
Mẹ trả con rồi, đến cõi tiên.  
Ăn nói đả đờ con mới thuộc,  
Gối lưng mưu sống mẹ quên rên.  
Sinh con những tưởng con đền đáp,  
Có cháu nào hay cháu báo thêm  
Chúng nó quan hàn quan nghị cả  
Một con cậu khoa, cậu hai quyền  
Nhà mong gì được nghề nôm tạm  
Nước dụng bao giờ đũa xỏ xiên  
Thôi thế cũng là an mà mẹ  
Để cho thiên hạ khỏi đào lên*

### Nhật Hoàng khúc Hít-le

## HUỖNH ÁI TÔNG

Hít-le thôi bác toi rồi  
Bom bay đạn nổ toi bời lòng ta  
Nhớ từ thuở xông pha ngày trước  
Trục Tam Cường tôi bác cùng nhau  
Tưởng rằng đẽ bẹp năm châu  
Ngờ đâu lụn bại ai hay cơ trời

Vẫn biết rằng bỏ đời là phải  
Vội vàng chi bác mãi ra ma  
Chợt nghe tôi những xót xa  
Đương thân bách thắng hoá ra thua đòn  
Cờ chữ Vạn không còn pháp phối  
Ai người đem thế giới nhuộm đen?  
Máu tanh không có bạn hiền  
Say sưa chẳng phải không phiền không lo  
Thơ phát-xít dẫn đo không viết  
Viết đưa ai, ai biết mà đưa  
Trời Âu vừa tạnh gió mưa  
Sóng dòn bể Thái khổ chưa hồi Trời!

Quân đổ bộ khắp nơi tua tua  
Thành Đông Kinh khói lửa mịt mù  
Nào Anh nào Mỹ tấn công  
Nào Nga cũng chực vào vòng đánh hô  
Bác biết trọn cái đời của bác  
Trục mình tôi gánh vác sao đang  
Sóng dâng ngập cả ngai vàng  
Khóc tôi khóc bác hai hàng chứa chan!

### **Văn tế sống hoàng thượng đi Tây**

Hỡi ôi!  
Thánh dạng muôn trùng;  
Vân xa khuất vết.

Trên Nam phương mẹ đỡ nên lòng;



HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975  
*Dưới Cờ Việt dân đen lộn tiết.*

*Ngựa Đà Lạt rầy buông cương thả cỏ, vắng chủ lên yên;  
Chim Ngự Bình nay tãi cánh phơi lông, không ai bắt thịt.*

*Điện Cần Chánh thường lão thần một lũ, mặt thảm như tang;  
Thành Ba Lê chúc thiếu để rảnh mình, lòng vui tựa tết!*

*Nhớ vương xưa:  
Vóc đầy ba ôm;  
Mình cao bảy mét.*

*Trí dũng lắm trò;  
Võ văn ra phét!*

*Văn: Lang Sa nửa khoé tú tài;  
Võ: Quốc hội trưởng ban tơ-nít.*

*Ăn uống "cắm" để vương âu Mỹ: trưa "bơ", sáng sữa, tối  
"súp la-ghim";  
Áo quần "mốt" hoàng tử Ga-lơ: hạ "soóc", đông "gôn",  
xuân "ca-sít-két".*

*Lên chín tuổi đã xuất dương du học, bỏ mẹ, lìa cha;  
Hai mươi xuân mới về nước lên ngai, phò Tây, trị Việt.*

*Tài kinh quốc nổi danh ba cõi: nay dựng xe, mai sa hó, trái  
mấy gian lao;  
Đức an dân lưu tiếng ngàn thu: khi tiểu cọp, lúc trừ hươu,  
dựng bao công nghiệp!*

*Nền kinh tế cũng khổ công kiến thiết: đúc tiền trình bằng  
vẩy ốc cho nước thêm giàu;  
Nếp công thương bằng nhọc trí chán hưng: đội mũ kiêu mu  
rùa cho dân bắt chước.*

## HUỶNH ÁI TÔNG

*Án đức vãi vung núi Ngự, có Thổ công soi;  
Tài ba tung tẩy sông Hương, có Hà bá xét.*

*Nào ngờ:  
Thế sự xoay chiều;  
Thời cơ đổi nếp.*

*Việc hoàn cầu rối tí bong bong;  
Bom lục địa nổ ran pháo xiết.*

*Xa thì đầy Âu châu nhiễu loạn, bọn quốc xã vốn nghề lật  
lọng, gây hoạ xâm lăng;  
Gần thì kia Trung Quốc điêu linh, quân Nhật Hoàng quen  
thói tham lam, gieo tai phát-xít.*

*Cảnh ba đào nhưòng doạ của Ngọ môn;  
Nạn binh lửa muốn nhòm cổng Khánh tiết.*

*Sĩ phu nghiêng ngả: đồ nghiệp nguy tai;  
Quần chúng giấy lên: cơ đồ hồng bát.*

*Bụng mẫu quốc kẻ ra đã gớm, để đối phó lại tình thế áy  
quyền bung sung hứa giảng tán cuối, miếng đỉnh chung,  
vương tướng bỏ đã mừng;  
Miếng nhân gian nghĩ lại càng ghê, quyết lột tẩy ra âm  
mưu này, gây dư luận vạch mặt chỉ tên, câu lẳng nhục họ  
cho ra chẳng tiếc.*

*Lúc phần chí những ức trào chi nước mắt, ruộng dưa toan  
giả chủ, sức trâu bò thây kệ chúng húc nhau;  
Khi hồi tâm đành có đấm chi ăn xôi, mũ phớt mượn bung  
tai, thân ruồi muỗi lại lo mình chết chệt!*

*Ôi thôi thì:  
Ở chỉ thêm rày;*

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

*Đi cho đỡ mệt.*

*Đất An Nam cảnh cối người cần;*

*Nơi hải ngoại rượu nồng gái đẹp.*

*Cuộc thương thuyết Ba Lê mà ngã giá, dựa nương sẵn  
bóng, cũng ôn một đời;*

*Mông hoa đặng xóm Mông-mác miễn thâu đêm, sống thác  
vì tình cho cam một kiếp.*

*Nên đây:*

*Này bốt, này hia;*

*Này "can" này "píp".*

*Này "may-ô", "xi-líp" mùa hè;*

*Này "sịt-mốc", "măng-tô" vụ rét.*

*Vàng cốm trăm lô;*

*Xe mây một chiếc.*

*Đứng tiễn Vương có những tên Bình, tên Bồng, tám tháng  
cách bồng xa người nấp gối, lũ chó cụp đuôi;*

*Trông theo, Vương có các cô Phạm, cô Hoàng, bảy năm  
rông nay vắng Chúa ôm chân, đàn gà bới bép.*

Năm 1939, Hoàng đế Bảo Đại cùng cận thần sang Pháp để vận động "mẫu quốc" trao trả Bắc Kỳ cho triều đình Huế, đúng với tinh thần hiệp ước 1884. Nhưng báo chí của Cộng sản Đông Dương hời hợt cho đây là âm mưu làm cho Việt Nam bị dưới 2 tầng áp bức, để kích động lòng dân chống thực dân, phong kiến. Bài này làm trong dịp đó, nhưng bị kiểm duyệt của thực dân Pháp cấm ấn hành.

*Đồ Phồn chuyên viết văn thơ châm biếm từ nhà vua cho đến  
chỉ người thân, lời lẽ thâm sâu, cay độc, cho nên Xuân Sách đã*

## HUỖNH Ỉ TÔNG

*lấy tên những tiểu thuyết của ông “Phát”, “Cao” và đổi tên ông thành đồ phán, đồ vôi trong “Chân dung các nhà văn”, để tóm gọn sự nghiệp đời ông:*

*“**Phát** rồi ông mới ăn **khao**  
**Thơ ngang** chạy dọc bán rao một thời  
Ông đồ phán, ông đồ vôi  
Bao giờ xẻ xác cho tôi ăn mừng ...”*

Tài liệu tham khảo:

- Bùi Huy Phồn Web: [vi.wikipedia.org](http://vi.wikipedia.org)
- Bùi Huy Phồn Blog: [talawas.org](http://talawas.org)

### 3) Mạnh Phú Tư



#### **Mạnh Phú Tư - Phạm Văn Thứ (1913-1959)**

Mạnh Phú Tư tên thật là Phạm Văn Thứ, sinh ngày 9 tháng 11 năm 1913 tại làng Kim Cang, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

Xuất thân trong một gia đình nông dân. Mồ côi cha từ sớm, mẹ đi lấy chồng khác, nhà văn trải qua một quãng đời tuổi thơ đầy cay đắng.

Lớn lên đi học ở thành phố nhưng học dở dang, sống chật vật bằng nghề gia sư, viết văn, làm báo.

Ông là một tác giả văn xuôi nổi tiếng thời tiền chiến, trong đó tác phẩm tiêu biểu là tiểu thuyết "Làm lễ" được giải thưởng của Tự lực văn đoàn năm 1939, ông cũng cộng tác với Phổ Thông Bán Nguyệt San.

Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, ông giữ chức Phó chủ tịch Ủy ban hành chính huyện Thanh Hà. Tỉnh Hải Dương.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Sau năm 1954, ông tiếp tục viết văn, làm báo, khi đang làm biên tập viên báo "Văn học" của Hội Nhà Văn Việt Nam, ông đột ngột từ trần ngày 24 tháng 2 năm 1959, tại Hà Nội, thọ 46 tuổi.

Tác phẩm:

- *Làm lễ* (1939)
- *Gây dựng* (1941)
- *Một cảnh sống* (1941)
- *Nhật tình* (1942)
- *Sống nhờ* (1942)
- *Một thiếu niên* (1942)
- *Người vợ già* (1942)
- *Rãnh cây nổi dậy*

Trích văn:

### Làm lễ

Một buổi trưa nắng gắt, cuối hè. Hình như có bao nhiêu sức nóng, ngày giờ có hút hết, để sắp sửa sang thu. Trong làng không một tiếng động; mọi vật bị nắng đốt, im lìm trong không khí khó thở. Không một hơi gió.

Trên chiếc sân đất nẻ, gồ ghề và rắn cứng, Trác đội chiếc nón chóp rách, khom lưng quét thóc. Nàng phải dể hai bàn chân để tránh bớt sức nóng của sân đất nện. Thỉnh thoảng, nàng đứng ngay người cho đỡ mỏi lưng, rồi đưa tay áo lên lau mồ hôi ròn ròn chảy trên mặt. Chiếc áo cánh nhuộm nâu đã bạc màu và vá nhiều chỗ bị ướt đẫm, dán chặt vào lưng nàng. Cái yếm trắng bé nhỏ quá, thẳng căng trên hai vú đến thì và để hở hai sườn trắng mịn. Mỗi lần Trác cúi hẳn xuống để miết chiếc chổi cùn nạy những hạt thóc trong các khe, cái váy cộc, hót lên quá đầu gối, để lộ một phần đùi trắng trẻo, trái hẳn với chân nàng đen đùi vì dầm bùn phơi nắng suốt ngày.

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Dưới mái hiên, ngay gần chái nhà bếp, bà Thân, mẹ nàng, ngồi trên mảnh chiếu rách, chăm chú nhặt rau muống. Bà cầm trong tay từng nắm rau con, vẩy mạnh cho sạch những cánh bèo tấm, rồi cẩn thận ngắt lá sâu, lá úa; vạch từng khe, từng cuống tìm sâu. Bà cẩn thận như thế là vì đã hai bữa cơm liền, bữa nào trong bát rau luộc cũng có sâu, và Khải, con giai bà, đã phải phàn nàn làm bà đến khó chịu. Chốc chốc, bà vói chiếc khăn mặt đỏ rách vắt trên vai, lau mắt như để nhìn cho rõ thêm.

Hết mớ rau, bà mệt nhọc, ngồi ngay hẩn lên, thở hắt ra một hơi dài, đưa mắt nhìn ra sân. Thấy Trác làm lụng có vẻ mệt nhọc, bà động lòng thương, dịu dàng, âu yếm bảo:

- Nắng quá thì để đến chiều mát hãy quét con ạ. Tội gì mà phơi người ra thế.

Rồi bằng một giọng buồn buồn như nói một mình:

- Khôn nạn! Con tôi! Nắng thế này!

Trác thấy mẹ ngọt ngào, tỏ vẻ thương mình, trong lòng lâng lâng vui sướng. Nàng cũng dịu dàng đáp lại:

- Chả còn mấy, mẹ để con quét nốt.

Nói xong nàng lại cúi xuống thong thả quét. Nàng vui vẻ thấy đồng thóc gần gọn gàng: nhưng nàng vẫn không quên rằng hót xong thóc lại còn bao nhiêu việc khác nữa: tưới một vườn rau mới gieo, gánh đầy hai chum nước, thổi cơm chiều, rồi đến lúc gà lên chuồng, lại còn phải xay thóc để lấy gạo ăn ngày hôm sau. Song nàng không hề phàn nàn, vì phải vất vả suốt ngày. Những việc ấy, không ai bắt buộc nàng phải làm, nhưng nàng hiểu rằng không có thể nhường cho ai được, và nếu nàng không đúng tay vào tất trong nhà sẽ không được êm thấm, vui vẻ. Quét vòng quanh mấy lần, từng thóc đã dần dần dày thêm, và nhát chổi đã thấy nặng, Trác lấy cào vun thóc vào đồng.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Bà Thân đã nhặt xong ba mớ rau. Bà biết rằng bà đã xem xét cẩn thận lắm, nên bà vừa bới những ngọn rau trong rổ, vừa thì thầm: "Lần này thì đào cũng chẳng có lấy nửa con!" Bà đứng lên mang rổ rau đi rửa. Vì ngồi lâu, nên hai chân tê hẳn, mấy bước đầu bà phải khập khiễng, như đứa bé mới tập đi. Bà cầm chiếc nón rách cặp, đội lên đầu, rồi bước xuống sân. Thấy Trác đặt chiếc cào mạnh quá, bà khẽ nói:

- Đưa cào nhẹ chứ con ạ, kéo nó trật gạo ra.

Trác im lặng, không trả lời; nhưng từ nhất cào sau nàng làm theo lời ngay. Tính nàng vẫn thế. Không bao giờ nàng muốn trái ý mẹ, ngay những lúc mẹ bắt làm những việc mà riêng nàng, nàng không ưng thuận.

Trác còn nhớ một lần, mây kéo đen nghịt trời, trận mưa to như sắp tới. Rom rạ, phơi khắp mọi nơi, ngoài sân sau nhà, và cả ở những góc vườn không trồng rau. Nàng vội lấy nạng để đánh đồng, mẹ nàng cứ nhất định bắt làm tua để hứng nước ở các gốc cau. Nàng bảo dọn rom, rạ vào trước, rồi làm tua sau, nhờ có mưa ngay thì rom, rạ cũng không bị ướt. Nàng lại nói thêm: "Thưa mẹ, nước thì không cần cho lắm, không hứng cũng được, con đi gánh. Chứ ngân này rom, rạ ướt thì phơi phóng đến bao giờ cho nở". Nhưng mẹ nàng nhất định không thuận:

- Cứ nghe mẹ làm tua hứng nước đi đã rồi hãy dọn cũng vừa. Trời này có mưa cũng còn lâu. Kiếm ngum nước mưa mà uống cho mát ruột. Tội gì ngày nào cũng đi gánh cho u vai lên ấy!

Thế rồi bà bắt nàng lấy hai cái thùng sắt tây, hai cái nôi đất và cả chiếc nôi mui để hứng nước. Trác không cưỡng được ý mẹ, cặm cụi làm năm cái tua buộc vào năm gốc cau mang nôi ra đặt. Công việc ấy vừa xong, trận mưa đổ xuống. Bao nhiêu rom, rạ ướt hết. Trận mưa chỉ độ một lúc, rồi tạnh hẳn. Mẹ nàng đội nón gời râm ra thăm nước mưa. Nhưng mỗi tua chỉ được chùng một bát nước. Bà thở dài: "Rõ chán! Nước mưa



## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

chẳng thông trán nổi, lại ướt mắt mẽ rom". Nghe mẹ nói, Trác chỉ buồn cười, không dám nói gì, e mẹ phật ý.

Nàng mang chuyện ấy kể cho mấy bạn gái hàng xóm. Họ ngắt nghẹo cười, nàng như muốn chữa thẹn: "ấy, bây giờ bà cụ già nên đâm ra lâm cảm thế đấy! Chúng mình ngày sau biết đâu rồi lại không quá!".

Bà Thân đã rửa rau ở cầu ao về. Bà tì cạp rổ vào cạnh sườn, một tay dang ra giữ lấy Rổ rau chưa ráo nước, hãy còn luôn luôn rỏ xuống gần chân bà, và làm thành một vệt ướt trên bờ hè. Thấy Trác đang khệ nệ bung thóc đổ vào cốt, bà mỉm cười bảo, tựa như nàng hãy còn bé bỏng lắm:

- Con tôi! Rổ tham lam quá. Xúc ít một chứ mà bung cho dễ. Người bé lại cứ mang những thùng nặng như cùm.

Nàng thong thả đáp lại:

- Không nặng đâu mẹ ạ. Cái thùng bé tý ấy mà.

Nàng như quên cả nắng, bức; hốt một lúc đã hết đồng thóc. Nàng sung sướng ngồi nghỉ ở đầu hè, cầm chiếc nón lá phe phẩy, áo nàng ướt, lại thêm gió quạt, nên nàng thấy một thứ mát dịu dàng thấm thía cả thân thể, làm da thịt nàng đê mê, như khi ta lẹ làng đưa tay trên tấm nhung. Mấy chiếc tóc mai cứ theo chiều gió quạt bay đi bay lại. Hai má nàng vì có hơi nóng, nổi bật màu hồng, và nét mặt nàng càng thêm xinh tươi. Trác thấy bốt nóng, đứng dậy lồng hai chiếc nồi đất vào quang gánh nước. Chẳng bao giờ nàng phải suy nghĩ mới nhớ ra việc; nàng đã quen rồi. Việc gì phải làm trước, việc gì phải làm sau, nàng biết ngay từ sáng sớm. Và ngày nào cũng hình như chỉ có ngần ấy việc, nên buổi tối, khi nàng đặt mình vào giường, là bao nhiêu công việc đã gọn gàng cả, không một việc gì bỏ sót. Tối sáng hôm sau, lúc gà bắt đầu gáy, nàng thức dậy, những công việc phải làm đã như xếp sẵn trong óc.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Trác vừa gánh đôi nôi ra khỏi nhà được một lúc, có tiếng chó sủa. Bà Thân vội chạy ra. Bà Tuấn tay cầm một cành rào để xua chó, vừa thấy bà Thân đã cười cười nói nói:

- Nào, hôm nay lại ăn rình một bữa đây! Cụ có cho không hay là lại lấy nặng nặng ra.

Bà Thân cũng cười một tràng dài:

- Chỉ sợ lại chê cơm khô rồi làm khách thôi.

Rồi bà vừa mắng con chó cứ dai dẳng sủa mãi, vừa lấy giọng đứng đắn.

- Sao lâu nay không thấy cụ lại chơi ?

Bà Thân đưa tay cầm cái bã trà đã lia ra tới mép, vớt đi; lấy mùi soa lau mồm cẩn thận, rồi ghé vào tai bà bạn như sắp nói một câu chuyện kín đáo can hệ:

- Úi chà! Bận lắm cụ ạ. Cụ cứ xét nhà cụ thì đủ rõ. Công việc là cứ ngập lên tận mắt.

Bà vừa nói vừa hoa tay, như để nhờ nói thêm dễ hiểu.

Bà Thân chưa kịp trả lời, bà ta đã sang sảng:

- Hôm nay là đánh liều, sống chết mặc bay, nên mới lại hầu cụ được đây. Thôi chỗ bạn già cả, mình còn gần gũi nhau lúc nào được lúc ấy. Đến lúc trời bắt tội, nhắm mắt buông xuôi xuống âm ty liệu có gặp nhau nữa không?

Bà Thân cảm động vì những câu nói thân mật đó, thỉnh thoảng điểm một câu cười giòn và len thêm những tiếng: "Vâng!... vâng!..." như để chấm đoạn chấm câu cho bà bạn. Bà rủ khách

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

vào nhà. Nhưng khách không nhận lời, nói giải chiếu ngồi ngoài hè cho mát. Bà đi tìm coi trầu, chia vôi, rồi ngồi đối diện với khách tèm trầu. Bà Tuân hình như có câu nào đã nói ra hết; bà Thân khơi chuyện bằng câu hỏi:

- Cụ đã ngả được mấy mẫu rồi ?

- Chưa được lấy một góc. Năm nay mượn phải anh lực điền làm vụng mà chậm quá. Làm với ăn chán như cơm nếp nát.

Câu chuyện từ đó quanh quẩn trong việc cày cấy, giá thóc, giá gạo. Mỗi bà có một điều than phiền: bà này kêu thóc không được chắc hạt, bà kia bảo chuột cắn hết nhiều quá. Trác gánh nước về. Nàng ngạc nhiên thấy một người ăn mặc hơi lạ: quần lĩnh thâm cũ và chiếc áo trắng dài hồ lơ có vẻ đom dáng. Lúc nhận ra được bà Tuân, nàng đặt gánh nước chào:

- Lạy cụ, cụ mới lại chơi!

- Tôi không dám, cô gánh nước về.

Rồi bà như tỏ lòng thương Trác, phàn nàn:

- Góm, ở xóm này mà đi được gánh nước thì đến nhục người.

Bà Thân không để ý gì đến câu nói của khách, âu yếm nhìn con:

- Mẹ định thổi cơm, nhưng lại có cụ đến chơi, thành ra gạo cũng chưa vo.

- Mẹ cứ để con gánh nước xong, rồi con thổi cũng vừa. Một tý chứ mấy!

Bà Tuân vội nói lời:

## HUỶNH ÁI TÔNG

- Phải, sức con gái như cô ấy thì chỉ chớp mắt xong bữa cơm. Cụ chẳng phải lo. Có con thế cũng sướng.

Bà Thân mừng lòng, khen thêm con:

- Được cái cháu cũng chịu khó và dễ bảo.

Trác đã đặt gánh nước lên vai, đi được vài bước, thoáng nghe thấy mẹ khen mình bèn chậm bước lại để cố nghe cho hết câu. Khi nàng đã đổ xong hai nồi nước vào vại và đã đi quấy gánh khác, bà Tuân mới tìm cách đưa đầu câu chuyện mà bà lưỡng lự chưa dám nói ra. Bà xếp đặt, suy nghĩ mọi câu từ nhà, nên bà nói rất trơn tru, không hề vấp vấp: "Cậu phán nhà tôi bên kia nhắn tôi lại hỏi cụ về việc ấy. Cụ xem cô ấy thế nào. Thôi thì cụ cũng nên tìm lời khuyên bảo cô ấy. Chẳng qua cũng là chỗ người nhà cả nên tôi mới muốn mỗi manh như thế. Nếu cô ấy nhận lời về bên ấy với cậu phán nhà tôi, thì thực quý hóa vô ngần". Bà Tuân còn định nói nữa, nhưng vì nước trà rót xuống, nên bà vội ngừng, lấy tay lau kéo hoen chiếc áo trắng. Giữa lúc đó, bà Thân đứng đĩnh trả lời: "Cái đó là tùy ý cháu. Nó bảo để nó còn suy nghĩ cho chín."

Đã nhỏ xong nước trà, và lau chùi sạch sẽ hai bên mép, bà Tuân vội cướp lời:

- Làm lễ cũng ba, bảy đường làm lễ, cụ ạ. Làm lễ như cô Trác thì đã ai bì kịp. Rồi đấy, cụ sẽ biết, vợ bé với vợ cả sẽ như chị em ruột thịt. Mợ phán nó cũng hiền lành, phúc hậu đấy chứ. Cụ còn lạ gì.

Rồi bà nhích người sát gần bà Thân, rủ rì:

- Vả lại mình còn hòng nhờ vả về sau. Lúc dăm bảy đồng, lúc một, hai chục người ta cũng chẳng tiếc đâu. Nhà ấy ăn tiêu tới tiền trăm, tiền nghìn, chứ một, hai chục thấm vào đâu mà người ta chẳng giúp được mình.

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Bà Thân cũng thỏ thẻ đáp lại: "Vâng, thì vẫn biết thế. Nhưng cũng hãy thông thả để xem ngã ngũ ra làm sao đã".

Bà Tuân lại cất cao giọng:

- Chà! Tôi tưởng chẳng phải suy tính gì nữa. Cụ nhận ngay đi cho xong. Còn nhiều cái lợi về sau Giá như ít nữa mà cậu Khải muốn ra làm công, làm việc trong làng, người ta lo lắng hộ cũng dễ dàng.

Bà hoa tay, trợn mắt, bĩu môi:

- Người ta thần thế đáo để đấy!

Bà Thân rụt rè trả lời:

- Vâng, tôi cũng nghe đồn ông phán bên ấy mạnh cánh lắm; để rồi tôi cố khuyên cháu. Nếu nó bằng lòng thì tốt phúc nhà tôi quá. Như thế tôi cũng có chỗ nương tựa.

- Phải, cụ nghĩ phải đấy. Tội gì mà lấy anh nhà quê cục kịch. Bà tươi cười ví thâm:

*"Một đêm quân tử năm kê,  
Còn hơn thặng ngọc vỡ về quanh năm!"*

Vừa dứt câu bà ngắt nghẹo cười, vừa vờ vai bà Thân, vừa nói thâm bằng một giọng rất thân mật:

- Có phải thế không, cụ?

Bà Thân như đã siêu lòng, hớn hờ đáp:

- Thì vẫn hay là thế.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Câu chuyện đến đó thì mặt trời đã xế chiều. Bà Tuân bỗng nhớ ra mình ngồi đã khá lâu, vội vàng cầm thêm miếng trầu, đứng dậy:

- Thôi xin vô phép cụ đề khi khác. Tôi phải về xem cơm nước chiều nay ra sao.

Trong khi hai bà chuyện trò, Trác đã gánh đầy hai chum nước, và làm xong bữa cơm. Và nàng đang sửa soạn mâm bát, vì biết Khải, anh nàng đã sắp đi cuộc về.

Bữa cơm hôm ấy cũng xuềnh xàng như những bữa cơm khác; vài con tôm kho, đĩa rau luộc và hai bát nước rau đánh dấm cà chua. Nhưng mẹ và hai con ngồi ăn rất vui vẻ, Trác và Khải bàn bạc các công việc làm ăn trong nhà, ngoài đồng. Hai anh em, người nào cũng có vẻ rất mãn nguyện, tự bằng lòng vì đã chịu khó làm được đầy đủ những công việc riêng của mình.

Bà Thân thấy thế cũng nao nao sung sướng trong lòng. Và bà không hề thấy buồn nản, quên hết được những nỗi vất vả bà đã phải cam chịu từ ngày chồng sớm chết đi. Nhiều lúc bà thấy hai con phải làm lụng khó nhọc, bà đem lòng thương và buồn bực phàn nàn cho hai con, tuy bà vẫn biết rằng nghèo và phải vất vả hai sương một nắng là lẽ thường.

Năm bà mới góa chồng, cả cơ nghiệp chỉ có ngoài hai mẫu ruộng. Cách đây chừng ba, bốn năm, bà chịu khó buôn bán tần tảo ở các chợ gần làng nên cũng kiếm thêm được chút ít. Rồi lại nhờ hai con chăm chỉ cày cấy, tiêu pha không hết là bao, thành ra tất cả bà đã tậu thêm được hơn ba mẫu nữa.

Với số ruộng ấy, bà chẳng dám kêu căng khoe khoang là giàu nhưng ăn tiêu cũng đủ và trong nhà không đến nỗi túng bần.

Thường thường Khải và Trác muốn mẹ cứ nghỉ ngơi để vui cảnh chùa, nhưng bà Thân biết mình cũng chưa đến nỗi yếu

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

đuối lằm, còn có thể làm được những việc con con, nên chẳng bao giờ bà chịu ngồi yên một chỗ. Bà quét nhà, nhặt cỏ ngoài vườn, hay lại chẻ nẩy tấm giúp Trác. Tất cả ba mẹ con, người nào cũng muốn cố công, góp sức, không ai muốn ỷ lại vào người khác để được nhàn rỗi nên cách mưu sống hàng ngày cũng bớt phần khó nhọc và cũng vì thế mà giữa ba mẹ con đã có mối tình thương yêu lẫn nhau rất bền chặt.

(Còn nữa)

### **Bọn Nhân Văn Giai Phẩm trước tòa án dư luận**

... Hoà bình lập lại trở về Hà Nội, Nguyễn Hữu Đang lại ăn ở cùng nhà với Trần Thiệu Bảo, lúc này luôn luôn sẵn sàng tiếp những nhà văn bằng đủ các thứ rượu mùi ngoại hoá và nếu cần bằng cả những tiệc trà, những bữa cơm linh đình, những cuốn phim của đế quốc còn để lại rồi cho vay thêm tiền tiêu gọi là khoản "tạm ứng trước" về nhuận bút. Những nhà văn ấy đã từng cho in văn, thơ của họ trong những tập *Giai phẩm* xuân, hạ, thu, đông gì đó!

Nguyễn Hữu Đang đã có lúc tự xưng là "liêm khiết". Cái con người gọi là "liêm khiết" ấy đã cò kè bớt một thêm hai, rồi sau hết đã thò tay ký giấy hợp đồng với tên Minh Đức để tháng tháng lấy 20 % về số lời bán sách với điều kiện đọc và lựa chọn những tác phẩm thuộc các loại như đã đăng trong *Giai phẩm*!

... Chúng ta, ai cũng còn nhớ rằng cuối năm 1956, tình hình thế giới có những việc không tốt xảy ra: trong nước, Đảng lãnh đạo gặp nhiều khó khăn. Nhiều nhà tư sản và một số phần tử trí thức lạc hậu muốn nhân cơ hội, tấn công vào sự lãnh đạo của Đảng Lao động.

Đối với Nguyễn Hữu Đang, thì tình hình này là một cơ hội tốt. Cũng như thời kỳ sau cách mạng, trong lúc còn hoạt động cho

## HUỶNH ÁI TÔNG

Văn hoá Cứu quốc, hẳn lại tìm cách dựa vào một số tư sản và trí thức lạc hậu có tư tưởng chống đối, để phát cờ. Cũng hòng gây sự nghiệp ăn to, làm lớn!

Tóm lại, người ta chưa thấy lúc nào hẳn đi vào với công nhân, nông dân; mà hẳn chỉ có những quan hệ, bè bạn với những phần tử lạc hậu đầu cơ gian lận, mà hẳn muốn lấy chỗ dựa để hòng thực hiện cái “chí lớn” của hẳn.

... Nguyễn Hữu Đang tập hợp được những người trong nhóm *Giai phẩm* trước, và cho tờ báo *Nhân văn* ra đời.

Cái con người nặng trĩu đầu óc địa vị, lúc nào cũng huyền hoang, muốn được nhiều người chiêm ngưỡng đó đã tính toán khôn khéo không kém một gian thương đầu cơ hàng lậu thuế. Hẳn lẫn mình và... rút vào bí mật! Suốt bốn số báo đầu, người ta không thấy một bài nào ký tên Nguyễn Hữu Đang! Và cũng cái con người suốt đời chạy theo danh lợi riêng, suốt đời mơ ước địa vị đó, đã sẵn sàng nêu danh Phan Khôi làm chủ nhiệm và Trần Duy là thư ký toà soạn, chỉ vì cái khôn khéo giao quyết của nó.

Người ta không thấy tên tuổi Nguyễn Hữu Đang trên những số đầu báo *Nhân văn*, nhưng chính hẳn là linh hồn của tờ báo. Hẳn tìm tiền, tìm giấy, thu xếp việc ấn loát và viết bài nhưng lại ký tên người khác. Hẳn che lấp những nguồn tài chính, những kẻ cung cấp phương tiện bằng hình thức dối trá là nêu danh những người góp tiền in báo có một nhân lên thành mười! Hẳn họp hành bí mật với một số nhà văn chống Đảng, với những người tư sản và trí thức cũng đang muốn lợi dụng thời cơ để phát lá cờ chính trị. Hẳn luôn luôn bàn mưu, lập kế với bọn Trương Tửu v.v... Hẳn có những tay chân trong một hai đoàn kịch tư nhân, ở một vài cơ quan văn hoá của Nhà nước. Thông qua tờ báo *Nhân văn*, hẳn đã trở thành một thứ lãnh tụ của một bọn người cơ hội, có âm mưu chính trị...



HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

**Mạnh Phú Tư**

(*Báo Độc Lập*, số 356, ngày 24.4.1958)

*Đọc văn của Mạnh Phú Tư, ông tả cảnh, tả người rất chi ly, mặc dù chỉ mới một đoạn trích, nhưng chúng ta cũng đã thấy ngòi bút tài tình của ông đã định nên cá tính mỗi nhân vật, tiếc rằng ông mất sớm nên tác phẩm để lại không nhiều. Nhờ có óc quan sát, ông đã ghi lại cảnh sống ở thôn quê miền Bắc rất thực và sống động thời bấy giờ. Và ông đã viết thẳng tay với người ngã ngựa Nguyễn Hữu Đang.*

Tài liệu tham khảo:

- Mạnh Phú Tư Web: [dactrung.com](http://dactrung.com)

## HUỶNH ÁI TÔNG

### 4) Đoàn Văn Cừ



**Đoàn Văn Cừ (1913-2004)**

Đoàn Văn Cừ sinh ngày 25 tháng 3 năm 1913 ở Thôn Đô Đò xã Nam Lợi, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định trong một gia đình nông dân.

Trước Cách mạng tháng Tám, Đoàn Văn Cừ dạy học, ông đã tham gia phong trào công nhân Nhà máy sợi Nam Định năm 1936.

Sau Cách mạng tháng Tám, ông tham gia *Hội đồng Nhân dân* tỉnh Nam Định (1946). Năm 1948 ông tham gia Việt Minh trong Kháng chiến chống Pháp làm công tác văn nghệ, phiên dịch, công tác địch vận *Liên khu III*.

Từ 1959, ông là cán bộ biên tập *Nhà xuất bản Phổ Thông* (Bộ Văn hóa).

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Từ 1971, ông là Ủy viên Ban chấp hành *Hội Văn nghệ Hà Nam Ninh* (gồm ba tỉnh Hà Nam, Nam Định, Ninh Bình), hội viên Hội Nhà văn Việt Nam.

Năm 1974 công tác tại *Ủy ban Mặt trận Tổ quốc* huyện Nam Ninh, tỉnh Hà Nam Ninh (hiện nay huyện Nam Ninh thuộc tỉnh Nam Định).

Ông gần như sống ẩn dật ở quê trong những năm cuối đời và mất tại đây ngày 27 tháng 6 năm 2004. Ông còn có các bút danh khác là *Kẻ Sĩ*, *Cư sỹ Nam Hà* và ngoài thơ, ông cũng sáng tác văn xuôi.

Đoàn Văn Cừ được tặng Giải thưởng Nhà nước về Văn học nghệ thuật năm 2001.

### **Tác phẩm:**

*Thôn ca I* (1944)

*Thơ lửa* (1947)

*Việt Nam huy hoàng* (1948)

*Quân dân Nam Định anh dũng chiến đấu* (1953)

*Trần Hưng Đạo, anh hùng dân tộc* (1958)

*Thôn ca II* (1960)

*Dọc đường xuân* (1979)

*Đường về quê mẹ* (1987)

*Tuyển tập Đoàn Văn Cừ* (1992)

Trích văn:

**Chúng ta không công nhận những tác phẩm sa đoạ của nhóm đó.**

Tôi nghĩ rằng trước kia, trong hồi Pháp, Nhật thuộc, người văn nghệ sĩ dù không muốn cũng đã ít nhiều cầm bút đi ngược lại quyền lợi của dân tộc. Chỉ từ sau Cách mạng tháng Tám, họ

## HUỶNH ÁI TÔNG

mới tìm thấy được con đường sống chính đáng. Cách mạng đã giải phóng ngòi bút họ, đã giành lại cương vị xứng đáng trong xã hội, nhân dân yêu quý họ, tặng họ danh hiệu vẻ vang “kỹ sư tâm hồn”. Họ đã thật sự được tự do nói lên tiếng nói tự hào của Tổ quốc, của tình quốc tế vô sản cao cả, tiếng nói của chính nghĩa, của hoà bình. Nhiều tác phẩm ưu tú bắt nguồn trong sự vươn mình vĩ đại của dân tộc đã thật sự hình thành và đương đà phát triển. Đó là một sự thật hiển nhiên mà chỉ có kẻ cố tình quên ơn cách mạng mới không nhìn thấy.

Với một số tác phẩm sa đoạ của nhóm *Nhân văn - Giai phẩm* núp dưới chiêu bài bịp bợm phần đầu cho “Trăm hoa đua nở” để đả kích vào sự lãnh đạo của Đảng, bóp méo sự thật, gieo rắc bất mãn, hoài nghi đối với chế độ, có thể nói đây là một sự phản phúc hết sức trắng trợn, một sự len lỏi, lũng đoạn văn học cách mạng bằng lối đánh lộn sòng chữ nghĩa một cách nham hiểm gian hùng “*Hãy đi mãi*” của Trần Dần, “Ông Năm chuột” của Phan Khôi đầu hàng trước sự tấn công điên cuồng của giai cấp thù địch trên lĩnh vực nghệ thuật tư tưởng.

Tất cả những người cầm bút tiến bộ có mặt hiện nay trên miền Bắc không công nhận những tác phẩm đồi trụy của nhóm đó trong hàng ngũ mình, kiên quyết đi theo sự lãnh đạo của Đảng phần đầu không ngừng cho một nền văn nghệ dân tộc phong phú dưới ngọn cờ của chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa xã hội.

### Chợ Tết

*Dải mây trắng đỏ dần trên đỉnh núi,  
Sương hồng lam ôm ấp nóc nhà tranh,  
Trên con đường viền trắng mép đồi xanh,  
Người các ấp tung bùng ra chợ Tết.  
Họ vui vẻ kéo hàng trên cỏ biếc;  
Những thằng cu áo đỏ chạy lon xon,  
Vài cụ già chống gậy bước lom khom,  
Có yếm thắm che môi cười lặng lẽ.*

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

*Thằng em bé nép đầu bên yếm mẹ,  
Hai người thôn gánh lợn chạy đi đầu,  
Con bò vàng ngộ nghĩnh đuổi theo sau.*

*Sương trắng rõ đầu cành như giọt sữa,  
Tia nắng tía nháy hoài trong ruộng lúa,  
Núi uốn mình trong chiếc áo the xanh,  
Đồi thoa son nằm dưới ánh bình minh.  
Người mua bán ra vào đầy cổng chợ.  
Con trâu đứng vờ rim hai mắt ngủ,  
Để lắng nghe người khách nói bô bô.  
Anh hàng tranh kiu kịt quẩy đôi bô,  
Tìm đến chỗ đông người ngồi giờ bán.  
Một thầy khoá gò lưng trên cánh phán,  
Tay mài nghiên hí hoáy viết thơ xuân.  
Cụ đồ nho dừng lại vuốt râu cằm,  
Miệng nhảm đọc vài hàng câu đối đỏ.  
Bà cụ lão bán hàng bên miếu cổ,  
Nước thời gian gội tóc trắng phau phau.  
Chú hoa man đầu chít chiếc khăn nâu,  
Ngồi xếp lại đồng vàng trên mặt chiếu.  
Áo cụ lý bị người chen sấn kéo,  
Khăn trên đầu đang chít cũng bung ra.  
Lũ trẻ con mãi ngắm bức tranh gà,  
Quên cả chị bên đường đang đứng gọi.  
Mấy cô gái ôm nhau cười rữ rượi,  
Cạnh anh chàng bán pháo dưới cây đa.  
Những mẹt cam đỏ chót tựa sơn pha.  
Thúng gạo nếp đong đầy như núi tuyết,  
Con gà trống mào thâm như cục tiết,  
Một người mua cầm cẳng dốc lên xem.*

*Chợ tung bừng như thế đến gần đêm,  
Khi chuông tôi bên chùa văng vẳng đánh,  
Trên con đường đi các làng heo lánh,  
Những người quê lũ lượt trở ra về.*

## HUỶNH ÁI TÔNG

*Ánh dương vàng trên cỏ kéo lê thê,  
Lá đa rụng rơi bời quanh quán chợ.*

### Đám hội

*Mùa xuân ấy, ông tôi lên tận tỉnh  
Đón tôi về xem hội ở làng bên.  
Suốt ngày đêm chuông trống đánh vang rền  
Người lớn bé, mê man về hát bội.  
Những thằng cu tha hồ khoe áo mới  
Và tha hồ nô nức kéo đi xem.  
Các cụ già uống rượu mãi gần đêm,  
Tổ tôm điểm chơi đều không biết chán.  
Những con bé áo xanh đòi chị ẵm  
Để đi theo đám rước lướt quanh làng.  
Các bà đồng khăn đỏ chạy loăng quăng.  
Đón các khách thập phương về dự hội,  
Một chiếc kiệu đờng đi dừng bước lại,  
Rồi thỉnh linh quay tít mãi như bay.  
Một bà già kính cẩn chấp hai tay,  
Đứng vái mãi theo đám người bí mật.  
Trên bãi cỏ dưới trời xuân bát ngát,  
Một chị đờng đu ngựa tít trên không.  
Cụ lý già đứng lại ngừng đầu trông,  
Mắt háp háy nhìn qua đôi mục kính.  
Mấy cô gái nép gần hai chú lính.  
Má đỏ như bẽn lẽn đứng ôm nhau.  
Chiếc ô đen lẳng lẳng tiến ra cầu  
Tìm đến chiếc san màu bay trước gió,  
Bác nhà quê kiểng chân nhìn ngáp ngó,  
Rồi leo lên cho ai nấy cùng trông  
Đoàn trái dài vùn vụt giữa dòng sông  
Người lớ nhỏ chèo trên làn nước lạnh.  
Bọn đồ vật trước đình thi sức mạnh  
Mình cỡi trần gân cốt nổi như lươn;  
Tiếng reo hò khuyến khích dậy từng cơn*

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Lẫn tiếng trông bên đường khua rộn rã.  
Bên mấy chiếc khăn vuông hình mỏ quạ,  
Đứng chen vào chiếc mũ trắng nghênh ngang.  
Bọn trai quê bá cổ cạnh cô hàng  
Vờ mua bán để tìm câu chuyện gẫu.  
Một chú xẩm dạo đàn bên chiếc chấu,  
Mắt lò mò nghe ngóng tiếng gieo tiền.  
Thằng bé em đòi mẹ bế lên đèn  
Xem các cụ trong làng ra cử tế;  
Tiếng chiêng trống chen từng hồi lặng lẽ,  
Những bóng người trịnh trọng khẽ đi lên;  
Những cánh tay áo thụng vái mơ huyền,  
Đang diễn lại cả một thời quá khứ  
Mà đất nước non sông cùng cây cỏ  
Còn thuộc quyền sở hữu của Linh thiêng.  
Khi tế xong một cụ đứng trên thêm,  
Giơ bánh pháo cho người kia lại đốt.  
Bọn trai gái đứng xem đều chạy rạt,  
Một thằng cu sợ hãi khóc bi bẹ.

Người đi xem nhiều bọn đã ra về  
Trên đường vắng lá đề rơi lác đác,  
Ốc xa rúc từng hồi trong xóm mạc,  
Trời đỏ hồng sau những trái đồi xanh,  
Đàn chim hôm nhón nhác gọi trên cành  
Vệt tháp trắng in dài trên đồng vắng,  
Tiếng chuông tối nhạt khoang trong yên lặng.  
Lẫn trống chèo vắng vắng phía làng xa.  
Của đám dân nô nức dưới trăng tà...

(Ngày nay)

### **Đám cưới mùa xuân**

Ngày ửng hồng sau màn sương gấm mỏng,  
Nắng dát vàng trên bãi cỏ non xanh.

## HUỶNH ÁI TÔNG

*Dịp cầu xa lòng bóng nước long lanh,  
Đàn cò trắng giăng hàng bay phấp phới.*

*Trên cành cây, bỗng một con chim gọi  
Lũ người đi lí nhí một hàng đen  
Trên con đường cát trắng cỏ lam viền  
Họ thông thả tiến theo chiều gió thổi,  
Dưới bầu trời trong veo không mây bụi,  
Giữa cánh đồng phơn phớt tựa màu nhung.  
Một cụ già râu tóc trắng như bông,  
Mặc áo đỏ, cầm hương đi trước đám.  
Dẫm sáu cụ áo mền bông đỏ sẫm,  
Quần nâu hồng, chống gậy bước theo sau.  
Hàng ô đen thông thả tiến lên sau.  
Kế những chiếc mâm đồng che lưa đở.  
Bọn trai tơ mặt mày coi hơn hở,  
Quần lụa chùng, nón dĩa áo sa huê.  
Một vài bà thanh lịch kiêu nhà quê,  
Đầu nón nghệ, tay cầm khăn mặt đỏ.  
Bà lão cúi lom khom bên cháu nhỏ,  
Túi đựng trầu chăm chăm giữ trong tay.  
Thằng bé em mẹ ẵm, má hây hây,  
Đầu cạo nhẵn, áo vàng, quần nâu sẫm.  
Cô bé để cút chèo người xẫm mẫm,  
Đi theo bà váy lĩnh, dép quai cong.  
Một chị sen đầu đội chiếc khăn hồng,  
Đặt trên cái hòm da đen bóng lộng.  
Người cô dâu hôm nay coi chói lộn.  
Vành khuyên vàng, áo mớ, nón quai thao.  
Các cô bạn bằng tuổi cũng xinh sao,  
Hai má thắm, ngậy thơ nhìn trời biếc.  
Dẫm bầy cô phủ mình trong những chiếc  
Áo đồng lam, yếm đỏ, thắt lưng xanh.*

*Một lúc sau đi tới chỗ vòng quanh,*



HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

*Nếp chùa trắng in hình trên trời thắm,  
Thì cả bọn đàn đàn cùng khuấy lẫn  
Sau trái đồi lấp lánh ánh sương ngân.  
Chỉ còn nghe văng vẳng tiếng chim xuân  
Ca ánh ỏi trên cành xanh tẩm nắng.*

(Ngày nay)

*Tiếng vông trong nhà kéo kẹt đưa,  
Đầu thêm con chó ngủ lơ mơ,  
Bóng cây lơ lả bên hàng đậu,  
Đêm vắng, người im, cảnh lặng tờ.*

*Ông lão nằm chơi ở giữa sân,  
Tàu cau lấp loáng ánh trăng ngân.  
Thằng cu đứng vịn bên thành chõng,  
Ngắm bóng con mèo quỵện dưới chân.*

*Bên giếng, dăm cô gái xứ quê  
Từng đàn vui vẻ rủ nhau về,  
Trên vai nặng trĩu đôi thùng nước,  
Kêu kịt đi vào lối cổng tre.*

*Trong xóm giờ lâu quá nửa đêm,  
Tiếng chày giã gạo đã ngừng im.  
Trăng tà hạ xuống ngang đầu núi,  
Đom đóm bay qua dải nước đen.*

*Tiếng ốc trên chòi rúc thiết tha,  
Gió lay cát kết rặng tre già.  
Sao trời từng chiếc rơi thành lệ,  
Sương khói bên đồng ủ bóng mơ.*

(Ngày nay)

Trong Thi Nhân Việt Nam Hoài Thanh và Hoài Chân đã

## HUỶNH ÁI TÔNG

nhận xét về thơ của Đoàn Văn Cừ: *“Những bức tranh trong thơ Đoàn Văn Cừ không phải chỉ đơn sơ vài nét như những bức tranh xưa của Á Đông. Bức tranh nào cũng đầy đủ sự sống và rộn rịp những hình sắc tươi vui. Mỗi bức tranh là một thế giới linh hoạt”*.

Những bài thơ “Đám hội”, “Đám cưới mùa xuân”,... và đặc biệt là phiên “Chợ Tết” ở vùng quê đã làm cho tên tuổi của ông sống mãi trong lòng người yêu thơ.

Tài liệu tham khảo:

- Đoàn Văn Cừ Web: [vi.wikipedia.org](http://vi.wikipedia.org)
- Đoàn Văn Cừ Blog: [talawas.org](http://talawas.org)

5) Nguyễn Khắc Viện



**Nguyễn Khắc Viện (1913-1997)**

Ông sinh ngày 5 tháng 2 năm 1913, quê ở làng Gôi Vị, bên bờ sông Ngàn Phố, nay là xã Sơn Hòa, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh. Ông là con trai của cụ Hoàng giáp Nguyễn Khắc Niêm làm Thượng thư Bộ Lễ triều đình nhà Nguyễn.

Ông từng học ở trường Collège Vinh, một trường có tiếng nhiều học sinh giỏi như Hoàng Xuân Hãn, Nguyễn Đức Nguyên (tức Hoài Thanh).

Sau khi chuyển vào Huế học và đỗ Thành chung, năm 1931, ông ra Hà Nội học lớp tú tài trường Bưởi.

Năm 1935, sau khi đỗ tú tài, ông thi đậu vào trường Đại học Y khoa Hà Nội.

Năm 1937, ông được sang Pháp học tại Đại học Y khoa Paris.

Năm 1941, ông tốt nghiệp bác sĩ nhi khoa và bác sĩ các bệnh nhiệt đới nhưng do Thế chiến thứ hai bùng nổ nên ông không

## HUỶNH ÁI TÔNG

thể trở về. Trong thời gian này, ông mắc bệnh lao và phải điều trị dài hạn trong trại an dưỡng. Mãi đến năm 1947, ông mới tạm hồi phục và trở lại Paris

Tại Pháp, ông nghiên cứu và quảng bá văn hóa Việt Nam ra thế giới, phản đối chiến tranh của thực dân Pháp và Hoa Kỳ tại Đông Dương. Ông là người lãnh đạo phong trào Việt kiều yêu nước tại Pháp. Ông thường xuyên viết bài giới thiệu Việt Nam, phê phán chủ nghĩa thực dân đăng trên các tạp chí vào báo nổi tiếng tại Paris *La Pensée* (Tu tưởng), *Esprit* (Tinh thần), *Europe* (Châu Âu), *La nouvelle critique* (Phê bình mới), *Cahiers du communisme* (Tập san cộng sản), *L'Observateur* (Người quan sát), *France nouvelle* (Nước Pháp mới), *Le monde diplomatique* (Thế giới ngoại giao) dưới nhiều bút danh: Nguyễn Nghệ, Nguyễn Kiên... Ông từng là Chủ tịch của Hội người Việt Nam tại Pháp (*Union Générale les Vietnamiens en France*).

Năm 1963, ông về nước sáng lập và chủ biên Tạp chí đối ngoại *Nghiên cứu Việt Nam* bằng tiếng Pháp và tiếng Anh (*Etudes Vietnamiennes, Vietnam Studies*) và làm Giám đốc Nhà xuất bản Ngoại văn (nay là Nhà xuất bản Thế giới).

Năm 1967, sau khi bà Nguyễn Thị Nhất ly dị với Triết gia Trần Đức Thảo, ông Nguyễn Khắc Viện lập gia đình với bà này, vốn là người cùng hoạt động với ông từ lúc ở Paris năm 1953.

Năm 1984, ông sáng lập và làm Giám đốc Trung tâm nghiên cứu tâm lý trẻ em và tâm bệnh lý (trung tâm NT), xuất bản tờ “Thông tin khoa học tâm lý”, đặc biệt quan tâm đến những trẻ em bị rối loạn tâm trí do hoàn cảnh

Ông là người yêu nước nồng nàn, có nhiều tư tưởng tiến bộ về chính trị, văn hóa và giáo dục nhưng những đề nghị của ông không được nhà cầm quyền lưu ý.

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Tháng 11 năm 1992, Nguyễn Khắc Viện được trao giải thưởng Grand prix de la Francophonie của Viện Hàn lâm Pháp. Với tấm lòng yêu trẻ thiết tha, ông đã cống hiến phần lớn khoản tiền thưởng 400.000 franc (tương đương 80.000 USD) cho quỹ của Trung tâm Nghiên cứu Tâm lý Trẻ em (Trung tâm NT).

Năm 1997, Nhà nước Việt Nam trao tặng cho ông Huân chương Độc lập hạng nhất.

Ngày 10 tháng 5 năm 1997, Nguyễn Khắc Viện qua đời, thọ 84 tuổi. Thi hài ông được an táng tại Nghĩa trang Mai Dịch Hà Nội dành cho những người có công đầu trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc Xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Ngày 1-9-2000, Chủ tịch nước đã quyết định truy tặng Giải thưởng Nhà nước cho cuốn "*Việt Nam, một thiên lịch sử*".

Tác phẩm:

- *Truyện Kiều* (dịch sang tiếng Pháp)
- *Lịch sử Việt Nam*
- *Kinh nghiệm Việt Nam*
- *Miền Nam Việt Nam sau Điện Biên Phủ*
- *Tuyển tập văn học Việt Nam*
- *Việt Nam, Patrie retrouvée*
- *Từ điển tâm lí*
- *Từ điển xã hội học*
- *Nỗi khổ của con em*
- *Tâm lí gia đình*
- *Tâm lí tiểu học*
- *Từ sinh lí đến dưỡng sinh*
- *Tâm lí trẻ em*
- *Tâm lí đại cương*
- *Tâm bệnh lí trẻ em*
- *Bàn về đạo Nho*
- *Tìm lại Tổ Quốc*

## HUỶNH ÁI TÔNG

- *Việt Nam một thiên lịch sử*
- *Ước mơ và Hoài niệm.*
- *Tâm lý học và đời sống* (viết với Đặng Phương Kiệt, Khoa học xã hội, 1994)

Trích văn:

Lời toà soạn tạp chí *Văn nghệ*: Thời gian vừa qua, không những trong nước, mà kiều bào ở nước ngoài, nhất là giới trí thức, rất chăm chú theo dõi và ủng hộ cuộc đấu tranh chống nhóm phá hoại *Nhân văn-Giai phẩm*. Ngày 22 tháng 6 năm 1958, tại hội quán Liên hiệp Việt kiều ở Pa-ri, bạn Nguyễn Khắc Viện đã trình bày những ý kiến của mình về hoạt động thù địch của bọn *Nhân văn-Giai phẩm*, đồng thời nêu lên nhiệm vụ cấp thiết cải tạo tư tưởng của giới trí thức để phục vụ Tổ quốc và cách mạng xã hội chủ nghĩa

### **Bộ mặt thực của nhóm Nhân văn**

Sách báo đế quốc thường đề cao vai trò của nhóm Petofi, tuyên dương nhóm ấy đã phát cờ khởi nghĩa ở Budapest. Mặt khác lại muốn người ta hiểu rằng nhóm Petofi chỉ là một nhóm văn nghệ sĩ, vô chính trị, chỉ ngâm thơ đòi hỏi chút tự do cho văn chương nghệ thuật mà bị Chính phủ Hung-ga-ri khủng bố.

Đứng xa mà xét, như Việt kiều ở Pháp chẳng hạn, chỉ mang máng nghe tin đồn thổi qua lại, và ngâm thơ mà xét, thì nhóm *Nhân văn* cũng chỉ là một hội tao đàn, cùng nhau tập hợp lại ngâm thơ vịnh nguyệt, đòi hỏi chút không khí tự do cho văn chương nghệ thuật, rồi chỉ vì vậy mà bị Chính phủ miền Bắc và Đảng Lao động khủng bố ghê gớm.

Đọc kỹ báo *Nhân văn* và các tập *Giai phẩm*, ta thấy rõ văn thơ nhóm ấy tung ra không phải ngâm thơ như đôi người tưởng, mà nhằm một mục đích rõ rệt.

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Sau 15 năm chiến tranh, miền Bắc đã xây dựng lại: lần đầu tiên trong lịch sử dân đủ gạo ăn, hơn một triệu con em được cấp sách đi học, những nhà máy từ xưa đến nay chưa từng thấy nhà khói đó đây, 600 cây số xe lửa làm lại trong ba năm, những điều ấy Trần Dần không thấy:

*Tôi bước đi  
Không thấy phố  
Không thấy nhà  
Chỉ thấy mưa sa trên màu cờ đỏ*

Hòa nhịp với tuyên truyền kẻ địch, Trần Dần kêu la, miền Bắc đang quần quai trong cảnh đói rét, đến một con chó cũng không sống nổi:

*Con chó mực nghe mưa là rú  
Nó thiếu ăn. Hay là giết nó ư?  
Nó đỡ khổ? Cả em đỡ khổ.*

Phan Khôi không thấy nhà máy cơ khí Liên Xô mở đầu cho kỹ nghệ kim khí ở Việt Nam, nhà máy xay gạo của Trung Hoa giúp cho dân ta đỡ ngày quay cối, thuyền máy của Đông Đức khởi phát nghề câu máy, nhà máy ép gỗ của Tiệp Khắc dựng bên sông Đuống, và bao nhiêu kỹ sư, thợ chuyên môn các nước bạn đang giúp ta khôi phục hỏa xa, dựng nhà máy, đang huấn luyện cho chuyên viên, tự lập vun trồng lấy nền khoa học kỹ thuật nước nhà. Phan Khôi chỉ biết lặp lại câu của đài phát thanh Sài Gòn: gạo miền Bắc chờ nuôi Trung cộng.

Lẽ tự nhiên Phan Khôi phụ họa tuyên truyền của Diệm, về vấn đề tự do, ví người công dân miền Bắc như con lợn:

*Đánh đùng một cái  
Kêu éc éc ngay*

## HUỶNH ÁI TÔNG

*Bịt mồm bịt miệng  
Trói chân trói tay*

Lúc Chính phủ và Đảng Lao động đang cố gắng sửa chữa sai lầm trong cải cách ruộng đất để ổn định tình hình nông thôn, rồi dần dần giúp cho nông dân tiến lên thành lập tổ đổi công, hợp tác xã, Phan Khôi tung ra:

*Sửa sai sửa lại sửa đi  
Sửa thì cứ sửa, sai thì cứ sai.*

Trong lúc sửa sai, một số người oan uổng được bồi thường, nhưng một số địa chủ cũng ngóc đầu dậy, định nắm thời cơ gây hoang mang trong nông dân, và rối loạn trong làng mạc, Phan Khôi muốn đổ dầu lên lửa.

Trăm tội vì đâu? Vì lãnh đạo, vì những người lãnh tụ không tim, không óc; ừ thì ngày xưa họ cũng có chút công trạng đấy, họ có đánh Tây thật, nhưng ngày nay họ đã thành những bình vôi. Phan Khôi viết: “Cái bình vôi nó sống lâu ngày, lòng nó đặc cứng, miệng nó bịt lại ngòi cú rữ trên tường thành cũng như pho tượng đất hoặc gỗ, không nói năng, không nhúc nhích thì người ta tôn thờ sùng bái mà gọi bằng ông”. Lê Đạt họa thành thơ:

*Những kiếp người sống lâu trăm tuổi  
Y như một cái bình vôi  
Càng sống càng tội  
Càng sống càng bé lại*

Lúc những thợ in sắp chữ thấy những văn thơ như vậy họ phần nộ phản đối, nhiều người không chịu làm việc. Có nhiều người bảo việc thợ in phản đối, chỉ là một mảnh khốe sắp đặt sẵn của Đảng Lao động.

Xin hỏi các bạn: bạn làm thợ in, cố gắng góp phần vào công



## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

việc xây dựng văn hóa, thức khuya dậy sớm làm sao cho số triệu con em cấp sách vào trường đủ sách học, làm sao cho hàng triệu công nông mới tập đọc có sách báo bổ túc văn hóa, bạn có thể bỏ công ra sắp chữ in mấy hàng trên kia không? Thọ in Hà Nội họ không làm đâu. Văn chương của *Nhân văn-Giai phẩm* là một thứ văn chương phá hoại, chửi vào chế độ, chửi vào sự cố gắng của đồng bào. Diệm dùng báo *Nhân văn* trưng bày ở giữa thành phố Sài Gòn, dùng văn thơ ấy đọc lên đài phát thanh, không biết có đánh lừa được ai, chứ những người thọ in, họ không mắc lừa đâu.

Dụng ý của nhóm *Nhân văn* là phá hoại, không một chút liên quan gì với tự do, với văn nghệ cả. Ngay thơ mà xét, có thể làm tưởng trong nhóm chỉ có những nhà thơ, những triết gia mà thôi. Ai cho tiền ra báo in sách? Ai chạy vạy mua chuộc lôi kéo người này người nọ? Trong nhóm có một “văn sĩ” cả Hà Nội đều biết tiếng. Đó là cụ Thụy An, một phóng viên xưa của báo chí thực dân. Thụy An trước kia thường khoe khoang đi lại thân cận với tướng tá của địch, đã từng cưỡi máy bay lên Điện Biên Phủ rồi về viết phóng sự kích thích tinh thần đang suy sụp của những tay sai thực dân. Thụy An là nhân tinh của tên Việt gian Đỗ Đình Đạo, lúc quân Pháp rút lui, Thụy An, muốn tự bào chữa, đã chính tay mình giết Đỗ Đình Đạo. Sau đình chiến, nhờ chính sách khoan hồng của Chính phủ, thực hiện đúng đắn Hiệp định Genève, không trị tội những người theo Pháp, Thụy An đã được ở lại Hà Nội. Cài tay sai lại, cho tiền để phá hoại cách mạng là một hành động thường của đế quốc. Thụy An ở lại Hà Nội tìm liên lạc với những văn nghệ sĩ bất mãn, khi giúp người này chút quà cho vợ con đỡ túng bần, lúc kích người nọ chống lại cơ quan lãnh đạo, dần dần thành lập được nhóm *Nhân văn*.

Nhà xuất bản Minh Đức, cùng một số nhà buôn Hà Nội đóng góp cho sách báo in ra và tổ chức phát hành. Những bữa chiêu đãi cơm nước của cả nhóm, cũng được các nhà buôn Hà Nội

## HUỶNH ÁI TÔNG

cung cấp. Cái ngây thơ của nhóm *Nhân văn* chỉ có bề ngoài thôi.

### **Chiến lược chiến thuật của nhóm Nhân văn**

*Nhân văn* không đại gì chống thẳng chính sách thống nhất bằng phương pháp hòa bình, xây dựng xã hội chủ nghĩa của Chính phủ và Đảng Lao động.

Trương Tửu, chính trị viên của nhóm, thời trước có chân trong nhóm tờ-rốt-skít Hà Nội, cũng không dám hé ra ý phản đối chính sách thống nhất bằng phương pháp hòa bình. Nhưng Trương Tửu, theo đường lối chính sách của tờ-rốt-skít nhằm đánh lạc hướng quần chúng che lấp tội ác của đế quốc, cố làm sao cho quần chúng chỉ thấy một điều: tội lỗi của lãnh đạo. Mâu thuẫn cốt yếu hiện nay không phải là giữa nhân dân Việt Nam và đế quốc Mỹ, không phải giữa một nhóm phong kiến và con buôn tập hợp chung quanh Ngô Đình Diệm và toàn dân Việt Nam đang mong mỗi thống nhất. Mâu thuẫn trong việc kiến thiết miền Bắc không phải là giữa xu hướng của tư sản muốn thành lập chế độ tư bản, và công nông tiến lên xã hội chủ nghĩa. Theo Trương Tửu, mâu thuẫn cốt yếu là giữa nhân dân và lãnh đạo.

Trần Dần diễn ý ấy lên thành thơ:

*Em biết đâu  
Mỹ miếc Ngô nghe gì  
Khổ thân em mưa nắng  
đi về lúi thúi.*

Không phải lần này là lần đầu tiên mà những người tờ-rốt-skít khoác áo cách mạng, để thực sự chĩa mũi nhọn vào lãnh đạo cách mạng. Thời thực dân, họ nhằm phá tan Đảng Cộng sản Đông Dương. Thời chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa mới thành lập, họ la ó lên Chính phủ ấy phản bội dân tộc, thỏa

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

hiệp với Pháp. Nhóm tờ-rốt-skít ở Pháp năm 1946 kêu gọi anh em công binh biểu tình chống Hồ Chủ tịch sang đàm phán ở Pháp. Năm 1953, tờ *Tiếng thợ* cả gan mở cửa cho người viết rằng nhân dân Việt Nam phải chĩa súng bắn vào các nhà lãnh tụ mới hoàn thành được cách mạng, hoàn thành được nhiệm vụ cấp bách của kháng chiến chống lại bọn họ mà họ gọi là quan liêu.

Nước Việt Nam chưa thống nhất, lỗi không phải vì Mỹ-Diệm gì đâu, tại lãnh đạo. Kinh tế ta còn thấp kém, phải cố gắng chịu đựng lâu năm mới xây dựng được đời sống phong phú, cũng vì lãnh đạo. Đế quốc, phong kiến tư bản, trong bất cứ một sách báo gì của tờ-rốt-skít, ta chỉ thấy nói đến vài ba câu làm vì, mũi nhọn của toàn bộ lý luận, bài vở của họ chĩa vào Đảng lãnh đạo, vào những người lãnh đạo. Theo họ, đế quốc sẵn sàng ngoan ngoãn nhượng bộ cho cách mạng tiến tới, phong kiến tư bản trong nước chỉ là những bóng ma không sức lực phá hoại gì, nhân dân chỉ vùng lên hất bỏ máy lãnh đạo, hất cái đảng lãnh đạo công kênh nặng nề kia là nước nhà sẽ thống nhất, xã hội chủ nghĩa sẽ xây dựng trong chốc lát.

Áp dụng lý thuyết cách mạng thường xuyên, Trương Tửu định nghĩa làm cách mạng là thường xuyên chống lại hiện tại, trong lúc hiện tại là nhân dân đang xây dựng chế độ mới, cố sức tiến lên xã hội chủ nghĩa.

Để phụ họa thuyết “lỗi vì lãnh đạo”, Trần Đức Thảo đem phổ biến ý kiến là trong đảng lãnh đạo, ngày nay có hai hạng, hạng người “mềm”, và hạng ương ngạnh, có thể dựa vào mâu thuẫn nội bộ ấy mà làm tan rã lãnh đạo. Rồi Trần Đức Thảo để chứng minh thuyết của mình lượm lặt những báo Pháp, *France-Observateur*, *Express*, *Temps modernes* đem luân chuyển cho người này người nọ xem và học hỏi.

Cũng nhằm mục đích đả kích lãnh đạo ấy, Trần Đức Thảo nêu lên thuyết nhiệm vụ căn bản của cách mạng không phải là tổ

## HUỶNH ÁI TÔNG

chức, nhìn nhận kỷ luật tranh đấu để hủy bỏ chế độ cũ thiết lập xã hội mới, nhiệm vụ căn bản của cách mạng là phát triển tự do cá nhân.

Đả kích lãnh đạo, kích thích lòng dân chống lại lãnh đạo, đánh lạc hướng quần chúng bằng cách đim che những mâu thuẫn cốt yếu, những vấn đề quan trọng, làm cho nhân dân không thấy rõ ai là thù ai là bạn, đó là chiến lược chung của nhóm *Nhân văn*.

Chiến thuật đem áp dụng hàng ngày là nhằm những chỗ yếu trong nhân dân mà hoạt động, và nhân những khó khăn hàng ngày, khơi sâu những xích mích, những mâu thuẫn phụ, nuôi dưỡng tinh thần vô kỷ luật, hần học. Trương Tửu và Trần Đức Thảo lôi kéo sinh viên đại học chống lại chế độ. Không phải ngẫu nhiên mà những kẻ chống cách mạng đều nhắm biển đại học thành một pháo đài của họ, theo chữ của Thảo. Họ cũng kích thích thanh niên, cũng vì thanh niên thường có tính hăng hái, nhưng kinh nghiệm còn ít, dùng thuyết cách mạng giả hiệu mà lừa bịp.

Một giới hạn mà bọn phản cách mạng hay tìm lôi kéo là giới văn nghệ sĩ. Lê Đạt đã thú nhận vì sao anh ta đã chịu cộng tác với một người như Thụy An, mà lúc đầu mới gặp anh ta không khỏi ghê tởm. Thụy An bảo rằng thơ của Lê Đạt nếu dịch ra ngoại văn, thì có kém gì thơ các nhà văn hào nổi tiếng trên thế giới, từ ngày ấy, Lê Đạt đã tha lỗi cho mục gián điệp kia. Kích vào lòng tự cao của một số văn nghệ sĩ, thấy mình có chút tài nghệ, đã tự cho mình có quyền vượt ra ngoài xã hội thường, bọn đầu cơ chính trị kêu gọi cho văn nghệ sĩ chỉ lấy nội tâm của mình làm lãnh đạo, không cần phục vụ một cái gì ngoài văn nghệ hết.

Sau một thời gian đả kích lãnh đạo, và khiêu khích tinh thần vô kỷ luật, đòi hỏi tự do tuyệt đối, bồi dưỡng lòng bất mãn của một số người, lôi kéo một số sinh viên, Trần Đức Thảo chỉ đường cho nhóm, bảo rằng, nay phải vượt qua ngoài phạm vi

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

văn nghệ, tiến lên những hành động thiết thực hơn. Số 6 báo *Nhân văn* định kêu gọi dân chúng biểu tình.

### **Vì nhóm *Nhân văn* tưởng rằng thời cơ đã đến. Thời cơ như thế nào?**

Từ tháng 6-1956, Chính phủ và Đảng Lao động, sau khi kiểm điểm công tác cải cách ruộng đất, nhận thấy có nhiều sai lầm, đã tiến hành việc sửa sai. Trong một thời gian, ở nông thôn, phần thì địa chủ lợi dụng thời cơ nắm cướp lại quyền lợi cũ, phần thì một số nông dân hoang mang, nên Đảng đã phải tập trung lực lượng về nông thôn. Nông thôn sống qua một thời gian căng thẳng. Lúc ấy các thương gia Hà Nội và các thành phố thừa dịp đã phát động một cuộc đầu cơ rộng rãi, tích trữ hàng hóa, làm cho giá hàng lên vùn vụt. Tình hình ở thành phố cũng gay go. Thêm vào đó sau tháng 11-1956, vụ loạn Hung-ga-ri xảy ra. Ngóng theo đài phát thanh của Tây phương, nhiều người tưởng phe xã hội chủ nghĩa đang suy sụp, bị tư bản Âu Mỹ đè bẹp. Nông thôn không ổn định, thành thị rối ren, tình hình quốc tế xem chừng thuận lợi.

Những người cầm đầu nhóm *Nhân văn* tưởng chừng thời cơ đại sự đã đến. Nhưng thực sự họ không thấy rằng quần chúng không ai hưởng ứng những hành động khiêu khích của họ. Họ chỉ quanh quẩn giao thiệp trong một số giới nhà buôn thành thị chống mậu dịch nhà nước, một nhóm văn nghệ sĩ bất mãn, và một ít sinh viên đại dột, họ mù quáng cho rằng những tình ý chống đối chế độ của những nhóm nhỏ ấy phản ánh ý nguyện của quảng đại quần chúng. Quần chúng Việt Nam không đại như họ tưởng. Nông dân Việt Nam không quên rằng nhờ Đảng Lao động mà họ có ruộng cày. Công nhân Việt Nam đã thấy rõ rệt ai giải phóng họ khỏi tay thực dân tàn bạo. Và số đông sinh viên trí thức dù có xuất thân gia đình phong kiến hay tư sản cũng không quên ngày Điện Biên Phủ, cũng đồng tình với mục đích cao cả thực hiện thống nhất, kiến thiết xã hội chủ nghĩa.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Vì vậy mà câu chuyện *Nhân văn* đã không thành “đại sự” như những người cầm đầu của nhóm ấy mơ tưởng. Tờ *Nhân văn* bị cấm. Thụy An, Minh Đức và Nguyễn Hữu Đăng bị bắt. Trương Tửu mất chức giáo sư đại học. Trần Đức Thảo bỏ sang một cơ quan khác trong Bộ Giáo dục.

Chính phủ chỉ lấy pháp luật trừng trị những bọn Thụy An, Minh Đức cố tâm mưu mô phá hoại. Đối với những văn nghệ sĩ, trí thức, dù có những hành vi khiêu khích đi nữa, cũng không buộc tội gì. Nhưng những người văn nghệ sĩ, trí thức chủ chốt trong nhóm *Nhân văn* đã bị cảnh báo phê bình nặng trước dư luận.

### **Vấn đề tư tưởng**

Thái độ không trừng trị, nhưng phê bình nặng có nhiều lý do. Lúc đã loại những phần tử tay sai của địch ra rồi, có thể bảo trong những người trí thức đã lầm lỗi, dù có đi xa đến đâu, vẫn có thể kêu gọi lại được lòng yêu nước, tinh thần trách nhiệm đối với nhân dân của họ. Đây là một vấn đề giáo dục hơn là trị tội. Phê bình nghiêm khắc tức đánh thức tỉnh họ, và ngăn cản họ không rơi vào hố phản bội. Phê bình một số cá nhân trước quần chúng cũng không phải cố tình mật sát cá nhân của họ, mà mục đích là giáo dục số đông. Giáo dục cho quần chúng đông đảo không mắc vào những tư tưởng nguy hại mà những ông văn sĩ thực sĩ đã tung ra. Giáo dục cho đa số trí thức đang dày công tìm đường lối tư tưởng để phục vụ cách mạng, nhận rõ thêm nhiệm vụ của mình.

Vì rằng nhóm *Nhân văn*, muốn phá hoại chế độ cũ, đã dựa vào một số tư tưởng còn rơi rớt trong tâm trí nhiều người. Nhiều người, một mặt vì muốn tham gia cách mạng, giúp nước giúp dân, mặt khác, lại bị những tư tưởng thời xưa vương vίου, ngăn cản bước đường tiến bộ.

## HAI MUỠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Sau lúc giải phóng, nước ta ở miền Bắc thoát khỏi lệ thuộc ngoại bang. Cải cách ruộng đất lại mở thêm thị trường quốc gia, đem lại cho các công thương các thành thị hàng triệu khách hàng mới. Kinh tế miền Bắc có thể tiến lên hai ngả, hoặc tiến thành tư bản, hoặc thiết lập xã hội chủ nghĩa.

Đòi hỏi căn bản của tư sản thành thị là tự do. Thả cho mỗi người kinh doanh, mạnh ai nấy làm, lời lãi không ai kiểm soát, buôn gì, chế biến gì cũng được, vốn có sức, có mưu có chước thì làm giàu đến mức nào cũng được, đó là yêu sách thiết thân của tư sản. Mỗi cá nhân có quyền nắm lấy bao nhiêu tài sản cũng được, không thể giới hạn. Chủ nghĩa tự do đi đôi với chủ nghĩa cá nhân. Tất cả lịch sử phát triển kinh tế tư sản dựa trên tự do chủ nghĩa và cá nhân chủ nghĩa.

Trong giai đoạn chớm nở, tư sản dùng hai vũ khí đó đánh vào những tổ chức của chế độ phong kiến. Lúc đánh đổ phong kiến rồi, chủ nghĩa tự do và chủ nghĩa cá nhân lại dùng để ngăn cản thợ thuyền tổ chức đòi hỏi quyền lợi và tiến hành cuộc cách mạng của giai cấp mình. Xin phép nhắc lại, tư sản Pháp, ngay sau khi đánh đổ phong kiến trong năm 1791, mượn cớ bảo vệ tự do, đã ra đạo luật Le Chapelier, cấm những người làm trong nhiều ngành lập hội để bảo vệ quyền lợi chung. Công nông muốn cướp chính quyền lại trong tay kẻ thống trị, muốn xây dựng một xã hội công bằng, không thể noi theo tư tưởng tự do chủ nghĩa, mạnh ai nấy làm, tư tưởng cá nhân, mỗi người có quyền lấn áp lên quyền lợi của kẻ khác, nếu đủ tinh khôn xảo quyệt. Tinh thần tập thể, tôn trọng tổ chức kỷ luật, có lãnh đạo hướng dẫn làm tư tưởng của công nông muốn tiến lên chủ nghĩa xã hội. Đấu tranh kinh tế chính trị đi song song với đấu tranh tư tưởng. Nuôi dưỡng chủ nghĩa tự do, vô trách nhiệm, đòi hỏi cho cá nhân quyền tuyệt đối, tức đi ngược lại quyền lợi của công nông.

Trong toàn bộ kinh tế miền Bắc hiện nay, những xí nghiệp lớn

## HUỶNH ÁI TÔNG

như mỏ, nhà máy, công trường lớn, có tính cách xã hội chủ nghĩa, chiếm phần rất ít. Đại bộ phận kinh tế của ta còn là sản xuất cá thể. Sản xuất cá thể, như nước chảy xuôi dòng, nếu để nó tự phát tất hướng về tư bản. Một người buôn nhỏ muốn làm lời nhiều thành nhà đại thương; anh nông dân muốn dần dần có thêm ruộng thêm đất. Trong hoàn cảnh ấy, muốn cho những bộ phận nhỏ xã hội chủ nghĩa, lôi kéo được toàn bộ kinh tế lên một trình độ tổ chức công cộng hoàn hảo, phải luôn luôn cố gắng trong một thời gian khá lâu. Kinh tế của ta tiến lên chủ nghĩa xã hội như một chiếc xe nặng lên dốc cao, hễ sơ ý chốc lát là xe lại tuột xuống dốc. Sao chẳng tổ chức, sơ hở kỷ luật chút nào là mở đường cho tư bản tiến lên chút ấy. Thật là một cuộc chạy đua. Câu hỏi, ai thắng ai, tư bản sẽ thắng, hay chủ nghĩa xã hội, đặt ra hàng ngày.

Thắng hay bại ở trong tay quảng đại quần chúng công nông. Quần chúng công nông thả lỏng bỏ xuôi, phó mặc cho mạnh ai nấy làm, thì tư bản sẽ thắng. Quần chúng công nông tăng cường ý thức tổ chức tập thể, vươn lên được thành giai cấp thống trị, diệt trừ được những tư tưởng cam phận thời phong kiến, tư tưởng vô chính phủ của tiểu tư sản, tất nhiên chủ nghĩa xã hội sẽ thắng.

Vấn đề tư tưởng vô cùng quan trọng. Đấu tranh tư tưởng là một cuộc đấu tranh hàng ngày. Nhiều nông dân còn sợ động long mạch, còn cầu mưa lúc gặp hạn. Nhiều nông dân vào hợp tác xã rồi còn lại ra, mấy lần như vậy, chỉ vì cứ cân đi nhắc lại lời lẽ. Công nhân của ta phần lớn cũng ở nông thôn mới ra còn mang nặng nhiều lối suy nghĩ của dân quê. Nước còn nghèo, kỹ thuật còn non kém, đa số nhân dân mới thoát vòng phong kiến ba bốn năm nay, trong hoàn cảnh ấy kiến thiết chủ nghĩa xã hội không những đòi hỏi phải cố gắng, mà còn đòi hỏi một sự lãnh đạo chặt chẽ từng bước một, ở từng cơ sở một. Lãnh đạo đây không phải chỉ vạch ra một đường lối chung, mà còn phải giúp quần chúng thực hiện từng bộ phận từng chi tiết. Đảng Lao động là cơ quan lãnh đạo ấy.



## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Ta không lạ gì lúc thấy nhân dân đông đảo được Đảng dìu dắt huấn luyện từng bước như vậy đưa trình độ từ người nô lệ xưa lên thành một chiến sĩ cách mạng, đã tỏ lòng mang ơn sâu sắc đối với Đảng. Trái lại, trong xã hội Việt Nam ngày nay ai muốn phá hoại, ai muốn mở đường cho tư bản, ai trốn thuế, chống mậu dịch, ngăn cản phong trào hợp tác trong nông thôn, nhằm lợi riêng cho cá nhân mình hơn là lợi ích chung đều vấp phải trở lực của Đảng Lao động. Đả kích Đảng, đả kích sự lãnh đạo của Đảng đối với quần chúng là mục đích cứu cánh của tất cả bọn phản cách mạng. Cách mạng quần chúng đối với bọn phản cách mạng, như một con rắn phải đập vào đầu, và chỉ có đập vào đầu mới trừ được.

Trong công cuộc kiến thiết chủ nghĩa xã hội, Đảng Lao động không thể bỏ lơ vấn đề giáo dục tư tưởng cho quần chúng, không thể phó mặc cho ai, khoán trắng việc ấy cho ai cả. Hàng triệu công nhân, nông dân, thành thị mới biết đọc, đang tìm sách báo học hỏi, thơ ca để ngâm nga, tìm xem phim, kịch tranh ảnh. Thả tự do cho mạnh ai nấy làm, tức là một mặt bỏ lỏng cho bọn con buôn làm giàu, mặt khác để cho họ đầu độc nhân dân với những tư tưởng uơu hèn. Tư sản nhất định sẽ nắm lấy tự do ấy lợi dụng lung lạc tinh thần của công nông, ngăn cản công nông tiến lên. Đảng của công nông không đứng ngoài cuộc xây dựng đấu tranh trong văn nghệ, khoa học triết lý. Tư tưởng dành riêng văn nghệ, triết lý, khoa học cho những người trong nghề không thể thành tư tưởng của giai cấp công nhân đang tiến lên đảm nhận lấy nhiệm vụ lịch sử của mình.

### **Trí thức và cách mạng**

Nước nhà đang xây dựng kinh tế văn hóa mới, công nông đang cố gắng thiết lập một xã hội phù hợp với quyền lợi của giai cấp, rất cần khoa học, kỹ thuật, văn chương, nghệ thuật. Công nông, Đảng Lao động rất kính chuộng trí thức. Biết bao nhà khoa học, kỹ sư, bác sĩ, giáo sư, chuyên viên trong cuộc cách

## HUỖNH ÁI TÔNG

mạng của dân tộc đã được nhân dân trọng vọng, và đang giữ những cương vị then chốt trong công cuộc xây dựng nước nhà. Riêng về Việt kiều ở Pháp, chúng ta cũng có thể tự hào, đã có nhiều bạn, học xong ở Pháp, đã ra về đảm nhận nhiều trọng trách trong nước. Nhân dân lao động xem các nhà trí thức như những bạn quý.

Nhưng trong lúc chủ trương trọng dụng, đoàn kết rộng rãi với trí thức, Đảng Lao động cũng không bao giờ vì nể nang, mà không nói thật nói thẳng với trí thức vạch rõ những tư tưởng lỗi thời còn ăn sâu trong tâm trí một số người. Trí thức có thể giữ một vai trò quan trọng trong cách mạng với điều kiện là định rõ lập trường của mình. Xã hội ta ngày nay đặt rõ câu hỏi: ai thắng ai? Nhân dân Việt Nam hay đế quốc Mỹ? Tư bản hay chủ nghĩa xã hội chủ nghĩa? Trí thức Việt Nam cũng phải dứt khoát đứng vào phe nào. Trí thức thường xuất thân các tầng lớp trên, thường dễ mắc vào tư tưởng muốn vừa lòng cả đôi bên, muốn vị nể cả cây rau cải cả con dê đang rắp tâm ăn cây cải. Không muốn làm mất lòng bên nào cả, trí thức thường làm trở ngại những cải cách cần cho đời sống của nhân dân lao động, và nhất là rất dễ mất cảnh giác, không thấy mưu mô của địch phá hoại. Họ nhiều lúc không phân biệt nổi những người thành thật còn thắc mắc, hoặc thành thật phê bình với bọn phá hoại cố tâm khiêu khích, lợi dụng phê bình để đả kích vào cách mạng, để chia rẽ nhân tâm.

Tội lỗi của nhóm *Nhân văn* phóng đại ra những xu hướng tư tưởng mà mỗi chúng ta, không nhiều thì ít, đều có. Vì những xu hướng ấy do địa vị xã hội và phương pháp tư tưởng của trí thức trong chế độ cũ gây nên; có trải qua một quá trình đấu tranh lâu dài, có chịu khó chân thành tự chữa lấy mình mới dần dần tự gột bỏ được.

Thời cuộc sôi nổi, ai lại không muốn tham gia góp phần vào cuộc cải tạo lớn lao của đất nước. Nhưng muốn “trị quốc” mà không muốn “tu thân” là một lỗi suy nghĩ rất thông thường.

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Nhìn vào đời, nhìn vào xã hội thấy rất nhiều việc cần thay đổi, mà nhìn vào mình thì không thấy cần cải tạo mấy may nào. Nhiều người cứ điềm nhiên cho toàn bộ học vấn tư tưởng mình đã thu nhập trong xã hội cũ vẫn trọn vẹn giữ nguyên giá trị, và nghĩ rằng có thể biến cải xã hội tùy theo những tư tưởng ấy. Ai nói đến việc cải tạo tư tưởng thì khinh bỉ bảo là tầy rửa óc não. Làm quân sự cho cách mạng, thì rất sẵn sàng, nhưng đến lúc phong trào cách mạng yêu cầu sửa chữa bản thân mình thì vùng vằng không chịu.

Đề cao vai trò của mình, đề cao cá nhân của mình nhiều lúc đưa đến chỗ mù quáng. Được tán ngợi về thơ văn, Lê Đạt quên bằng rằng mẹ Thụy An là gián điệp của địch. Được tâng bốc là người kế nghiệp của Các Mác, Trần Đức Thảo tự cho mình là nhà triết lý độc nhất của Việt Nam, và mơ tưởng một cuộc cách mạng thứ hai, trong đó Thảo sẽ là người dẫn đường chỉ lối. Mỗi cá nhân đề cao chủ quan của mình làm quy luật cho cách mạng thực sự đang tiến diễn trước mắt, để học tập trong cuộc cách mạng ấy, họ đem một số ý tưởng chủ quan làm cân thước đo lường thời cuộc. Lúc thời cuộc không phù hợp với chủ quan nữa, lúc cách mạng đòi hỏi chịu đựng, hy sinh lòng tự ái, những lúc cách mạng vấp nhiều trở lực, là những lúc mà một số người chỉ thấy vai trò của mình, công lao của mình, không thấy vai trò của quần chúng, công lao của toàn thể Đảng lãnh đạo. Tâm trạng ấy đã diễn ra sau khi Đại hội thứ XX của Đảng Cộng sản Liên Xô nêu ra chống tệ sùng bái cá nhân, sau khi Đảng Lao động Việt Nam đưa ra chính sách sửa sai; những biến cố ở Budapest đã đưa xu hướng ấy lên đến cực độ.

Những lúc ấy, một số người không có kiên nhẫn, không chịu ở lại cùng anh em trong phong trào cách mạng, thành thật nhận xét sai lầm, khẩn trương sửa chữa; trái lại họ ruồng bỏ phong trào cách mạng, vội vàng nhảy ra ngoài, như người rơi vào thùng vôi, để tuyên dương công trạng riêng của mình, xét lại đến cả gốc rễ của cách mạng.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Công việc làm của các văn nghệ sĩ, triết gia dễ chìm họ vào trong tâm trạng chủ quan. Văn nghệ sĩ, triết gia lấy đề tài, ý hướng trong đời, nhưng đến lúc sáng tác, bao nhiêu tài liệu ấy thông qua cảm tính riêng, thật chỉ một mình mình biết, một mình mình hay. Thắng trận là công lao của tập thể quân đội, nhưng một bài thơ hay, một bức tranh tả chiến thắng, văn nghệ sĩ có cảm tưởng như riêng mình đã từ hư vô khai thác tất cả cái hay cái đẹp ấy. Lúc thành công thì cho rằng riêng mình đã “độc đáo”, đạt đến mức cao vợi phủ nhận sự đóng góp của đoàn thể đã cống hiến đề tài, của lãnh đạo của hướng dẫn cho nghệ sĩ gần gũi thêm quần chúng, đi sâu vào cuộc đời trăm đường nghìn mối. Lúc thất bại, đổ lỗi cho quần chúng, cho lãnh đạo đã ràng buộc thiên tài của mình, chèn ép sức sáng tạo của mình.

Giáo dục của xã hội nuôi dưỡng trong lòng trí thức cái thói tự cao tự đại. Văn thơ của nhóm *Nhân văn* đều toát một chữ “Tôi” ráo riết. Họ viết rằng, văn nghệ sĩ là “luơng tâm của thời đại”.

*Tôi muốn Đảng gọi tôi đến nơi  
Hội ý về cuộc sống  
Điều động tôi vào bộ tâm hồn quần chúng  
Giúp trung ương xây dựng những con người*  
(Lê Đạt)

*Tôi có thể mắc nhiều tội lỗi  
Chẳng bao giờ quá ngu si mắc lỗi; nằm ì.  
Tôi có thể mắc thây ngàn tiếng chửi tục tằn  
Trừ tiếng chửi: sống không sáng tạo.*  
(Trần Dần)

*Đường mật công danh không làm ngọt lưỡi tôi  
Sét nổ trên đầu không xô tôi ngã*  
(Phùng Quán)

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Kháng chiến mới đây, chung quanh các nhà văn nghệ sĩ, biết bao con người mới đang hiện lên, toàn thể nhân dân đang tiến lên, đang sáng tạo, bao nhiêu chiến sĩ cán bộ đã không thêm danh lợi, không sợ súng đạn, việc gì phải hô hào lớn tiếng.

Cách mạng do hàng triệu người thực hiện trong một quá trình đấu tranh gian khổ, lâu dài. Bao nhiêu lý thuyết, bao nhiêu ý niệm hay đẹp đều phải xuất phát từ thực tế ấy. Tâm chí riêng, chủ quan của một người dù giỏi đến đâu cũng không thể bao quát hết cuộc tiến triển lịch sử. Muốn suy nghĩ, muốn sáng tác nhiệm vụ đầu tiên của trí thức không phải là đóng cửa phòng lại bóp trán rút từ trong nội tâm của mình tài chí hướng.

Tham gia cách mạng, và hơn nữa học tập được tinh thần chỉ hướng mới của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động là nhiệm vụ trước mắt của trí thức, một nhiệm vụ rất khó thực hiện. Vì hàng nghìn năm, xã hội cũ đã đem đời lập lao động chân tay với nghề nghiên bút. Trong những ngày kháng chiến, các văn nghệ sĩ lẫn lộn trong nhân dân, đã bắt đầu tự cải tạo, gần gũi với nhân dân lao động. Đình chiến, trở về Hà Nội, một số lại dần sống tách rời nhân dân lao động, chỉ quanh quẩn với sách vở, giao du trong giới trí thức hoặc tư sản với nhau. Một số, nhờ chút tài năng, lãnh tiền nhuận bút khá hậu, bị lối sống xa hoa ở thành thị cám dỗ. Họ quay lại với “đời nghệ sĩ” ngày xưa, ngựa quen đường cũ, nếm lại mùi rượu chè, thuốc phiện ngày trước. Lúc Đảng bảo trở về nông thôn, đi các hầm mỏ, ra tát nước chống hạn, đắp đê cùng anh em lao động, họ không muốn nữa. Trong đám văn nghệ sĩ ấy, Thụy An, Minh Đức đã dễ dàng tuyên dụng người để thực hiện âm mưu.

Ngay những người không mắc vào cám dỗ của đời nghệ sĩ lối xưa cũng khó chuyển tâm hồn mình thông cảm với nhân dân lao động. Trong những ngày chiến tranh rầm rộ, việc thông cảm với tâm hồn đại chúng dễ dàng hơn. Nhưng đến ngày kiến thiết trong hòa bình, đòi hỏi những cố gắng vun vạt trong bóng tối, một số trí thức hết thông cảm, hếtathy công cuộc vĩ đại,

## HUỶNH ÁI TÔNG

nhưng không rầm rộ của hàng triệu người, đang xây dựng, tựa hồ cả một tổ kiến lớn. Trần Dân, giữa quang cảnh xây dựng ấy, đi qua không thấy phố không thấy nhà. Rồi quay về với những tâm trạng thời xưa. Người lao động có ý thức ghét cay ghét đắng thời phong kiến thực dân, và muốn dứt bỏ hết liên hệ với thời ấy. Văn nghệ sĩ, trí thức cũng không yêu chuộng gì phong kiến thực dân. Thời ấy họ cảm thấy cô đơn lạnh lẽo. Nhưng họ không khỏi mến chuộng, quyến luyến tâm trạng ấy, vì thời thực dân, những tác phẩm toát ra niềm cô đơn ấy, biểu dương giá trị “độc đáo” của con người đa tình đa cảm.

Có người bị giáo dục cũ ảnh hưởng đến nỗi không thông cảm được chút nào với nguyện vọng tình cảm, hào hứng của nhân dân lao động. Trần Đức Thảo thú nhận rằng, ngay thời kháng chiến, ở Pháp ra về với một tâm trạng rất bi đát. Ở lại Pháp thì cũng không thấy triết lý của mình đưa đến đâu, nhưng về theo nhân dân đi kháng chiến cũng tựa hồ đi vào sa mạc. Trần Đức Thảo ra về để thoát cảnh bế tắc ở Pháp, còn về để làm gì, cũng không thấy ra. Đáng thương thay cho những con người bị xã hội cũ nhồi luyện đến nỗi, khô héo hết tâm hồn, không thông cảm nỗi với nhiệt tình của cả một dân tộc đang lặn mình vào kháng chiến! Thời kháng chiến còn vậy, không trách rằng đến lúc kiến thiết, trong cuộc đời hàng ngày, những người ấy không nhận ra con đường cách mạng chân thực, rồi dẫn mình những mơ tưởng phiêu lưu. Giữa cuộc cách mạng sôi nổi họ chỉ thấy một chữ “Tôi” to tướng.

Chỉ thấy cá nhân của mình, đòi hỏi tự do tuyệt đối, không thông cảm nỗi nguyện vọng chí hướng của nhân dân lao động, không nhận thấy mình có trách nhiệm gì đối với quần chúng, không nhận cần thiết cải tạo tư tưởng, không nhận cần thiết có lãnh đạo, bao nhiêu khía cạnh ấy thực ra cũng chỉ một nguồn gốc.

Bọn phản cách mạng thường đem “con người” ra để che lấp mục đích của họ là bảo vệ quyền lợi của giai cấp cá nhân của

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

mình. Các nhà cách mạng thường vạch rõ quyền lợi giai cấp, đường lối chính trị để cho quần chúng không lầm đường. Nhưng không phải vì thế mà không quan tâm đến con người. Không có trường học nào, giáo hội nào đào tạo con người mới bằng phong trào cách mạng ngày nay. Con người mới không phải là ông quân tử, làm cha mẹ dân, không phải là người anh hùng siêu quần bạt chúng nữa. Cách mạng xã hội chủ nghĩa ngày nay nhằm đào tạo cho toàn thể nhân dân lao động thành những con người sống với quần chúng, học tập ở quần chúng. Chủ nghĩa nhân đạo ngày nay không thể tách rời lao động, tách rời cách mạng tiến lên xã hội chủ nghĩa. Có tài giỏi đến đâu mà tự mình xa rời cách mạng, chóng chầy cũng khô héo đi như hoa lia cành. Trái lại thành khẩn mà gia nhập hàng ngũ cách mạng, sẽ mở rộng con đường nhân đạo chủ nghĩa, nhân văn chân chính cho mỗi người.

(Nguồn: Tạp chí *Văn nghệ*, số 16, tháng 9, năm 1958)

Trích thơ:

### **Khai bút Xuân Bính Tý (1986)**

*Bà là bà Nhất  
Chị là chị Hai  
Dâu là dâu cả  
Tuổi Trâu tích cực  
70 không già  
Hai vai gánh vác  
Việc nước việc nhà  
Việc dòng việc họ  
Chuyện phố chuyện phường  
Thêm một ông chồng  
Kiệt sức hết hơi  
Vẫn lắm trò chơi  
Sách sách vở vở  
Hết văn lại võ*

## HUỶNH ÁI TÔNG

*Khách khứa sớm chiều  
Chỉ được một điều  
Trái bao năm qua  
Từ nơi đất khách  
Về đến quê nhà  
Khi gần khi xa  
Ngày sướng ngày khổ  
Tơ lòng gắn bó  
Không bao giờ dứt  
Trước sau như một  
Coi bà là Nhất!”.*

*Nguyễn Khắc Viện là một nhà khoa học, một người yêu nước, hoạt động chánh trị, cũng như triết gia Trần Đức Thảo cả hai đều yêu nước, yêu một người phụ nữ, nhưng mỗi người lại có chánh kiến khác nhau, trở nên đối nghịch. Kể ở Paris, người ở Hà Nội, kẻ được, người mất, ranh giới chỉ như “Sợi tóc” của Thạch Lam, oan trái cả một kiếp con người.*

Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Khắc Viện Web: [vi.wikipedia.org](http://vi.wikipedia.org)
- Nguyễn Khắc viện Web: [phunutoday.vn](http://phunutoday.vn)



**6) Hoàng Xuân Nhị**



**Hoàng Xuân Nhị (1914-1990)**

Hoàng Xuân Nhị sinh năm 1914, quê ở làng Yên Hồ, huyện La Sơn, phủ Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh.

Ông sinh ra trong một gia đình Nho học và mồ côi mẹ từ nhỏ. Thiếu thời, ông học ở Vinh, Nghệ An, lấy bằng thành chung ở Huế, rồi ra học ở khoa luật, trường đại học Hà Nội.

Năm 1934, Hoàng Xuân Nhị thi đỗ tú tài toàn phần và năm 1935, ông sang du học tại Trường Đại học Sorbonne (Pháp).

Năm 1937, Hoàng Xuân Nhị đỗ cử nhân triết học toàn phần. Năm 1938, ông đỗ cao học. Năm 1945, ông được bầu vào ban Việt kiều yêu nước tại Pháp.

Năm 1946, Hoàng Xuân Nhị hồi hương, trở về hoạt động tại chiến trường Nam Bộ và được cử làm ủy viên Ủy Ban Kháng chiến - Hành chính Nam Bộ, phụ trách công tác văn học và giáo dục.

Năm 1947, Hoàng Xuân Nhị được Ủy ban kháng chiến hành chính Nam bộ giao phụ trách tờ *La Voix Du Maquis* (Tiếng nói kháng chiến), là tờ báo ngoại ngữ đầu tiên ở chiến khu cách mạng. Cùng với tờ *La Voix Du Maquis*, công tác dịch vận của chính phủ kháng chiến khiến binh lính Âu, Phi trong quân đội

## HUỶNH ÁI TÔNG

Pháp bỏ hàng ngũ quân đội Pháp vào chiến khu theo kháng chiến ngày càng nhiều. Do giỏi tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Đức, tiếng Nga, Hoàng Xuân Nhị được ủy ban giao làm nhiệm vụ chính trị viên của binh đoàn quốc tế gồm các binh sĩ rời bỏ hàng ngũ của Pháp.

Cũng năm 1947, chính phủ kháng chiến bổ nhiệm Hoàng Xuân Nhị làm giám đốc Viện văn hóa kháng chiến. Khi ngành văn hóa thống nhất với ngành giáo dục, Hoàng Xuân Nhị được bổ nhiệm làm giám đốc nha giáo dục Nam bộ. Ông còn được cử làm ủy viên ủy ban kháng chiến hành chính Nam bộ và tham gia ban chấp hành Đảng cộng sản khu ủy khu 9.

Năm 1949, Hoàng Xuân Nhị tham gia mở lớp sư phạm đặc biệt mang tên Phan Chu Trinh đào tạo văn hóa cho lực lượng kháng chiến.

Sau Hiệp định Genève, Hoàng Xuân Nhị tập kết ra Bắc, làm giáo sư tại trường Đại học Sư phạm, Đại học Tổng hợp Hà Nội từ 1956 đến 1982. Ông từng giữ chức chủ nhiệm khoa Ngữ văn tại trường này và là Ủy viên ban chấp hành Hội Văn nghệ Việt Nam.

Hoàng Xuân Nhị qua đời năm 1990, thọ 76 tuổi.

Tác phẩm:

- *Palaintes d'une Chinh-phou* (Chinh phụ ngâm, Paris, 1938)
- *Les Cahies intimes de Heou Tam* (Paris, 1938)
- *Thúy Kiều* (kịch nói dựa theo Truyện Kiều, Paris, 1942)
- *Sinle, một nhà thơ vĩ đại của nhân dân Đức và của nhân loại* (nghiên cứu, 1955)
- *Dưới đất* (kịch của Goócki, 1960)
- *M.Goócki, đời sống và sự nghiệp sáng tác* (nghiên cứu, 1961)

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

- *Lịch sử văn học Nga* (5 tập, 1957-1962)
- *Nguyên lý mỹ học Mác-Lênin* (4 tập, 1963)
- *Những phạm trù mỹ học cơ bản* (1974)
- *Tìm hiểu thơ Hồ Chủ tịch* (nghiên cứu, 1975, 1976)
- *Tìm hiểu đường lối văn nghệ của Đảng* (nghiên cứu, 1975)
- *Chủ nghĩa xét lại hiện đại trong văn học nghệ thuật ở một số nước* (nghiên cứu, 1976)

Trích văn:

### **Về bài báo của Lê-nin năm 1905, vạch rõ nguyên lý của nền văn học có Đảng tính**

Tôi đã có viết bài: “Chủ nghĩa nhân văn của chúng ta”, đăng vào báo *Nhân dân* ngày 16 và 17-10-1956. Trong bài ấy có trích dịch một đoạn bài nghị luận của Lê-nin: “Tổ chức Đảng và văn học có Đảng tính”, đăng ở báo *Đời mới*, tháng 11-1905. Sau đoạn ấy, tôi đã viết: “Văn nghệ hoặc chuyên môn theo chủ nghĩa nhân văn xã hội chủ nghĩa công nhận sự lãnh đạo của Đảng không những về chủ trương đường lối, mà cả về *tổ chức* nữa.”

Báo *Nhân văn* số 4 (bài của ông Bùi Quang Đoài) và *Giai phẩm mùa Đông* số 1 (bài của ông Trương Tửu) đã kịch liệt chống lại kết luận ấy của tôi.

Cả hai ông đều dựa vào quyển sách mới qua gần đây của Boris Mei-lakh dịch qua Pháp văn: *Lê-nin và các vấn đề của văn học Nga* (Pa-ri, Nhà xuất bản Xã hội 1956). Ông Trương Tửu trích một đoạn ở trang 129 của quyển sách này, mà ông dịch như sau:

"Bài báo của Lê-nin chuyên bàn về hai vấn đề: 1) vấn đề văn học của Đảng (*littérature du Parti*) nghĩa là văn học có mục đích tuyên truyền những nguyên lý tư tưởng và tổ chức của

## HUỶNH ÁI TÔNG

Đảng Bôn-sê-vích; và 2) vấn đề Đảng tính của văn học nói chung theo ý nghĩa thật rộng của danh từ này".

Tôi không vạch ra đây đôi ba điểm ông Trương Tửu dịch không đúng nguyên văn (ví dụ như "Đảng tính của văn học" phải sửa lại là "Đảng tính trong sáng tác văn học" mới đúng). Tôi thấy cần nhấn mạnh vào một sai lầm lớn rất tai hại của ông Trương Tửu, vì ông cũng như ông Bùi Quang Đoài, trước ông, đã dịch *littérature du Parti* là *văn học của Đảng*. Chính đây là đầu giây mối nhợ của lập luận về sau, rất chủ quan của ông. Chữ *littérature* trong tiếng Pháp (cũng như trong nhiều tiếng Âu châu khác) có khá nhiều nghĩa. Nó có nghĩa là *văn học*, đúng với nội dung của danh từ "văn học" trong Việt ngữ, mà chúng ta thường quan niệm, bao gồm tất cả các tác phẩm nghệ thuật được sáng tác ra bằng văn xuôi, thi ca. Chữ ấy còn có nghĩa là *tất cả những gì được viết ra thành văn*, về một vấn đề nhất định, hoặc ở một địa hạt nhất định (nghĩa này mới xuất hiện trong Pháp ngữ từ đầu thế kỷ 20, do ảnh hưởng của chữ Đức: *littératur*)... Danh từ *littératur du Parti* không thể dịch là "văn học của Đảng" được, phải dịch là "*báo chí, tài liệu, văn kiện của Đảng*" cốt nhằm giáo dục, động viên nội bộ các Đảng viên, mới đúng. Cũng như *littératur scientifique, littératur technique* chẳng hạn, không thể dịch là "văn học khoa học", "văn học kỹ thuật" được, nhưng tất nhiên phải dịch là *các sách, các báo, tài liệu về khoa học, về kỹ thuật*... Bây giờ ta lấy óc xét đoán, lương tri cách mạng mà suy nghĩ xem: đương nhiên cầm bút viết "văn học của Đảng" có quái gở không? "Văn học" trong Việt ngữ của chúng ta chỉ có nghĩa này thôi: việc sáng tác văn học, sự nghiệp sáng tác văn học, vốn văn học của một hoặc nhiều nước, của một hoặc nhiều thời đại. Vậy nói "văn học của Đảng" tức khẳng định rằng có một sự nghiệp, một vốn liếng sáng tác văn học gì riêng biệt của Đảng, khác với trào lưu văn nghệ tiến bộ, tiền tiến chung. Đúng về lập trường chủ nghĩa Mác – Lê-nin, dứt khoát là không thể nói: "văn học của Đảng", cũng như không thể nói "cách mạng của Đảng" được. Cuộc vận động văn học, văn nghệ cũng như cuộc vận động

## HAI MUỠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

cách mạng, dưới sự lãnh đạo của Đảng, luôn luôn chủ yếu chỉ là một *công tác mặt trận* thôi, không thể nào khác được. Đảng tập hợp các văn nghệ sĩ Đảng viên cũng như chưa hoặc không Đảng viên lại dưới lá cờ tiên phong của Đảng, để cùng nhau vận dụng, phát huy cái vốn văn học từ xưa tới giờ của nhân dân, và xây đắp nên văn học cao độ nhất, phong phú nhất, rạng rỡ nhất. Đảng không đứng ra đơn độc làm văn học, cũng như không bao giờ đơn độc làm cách mạng. Bất cứ một người mác-xít nào chân chính cũng nhận định như vậy. Tuyệt đối không có một nền văn học riêng biệt của Đảng tách rời khỏi sự nghiệp văn học chung của nhân dân, của dân tộc. Đọc ngoại ngữ thiếu thận trọng, phiên dịch thiếu cân nhắc, tự nhiên vô cớ dựng lên danh từ "văn học của Đảng", ông Trương Tửu đã tạo nên một khái niệm siêu hình, một quái vật về mặt tư tưởng. "Văn học của Đảng" không khỏi gieo rắc một mối hoài nghi, hoang mang nơi một số người đọc. Họ không phân tích gì sâu xa, họ tự đặt câu hỏi: có văn học của các văn nghệ sĩ, và có văn học của Đảng hay sao? Có văn học của văn nghệ sĩ Đảng viên và có văn học của văn nghệ sĩ không Đảng viên hay sao? Hai thứ văn học này gắn bó với nhau như thế nào, đối chọi nhau như thế nào? Một số người đã khẳng định rằng có văn học của Đảng, có văn học không phải của Đảng và có sự phân chia giữa hai thứ văn học này. Cụ thể ở Trường Đại học ta hiện nay, do nơi lối dịch thuật của ông Trương Tửu, danh từ "văn học của Đảng" đã nhập vào ít nhiều, thành một khái niệm thật sự. Tai hại lắm! Vì Đảng của giai cấp công nhân, theo chủ nghĩa Mác - Lê-nin, không hề bao giờ chủ trương có văn học riêng của mình. Khái niệm "văn học của Đảng" trái ngược với chủ trương đường lối của Đảng về văn nghệ, về văn học, nhằm phục vụ sự nghiệp đấu tranh cách mạng giải phóng dân tộc và nhân loại, phục vụ công nông binh. Nó cũng trái ngược với chính sách của Đảng, đại đoàn kết các nhà văn yêu nước, trên cơ sở chính cương của Mặt trận Tổ quốc, để xây dựng nền văn học dân tộc, với nội dung dân chủ nhân dân, xã hội chủ nghĩa.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Trở lại đoạn trên của Mei-lakh, và dịch lại cho chính xác, thì phân chia một bên *các báo chí, văn kiện* của Đảng và một bên *cả nền văn học chung*, xây dựng trên nguyên tắc đảng tính, là rõ như ban ngày thôi, và cái khác nhau giữa nhà văn Đảng viên và nhà văn không Đảng viên là như sau: nhà văn Đảng viên viết trong báo chí nội bộ của Đảng, dưới sự hướng dẫn của tổ chức Đảng, và khi đăng bài, xuất bản ở những cơ quan công khai của Đảng thời ấy, hoặc nhất là ở những cơ quan ngoài Đảng, thì phải tuyệt đối chịu sự kiểm soát của tổ chức Đảng, phải chịu trách nhiệm, theo yêu cầu của Lê-nin, "vô điều kiện", trước Đảng. Nghĩa là họ phải biểu thị một tổ chức tính hết sức cao độ. Yêu cầu này, lẽ tất nhiên không ràng buộc các nhà văn ngoài Đảng. Còn lúc sáng tác, theo tôi nghĩ, và chắc ai cũng nghĩ như tôi (chỉ trừ ông Trương Tửu thôi), thì nhà văn Đảng viên cũng *sáng tác văn học* như nhà văn ngoài Đảng, – họ chỉ sáng tác văn học thôi, họ không sáng tác gì riêng cho "văn học của Đảng" cả. Hãy thử hỏi các nhà văn Đảng viên xem lúc họ sáng tác, họ nghĩ tới "văn học của Đảng", hay là chỉ nghĩ tới văn học của tổ quốc, của nhân dân thôi. Có khác chăng, là yêu cầu đối với nhà văn Đảng viên là phải sáng tác với ý thức rõ rệt về Đảng tính, về trách nhiệm của người Đảng viên. Chỉ thế thôi. Nhưng ông Trương Tửu không chịu hiểu thế. Thật tình do phiên dịch sai, sau lúc đã dựng đứng lên danh từ "văn học của Đảng" vì một sự "tha hóa" kỳ diệu, danh từ siêu hình này của ông Trương Tửu đặt ra, đã chễm chệ thành một khái niệm ngự trị trong trí não của ông. Cái quái vật về mặt Việt ngữ do ông tạo ra đã quay trở lại chi phối ông và đã biến thành một quái vật tư tưởng ở trong đầu óc của ông! Bằng chứng rất *cụ thể* là chính tay ông viết (xem *Giai phẩm mùa đông*, số 1, trang 6):

"Nhu vậy là Lê-nin có phân biệt dứt khoát *văn học Đảng* và *văn học nói chung* do các nhà văn không phải Đảng viên sáng tác".

(Chính ông Trương Tửu đã cho in đậm nét những chữ nằm (chữ i-ta-lic) trong câu này). Thật là khổ! Chỉ vì có mấy chữ

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

*littérature du parti* không rõ nghĩa và hẳn chắc cũng do tư tưởng lệch lạc, chủ quan của ông, mà ông đã gán ghép cho Lê-nin một ý nghĩ không mác-xít, không khoa học chút nào cả! Lê-nin không chia rẽ "văn học của Đảng" với văn học ngoài Đảng đâu ông ơi! Chính ông chia rẽ đây thôi. Vậy theo ông, sự nghiệp sáng tác của Gor-ki là "văn học của Đảng" ư? Thơ của Tô Hữu cũng vậy ư? *Đất nước đứng lên* của Nguyên Ngọc cũng vậy ư? Còn văn của ông Trương Tửu chẳng hạn mới đúng là văn học theo nghĩa chung của nó thôi ư? Ông nghĩ lại xem: ai xuyên tạc Lê-nin? Mấy lần ông khiển trách tôi "lên lớp"... Nhưng thật ra nêu lên một vụ như "văn học của Đảng" mà ông cho rằng Lê-nin "phân biệt dứt khoát" với văn học ngoài Đảng, quả là vĩ đại! Vụ "văn học của Đảng" do ông Trương Tửu sáng kiến ra không khác gì một câu chuyện thần thoại. Nếu dịch: *littérature du Parti* là "báo chí, văn kiện của Đảng", thì có đâu nên nổi. Một điều sáng tỏ như ban ngày, tự ý ông ông đã làm cho nó tối tăm mù mịt. Một điều rất đơn giản tự ông đã làm cho nó vô cùng phiền phức. Ông đã chia rẽ cái gì rất thiêng liêng, cái mà không có lý do gì chia rẽ cả.

Rồi với sự phân chia giả tạo do chủ quan của ông dựng đứng lên giữa "văn học của Đảng và văn học nói chung do các nhà văn không phải Đảng viên sáng tác", ông Trương Tửu, trong tập *Giai phẩm*, quày sang quắt mạnh vào tôi. Ông tưởng ông nắm trong tay một vũ khí sắc bén vừa mới rút ở quyển sách của Mei-lakh ra. Nhưng thật ra, vũ khí của ông là một ảo tưởng.

Tóm lại thưa ông, không có sự phân biệt giữa "văn học của Đảng" và "văn học chung", vì lý do đơn giản này: *văn học của Đảng* là một chuyện do ông ảo tưởng ra, Đảng không hề bao giờ chủ trương một thứ văn học như vậy, và trong thực tế, thứ này không thể có được, không thể sống được.

Trong một tập *Giai phẩm* trước đây, ông Trương Tửu có viết: "Người văn nghệ sĩ chân chính không hề bao giờ sùng bái cá nhân". Đây chỉ có cá nhân Mei-lakh thôi, mà chính ông đã

## HUỶNH ÁI TÔNG

sùng bái đến mắt cả óc xét đoán, đến nổi xuyên tạc Lê-nin, và quái gở thật, xuyên tạc cả Mei-lakh, người mà ông sùng bái nữa!

Yêu cầu ông Trương Tửu, vì chân lý hãy công nhận trước quảng đại độc giả rằng ông đã dịch sai, rằng không có văn học gì gọi là "văn học của Đảng" cả, như ông đã ngộ nhận, rằng Lê-nin không hề bao giờ phân biệt hai thứ văn học trong và ngoài Đảng mà ông đã tung ra, hết sức là chủ quan.

\*

Báo *Nhân văn* cũng như tập *Giai phẩm* tỏ ra đặc biệt hần học vì căn cứ vào bài báo của Lê-nin, tôi đã nêu ra yêu cầu đối với văn nghệ chịu sự lãnh đạo của Đảng tiên phong, yêu cầu về Đảng tính trong đó có bao hàm yêu cầu về *tổ chức tính* nữa.

Ông Bùi Quang Đoài tố cáo tôi muốn "bắt buộc tất cả mọi nhà văn phải vào tổ chức của Đảng", phải có thẻ Đảng viên. Ông Trương Tửu suy luận: "Không phải Lê-nin nói Đảng tính trong văn học là bắt văn nghệ sĩ phải ở trong một tổ chức Đảng hay chịu kỷ luật của một tổ chức Đảng..."

Danh từ tổ chức Đảng có nghĩa hẹp và nghĩa rộng của nó. Hẹp tức là tổ chức nội bộ của Đảng, chỉ bao gồm những Đảng viên thôi, – tổ chức bí mật trong thời ấy. Rộng tức là các tổ chức công khai, các tổ chức quần chúng do Đảng xây dựng nên và do Đảng lãnh đạo. Chúng ta đều biết những tổ chức này cũng rất trọng yếu để phát huy tác dụng của Đảng về mọi mặt. Cụ thể như trong cuộc cách mạng Nga, năm 1905, tổng số Đảng viên Đảng Công nhân Dân chủ xã hội Nga (Đảng của Lê-nin thời ấy) không quá 150.000 người, thế mà đã huy động được hơn hai triệu công nhân đình công, huy động tới một phần ba nông dân Nga, huy động một bộ phận của quân đội, của hải quân (thiết giáp hạm *Po-tem-kin* rồi thiết giáp hạm *O-tsa-kov* ở



## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

biển Hắc Hải), – đây là nhờ có nhiều tổ chức quần chúng gắn liền với Đảng và được sự lãnh đạo của Đảng.

Công tác Đảng chủ yếu trong thời ấy nhằm tổ chức, giáo dục, động viên giai cấp vô sản, và giác ngộ, tranh thủ giai cấp nông dân thành bạn đồng minh của giai cấp vô sản. Còn đối với giới trí thức, giới văn nghệ sĩ, theo sự hiểu biết của tôi, thì có hai loại công tác tranh thủ. Một loại công tác bề rộng, sử dụng các cơ quan ngôn luận công khai, hợp pháp của Đảng (như báo *Đời mới* xuất bản ở kinh đô Pê-téc-bua từ 27-10 đến 3-12-1905), nêu rõ lập trường vô sản, đấu tranh tư tưởng quyết liệt chống ý thức hệ tư sản, hết sức soi sáng cho những phần tử có thiện ý đi theo cách mạng, nhưng chưa nhận thức nổi quy luật của cách mạng đang tiến tới, – mặt khác, cũng lột trần không hề dung thứ các phần tử phản động, gian dối che đậy tư tưởng tư sản của chúng dưới những hình thức mỹ dân, hòng làm mê hoặc, hòng chia rẽ giai cấp vô sản. Một loại công tác bí mật, ăn sâu nhằm hướng dẫn trí thức, văn nghệ sĩ tiến bộ tham gia những nhóm mác-xít, những nhóm học tập và hoạt động khác, tạo điều kiện cho họ nhập vào công nông, gắn bó với công nông (đọc quyển tiểu thuyết *Người mẹ* của Gor-ki, ta hình dung được công tác đối với những trí thức này, phần đông thuộc tầng lớp khá nghèo khổ bị áp bức trong xã hội). Trước khi bước chân vào một nhóm như thế ấy, lẽ tất nhiên là người văn nghệ sĩ phải có ý thức tổ chức. Và tôi xin hỏi: nếu trong khoảng 1905, không có vấn đề tổ chức văn nghệ sĩ, không có vấn đề yêu cầu tổ chức tính đối với họ, thì sao mà đã có thể có được một số không ít ỏi gì những trí thức, những văn nghệ sĩ Đảng viên Dân chủ xã hội (như Gor-ki chẳng hạn)? Ngay cả trong công tác đấu tranh tư tưởng bằng báo chí công khai của Đảng, cũng có một phần yêu cầu về tổ chức tính đối với những văn sĩ, thi sĩ ngoài Đảng nhận viết bài vào. Đáng tiếc là ông Trương Tửu đã bỏ qua đoạn ở trang 105, trong quyển sách của Mei-lakh. Đoạn ấy nêu tên của một số (tới quá mười) văn nghệ sĩ không phải Đảng viên, bản chất là tư sản, nhưng có tinh thần dân chủ, có tên tuổi, và muốn cộng tác với *Đời mới* do Lê-nin

## HUỶNH ÁI TÔNG

làm chủ bút. Có kỷ luật, có điều kiện đề ra cho họ viết bài, tức là có yêu cầu về tổ chức tính đối với họ, – và họ cũng đã thừa nhận yêu cầu này. Mei-lakh viết: "Điều kiện tuyệt đối để họ cộng tác với *Đời mới*, là họ phải ủng hộ các yêu cầu căn bản của Đảng đối với việc động viên, tuyên truyền". Chính Lê-nin đã vạch rõ các yêu cầu này là: "... đứng trước những công nhân, những nông dân có ý thức, mọi điều can thiệp của người dân chủ tư sản phải như là hình phạt cho tất cả những sự phản bội, những tội lỗi của giai cấp tư sản – hình phạt cho những lời hứa hẹn không được giữ tròn, cho những lời nói suông mà đời sống và việc làm đã phủ nhận". Chính yêu cầu ấy là tiêu chuẩn cho các nhà văn ngoài Đảng sáng tác bài đăng vào báo, và cũng là tiêu chuẩn cho tòa soạn chấp nhận bài. Mei-lakh viết rất rõ: "Những nhà văn nào tỏ ra có lập trường hai mặt, đều bị loại, không được tham gia chút nào vào tờ báo".

Lập trường hai mặt của nhà văn ngoài Đảng thời ấy, chẳng hạn như là viết báo Đảng thì tán tụng công nhân, viết báo tư sản thì chửi bới công nhân. Hoặc như mưu mô tế nhị hơn của nhà văn Min-ski chủ bút công khai của báo *Đời mới* (chủ bút bên trong là Lê-nin); Min-ski muốn lợi dụng danh nghĩa mình để hướng các mục văn học, triết học của tờ báo theo sở thích riêng, theo chủ nghĩa tượng trưng, chủ nghĩa thần bí của mình. Do mưu mô này mà Min-ski đã bị loại trừ ra khỏi tòa soạn (xem Mei-lakh, cuối trang 150).

Như vậy tức là ngay thời 1905, thời đấu tranh rất gay go của Đảng dưới ách chuyên chế của Nga hoàng, ngoài công tác đấu tranh tư tưởng ra, còn có công tác tổ chức, có yêu cầu về tổ chức tính đối với các nhà văn ngoài Đảng hoặc gần kề Đảng. Theo ông Trương Tửu, thì yêu cầu tổ chức tính chỉ đề ra cho các văn nghệ sĩ Đảng viên thôi. Còn đối với các văn nghệ sĩ ngoài Đảng thì "khác hẳn", – hoàn toàn không có yêu cầu về tổ chức tính. Yêu cầu này không phải nhất thiết là họ phải gia nhập Đảng (theo điều lệ của Đảng được Đại hội lần thứ 2 thông qua, năm 1903, thì điều kiện gia nhập không dễ dàng gì). Tô

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

chức tính đối với họ không cao so với tổ chức tính của Đảng viên, nhưng nó phải có, – nó là tổ chức tính cần thiết đối với những tổ chức công khai, do Đảng lãnh đạo.

Để dẫn chứng thêm cho nhận định chủ quan của mình, ông Trương Tửu dựng đứng lên một luận thuyết về cuộc cách mạng Nga năm 1905, trái ngược với chiến lược của Đảng Bôn-sê-vích. Ông hiểu theo lối hình thức chủ nghĩa danh từ "cách mạng dân chủ tư sản". Ông xếp bọn *tư sản tự do* (xem *Giai phẩm mùa đông* số 1, tr. 7) vào hàng ngũ "nhân dân bị áp bức", – trong khi mà chiến lược cách mạng của Đảng nhằm cô lập giai cấp tư sản tự do, bảo hoàng thời ấy (với chính đảng Dân chủ lập hiến, chính đảng *Ka-det* của nó), nhằm giành với giai cấp này quyền lãnh đạo giai cấp nông dân và nhân dân giành về mình độc quyền lãnh đạo cách mạng. Quyển sách của Lê-nin: *Hai chiến thuật của dân chủ xã hội trong cuộc cách mạng dân chủ* (xuất bản hồi tháng 7-1905) đã vạch rõ điểm này, mà rất tiếc là ông Trương Tửu không đếm xỉa gì tới. Với hoàn cảnh lịch sử của nước Nga, giai cấp tư sản không hề bao giờ là một lực lượng cách mạng. Ông Trương Tửu cũng xếp giai cấp tiểu tư sản Nga vào lực lượng cách mạng đương thời, trong lúc có phái Men-sê-vích và từ năm 1906, chính đảng Xã hội cách mạng, tập hợp một bộ phận của giai cấp tiểu tư sản chống lại Đảng Bôn-sê-vích và sự lãnh đạo của giai cấp vô sản. Như vậy chúng ta thấy động lực và lực lượng cách mạng Nga thời 1905-1906 là khác hẳn so với sự tưởng tượng của ông Trương Tửu. Ông đã nhận định về các lực lượng cách mạng Nga theo tư tưởng cơ hội chủ nghĩa, thỏa hiệp. Rồi nhân đó ông cũng dựng đứng lên một hình ảnh về Lê-nin, trong đó vị lãnh tụ của giai cấp vô sản Nga chỉ một chiều nhân nhượng với nhiều nhà văn ngoài Đảng mà bản chất là tư sản. Ông viết (tr. 9): "Thi sĩ tượng trưng Briux-xov, trong bài thơ *Gởi những người thân cận của tôi*, đã tuyên bố thẳng với giai cấp công nhân: *Phá hoại, tôi đi với các anh; nhưng kiến thiết, tôi sẽ không đi với các anh nữa*". Ông cả quyết rằng thi sĩ này "sáng tác văn thơ đăng vào báo *Đời mới*". Thật là kỳ lạ! Vì thực ra (xem Mei-

## HUỶNH ÁI TÔNG

lakh, tr.135) bài thơ trên của Briux-xov không đăng vào báo *Đời mới*, nhưng được xuất bản trong tập *Những bó đuốc* (Peter-burg, 1906). Trong bài thơ, Briux-xov tự xưng là "tiếng kèn" là "người cầm cờ" dẫn đầu giai cấp vô sản, "kêu gọi tấn công, đập phá các trở ngại cho quyền tự do được sống..."

*Những lúc các anh ca chiến thắng,  
Tôi thấy cuộc chiến đấu mới cho một tự do mới!  
Phá hoại, cùng các anh tôi làm! kiến thiết: không!*

Chủ yếu là Briux-xov, cũng như cả tập *Những bó đuốc*, chống lại bài báo của Lê-nin về "Tổ chức Đảng và văn học có Đảng tính". Briux-xov ca ngợi tự do "tuyệt đối" trong sáng tác, và cũng như một số người viết báo *Nhân văn*, viết *Giai phẩm*, kể cả ông Trương Tửu nữa, cho rằng văn nghệ sĩ sống tự do giữa lúc xã hội bị áp bức. Lê-nin viết một bài báo, năm 1907, vạch trần bản chất tiêu tư sản quá khích của Briux-xov, gọi ông này là "một thi sĩ vô chính phủ". Vậy trong thời gian cách mạng dân chủ ở Nga, Lê-nin đấu tranh tư tưởng quyết liệt với các nhà văn ngoài Đảng. Lê-nin không chỉ nêu ra lập trường văn học có Đảng tính rồi ngồi yên, để họ tùy ý đi theo thì hay, mà không theo thì thôi. Và Lê-nin không thỏa hiệp với họ một chiều như ông Trương Tửu đã trình bày. Trong quyển sách của Mei-lakh, tôi không thấy đoạn nào nói rằng Lê-nin đã để cho Briux-xov tham gia viết vào tờ báo của Đảng. Sao ông Trương Tửu lại khẳng định Briux-xov đã đăng trong báo *Đời mới*?

Theo chứng minh của tôi ở đoạn trên: quả là có yêu cầu về *tổ chức tính*, ở một mức độ nhất định, đối với các nhà văn ngoài Đảng muốn đi theo cách mạng dân chủ, dưới sự lãnh đạo của giai cấp vô sản, thời 1905-1907. Sau Cách mạng tháng Mười lẽ tất nhiên là yêu cầu này càng thêm rành mạch, dứt khoát. Bằng chứng là cuộc đấu tranh của Lê-nin chống tư tưởng và hành động của "Pro-let-kult" (của tổ chức tự mạo nhận là "Văn hóa vô sản") nhằm thoát ly sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Bôn-sê-vích và của chính quyền Xô-viết. Tháng 10-1920, Lê-nin yêu

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

cầu "Pro-let-kult" hãy quan niệm nhiệm vụ của mình là bộ phận của các nhiệm vụ chính trị chung của giai cấp vô sản, hãy thực hiện công tác của mình dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản và của chính quyền Xô-viết, và hãy đừng có "tự trị" ở trong Ủy ban nhân dân về Giáo dục nữa (từ sau Cách mạng tháng Mười "Pro-let-kult" là một tổ chức tự nguyện nhập vào Ủy ban nhân dân này). Đây không phải là yêu cầu về tổ chức tính thì là gì?

Bất cứ một người mác-xít nào không thể quan niệm Đảng tính tách rời tổ chức tính. Quả thật là văn nghệ sĩ không thể và không nên nhận lãnh đường lối văn nghệ có Đảng tính mà không chịu gắn bó với một tổ chức của Đảng hoặc với một tổ chức rộng hơn do Đảng lãnh đạo. Vì không chịu gắn bó như vậy tức là chưa nhận lãnh sự lãnh đạo của Đảng. Ông Trương Tửu cố hết sức biện hộ cho một thứ Đảng tính siêu hình trong văn học, thoát ly khỏi bất cứ tổ chức nào do Đảng lãnh đạo. Nhất là dưới chế độ ta, trong đó bất cứ ở địa hạt nào, bất cứ ở ngành nào cũng phải có sự lãnh đạo của Đảng cả về chủ trương đường lối lẫn về tổ chức; biện hộ như ông Trương Tửu, dứt khoát là sai lầm. Biện hộ như vậy là biểu hiện của một tư tưởng cá nhân chủ nghĩa, cơ hội chủ nghĩa và vô chính phủ chủ nghĩa thô. Mặt khác đó chỉ là những con đường đã quá lộ liễu của luận điệu mỉa dân, hòng mong lôi kéo một số văn sĩ lạc hậu kết bè kết cánh để chống đối với Đảng. Ông Trương Tửu có đem Mác, đem Lê-nin ra bao nhiêu đi nữa, cũng không sao có thể làm cho đại đa số người đọc tin được rằng ông có đòi đòi Đảng tính. Ông tâng bốc cá nhân của văn nghệ sĩ lên tận mây, đặt cá nhân này lên trên giai cấp công nhân, trên Đảng, phong cho nó những trách nhiệm huênh hoang như nào là sự phát hiện "sự thực toàn diện", nào là "kiểm tra Đảng hiệu nghiệm hơn bất kỳ tổ chức nào của Đảng", nào là "chứng nhận về mọi hành động của Đảng trước tòa án lịch sử ngàn đời"... rốt cuộc ông cũng sẽ chỉ lôi kéo được theo ông một tối thiểu số rất lạc hậu mà thôi. Và thứ "Đảng tính" kỳ dị mà ông đưa ra cũng không thể dấu được bộ mặt thực của nó là đòi vượt lên trên Đảng, tự do đã

## HUỶNH ÁI TÔNG

kích Đảng, là "vô chính phủ lớn ông lớn" như Lê-nin nói. Người đọc sẽ tin ông, sau khi ông đã tự kiểm điểm, tự nhận những lệch lạc của ông, tự phê bình nghiêm khắc chủ nghĩa cá nhân vô độ, chủ nghĩa vô chính phủ của ông.

Bài báo của Lê-nin, viết năm 1905 thật là trọng đại.

Một số người viết báo *Nhân văn* đã tỏ ý nhận định bài ấy chỉ có giá trị nhất thời thôi, trong hoàn cảnh cách mạng vô sản chưa thành công, Đảng chưa lên nắm chính quyền. Thực ra bài báo này mở một kỷ nguyên mới cho văn học Nga và văn học thế giới, vạch ra nguyên lý sống mãi tới ngày na cho văn học Xô-viết nói riêng, văn học vô sản, văn học xã hội chủ nghĩa nói chung. Bài ấy đã có tác dụng định đoạt vào sự phát triển của thiên tài Gor-ki. Bài ấy được tất cả các nhà văn, tất cả các nhà giáo Xô-viết, trong Đảng cũng như ngoài Đảng công nhận làm cơ sở lý luận cho cả nền văn học xã hội chủ nghĩa. Bài ấy mở đầu cho quyển sách tuyển tập các nhà văn Xô-viết, do Bộ giáo dục Liên-Xô chính thức xuất bản. So với những yêu cầu trước kia của Marx và Engels đối với văn học, bài báo của Lê-nin là một sự phát triển cao hơn và sâu hơn, thích hợp với thời đại cách mạng vô sản thắng lợi.

"Tổ chức Đảng và văn học có Đảng tính" là một bài báo công khai. Lê-nin đã viết ra nó nhằm xây dựng tất cả các nhà văn Nga tiến bộ đương thời, trong cũng như ngoài Đảng, động viên họ phấn đấu cho nền văn học mới mẻ, phong phú nhất từ xưa tới bây giờ, nền văn học toàn tâm toàn ý phục vụ cho sự nghiệp Cách mạng của giai cấp vô sản.

Chủ yếu là bài ấy xây dựng *Đảng tính* trong văn học, dứt khoát lên án văn học tự do cá nhân chủ nghĩa, văn học tư sản đã lỗi thời, đã thành phản động. Bài ấy cũng xây dựng một phần cho *tổ chức tính*. Mức yêu cầu đối với các văn sĩ trong Đảng có cao hơn đối với các văn sĩ ngoài Đảng. Nhưng đã tự giác đi theo lý tưởng đấu tranh dưới lá cờ tiền phong của Đảng thì văn sĩ trong

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

cũng như ngoài Đảng phải có *Đảng tính* trong đó bao gồm *tổ chức tính*.

Chúng ta phải nhận lãnh toàn bộ nội dung bài báo của Lê-nin. Đã tự cho rằng mình là văn sĩ theo chủ nghĩa Marx – Lê-nin, chúng ta không thể – viện lý do rằng mình không phải là Đảng viên – chỉ nhận lãnh một thứ "*Đảng tính*" siêu Đảng, bất chấp tổ chức của Đảng. Chúng ta không thể đặt cá nhân mình lên trên, lựa chọn trong nội dung bài báo của Lê-nin những gì hợp với sở thích cá nhân thì ta theo, và bác bỏ những gì trong ấy mà ta cảm thấy không thích.

Chúng ta không được phép đem đầu óc chiết trung chủ nghĩa (éclectique) vào việc nghiên cứu chủ nghĩa Mác – Lê-nin. Ông Trương Tửu đã biểu thị chủ nghĩa chiết trung về triết học. Về chính trị, ông đã biểu thị chủ nghĩa cơ hội, chủ nghĩa vô chính phủ. Ngoài ra, ông đã nghiên cứu, phiên dịch bừa bãi.

(Nguồn: Báo *Văn nghệ*, Hà Nội, số 153, ngày 27-12-1956)

*Hoàng Xuân Nhị là người yêu nước, nhà trí thức, xuất thân từ trường Đại học Sorbonne Paris, cho nên văn ông viết khúc chiết, biện luận minh bạch vững chắc, làm cho người đọc thấy rõ vấn đề ông đã nêu ra để bác bỏ lập luận của người khác. Trong dân gian người ta truyền tụng về ông như sau:*

*Vùng lên đánh dẹp “Nhân văn”  
Một đêm tỉnh dậy ông thành vĩ nhân.  
Văn thì xa, Bác ở gần  
Cuối đời ông lại tận mần dịch thơ*

Tài liệu tham khảo:

- Hoàng Xuân Nhị Web: [vi.wikipedia.org](http://vi.wikipedia.org)
- Hoàng Xuân Nhị Blog: [talawas](http://talawas)

## HUỶNH ÁI TÔNG

### 7) Lương Xuân Nhị



#### Lương Xuân Nhị (1913-2006)

Họa sĩ Việt Nam Lương Xuân Nhị sinh ngày 10 tháng 4 năm 1914 tại Hà Nội. Ông học cùng các họa sĩ Nguyễn Đỗ Cung, Trần Văn Cẩn, Lưu Văn Sĩ, Nguyễn Khang, Hoàng Lập Ngôn ở Trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương. Ông tốt nghiệp khoá 7 (1932-1937).

Họa sĩ Lương Xuân Nhị thích những phối sắc êm dịu phong phú của màu xanh ở chính trong thiên nhiên và đưa nó vào trong tranh Phong cảnh nông thôn, Đồi cọ v.v. , nên đã có người gọi ông là họa sĩ của màu xanh. Việc ông rất thành công trong tranh thiếu nữ Chân dung thiếu phụ trẻ v.v. nên ông được coi là họa sĩ của phái đẹp. Ông “không còn giữ được những bức đẹp nhất vẽ chân dung thiếu nữ. Ngay khi đang vẽ, đã có người này, nhóm nọ đến xem và đòi mua ngay sau khi tác phẩm đã hoàn thành”. Vì người mua “mến chuộng nét đẹp sang nhã, hồn hậu và chuẩn mực của người phụ nữ Việt Nam” qua nét vẽ của họa sĩ Lương Xuân Nhị.

Ngay khi còn đang học ở Trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương, ông đã giành các giải Bạc (1935), Vàng (1936) và



## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Ngoại hạng-Giải thưởng danh dự (1937) của *Hội khuyến khích Mỹ thuật Mỹ nghệ Đông Dương* tại Triển lãm của SADEAI.

Năm 1938, bức tranh lụa “Làng quê” của ông được Viện World Headquarters Museum Hoa Kỳ mua, để triển lãm Hội họa của 7 nước Á châu do Bảo tàng Thế giới tại Hoa kỳ tổ chức, và là tác phẩm hội họa Việt Nam đầu tiên có mặt tại Mỹ.

Năm 1942, họa sĩ Lương Xuân Nhị đi Nhật, nhiều tác phẩm của ông về thiếu nữ và phong cảnh Nhật đã được đánh giá cao về màu sắc, bút pháp.

Trong Kháng chiến chống Pháp những năm 1947-1948, Lương Xuân Nhị vẽ nhiều tranh địch vận ở Liên khu III.

Từ năm 1955 tới năm 1981, ông là giảng viên ở Đại học Mỹ thuật Việt Nam (1955-1981). Tác phẩm của ông được trưng bày ở Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam, Bảo tàng ở Paris, New York, Tokyo và ở nhiều bộ sưu tập cá nhân trong và ngoài nước.

Ghi nhận những đóng góp của ông, năm 1990 ông được Nhà nước phong tặng danh hiệu Nhà giáo Nhân dân, năm 2001, được trao Giải thưởng Nhà nước về Văn học nghệ thuật.

Tác phẩm tranh:

- Nghỉ chân bên bờ suối (lụa, 1936)
- Tranh Quán nước bên đường (lụa, 1937)
- Khóm tre bên cầu (sơn dầu, 1938).
- Gia đình thuyền chài (lụa, 1938).
- Cô gái với nón bài thơ (lụa, 1940).
- Đồi cọ (sơn dầu, 1957)

HUỶNH ÁI TÔNG  
Tranh



*Thiếu nữ*



*Mùa Đông*

HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975



*Đọc báo*



*Gia đình thuyền chài*

## HUỶNH ÁI TÔNG

Trích văn:

### **Chúng ta nhất định đi theo con đường xã hội chủ nghĩa**

Cuộc cách mạng lớn về tư tưởng đang được tiến hành trong giới văn nghệ, đánh dấu một giai đoạn mới trong lịch sử văn học nghệ thuật nước nhà.

Lớp học tổ chức cho anh chị em văn nghệ sĩ lần này đã giúp tôi rất nhiều trong việc phân biệt tư tưởng thù địch và tác hại của nó trong giai đoạn cách mạng tiến lên xã hội chủ nghĩa

Văn nghệ là một thứ vũ khí sắc bén có một tác dụng nhất định trong cuộc đấu tranh tư tưởng và chính trị. Người văn nghệ sĩ, nếu trong tư tưởng chưa xác định cho mình một lập trường vững chắc, để sa vào <sup>[1]</sup> âm mưu của bọn thù địch và bị lợi dụng lúc đó họ trở nên công cụ để phản lại Tổ quốc. Chúng ta đã vạch rõ được những mảnh khoé xảo quyệt của phần tử *Nhân văn-Giai phẩm* định núp dưới chiêu bài của chủ nghĩa Mác-Lê-nin, dùng văn nghệ để phục vụ cho mục đích chính trị phản động, ăn khớp với luận điệu xuyên tạc của bọn Mỹ Diêm ở miền Nam, lũng đoạn trong mọi ngành văn học nghệ thuật, gây hoang mang và tác hại trong tư tưởng của tầng lớp trí thức thanh niên, học sinh, tư sản và tiểu tư sản.

Nhưng chúng ta đã đả phá đến tận gốc rễ của nguồn tư tưởng tư sản thù địch ấy. Tuy nhiên chưa hẳn chúng ta đã quét sạch được tư tưởng ấy trong chốc lát, nó luôn luôn đợi thời cơ để trở lại trong nếp suy nghĩ, trong sinh hoạt, trong hành động. Bởi vậy ở mỗi người văn nghệ sĩ cần có sự cảnh giác từng giờ từng phút và kiến định một lập trường xã hội chủ nghĩa vững chắc.

Trước mắt người văn nghệ sĩ, hai con đường đã được vạch rõ để họ tự nguyện lựa chọn. Một là đi theo con đường vinh quang của nhân dân, hai là trở lại con đường nô lệ đế quốc, phản lại nhân dân, con đường phản quốc. Nhất định là giới văn

HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975  
nghệ Việt nam kiên quyết đi theo con đường trên, và vạch trần  
bộ mặt gian hiểm của bọn phá hoại *Nhân văn-Giai phẩm*, bọn  
chống Đảng, chống Tổ quốc, chống nhân dân, chống xã hội  
chủ nghĩa.

---

[<sup>1</sup>]Nguyên văn: xa vào

Họa sĩ Nguyễn Đỗ Cung nhận xét: "*Những tác phẩm của họa  
sĩ Lương Xuân Nhị đứng đắn và xinh, nhẹ nhàng và rất dễ  
yêu.*"

Tài liệu tham khảo:

- Lương Xuân Nhị Web: [vi.wikipedia.org](http://vi.wikipedia.org)
- Lương Xuân Nhị Blog: [talawas](http://talawas.com)

8) Huyền Kiêu



**Huyền Kiêu – Bùi Lão Kiêu (1915-1995)**

Nhà thơ Huyền Kiêu tên thật là Bùi Lão Kiêu, ông sinh năm 1915 tại Hà Tây, nhưng cư ngụ tại Hà Nội. Bút hiệu: *Huyền Kiêu* do chữ Kiêu gồm chữ Kiêu và dấu huyền.

Vào những năm 40 của thế kỷ 20, ông viết văn, làm thơ, cộng tác với các báo ở Hà Nội, và nổi tiếng từ đó. Thuở thiếu thời, ông là bạn thân với thi sĩ Đinh Hùng, nên ông cũng là bạn với Vũ Hoàng Chương, Thạch Lam, Khái Hưng, Nhất Linh, Nguyễn Tường Bách.

Trong cuộc chiến tranh chống Pháp (1945 - 1954), ông tản cư ra chiến khu, công tác ở chi hội Văn nghệ Liên khu III.

Sau hiệp định Genève năm 1954, ông hồi cư về Hà Nội, công tác ở tạp chí Văn nghệ của Hội Nhà văn Việt Nam, Nhà xuất bản Văn học, Hội Liên hiệp Văn học Nghệ thuật Việt Nam cho đến năm 1975.

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Sau 30 tháng 4 năm 1975, ông vào sống ở Thành phố HCM và mất tại đây vào ngày 8 tháng 1 năm 1995 (Át Hợi), thọ 80 tuổi.

Tác phẩm:

- *Hồ Chí Minh, tinh hoa dân tộc* (trường ca, 1944)
- *Gió Đông, gió Tây* (dịch của Pearl S. Buck, Hàn Mặc, 1945).
- *Sang xuân* (thơ, 1960)
- *Mùa cày* (thơ, 1965)
- *Bầu trời* (thơ, 1976)

Trích văn:

### **“Con người Trần Dần” - một thủ đoạn chính trị bất lương của nhóm “Nhân văn”**

Cuối năm 1956, trong lúc tình hình cách mạng gặp khó khăn, thì một số phần tử xấu trong giới trí thức văn nghệ, tưởng rằng thời cơ “làm ăn béo bở” đã đến, vội vã dương lá cờ rách *Nhân văn* nhảy lên võ đài, khua môi múa mồm, vớ dã tâm, bóp méo, xuyên tạc những khuyết điểm của ta về văn nghệ, tấn công vào sự lãnh đạo của Đảng trong văn nghệ, và từ địa hạt văn nghệ, lan sang các mặt văn hóa, xã hội, chính trị, bôi xấu, vu cáo toàn bộ sự lãnh đạo của Đảng, hòng cản trở bước tiến lên xã hội chủ nghĩa của miền Bắc nước ta.

Nói đến những phần tử *Nhân văn* có đồng chí đã dùng một hình ảnh rất đúng, là một lũ vắt đói máu đánh hơi thấy bước chân người, tua tua góc đầu dấy, hi vọng sẽ chiếm lại quyền được tự do hưởng cái khoái lạc hút máu xa xưa. Trong những mũi nhọn mà bọn *Nhân văn* chĩa vào sau lưng Đảng ta, “Con người Trần Dần” – cái gọi là “hồi ký của Hoàng Cầm” – là một mũi tên vô cùng thâm độc.

Cũng cần nói vài lời về việc thi hành kỷ luật Trần Dần, mà

## HUỶNH ÁI TÔNG

Nguyễn Hữu Đang – một trong những đầu sỏ *Nhân văn* – đã “thọc bàn tay” <sup>[1]</sup> vào cái hồi ký của Hoàng Cầm, đề lên rất to là “một vụ án văn học” (?) Trần Dần là một người đã mặc bộ áo của một quân nhân cách mạng, trong kháng chiến dù được sự giáo dục ân cần của Đảng, Trần Dần đã không gột rửa được tư tưởng đòi truy vấn đâm dấy mọc rễ âm ỉ trong đầu óc, không diệt được những thị hiếu cá nhân đốn mạt do không có điều kiện phát triển chỉ bị ép, bị dồn ứ lại, đến khi hòa bình lập lại, cây mình có chút ít thành tích kháng chiến, lại công khai đứng lên đòi quyền cho những tư tưởng xấu xa, những thị hiếu đê hèn được tự do “đua nở”, đòi hủy bỏ sự lãnh đạo của Đảng trong văn nghệ. Táo tợn hơn nữa, Trần Dần chửi bới tổ chức, phá hoại kỷ luật tự giác, là sức mạnh, là lẽ sinh tồn của quân đội, coi đội ngũ như cái chợ muốn đến lúc nào thì đến, muốn đi lúc nào thì đi, mà đi thì nhiều hơn đến. Đối với một phần tử xấu như thế, tất nhiên tổ chức của quân đội phải thấy sự giáo dục là cần thiết là cấp bách. Sau khi bèn bị giải thích, giúp đỡ hàng nửa năm trời, Trần Dần vẫn làm tướng là cá nhân mình to hơn vận mạng của quân đội, không những không chịu hối cải mà còn văng mạng hơn, bừa bãi hơn, hống hách hơn. Tổ chức quân đội cực chẳng đã, phải dùng đến biện pháp kiên quyết là giữ Trần Dần lại để kiểm thảo trong doanh trại. Biện pháp ấy cũng rất thông thường và cũng rất nhân đạo, ở chỗ muốn cứu vớt cho con người Trần Dần khỏi sa vào chạm bẫy của tư sản bảo vệ danh dự và kỷ luật của quân đội. Tất cả những người trung thành với cách mạng đều công nhận như thế, đều phải công nhận như thế. Nhưng Trần Dần, và bè lũ *Nhân văn* sau này không công nhận như thế! Trần Dần phản ứng bằng cách beo da cổ ra, cửa khê vào ngoài da bằng lưỡi dao nạo râu, “giả vờ” tự tử như gân dây Trần Dần đã tự bộc lộ trước đông đảo văn nghệ sĩ. Được chữa khỏi, Trần Dần tỏ vẻ hối lỗi hứa hẹn sửa chữa, hứa hẹn sẽ nói cho gia đình, bạn bè nhận rõ sự ích lợi của việc kiểm thảo. Nhưng tới thời kỳ *Nhân văn* thì Trần Dần lại trở mặt và nhập bọn cùng Nguyễn Hữu Đang, Trần Duy, Phan Khôi, Lê Đạt, Hoàng Cầm v.v... đầu cơ chính trị quanh



## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

cái seo ngoài da ấy và âm mưu sinh cơ lập nghiệp lên trên cái seo ấy.

Từ cái dao vu vạ của Trần Dần, Hoàng Cầm đã thêu dệt lên những truyện gì và để làm gì.

Ở đây tôi cũng cần nói thêm rằng, nhóm *Nhân văn*, thường núp dưới danh nghĩa “đòi tự do sáng tác”, chống lại lối “viết theo chỉ thị, viết theo đơn đặt hàng” nhưng khi cần đem ngọn bút bĩ ỏi của họ để bôi đen chế độ miền Bắc, xuyên tạc sự lãnh đạo của Đảng trong văn nghệ hòng lấp liếm và đòi quyền tái sinh cho những thú tính đang chồm dậy thì bọn họ sẵn sàng “viết theo chỉ thị, viết theo đơn đặt hàng” của những âm mưu đen tối, của sự vu cáo hèn hạ nhất và cái hồi ký: “Con người Trần Dần” không phải là con đẻ của riêng Hoàng Cầm, mà là đứa con nhiều bố của Nguyễn Hữu Đang, Lê Đạt, Phan Khôi, Trần Duy. Họ đã bàn bạc, cắt xén, thêm bớt bịa tạc, sửa đổi – dụng ý biến cô K. (người yêu của Trần Dần) từ một cô gái không ngày thơ gì thành một thiếu nữ thùy mị, nét na, đau khổ chịu đựng như một người tử vì đạo, cho người đọc phải xót thương cảm phần, dụng ý ví cả cái cục cằn của Trần Dần ra cho “*người ta tin*”, dụng ý tả phòng Trần Dần bị giữ kiểm thảo (hiện nay là phòng làm việc của đồng chí chủ nhiệm Tổng cục Chính trị) như một ngục thất, có hầm đá và chấn song sắt để cho người ta thấy chế độ miền Bắc là tàn bạo, cốt sao nêu việc thi hành kỷ luật Trần Dần thành một “vụ án văn học” đủ ảo não lâm ly, lừa bịp được người đọc.

Bản thân Trần Dần cũng sửa chữa và thông qua cái gọi là hồi ký này, hí hửng chắc nó sẽ là một đòn quật lại lãnh đạo.

Nhưng, như chúng ta đều biết, kẻ ngựa mặt lên mà nhổ nước bọt thì nước bọt chỉ rơi toẹt vào mặt kẻ nhổ. Chân tướng Trần Dần và cả bọn *Nhân văn*, nhờ có *Nhân văn*, chỉ càng ngày càng hiện lộ ra xấu xa bản thủ tội cùng.

## HUỖNH ÁI TÔNG

ĐỂ làm cho cái việc “trà đạp con người vu cáo” kia, càng có vẻ nghiêm trọng, theo chỉ thị của bọn đầu sỏ *Nhân vãn*, Hoàng Cầm phải tô vẽ Trần Dần thành ra một con người hợp với lý tưởng của mình. Nhưng sự vu cáo của Hoàng Cầm đã quật lại Hoàng Cầm và cả nhóm *Nhân vãn*. Nên con người thực của Trần Dần, cộng với lý tưởng hóa của Hoàng Cầm, không những không thể trở thành một con người mới của thời đại chúng ta mà loanh quanh luẩn quẩn rút cục vẫn lộ ra điển hình của kiểu người xa đọa, yêng hùng rom, đã bị ngọn gió cách mạng thổi bay đi khá xa, nay lại ngoi ngóp trở về. Thật đúng câu phương ngôn: con chó dù cộc cứ ve vẩy là không thể dẫu được mẩu đuôi của nó.

Bắt đầu Trần Dần hiện ra dưới “ngòi bút nghệ thuật bịp bợm” của Hoàng Cầm, thấp thoáng như một mỹ nữ uốn éo sau màn, dẫu không cho người ta thấy hết “vẻ đẹp” nhưng về quan điểm nghệ thuật thì đã khá rõ cái bộ mặt lạc hậu, phản động:

*“Ở bộ đội Sơn La từ đầu năm 1947, nổi tiếng có một anh Trần Dần nào đó thường vẽ và làm thơ có nhiều cái rất lạ, anh em văn nghệ xung quanh thì rất thích, nhưng đồn rằng bộ đội thì không hiểu và một số cán bộ chính trị ở đơn vị thì lấy làm bực mình”*.

Hoàng Cầm đề cao Trần Dần bằng “cái lạ”. Nhưng cái lạ đó thực lạ không? Tôi đã đọc Trần Dần từ cái thuở Dạ Đài, tôi đã được xem những tranh vẽ anh bộ đội chân tay như chân khổng lồ, đầu bé múp như đầu chim sẻ. Người chẳng ra người, ngòm chẳng ra ngòm, đã được đọc những bài thơ sắc mùi Đinh Hùng:

*“Ta từ biển vắng về đây mộng  
Giữa lúc Thăng Long lụi ánh đèn”  
(“Cô nàng lịch sử”)*

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Của Trần Dần trên những tờ báo *Nghệ thuật* của bộ đội Sơn La. Thật không phải là những cái lạ, vì nếu ta dờ đến những tác phẩm mốc meo trong kho hàng ế của những trường phái văn nghệ tượng trưng, suy tàn, siêu thực, lập thể, đa đa trong các nước tư bản hồi đầu thế kỷ thứ 20, ta sẽ thấy vô số những cái lạ như thế, đang nằm chờ lớp bụi của thời gian phủ lên cho mờ yên mả đẹp. Nhưng cái nguy hiểm trong dã tâm của Hoàng Cầm là ở chỗ đối lập ngay văn nghệ với chính trị: Chông lại với đường lối văn nghệ phục vụ chính trị của Đảng ta “*anh em văn nghệ thì rất thích, cán bộ chính trị thì bực mình*”. Có thật “anh em văn nghệ thì rất thích” không? Vì sao mà thích? Ở bộ đội Sơn La lúc đó có bao nhiêu anh em văn nghệ? trong số đó những ai thích? Hoàng Cầm cố nói mập mờ, cũng như Trần Duy, khi thấy báo chí vạch ra những luận điệu xuyên tạc khả ố của *Nhân văn*, tai thì đỏ lên rồi, nhưng vẫn xoa tay tuyên bố: “*Nhưng mà quần chúng ủng hộ Nhân văn*” thật là bịp bợm, thật là gian ngoan!

Ai cũng thường biết. Hoàng Cầm chỉ cố ngoặc “*anh em văn nghệ xung quanh*” vào là chỉ để làm cái bệ đứng cho Trần Dần khỏi đổ mà thôi. Giả sử có “*anh em văn nghệ rất thích*” mà bộ đội đại biểu cho quần chúng không hiểu thật, thì Trần Dần viết văn để làm gì? Anh em văn nghệ chỉ cần phục vụ riêng cho anh em văn nghệ thôi ư? Và nếu công, nông, binh bảo với những kẻ viết văn loại Hoàng Cầm, Trần Dần rằng: “Các vị viết văn cho các vị đọc với nhau, còn chúng tôi cày ruộng, cấy lúa, đúc máy, đánh giặc, riêng cho chúng tôi, các vị chớ ăn cơm, mặc áo, ngồi xe, hưởng sự yên ổn là công sức của chúng tôi” thì Hoàng Cầm, Trần Dần trả lời lại ra sao? Hay là trả lời rằng: “Chúng mày phải làm cho chúng tao tự do hưởng?” Cái lối đề cao những quan niệm hủ lậu như thế đã lỗi thời rồi, không còn chỗ đứng ở những nơi nào mà con người đã giành được quyền làm người rồi, khá nên đập nó lại, chôn sâu nó đi?

Hoàng Cầm đề cao việc Trần Dần viết và vẽ, mà bộ đội không hiểu, coi đó như là một thành tích đáng khoe khoang, không

## HUỶNH ÁI TÔNG

biết có nhớ tới Mao Chủ tịch, nói: trí thức mà không phục vụ nhân dân thì giá trị không bằng một cục phân không?

Nhưng chủ yếu tất cả những hần học của Hoàng Cầm trong cái hồi ký này là chĩa đánh vào cán bộ chính trị của Đảng. Trong khuôn khổ một bài văn hai trang giấy, Hoàng Cầm nổ súng vào cán bộ chính trị tới mười tám lần! Với dụng ý gì vậy? Cái đó thật quá rõ ràng.

Cán bộ chính trị là linh hồn, là guồng phát điện của bộ máy cách mạng. Không có cán bộ chính trị nhất định đường lối của Đảng không thể xâm nhập vào nhân dân, nhất định đường lối của Đảng không thể thực hiện được đúng đắn. Hồi bí mật, cán bộ chính trị là ngọn gió thổi lên những ngọn lửa chiến đấu âm ỷ trong lòng quần chúng, trong kháng chiến người cán bộ chính trị là người bạn cùng sinh tử với quân đội, với nhân dân, đi sát quân đội, đi sát nhân dân từng bước một để hướng dẫn quân đội và nhân dân đấu tranh giữ gìn Tổ quốc. Trong hòa bình, cán bộ chính trị phải vận động quần chúng hàn gắn vết thương của đất nước, xây dựng kiến thiết miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội và đấu tranh thống nhất nước nhà. Cán bộ chính trị với quân đội, với nhân dân phải thành một khối khăng khít như xương với thịt, như cá với nước. Hoàng Cầm đánh vào cán bộ chính trị, định làm tan rã cái tình xương thịt đó, định phá hoại cái nghĩa cá nước đó, hỏi có ích cho cách mạng hay có hại cho cách mạng? Thế là xây dựng cho Đảng hay phản Đảng?

Ta cũng cần phải khẳng định với nhau rằng nói cán bộ văn nghệ và cán bộ chính trị là chỉ nói cái sự phân công của bộ máy cách mạng thôi. Về căn bản, người cán bộ văn nghệ phải thực hiện đường lối của Đảng trên lĩnh vực văn nghệ, người cán bộ chính trị phải thực hiện đường lối của Đảng về mọi mặt, trong đó có cả lãnh đạo, phê bình văn nghệ. Không thể có và không thể dung thứ một mâu thuẫn nào giữa cán bộ làm công tác chính trị và cán bộ làm công tác văn nghệ cho nên không thể có và không thể dung thứ thứ văn nghệ phẩm nào mà “*anh em*

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

văn nghệ thì rất thích” và “cán bộ chính trị thì bực mình” . Hoàng Cầm làm như cái việc cán bộ chính trị bực mình với tác phẩm văn nghệ là một tình trạng phổ biến hay là một điều tất yếu. Thực chất Hoàng Cầm xuyên tạc sự thật với dụng ý rất xấu xa: tách rời văn nghệ với chính trị, đòi cho văn nghệ thoát ly sự lãnh đạo của Đảng. Ta thấy gần đây, những loại bài viết, bức vẽ, của những phân tử *Nhân văn* làm cho người ta bực mình rất nhiều. Không những bực mình mà còn phẫn nộ nữa. Nhưng những người bực mình và phẫn nộ không phải chỉ riêng có cán bộ chính trị, mà là cả một khối quần chúng rộng lớn; không những ở miền Bắc đang tiến lên chủ nghĩa xã hội, mà cả ở miền Nam đương anh dũng đấu tranh chống ách phát xít của bè lũ Mỹ-Diệm. Số quần chúng ấy bao gồm cả tuyệt đại đa số anh chị em nghệ sĩ Bắc Nam. Vì sao như thế? Chính là vì những bài viết bức vẽ ấy không phát hiện sự thật mà bóp méo sự thật, không “*giúp Đảng thấy vấn đề*” mà đả kích vào Đảng, không nói lên đòi sống đấu tranh của quần chúng mà bôi nhọ thậm chí đến chửi rủa quần chúng, không thúc đẩy miền Bắc tiến lên, mà định ngăn chặn bước tiến lên của miền Bắc. Anh em văn nghệ chân chính nào mà thích được cái kiểu văn chương nghệ thuật đầu độc của nhóm Nhân văn.

Từ việc trình bày xuyên tạc cái quan hệ giữa văn nghệ và chính trị Hoàng Cầm đi đến nhận định: “*Sau việc này sự mâu thuẫn giữa văn nghệ sĩ và cán bộ chính trị bắt đầu phát triển khá mạnh trong con người Trần Dần*”. Hoàng Cầm lại nêu lên một lời than thở của Trần Dần: “*Ôi già! Cái con số cán bộ chính trị bóp chết nghệ thuật thì không ít đâu!*” giữa lúc tình hình có nhiều khó khăn, đang cần đến sự tận tụy của cán bộ chính trị nói chung và cán bộ ngoại ngành, Hoàng Cầm viết như vậy khác nào nỏ mìn vào nền móng của cách mạng?

Đặt nỏ mìn vào uy tín của cán bộ Đảng như thế rồi, Hoàng Cầm lại khéo léo che đậy, làm như đã tâm của mình có thể che được mắt quần chúng của Hoàng Cầm rên la có vẻ khẩn khoản: “*Làm thế nào để Trung ương Đảng biết rõ tình hình?*”! Hồi

## HUỶNH ÁI TÔNG

xưa, học sinh các trường Pháp thuộc có lối chơi ác, chĩa ngòi bút vào sau gáy bạn, rồi gọi bạn cho bạn quay lại để ngòi bút sọc vào má. Cái lối kêu gọi Trung ương của Hoàng Cầm cũng không khác lối chơi ác ấy. Có khác là nó hiểm độc hơn, nguy hại hơn, và không lừa bịp được ai. Vì cũng chẳng phải đợi lâu la gì cái mũi kim trong bọc mới thò đầu ra: Đồng chí Nguyễn Chí Thanh là một trong những ủy viên Trung ương Đảng phụ trách ngành quân sự. Sự chăm sóc giúp đỡ của đồng chí Nguyễn Chí Thanh đối với phong trào văn nghệ như thế nào, những anh em văn nghệ sĩ Liên khu IV trước kia và Liên khu Việt Bắc sau này, đã có dịp được gần gũi đồng chí, đã đều hiểu rõ. Tuy bận nhiều công tác nặng nề, quan trọng đồng chí vẫn chú ý đến từng bài thơ, bản nhạc, bức vẽ của anh em đem sự hiểu biết và sáng suốt của mình, đem ánh sáng của đường lối văn nghệ Mác-Lênin, chỉ dẫn cho từng bước đi dò dẫm của anh em lúc đi chỉ mới có nhiệt tình mà chưa thấm nhuần được sâu sắc về cách mạng. Khi thấy Trần Dần đưa ra cái “đề án chính sách văn nghệ” sặc mùi tư bản của Dần, đòi “*Trả lãnh đạo văn nghệ cho văn nghệ sĩ*,” đòi “*Thành lập một chi hội văn nghệ trong tổ chức của quân đội*” đòi “*hủy bỏ mọi chế độ quân đội hiện hành*” trong văn nghệ quân đội, đồng chí Nguyễn Chí Thanh nhìn rõ cái thực chất, tư sản, của bản dự án ấy nên nghiêm khắc giải thích và ân cần dặn dò anh em phải đề phòng, Hoàng Cầm tả lại như thế nào “*Đột nhiên trong không khí hào hứng của gần ba mươi anh em văn nghệ sĩ đang sẵn sàng cởi mở hết để xây dựng một trong những chính sách lớn của Đảng bỗng có một câu quật lại*”. Rồi Hoàng Cầm tiếp với một giọng láo xược: “*Giá câu nói ấy ở mồm một người thường thì cũng sẽ thường thôi*”. Nói tới đồng chí Trung ương như vậy, Hoàng Cầm có từ Trung ương đâu? Hơn hai năm nay, Hoàng Cầm, Trần Dần và bè lũ *Nhân văn*, không nghe lời chỉ bảo anh em của đồng chí Nguyễn Chí Thanh, đã sa vào cạm bẫy của lũ lái buôn văn nghệ kiểu Minh Đức như thế nào, đã rơi vào những tổ quỷ của những lực lượng chống Đảng chống chủ nghĩa xã hội miền Bắc thế nào, nhân phẩm và ngòi bút của bọn họ đã xa đọa thế nào, trong một dịp khác, nếu cần, sẽ bị lôi

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

ra ánh sáng. Ở đây, tôi chỉ bóc trần cả một “chiến lược” của nhóm *Nhân văn* là núp dưới lá chắn “*phục tùng sự lãnh đạo của Đảng*” để dễ đánh vào tất cả các cấp bộ của Đảng, từ một đơn vị cơ sở như bộ đội Sơn la cho đến Trung ương Đảng mà đồng chí Nguyễn Chí Thanh là đại diện thôi. Hoàng Cầm gọi tổ chức lãnh đạo văn nghệ cao nhất của Trung ương là “bè phái độc quyền”, gán ghép việc Trần Dần bị giữ lại kiểm thảo để khỏi sa vào hồ tội lỗi, với việc phê bình tập thơ *Việt Bắc* của đồng chí Tố Hữu, cho là một cách giả thù, cũng không ra ngoài cái âm mưu vây bùn lên cán bộ Đảng, đối lập tổ chức văn nghệ của Đảng với văn nghệ sĩ, xuyên tạc những việc làm rất quang minh chính đại của Đảng.

\*

Để chứng tỏ rằng chính trị không thể lãnh đạo được văn nghệ, hay, nói cho đúng cái ý mà Hoàng Cầm muốn cho người ta nhầm hiểu, xong vẫn quanh co dấu diếm không dám nói toạc ra, là Đảng ta không lãnh đạo được văn nghệ, Hoàng Cầm luồn vào trong “hồi ký” những nhận định hoàn toàn viển vông, sai lạc. Hoàng Cầm cho văn nghệ kháng chiến ta là: “*Văn chương khỏi lừa mịt mù*”, “*nhìn vào trong sách chỉ thấy lổn nhổn những bộ máy lấp đi lấp lại và một lô danh từ, hình ảnh trống rỗng, thùng rỗng kêu to*” Hoàng Cầm cho rằng lối lãnh đạo văn nghệ của Đảng ta là: “*Gò bó theo ý thích chủ quan của một vài người*” cho nên thơ ca của chúng chỉ là “*hoa giấy đóng hộp bày trong tủ kính*”. Nhưng thâm ý của Hoàng Cầm không chỉ nói riêng về mặt lãnh đạo văn nghệ. Cầm còn mạt sát cán bộ, nhân dân ta một cách trắng trợn hơn: “*Đảng cần nhiều khối óc, cần nhiều bàn tay, cần nhiều trái tim, chứ Đảng không cần đến những con người máy, giật thế nào làm thế ấy*”. Luận điệu của Hoàng Cầm là luận điệu chung của nhóm *Nhân văn*, của Trần Duy trong người khổng lồ, của Yên Lan trong tĩnh vật, của Lê Đạt trong mây người tự tử, của Châm văn Biếm trong thi sĩ máy v.v... Bọn *Nhân văn* vẫn rêu rao chống công thức, tìm cái mới, trăm hoa đua nở, chống công thức lại giống nhau thế, tìm

## HUỶNH ÁI TÔNG

tòi những gì mà ra rất một giọng như thế, đua nở thể nào mà nở rập khuôn như thế? Rõ ràng là chống công thức chỉ có nghĩa là chống Đảng, tìm thể chỉ tòi ra bộ mặt bỉ ổi, và đua nở thể chỉ nở ra sâu, ra mọt, ra trùng. Giọng lưỡi *Nhân văn* thật cũng một cốt một đồng với giọng lưỡi tác động tinh thần của Thụy An đã dám bảo văn nghệ sĩ kháng chiến<sup>[2]</sup> là hèn, là nô lệ chính sách.

Tìm sâu vào khía nhìn của bè lũ *Nhân văn* đối với văn nghệ cách mạng thật ra cũng không thấy gì ngạc nhiên. Nó là cái nhìn của bọn thù địch đối với văn nghệ cách mạng. Từ Cách mạng tháng Tám đến nay, những người có thiện chí đều phải công nhận rằng nền văn nghệ dân tộc của chúng ta đã bước sang một bước ngoặt lịch sử. Những lời khóc gió than mây của thời kỳ *Phong hóa, Ngày nay* thống trị văn đàn, những điệu tâm hồn rã rời, điên loạn, kiêu Đinh Hùng, Vũ Hoàng Chương, đã hoàn toàn cởi giáp bó giáo trước sức sống của văn nghệ cách mạng, văn nghệ kháng chiến anh hùng của thời đại trong văn học từ lúc này không phải là Tố Tâm, là Loan, Dũng cười con ngựa đi trong đồn điền để nghĩ việc giải phóng con người, là Nguyễn thềm khát phiêu lưu để phiêu lưu nữa, mà là những công nhân trong *Vùng mỏ*, là anh du kích trong *Truyện Tây Bắc*, trong *Con trâu*, là anh bộ đội cách mạng trong *Xung kích*, trong *Đất nước đứng lên*, là ngàn vạn triệu anh hùng vô danh, anh hùng bằng xương bằng thịt đã đứng lên bảo vệ Tổ quốc bảo vệ con người. Cái việc dững cảm của văn nghệ sĩ bây giờ là dám rời bỏ căn phòng của mình mà đi xuống hầm mỏ với công nhân, đi lên công trường với dân công đi vào tổ đời công với nông dân đi vào đơn vị với quân đội, không phải là ngồi ở tiệm cà phê viết “Tiếng sáo tiền kiếp”, hay phát hiện những sự thật tưởng tượng mà là dững cảm. Cái dững cảm kiêu cõi truông đi ra phố chỉ có thể đi đến đồn công an vì phá hoại mỹ quan.

Công nông binh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nhờ sự lãnh đạo của Đảng đã từ bùn lầy nước đọng từ những nhà tù hay từ những cuộc sống đau đớn nhức nhối gấp mấy lần nhà tù,



## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

đứng lên đánh đuổi và chiến thắng một đế quốc hùng mạnh như đế quốc Pháp có Mỹ giúp từ những nô lệ không có quyền sống, nhờ sự lãnh đạo của Đảng, đã thực sự thành người, với ý nghĩa chân chính nhất của tiếng người, hơn nữa, thành những anh hùng luôn luôn lao động luôn luôn chiến đấu cho Tổ quốc, luôn luôn sáng tạo mọi mặt để sáng tạo ra lịch sử cách mạng Việt Nam, kẻ nào gọi những người anh hùng đó là không tim, không óc, là máy, đều là những kẻ mang tim óc của đế quốc, đều là cái máy phá hoại vô lương tâm nhất của quân thù. Không thể là cái gì khác.

Văn nghệ cách mạng, văn nghệ kháng chiến của chúng ta đã bắt đầu đi sâu vào đời sống công nông binh, đã bước đầu miêu tả được hình ảnh nguyện vọng, ý chí của họ. Đó là nền văn nghệ vẻ vang nhất, trong sáng như mặt trăng mặt trời không có sự khắc nhỏ hằn học nào phạm đến được. Cái tiếng kêu cứu đòi “tự do sáng tác” đòi “chống công thức” kiểu Nhân văn – Giai phẩm, thực chất chỉ là đòi quyền đầu độc của thứ văn nghệ dật gân kiểu Mỹ.

\*

Đoạn trên tôi đã nói, muốn bơm to việc thi hành kỷ luật Trần Dần thành một vụ án văn học đầy oan khuất, như oan bà Thị Kính, Hoàng Cầm phải sáng tạo ra một Trần Dần ngay thẳng, chính trực, trong sạch, phải miêu tả Trần Dần thành một thứ anh hùng quần chúng, dũng cảm, hy sinh, và có tí ty khuyết điểm như cục cằn nóng nảy – cho có vẻ thật, cho người ta tin, theo mẹo của Lê Đạt – có như thế thì khi Trần Dần “bị oan” người ta mới đau xót, căm thù chế độ đã “*chà đạp con người trong trắng Trần Dần và nhân phẩm văn nghệ sĩ xuống bùn đen*”. Nhưng tiếng kêu của đàn quạ không thể giống được tiếng hót của thiên nga, và bộ mặt của Trần Dần, tuy được anh phó sơn Hoàng Cầm tô vẽ bằng đủ các màu sắc lòe loẹt, cuộc vẫn không hóa ra được gà, và Trần Dần tô vẽ cũng vẫn lộ ra

## HUỶNH ÁI TÔNG

một Trần Dần yêng hùng kiêu nhân vật tiểu thuyết Lê Văn Trương.

Tả Trần Dần giảng viên một lớp văn công, Hoàng Cầm viết mấy trăm anh chị em được học Trần Dần “*đều thấy vui trong lòng như một người đi trong đêm rét, được thấy lửa ấm của một túp nhà*”. Những anh chị em ấy đã được Dần “*thối vào tâm tư một cái tự hào rất lớn*”. Và đi tới tin Dần “*như một người đau khổ ngày trước tin ở số mệnh*”. Nhóm Nhân văn thường hay bôi nhọ những người trung thành với cách mạng là nịnh hót. Nhưng nịnh hót lẫn nhau, để lừa bịp quần chúng lại là một thủ đoạn thiện nghệ của “*văn sĩ*” Nhân văn. Sánh được với sự Hoàng Cầm nịnh hót tâng bốc Trần Dần chỉ có những tay bôi bút của Mỹ Diệm tâng bốc Phan Khôi là “*anh hùng của ba trăm nô lệ*”. Chưa nói cái thực chất kiêu ngạo độc đoán của Trần Dần ở lớp học ấy đã bị anh chị em cán bộ và diễn viên phản đối rất nhiều, chỉ nói riêng cái cách “*tô hồng*” của Hoàng Cầm, ta cũng thấy thật lố lăng, khó ngửi. Anh chị em văn công, nhất là văn công quân đội, vì giác ngộ cách mạng mà đi phục vụ bộ đội, phục vụ nhân dân. Họ có ngọn lửa cách mạng sáng rực trong tim óc mà anh chị em có thể chịu đựng gian khổ, đói rét đi kháng chiến, sao Hoàng Cầm lại ví cái sự đi làm công tác cách mạng của anh em như đi “*trong đêm rét*”? Và cho rằng có được Trần Dần giảng cho mới thấy được “*lửa ấm của một túp nhà*”? Phải có Trần Dần anh chị em mới được “*thối vào tâm tư một cái tự hào rất lớn*”? Tôi nghĩ, không tự hào không thể đi kháng chiến được. Cái tự hào của anh chị em văn công quân đội là ở trong lòng anh chị em đâu phải đợi Trần Dần thối vào? Chưa biết anh chị em văn công có được Trần Dần thối cho cái gì không, nhưng chắc chắn là Trần Dần đã được Hoàng Cầm thối vào ruột cái sự hợm hĩnh đến phòng tướng lên, và bây giờ xì ra như một cái bong bóng đầy hơi xú ối. Còn như Cầm bảo anh chị em tin Dần như “*một người ngày trước đau khổ tin ở số mệnh*” thì chỉ là một lời mạt sát thô bỉ mà anh chị em văn công quyết không tha thứ.

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Cái việc Hoàng Cầm vu cho anh chị em văn công tin yêu Trần Dần thì tự Hoàng Cầm đã chứng minh ngược lại ở ngay đoạn sau, đoạn tả Trần Dần “*tán công*” một chị diễn viên khiến “*cô ấy sợ, và chạy trốn*” (nguyên văn của Hoàng Cầm) đến nỗi “*con voi Dần phải ôm đầu chảy nước mắt!*” đã tự nó nói lên cái sự thật của anh chị em tin yêu Trần Dần là thế nào rồi. Và nó bịp bợm đã lòi đuôi.

Tả “con người văn nghệ” của Trần Dần, Hoàng Cầm cũng tài lắm. Nào là Dần “*thức thâu đêm suốt sáng để sáng tác*”, nào Dần “*gây rộc đi, mắt trũng xuống nhưng có những tia sáng mới*” nào Dần “*tìm tòi lối diễn tả riêng biệt nhưng độc đáo*”. Bọn hơn nữa, Cầm vờ trách Dần “bất chước” Mai-a để Dần có dịp tự đề cao: “*Tâm hồn có giống nhau thì mới ảnh hưởng nhau sâu sắc được chứ?*” Nhưng có cái không giống nhau giữa Mai-a và Trần Dần là Mai-a thì suốt đời trung thành với lá cờ đỏ xã hội chủ nghĩa và Trần Dần thì bôi nhọ lá cờ đỏ:

*Không thấy phố  
Không thấy nhà  
Chỉ thấy mưa sa trên màu cờ đỏ.*

Với Trần Dần chỉ cần một bóng đàn bà đi qua cuộc đời là đủ để Trần Dần nhìn lá cờ của Tổ quốc biến màu. Cái khác đó Dần không dám nói mà Cầm cũng không dám nói. Cho nên Cầm tả Dần rất “đẹp” cũng chỉ để tỏ rằng chế độ ta xấu, lá cờ ta xấu. Dần không đẹp được, nên lá cờ của ta Dần bôi nhọ chỉ là Dần tự chôn mình. Cầm bảo Dần “*tìm cái độc đáo*”, nhưng “*cái độc đáo*” của Dần trước cách mạng là giống Đinh Hùng, sau cách mạng là “bất chước Mai-a”. Nhưng giống Đinh Hùng thì Dần giống như trong ruột giống ra, mà bất chước Mai-a thì Dần chỉ bất chước được cái kiểu thơ xuống dòng.

Rồi Hoàng Cầm lại tả Trần Dần yêu cô K.. Nào là Dần “*chưa từng yêu tuy đã gần 30 tuổi*” - Điều này thì cũng đúng thôi.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Dần chưa từng yêu, nhưng anh em quen Trần Dần ai cũng biết trước cách mạng Trần Dần đã nhiều lần truy lạc. Hoàng Cầm là bạn thân Trần Dần chắc không phải không biết trước kia Trần Dần có một cuộc đời sa đọa đến thế nào, trong lúc đó Dần mới 20 tuổi.

Hoàng Cầm vẫn còn quan niệm ở một nhà văn thì những tật xấu cũng là biểu hiện của thiên tài, nên Cầm viết về Dần: *“Dần thường bừa bãi”* nên *“giao thiệp với người đàn bà này anh (Dần) cũng rất bừa bãi”* Dần *“xấn xồ đòi “tình yêu”*. Cầm không cho việc Dần làm thế là đáng xấu hổ cho một quân nhân cách mạng. Việc Dần đào ngũ, bỏ doanh trại đi hàng tháng vì mê gái Cầm gọi là *“đội ba lần làm trái với nội quy sinh hoạt của bộ đội”*.

Thực chất hành động của Trần Dần là hành động của lính lê dương, không phải là hành động của quân đội nhân dân.

Đề quy kết cho việc Phòng Văn nghệ Quân đội chưa đồng ý cho Dần lấy cô K. thành một sự “bóp nghẹt tự do luyện ái” Cầm cãi cho cô K. là một người rất yêu tổ quốc. *Vì ngày giải phóng thủ đô đã chạy ra đường, vẫy chào quân đội, miệng hoan hô không biết mỏi. Cố nhiên tuyệt đại đa số nhân dân thủ đô ngày giải phóng, ủa ra đón lá cờ của Tổ quốc, với tất cả nỗi sung sướng trong lòng là những người yêu nước. Nhưng với cô K. một người đàn bà trên 20 tuổi, vốn không phải giáo dân, bỗng dung trở thành “con nuôi” của một cụ đạo, một mình sống với cụ đạo ấy trong vùng tạm chiếm. Cụ đạo bỏ giáo dân đi Nam, dễ dàng trao lại cho cô “con nuôi” mấy dinh cơ lớn ở Hà nội thì việc đó có nên xét kỹ không? Có nên chỉ lấy một việc “hoan hô bộ đội” cho rằng đủ để đảm bảo về chính trị không? Biện bác như vậy, Hoàng Cầm ngâm thơ về chính trị thật hay là cố tình làm ra ngâm thơ? Điềm này tự độc giả sẽ xét đoán. Bọn phản động đội lột thày tu thường vu cho Chính phủ ta cấm đạo. Hoàng Cầm nhấn mạnh vấn đề người yêu của Trần Dần là người có đạo, cho đấy là lý do để đơn vị không tán*

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

thành tình yêu của Trần Dần. Việc nhấn mạnh ấy có dụng ý gì? Điểm này cũng tự độc giả sẽ xét đoán. Có một điều không mấy người biết mà Trần Dần, Hoàng Cầm cũng không khoe, là con chó của cô K. mà Trần Dần nói đến trong “Nhật định thắng” không phải là một con chó vàng, chó vận tầm thường đâu, mà là một chú chó “béc dê” cũng là vật ủy quyền của cha cố họ.

Có anh hùng thì phải có giai nhân: Theo Hoàng Cầm thì cô K. cũng là một người con gái mới yêu lần đầu (cố nhiên) và rất ngây thơ, và đã chịu đựng như chúa Giê-su, chịu đóng đinh trên thánh giá.

*“Thế rồi sống bằng gì hả anh? Chính phủ có kết tội những người có nhà cho thuê không hở anh? Bộ đội có cho tôi lấy anh không hở anh? Anh đi... anh có về nữa không anh ơi! Liệu cháu nó có mất bố không hở anh? Liệu tôi có góa chồng sớm không hở anh? Tóm lại đủ những lời lẽ bi thiết gieo một tấn bi kịch ba hồi ba cảnh yêu đương ly biệt và đau khổ. Thảo nào mà Hoàng Cầm chẳng thấy nào là chua chát lạ lùng nào là đau đớn như có búa nện vào óc, đinh đóng vào tim, có giầy trời chặt chân tay nào là như bị kim chích vào gan nào là lòng tôi như dao chém. Tim, gan, lòng, có cũng đủ cả bốn món.*

Đến đây, tấn kịch oan khuất đã có đầy đủ nhân vật chính: Trần Dần một “nhà văn cách mạng” hay xấn xỏ đòi tình yêu, giống Mai-a bị vu cáo; cô K. một thiếu nữ ngây thơ, thanh sạch bị đau khổ, con nuôi tâm tình của một nhà tu hành đạo đức; Hoàng Cầm, một người bạn hào hiệp ở quán cà phê; một con chó béc dê, lại thêm một bà cụ hàng xóm, một đứa bé chưa biết đặt tên là gì để *Kỷ niệm nhân phẩm văn nghệ sĩ bị chà đạp xuống bùn đen*; một nhát dao cứa nhẹ vào da cổ, chỉ còn thiếu một lời luận tội, một vai phản diện. Lời luận tội Hoàng Cầm đã rao sẵn: *Kẻ nào hô ra hai tiếng phản động để gọi cả làng ra đánh chết Trần Dần*, và vai phản diện, vai mà Hoàng Cầm cũng đã ráp sẵn: lãnh đạo! *Từ những ngày Tết mưa lũ tã, cái bè phải độc quyền trong văn nghệ bắt đầu họp đứng họp ngồi để*

## HUỶNH ÁI TÔNG

*tìm cách đối phó...* Hoàng Cầm không tiếc lời chế riễu đã kích vào những tư tưởng, những nguyên tắc căn bản của Đảng ta về lập trường quan điểm, về giai cấp, cho là những *câu to lớn* rút ra trong *hàng chục pho sách chính trị để quy kết cho một mối tình!* Hoàng Cầm đã cho lãnh đạo là thủ phạm vụ án văn học Trần Dần! Thực là một mảnh khoe xảo trá không thể tha thứ.

Vẫn còn thiếu khúc mở nút cho tấn kịch mà Hoàng Cầm đã mất bao nhiêu tâm huyết để dàn cảnh, cho có đầu có đuôi, cho cái việc Trần Dần “siêu nhiên xuất chúng” trở thành một Thị Kính hàm oan, cho việc phá hoại kỷ luật thành một cuộc tình duyên bị phá hoại tàn bạo, cho việc bảo vệ nguyên tắc thành một sự báo thù, tất cả những việc ấy gán ghép lại, quặc vào nhau, chẳng chặt khăng khít, sao cho buộc tội được lãnh đạo, buộc tội được Đảng có hiệu quả. Khúc mở nút ấy Hoàng Cầm cũng “sáng tạo” ra rất tài tình: Đại hội lần thứ 20 Đảng Cộng sản Liên Xô! Mồm luôn nói đến phục tùng sự lãnh đạo của Đảng, giải quyết tấn kịch lại dùng cả đến Đảng Cộng sản Liên Xô – mặc dầu ở cùng tờ *Nhân văn* số 1 ấy, có bài của Hoàng Huế chửi Liên Xô – tư tưởng thì vẫn thường coi nền vô sản chuyên chính của ta là “*ngu khờ nắm chính quyền*”. Tất nhiên Hoàng Cầm phải nghĩ rằng thánh cũng không nhìn thấy được cái thâm ý chống Đảng trong cái hồi ký của mình. Thế là Hoàng Cầm yên trí sử dụng Đại hội thứ 20 Đảng Cộng sản Liên Xô làm phương tiện giải quyết tấn kịch:

*“Sau khi học tập nghị quyết của Đại hội lần thứ 20 Đảng Cộng sản Liên Xô, cái tin vui từ trong lòng tôi tự dung tỏa ra: Trần Dần chắc chắn sẽ được về! – Quả nhiên v.v...”*

Hoàng Cầm cho rằng Đảng Cộng sản Liên Xô phát hiện sai lầm của đồng chí Sta-lin thì cũng phát hiện ra sai lầm của Đảng ta. Vậy Đảng ta thả Trần Dần về, tức Đảng ta sai, Trần Dần đúng. Chắc Hoàng Cầm, và bọn Duy, Đang, Khôi, Dần, Đạt phải nốc với nhau hàng vò rượu, hút với nhau hàng chục “Ken cò” để tán thưởng cái diệu kế: Dùng Đảng Cộng sản Liên Xô

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

đả kích Đảng Lao động Việt Nam. Quả nhiên, vở kịch con người *Trần Dân* “thành công rực rỡ”. Ở miền Bắc nó làm rớt nước mắt của một vài người “nhân đức” như kiều Thụy An, Trương Tửu, ở miền Nam nó làm cho những tên bồi bút của Mỹ - Diệm, bỗng nhiên đều hóa thành những chiến sĩ phát lá cờ đầu bảo vệ tự do, chính nghĩa, nhâu nhâu lên tiếng rủa sả chế độ miền Bắc dã man, tàn bạo, chà đạp con người lên tiếng ca tụng những người dũng cảm chống cộng như Hoàng Cầm, Trần Dân, Lê Đạt, Phan Khôi, Trương Tửu, Nguyễn Hữu Đang, Trần Duy, Hữu Loan v.v..., nghĩa là cả nhóm *Nhân văn-Giai phẩm*. (Chỉ tiếc các “chiến sĩ” của Mỹ-Diệm chưa nói đến tên Minh Đức).

Hoàng Cầm lập luận: nhờ ánh sáng của Đại hội lần thứ 20 Đảng Cộng sản Liên Xô mà Trần Dân được minh oan! thật cứ để Hoàng Cầm tha hồ đắc sách, ngâm ông đu đủ thổi cho Trần Dân vốn đã phênh, lại phênh thêm: “*Trước mắt tôi là một người có sức mạnh chống chọi với tử nhục, thành kiến*”... “*Trước mắt tôi là một người chí tình, tha thiết*” “*Trước mắt tôi là một con người dũng cảm có thủy có chung*” “*Trước mắt tôi là một chuyện kéo bè kéo cánh để vu cáo trắng trợn ... một vụ án văn chương vô cùng oan ức, một tài năng và một tâm hồn trong sạch bị giày xéo... Trước mắt tôi là Trần Dân*”.

Hồi kèn xuất trận của Hoàng Cầm và bè lũ *Nhân văn* thật là dóng dả.

Chỉ đáng buồn thay cho Hoàng Cầm, Trần Dân và bè lũ *Nhân văn* là nhân dân miền Bắc rất sáng suốt không để cho bọn mượn tiếng “*đứng dưới sự lãnh đạo của Đảng Lao động Việt Nam, theo chủ nghĩa Mác-Lênin với tinh thần thực tiễn*” để chửi vào Đảng rất cụ thể, hết như chiến thuật mà bọn chống cộng nhà nghề quốc tế vẫn dùng.

Chỉ đáng buồn thay cho Trương Tửu, Trần Duy, Nguyễn Hữu Đang, Lê Đạt là *Nhân văn* chưa ra được số sáu là số kêu gọi

## HUỶNH ÁI TÔNG

biểu tình chống Chính phủ, thì đã bị công nhân nhà in Xuân Thu chặn lại, khiến cho *Nhân văn* không thi thố được tội ác trọn vẹn.

Chi đáng buồn thay cho bạn bè lũ *Nhân văn* là miền Bắc tuy có phản động lén lút, nhưng không đủ đông đủ mạnh để gây ra một vụ phản cách mạng như ở Hung-ga-ri.

Chi đáng buồn thay cho bè lũ *Nhân văn* là *Giai phẩm-Nhân văn* không được trở thành những văn kiện lịch sử công thần cho một chính phủ kiểu Im-rê Nát-dơ mà lại trở thành những bằng chứng vạch rõ dã tâm và tội ác của cả bè lũ *Nhân văn*.

Cho nên Trần Dần mà Hoàng Cầm định tả thành người có thù có chung thì cũng chỉ có thù có chung với thân thể *Dạ đài* mà tuyên ngôn là: “*Chúng tôi, lũ người vong gia thất tổ, thác sinh vào buổi sao mờ*”.<sup>[3]</sup>

Cho nên Trần Dần mà Hoàng Cầm định tả thành một thứ anh hùng nhân dân vẫn chỉ hiện nguyên hình thành một thứ anh hùng cao bồi chỉ thiếu áo có chim cò kiểu Mỹ.

Những tư tưởng lạc lõng của Trần Dần đối với nền văn nghệ nhân dân, cũng xứng đáng thay thế những thứ quần áo, chim cò, mà thanh niên ta đang bài trừ trong phong trào hai nên ba chống.

Tôi nói thẳng một cách “thô bạo” thế này, chắc không hợp với khẩu vị của nhóm *Nhân văn* vốn ưa những điều lắt léo, bóng gió. Nhưng sự thật là như vậy, “*tôi biết nói sao!*”.

30-3-1958

---

[1]Chữ dùng của Hoàng Cầm

[2]Nguyên văn: kháng kháng chiến. Chúng tôi cho rằng bản gốc có lỗi in ấn (talawas).



HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

[3] Tuyên ngôn của nhóm văn nghệ tượng trưng do Trần Dần thảo ra năm 1946, sau Cách mạng tháng Tám.

(Nguồn: Tạp chí *Văn nghệ*, số 11, tháng 4 năm 1958 – Số đặc biệt chống tư tưởng phản động của *Nhân văn-Giai phẩm*)

Trích thơ:

**Tình Sâu**

*Xuân hồng có chàng tới hỏi  
Em thơ, chị đẹp em đâu ?  
Chị tôi tóc xõa ngang đầu  
Đi bắt bướm vàng ngoài nội*

*Hạ đỏ vẫn chàng tới hỏi  
Em thơ, chị đẹp em đâu ?  
Chị tôi hoa trắng cài đầu  
Đi giặt tơ vàng bên suối*

*Thu xám cũng chàng tới hỏi  
Em thơ, chị đẹp em đâu ?  
Chị tôi khăn trắng ngang  
đầu  
Đi hát tình sâu trong núi*

*Đông xám lại chàng tới hỏi  
Em thơ, chị đẹp em đâu ?  
Chị tôi hoa phủ đầy đầu  
Đã ngủ trong lòng mộ tối*

**Tương Biệt Dạ**

*Hiu hắt trăng khuya lạnh bốn bề  
Ý sâu lên vệt đến sao khuê*

## HUỶNH ÁI TÔNG

*Quý thay giây phút gần tương biệt  
Vương vấn người đi với kẻ về*

*Ngồi suốt đêm trường chẳng nói năng  
ngâm ngùi chén rượu ánh vầng trăng  
người xưa lưu luyến ra sao nhỉ  
có giống như mình lưu luyến chẳng*

*Đã tắt lò hương lặng phím đàn  
thư phòng sắp sẵn để cô đơn  
trời cao mây nhạt ngàn sao rụng  
một giải vương theo mấy dặm buồn*

*Sớm biệt ly nhau không nhớ nhau  
nửa đêm chợt tỉnh bỗng nhiên sầu  
trăng mùa xuân đó ai tâm sự  
Anh đã xa rồi. Anh biết đâu?*

*Thơ của Huyền Kiều chuyên chở nỗi buồn, đọc tên bài thơ đã thấy mang chứa nội dung buồn nào là “Tình sầu”, “Tương dạ biệt”. Bài “Tình sầu” đã được nhạc sĩ Phạm Duy phổ nhạc với tựa đề “Ngày xưa một chuyện tình buồn” và nhạc sĩ Việt Dzũng phổ nhạc với tựa đề “Thu vàng có chàng tới hỏi”.*

Tài liệu tham khảo:

- Huyền Kiều Web: [vi.wikipedia.org](http://vi.wikipedia.org)

9) Xuân Diệu



**Xuân Diệu - Ngô Xuân Diệu (1916-1985)**

Nhà thơ Xuân Diệu tên thật là Ngô Xuân Diệu, sinh ngày 2 tháng 2 năm 1916 tại Gò Bồi, thôn Tùng Giản, xã Phước Hòa, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định. Quê quán làng Trảo Nha, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh nhưng sinh. Cha là ông Ngô Xuân Thọ và mẹ là bà Nguyễn Thị Hiệp.

Xuân Diệu lớn lên ở Qui Nhơn. Sau khi tốt nghiệp tú tài, ông đi dạy học tư và làm tham tá thương chánh ở Mỹ Tho (nay là Tiền Giang), sau đó ra Hà Nội sống bằng nghề viết văn, là thành viên của Tự Lực Văn Đoàn (1938–1940). Ông tốt nghiệp cử nhân Luật năm 1943 tại Đại học luật Hà Nội.

Bên cạnh sáng tác thơ, ông còn tham gia viết báo cho các tờ *Ngày Nay* và *Tiên Phong*. Ông còn có bút danh là Trảo Nha, là một trong những người sáng lập Đoàn báo chí Việt Nam, nay là Hội Nhà báo Việt Nam.<sup>[1]</sup>

Trong sự nghiệp sáng tác thơ văn của mình, Xuân Diệu được biết đến như là một nhà thơ lãng mạn trữ tình, "nhà thơ mới

## HUỶNH ÁI TÔNG

nhất trong các nhà thơ mới" (Hoài Thanh), "ông hoàng của thơ tình".

Xuân Diệu là một trong những chủ soái của phong trào "Thơ Mới". Tác phẩm tiêu biểu của ông ở giai đoạn này: *Thơ thơ* (1938), *Gửi hương cho gió* (1945), truyện ngắn *Phấn thông vàng* (1939), *Trường ca* (1945).

Năm 1944, Xuân Diệu tham gia phong trào Việt Minh. Sau Cách mạng Tháng Tám, ông hoạt động trong Hội văn hóa cứu quốc, làm thư ký tạp chí *Tiến phong* của Hội. Sau đó ông công tác trong Hội văn nghệ Việt Nam, làm thư ký tòa soạn tạp chí *Văn nghệ* ở Việt Bắc.

Xuân Diệu từng là đại biểu Quốc hội Việt Nam khóa I năm 1948.

Năm 1949, Xuân Diệu được kết nạp vào Đảng, từ năm 1957, Hội nhà văn được thành lập, Xuân Diệu luôn luôn được bầu vào Ban chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam. Từ đó, ông trở thành một trong những nhà thơ hàng đầu ca ngợi cách mạng. Bút pháp của ông chuyên biến phong phú về giọng vẻ: có giọng trầm hùng, tráng ca, có giọng chính luận, giọng thơ tự sự trữ tình. Tiêu biểu là: *Ngọn quốc kỳ* (1945), *Một khối hồng* (1964), *Thanh ca* (1982), *Tuyển tập Xuân Diệu* (1983).

Năm 1983, Xuân Diệu được bầu là Viện sĩ thông tấn Viện Hàn lâm nghệ thuật nước Cộng hòa dân chủ Đức.

Xuân Diệu đã lập gia đình với Nghệ sĩ Nhân dân Bạch Diệp nhưng hai người đã ly dị và họ không có con chung. Sau khi ly dị ông sống độc thân cho đến lúc mất.

Xuân Diệu là người cùng quê Hà Tĩnh với Huy Cận (làng Ân Phú, huyện Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh) nên khi gặp nhau, hai ông đã trở thành đôi bạn thân. Vợ của Huy Cận, bà Ngô Thị Xuân

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Như là em gái của Xuân Diệu. Có người cho rằng Xuân Diệu cùng với Huy Cận là hai nhà thơ đồng tính luyến ái. Huy Cận và Xuân Diệu từng sống với nhau nhiều năm. Những bài thơ "Tình trai", "Em đi" của Xuân Diệu và "Ngủ chung" của Huy Cận được cho là viết về đề tài đó. Theo hồi ký *Cát bụi chân ai* của Tô Hoài thì Xuân Diệu từng bị kiểm điểm về việc này.

Con nuôi của ông là Tiến sĩ luật Cù Huy Hà Vũ - con trai nhà thơ Huy Cận, và cũng là cháu ruột của ông (cậu ruột). Cù Huy Hà Vũ đã bị bắt vào năm 2010, và bị kết án 7 năm tù giam, 3 năm quản chế vì tội Tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Xuân Diệu mất ngày 18 tháng 12 năm 1985, thọ 69 tuổi.

Xuân Diệu đã để lại khoảng 450 bài thơ (một số lớn nằm trong di cảo chưa công bố), một số truyện ngắn, và nhiều bút ký, tiểu luận, phê bình văn học.

Ông đã được truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh đợt I về văn học nghệ thuật năm 1996.

Tác phẩm:

- *Thơ thơ* (tập thơ, 1938)
- *Phân thông vàng* (truyện ngắn, 1939)
- *Trường ca* (bút ký, 1945)
- *Miền Nam nước Việt* (bút ký 1945)
- *Gửi hương cho gió* (tập thơ, 1945)
- *Ngọn Quốc kỳ* (tập thơ, 1945)
- *Thanh niên với quốc văn* (1945)
- *Hội nghị non sông* (tập thơ, 1946)
- *Việt Nam nghìn dặm* (bút ký, 1946)
- *Việt Nam trở dạ* (bút ký, 1948)
- *Dưới sao vàng* (tập thơ, 1949)
- *Tiếng thơ* (1951)

## HUỖNH ÁI TÔNG

- *Sáng* (tập thơ, 1953)
- *Mẹ con* (tập thơ, 1954)
- *Ngôi sao* (tập thơ, 1955)
- *Ký sự thăm nước Hung* (bút ký, 1956)
- *Triều lên* (bút ký, 1958)
- *Những bước đường tư tưởng của tôi* (hồi ký, 1958)
- *Ba thi hào dân tộc* (1959)
- *Phê bình giới thiệu thơ* (1960)
- *Riêng chung* (tập thơ, 1960)
- *Hồ Xuân Hương bà chúa thơ Nôm* (1961)
- *Trò chuyện với các bạn làm thơ trẻ* (1961)
- *Mũi Cà Mau - Cầm tay* (tập thơ, 1962)
- *Thi hào Nadim Hitmet* (dịch thơ, 1962)
- *Dao có mài mới sắc* (1963)
- *Một khối hồng* (tập thơ, 1964)
- *Thi hào dân tộc Nguyễn Du* (1966)
- *Hai đợt sóng* (tập thơ, 1967)
- *V.I. Lênin* (dịch thơ, 1967)
- *Đi trên đường lớn* (1968)
- *Vây giữa tình yêu* (dịch thơ, 1968)
- *Tôi giàu đôi mắt* (tập thơ, 1970)
- *Thơ Trần Tế Xương* (1970)
- *Độc thơ Nguyễn Khuyến* (1971)
- *Và cây đời mãi xanh tươi* (1971)
- *Việt Nam hôn tôi* (dịch thơ, 1974)
- *Hôn tôi đôi cánh* (tập thơ, 1976)
- *Mài sắt nên kim* (1977)
- *Lượng thông tin và những kỹ sư tâm hồn ấy* (1978)
- *Những nhà thơ Bungari* (dịch thơ, 1978)
- *Thanh ca* (tập thơ, 1982)
- *Các nhà thơ cổ điển Việt Nam* (tập I, 1981; tập II, 1982)
- *Tìm hiểu Tản Đà* (1982)
- *Nhà thơ Nicôla Ghiđen* (dịch thơ, 1982)

Trích văn:

**Những tư tưởng nghệ thuật của Văn Cao**

Mặt trận tư tưởng, tinh thần, mặt trận văn hoá văn nghệ quả thật là xung yếu, tinh tế! Những tư tưởng *Nhân văn-Giai phẩm* luôn lách như chạch; không phải lúc nào nó cũng lộ liễu như trộn trấu, cát vào gạo cơm ta ăn, khiến ta biết ngay; mà có khi nó giấu tay rõ thuộc độc vào những chai thuốc dán nhãn hiệu là “bổ”. Văn Cao vào hạng có bàn tay bọc nhung như thế. Sự giả dối đã thành bản chất của Văn Cao, nên những cái lạc hậu, thoái hoá của Văn Cao cứ nghiêm nhiên mặc áo chân lý và tiến bộ. Cũng là một thứ văn thơ “giật gân”, giật gân đến một độ rất nguy hiểm; thà cứ như cái thùng sắt tây Lê Đạt, thà cứ ngổ ngáo cao bồi như Trần Dần: dễ thấy; đảng này cứ như triết gia ban phát đạo lý nghìn đời; người nào đã biết thế nào là chân lý chân chính, đọc một số thơ và những bài văn, tựa của Văn Cao, có thể tức tối đến đau óc, bởi cái giả dối ở đây nó chẳng chịt thật là khó gỡ, nó đã thành máu thịt của Văn Cao, nó nói cứ như thánh, và còn biết noãn miệng cười duyên nữa!

Người ta lấy làm lạ rằng: những tư tưởng văn nghệ của Văn Cao, bóc trần ra, chỉ là một mớ bùng bùng nhùng nhùng quan điểm nghệ thuật tư sản, tại sao nó không phát ngôn ra ngay cuối thời Pháp thuộc, mà Văn Cao để dành ấp úng mãi, vừa rồi, đã mười mấy năm sau cách mạng, mới nín lấy “thời cơ” mà phát nó lên thành cờ, thổi nó ra thành kèn, hòng tập hợp văn nghệ sĩ sau lưng mình? Những thứ quan điểm đó, nếu mà đưa ra trong thời Pháp thuộc, cũng đã bị lạc lõng chẳng ai muốn nghe. Cũng như bọn xét lại hiện nay tái bản chủ nghĩa xét lại cũ rích hàng năm, sáu chục năm trước, trên cái đà của *Nhân văn-Giai phẩm*, Văn Cao lôi những cặn bã tư tưởng nằm giấu trong mình, chưa có dịp tuyên ngôn trong thời Pháp thuộc, nhảy vào hòng làm chủ trường phái trong văn học hiện nay. Nhiều nhà văn lớp trước vào với cách mạng, đã và đang tiếp tục tẩy gột những cái sai lầm tiền kiếp, mà vẫn thấy hầy còn chưa sạch; thì Văn Cao từ trong làng nhạc sang làng văn, vội

## HUỶNH ÁI TÔNG

lặn hụp vào vũng nước tống ra kia, và cho thể là thom, là mới!  
Văn Cao đã nhầm thời gian, nhầm lịch sử rồi!

Vào đời giữa thời phát-xít Nhật đổ bộ vào Đông Dương, lúc lớn lên nhảy cảm nhất lại là lúc chủ nghĩa đế quốc Pháp Nhật toát ra cái chất cuối mùa đời trụ nhất, phản động nhất, Văn Cao đã ngộ độc rất nặng. Bây giờ mà vạch những cái vắn vơ, buồn bã, sầu thảm trong thơ trong nhạc thời thuộc Pháp, thì dễ quá; trừ những người được giác ngộ cách mạng, còn thì hoang mang tiêu cực là “thường tình” của những người văn nghệ thời cũ. Ở đây ta chỉ nhắc lại về Văn Cao, là vì ở Văn Cao thời trước, cái chủ nghĩa cá nhân nó không “thường thường bậc trung” nữa, mà nó đã đi vào sa đọa, đi vào giai đoạn cô quạnh; cái óng ánh ngời lên của nó chính là màu của sự tan rã. Cái điều đã thành ra bi kịch, là Văn Cao vào với cách mạng, mà không chịu tự kiểm tra, tự phân tách vào đúng huyết của tư tưởng cũ của mình, để mà cải tạo nó, lại tự xoa vuốt mình với quan niệm dân tộc giải phóng chung chung, ôm giấu và nuôi nấng những tư tưởng cũ như một cái vốn ngầm tưởng là quý lắm; đến lúc cách mạng tiến lên chủ nghĩa xã hội, thiết lập nền chuyên chính vô sản, thì mới vỡ lở ra một bọc tư tưởng tư sản rất hôi tanh!

Trong bài hát *Trương Chi*, Văn Cao gán cho người đánh cá cái khinh bạc tội độ của mình, không coi nhân quần ra cái gì hết, chỉ có một mình mình trên trái đất; hơi lạnh của chủ nghĩa cá nhân tuyệt đối toát ra như một âm khí nặng nề:

*Ngồi đây ta gõ mạn thuyền  
Ta ca trái đất còn riêng ta!*

Những ngày đầu Cách mạng tháng Tám, những ý nghĩ phiêu lưu, tìm thi vị xa vời, mới lạ trong cách mạng, là một chặng đường tất yếu của tư tưởng nhiều người; mơ ước “Hải quân Việt Nam”, “Không quân Việt Nam” lúc đó cũng là một trạng



## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

thái của lòng yêu nước. Nhưng ta phải giật mình khi nhớ lại những lời hát:

*Ta là đàn chim bay trên mây xanh  
Mắt nhìn trong khói những kinh thành tan...  
... Ta là tinh cầu bay trong đêm trăng*

Ta không trách trình độ chính trị của ta và của tác giả khi đó còn thấp. Chúng ta giật mình vì cái lối bay để mà bay, tự say lấy mình đó là tiền thân của cái lối “Hãy đi mãi” của Trần Dần; chúng ta giật mình hơn nữa là cái máu anh hùng chủ nghĩa làm cho Văn Cao sáng khoái nhìn thấy “những kinh thành tan” dưới bom đạn mà không chút xót thương, và “chiến công ngang trời” kia lại là của “không quân Việt Nam”, mà không nói là chiến tranh tự vệ!

Mấy bài thơ năm 1946, 1948 của Văn Cao, có dụng ý tốt, nhưng cũng bộc lộ cái tính chất nghệ thuật của Văn Cao, thích khúc mắc, khó hiểu, thích loè lên lấp lánh, pha với sự lập dị, chộ người, toát ra một màu vị tan rã, như bài "Chiếc xe xác qua phường Dạ Lạc", hay như bài "Ngoại ô mùa đông 46" (*Văn nghệ* số 2, tháng 4-5/1948):

*Ta đi trong nhà đổ  
Nghe thời gian đã nhạt khúc ân tình  
Tuy phòng the chiếc áo trẻ sơ sinh  
Còn xiêm hài dành hương phấn cũ...*

.....  
*Chữ Phạn, La-tinh nhường máu tô diệt Pháp  
Gió lạnh khi qua viện tàng thư  
Cháy cong queo, bìa giữ chút di từ  
Kierkegaard, Heidegger và Nietzsche...*

\*

## HUỶNH ÁI TÔNG

Quần chúng và Đảng rất sẵn sàng tha thứ cho những sai lầm, thậm chí tội lỗi nữa của ta trước cách mạng, miễn là vào với cách mạng, ta ở thật chứ đừng ở giả, thành tâm thống nhất với chân lý của cách mạng. Mười mấy năm qua, Văn Cao không chịu nhỏ vút đi những tư tưởng nghệ thuật tư sản của mình, lại vờ vĩnh che màn cho nó, đặng cho nó cứ ngấm ngấm nẩy nở to lên. Đến khi Văn Cao nắm lấy thời cơ *Giai phẩm mùa Xuân 1956*, cùng với Hoàng Cầm, Lê Đạt, Trần Dần công bố bản tuyên ngôn của mình, thì thiên hạ phải ngạc nhiên: Người này trở mặt, nói cái gì lạ vậy? cái gì chướng vậy?

Giả dối như một con mèo, kín nhẹn như một bàn tay âm mưu trong truyện trinh thám, bài thơ *Anh có nghe thấy không?* lập lòe, ập úng, bí hiểm, hai mặt, tuy nhiên công chúng cũng hiểu nó muốn nói gì. Văn Cao gọi ai là “chúng nó”? đối lập với ai là “chúng ta”?

*Bao giờ nghe được bản tình ca*

*Bao giờ bình yên xem một tranh tĩnh vật*

*Bao giờ*

*Bao giờ chúng nó đi tắt cả*

Có ai cấm bản tình ca? Có ai cấm tranh tĩnh vật? Nhà thi hào Đức Bertholt Brecht, sống trong thời kỳ ở nước Đức có lũ phát-xít Hít-le trị vì, cảm thấy trách nhiệm của mình nặng nề đến nỗi thấy một cái trán phẳng lý, tức là một cái trán bằng quan vô giác;” nói đến cây: hầu như là một tội ác, bởi như thế là làm thình trên bao nhiêu kinh tởm”.<sup>[1]</sup> Nhà văn lớn ấy không nỡ nói về cây khi đồng bào ông còn bị xiềng xích. Một người văn nghệ chân chính tất phải thông cảm rằng khi dân tộc, khi nhân dân có những vấn đề lửa cháy dầu sôi, há có nên làm như Yên Lan (mà Văn Cao ca tụng), mê sáng trước tranh tĩnh vật? Há có nên ngụp lịm trong toàn những chuyện tình?

Trên đất nước ta, “chúng nó” là Mỹ-Diệm ở miền Nam, là tay chân Mỹ-Diệm ở miền Bắc, là bọn phá hoại Nhân văn-Giai

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

phẩm; chúng nó là thể đấy; nhưng Văn Cao lại lấy những khuyết điểm có thật hay tưởng tượng của ta mà gọi là “chúng nó”; Văn Cao đã từng phát biểu “Trái tim của tôi thuộc về *Nhân văn*” thì ta không lấy làm lạ Văn Cao xem ta là địch. Đi với ma thì mặc áo giấy, mình có là ma mới mặc áo giấy; Văn Cao lấp lửng bảo rằng chúng nó “bỏ cổ bỏ chân đeo tội ác cho người”, chúng nó “như nấm mọc trên những thân gỗ mục”, nhưng chẳng dám nói thẳng ra là ai? Văn Cao bảo thiên hạ “mắt không bao giờ nhìn thẳng”, đó là Văn Cao tự tả mình mắt la mày lét làm “tay trong của bọn cầm đầu *Nhân văn-Giai phẩm* hoạt động trong nội bộ Đảng”.<sup>[2]</sup> Sao mà thơ Văn Cao hiểm độc vậy!

Một mặt

*Những con người không phải của chúng ta  
Vẫn ngày ngày ngày ngang nhiên sống*

một mặt thì

*Những người của chúng ta  
Đang mờ mờ xuất hiện  
Le lói hy vọng  
Trên những cánh đồng lầy*

Văn Cao truyền ra một câu sấm “*Một nửa thế giới – một nửa tâm hồn – một nửa thế kỷ – chưa khai thác xong*”, rồi Văn Cao tiếp tục giọng tiên tri:

*Anh có nghe thấy không?  
Chỗ nào cũng có tiếng  
Chưa nói lên*

Những con người của chúng ta, từ Cách mạng tháng Tám đến nay, xuất hiện, trưởng thành dần dần và mãnh liệt, để đi tới “lùng lẫy Điện Biên, chấn động địa cầu”, dù chúng ta có còn

## HUỶNH ÁI TÔNG

khuyết điểm, nhược điểm gì, cả Trái đất cũng biết chúng ta vĩ đại! Văn Cao có mắt, có tai, không thể nào phủ nhận việc ấy. Vậy thì những “chúng ta” mà Văn Cao bảo là “đang mờ mờ xuất hiện” đó chính chỉ là “chúng ta” của Văn Cao, của *Nhân văn-Giai phẩm* mà thôi. Công chúng bị đưa vào một thế giới âm binh mà ông phủ thủy Văn Cao đang sai dậy, bảo nói lên, đứng lên, gọi là “hàng loạt hàng loạt những con người thật của chúng ta” và giao cho lũ chúng những nhiệm vụ tương lai to lớn! Bà con của những âm binh đó, trong một lúc, đã làm tội ác ở Hung-ga-ri. Văn Cao chơi một trò chơi thật là nguy hiểm!

Văn Cao đã đi bước thứ nhất trong *Giai phẩm mùa Xuân* thì Văn Cao đi tiếp bước thứ hai trong cái báo *Nhân văn*.<sup>[3]</sup> “Thơ Văn Cao” góp vũ khí chống Đảng, chống chế độ với bọn *Nhân văn*. Một lời toà soạn rất là xông hương trình diện rất là trịnh trọng một đoạn thơ dài của Văn Cao; họ đã nhè ngay cái “trái tim thuộc về *Nhân văn*” của Văn Cao mà trích. Tiếp theo lẽ lối của bài “Anh có thấy không” trên kia, Văn Cao bảo: “*Kẻ thù của chúng ta xuất hiện*” mà không đã động gì đến Mỹ-Diệm, chỉ nói đến những con rồng đất, những con bói cá, những con bạch tuộc một cách lập lờ ám muội. Văn Cao đặt tất cả lòng thù địch vào chữ “chúng”; chúng nào “*muốn các em nhỏ mới biết đi phải rụng*”? chúng nào “*làm rỗng những con người lụi dần niềm hy vọng*”? Ai là “*những tên muốn ôm cây mùa xuân không cho mọc*”? Văn Cao không nói rõ, mà dùng lối ám chỉ thâm độc, đổ các thứ tội cho Đảng, cho cán bộ. Đó là cái lối gài mìn chống phá Đảng và nhân dân; những bài thơ, đoạn thơ trên đây rõ ràng là những sự việc chính trị.

\*

Sau khi báo *Nhân văn* chết rồi, Văn Cao viết những bài văn nói chuyện nghệ thuật. Mở đầu “Một vài ý nghĩ về thơ”, Văn Cao nấp ngay sau cái chiêu bài “cộng sản”. “Một trong những hướng xây dựng nhân văn cộng sản là đào tạo cho xã hội những người biết khai thác, khám phá, phân tách thực tế và mở

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

đường cho tương lai”. Muốn được như thế, tưởng là Văn Cao yêu cầu các nhà văn phải gắn liền với quần chúng cách mạng, phải đi theo với bộ phận tiên tiến nhất của nhân dân, là Đảng, có vậy thì mới chinh phục được tương lai; hoá ra Văn Cao chỉ đại ngôn như vậy, để mà viết tiếp theo rút ngay ra cái điều kiện là “*nhà thơ phải thành lập cá tính*”.

Cá tính trên hết! Nhà thơ “phải chủ động thành lập lên sự thẩm mỹ mới cho người đọc, chủ động xây dựng con người biết tư tưởng cảm xúc và cảm giác tinh tế như mình cho xã hội đương thời và cả xã hội sau này”. Chính những nhà văn lạc hậu và những nhà văn phản động đã dán lên ngực những câu nói kênh kiệu và rỗng tuếch như trên đây; Văn Cao làm như nhà thơ có thể nấp sau cái “nghề” của mình, cái “chuyên môn”, cái “loại biệt tính” của mình, cứ thế mà ban phát sự “thẩm mỹ mới” cho thiên hạ. Nhất định nhà văn nhà thơ phải có cá tính, có độ đáo, nhưng không phải cứ cố tình “thành lập” mà được; trước hết phải có nội dung tốt đẹp, tiến bộ, và cá tính là cái bản sắc trong khi diễn đạt, gắn liền với nội dung. Trong một xã hội đang làm cách mạng như ở miền Bắc nước ta, thì nhà thơ phải xắn quần lên mà chạy theo cho kịp quần chúng cái đã, trước hết phải “lấy của quần chúng” được một cái gì đã, rồi sau mới hồng “trả lại cho quần chúng” được một cái gì; chứ còn những kiểu nhà thơ “tinh tế” như Văn Cao ước mơ, ngồi gặm móng tay mình, thì cái roi của lịch sử sẽ đánh vào đấy! Thẩm mỹ của ta mới vô cùng, là vì nó xây dựng trên cơ sở quần chúng, nó là thẩm mỹ cho đa số; còn cái “thẩm mỹ mới” của Văn Cao, tự phụ rằng không ai tinh tế bằng ta đây, nó đã tắc tị và giẫy chết ở Âu châu từ cuối thế kỷ XIX rồi, có phải mới gì!

Với một cái giọng cao đạo, ra vẻ bác học, thông thái, Văn Cao lại tiếp tục nói nào là “*yêu những người biết thất bại và dám mở đường*”, nào là “*cái mới trước hết là cái mới trong tư tưởng, cảm xúc và trong cảm giác của nhà thơ*”, nào là “*tám bia trên mồ một người đã khuất có lẽ còn ở lâu trên mặt đất hơn một cuộc đời*”... Đó là những thứ tư tưởng anh hùng chủ

## HUỶNH ÁI TÔNG

nghĩa, cứ mở đường liều, để lấy tiếng là “tiên phong”, không kể gì tổn thất trên lưng của quần chúng, thứ tư tưởng duy tâm, đặt cái chủ quan lên trước cái khách quan, thứ tư tưởng vô đạo, coi mạng người không bằng lâu đài, lăng tẩm<sup>[4]</sup>. Những thứ tư tưởng đó mới hờ hời ra, chúng ta đã nhúc lên tận óc, không chịu được, phải bịt nó lại ngay!

Rồi Văn Cao làm theo lối bắt quyết với hai tay không, và hô phong hoán vũ: “... cũng có người thấy trời xanh vô cùng tận trong bát nước, và cũng có người chỉ nói tới một giọt ánh sáng để thấy cái vô cùng tận của trời xanh. Có người phải tìm con đường lớn mới thấy dấu xe, mà có người tìm thấy dấu xe trong một hạt bụi”. Lấy một bộ phận để nói cái toàn thể, lấy một mắt xích để nói sợi dây chuyền, đó là phương pháp thường dùng ở trong nghệ thuật. Nhưng muốn dùng được phương pháp đó, thì điều kiện trước tiên là phải biết thật rõ cả toàn thể, biết thật kỹ cả dây chuyền. Muốn nhìn thấy cái trong sáng trong một bát nước thì phải nhìn thấy tận mắt cả cái nguồn ánh sáng từ mặt trời đưa đến, chứ đừng nhầm với ánh lửa ma trôi. Sau luận điệu của Văn Cao nấp cái nói phét, cái tán dóc của những kẻ nhác lười sợ thực tế, sợ quần chúng, cứ ngồi bó một hạt bụi để thấy tất cả thế gian; vâng, hạt bụi có là một vũ trụ thật đấy, nhưng phải dùng khoa học cụ thể nghiên cứu cụ thể, mới được thấy những nguyên tử, điện tử trong đó. Một hạt bụi có thể đến từ một con đường lớn, mà cũng có thể đến từ một con đường rất nhỏ, một ngõ cụt tắc tị và bẩn thỉu, hay đến từ chân một con ruồi xanh đậu lên mép của “nhà thơ”. Muốn hiểu con đường lớn của cách mạng thì phải thực sự ra giữa đường lớn mà nhìn mà đi mà đắp mà tắm giữa quần chúng, chứ đừng có tin ở hạt bụi!

Văn Cao có cái tài viết rất trịnh trọng những câu không có nghĩa lý gì hết: “Chỉ riêng cái phần giác quan của nhà thơ cũng nói được cái hướng biểu hiện hoặc thiên về tư tưởng, hoặc thiên về cảm xúc, hoặc thiên về cảm giác”. Văn Cao hiểu giác quan là cái gì? Có phải là nhìn, nghe, ngửi, nếm, sờ

## HAI MUỠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

không? Năm thứ này, thứ nào và lúc nào thì thiên về tư tưởng, cảm xúc hay cảm giác? – Thời kỳ ra những câu đố để làm cho công chúng tưởng nhà văn là thâm thúy, qua đã lâu rồi! Văn Cao viết tiếp: “ *Cái khuynh hướng đó nhiều khi còn là của cả một thời đại, một môn phái hay một triết học*”. “*Nhiều khi*” là khi nào? Khi trước cách mạng hay sau khi cách mạng? Hai cái “*khi*” đó không thể san bằng được. Trước cách mạng, trước chủ nghĩa Mác-Lênin thì có trăm thứ “*ba bị, chín quai, mười hai con mắt*” ở trong văn nghệ, nhất là trong thời kỳ tan rã của chủ nghĩa tư bản; còn sau cách mạng, Văn Cao phải chọn chừ, phải biết hiện thực xã hội chủ nghĩa là phương pháp sáng tác tốt nhất, đừng có lạc lối vào các môn phái sa đọa, phân tranh, và chỉ có một triết học Mác-Lênin duy nhất đúng, chừ còn lăm triết học nào nữa?

“*Một vài ý nghĩ về thơ*” của Văn Cao là một sự hiện hồn về của những quan niệm nghệ thuật đã bị cách mạng đào thải; dù có nấp mình sau cái nghĩa lớn của những chữ “*cộng sản*”, “*xã hội sau này*”, “*khát vọng*”, v.v..., vẫn không giấu được cái duy tâm chủ quan, cái cá nhân chủ nghĩa bé tắc, cái tìm tòi lập dị, cái khinh thường quần chúng, một mớ cặn bã tư tưởng cũ rích, mà Văn Cao cứ bảo là mới toanh!

\*

Cái lá cờ nghệ thuật ố bản đó, Văn Cao ngày càng giương cao lên, từ chỗ tung “*một vài ý nghĩ*” đến chỗ ngang nhiên đặt lên đầu những quyển sách. Nhà xuất bản Hội Nhà văn trước đây cho ra đời một loạt bài tựa gieo rắc những cái sai lạc; đứng đầu là bài tựa Văn Cao đề cho *Những ngọn đèn* của Yên Lan.

Đại cục của thơ Yên Lan là một thứ thơ tụn mồn, đi vào chỗ kỹ thuật khô héo, quặt quẹo, bé tắc. Khoảng giữa tập *Những ngọn đèn* chỉ có được dăm ba nét của con người kháng chiến, mới mang có một chút xíu hơi mới của thời đại hãy còn quá rất mong manh (một số câu trong những bài *Bên đường chiến khu*,

## HUỶNH ÁI TÔNG

*Những bạn đẩy goòng, Tinh nhỏ, Phù ly*). Đáng lẽ Văn Cao phải nhún vào cái chút hơi mới đó, khuyến khích cho nó lớn mạnh, thì Văn Cao lại đề cao cái luồng lạc hậu và thoái hoá. Phía trước tập thơ là những bài thơ cũ bị không ai biết chẳng ai hay trước cách mạng (trừ bài *Bến My Lăng*) đến nỗi dưới thời Pháp thuộc cũng không in ra được; sau một sự cố gắng ngăn ngui tự cải tạo mình thì Yên Lan đã vội tiếc hối ngay ( “*Cũng trong quãng đời đi đó đi đây— Tôi theo bước đôi người hi hục lẫn vào cuộc sống— ... Nhưng lòng tôi dần lạnh tiếng chuông ngân*” trong bài “Tĩnh vật”) và quay trở về truy lĩnh những cái cô đơn lạc hậu trước cách mạng. Nhưng khi người ta hồi sinh cho những cái lạc hậu cũ, thì lúc sống lại, nó không chịu đứng yên ở mức cũ đâu! Chịu ảnh hưởng của nhóm phá hoại Nhân văn-Giai phẩm, Yên Lan, ngoài việc đi vào kỹ thuật chủ nghĩa, còn đẩy mình đến mức dùng những “biểu hiện hai mặt”:

*Hà Nội vẫn đi lên từng bậc bắc thang  
Trên những cột dài bóng đen chữ máy;*

.....  
*Hay tiếng mạ kền rà trên sắt rỉ  
Hay tiếng nảy của những “lò so ý nghĩ”  
Chóng lên những mái đầu chìm*

*Những ngọn đèn tắt phụt ở bài “Ga xép” đóng tập thơ sập xuống tối sầm (“Khi đời anh con tàu cũ đang trôi”... – “Như một nhà ga không người lên xuống” ).*

Một tập thơ, một luồng thơ như vậy, mà Văn Cao viết tựa đưa lên rất cao, nêu một cái gương đáng cho người ta học tập. Trong những dịp như thế này, Văn Cao càng cần đến cái giọng phù thủy; bởi vì khi người ta không có chân lý trong nội dung thì người ta phải lấy vẻ thâm nghiêm, cố nhãn trán lim dim con mắt, làm thế nào nói cho kêu, cho lấp lánh, cho rườm rà, lẫn quẩn, để mà không nói cái gì hết, đặng mà không ai bắt được cái lừa bịp của mình!



## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Cả bài tựa của Văn Cao là một mớ tà thuyết viết theo lối thần chú. Văn Cao khen thơ Yên Lan là “*Lúc nào anh cũng bắt đầu*”... “*chúng ta thường vui sướng đợi một sự đổi thay của nhau*”... “*tập thơ này đánh dấu một quãng đường dài chuẩn bị cho sự bắt đầu của anh*”. Chúng ta làm cách mạng, dựng lên cả một xã hội xã hội chủ nghĩa mà lịch sử chưa từng có, nhưng chúng ta không mắc phải cái bệnh “hãy đi mãi!”, cái bệnh “luôn luôn mới!”, cái bệnh lúc nào cũng xoá đi làm lại tất cả, nghĩa là phá hoại, lúc nào cũng “bắt đầu”. Chúng ta mừng nhau tiên bộ chứ không mừng nhau đổi thay; vì bao năm được Đảng giáo dục, mà trở mặt phản bội như nhóm *Nhân văn*, cái lối đổi thay đó là sự cuối cùng của đê nhục. Văn Cao nói: “*Thơ anh bắt đầu biết đề cao những hành động, tình cảm của con người anh yêu lên để đả phá những bọn phá hoại sự xây dựng của xã hội*”. Yên Lan rời chỗ sáng, đi vào con đường bế tắc, tối tăm, bắt đầu sa xuống hố hoang mang, thoái hoá, học lối nói xỏ xiên đối với Đảng, thì Văn Cao lại cho là một thành tích; bọn phá hoại sự xây dựng của xã hội chính là bọn *Nhân văn-Giai phẩm*, Văn Cao còn đổ cho ai?

Văn Cao viết: “*Thơ Yên Lan càng ngày càng muốn đi gần lại cuộc sống hiện đại: một người đi từ một vùng thủ công nghiệp đến một thành phố kỹ nghệ. Từ một người hiền lành, bình dị, Yên Lan đang trở thành một người muốn thúc đẩy một sức gì đang làm trì trệ cuộc sống của chúng ta...*”. Cái thuyết “hiện đại” của Văn Cao là cái chủ nghĩa “tân thời” cho rằng càng phức tạp tức là càng tiến bộ. Không phải! Nghệ thuật tư sản hiện nay nhất định làm thơ không ai hiểu được, nó vẽ tranh trừu tượng chủ nghĩa, rất quái dị, và nó bảo rằng thời đại của kỹ nghệ, của kỹ thuật, của ra-đi-ô, vô tuyến truyền hình, của bom nguyên tử, thì văn nghệ phải như thế mới đúng điệu. Văn Cao cho rằng hễ là thành phố kỹ nghệ thì tâm trí con người và văn nghệ phải rắc rối theo; điều ấy chỉ đúng với thành phố kỹ nghệ tư bản chủ nghĩa, nơi tập trung những cái tà ác, những cái tan rữa, điên loạn của chế độ tư bản. Còn trong phe ta bây giờ, một nước còn ở trình độ chăn nuôi như Mông Cổ, nông nghiệp

## HUỶNH ÁI TÔNG

lạc hậu như Việt Nam, vẫn có thể tiến lên chủ nghĩa xã hội mà không cần phải bước vào cái quần quai giầy chết của chủ nghĩa tư bản. Kinh tế chúng ta phải tiến bộ lên công nghiệp hoá, kỹ nghệ hoá, nhưng tâm trí chúng ta lại tiến bộ theo một quá trình khác: những tầng lớp bên trên, bị văn hoá đế quốc lôi đi theo cái rắc rối, cái phức tạp đòi trụ của nó, cần phải giải độc, phải học lấy cái đơn giản vô cùng phong phú, cái lành mạnh vô cùng cao quý của của những con người xã hội chủ nghĩa. Cho nên Yên Lan “đi từ một vùng thủ công nghiệp đến một thành phố kỹ nghệ” chưa phải là việc đáng mừng, mà Yên Lan đi tới cái rắc rối, cong queo, nhọc mệt không có hồn của những bài thơ “Ngọn đèn ngoại ô”, “Hà Nội sang hè”, “Hàng Gai”, “Ga xép” (“*Có lòng tôi quàng áo đỏ châu kinh*”), thì là một việc đáng lo, đáng giận. Thơ Yên Lan sau một cái ánh của kháng chiến dội vào chưa mạnh lại rơi sâu hơn vào bóng tối, vào quá khứ, chính nó “đang làm trì trệ cuộc sống của chúng ta”, chứ Văn Cao đừng nói ngược bảo rằng nó “thúc đẩy”. Chính cái kiêu thơ, cái kiêu tư tưởng không có một chút hơi trong lành, mới mẻ của công nông binh thời tới, như Yên Lan, là “đã nằm đọng lại giống như những vũng nước”, là “con sứa chết phơi trên bãi cát” mà Văn Cao muốn ám chỉ vào những người khác đấy!

Cái trắng trợn cao nhất của Văn Cao là đề cao bài thơ trắng trợn “Tĩnh vật”. Yên Lan niệm kinh trước những tranh tĩnh vật nào đó, ngồi chơi màu mà cố ý nói mê nói sáng, ca tụng tranh tĩnh vật với một “lập trường” hần hoi, mừng rằng chúng “*đã chiếm hồn tôi như chiếm một đô thành – không cần đến thanh gươm viên đạn*”, là để mà mắng nhiếc:

*Bởi họ thiếu  
con tim  
khối óc  
Luôn động đậy  
nhưng chỉ là tĩnh vật*

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Văn Cao hoan hô những câu này trong bài tựa, thật là một đồng một cốt đặc ý cười ha hả với nhau! Đến đây thì họ đã đi xa quá! Họ mạt sát những người cộng sản, những người cán bộ theo luận điệu “Người không lò không tim” của *Nhân văn-Giai phẩm*; họ có sáng tạo ngôn ngữ thật đấy, tìm được hình ảnh rất cay chua, nổi bật để nói một điều phản động. Hình ảnh càng xách mé, tư tưởng phản động càng phơi bày tính chất thù địch. Kinh Thánh bảo: “Khởi đầu tất cả là lời nói”; văn thơ làm bằng ngôn ngữ nên một số người nắm được một ít ngôn ngữ là họ tưởng nắm được tất cả rồi; bày ra được một vài cách khéo nói, cách lên dòng xuống dòng, xỏ xiên được thiên hạ, họ cho là họ đã làm được kỳ công, công kênh tán tụng lẫn nhau. Đó là một bọn hình thức chủ nghĩa đi vào đường chết của tư tưởng và của nghệ thuật. Chúng ta thì chúng ta bảo: “Khởi đầu tất cả là lao động”. Nhà văn trước tiên phải ôm lấy tư tưởng đúng, phải ôm lấy quần chúng vạn năng, phải ôm lấy Đảng vĩ đại, chứ nếu chỉ ôm lấy một mớ chữ, theo lối Văn Cao tán thưởng, thì chỉ là ôm lấy tro tàn thuốc lá hay cặn rượu mà thôi. Huống chi mớ chữ đó lại còn phản động, thì nhất định tiêu ma sự nghiệp.

Bài tựa Văn Cao giới thiệu “Những ngọn đèn” là một mẫu hàng khá tiêu biểu của chủ nghĩa xét lại trong văn nghệ. Nhưng những câu văn viết lối thần chú không che đậy nổi cái vô nghĩa, cái phi chân lý, cái tà thuyết của tư tưởng Văn Cao. Dù khéo dán nhãn hiệu thế nào, thuốc độc vẫn là thuốc độc.

\*

Văn Cao đã tự phân tích mình dưới thời Pháp Nhật thuộc: “bị ảnh hưởng những thứ nhân sinh quan nửa phát-xít, nửa đòi trụ thời bảy giờ, tôi muốn tìm lối siêu thoát trong nghệ thuật và trong đời sống bằng con đường của chủ nghĩa cá nhân anh hùng, phiêu lưu. Một mặt khác thì đi sâu vào nghệ thuật suy đồi”. Lớn lên trong những ngày cuối cùng của Pháp Nhật thuộc, Văn Cao bị đầu độc nặng nề, điều đó rất dễ hiểu. Cái đau đớn là Văn Cao lại coi những thuốc độc ấy là bản chất, là

## HUỶNH ÁI TÔNG

bản ngã, là “tâm hồn” của mình, cố hết sức bảo tồn nó, đưa nó vào ăn ở chung với tư tưởng của Đảng. Sự lộn sòng đó kéo dài. Đó là một sự mai phục, đến một khi gặp thời cơ thì nó lại hiện hiện ra, nảy nở đầy đủ hơn xưa và công phá mạnh mẽ hơn xưa. Nhưng sống dưới chế độ ta nên nó vẫn cứ phải khoác áo là tư tưởng của Đảng. Nó phải lá mặt lá trái. Đảng nắm chính quyền, nó muốn tiếp tục nhận những ân huệ của Đảng. Nhưng tư tưởng Đảng là ngoại lai với nó; nó chống phá từ bên trong chống phá ra: “Luôn trong mấy năm, tôi tự đẩy mình vào một hệ thống hoạt động chống đối liên tiếp trong văn nghệ, làm ngột ngạt sự sinh hoạt tư tưởng của chúng ta”<sup>[5]</sup>. Trước cuộc đấu tranh này, khi những tư tưởng xét lại chưa bị vạch trần, lá cờ nghệ thuật của Văn Cao đã có lúc chùng như phất cao lắm.

Và Văn Cao cũng đã không ngừng làm những bài thơ rất độc hại; “Những nét mặt” của Văn Cao (báo *Văn* số 93 ngày 20.12.1957) phải chăng là “*những người của chúng ta – đang mờ mờ xuất hiện*” mà Văn Cao mong đợi? Bao nhiêu con người cách mạng, kháng chiến mà vào trong thơ Văn Cao chỉ có những cái mặt tan rã, chập chờn như mặt nạ, Văn Cao hai lần hỏi:

*Những người đi buổi ấy  
Bây giờ còn lại bao nhiêu?*

Nghĩa là thế nào? Họ mỗi người một việc, đi có chỗ, về có nơi, trong bộ đội, vào nhà máy, ở công trường, tại nông thôn đổi mới; đến như các liệt sĩ, dù có chết, vẫn thơm mình Tổ quốc; thế mà Văn Cao kể:

*... Những nét mặt gặp trong đêm tối  
Những ánh đuốc in nửa má nghiêng nghiêng  
Những cặp mắt nhìn lặng lẽ  
Những bàn tay che nửa mặt im lìm...*

rồi lại hỏi một lần thứ ba, để kết luận:

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

*Những người đi buổi ấy*

*Còn lại bao nhiêu suy nghĩ những gì*

Họ là những con người có Đảng lãnh đạo chứ có phải là mây đầu! Sở dĩ Văn Cao hỏi như người ngái ngủ vậy, là vì “chơi” mặt người như chơi những chất liệu màu sắc, hình dáng, chứ không thấy họ cụ thể ở trong xã hội.

Cuộc đấu tranh tư tưởng chống chủ nghĩa xét lại ở trong văn nghệ hiện nay cũng mới chỉ là một bước đầu. Chúng ta cần phân biệt cho rõ giả chân, không cho những thư tư tưởng nghệ thuật kiểu Văn Cao trá hình, tác quái!

7/1958

---

[1] Trong bài thơ "Gửi những người mai sau". Bài thơ này, và nhiều bài khác, đã bị nhóm *Nhân văn-Giai phẩm* dịch ra mà cố tình không chú thích thời gian, hoàn cảnh để dùng vào mục đích “biểu hiện hai mặt” trong tập thơ dịch *Gửi người mai sau* (nguyên chú của Xuân Diệu)

[2] Xem “Tự kiểm thảo của nhạc sĩ Văn Cao”, báo *Văn học* số 3 (15/6/1958) (nguyên chú của Xuân Diệu)

[3] “Những ngày báo hiệu mùa xuân” (trích tập thơ *Cửa biển*) đăng báo *Nhân văn* (nguyên chú của Xuân Diệu)

[4] Xem bài “Thế nào là cái mới”, *Văn nghệ* số 4 (nguyên chú của Xuân Diệu)

[5] “Tự kiểm thảo của nhạc sĩ Văn Cao”, *Văn học* số 3 (nguyên chú của Xuân Diệu)

(Nguồn: Xuân Diệu *Dao có mài mới sắc* Văn học, Hà Nội, 1963)

Trích thơ:

## HUỖNH ÁI TÔNG

### Yêu

*Yêu là chết trong lòng một ít  
Vì mấy khi yêu mà đã được yêu  
Cho rất nhiều song nhận chẳng bao nhiêu  
Người ta phụ, hoặc thờ ơ, chẳng biết*

*Phút gần gũi cũng như giờ chia biệt  
Tương trăng tàn, hoa tạ với hồn tiêu  
Vì mấy khi yêu mà chắc được yêu!  
- Yêu, là chết trong lòng một ít*

*Học lạc lối giữa u sầu mù mịt  
Những người si theo dõi dấu chân yêu  
Và cánh đời là sa mạc cô liêu  
Và tình ái là sợi dây vắn vít  
Yêu, là chết ở trong lòng một ít*

### Xa Cách

*Có một bạn, em ngồi xa anh quá,  
Anh bảo em ngồi xích lại gần hơn .  
Em xích gần thêm một chút: anh hờn .  
Em ngoan-ngoãn xích gần thêm chút nữa .*

*Anh sắp giận, em mỉm cười, vội vã  
Đến kể anh, và mơn trớn: "Em đây !"  
Anh vui liền; nhưng bỗng lại buồn ngay .  
Vì anh nghĩ: thế vẫn còn xa lắm*

*Đôi mắt của người yêu, ôi vực thăm !  
Ôi trời xa, vầng trán của người yêu !  
Ta thấy gì đâu sau sắc yêu kiều  
Mà ta riết giữa đôi tay thất vọng.*

*Dâu tin tưởng: chung một đời, một mộng.*

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

*Em là em; anh vẫn cứ là anh .  
Có thể nào qua Vạn Lý Trường Thành  
Của hai vũ trụ chứa đầy bí mật .*

*Thương nhớ cũ trôi theo ngày tháng mất  
Quá khứ anh; anh không nhắc cùng em  
Linh hồn ta còn u ẩn hơn đêm  
Ta chưa thấu, nữa là ai thấu rõ .*

*Kiểm mãi, nghi hoài, hay ghen bóng gió,  
Anh muốn vào dò xét giấc em mơ .  
Nhưng anh giấu em những mộng không ngờ,  
Cũng như em giấu những điều quá thực ...*

*Hãy sát đôi đầu ! Hãy kê đôi ngực !  
Hãy trộn nhau đôi mái tóc ngắn dài !  
Những cánh tay ! Hãy quấn riết đôi vai !  
Hãy dâng cả tình yêu lên sóng mắt !*

*Hãy khăng khít những cặp môi gắn chặt  
Cho anh nghe đôi hàm ngọc của răng  
Trong say-sưa, anh sẽ bảo em rằng :  
"Gần thêm nữa ! Thế vẫn còn xa lắm !"*

### **Tình Thứ Nhất**

*Anh chỉ có một tình yêu thứ nhất,  
Anh cho em, kèm với một lá thư.  
Em không lấy, và tình anh đã mất.  
Tình đã cho không lấy lại bao giờ.*

*Thư thì mỏng như suốt đời mộng ảo.  
Tình thì buồn như tất cả chia ly.  
Giấy phong kỹ mang thắm trong túi áo  
Mãi trăm lần viết lại mới đưa đi.*

## HUỶNH ÁI TÔNG

Lòng e thẹn cũng theo tờ vụng dại  
Tới bên em, chờ đợi mãi không về.  
Em đã xé lòng non cùng giấy mới,  
-- Mây đầy trời hôm ấy phủ sơn Khê.

Cũng may mắn, lòng anh còn trẻ quá,  
Máu mùa xuân chưa nở hết bông hoa;  
Vườn mưa gió còn nghe chim rộn rã.  
Ai lại còn yêu, bông lựu, bông trà.

Nhưng giây phút dầu say hoa bướm thắm.  
Đã nghìn lần anh bắt được anh mơ  
Đôi mắt sợ chẳng bao giờ dám ngắm.  
Đôi tay yêu không được nắm bao giờ.

Anh vẫn tưởng chuyện đùa khi tuổi nhỏ.  
Có ai ngờ lòng vỡ đã từ bao !  
Mắt không ướt , nhưng bao hàng lệ rỏ.  
Len tí tê thâm trộm chấy quay vào.

Hoa thứ nhất có một mùi trinh bạch,  
Xuân đầu mùa trong sạch vẻ đơn sơ.  
Hương mới thắm bên ghi như thiết thạch;  
Sương nguyên tiêu , trời đất cũng chung mờ.

Tờ lá thắm đã lạc dòng u uất,  
Ánh mai soi cũng pha nhạt màu ôi.  
Anh chỉ có một tình yêu thứ nhất,  
Anh cho em , nên anh đã mất rồi.

### Đơn Sơ

Em nói trong thư: "Mấy bữa rày,  
"Sao mà bướm bướm cứ đua bay;  
"Em buồn em nhớ, chao ôi em nhớ!  
"Em gọi thăm anh suốt cả ngày.



## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

"Ngoài ấy vui không, anh của em?  
"Trong này đã có nắng vàng êm;  
"Mỗi lần nắng rọi, em ra cửa,  
"Em nghĩ gì đâu, đứng lặng im.

Mùa xuân khó chịu quá đi thôi!  
"Cảnh đẹp làm em thấy lẻ loi,  
"Chim hót xui em nghe quanh quẽ:  
"- Hay là anh đã bỏ em rồi?"

Ồ! Mới nghiêng mình xem nước trong  
Vui mừng em thấy má em hồng..."  
Em tôi ăn nói vô duyên quá!  
Em đốt lòng anh, em biết không?

### **Dại khờ**

Người ta khổ vì yêu không phải cách,  
Yêu sai duyên, và mền chẳng nhằm người.  
Có kho vàng nhưng tặng chẳng tùy nơi,  
Người ta hờ vì xin không phải chỗ.

Đường êm quá, ai đi mà nhớ ngó  
Đến khi hay, gai nhọn đã vào xương.  
Vì thả lòng không kiểm chế dây cương,  
Người ta khổ vì lui không được nữa.

Những mắt cạn cũng cho rằng sâu chứa;  
những tim không, mà tưởng tượng tràn đầy.  
Muôn nghìn đời tìm có đôi song mây,  
Dấn thân mãi để kiếm trời dưới đất.

Người ta khổ vì cố chen ngõ chật,  
Cửa đóng bưng nên càng quyết xông vào.

## HUỶNH ÁI TÔNG

*Rồi bị thương, người ta giữ gươm dao,  
Không muốn chữa, không chịu lành thú độc*

### Nguyệt Cầm

*Trăng nhập vào dây cung nguyệt lạnh  
Trăng thương, trăng nhớ, hồi trăng ngần  
Đàn buồn, đàn lặng, ôi đàn chặm  
Mỗi giọt rơi tàn như lệ ngân.  
Mây vắng trời trong đêm thủy tinh  
Lung linh bóng sáng bỗng run mình  
Vì nghe nương tử trong câu hát  
Đã chết đêm rằm theo nước xanh.  
Thu lạnh càng thêm nguyệt tỏ ngời,  
Đàn ghê như nước, lạnh trời ơi ...  
Long lanh tiếng sỏi vang vang hận  
Trăng nhớ Tầm Dương, nhạc nhớ người ...  
Bốn bề ánh nhạc: biển pha lê  
Chiếc đảo hồn tôi rộn bốn bề ...  
Sương bạc làm tỉnh, khuya nín thở  
Nghe sâu âm nhạc đến sao Khuê.*

*Xuân Diệu là một nhà thơ đã có những cống hiến to lớn cho văn học Việt Nam nói chung, thơ ca Việt Nam nói riêng, ông đã để lại nhiều tác phẩm có giá trị đặc sắc, mà đặc sắc nhất là thơ tình yêu nam nữ.*

Tài liệu tham khảo:

- Xuân Diệu Web: [vi.wikipedia.org](http://vi.wikipedia.org)

10) Như Phong



**Như Phong - Nguyễn Đình Thạch (1917-1985)**

Nhà văn Như Phong tên thật là Nguyễn Đình Thạch, sinh ngày 25 tháng 10 năm 1917 tại Hà Nội. Nhà ông ở gần chợ Đồng Xuân, Hà Nội.(số nhà 36 phố Đồng Xuân,gia đình ông hiện vẫn còn sinh sống tại số nhà này.

Như Phong có nhiều bút danh: Như Phong, Lâm Vũ, Nguyễn Kiên Trì... Trước Cách mạng tháng Tám, ông là biên tập viên các báo Thế giới, Mới và Người mới, vốn là cơ quan ngôn luận của tổ chức chính trị Đoàn thanh niên dân chủ.

Năm 1939, ông bị bắt khi đang làm báo *Mới*, bị tù ở Hỏa Lò. Ra tù, các bạn đồng chí hướng mỗi người một nơi, mất luôn cả liên lạc với Đảng.

Từ năm 1942, Như Phong bí mật tham gia thành lập Hội Văn hóa Cứu quốc và được bầu vào Ban chấp hành hội cùng với ông Vũ Quốc Uy, Học Phi, Ngô Lê Động. Trong thời kỳ này,

## HUỶNH ÁI TÔNG

ông viết nhiều truyện ngắn và tiểu luận văn học đăng trên các báo Tiểu thuyết thứ bảy, Thời vụ, Mới, Người mới...

Sau Cách mạng tháng Tám, Như Phong lần lượt làm Chủ nhiệm kiêm Tổng biên tập các báo Cứu quốc khu 12, Cứu quốc khu 10, Cứu quốc liên khu ba và Cứu quốc Hà Nội.

Từ năm 1957, ông làm Trưởng ban văn hóa - văn nghệ của Báo Nhân dân.

Năm 1965, Như Phong làm giám đốc nhà xuất bản Văn học, ủy viên ban thường vụ Hội nhà văn Việt Nam, Ủy viên Đảng đoàn văn nghệ trung ương. Ông viết nhiều bài phê bình, bình luận văn học trên các báo Nhân dân, Tạp chí Văn nghệ, Tạp chí Văn học.

Nhà văn Như Phong mất năm 1985 tại Hà Nội, thọ 68 tuổi.

Tác phẩm:

- *Bình luận văn học*
- *Gỗ cửa*
- *Trường tư ngoại ô*
- *Buổi học cuối cùng*
- *Trên sông Đông êm đềm* (truyện dịch của M. Solokhov, 1946)

Trích văn:

... Trần Dần vốn là một tay tự cho mình có nhiều thủ đoạn nhất trong việc xúi giục, lôi kéo đồng lõa hoạt động phá hoại, vậy mà có lần phải nói về Nguyễn Hữu Đang: “Nếu không có Đang, không ai có thể tập hợp anh em được!”

Trần Dần như vậy đã cho ta biết phần nào vai trò của Nguyễn

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Hữu Đang trong nhóm phá hoại *Nhân văn-Giai phẩm*, một vai trò ít nhất cũng có tính chất quan trọng không có không được.

Trong cái công ty phức tạp ấy, cùng một mục đích chung là chống lại Tổ quốc, nhân dân, chống lại chủ nghĩa xã hội, Nguyễn Hữu Đang đã có một quyền lực lớn đối với bọn đồng đảng. Đang định đoạt tất cả mọi việc theo ý muốn mình, từ việc to đến việc nhỏ, từ việc nhận định tình hình, đề ra sách lược đả kích ai, lôi kéo ai, phá hoại mặt nào, cho đến việc mở chiến dịch tuyên truyền xuyên tạc trên báo, từ việc quyết định kẻ nào công khai làm thư ký toà soạn báo *Nhân văn* cho đến việc duyệt, chữa các bài báo đưa in... Vì lẽ gì cả cái đám kia lại thừa nhận cho Nguyễn Hữu Đang cái quyền lực tối hậu quyết định ấy? Đang đã có rất nhiều thủ đoạn để xây dựng uy thế cá nhân của mình, để tạo ra cho mình một tiểu sử bịp đời những là “cách mạng lâu năm”, “cán bộ của phong trào cũ”, lại biết cách đóng bộ một nhân vật hiên ngang “có cá tính mạnh”, trắng trợn, khinh người, cái gì cũng chửi tuốt, khiến cho những kẻ nào dễ bị loá mắt thường bị hấn áp đảo, chinh phục. Tuy vậy, không phải chỉ có thế. Bọn đồng đảng suy tôn Đang làm thủ lĩnh còn vì một lẽ nữa là Đang đã mang đến cho tập đoàn ô hợp ấy một cái mà chúng rất cần thiết: một tay tổ chức và điều khiển mà chúng tin rằng Đang nhất định là làm được tốt. Đầu óc lãnh tụ ngông cuồng, tư tưởng vô chính phủ quái gở, đã làm cho hấn nhận một công tác gì cũng muốn làm thành một “vương quốc” riêng, không chịu sự lãnh đạo, kiểm soát. Không được thoả mãn là hấn đâm ra phá đám, mưu mô lập bè phái, lật đổ hết người này đến người nọ. Bởi vậy, hấn càng ngày càng lạc hậu với công tác cách mạng và rốt cuộc chẳng được tích sự gì!

Nhưng cũng chính vì vậy mà Nguyễn Hữu Đang rất thích hợp với vai trò chỉ huy của hấn trong nhóm phá hoại *Nhân văn-Giai phẩm*, vì phương pháp hành động của bọn phiến động này chủ yếu là gây chia rẽ nội bộ, lừa bịp dư luận, phỉnh phờ quần

## HUỶNH ÁI TÔNG

chúng để đi đến âm mưa rối loạn bằng cách làm áp lực trong và ngoài tổ chức...

Toàn bộ hoạt động phá hoại của bọn đó đều mang dấu tích rõ rệt của bàn tay Nguyễn Hữu Đang.

### Như Phong

(Trích báo *Nhân dân* số 1520, ngày 11.5.1958)

#### **Một nhà văn xuất sắc của dòng văn học hiện thực phê phán**

Nguyễn Công Hoan bắt đầu cầm bút viết vào khoảng những năm 1920 - 1923 và bắt đầu tự khẳng định được mình một cách mạnh mẽ và vững chắc vào khoảng từ những năm 1929 - 1931 trở đi.

Trong thời gian này, văn học nước ta đang có những chuyển biến, tìm tòi bước đầu để tự đổi mới cho phù hợp với những nhu cầu mới về tư tưởng và tình cảm của xã hội. Nhiều khuynh hướng văn học đã xuất hiện. Lẽ tất nhiên dưới chính sách văn hoá nô dịch và ngu dân, dưới các thủ đoạn đàn áp tư tưởng và ngôn luận của thực dân Pháp, văn học yêu nước công khai của nước ta hồi ấy không thể tự do phát triển như nó đã phải và có thể phát triển... Và cũng tất nhiên, mỗi nhà văn tùy theo bản chất giai cấp của mình, tùy theo quá trình tiếp thu những gì của cuộc sống và của các ý thức hệ đương thời, tùy theo cả thái độ chính trị đối với chế độ thực dân và phong kiến mà tự chọn khuynh hướng này hay khuynh hướng khác.

Ngay từ buổi đầu cầm bút, Nguyễn Công Hoan đã tự vạch cho mình một con đường đi, một con đường không phải ngay từ đầu đã rõ nét ngay và cả về sau này không phải là không có những lúc chệch choạc, nhưng căn bản là một con đường tích cực tiến bộ nhất so với tình hình văn học công khai nước ta hồi ấy - trước khi Đảng ta phát biểu và đấu tranh cho một đường

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

lối văn nghệ chính xác, phù hợp với yêu cầu của Cách mạng và yêu cầu phát triển của bản thân văn nghệ.

Ngay từ trong một số truyện ngắn đầu tiên của anh, Nguyễn Công Hoan đã chú ý lấy đề tài trong những chuyện đáng cười, đáng khinh, đáng ghét và đáng thương trong xã hội lúc bấy giờ và qua suốt hàng mấy trăm truyện ngắn, vài chục truyện dài mà anh viết về sau này, đó là loại đề tài hầu như duy nhất mà anh theo đuổi và ngày càng mở rộng phạm vi quan sát, đối tượng miêu tả và nội dung đả kích... Hiện thực xã hội nước ta dưới chế độ thực dân và phong kiến có thiếu gì những chuyện như vậy! Chuyện những quan lại lớn nhỏ mà bọn thống trị thực dân cất nhắc lên từ đủ mọi nguồn bản thủ để làm tay sai thu thuế, đốc phu, bắt lính cho chúng, đối với quan trên thì hết sức quy lụy, cúi lòn, hầu hạ, nhưng đối với dân đen thì ra oai hống hách, ức hiếp bóp nặn, đục khoét không từ thủ đoạn bất nhân nào không làm...

Chuyện những địa chủ hoặc tư sản làm giàu bằng bóc lột hay lừa bịp, mà lại hiếu danh, bỏ ra hàng nghìn, hàng vạn để mua một phẩm hàm, một chức "nghị gật" thì chẳng tiếc, nhưng tính toán với người cấy rẽ, làm thuê trong nhà hay những người khốn khó vay nợ, đợ con thì so kè từng xu một... Chuyện những công chức "làm việc tây", bị "sếp" làm nhục, hay quá nửa lại còn phải đưa vợ con đến cho chúng làm nhục, nhưng vẫn cúi đầu bưng tai nuốt nhục, vì sợ mất việc, vì sợ "sếp" đã thành một thiên tính thứ hai trong người... Còn biết bao nhiêu chuyện như vậy, còn bao nhiêu chuyện xấu xa độc ác hèn hạ, thảm hại hơn vậy nữa mà người đương thời thấy xảy ra hằng ngày, chung quanh mình, trước mắt mình, bất cứ chỗ nào cũng có... Đó là những chuyện có thật và không thể nào không xảy ra vì chúng nằm ngay trong bản chất, trong quy luật của chế độ thực dân phong kiến chuyên sống bằng cướp đoạt, áp bức và gian trá...

## HUỶNH ÁI TÔNG

Nguyễn Công Hoan đã dùng ngòi bút của mình vạch toạc tất cả những sự thật ấy ra, những sự thật đen tối của một chế độ xã hội tàn nhẫn và mục nát đến xương tuỷ, những sự thật mà nhiều người có thể biết nhưng chưa nhận thức hết cái tính chất vô đạo, bất nhân của nó. Anh thiên về lối kể chuyện hài hước và trào phúng, do vậy ngòi bút phê phán và tố cáo của anh lại càng lợi hại hơn. Cái cười mỉa mai khinh bỉ có sức công phá mạnh hơn là những lời kêu ca than vãn, đánh mạnh vào cái chế độ độc ác nhưng lại mơn trớn, đều đặn, giả đạo đức.

Nếu như hồi đầu việc lựa chọn đề tài của anh còn có vẻ phân tán, còn nhằm cả vào những con người tuy có lỗi lãng buồn cười, nhưng xét ra chẳng có tội tình gì mà chỉ đáng thương hại, thì càng về sau nó càng tập trung vào những hạng người thực sự đáng khinh, đáng ghét, đáng thù trong xã hội bây giờ. Anh đặc biệt chú ý đến bọn quan lại làm tay sai cho Pháp, mà nhờ có hoàn cảnh riêng, anh đã có dịp quan sát, nghiên cứu kỹ từ đời công đến đời tư, từ diện mạo, cử chỉ bề ngoài đến tâm lý bên trong. Qua các tác phẩm của anh, người ta có thể lập một bảng liệt kê chi tiết các hạng quan tham lại những, đủ các hạng lớn nhỏ của cái loại sâu bọ nhơ nhớp dựa vào thế đế quốc để hút máu hút mỡ đồng bào. Mà anh nhằm vào hạng người ấy làm một đối tượng đả kích chủ yếu cũng là đúng thôi: đó là những công cụ đắc lực nhất của đế quốc Pháp để đàn áp, khủng bố, bóc lột nhân dân ta...

Trong thời kỳ Mặt trận Dân chủ 1935 - 1939, Nguyễn Công Hoan có dịp được gần gũi phong trào cách mạng của quần chúng và gặp gỡ một số chiến sĩ cách mạng. Ảnh hưởng của cách mạng vào sâu trong anh thế nào và gây được những biến chuyển về nhận thức và tư tưởng ở trong anh thế nào, nhà văn của chúng ta đã từng kể lại. Rõ ràng là nó đã có tác động quan trọng trong sự nghiệp sáng tác của anh. Chính trong thời kỳ này mà anh đã viết được nhiều truyện ngắn xuất sắc và tiểu thuyết *Bước đường cùng*.



## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Không có phong trào của nông dân lao động đấu tranh dưới sự lãnh đạo của Đảng, chống địa chủ và quan tham lại những trong thời kỳ cách mạng ấy, thì nhà văn của chúng ta cũng khó có đầy đủ chất liệu và nhận thức để viết nên một tác phẩm có giá trị phê phán và tố cáo mạnh mẽ như vậy.

Nguyễn Công Hoan, cùng với Ngô Tất Tố là những nhà văn xuất sắc nhất của dòng văn học hiện thực phê phán. Trước cách mạng, cái khuynh hướng văn học giàu tính chiến đấu này chưa phải là cách mạng, nhưng rất gần với cách mạng, đóng góp được nhiều cho cách mạng. Bọn thống trị thực dân và phong kiến hồi ấy, trong khi giở ra đủ thủ đoạn tàn bạo để bóc lột, áp bức dân tộc ta, trong khi áp đặt lên đầu nhân dân ta một chế độ xã hội vừa độc ác lại vừa thối nát vẫn không ngớt tìm đủ cách che đậy bộ mặt thật của chúng bằng nhiều hình thức man trá, lừa bịp, mê hoặc, trong đó có thứ "văn học" của bọn bồi bút chuyên tán tụng, quảng cáo cho "nhà cầm quyền". Hồi ấy, vạch trần những sự thật của chế độ ấy, gây cho người ta lòng khinh bỉ, ghê tởm, căm ghét đối với chế độ ấy, khiến cho người ta không thể nào chịu đựng, chung sống được với nó chính là một sự cần thiết, là một trong những công việc chuẩn bị về nhận thức và tinh thần cho cách mạng. Một số lớn tác phẩm của Nguyễn Công Hoan, khi đi vào quần chúng, đã đạt được những hiệu quả cách mạng này.

Ngay từ khi sự nghiệp văn học của nhà văn Nguyễn Công Hoan đang trong thời kỳ phát triển, Đảng đã đánh giá đúng giá trị và tác dụng của anh. Một trong những nhà lý luận văn nghệ đầu tiên của Đảng, anh Hải Triều, đã giới thiệu tập truyện *Kép Tư Bền* của Nguyễn Công Hoan và nhân đó phát biểu quan điểm văn nghệ của Đảng. Từ đó, Đảng luôn luôn ân cần theo dõi, biểu dương và khi cần thiết phê bình, giúp đỡ nhà văn Nguyễn Công Hoan trong sự nghiệp sáng tác của mình.

Từ khi bắt đầu viết văn đến nay, vừa đúng trong một nửa thế kỷ, Nguyễn Công Hoan đã sáng tác không mỏi, không ngừng,

## HUỶNH ÁI TÔNG

nếu một tấm gương về tinh thần trách nhiệm của một nhà văn trước xã hội, về tinh thần lao động nghệ thuật cần cù và bền bỉ.

(Trích báo Nhân dân số 6008, Chủ nhật, ngày 25-3-1973)

*Như Phong là nhà văn, nhà báo, nhà lý luận phê bình, dưới ngòi bút lý luận sắc cạnh, ông viết những bài phê bình giá trị, là một người có lý tưởng, dùng ngòi bút của mình để phục vụ lý tưởng mình đã tôn thờ, ngay cả bài viết để đả kích Nguyễn Hữu Đang, Trần Dân ở trên.*

Tài liệu tham khảo:

- Như Phong Web: [vi.wikipedia.org](http://vi.wikipedia.org)
- Như Phong Blog: [talawas](http://talawas.com)

11) Huy Cận



**Huy Cận - Cù Huy Cận (1917-2005)**

Nhà thơ Huy Cận tên thật là Cù Huy Cận, sinh ngày 31 tháng 5 năm 1919, trong một gia đình nhà nho nghèo gốc nông dân dưới chân núi Mông Gà, bên bờ sông Ngàn Sâu (thượng nguồn sông La) ở làng Ân Phú, huyện Hương Sơn sau đó thuộc huyện Đức Thọ, nay là xã Ân Phú, huyện Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh. Ngày sinh hiện nay là do ông cậu của ông khai khi vào học ở Huế, còn ngày sinh chính xác là ngày 29 tháng Chạp năm Bính Thìn (ương lịch là ngày 22 tháng 1 năm 1917).

Ông lúc nhỏ học ở quê, sau vào Huế học trung học, đậu tú tài Pháp, rồi ra Hà Nội học trường Cao đẳng Canh nông. Trong thời gian học Cao đẳng, ông ở phố Hàng Than cùng với Xuân Diệu.

Huy Cận có thơ đăng báo từ 1936, cho in tập thơ đầu *Lửa thiêng* năm 1940 (gồm những bài đã đăng báo, khoảng 1936-1940) và trở thành một trong những tên tuổi hàng đầu của

## HUỶNH ÁI TÔNG

phong trào Thơ mới lúc bấy giờ. Bao trùm *Lửa Thiêng* là một nỗi buồn mênh mang da diết. Thiên nhiên trong tập thơ thường bao la, hiu quạnh, đẹp nhưng thường buồn. Nỗi buồn đó dường như vô cớ, siêu hình nhưng xét đến cùng, chủ yếu là buồn thương về cuộc đời, kiếp người, về quê hương đất nước. Hồn thơ "ảo não", bơ vơ đó vẫn cố tìm được sự hài hòa và mạch sống âm thầm trong tạo vật và cuộc đời. Trong *Kinh cầu tự* (1942, văn xuôi triết lý) và *Vũ trụ ca* (thơ đăng báo 1940-1942), Huy Cận đã tìm đến ca ngợi niềm vui, sự sống trong vũ trụ vô biên song vẫn chưa thoát khỏi bế tắc.

Từ năm 1942, ông tham gia phong trào sinh viên yêu nước và Mặt trận Việt Minh, Huy Cận đã tham dự Quốc dân đại hội ở Tân Trào tháng 8 năm 1945, và được bầu vào Ủy ban Giải phóng tức Chính phủ Cách mạng lâm thời sau đó. Huy Cận cũng từng cộng tác với nhóm Tự Lực Văn Đoàn.

Tháng 8 năm 1945, Cù Huy Cận là một trong ba thành viên của phái đoàn Chính phủ Lâm thời gồm Nguyễn Lương Bằng, Trần Huy Liệu và Cù Huy Cận, họ đi vào kinh đô Huế để tiếp nhận lễ thoái vị của Vua Bảo Đại.

Sau Cách mạng tháng Tám thành công, khi mới 26 tuổi, ông đã là Bộ trưởng Bộ Canh nông trong Chính phủ liên hiệp lâm thời Việt Nam Dân chủ Cộng hòa do Hồ Chí Minh đứng đầu Chính phủ.

Trong những năm 1945 - 1946, ông là Ủy viên Ban thanh tra đặc biệt của Chính phủ.

Sau này ông làm Thứ trưởng Bộ Văn hóa, rồi Bộ trưởng đặc trách Văn hóa Thông tin trực thuộc Hội đồng Bộ trưởng trong chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, phụ trách các công tác văn hóa và văn nghệ.

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Từ 1984, ông là Chủ tịch Ủy ban Trung ương Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam. Ngoài ra, ông còn là Đại biểu Quốc hội Việt Nam khóa I, II và VII.

Huy Cận đã được Nhà nước phong tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật (đợt I - năm 1996).

Tháng 6 năm 2001, Huy Cận được bầu là viện sĩ Viện Hàn lâm Thơ Thế giới.

Về đời tư, Huy Cận có hai người vợ. Người vợ đầu của ông là bà Ngô Xuân Như, em gái của nhà thơ Xuân Diệu, từng công tác tại Ban Kiểm tra 12, Phủ Thủ tướng, Bác sĩ Viện Y học cổ truyền Việt Nam đã mất năm 2009. Người vợ thứ là bà Trần Lệ Thu, cán bộ giảng dạy Nga văn ở một trường Đại học lớn tại Hà Nội. Huy Cận và Xuân Diệu là 2 nhà thơ lớn, 2 người bạn lớn, tri kỷ. Xuân Diệu cùng sống với gia đình Huy Cận cho đến hết cuộc đời tại ngôi nhà số 24 đường Cột Cờ (đường Điện Biên Phủ), Hà Nội.

Ông có 4 người con, 2 con trai và 2 con gái. Con trai cả của ông là tiến sĩ luật Cù Huy Hà Vũ (với Ngô Xuân Như, em gái của Xuân Diệu), người bị công an Việt Nam bắt năm 2011 vì tội Tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo điều 88 Bộ luật hình sự, bị tuyên án 7 năm tù, 3 năm quản chế. Em trai ông là tiến sĩ triết học - mỹ học Cù Huy Chử, từng công tác tại Ban Tuyên huấn Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam.

Huy Cận mất ngày 19 tháng 2 năm 2005 tại Hà Nội, thọ 88 tuổi.

Ngày 23 tháng 2 năm 2005, ông được Nhà nước truy tặng Huân chương Sao Vàng.

Tác phẩm:

## HUỶNH ÁI TÔNG

- *Lừa thiêng* (1940)
- *Tâm sự gái già* (văn, 1940)
- *Vũ trụ ca* (1942)
- *Kinh cầu tự* (văn, 1942)
- *Trời mỗi ngày lại sáng* (1958)
- *Đất nở hoa* (1960)
- *Bài thơ của đời* (1963)
- *Hai bàn tay em* (1967)
- *Phù Đổng Thiên Vương* (1968)
- *Những năm 60* (1968)
- *Cô gái Mèo* (1972)
- *Thiếu niên anh hùng hợp mắt* (1973)
- *Chiến trường gần chiến trường xa* (1973)
- *Những người mẹ, những người vợ* (1974)
- *Ngày hằng sống, ngày hằng thơ* (1975)
- *Sơn Tinh, Thủy Tinh* (1976)
- *Ngôi nhà giữa nắng* (1978)
- *Suy nghĩ về nghệ thuật* (văn, 1980 - 1982)
- *Hạt lại gieo* (1984)
- *Culture et politique république socialiste du Việt Nam* (Paris, 1985)
- *Tuyển tập Huy Cận tập I* (1986)
- *Chim làm ra gió* (1991)
- *Tào Phùng* (1993)
- *Một cuộc cách mạng trong thi ca* (chủ biên cùng Hà Minh Đức, 1993)
- *Suy nghĩ về bản sắc dân tộc* (1994)
- *Thơ tình Huy Cận* (1994)
- *Marées de la Mer Orientale* (Paris, 1994)
- *Tuyển tập Huy Cận II* (1995)
- *Các vùng văn hóa Việt Nam* (chủ biên cùng Đinh Gia Khánh, 1995)
- *Thiên việt lương việt lãng* (Bắc Kinh, 1959)
- *Messages stellaires et terrestres* (Canada, 1996)
- *Thơ Huy Cận* (1996).

HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975  
- *Culture Vietnamienne* (traditionnelle et contemporaine,  
1997).

Trích thơ:

### **Ngậm Ngùi**

*Nắng chia nửa bãi; chiều rồi...  
Vườn hoang trinh nữ xếp đôi lá rầu.  
Sợ buồn con nhện giăng mau;  
Em ơi !Hãy ngủ... anh hầu quạt đây.  
Lòng anh mở với quạt này;  
Trăm con chim mộng về bay đầu giường.  
Ngủ đi em, mộng bình thường!  
Ru em sẵn tiếng thùy dương mấy bờ...  
Cây dài bóng xế ngân ngơ...  
- Hồn em đã chín mấy mùa thương đau?  
Tay anh em hãy tựa đầu,  
Cho anh nghe nặng trái sầu rụng rơi...*

### **Đến Tây Hồ Nhớ Bạch Cư Dị**

*Nay cuối thu rồi tôi đến đây,  
Se se dáng liễu, nước hồ đầy...  
Tâm Dương không phải khuya đưa khách  
Mà tương tì bà gió chạm dây...*

*Tôi đi trên đường Bạch Cư Dị,  
Người đã khuất mười hai thế kỉ  
Nhưng phải chăng người còn bước đầu đây,  
Trán còn gợn sóng Tây Hồ suy nghĩ.*

*Nhớ những khi đất trịch người bị đui  
Thổi véo von tâm sự bến Tâm Dương.  
Tôi đọc lại những câu thơ nghìn tuổi  
Trẻ như xưa. Cúc lại đón bên đường.*

## HUỶNH ÁI TÔNG

*Những người bình dị người hay tả  
Đã khổ nghìn năm trong thiên hạ,  
Nghìn năm đói rách chỉ may còn  
An ủi trong thơ người êm ả.*

*Ngày nay sự thế đã thay rồi  
Những bạn khổ nghèo xưa của người  
Đã từng vùi vng lên nắm vận mệnh,  
Cơm no áo ấm với hoa cười.*

*Hàng Châu thêm đẹp, hồ thêm đẹp,  
Đường thủa người đi bóng liễu che,  
Có phải bóng người còn lẩn giữa  
Nhân dân hôm sớm lúc đi về.*

Tây Hồ (Hàng Châu), 24-11-1957

### **Đến Tây Hồ Nhớ Bạch Cư Dị**

*Nay cuối thu rồi tôi đến đây,  
Se se dáng liễu, nước hồ đây...  
Tâm Dương không phải khuya đưa khách  
Mà tương tì bà gió chạm dây...*

*Tôi đi trên đường Bạch Cư Dị,  
Người đã khuất mùi hai thế kỉ  
Nhưng phải chẳng người còn bước dẫu đây,  
Trán còn gợn sóng Tây Hồ suy nghĩ.*

*Nhớ những khi đất trịch người bị đuổi  
Thối véo von tâm sự bến Tâm Dương.  
Tôi đọc lại những câu thơ nghìn tuổi  
Trẻ như xưa. Cúc lại đón bên đường.*

*Những người bình dị người hay tả*



HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

*Đã khổ nghìn năm trong thiên hạ,  
Nghìn năm đói rách chỉ may còn  
An ủi trong thơ người êm ả.*

*Ngày nay sự thế đã thay rồi  
Những bạn khổ nghèo xưa của người  
Đã từng vùng lên nắm vận mệnh,  
Cơm no áo ấm với hoa cười.*

*Hàng Châu thêm đẹp, hồ thêm đẹp,  
Đường thừa người đi bóng liễu che,  
Có phải bóng người còn lẩn giữa  
Nhân dân hôm sớm lúc đi về.*

Tây Hồ (Hàng Châu), 24-11-1957

**Tình Tự**

*Sáng hôm nay hôn em như tử áo  
Ý trong veo là lượt xếp từng đôi.  
Áo đẹp chưa anh! Hoa thắm thêu đời  
Áo mơ ước anh bận giùm chiếc nhé.  
Vàng rạng cùng xanh, hồng cười với tía,  
Xin mời anh chọn hình sắc yêu đương.  
Hôn em đầy đủ muôn ánh nghệ thường,  
Anh hãy bận hôn em màu sáng chói.  
Anh có biết hôm nay là ngày hội.  
Của lòng ta. Em trần thiết, trang hoàng.  
Anh đã về; em nghe dưới chân vang  
Hoa lá nở với chuông rền giọng thắm  
Thủa chờ đợi, ôi, thời gian rét lắm.  
Đời tàn rơi cùng sao rụng cảnh canh thâu;  
Và trăng lu xế nửa mái tình sầu,  
Gió than thở biết mấy lời van vi?  
Lòng em nhớ lòng anh từ vạn kỉ.  
Gặp hôm nay nhưng hẹn đã ngàn xưa*

## HUỖNH ÁI TÔNG

*Yêu giữa đời mà hồn ở trong mơ  
Tình rộng quá, đời không biên giới nữa.  
Đáy cửa mộng lòng em, anh hãy mở  
Màu thanh thiên rời rợi, gió long lanh:  
Hồn nhớ thương em dệt áo dăng anh*

### Vạn Lý Tình

*Người ở bên trời, ta ở đây;  
Chờ mong phương nọ, ngóng phương này.  
Trương tư đôi chôn, tình ngàn dặm,  
Vạn lý sâu lên núi tiếp mây.  
Nắng đã xế về bên xứ bạn;  
Chiều mưa trên bãi, nước sông đầy.  
Trông về bốn phía không người nhớ,  
Dơi động hoàng hôn thấp thoáng bay.  
Cơn gió hiu hiu buồn tiễn biệt,  
Xa nhau chỉ biết nhớ vui ngày.  
Chiều chẵn không ấm người nằm một  
Thương bạn chiều hôm, sầu gối tay.*

### Nhớ hồ

*Lâng lâng chiều nhẹ ghé muôn tai  
Trong bóng chiều như mờ tiếng ai  
Thổi lạc hương rừng cơn gió đến  
Bâng khuâng trời rộng nhớ sông dài*

*Ôi nắng vàng sao mà nhớ nhung!  
Có ai đàn lẻ để tơ chùng?  
Có ai tiễn biệt nơi xa ấy  
Xui bước chân đây cũng ngại ngừng...*

*Câm lặng. Hoa rơi cánh đợi chờ.  
Chiều đi, ở lại mộng bơ vơ  
Thoảng vòng tóc gió qua bên má,*

HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975  
*Khiến động làn da rợn ý sờ.*



*Huy Cận - Xuân Diệu*

Nhà phê bình văn học Thụy Khuê viết về Huy Cận: *Huy Cận là bạn đồng hành của Xuân Diệu, ông cũng là một trong những nhà thơ quan chức cuối cùng còn sót lại của một thời đại, mà đời thơ trùng hợp với đời quan. Huy Cận đã dùng thi ca phục vụ chính trị một cách đắc lực, và cuối cùng, cũng chính con đường quan lộ ấy đã tàn sát thi ca của ông. Ngày nay, những gì mà Huy Cận để lại cho đời, đã và sẽ chỉ còn một ngọn “Lửa thiêng” đã bùng lên từ thời 20 tuổi, thời mà ngòi bút ông chưa từng nhúng vào hệ lụy của thế quyền.*

Tài liệu tham khảo:

- Huy Cận Web: [vi.wikipedia.org](http://vi.wikipedia.org)
- Huy Cận Web: [thuykhue.free.fr](http://thuykhue.free.fr)

12) Chế Lan Viên



**Chế lan Viên – Phan Ngọc Hoan (1920-1989)**

Chế Lan Viên tên thật là Phan Ngọc Hoan, sinh ngày 20 tháng 10 năm 1920 tại xã Cam An, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị.

Ông lớn lên và đi học ở Quy Nhơn, đỗ bằng Thành chung thi thôi học, đi dạy tư kiếm sống. Có thể xem Quy Nhơn, Bình Định là quê hương thứ hai của Chế Lan Viên, nơi đã để lại những dấu ấn sâu sắc trong tâm hồn của nhà thơ.

Ông bắt đầu làm thơ từ năm 12, 13 tuổi. Năm 17 tuổi, với bút danh Chế Lan Viên, ông xuất bản tập thơ đầu tay nhan đề *Điều tàn*, có lời tựa đồng thời là lời tuyên ngôn nghệ thuật của "Trường Thơ Loạn". Từ đây, cái tên Chế Lan Viên trở nên nổi tiếng trên thi đàn Việt Nam. Ông cùng với Hàn Mặc Tử, Yên Lan, Quách Tấn được người đương thời gọi là "Bàn thành tứ hữu" của Bình Định.

Năm 1939, ông ra học tại Hà Nội. Sau đó Chế Lan Viên vào Sài Gòn làm báo rồi ra Thanh Hóa dạy học. Năm 1942, ông cho ra đời tập văn *Vàng sao*, tập thơ triết luận về đời với màu sắc siêu hình, huyền bí.

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Cách mạng tháng Tám nổ ra, ông tham gia phong trào Việt Minh tại Quy Nhơn, rồi ra Huế tham gia Đoàn xây dựng cùng với Hoài Thanh, Lưu Trọng Lư, Đào Duy Anh. Thời kỳ này, Chế Lan Viên viết bài và làm biên tập cho các báo *Quyết thắng*, *Cửu quốc*, *Kháng chiến*. Phong cách thơ của ông giai đoạn này cũng chuyển dần về trường phái hiện thực. Tháng 7 năm 1949, trong chiến dịch Tà Con - đường 9 (Quảng Trị), Chế Lan Viên gia nhập Đảng Cộng sản Đông Dương.

Năm 1954, Chế Lan Viên tập kết ra Bắc làm biên tập viên báo *Văn học*. Từ năm 1956 đến năm 1958, ông công tác ở phòng văn nghệ, Ban tuyên huấn trung ương và đến cuối năm 1958 trở lại làm biên tập tuần báo *Văn học* (sau là báo *Văn nghệ*). Từ năm 1963 ông là ủy viên thường vụ Hội nhà văn Việt Nam, ủy viên ban thư kí Hội nhà văn Việt Nam. Ông cũng là đại biểu Quốc hội Việt Nam Dân chủ Cộng hòa các khóa IV, V và VI, ủy viên Ban văn hóa - giáo dục của quốc hội.

Mặc dù Chế Lan Viên không có bài viết nào viết về nhóm Nhân Văn - Giai Phẩm, nhưng chính ông là người ra lệnh xét nhà và bắt Phùng Cung. Phùng Cung bị tống vào nhà ngục Hỏa Lò ở Hà Nội, để sau đó không hề bị kêu án, nhưng chịu 11 năm biệt giam.

Sau 1975, ông vào sống tại Thành phố Hồ Chí Minh. Ông mất ngày 19 tháng 6 năm 1989 (tức ngày 16 tháng 5 năm Kỷ Ty) tại Bệnh viện Thống Nhất, thành phố Hồ Chí Minh, thọ 69 tuổi.

Ông được nhà nước Việt Nam truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật (1996).

Tác phẩm:

- *Điều tàn* (tập thơ, 1937)
- *Vàng sao* (1942)

## HUỖNH ÁI TÔNG

- *Kinh nghiệm tổ chức sáng tác* (1952)
- *Gửi các anh* (tập thơ, 1954)
- *Ánh sáng và phù sa* (tập thơ, 1960)
- *Nói chuyện thơ văn* (1960)
- *Vào nghề* (1962)
- *Phê bình văn học* (1962)
- *Thăm Trung Quốc* (bút ký, 1963)
- *Hoa ngày thường* (tập thơ, 1967)
- *Những ngày nổi giận* (bút ký, 1966)
- *Chim báo bão* (tập thơ, 1967)
- *Suy nghĩ và bình luận* (1971)
- *Những bài thơ đánh giặc* (tập thơ, 1972)
- *Bác về quê ta* (tập văn, 1972)
- *Đổi thoại mới* (tập thơ, 1973)
- *Ngày vĩ đại* (tập thơ, 1976)
- *Hoa trước lăng Người* (tập thơ, 1976)
- *Dải đất vùng trời* (tập thơ, 1976)
- *Bay theo đường bay dân tộc đang bay* (1976)
- *Hái theo mùa* (tập thơ, 1977)
- *Giờ của đô thành* (bút ký, 1977)
- *Nghĩ cạnh dòng thơ* (1981)
- *Từ gác Khuê Văn đến quán Trung Tân* (1981)
- *Hoa trên đá* (tập thơ, 1984)
- *Tuyển tập thơ Chế Lan Viên* (thơ tập I, 1985; tập II, 1990)
- *Nàng tiên trên mặt đất* (1985)
- *Ta gửi cho mình* (tập thơ, 1986)
- *Ngoại vi thơ* (1987)
- *Nàng và tôi* (1992)
- *Di cảo thơ I, II, III* (1992, 1993, 1995)
- *Tuyển tập thơ chọn lọc*

Trích văn:

"*Thông thương yêu* (\*)

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

*Đọc thư ông, mình muốn khóc. Cả nhà cũng buồn. Không cần ông nói cũng đoán ra là sự sống ở ngoài ấy khó! Trong này đâu sao cũng dễ thở hơn.*

*Sáng nay dưới phố ông Giang nhắn mình viết bài về lễ truy điệu Thanh Tịnh. Cứ đà này còn "đi" nhiều nhiều. Nghe Bồng mở mắt, Phồn yếu, Tô Hoài yếu, Đỗ Nhuận liệt, Hanh mất mờ, Trần Huyền Trân hoại thư, Nguyễn Minh Châu sót lại dử.*

*...Đừng lo chi cho mình. Mình ở đây khí hậu tốt, trong tháng trước có khạc ra máu nhưng khỏe lại ngay. Ở đây viết bài báo, nói chuyện cũng có tiền, cho nên mặc dù cho thiên hạ "vô hiệu hóa" mình và Thường vẫn lay lắt sống được. Viết được.*

20/7/88".

( \* ) Thư gửi cho ông Hoàng Trung Thông

Trích thơ:

### Xuân

*Tôi có chờ đâu, có đợi đâu  
Đem chi xuân lại gọi thêm sầu ?  
Với tôi, tất cả như vô nghĩa  
Tất cả không ngoài nghĩa khổ đau !*

*Ai đâu trở lại mùa thu trước  
Nhặt lấy cho tôi những lá vàng ?  
Với cửa hoa tươi, muôn cánh rã,  
Về đây đem chấn nẻo xuân sang !*

*Ai biết hồn tôi say mộng ảo  
Ý thu góp lại cảnh tình xuân ?  
Có một người nghèo không biết Tết  
Mang lì chiếc áo độ thu tàn !*

## HUỶNH ÁI TÔNG

*Có đưa trẻ thơ không biết khóc  
Vô tình bỗng nổi tiếng cười ran !*

*Chao ôi ! mong nhớ ! Ôi mong nhớ !  
Một cánh chim thu lạc cuối ngàn.*

### Thu

*Chao ơi!Thu đã tới rồi sao?  
Thu trước vừa qua mới độ nào!  
Mới độ nào đây,hoa rạn vỡ,  
Nắng hồng choàng áp dãy bàng cao.*

*Cũng mới độ nào trong gió lộng,  
Nén lau bình sáng núi lau xanh.  
Bướm vàng nhẹ nhẹ bay ngang bóng  
Những khóm tre cao rũ trước thành*

*Thu đến đây!Chừ,mới nói rằng?  
Chừ đây,buồn giận biết sao ngăn?  
Tìm cho những xánh hoa đang rụng,  
Tôi kiếm trong hoa chút sắc tàn!*

*Trời ơi!Chán nản đương vẫy phủ.  
Ý tưởng hồn tôi giữa cõi Tang.*

### Hoa đào nở sớm

*Hoa đào trước ngõ em qua  
Sáng nay bỗng ướm cành hoa vào mùa  
Đây vườn lộc biết cây tơ  
Năm đi chưa hết, đã ngờ xuân đâu*

*Bỗng dung một đóa hoa đầu.  
Nghe như đất lạ năm nào gặp em*



## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

*Phải rằng xe xích thời gian*

*Vàng dương bên ấy mọc sang bên này ?*

*Nắng hoe, bướm trở mình bay*

*Cành non nở vội kịp ngày chào hoa.*

*Lòng anh tự độ em qua*

*Hoa bay bướm dạo cùng ta vào đời.*

### **Chia**

*Em đi về phía ấy*

*Anh chia cho nỗi buồn*

*Chia cho cơn mưa nhỏ*

*Và nắng quái chiều hôm*

*Một cái hôn ban sáng*

*Thành cơn mưa buổi chiều*

*Chia cho cơn mưa ấy*

*Để xa rồi em yêu.*

*Tia nắng ám gần nhau*

*Xa nhau thành nắng quái*

*Chia làm gì nắng ấy*

*Để xa rồi em đau.*

### **Tình ca ban mai**

*Em đi như chiều đi*

*Gọi chim vườn bay hết*

*Em về tựa mai về*

*Rừng non xanh lộc biếc*

*Em ở trời trưa ở*

*Nắng sáng màu xanh che*

*Tình em như sao khuya*

*Rãi hạt vàng chi chút*

## HUỖNH ÁI TÔNG

Sợ gì chim bay đi  
Mang bóng chiều đi hết

Tình ta như lộc biếc  
Gọi ban mai lại về  
Dù nắng trưa không ở  
Ta vẫn còn sao khuya  
Hạnh phúc trên đầu ta  
Mọc sao vàng chi chít  
mai, hoa em lại về...

### **Ai? Tôi!**

Mộu Thân 2.000 người xuống đồng bằng  
Chỉ một đêm, còn sống có 30  
Ai chịu trách nhiệm về cái chết 2.000 người đó?  
Tôi! Tôi - người viết những câu thơ cổ võ  
Ca tụng người không tiếc mạng mình trong mọi cuộc xung  
phong  
Một trong ba mươi người kia ở mặt trận về sau mười năm  
Ngồi bán quán bên đường nuôi đàn con nhỏ  
Quán treo huân chương đầy, mọi cỡ  
Chả huân chương nào nuôi được người lính cũ!  
Ai chịu trách nhiệm vậy?  
Lại chính là tôi!  
Người lính cần một câu thơ giải đáp về đời  
Tôi ú ớ  
Người ấy nhắc những câu thơ tôi làm người ấy xung phong  
Mà tôi xấu hổ  
Tôi chưa có câu thơ nào hôm nay  
Giúp người ấy nuôi đàn con nhỏ  
Giữa buồn tủi chua cay vẫn có thể cười

### **Bánh vẽ**

HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

*Chưa cần cầm lên ném, anh đã biết là bánh vẽ  
Thế nhưng anh vẫn ngồi vào bàn cùng bè bạn  
Cầm lên nhám nháp  
Chả là nếu anh từ chối  
Chúng sẽ bảo anh phá rối  
Đêm vui  
Bảo anh không còn có khả năng nhai  
Và đưa anh từ nay ra khỏi tiệc...  
Thế thì còn dịp đâu nhai thứ thiệt?  
Rót cuộc anh lại ngồi vào bàn  
Như không có gì xảy ra hết  
Và những người khác thấy anh ngồi  
Họ cũng ngồi thôi  
Nhai nhồm nhoàm*

(“Prométhée 86”, *Văn học và Dư luận*, 8-1991)

Nhà thơ Vũ Quần Phương viết về Chế Lan Viên như sau: "Có lúc thơ ông thâm thì trò chuyện, nói tiếng thờ dài trong một câu thơ ngắn, lúc ông sang sảng hùng biện, thơ âm vang như cáo, như hịch, lúc mát mẻ lạnh lùng trong kiểu thơ ngụ ngôn, lúc bùng bùng giận giữ trong hơi thơ đả kích, khi thâm trầm ung dung như người thoát tục nhìn hoa đại, hoa sen. Cái phong phú ấy trong thơ hiện đại chưa ai bằng Chế Lan Viên".

Tài liệu tham khảo:

- Chế Lan Viên Web: [vi.wikipedia.org](http://vi.wikipedia.org)

13) Tô Hoài



**Tô Hoài - Nguyễn Sen (1920-2014)**

Tô Hoài tên thật là Nguyễn Sen sinh ra tại quê nội ở huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Đông, Hà Nội trong một gia đình thợ thủ công. Tuy nhiên ông lớn lên ở quê ngoại là làng Nghĩa Đô, huyện Từ Liêm, phủ Hoài Đức, tỉnh Hà Đông, nay thuộc phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội. Bút danh Tô Hoài gắn với hai địa danh: sông Tô Lịch và phủ Hoài Đức. Ông còn dùng những bút danh khác như Mai Trang, Mắt Biển, Thái Yên, Vũ Đột Kích, Hồng Hoa, Phạm Hòa.

Bước vào tuổi thanh niên, ông đã phải làm nhiều nghề để kiếm sống: dạy trẻ, bán hàng, kế toán hiệu buôn,... và nhiều khi thất nghiệp. Ông đến sớm với văn chương, được người đọc chú ý, nhất là với truyện *Đế Mèn phiêu lưu ký* in năm 1941.

Năm 1943, Tô Hoài gia nhập Hội Văn hóa cứu quốc. Trong kháng chiến chống Pháp, ông chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực báo chí, nhưng vẫn có một số thành tựu quan trọng như *Truyện Tây Bắc*.

Từ 1945 - 1958 làm phóng viên rồi Chủ nhiệm báo Cứu quốc Việt Bắc.

HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975  
Từ 1957 - 1958 Tổng thư ký Hội Nhà văn Việt Nam.

Từ 1958 - 1980 Phó Tổng thư ký Hội Nhà văn Việt Nam.

Từ 1986 - 1996 Chủ tịch Hội Văn nghệ Hà Nội.

Trong nhiều năm, ông là Phó chủ tịch Ủy ban Đoàn kết Á - Phi - Mỹ Latinh.

Trên 70 năm sáng tác, nhà văn Tô Hoài nhận được các giải thưởng sau đây:

- Giải nhất Tiểu thuyết của Hội Văn nghệ Việt Nam 1956 (Truyện *Tây bắc*)
- Giải A Giải thưởng Hội Văn nghệ Hà Nội 1970 (tiểu thuyết *Quê nhà*)
- Giải thưởng của Hội Nhà văn Á-Phi năm 1970 (tiểu thuyết *Miền Tây*)
- Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học - Nghệ thuật (đợt 1 - 1996)
- Giải Bùi Xuân Phái – Vì tình yêu Hà Nội 2010

Nhà văn Tô Hoài mất lúc 11 giờ sang ngày 6-7-2014 tại bệnh viện Hữu Nghị, Hà Nội. Hưởng thọ 94 tuổi.

Tác phẩm:

- *Dế mèn phiêu lưu ký* (truyện dài, 1941)
- *O chuột* (1942)
- *Quê người* (tiểu thuyết, 1943)
- *Nhà nghèo* (1944)
- *Truyện Tây Bắc* (tiểu thuyết, 1953)
- *Miền Tây* (tiểu thuyết, 1960)
- *Tự truyện* (hồi ký, 1965)
- *Quê nhà* (tiểu thuyết, 1970)
- *Cát bụi chân ai* (hồi ký, 1991)

## HUỶNH ÁI TÔNG

- *Tuyển tập Tô Hoài* (3 tập, 1993)
- *Tuyển tập truyện ngắn Tô Hoài* (3 tập, 1994)
- *Tuyển tập truyện viết cho thiếu nhi* (2 tập, 1994)
- *Ba người khác* (2006) ...

Trích văn:

### **Đọc một số thơ gần đây**

Một điều rõ ràng là lâu nay thơ của ta nhuốm một bản sắc khá đặc biệt.

Phải trở ngược lại một chút, từ sau Cách mạng tháng Tám và kháng chiến. Những bài thơ hay nhất của thời kỳ đó đã xuất hiện. Những bài thơ ca ngợi sự sống và cuộc chiến đấu đã đánh dấu bước trưởng thành vượt bậc của thơ Việt Nam và đồng thời cũng là đánh dấu một trang sử lớn của dân tộc. Tôi nói: bước trưởng thành vượt bậc của thơ là vì, như chúng ta đều biết, trước ngày Tổng khởi nghĩa 1945, nếu như có một số nhà thơ và chiến sĩ Cách mạng đem thơ trực tiếp góp sức làm thành cuộc khởi nghĩa đánh Pháp đuổi Nhật, nếu như có một số nhà thơ gác bút, đau khổ suy nghĩ, bắt đầu thấy ánh sáng mới, thì đại bộ phận thơ ta bấy giờ đương từ giường bệnh xuống nhà xác, thơ ta đương hấp hối: kín mít và trụy lạc. Cho đến khi, cả dân tộc trỗi dậy, Cách mạng mở cửa cho một giai đoạn lịch sử thì cũng mở cửa luôn cho thơ và tâm hồn nhà thơ. Từ đây thơ vượt lên, nó tha hồ đánh những cái nó muốn đánh, yêu những cái nó muốn yêu. Do đó, thơ ca Việt Nam hiện tại, lần đầu tiên trong lịch sử, mới thật là có những bài thơ ca ngợi sự sống, con người và cuộc chiến đấu, những thơ ca hay nhất của Tố Hữu, Văn Cao, Trần Hữu Thung, Tú Mỡ, Bảo Định Giang, Xuân Miên và hàng trăm nhà thơ xuất sắc khác.

Như vậy, tôi cho rằng mười năm qua đã có được những bài thơ nổi tiếng và giá trị nhất định của mười năm qua.

Nhưng cũng ngay khi "thịnh trị" nhất đó, cũng vô số những cái

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

bã rả tầm thường. Chính vì thế mà, nếu không khéo nhìn, người ta dễ không đánh giá thật đúng được giá trị thơ Cách mạng và kháng chiến, mà cũng không phân biệt được những cái kém cỏi ở ngay bên cạnh những châu báu ngọc ngà kia. Những kém cỏi đó cứ kéo dài rồi lây ra tràn lan. Đã nhiều lúc, người làm thơ và yêu thơ phải phàn nàn: thơ ta bé tấc, nhạt nhẽo, nghèo nàn, một chiều và rập khuôn. Làm sao mà nên nổi thế, đó là một vấn đề tôi sẽ phân tích ở một dịp khác, đây tôi chỉ nêu một hiện tượng khách quan. Ví dụ như khi Tố Hữu viết những câu tuyệt hay: *Anh ở Vĩnh Yên lên. Tôi trên Sơn Cốt xuống...* thì sau đây, trang thơ báo nào cũng mọc ra hai người đứng đối đáp lái nhái. Khi Nguyễn Đình Thi phóng ra hình thức thơ tự do thì, thôi thì loạn! Bao nhiêu câu kệ lại rất những: *Kọt kẹt... Bàn tay... Bàn tay...* một cách tục tĩu và ngây ngô. Tất cả những cái đó, vì không ai xem xét, đánh đập gì cả, nó cứ đọng dần thành một chiều, rập khuôn, – củi rác trôi trên sông tụ lại nhiều quá cũng cản được nước chảy, và chính nó đã gây nên mọi bé tấc trong thơ gần đây.

Nhưng, một sức lực mới đang làm thơ ta hồng hào khởi sắc lên rồi. Thật thế, cái thời bé tấc kia đã hết, nhờ sự cố gắng của người làm thơ và của nhiều điều kiện khách quan khác, từ khi hòa bình. Thơ ta đã vượt qua được một chặng đường gian khổ. Lúc này đây, thơ ta đang được nước, nó đang thúc sâu vào các ngọn nguồn mạch sông của nhiều vấn đề mới (hoặc cũ nhưng lúc nào cũng mới), những vấn đề tình yêu, vấn đề trách nhiệm, tình cảm đất nước, lòng tin yêu Đảng, những suy nghĩ và lao động kiến thiết hàng ngày rất bình thường mà rất vinh quang... Người làm thơ đang cố gắng đem thơ vào một triết lý về cuộc sống. Để cải tạo con người và thay đổi xã hội – dù biểu hiện cái xấu hay cái tốt gì gì đi nữa, cuối cùng cũng là nhất trí làm cho cuộc đời và chế độ cứ hơn hớ mãi lên.

Nhiều người đã thành công. Phải kể đến những tác giả trong tập *Cửa biển* (thơ của Hoàng Cầm, Văn Cao, Lê Đạt, Trần Dần, – Nhà xuất bản Văn nghệ) và rải rác nhiều bài của Tế

## HUỶNH ÁI TÔNG

Hanh, Yến Lan, Quang Dũng, Hoàng Tố Nguyên, Phạm Hồ... Họ hăng hái mà tinh tú, táo bạo nhưng có trách nhiệm, và đẹp, và đáng yêu xiết bao. Những bài thơ đầy ánh sáng, thiết tha, rục rĩ úa vào tâm tưởng chúng ta, đập phủi các thứ nhọ nôi bỏ hống, sửa sang trang trí đầu óc và cuộc đời cho luôn được mới, được đẹp.

Tôi vốn yêu thơ, tôi hết sức hoan nghênh. Họ đã giúp tôi suy nghĩ, thường thức, làm việc, và nhờ tinh thần thơ họ mà người đọc thơ thấy thêm những lớn lao sâu sắc của đời sống trên đất nước còn đau, còn khổ, nhưng rất yêu thương và tươi trẻ của chúng ta. Những loạt thơ đầu tiên ấy đã đem được một sắc thái riêng vào thơ của thời đại.

Nhưng cũng lại trong loạt thơ đầu tiên ấy đã kéo theo nhiều cái rơm rếch. Nếu ví loạt thơ ấy là một phát đạn "khám phá mới", thì phát đạn bắn lên, bụi rác xung quanh cũng cuốn bay theo. Có người nói: quí ở những thơ hay, xá chi cái rác bay lên vì gió, bởi nếu quả nó là rơm rác, thì rồi rơm rác cũng cứ khác rơi. Có thể có người cho là nói bây giờ là chặn họng, chột mắt sự hăng hái của người ta. Nhưng ở trường hợp đây, tôi thấy nó rất mập mờ và lộn sòng nguy hiểm. Bởi vậy, tôi phản đối sự nhân nhượng trên và cứ xin nói, không hề tự thấy mình hẹp hòi.

Trách nhiệm người làm thơ, cũng là trách nhiệm người công dân, người thi sĩ công dân đúng mức, luôn đi sâu tìm mình và xung quanh, đem góp cái mình chung với mọi người, dựng nên trí tuệ của giai cấp, sự thông minh của Đảng, của dân tộc, của loài người. Nhưng trong khi đấu tranh đào mình trong suy nghĩ, quan sát, sinh hoạt, sản xuất, công tác và hoàn cảnh thực tế xung quanh (những điều ấy cũng có nghĩa là luôn luôn tự cải tạo) ở mỗi người trình độ khác nhau về nhiều mặt, có tiến bộ, có đứng yên, có giạt lùi, có những người thường kém tinh táo, say một cách quáng gà, bởi vậy mà cái tự ái trí thức cũ và nghệ sĩ cũ đã có đất sống lại, tự mình lại nịnh hót mình. Những biểu



## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

hiện đó là bề mặt của cuộc đấu tranh tư tưởng trong mỗi chúng ta. Quả nhiên là một cuộc gay go chống đối, hoặc tiến lên, hoặc lùi xuống, mà trong đó, tư tưởng vô sản đương đầu với những loại tư tưởng phi vô sản, hai bên đương giành giật chỗ đứng, bằng cách này hay cách khác, – ở đây thì rõ ràng là tư tưởng vô sản phải đối chọi với cái trí thức nửa mùa và nghệ sĩ kiêu cô đương khoe mẽ cái cá nhân ích kỷ đã lỗi thời lại vừa kiêu căng, vừa đòi trụ của nó.

Một số bài thơ của Hoàng Cầm cũ (thật không? hay cũng lại là một kiểu rằng mình chống công thức đã lâu) và mới, ý và lời băng khuâng cảm khái, nửa đẹp, nửa chua. Có thể Hoàng Cầm thích nó, vì tưởng nó là thật có cảm. Tôi cho là nó yếu – song nó có một sức đối trá khá mạnh, nhưng dù sao nó cũng không thể so được với những bài thơ khi sôi nổi, khi nhớ thương của Hoàng Cầm đã làm trong kháng chiến. Ấn nấp trong những bài thơ này, là một thứ cái Tôi không đúng, không phải, đã được khai quật lên, nhà thơ đem kẻ môi sơn, bôi má hồng cho xác chết, phù phép cho xác chết khóc, cười, biết kêu và biết thờ dài vãn vãn...

Tôi cũng nghĩ tương tự như trên, khi thấy Huy Phương (“Nhật ký đêm hè”) đương đem ra tựa cửa sổ nhìn xuống đường phố, nghĩ mình thì nghèo một cách vừa đẹp vừa buồn, trông lên trời thì thấy trời rộng và có nhiều sao, nghĩ xuống cuộc sống thì thấy đời còn nhiều bon chen và xấu xa, nhà thơ bèn làm bài thơ dở khóc dở cười gửi lại cho con mình mai sau lớn lên sẽ đọc. Cứ kể cái việc cửa sổ đề thơ hoài tình gửi mai sau như thế thì cách đây hàng chục năm, những Lưu Trọng Lư, Nguyễn Xuân Huy, Thái Can, Huy Cận đã làm nhiều lắm (chưa kể Nguyễn Du thì đã *Chẳng biết ba trăm năm sau...*, nghĩa là Nguyễn Du đã làm thơ giống Huy Phương từ hàng trăm năm về trước kia) nhưng thôi, hãy tạm xá cho cái hình thức (Bởi vì nghĩ rằng nếu bây giờ cứ cửa sổ đề thơ gửi cho con mà nội dung thơ ấy là mới nhất, hiện đại nhất, thì thật ai cũng mong mỏi vô cùng), ở đây nói đến cái xác chỉ để nhìn vào cái hồn, tôi chỉ muốn xem

## HUỶNH ÁI TÔNG

sâu vào lòng bài thơ ấy, tôi tưởng trước khi Huy Phương kể tội cái bóng đen làm bản cuộc đời, nên hãy đưa triết lý thơ mình mà mổ xẻ, xem xét rồi xử bắn ngay cái bóng đen u ám ấy ở trong lòng mình trước nhất. Đừng nghĩ mình đã "thoát tục" mà chính bóng tối lòng mình cũng đang nhập vào bóng tối cuộc đời, làm hại cuộc đời không ít. Xin trách ta rồi hãy trách đời, *ngữ mình công ít tội nhiều*, thưa bạn.

Đúng, phân biệt cho được chứng minh thư thật hay giả về cái Tôi sống, về cái Tôi chết trong lúc này thì khá gay go. Tôi thường trao đổi với Lê Đạt và chúng tôi cũng đồng ý thế. Ấy vậy mà khi làm thì chính nhà thơ bạn tôi kia cũng lại ngã lộn phộc vào cái tử tiệt mà mình hàng ngày chửi rủa không tiếc lời. Đó là trường hợp "*Nhân câu chuyện mấy người tự tử*", cái bài thơ dài lằng nhằng, khá chua mà cũng khá hùng đã bắt đầu từ một ý muốn chủ quan của mình, nhân có một câu chuyện tự tử bi đát của thiên hạ. Lê Đạt khuyên người yêu hãy khoan khoan chớ vội đi thắt cổ, em hãy cùng ta can đảm bước vào con đường tình chông gai, hãy hát đi cái bực công an phong kiến đang chặn giữa trái tim ta. Nói chuyện với người yêu mà thành chuyện của đời, chuyện mình mà lại thâm tóm và hình dung được tất cả tư tưởng và vấn đề của thời đại, nếu làm được thế thì bài thơ nhất định bất tử, bài thơ có ích vô cùng và nhà thơ cũng cao tay vô cùng, nhưng nếu không làm nổi như thế thì nó chỉ là một cách gửi thư không tốn tem. Tôi nghĩ là bài thơ Lê Đạt nên xếp vào trường hợp thứ hai. Bởi nó chỉ do chủ quan không đúng của mình níu vào một sự thật không đâu (việc tự tử) nên câu chuyện không thể nào điển hình (hoặc chỉ điển hình cho riêng mình), không thể là vấn đề của thời đại. Càng không thể là tư tưởng thời đại, không thể "đứng mũi nhọn cuộc sống" như ý muốn của nhà thơ, mà nó chỉ lẩn lút ở sau lưng cuộc sống với một loạt tàn dư của thứ tư tưởng lạc loài (nếu không là lạc hậu lắm rồi) trong một xã hội đang vùn vụt biến đổi từ mười năm trở lại đây. Vì vậy mà người đọc dễ cho là Lê Đạt "ngậm mực phun đen chế độ". Nhưng thế cũng là làm ra to chuyện quá, hoặc là một kiểu truy nguyên lên đến cùng mà

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

thôi. Tất nhiên không có giá trị, mặt khác, nghĩa là có hại, nhưng mà chỉ là ở một chừng mực nào. Bởi vì, tôi tưởng ý bắt đầu của Lê Đạt có thể là đúng, nhưng sai lầm là ở chỗ đã gán ghép, chấp vá mình vào thực tế (cố nhiên, cái mình đeo chứng minh thư giả) – nên những thực tế trông qua mình ấy đã méo xệch. Nếu cứ còn nhìn thực tế qua mình một cách bức bối, bực dọc như vậy, nhất định một sự thực tốt lành tới đâu cũng phải xám ngắt. Ở đây chưa phải là bàn cãi gì đến chuyện bôi đen hay vẽ đỏ, mà vấn đề còn ở mức giản đơn và ấu trĩ hơn là con người nhà thơ đã nhìn lạc mắt, từ cái đưa mắt đầu tiên, không khách quan phân biệt và khách quan tổng hợp được sự suy nghĩ của mình với sự sống quanh mình.

Nói sang chuyện hình thức. Cũng nhiều cái tức cười. Ở Lê Đạt, hình thức và nội dung cái sai lầm còn son phấn và đội mũ mặc áo trà trộn tinh vi; ở nhiều nhà thơ khác, khuyết điểm này lại ngô nghê hơn. Đại để như Hồng Lục cả tiếng bênh vực sự hủ hóa, kêu gọi: *Một trái tim và một tấm lòng* cứ việc mà đứng dậy văng tê. Hoặc lộn sòng như Phác Văn:

*Như đường ray ôm ghì cuộc sống.  
Giữ người yêu giữ từ trong mộng...*

Đó là bạn ấy muốn đem những tiếng nói thời đại": đường ray, cuộc sống" đắp lên những hình ảnh "ôm ghì, người yêu, trong mộng, hơi thở", v.v... Không nên, sự thật bao giờ cũng tàn nhẫn với những cái gì giả dối, sự lộn sòng ấy chỉ làm thơ bạn càng tro trên và trống rỗng hơn. Tôi rất yêu những bài thơ xinh xinh của Phác Văn. Tôi thiết tưởng bạn tôi cứ mũ áo bình thường như thế thì rất nên; đừng nghe ai xui mà cho thế là nhảm.

Cũng vì hình thức, những bạn thơ mà tôi vừa kể trên thường đem mặc cho thơ mình một số quần áo khá lòe loẹt, cố làm ra vẻ lạ và oai. Phổ biến nhất là cái áo triết lý vừa dài vừa lụng thụng, cứ lải nhải, những nhặng, tha hồ cho người đọc phải khò

## HUỶNH ÁI TÔNG

sở xem thơ (một số bài của Lê Đạt, Trần Dần). Hoặc họ lại có cái thú viết hoa những chữ mà mình cho là chữ thần, đại khái như Tình Yêu, Trái Tim, Vĩ Đại, Hùng Anh, Đón Đầu, Truy Lạc, Cuộc Đời... Ngày trước thì một số nhà thơ ngồi trong vò của phái Xuân Thu và Hàn Mặc Tử cũng hay chơi thế, vài năm gần đây thì có Như Mai cũng tập lại lối chơi chữ ấy, nhưng rồi người đọc và thời gian và chính người viết ngày một tiến lên đã triệt được cái nọc ló lảng, cầu kỳ nọ. Bây giờ, một số bạn ngỡ là mới, lại đào lên và bệ vệ. Hoặc còn có bạn làm thơ kiểu cách cứ xuống dòng bạt mạng, vừa gieo thơ vừa dùng phép qui thuật giúp cho cách đặt câu, như Hữu Loan:

*Đầu người  
Và tình yêu  
Treo trên đầu sợi tóc...*

Đó là một trong rất nhiều câu khó nghe, đương lổn nhồn trên nhiều trang báo. Chưa hết. Có bạn lại mắc chứng hay kêu to: *Trung ương Đảng ơi!*, rồi hô hào hùng hồn đao búa: *Tuổi hai mươi đương làm gì? Hỡi tất cả!*... Rồi thì bài nào cũng kết luận rập khuôn: "bút thơ" tôi nhất định dừng cảm xông lên hàng đầu, "bút thơ" tôi quả quyết đi trừ khử những bóng đêm và ngoáo ộp trong cuộc đời. Rốt cuộc, những nhà thơ đeo nhãn hiệu "chống công thức" đó cũng lại ngã vào cái khuôn công thức của những bài thơ tầm thường trước kia chỉ kết luận toàn xác chữ, nào công sức nhân dân, nào vùng lên, vùng lên, v.v... cái khuôn cũ rích ấy mà họ vẫn không ngớt miệng sỉ vả nay họ lại đem ra quét nước sơn khác mà thôi.

Tại sao, trong thời gian gần đây, thơ ta đã có phần tiến bộ như vậy mà lại còn mang những bệnh tật nặng nề khôn cùng nhường đó? Nói kiểu chính trị, ấy cũng là cái bệnh "sốt vỡ da" của người đương lớn. Nhưng mà tại sao lại như thế?

Hiện nay đông đảo văn nghệ sĩ đương lao mình vào thực tế đấu tranh để thể hiện tác phẩm. Nhưng tôi thấy cũng còn lắm người

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

trong lúc này từ chối đi vào thực tế, thực tế cuộc sống và thực tế văn học nước ta. Cố nhiên, họ từ chối bằng nhiều mẹo quyền rũ rất êm ái mà chính họ cũng bị mắc lừa, chứ không ai dám trắng trợn xua tay đâu. (Cũng như một số cây bút chính trị của báo *Nhân văn* đã ngạc nhiên khi thấy quần chúng bảo là báo họ bôi đen chế độ.). Đi làm Cải cách Ruộng đất, sửa sai, vận động sản xuất, đi công trường và mỏ bẫy giở, họ quan niệm là một chuyến lấy tài liệu ăn xôi và họ xấu hổ, khi người ta bảo đó là một cuộc tự cải tạo. (Tự cải tạo chỉ là một cách nói sống sượng, vô ý, nhưng, đắm mình vào cuộc sống ấy, hỏi một người viết chân chính nào ở nước ta lại nỡ phản đối?) Huống chi, chúng ta, ở bất cứ lớp người nào, cái lực học nghề, học đời phỏng đã được là bao. Hãy đo sức mình thật, đừng mơ hồ ảo tưởng, đừng bốc. Thế mà còn có người cho rằng cứ phải đi tìm thực tế mãi ở đâu, có cái kho thực tế ngay trong mình, cái tâm hồn dễ nóng dễ nguội của mình đây cũng nhiều chất lắm, khai nó lên, hàng đời cũng chẳng hết, việc gì phải tìm kiếm đâu mất công. Cho nên mới ra đời những loại thơ gửi cho con, những “*Nhật định thảng*” ngông nghênh, những truyện ngắn Trần Lê Văn quanh quẩn tả vài cái tật hay hay của con của văn nghệ sĩ. Họ không chịu khó đọc một chút, đọc văn học hiện đại nước ta thôi, cho nên tinh thần và lời lẽ đâm ra dông dài, leo thang xuống thang quái quỷ (tôi không phản đối hình thức thơ leo thang, nhưng tôi chán lối bắt chước dễ dãi “kéo xuống hay cho lên cũng được”), khi đọc cái tham luận mới nhất của Cholokov, họ rất khoái câu: “Với một nhà văn, không thể nói mỗi chuyến đi thực tế mà phải nói cả đời nhà văn ấy là đi vào thực tế.” Họ hiểu nghĩa cả đời vào thực tế ấy là ngồi moi móc đẽo gọt mình. Thật ra, tôi nghĩ rằng với nhà văn Việt Nam, tuổi đời cũng như tuổi nghề còn rất trẻ thì bất cứ chuyến đi dài ngắn nào cũng là cần thiết. Nếu Cholokov nói ở Mạc-tư-khoa có một số nhà văn sợ thực tế chỉ sống trong cái trục ba góc: nhà, câu lạc bộ, nơi nghỉ mát, thì ở Hà Nội, chúng ta chế nhạo cái lối sống lười lĩnh đó, nhưng chính ra có một số trong chúng ta cười người đây trong khi không tự biết mình cũng dần dần hóa ra con kiến đậu

## HUỶNH ÁI TÔNG

cành đào, con kiến leo vào leo ra, hết ở nhà (hoặc cơ quan) lại đi bắt phở, hết bắt phở lại về nhà, v.v...

Dần dần, họ xa với thực tế lớn lao xung quanh. Họ cứ quanh quẩn với mình. Một ý nghĩ tũn mủn của mình bèn cho là một vấn đề xã hội, một khám phá mới, một "cú" chống công thức dữ dội. Mới về Hà Nội thì nhớ đồng ruộng và rừng núi, rồi đi đến không muốn ra khỏi thành phố, thế mà vẫn cả tiếng, tráo mắt lên quát: đũa nào bảo tao bị tư tưởng tư sản tấn công là nói láo.

Ấy vậy đó. Những nguyên nhân trên, tôi cho là chính yếu và tai hại nhất lúc này. Đặt tên nó là tư tưởng gì cũng được, nhưng hiện tượng nó là như vậy.

Trở lại với một số bài thơ trên kia thì tôi thấy rằng trong sự cố gắng đặt trách nhiệm cho mình, người làm thơ đã đem mình hòa thành cái Tôi của thời đại. Sự suy nghĩ công phu và can đảm ấy rất đáng kính trọng, nhưng chỉ buồn là cái anh chàng trí thức nửa mùa trong người nhà thơ cũ hay nhân cơ hội này mà nó lại bò dậy, vác ra cái xác chết rồi, cái xác lâu nay nằm khô trong tâm hồn ta. Chính vì vậy mà bên cạnh những bài thơ quý giá, đã có một số thơ ốm yếu xanh xao, lại khoác một hình thức lòe loẹt huênh hoang trống rỗng, chết ngay đuôi ra mà cứ tưởng ta khỏe nhất thiên hạ. Nguy hiểm hơn là họ lại muốn nâng cao những cái tàn tạ ấy lên thành một triết lý, một quan niệm nghệ thuật, một nhân sinh quan mới, nguy biến rằng đó là "người thơ đem trách nhiệm mình nâng xã hội lên". Tôi tưởng chẳng phải thế. Cái hơi thở tàn ấy thật ra chỉ hợp ở những con bệnh u tối lỗi thời. Nó chỉ có sức làm góc dậy được những cái gì loạn lạc nhất mà thôi.

Cái gì đã chết rồi, xin khiêng trả ra bãi tha ma. Nếu người sống mà cứ nhìn đời bằng con mắt mũi nhãn của xác chết thì nhất định một sự thực tốt đẹp nhất cũng xám xịt. Tôi mong các bạn thơ tôi mau chóng vượt qua được cái khúc bối rối của tâm tư

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

mình, anh hãy cho chúng tôi đọc những bài thơ mới nhất về tình yêu và tuổi trẻ, về trách nhiệm và cuộc đời, bài thơ thật là của anh và cũng là của sự sống lớn lao hôm nay.

7-10-56

(Nguồn: Báo *Văn nghệ*, Hà Nội, số 154 ngày 4.1.1957)

### **Cát bụi chân ai** (trích)

Tan lớp ở Thái Hà ít lâu, Phùng Cung bị bắt. Phùng Cung công tác chạy hiệu ở văn phòng cơ quan hội văn nghệ từ trên Tuyên Quang. Ở rừng những việc tũn mủn không tên, sổ sách công văn, giữ thư viện, làm lán mới, đi chặt củi, vác gạo, khiêng người ốm ra trạm xá, thui chó liên hoan... Nghĩ đến Phùng Cung, tôi nhớ những việc linh tinh hàng ngày ở cơ quan kháng chiến (...) Phùng Cung ở cơ quan nào đạt đến, không nhớ. Chơi vui, cũng không để ý, kể cả việc hệ trọng khi tôi nhờ Phùng Cung đi đưa chị Nam Cao xuống Hoàng Đan tìm mộ anh ấy. Đọc truyện ngắn "Con ngựa già của chúa Trịnh" của Phùng Cung đăng trên báo Nhân Văn tôi cũng gật gù đại khái "thằng này viết được. Nhưng còn học máu ra mới nên cơm cháo đấy, con ạ". Cũng điều đóm tập tành như mình ngày xưa, đầu đã mà có sừng có mỏ ngay.

Phùng Cung bị bắt khi "nhân văn, nhân võ" đã được dọn dẹp êm ả, đã tàn. Nghe nói Phùng Cung hay chén chú chén anh với đám Trần Dần, Lê Đạt, Hoàng Cầm, được phong chức "tay truyện ngắn nhất Đông Dương". Chắc là ở chiếu la đà với nhau, ăn nói càng ganh nhau, ngổ ngáo, bạt mạng. Đương viết tập Dạ Ký đã nghe đồn là tài lắm, dữ lắm".

Tôi không thể tưởng tượng một Phùng Cung thế nào, tôi không biết được. Tôi vẫn mơ màng chúng tôi, cây số ba, cây số bảy trên Tuyên, phở Dơi, cà phê Pháo, anh chàng mặt xanh xám võ đũa hầu về vệt vệt nặn trứng cá, cứ ngồi lừ rừ bên bàn đọc

## HUỶNH ÁI TÔNG

sách, có lúc gãi ghẻ hay lúi húi làm gì, con mắt đỏ đỏ mà tinh vật, như chú mèo vờ lù rù rình chuột. Về Hà Nội, đôi ba lần chúng tôi lảng cháng lên cả phê Phúc Châu phổ trên. Hình như Phùng Cung quê ở Sơn Tây và nổi nhà địa chủ phú nông thế nào đấy, cũng không bao giờ nói và tôi cũng không hỏi.

Lại bao nhiêu năm sau. Chặp tối, một người bước vào cửa. Dáng cù rù, mặt tái ngoét, không phải Phùng Cung mà là cái bóng Phùng Cung trên tờ giấy tẩy chì mờ mờ.

- Phùng Cung phải không?

- Tôi đây.

- Còn sống về được à?

- Cũng không hiểu tại sao anh ạ.

(...)

- Anh có biết tôi phải tù bao nhiêu năm?

- Không biết.

- Vâng tù biệt giam mười một năm.

Đã tù, lại biệt giam, lại bệnh lao, thế mà không chết rũ tù. Thế nào, người tù biệt giam mười một năm vẫn hiện được về. Lại lâu lắm không gặp gỡ. Ngỡ như Phùng Cung đã làm sao. Nhưng một hôm, có người sở Công an đến nhờ tôi ký chứng nhận quang công tác ở cơ quan sau cùng Phùng Cung làm việc, trước khi phải tù.

Tôi hỏi người công an trẻ tuổi cầm giấy.



## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

- Chúng nhận để làm gì?
- Có liên tục công tác mới đủ năm cầm sổ hưu. Thủ tục ạ.
- Liên tục cả ở cơ quan nhà tù?

Anh công an cười hồn nhiên, chào "cám ơn bác".

Gần đây, nghe Phùng Cung đã chuyển lên ở trên Quận Ngựa. Nghe nói đã khảm khá, làm nhà mới. Lại thấy báo đương viết, viết hồi ký-hay tiếp tục Dạ ký, sau hơn ba mươi năm, há đời? Định có hôm nào lên chơi, vẫn chưa đi được."

(*Cát bụi chân ai*, Bản Hồng Lĩnh, Cali, 1993, trang 120-123).

Trên Trang Mạng Thăng Long - Hà Nội đăng lại bài *Tô Hoài - người Hà Nội* của Báo Ảnh Việt Nam, tác giả viết:

*Nhắc đến Tô Hoài hầu như ai cũng biết bởi tên tuổi của ông đã gắn liền với những tác phẩm văn học nổi tiếng như "Đế Mèn phiêu lưu ký" (1941); "Truyện Tây Bắc" (1953); "Miền Tây" (1967).... Và ông cũng thuộc số ít những nhà văn nổi tiếng của thời kỳ tiền Cách mạng (trước năm 1945) còn lại cho đến ngày nay. Song nói đến Tô Hoài người ta cũng không thể không nói đến những tác phẩm văn chương mang đậm dấu ấn Hà Nội của ông. Hà Nội trong những trang viết của Tô Hoài hiện lên rất bình dị, mộc mạc và gần gũi nhưng không vì thế mà mất đi nét hào hoa, lãng tử và dí dỏm vốn có của một nhà văn gốc người Hà Nội.*

Tài liệu tham khảo:

- Tô Hoài Web: [vi.wikipedia.org](http://vi.wikipedia.org)
- Tô Hoài Web: [hanoi.vietnamplus.vn](http://hanoi.vietnamplus.vn)

**14) Hồng Chương**



**Hồng Chương - Trần Hồng Chương (1921-1989)**

Nhà văn Hồng Chương tên thật là Trần Hồng Chương, sinh ngày 1 tháng 5 năm 1921, quê xã Triệu Sơn, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị.

Thuở thiếu thời ông học ở Quảng Trị, rồi Huế.

Năm 1937 tham gia phong trào dân chủ ở Huế và bị địch bắt giam năm 1939.

Năm 1940 ông phụ trách tờ báo Cứu Quốc của Tỉnh ủy Quảng Trị.

Năm 1941 lại bị địch bắt giam ở nhà tù Buôn Ma Thuật. Thoát tù, ông tham gia cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945 ở Quảng Trị.

Ngày 19-12-1946 cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ. Ông tham gia chiến đấu tại mặt trận hữu ngạn sông Hương, viết bài phản ánh cuộc chiến đấu anh dũng của quân dân thành phố Huế gửi đăng báo Quyết Thắng.

Trong kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, ông làm công tác tuyên huấn, từng giữ các chức vụ Tổng biên tập Tạp chí Học Tập,

HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975  
Tổng Thư ký Hội Nhà báo Việt nam, hội viên sáng lập Hội Nhà  
văn Việt Nam năm 1957.

Hồng Chương mất ngày 18 tháng 3 năm 1989, tại Hà Nội, thọ 68  
tuổi

Tác phẩm:

- *Máu lửa đồng quê* (thơ, 1949)
- *Ngược đường số 9* (truyện, 1958)
- *Một luồng gió mới* (tiểu thuyết, 1959)
- *Văn nghệ cách mạng và cách mạng không ngừng* (1959)
- *Phương pháp sáng tác trong văn học nghệ thuật* (1962)
- *Máy vấn đề lý luận và phê bình văn nghệ* (1965)
- *Mãi mãi đi theo đường lối văn nghệ của chủ tịch HCM*  
(1971)

Trích văn:

### **Phải trước vũ khí tư tưởng của tên phản động ấy**

Cách đây không lâu, giữa lúc nhân dân ta nói chung, giới văn nghệ ta nói riêng đang sôi sục đấu tranh chống nhóm phá hoại *Nhân văn-Giai phẩm* thì Trương-Tửu, với sự cộng tác của một nhà xuất bản tư sản, đã tung ra thị trường một cuốn sách mới: *Máy vấn đề văn học sử Việt-nam*. Dưới cái đầu đề có vẻ hiền lành của một công trình nghiên cứu văn học, lần này Trương-Tửu phun ra những nọc độc mới dưới một hình thức khéo léo, che đậy. Nói là “văn học sử” nhưng ngoài một vài ý kiến về vấn đề chia thời kỳ lịch sử văn học ra, cuốn sách của Trương-Tửu không có chút gì đáng gọi là “văn học sử”. Chẳng qua y quen thói treo đầu dê bán thịt chó, mượn cái bìa sách “văn học sử” để che đậy những thứ thuốc độc mà y tung ra để đầu độc bạn đọc mà thôi. Trên báo chí gần đây nhiều bạn đã lên tiếng vạch trần âm mưu của Trương-Tửu và phê phán các luận điểm của y. Chúng tôi thiết tưởng không cần nhắc lại ở đây tất cả

## HUỖNH ÁI TÔNG

những luận điểm của Trương-Tửu mà nhiều bạn đã phê phán. Ở đây chúng tôi muốn nói tới *thứ vũ khí* tư tưởng mà Trương-Tửu đã dùng để đánh vào nhân dân, vào cách mạng.

Chúng tôi nghĩ rằng chỉ có cách tìm cho được vũ khí của y, và tước thứ vũ khí đó đi bằng cách vạch trần nó ta mới có thể khiến cho Trương-Tửu không thể làm hại cách mạng, làm hại nhân dân được nữa. Những tư tưởng phản động về chính trị cũng như về văn nghệ của Trương-Tửu đã có từ lâu và có cả một hệ thống. Trong bài này, lúc cần thiết, chúng tôi sẽ nhắc sơ lại cùng cuốn sách, những bài báo trước kia của Trương-Tửu để chúng ta cùng thấy rõ bộ mặt thật của y hơn nữa.

### Một nghệ thuật gian xảo phản động

Có thể nói rằng Trương Tửu dốt. Lại có người nói rằng Trương-Tửu thực bụng muốn nghiên cứu chủ nghĩa Mác-Lênin nhưng vì không hiểu chủ nghĩa Mác-Lênin nên rơi vào bệnh máy móc <sup>[1]</sup>. Nói như thế chỉ đúng một phần rất nhỏ là Trương-Tửu dốt, không hiểu chủ nghĩa Mác-Lênin. Nhưng nói như thế lại là phạm một sai lầm lớn vì không thấy hết âm mưu chính trị của Trương-Tửu cũng như không thấy hết tác dụng nguy hiểm của y. Sở dĩ như thế là vì người ta chưa chú ý nghiên cứu cái thuật gian xảo mà Trương-Tửu đã dùng. Trước đây, cũng có lúc, đọc một vài trang sách của Trương-Tửu, chúng tôi cũng có cái cảm giác như các bạn bè kể trên, nhưng càng đọc Trương-Tửu, chúng tôi càng thấy rõ cái cảm giác đầu tiên đó của chúng tôi chỉ là một thứ cảm giác sai lầm. Vì qua mỗi cuốn sách hay bài báo của y, chúng tôi đã trông thấy rõ cái thuật gian xảo của y. Đó là *thuật nguy hiểm*.

*Thuật nguy hiểm* là gì? Đó là thuật đánh tráo khái niệm nhằm mục đích bênh vực những hành vi và lý luận hoang đường hay chuyên chở lén lút những nguyên lý sai lầm, phản động. Đối với bọn nguy hiểm, lời và chữ không phải là công cụ để bày tỏ và chứng minh chân lý. Trái lại, lời và chữ bị bọn nguy hiểm

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

dùng làm một thủ đoạn để bác bỏ luận điểm của đối phương về mặt hình thức. Do đâu mà bọn nguy biện lại có thể dùng lối chơi chữ, đánh tráo khái niệm được như vậy? Trong tập *Trích yếu cuốn “Lô-gích học” của Hê-ghe-n, Lê-nin* đã từng bóc trần căn nguyên nhận thức luận của phái nguy biện. Lê-nin giải thích rằng sở dĩ khái niệm được là vì bản thân khái niệm vốn có tính linh hoạt. Lê-nin nói rằng khái niệm cần có tính linh hoạt mới có thể phản ánh được sự phát triển của thế giới vật chất. Lê-nin vạch rõ rằng bọn nguy biện đã tùy tiện vận dụng tính linh hoạt ấy của khái niệm theo ý muốn chủ quan của chúng. Vì thế, trong thuật nguy biện, tính “linh động” hoang đường của khái niệm không hề phản ánh sự vận động chân thật của sự vật. Trong cuốn *Bút ký triết học*, Lê-nin có viết: “Tính linh hoạt phổ biến, toàn diện của khái niệm, đạt đến tính linh hoạt đúng nhất của mặt đối lập-thực chất của vấn đề là ở chỗ đó. Thứ linh hoạt đó nếu cộng thêm với sự ứng dụng của chủ quan = chủ nghĩa chiết trung và nguy biện. Tính linh hoạt đó nếu cộng thêm sự ứng dụng khách quan, tức là phản ánh tính toàn diện và sự thống nhất của quá trình vật chất, đó là sự biện chứng pháp, tức là phản ánh đúng sự phát triển vĩnh viễn của thế giới.” Bọn nguy biện lấy cái định nghĩa hình thức đã có sẵn từ trước đối với sự vật làm căn cứ, chứ chúng không căn cứ vào liên hệ phổ biến của sự vật và không tiến hành phân tích cụ thể đối với bản thân sự thật. Vì thế Lê-nin đã vạch rõ rằng thuật nguy biện “tách rời liên hệ với sự thật, chỉ nắm lấy chỗ giống nhau bề ngoài của sự việc”<sup>[2]</sup>. Bọn nguy biện nắm lấy đặc tính và đặc điểm cá biệt của sự vật, làm cho mọi người chú ý vào cái thứ yếu để che đậy cái chủ yếu, có ý nghĩa quyết định. Thuật nguy biện hoàn toàn trái ngược với biện chứng pháp. Không kể về mặt khoa học hay về mặt chính trị, thuật nguy biện chỉ có tác dụng phản động. Thuật nguy biện đã có từ lâu, ngay từ hồi cổ Hy-Lạp, Pờ-la-tôn và A-rít-stốt đã từng gọi thuật nguy biện là “trí tuệ giả”. Từ khi có chủ nghĩa Mác, bọn cơ hội chủ nghĩa đủ các màu sắc trên thế giới dùng thuật nguy biện dùng làm một thứ vũ khí để chống lại cách mạng, chống lại Đảng ta.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Đã hai chục năm nay Trương-Tửu chuyên dùng thủ đoạn đánh tráo khái niệm để chống lại chủ nghĩa Mác. Thuật đánh tráo khái niệm của Trương-Tửu cũng giống hệt như thuật đánh tráo đôi vòng vàng của Năm-Chuột mà một “đồng chí” của y là Phan-Khôi đã từng khen nức nở. Có gian thì phải có ngoan. Hai chữ “mác xít” mà Trương-Tửu thường dùng để đánh tráo khái niệm cũng giống như vương lụa trắng mà Năm-Chuột đặt trên bàn tay để đánh tráo đôi vòng vàng. Chủ nghĩa Mác cho rằng vật chất đẻ ra tinh thần thì Trương-Tửu cũng nói về vật chất thì Trương Tửu cũng nói về đẻ ra tinh thần. Nhưng đối với chủ nghĩa Mác khái niệm vật chất chỉ tồn tại khách quan, cơ sở kinh tế, thì đối với Trương-Tửu khái niệm vật chất lại chỉ tính hiếu dâm (xem *Kinh thi Việt-nam*), chỉ huyết thống giòng họ (xem *Nguyễn-Du và Truyện Kiều*), chỉ những cơ sở và phương tiện để thể hiện và phổ biến tác phẩm (xem *Mấy vấn đề văn học sử Việt-nam*), v.v... Trương-Tửu cho rằng chính thứ “vật chất” đó quyết định ý thức của người ta, quyết định xu hướng của nghệ thuật. Chủ nghĩa Mác-Lênin nói đến “mâu thuẫn giữa sức sản xuất và quan hệ sản xuất” và đem áp dụng vào hoàn cảnh nước ta hiện nay y cho rằng “những lực lượng sản xuất dân tộc... đang vấp phải trong bộ máy quan hệ sản xuất mới, những chính sách, những tổ chức, những tác phong lãnh đạo, những cán bộ chấp hành cản trở bước đường phát triển của nó”<sup>[3]</sup>. Dụng ý của y là khiêu khích quần chúng chống lại chế độ. Chủ nghĩa Mác-Lênin nói đến giá trị lâu dài của nghệ thuật, nhận xét rằng những tác phẩm nghệ thuật ưu tú có thể đem lại cho người đời sau những hứng thú về mặt thẩm mỹ, thì Trương-Tửu cũng nói đến vấn đề đó và cho rằng “vận mệnh của văn nghệ, dài hơn cả vận mệnh của Đảng, dài hơn cả vận mệnh của chế độ”<sup>[4]</sup>. Dụng ý của Trương-Tửu cũng dùng cái thuật đánh tráo khái niệm ấy. Chúng ta nói “kinh tế không tự động đẻ ra thượng tầng kiến trúc” (chữ tự động của y không ở trong vòng kép). Đối với chúng ta, điều đó có nghĩa là: cũng như bản thân các quan hệ kinh tế, kiến trúc thượng tầng thích ứng với các quan hệ kinh tế đó là do hoạt động của người ta, do đấu tranh giai cấp tạo ra, nhưng tạo ra trên cơ sở những quan

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

hệ kinh tế nhất định. Kinh tế chỉ quy định phương hướng theo đó kiến trúc thượng tầng chính trị, pháp luật và các hình thái ý thức xã hội phát triển một cách có quy luật trong một thời đại nhất định. Và trước khi nói kinh tế không “tự động” đẻ ra kiến trúc thượng tầng thì chúng ta đã khẳng định vai trò quyết định của cơ sở đối với kiến trúc thượng tầng. Trương-Tửu thì trái lại, y nhấn mạnh một chiều “kinh tế không tự động và trực tiếp đẻ ra thượng tầng kiến trúc”<sup>[5]</sup> để làm lu mờ vai trò quyết định của cơ sở kinh tế.

Chúng ta nói đến sự phát triển tương đối độc lập của các yếu tố trong kiến trúc thượng tầng thì Trương-Tửu cũng nói lên điều đó. Nhưng khi nhận xét rằng mỗi một yếu tố của kiến trúc thượng tầng có một lịch sử tương đối độc lập, liên tục trong khi phát triển thì đồng thời chúng ta cũng nhận xét rằng có những sự thay đổi căn bản, những cuộc cách mạng và những cuộc cải cách diễn ra trong các yếu tố đó khi một cơ cấu xã hội này thay cho cơ cấu xã hội khác. Trương-Tửu thì trái lại. Y nhấn mạnh một chiều “*sự tồn tại lâu dài của thượng tầng kiến trúc... trải qua hạ tầng cơ sở đã đẻ ra nó và tiếp tục phát triển trên cơ sở mới*” (do Trương-Tửu gạch dưới). Cũng có nơi y vứt bỏ hai chữ “tương đối” mà nói đến “sự phát triển độc lập của những yếu tố của thượng tầng kiến trúc”. Trương-Tửu cố ý làm cho người đọc hiểu lầm rằng kiến trúc thượng tầng tồn tại lâu dài, tiếp tục phát triển từ chế độ này sang chế độ khác, không trải qua những thay đổi căn bản. Y muốn che đậy một sự thật là kiến trúc thượng tầng cũ đến thời kỳ cách mạng thì sụp đổ và một kiến trúc thượng tầng mới được dựng lên trên cơ sở hạ tầng mới. Sự thật thì khi cách mạng đã nổ ra trong cơ sở kinh tế nhất định sẽ gây ra một cuộc cách mạng trong kiến trúc thượng tầng.

Các yếu tố của kiến trúc thượng tầng phát triển qua những bước nhảy vọt về chất, mặc dù lịch sử phát triển của mỗi yếu tố đều có tính kế thừa và tính độc lập tương đối, mặc dù có một số yếu tố của kiến trúc thượng tầng có thể tồn tại lâu dài được,

## HUỖNH Ỉ TÔNG

tồn tại trong mấy thời đại liền, lâu hơn cơ sở đã đề ra nó và tiếp tục phát triển trên cơ sở mới, mỗi cơ sở kinh tế mới cũng quyết định sự thay đổi của những yếu tố kiến trúc thượng tầng đó.

Chúng ta nói đến vấn đề tính mâu thuẫn của kiến trúc thượng tầng của xã hội có tính đối kháng giai cấp thì Trương-Tử cũng nói tới vấn đề đó. Theo quan niệm của chúng ta kiến trúc thượng tầng phản ánh cơ sở, và có tính giai cấp. Khi nói tới kiến trúc thượng tầng của xã hội có đối kháng giai cấp thì chúng ta phân biệt nghiêm chỉnh hai bộ phận đối địch của kiến trúc thượng tầng đó. Hai bộ phận đó có những địa vị không giống nhau. Bộ phận chiếm địa vị thống trị, phản ánh lợi ích của giai cấp bị trị, có tác dụng phá hoại cơ sở. Chúng ta phản đối âm mưu các nhà tư tưởng tư sản phản động muốn phủ nhận tính giai cấp của kiến trúc thượng tầng, muốn làm lu mờ địa vị thống trị của tư tưởng và tổ chức của giai cấp thống trị bóc lột dùng để bóp nghẹt tư tưởng và đàn áp giai cấp bị trị. Chúng ta cũng không tách tư tưởng và tổ chức của giai cấp bị trị ra ngoài kiến trúc thượng tầng của xã hội có đối kháng giai cấp. Đối với Trương-Tử thì thứ đối kháng đó của kiến trúc thượng tầng do đối kháng giai cấp mà sinh ra lại biến thành thứ đối kháng giữa toàn bộ kiến trúc thượng tầng này và yếu tố kiến trúc thượng tầng khác, giữa văn học và chính trị. Y bịa ra cái gọi là “khí hậu văn học” mà y cho là luôn luôn chống đối. Y viết: “*Nói chung thì trong các xã hội có giai cấp đối kháng, khí hậu văn học là khí hậu chống lại chính sách của phe lũ cầm quyền nhằm nô dịch, đàn áp, khủng bố văn học*” (Trương-Tử gạch dưới). Trương-Tử muốn che đậy một sự thật là trong chế độ cũ giai cấp bóc lột thống trị đã dùng văn học để nô dịch nhân dân, và bọn bồi bút ăn tiền thuê của giai cấp bóc lột đã từng phục vụ cho bọn bóc lột chiếm địa vị thống trị. Mặt khác y muốn gieo rắc lại thứ “chất men bắt phục tùng và phản kháng”, xướng lại thuyết “chống hiện tại”, “phá bỏ hiện tại”<sup>[6]</sup> để khiêu khích chống lại chế độ ta.



## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Chúng ta nói đến tác động trở lại của kiến trúc thượng tầng đối với cơ sở hạ tầng thì Trương-Từ cũng nói tới vấn đề đó. Nhưng chúng ta nói tới vai trò tích cực của kiến trúc thượng tầng sau khi đã xác định vai trò quyết định của cơ sở. Các yếu tố trong kiến trúc thượng tầng cũng ảnh hưởng qua lại lẫn nhau, nhưng trong các yếu tố ấy, có yếu tố quan trọng hơn nhiều, có yếu tố ít quan trọng hơn. Chúng ta cho rằng trong các yếu tố của kiến trúc thượng tầng yếu tố chính trị là quan trọng hơn cả. Văn học cũng là một yếu tố của kiến trúc thượng tầng nhưng không thể có vai trò quan trọng như chính trị. Văn học lại không thể có vai trò quyết định của cơ sở kinh tế. Trương-Từ thì trái lại, y thổi phồng tác dụng của văn học và y cho rằng “văn học là một trong những *động lực* phát triển của xã hội”. Văn học là một yếu tố kiến trúc thượng tầng thì không thể không chịu sự chi phối của cơ sở và chấp hành nhiệm vụ của nó đối với cơ sở. Trong xã hội có giai cấp, đấu tranh giai cấp biểu hiện ra chủ yếu nhất trên mặt chính trị. Văn học không thể không phục vụ chính trị, vì chính trị là thống soái. Trương-Từ cố ý thổi phồng vai trò của văn học để tách văn học ra khỏi sự lãnh đạo của chính trị, cụ thể trong hoàn cảnh của nước ta hiện nay là tách văn học ra khỏi sự lãnh đạo của Đảng ta.

Trên đây chỉ là một vài ví dụ về thủ đoạn đánh tráo khái niệm của Trương-Từ đầy rẫy trong cuốn *Mấy vấn đề văn học sử* của y. Thủ đoạn xảo quyệt của Trương-Từ là nhấn mạnh mặt thứ yếu, bỏ mặt chủ yếu, rồi như một nhà ảo thuật vụng về, y cố làm cho sự chú ý của mọi người tập trung vào cái thứ yếu, lén lút lấy cái chủ yếu vứt bỏ đi. Do đó y đổi trắng thành đen, xuyên tạc bản chất của chủ nghĩa Mác. Trương-Từ đã vận dụng thuật ngụy biện tức là thứ thủ đoạn mà nhìn hình thức bề ngoài hình như là đúng đắn. Thuật ngụy biện của Trương-Từ trong cuốn sách này cũng như trong các cuốn sách mà y đã viết trước kia là một thứ thuật gian xảo chỉ nắm lấy chỗ giống nhau bề ngoài của sự việc. Y dùng thuật đem râu ông nọ cắm cằm bà kia. Y đem tính quy luật của một hiện tượng này ứng dụng vào một hiện tượng kia hoàn toàn khác hẳn. Một trong những thủ

## HUỶNH ÁI TÔNG

đoạn của thuật ngộ biện là đem một vài hiện tượng hợp quy luật của một thời kỳ lịch sử này ứng dụng vào một thời kỳ lịch sử khác mà các hiện tượng ấy đã mất hết ý nghĩa. Trương-Tửu đã áp dụng thủ đoạn đó trong lúc y đem hiện tượng “văn học chống chế độ hiện tại” là một hiện tượng có ý nghĩa tiến bộ trong xã hội cũ, ứng dụng vào trong chế độ mới, mà chính quyền Nhà nước đã về tay nhân dân, mà sự chống đối đó trở thành một hành động phản cách mạng. Dụng ý của y là khiêu khích chống lại chế độ. Trương-Tửu nói rằng y theo phép biện chứng sự thật thì y dùng thuật ngộ biện không có dính dáng gì với phép biện chứng. Phép biện chứng yêu cầu phải phân tích cụ thể sự vật trong quá trình phát triển của nó, phải đi sâu vào bản chất sự vật, phải nhìn mọi mặt của sự tiến triển, phải nắm được xu thế phát triển của sự vật. Trái lại, Trương-Tửu phủ nhận khái niệm lịch sử cụ thể. Y trừu tượng hóa khái niệm, dùng thủ đoạn rút ruột vứt bỏ nội dung chính xác của khái niệm đi, thay thế vào đó một nội dung sai lầm, phản động. Y thu thập một cách ngẫu nhiên các định nghĩa, nhặt nhạnh một vài hiện tượng lẻ tẻ rời rạc, những mảnh vụn của thế giới khách quan, ráp lại với nhau một cách máy móc, giả tạo, một chiều, rồi quy kết lại, rút ra thành một định luật tuyệt đối.

### **Một thế giới quan phản động...**

Nhiều bạn thường nói thế giới quan của Trương-Tửu biểu lộ trong những cuốn sách của y là chủ nghĩa duy vật máy móc. Theo ý riêng của chúng tôi thì nói như thế không đúng, vì đó chỉ mới là nhận xét qua hiện tượng bề ngoài chứ chưa đi sâu vào bản chất. Rõ ràng là trong nhiều cuốn sách của y, Trương-Tửu đã tỏ ra là “duy vật máy móc” một cách cố ý. Nhưng đi sâu phân tích, chúng ta thấy rằng nội dung “triết học” của Trương-Tửu không phải là chủ nghĩa duy vật, dù là chủ nghĩa duy vật máy móc.

Muốn phân biệt một người là duy vật chủ quan hay duy tâm chủ nghĩa cần phải căn cứ vào quan niệm của người đó đối với

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

vấn đề căn bản của triết học, tức là vấn đề quan hệ giữa tư duy và tồn tại. Tư duy có trước hay tồn tại có trước? Tư duy quyết định hay tồn tại quyết định tư duy? Đó là tiêu chuẩn để phân biệt ai là duy vật chủ nghĩa, ai là duy tâm chủ nghĩa. Đó là hòn đá thử vàng trong triết học. Trương-Tửu khi nào cũng vỗ ngực tự xưng là một nhà duy vật chủ nghĩa. Nhưng nếu ta chịu khó đem hòn đá thử vàng kia ra mà thử thì đôi vòng “duy vật” của Năm Chuột, Trương-Tửu nhất định sẽ lộ ra là đôi vòng cốt giả mạ vàng.

Trong cuốn *Nguyễn-Du và Truyện Kiều (1941)* Trương-Tửu đã từng đem thuyết huyết thống ra để “giải thích” văn học, Trương-Tửu đi tìm “*cái yếu tố sinh lý và tâm lý di truyền*” (Trương-Tửu gạch dưới) của Nguyễn-Du bằng cách đi tìm “tộc họ” của Nguyễn-Du, đi tìm “quê quán giòng nội”, “quê quán giòng ngoại” của Nguyễn-Du. Trương-Tửu viết: “Nguyễn-Du ảnh hưởng bởi huyết thống tộc họ và đẳng cấp nên đã mang sẵn từ khi trong bụng mẹ cái sinh khí tinh anh của giòng họ nội... và ở giòng họ ngoại cái tính phong tình ưu du của mẹ”. Trong cuốn *Tâm lý và tư tưởng Nguyễn-công-Trứ*, Trương-Tửu viết: “Nhân cách cao thượng vốn là sở hữu di truyền của giòng họ ông”. Cho rằng huyết thống, di truyền của giòng họ quyết định xu hướng nghệ thuật và sáng tác của một nhà văn không chỉ là một việc buồn cười mà còn là một sự ngu xuẩn. Thuyết huyết thống, thuyết di truyền không những là một thứ chủ nghĩa duy tâm mà còn là một thứ chủ nghĩa duy tâm phản động. Bọn phát xít Hit-le ngày trước và bọn đế quốc Mỹ ngày nay đang dùng những thuyết này để bào chữa cho những hành động xâm lược của chúng.

Phân tích tác phẩm của Nguyễn-Du, Trương-Tửu cho rằng “thiên tài và sự nghiệp văn chương của thi sĩ” là ở “khiếu ảo giác” của Nguyễn-Du mà ra. Mà “khiếu ảo giác” theo Trương-Tửu là “một triệu chứng của sự ốm yếu, của trạng thái suy nhược thần kinh. Ta thường gặp nó ở người điên hoặc người điên một nửa, hoặc ở những người có một chứng tật ở căn tạng

## HUỶNH ÁI TÔNG

thần kinh”.<sup>[7]</sup> Như thế Trương-Tửu cho rằng Nguyễn-Du sở dĩ có được thiên tài văn học là do bệnh thần kinh (bệnh điên).

Trương-Tửu lại áp dụng chủ nghĩa Phờ-rót<sup>[8]</sup> để “nghiên cứu” văn học. Trong cuốn *Nguyễn-Du và Truyện Kiều*, y viết: “Nghiên cứu chung, ta phải áp dụng cái nguyên tắc mà bác sĩ Freud đã phát minh ra để nghiên cứu các giấc mộng”, “Ước vọng đã biến thành văn chương có thể bị coi như cùng một tính chất với mộng寐”, “Theo nhận xét của Freud thì ta có thể nói rằng: ở một nhà văn ước vọng là tính khí thực bị dồn ép không được phát triển”. Như thế Trương-Tửu đã cho rằng nguồn gốc của văn học là “tính khí bị dồn ép chứ không phải là lao động là đời sống.

Là nô lệ trung thành của Phờ-rót, Trương-Tửu đem “thuyết tâm dục” của Phờ-rót ra để phân tích văn học. Phân tích nhân vật Thúy-Kiều, Trương-Tửu viết: “Đó là một tâm hồn vô cùng tâm dục luôn luôn băn khoăn với những hình ảnh loan chung phương cha... Bị bế tắc, sinh khí tác động trong nội bộ cơ thể và thần kinh, làm ra những tính ưa mộng, thích tưởng tượng, thêm những cảm giác lạ nhất là tính tâm dục... Sự tâm dục ấy lại bị bản ngã luân lý của thiếu niên và hoàn cảnh luân lý của gia đình kiềm tỏa không cho tự do phát triển... Không được phát triển nó lặn vào bên trong tâm hồn, tàn phá sự thăng bằng của thần kinh hệ... Đó là trường hợp của Thúy-Kiều.” Trong những cuốn sách “nghiên cứu văn học” của y, Trương-Tửu đã để dành rất nhiều trang nói về sự “tiến triển của cơ quan sinh dục”, và việc “tính hiếu tâm không phát triển được”.

Trương-Tửu cũng đem “thuyết tâm dục” của y ra phân tích dân ca Việt-nam. Trong cuốn *Kinh thi Việt-nam* (1940) Trương-Tửu viết: “Trong những bản năng chính của con người thì sự ham muốn về nhục thể là căn bản”. Y cho rằng “tâm dục là cơ sở của tâm lý con người, nó ra lệnh cho các ý muốn khác.” Y còn viết thêm: “tính hiếu tâm là đặc tính của con người Việt-nam”, “cái nhục dục ấy là cái động cơ chính của

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

các hành vi dân chúng”. Y cũng đem “thuyết tâm dục” đó để phân tích văn thơ của Nguyễn-công-Trứ. Trong cuốn Tâm lý và tư tưởng Nguyễn-công-Trứ, y viết: “Tất cả khí chất của con người Nguyễn-công-Trứ là ở danh từ ấy. Mà danh từ này, xét cho kỹ cũng chỉ tóm tắt một chữ “DÂM” (do Trương-Tửu viết hoa). Trương-Tửu học đòi Phờ-rót lấy tính tâm dục làm thành quy luật tâm lý duy nhất và căn bản của con người và toàn bộ hoạt động của con người. Trương-Tửu còn đi xa hơn Phờ-rót một bước là đem “thuyết tâm dục” nghiên cứu các hiện tượng văn học. Khoa tâm lý học khoa học đã dùng những chứng cứ đanh thép để đánh đổ chủ nghĩa Phờ-rót và chứng minh rằng chủ nghĩa Phờ-rót chỉ là một thứ chủ nghĩa duy tâm phản động. Đem chủ nghĩa Phờ-rót và “thuyết tâm dục” ra để “nghiên cứu” văn học, Trương-Tửu để lộ ra rằng triết học của y chỉ là một thứ chủ nghĩa duy tâm phản động. Trong cuốn *Truyện Kiều và thời đại Nguyễn-Du* xuất bản cách đây mấy năm, Trương-Tửu có thanh minh rằng trong cuốn *Nguyễn-Du và Truyện Kiều* y đã dùng lối phân tích giai cấp để phân tích tác phẩm của Nguyễn-Du, chứng cứ là y đã nói tới “đẳng cấp” của y như thế nào? Y nói rằng đẳng cấp nho sĩ của Nguyễn-Du “khởi thủy từ năm 1532 là năm Nguyễn-Thuyên đỗ trạng nguyên”. Nguyễn-Thuyên là con ông tổ của Nguyễn-Du. Như thế theo quan niệm của Trương-Tửu “đẳng cấp” cũng chẳng khác gì là “tộc họ”. Y còn nói tới “đẳng cấp sĩ phu”, “đẳng cấp văn thân”, “đẳng cấp tri thức”... xem tầng lớp trí thức là một giai cấp riêng biệt. Chính quan niệm này đã dẫn y tới thuyết phản động “tri thức lãnh đạo cách mạng”.

Cho đến nay Trương-Tửu vẫn cố bảo vệ những quan niệm sai lầm và phản động trên đây. Trong cuốn *Mấy vấn đề văn học sử Việt-nam* y khoe rằng những cuốn sách của y như *Kinh thi Việt-nam*, *Nguyễn-Du và Truyện Kiều*, *Tâm lý và tư tưởng Nguyễn-công-Trứ* là những “công trình nghiên cứu và lý luận văn học” đã áp dụng “tư tưởng và phương pháp duy vật”. Cuốn *Mấy vấn đề văn học sử Việt-nam* càng để lộ chủ nghĩa duy tâm của Trương-Tửu. Trong lúc nhấn mạnh một chiều “kinh tế

## HUỖNH Ỉ TÔNG

không tự động và trực tiếp để ra thượng tầng kiến trúc”, “sự phát triển tương đối độc lập của các nhân tố thượng tầng kiến trúc”, “tính chất đối kháng của thượng tầng kiến trúc trong các hình thái xã hội đối kháng”, “thượng tầng kiến trúc tác động trở lại hạ tầng cơ sở” v.v... Trương-Từ cố ý phủ nhận vai trò quyết định của cơ sở đối với kiến trúc thượng tầng và tuyên truyền chủ nghĩa duy tâm. Y lại dùng thủ đoạn bỉ ổi là trích dẫn một cách cắt xén để xuyên tạc C.Mác, biến người sáng lập chủ nghĩa duy vật biện chứng thành một người duy tâm chủ nghĩa. Trong lúc dẫn chứng một câu của C.Mác nói về hiện tượng không cân đối giữa sự phát triển chung của xã hội trong một thời kỳ nhất định, y cố tình làm cho người ta hiểu lầm rằng sự phát triển của nghệ thuật không hề liên quan gì đến sự phát triển của cơ sở kinh tế. Như mọi người đều biết, trong lúc phân tích tính chất của nghệ thuật thời cổ, C.Mác đã đặc biệt chú trọng sự liên hệ của nghệ thuật đó với cơ sở vật chất của xã hội thời bấy giờ. C.Mác giải thích rằng nghệ thuật cổ Hy-lạp chẳng những không mâu thuẫn với giai đoạn xã hội mà nó dựa vào để trường thành mà nó còn gắn liền với giai đoạn đó; nó chỉ có thể để ra trong quan hệ xã hội chưa chín muồi mà thôi.

Trương-Từ lại cố ý làm cho người ta tưởng lầm rằng văn học có một sự phát triển độc lập với cơ sở kinh tế và “có một đời sống lâu dài hơn hạ tầng cơ sở để ra nó”. Trong cuốn *Máy vấn đề văn học sử Việt-nam*, y viết rằng “có những lưu phái hoặc khuynh hướng văn học, nghệ thuật, để ra ở một hạ tầng cơ sở khác mà còn tồn tại được trên một hạ tầng cơ sở mới”. Một trường phái, một khuynh hướng văn học nghệ thuật phản ánh lợi ích của một tầng lớp, một giai cấp nhất định. Một trường phái, một khuynh hướng văn học nghệ thuật chỉ có thể nảy nở và phát triển trên một cơ sở kinh tế nhất định. Có cơ sở kinh tế đó trường phái và khuynh hướng văn học nghệ thuật ấy mới có thể tồn tại được. Nếu cơ sở kinh tế đó đã mất đi thì trường phái và khuynh hướng văn học nghệ thuật ấy không chóng thì chầy cũng sẽ mất đi. Trong xã hội có giai cấp, mâu thuẫn và đấu tranh giai cấp trong xã hội đã để ra mâu thuẫn và đấu tranh

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

trong văn nghệ. Kết quả của mâu thuẫn và đấu tranh đó để ra văn học tiến bộ một cách tất nhiên cũng như để ra văn học phản động một cách tất nhiên. Chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa ra đời trong những điều kiện vật chất đã có trong xã hội cũ. Nhưng trong chế độ cũ nó ở địa vị bị thống trị. Chỉ sau khi cách mạng thắng lợi nó mới giành được địa vị thống trị trong văn nghệ và mới có thể phát triển mạnh mẽ được. Trong xã hội mới, đi đôi với việc tiêu diệt cơ sở kinh tế của các giai cấp bóc lột cũ, các trường phái khuynh hướng văn nghệ cũ bảo vệ cơ sở cũ hay mưu toan khôi phục lại cơ sở cũ, cũng sẽ bị tiêu diệt. Nếu có một vài trường phái văn nghệ nào đó còn một số yếu tố tiến bộ còn tồn tại được trong xã hội mới thì cũng chỉ là tồn tại cái hình thức bề ngoài còn nội dung của nó, tức khuynh hướng của nó đã căn bản thay đổi. Cho rằng những trường phái, khuynh hướng văn học nghệ thuật để ra trong xã hội cũ vẫn tồn tại và phát triển trong chế độ mới, Trương-Tửu đã che đậy tính giai cấp của văn nghệ. Y muốn làm cho người ta hiểu rằng văn nghệ có tính vĩnh viễn không thay đổi vận mạng của văn nghệ dài hơn vận mạng của Đảng, dài hơn vận mạng của chế độ. Như thế, y đã tuyên truyền cho chủ nghĩa duy tâm thối nát.

Văn nghệ phản ánh hiện thực. Hiện thực là vật chất vận động không ngừng theo quy luật khách quan nhất định. Hơn nữa, văn nghệ còn là một vũ khí đấu tranh giai cấp. Vì thế muốn nghiên cứu một tác phẩm văn nghệ trước tiên cần phải nghiên cứu bối cảnh lịch sử đã để ra tác phẩm đó, tức là những điều kiện lịch sử, những quan hệ kinh tế, chính trị đã để ra những tác phẩm đó. Trương-Tửu thì không làm như thế. Y chủ trương nghiên cứu văn học bằng cách chui vào mò mẫm trong cái gọi là “đời sống văn học”. Y cho rằng: “Đời sống văn học mới là miếng đất làm nảy nở ra tác giả và tác phẩm”. Theo Trương-Tửu thì nghiên cứu một tác phẩm văn học không cần phải nghiên cứu các quan hệ xã hội đã để ra tác phẩm đó mà chỉ cần nghiên cứu những cái mà y gọi là “khí hậu văn học”, “tâm lý thời đại”, v.v...

## HUỖNH ÁI TÔNG

Văn nghệ là diễn lại cuộc sống, là phản ánh hiện thực khách quan. Vì thế đường lối sáng tác của chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa đòi hỏi nhà văn nghệ phải miêu tả đời sống khách quan một cách chân thực, cụ thể từng lịch sử, trong quá trình phát triển cách mạng của nó. Đó là đường lối sáng tác của những văn nghệ sĩ theo chủ nghĩa duy vật biện chứng. Trương-Tửu thì trái lại. Y đưa ra một số đường lối sáng tác duy tâm, thần bí. Trương-Tửu chủ trương văn nghệ sĩ sáng tác không phải là miêu tả hiện thực khách quan mà là “*khách quan hóa bằng hình tượng cái chủ quan chân thật của mình*” (Trương-Tửu gạch dưới); Trương-Tửu cho rằng “nghệ sĩ chân chính là một con người cảm thấy mình có khiêu và có nhu cầu cần bản *phát triển và thể hiện bản ngã của mình* vào một vật cụ thể.” (Trương-Tửu gạch dưới). Chủ trương văn nghệ sĩ chỉ biểu hiện “cái chủ quan chân thật của mình”, chỉ “phát triển và thể hiện cái bản ngã của mình”, Trương-Tửu đề xướng một đường lối sáng tác văn nghệ duy tâm chủ nghĩa. Đường lối sáng tác văn nghệ này lấy “cái tôi” làm trung tâm. Nó chủ trương văn nghệ sĩ phải xuất phát từ cái chủ quan của mình để sáng tác chứ không phải xuất phát từ hiện thực khách quan của đời sống xã hội. Chính Trương-Tửu đã từng viết: “nghệ sĩ có thể chiếu tỏa ra ngoài đời cái ánh sáng của chính bản thân mình.”<sup>[9]</sup>

Trương-Tửu quan niệm văn nghệ sĩ không phải là một con người cụ thể sống ở trong xã hội, một con người “tổng hợp các mối quan hệ xã hội”. Theo y thì văn nghệ sĩ là một con người đặc biệt “vượt qua giới hạn của giai cấp, của thời đại, của sự sống cá biệt, để đạt tới *con người phổ biến, con người vĩnh cửu*”. (Trương-Tửu gạch dưới).

Trong sáng tác văn nghệ, vai trò của sự tưởng tượng, của “hư cấu” rất lớn lao không thể thiếu được. Nhưng đối với chúng ta, sự tưởng tượng và hư cấu đó phải dựa trên cơ sở của hiện thực khách quan, nghĩa là trên cơ sở của cái “có”. Nhưng đối với Trương-Tửu thì sự tưởng tượng và hư cấu đó dựa trên cơ sở của cái “không”, và làm bật ra từ cái “không” những tác phẩm



## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

văn nghệ. Y còn nói thêm rằng: “Nhà văn *sống thực* cái mà mình hư cấu ra”, “nhà văn chỉ hư cấu được cái gì mà mình sống bằng tưởng tượng”. Y thần bí hóa văn nghệ bằng cách kể ra bao nhiêu thứ “diệu kỳ”; “cái trí tưởng tượng diệu kỳ, ảo kiến”, “cái khoa học thực giác diệu kỳ”, “cái thần nhõn diệu kỳ”, v.v... Theo Trương-Tửu thì những thứ diệu kỳ này đã đem lại cho văn nghệ cái mà y gọi là “loại biệt tình”.

Qua những tác phẩm của Trương-Tửu từ trước đến nay, nhất là qua cuốn *Mấy vấn đề văn học sử Việt-nam*, chúng ta thấy rõ rằng theo quan niệm Trương-Tửu thì tư duy đề ra tồn tại, chứ không phải tồn tại đề ra tư duy. Như thế rõ ràng là thế giới của Trương-Tửu phải là thế giới quan duy tâm chủ nghĩa. Thứ “chủ nghĩa duy vật máy móc” mà một số người nhận xét ở Trương-Tửu chỉ là cái biểu hiện bên ngoài. Trương-Tửu dùng cái biểu hiện bên ngoài này để lừa dối người đọc. Còn bản chất của Trương-Tửu, của thế giới quan của y, là chủ nghĩa duy tâm. Thứ chủ nghĩa duy tâm này không phải là một thứ chủ nghĩa duy tâm thông thường, mà nó là một thứ chủ nghĩa duy tâm phản động. Vì nó không phải là một sai lầm không tự giác, mà là một thủ đoạn xảo quyệt để chống phá cách mạng.

### **Một lập trường chính trị phản động**

Toàn bộ những tác phẩm của Trương-Tửu đã bộc lộ ra một lập trường chính trị rõ ràng. Đó là một lập trường thù địch đối với cách mạng, thù địch đối với Đảng ta, thù địch đối với chế độ ta. Sau khi Cách mạng tháng Tám thắng lợi, chế độ cộng hòa dân chủ thành lập, Trương-Tửu đã tỏ rõ lập trường chính trị đối địch của y đối với chế độ mới. Y không chịu nổi chế độ mới trong đó chính quyền đã về tay nhân dân do giai cấp công nhân và Đảng ta lãnh đạo. Trong bài tựa cuốn *Tương lai văn nghệ Việt-nam* <sup>[10]</sup> y kêu lên: “Cái “hôm nay” đen tối và chật hẹp”. Cũng trong cuốn sách đó y viết: “Chúng ta đều là những kẻ bức bối ngột thở trong khung cảnh chế độ hiện thời và lúc nào cũng mong phá vỡ nó để thoát ra.” Y hô hào văn nghệ nổi loạn

## HUỖNH ÁI TÔNG

chống lại chính quyền cách mạng: “Trong lúc này, một nền văn nghệ xứng đáng với tên của nó, phải xô đẩy người đương thời đến một thái độ “chống hiện tại”, “phá đổ hiện tại”. [11] Trương-Tử không chỉ hô hào suông mà đã ra tay hành động. Chính bọn to-rốt-skit trong đó có Trương-Tử rải truyền đơn ở Hà-nội ký tên là “Đảng thợ thuyền xã hội Việt-nam” đòi thi hành biện pháp thiết thực ngay “cách mạng xã hội chủ nghĩa” để gây khó khăn cho Chính phủ lâm thời: Cũng trong cuốn *Trương lai văn nghệ Việt-nam*, Trương-Tử đã tuyên truyền cho thuyết “tự do tuyệt đối” của văn nghệ sĩ và chống lại sự lãnh đạo của Đảng mà y gọi là “sự chi phối trực tiếp của những sức mạnh độc đoán ở bên ngoài”. Trong “Chương trình hành động” của cái gọi là “Đoàn kiến thiết tân văn nghệ” mà y khởi xướng, Trương-Tử viết: “Đoàn hành động sẽ không theo mệnh lệnh của một đảng phái nào... Nhưng đoàn cũng sẽ không từ chối một cách tuyệt đối sự hợp tác thực tiễn với những đảng nào xét ra là đại diện cho quần chúng... Nhưng hành động ấy cũng chỉ xảy ra một cách hãn hữu thôi” [12]. Trương-Tử lại vu không cho Cách mạng tháng Tám đã giết chết văn nghệ. Trong bài *Nhà văn và cách mạng*, viết trong dịp kỷ niệm Cách mạng tháng Tám lần thứ nhất, y viết: “Được mùa cách mạng thì mất mùa văn chương sáng tác”.

Những tư tưởng chống Đảng chống chế độ trên đây được Trương-Tử “phát triển” thêm trong các bài của y đăng trên các tạp *Giai phẩm* hồi cuối năm 1956, trong lúc nhóm phá hoại *Nhà văn - Giai phẩm* tấn công điên cuồng vào Đảng ta. Trong bài *Bệnh sùng bái cá nhân trong giới lãnh đạo văn nghệ* đăng trong *Giai phẩm mùa thu* tập II, Trương-Tử lên tiếng đòi “trả quyền lãnh đạo chuyên môn cho những người công tác chuyên môn”. Trương-Tử đem văn nghệ đối lập với Đảng. Trong bài *Văn nghệ và chính trị* đăng trong *Giai phẩm mùa thu* III và *Giai phẩm mùa đông* y còn tấn công vào Đảng một cách điên cuồng trắng trợn hơn. Y đem tự do của văn nghệ sĩ đối lập với Đảng. Y viết: “Tự do tư tưởng của văn nghệ sĩ là bất khả xâm phạm”; “văn nghệ cần một điều kiện không thể thiếu được, đó là

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

quyền tự do phát hiện sự thật toàn diện. Một Đảng tốt phải tạo cho văn nghệ điều kiện ấy. Nếu không, nó cũng tự tạo cho nó điều kiện ấy”. Y đem sự thật đối lập với Đảng và vu khống cho Đảng là ta sợ sự thật. Trong lúc đó thì y thổi phồng vai trò của văn nghệ sĩ: “Văn nghệ sĩ là sứ giả của sự thật”; “văn nghệ sĩ yêu Đảng, nhưng họ yêu sự thật hơn Đảng” v.v... Y chủ trương “văn nghệ sĩ chân chính không chủ định phục vụ một Đảng chính trị”. Y tuyên bố một cách hung hăng: “Văn nghệ sĩ sẽ là chứng nhân về mọi hành động của Đảng trước tòa án lịch sử nghìn đời.”

Cuộc tấn công của nhóm phá hoại *Nhân văn-Giai phẩm* bị đánh lui, những phần tử trong nhóm này “chuyển hướng”, thì Trương-Từ cũng “chuyển hướng” theo. Y cải trang thành một nhà “nghiên cứu văn học sử”. Cuốn *Máy vấn đề văn học sử Việt-nam* xuất hiện. Thuyết “chống hiện tại”, “phá đồ hiện tại” của y lại xuất hiện dưới một lối nói khác. “Nói chung thì dòng tư tưởng và tình cảm của văn học thống trị bao giờ cũng nặng về *tính cách bảo thủ* ở ngay cả lúc nó còn mang một ý nghĩa lịch sử chân chính. Trái lại, dòng tư tưởng và tình cảm của văn học chống giai cấp thống trị bao giờ cũng *nặng nề về tính cách đi tới, tiến thủ, phê phán trật tự hiện hành, nhằm về phía đảng trước*” (do Trương-Từ gạch dưới). Trương-Từ nói đến giai cấp thống trị và giai cấp bị thống trị một cách trừu tượng không nói rõ dưới chế độ xã hội nào, không nói rõ giai cấp thống trị trong chế độ đó là tiến bộ hay phản động. Dụng ý của Trương-Từ là làm cho người ta hiểu lầm rằng ở trong chế độ ta, giai cấp công nhân và nhân dân lao động đã trở thành giai cấp thống trị, thì nền văn học của nó, mặc dù “còn mang một ý nghĩa lịch sử chân chính”, vẫn “*nặng nề về tính cách bảo thủ*” vì một lẽ đó là “văn học thống trị”. Còn thứ văn học chống đối như “văn học” của nhóm *Nhân văn-Giai phẩm* chẳng hạn thì “*nặng về tính cách đi tới, tiến thủ, phê phán trật tự hiện hành, nhằm về phía đảng trước*” vì một lẽ đó là “văn học chống giai cấp thống trị”.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Đi đôi với việc gieo rắc những tư tưởng thù địch chống lại Đảng ta và chế độ ta, Trương-Tửu không ngớt lời ca tụng thực dân Pháp là kẻ sang cướp nước ta. Y cho rằng thời kỳ Pôn Đume làm toàn quyền Đông-dương đã mở đầu một giai đoạn mới trong lịch sử dân tộc ta. Theo y thì chính nhờ bàn tay sắt của tên thực dân khát máu này mà hội đó ở Việt-nam đã bắt đầu “một quá trình thống nhất lãnh thổ quốc gia mới, một quá trình hình thành dân tộc mới”. Y ca tụng cả chế độ chính trị thối nát của thực dân Pháp ở nước ta. Y viết: “Những hội đồng tư vấn, hội đồng hàng tỉnh... khiến nhân dân Việt-nam bước đầu biết đến những hình thức dân chủ tư sản tối thiểu của sự quản trị quốc gia, và gieo mầm ý thức về quyền công dân...” Y lại ca tụng nền giáo dục ngu dân của thực dân Pháp là đã “cận đại hóa” tư tưởng thanh niên Việt-nam. Theo Trương-Tửu thì nhờ có sự đô hộ của thực dân Pháp, dân tộc Việt-nam ta mới có được cái mà y gọi là “cận đại tính”. Y còn viết thêm: “Nói đến cận đại tính là nói đến sự nảy nở đa dạng của một nền văn nghệ có chất “người” phong phú và phức tạp, cho phép phát huy cao độ mọi cá tính thiên tài, mọi khả năng sáng tạo, để thám hiểm vũ trụ, thám hiểm con người, thám hiểm xã hội”. Tóm lại, y ca tụng thực dân Pháp đã có công lớn lao trong việc xây dựng cho dân tộc Việt-nam ta một nền văn nghệ mới.

Có người nói rằng trong các tác phẩm của y, Trương-Tửu chỉ trình bày những quan điểm văn nghệ y chứ không bộc lộ những quan điểm chính trị của y. Nói như thế là không đúng. Trong các tác phẩm của y, Trương-Tửu không những đưa ra những quan điểm văn nghệ phản động mà còn cả những tư tưởng chính trị phản động nữa. Y xướng lên thuyết “luật quân binh đoàn thể”, “bản tính công bằng” để che đậy hiện tượng giai cấp và giai cấp đấu tranh trong xã hội. Hồi thuộc Pháp, y đã che đậy tính chất giai cấp của pháp luật, cho rằng pháp luật không phải là một công cụ đàn áp giai cấp và hơ hào mọi người vâng theo luật pháp. Trong cuốn “*Nguyễn-Du và Truyện Kiều*”, Trương-Tửu viết: “*Pháp luật* là khí cụ của đoàn thể dùng để giữ đạo công bằng trong đoàn thể. Cho nên muốn theo đạo

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

công bằng thì cá nhân chỉ còn một cách rất giản dị là vâng theo pháp luật, vâng theo người thừa hành luật pháp.” Y che đậy tính giai cấp của dư luận. Y viết: “Bên cạnh pháp luật, xã hội lại còn dùng dư luận xã hội để củng cố đạo công bằng. “Y nói đến “luơng tâm cá nhân”, một thứ luơng tâm cá nhân siêu giai cấp. Y viết: “Xã hội đã tạo ra một con mắt vô hình đã xét nét ý nghĩ cùng việc làm của cá nhân. Con mắt ấy có thể lực thưởng phạt như pháp luật, dư luận. Con mắt màu nhiệm ấy là luơng tâm tức là có... *một xã hội trong mình*”. Rõ ràng Trương-Tửu đã truyền bá những tư tưởng chính trị phản động. Chính những tư tưởng chính trị phản động của Trương-Tửu đã quy định những tư tưởng văn nghệ của y.

Trương-Tửu đã từng nhiều lần công khai tuyên bố y theo chủ nghĩa to-rôt-skit và đệ tứ quốc tế. Đệ tứ quốc tế và chủ nghĩa to-rôt-skit, như mọi người đều biết, là một công cụ trong tay chủ nghĩa đế quốc quốc tế để chống phá cách mạng. Bọn to-rôt-skit là những tay sai đắc lực của đế quốc và là kẻ thù nguy hiểm của chủ nghĩa Mác-Lê-nin vì chúng đội lốt chủ nghĩa Mác-Lê-nin để chống phá cách mạng. Đã hai chục năm nay tên to-rôt-skit Trương-Tửu đội lốt chủ nghĩa Mác để chống lại Tổ quốc, chống lại nhân dân, chống lại cách mạng. Y đã từng chống phá Mặt trận dân chủ (1937-1939), chống phá Mặt trận Việt-Minh (1941-1945). Y đã từng nhiều lần nói xấu dân tộc ta, nói xấu nhân dân ta và công khai ca tụng xâm lược, ca tụng đế quốc. Mỗi cuốn sách của y ra đời đều có một mục đích chính trị rõ rệt: phục vụ đế quốc, chống phá cách mạng. Tất cả mọi thủ đoạn đối với Trương-Tửu đều tốt miễn là phá hoại được cách mạng, phá hoại được Đảng ta. Những giọng lưỡi và hoạt động phản bội dân tộc, phản bội nhân dân, không phải là những sai lầm ngẫu nhiên không tự giác, mà là những hành động có ý, có hệ thống, có lịch sử.

Những tư tưởng chính trị của Trương-Tửu là những tư tưởng thù địch đối với cách mạng, thù địch đối với Đảng ta. Những tư tưởng thù địch này không phải chỉ biểu lộ một cách ngẫu nhiên

## HUỶNH ÁI TÔNG

trong một lúc nào đó mà là biểu lộ có hệ thống từ lâu. Những hoạt động chống phá cách mạng, chống phá Đảng ta của Trương-Tửu có một lịch sử lâu dài. Y đã tỏ ra rằng y là một kẻ thù không đội trời chung với Đảng ta, với cách mạng. Một người có tư tưởng chống lại Đảng ta, chống lại chủ nghĩa Mác-Lê-nin như thế sao lại luôn luôn vỗ ngực tự xưng là một người mac xít? Có lẽ có người lấy làm khó hiểu. Nhưng điều đó không có gì đáng lấy làm lạ. Người ta thường nói: dùng nội công đánh chiếm đồn địch thì dễ hơn. Những kẻ thù của chủ nghĩa Mác thường cho tay chân của chúng lui vào hàng ngũ của những người theo chủ nghĩa Mác để đánh phá mặt trận tư tưởng của họ từ bên trong đánh ra. Sau cao trào cách mạng 1930-1931, nhất là sau phong trào mặt trận dân chủ 1936-1939, ảnh hưởng của Đảng ta và tư tưởng của chủ nghĩa Mác-Lênin lan rộng và ăn sâu trong nhân dân ta. Tình hình này bắt buộc bọn đế quốc phong kiến phải cho một số tay sai ra đóng vai những nhà “nghiên cứu” đội lốt chủ nghĩa Mac để lừa gạt quần chúng. Nhóm Hàn-Thuyên trong đó có Trương-Tửu ra đời trong những điều kiện lịch sử đó. Ngày nay ở miền Bắc nước ta nhân dân lao động đã làm chủ nước nhà. Đảng ta đã trở thành Đảng lãnh đạo chính quyền Nhà nước. Chủ nghĩa Mác-Lê-nin đã trở thành tư tưởng chỉ đạo trong đời sống xã hội. Những kẻ thù của chủ nghĩa Mác-Lê-nin càng phải che đậy không dám để lộ bộ mặt thật của chúng. Chúng càng phải khoác áo chủ nghĩa Mác-Lê-nin để chống phá chủ nghĩa Mác-Lê-nin. Vì thế chúng ta không nên lấy làm lạ khi thấy Trương-Tửu rêu rao là y theo đúng tinh thần và phương pháp “Mác-Lê-nin chủ nghĩa”. Nhưng chủ nghĩa Mác-Lê-nin và tư tưởng của Trương-Tửu hoàn toàn không giống nhau. Thế giới quan và phương pháp chủ nghĩa Mác-Lê-nin là chủ nghĩa duy vật biện chứng, còn thế giới quan và thuật gian xảo của Trương-Tửu là chủ nghĩa duy tâm và thuật ngụy biện. Chủ nghĩa Mác-Lê-nin là tư tưởng của giai cấp công nhân, mưu lợi ích cho giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Còn tư tưởng của Trương-Tửu là tư tưởng của bọn phản cách mạng mưu lợi ích cho các giai cấp phản

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

cách mạng, làm hại cho dân tộc, làm hại cho Tổ quốc, làm hại giai cấp công nhân và nhân dân lao động.

Đã hai chục năm nay Trương-Tử đội lốt “mác xít” để chống phá cách mạng, chống phá Đảng ta, chống phá chủ nghĩa Mác-Lênin. Những nọc độc của y gieo rắc không phải là ít. Việc các báo chí phê phán tư tưởng của Trương-Tử để quét sạch những nọc độc đó không phải là một việc nên làm mà còn là một điều cần thiết. Ấy thế mà có một số người cho rằng báo chí phê phán tư tưởng của Trương-Tử như thế là “đề cao” Trương-Tử, là “quảng cáo” cho những sách vở của y. Nói như thế chẳng khác gì thấy giặc không đánh cứ để cho giặc tự ý hoành hành. Cái thái độ bề ngoài có vẻ “quân tử” này thực ra chỉ là một thái độ thỏa hiệp nếu không phải là đầu hàng trên mặt trận tư tưởng. Trương-Tử tấn công vào Đảng, vào cách mạng, chúng ta có bổn phận bảo vệ Đảng, bảo vệ cách mạng. Trương-Tử xuyên tạc chủ nghĩa Mác-Lê-nin, chúng ta có bổn phận bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác-Lê-nin. Chủ nghĩa Mác-Lê-nin chỉ có thể tồn tại và phát triển trong quá trình đấu tranh tư tưởng của y, vạch trần thế giới quan và thuật gian xảo của y, do đó tước vũ khí của y, khiến cho y không còn có thể làm hại cách mạng, làm hại nhân dân được nữa. Việc phê phán tư tưởng của Trương-Tử, theo chúng tôi quan niệm, cũng giống như tư tưởng của Trương-Tử, là phê phán giai cấp mà Trương-Tử là một người đại biểu, một kẻ phát ngôn. Sự phê phán đó là một khía cạnh của cuộc đấu tranh tư tưởng chung trong thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội của chúng ta hiện nay.

---

[1] Trong cuốn *Lược thảo lịch sử văn học Việt-nam*, Xây dựng xuất bản, nhóm Lê-Quý-Đôn, trong lúc nhắc đến những cuốn *Kinh thi Việt-nam*, *Nguyễn-Du và Truyện Kiều*, *Tâm lý và tư tưởng Nguyễn-công-Trứ* của Trương-Tử có đánh giá Trương-Tử như sau: Trương-Tử cố dập theo quan điểm duy vật lịch

## HUỶNH ÁI TÔNG

sử của chủ nghĩa Mác, đã đạt được những thành công nhất định... nhưng nhiều nhận định của ông máy móc, cực đoan, mà một thời người ta đã đánh giá khá nghiệt là “mác xít giả hiệu”.

[2] Lê-nin, *Toàn tập*, quyển 21.

[3] Trương-Tửu: *Bệnh sùng bái cá nhân trong giới lãnh đạo văn nghệ* - Giai phẩm mùa thu, tập 2.

[4] Trương-Tửu: *Văn nghệ và chính trị* - Giai phẩm mùa đông.

[5] Những câu trích dẫn trong bài này, ngoài những câu đã ghi rõ nơi trích dẫn, đều lấy trong cuốn *Mấy vấn đề văn học sử Việt-nam* của Trương-Tửu.

[6] Trương-Tửu : *Tương lai văn nghệ Việt-nam* .

[7] Trương-Tửu : Nguyễn-Du và Truyện Kiều.

[8] Phờ-rót là một thầy thuốc khoa thần kinh ở Viên. Chủ nghĩa Phờ-rót là một thứ chủ nghĩa duy tâm phản động trong tâm lý học. Chủ nghĩa này cho rằng ý thức con người do “ý thức dưới” chi phối, mà nội dung của “ý thức dưới” là tính dâm dục định đoạt trước. Chủ nghĩa Phờ-rót đem tính dâm dục để giải thích cách hiện tượng xã hội từ nguyên thủy đến chiến tranh và cách mạng thời nay vì đã bộc lộ rõ tính chất phản động của nó. Phát xít Đức đã dùng chủ nghĩa Phờ-rót để bào chữa cho những sự tàn bạo của chúng. Ngày nay đế quốc Mỹ cũng đang dùng chủ nghĩa Phờ-rót làm công cụ để nô dịch nhân dân các nước.

[9] Trương-Tửu: *Văn nghệ và chính trị*. Giai phẩm mùa thu, tập 3 (1956).

[10] Cuốn sách này đăng trọn trong tạp chí *Văn mới* số 56, ra ngày 10-9-1945.

[11] Trương-Tửu : *Tương lai văn nghệ Việt-nam*.

[12] Sđd.

### **Một nhà văn tiêu biểu của chủ nghĩa hiện thực phê phán**

Nguyễn Công Hoan là một trong những nhà văn tiêu biểu của chủ nghĩa hiện thực phê phán Việt Nam. Ông bắt đầu viết văn từ năm 1920, nhưng từ năm 1935, ông mới được nổi tiếng với tác phẩm *Kép Tư Bền*. Ông đã viết rất nhiều, nhất là truyện



## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

ngắn. Những truyện ngắn của ông được in thành nhiều tập. Chi tính riêng về truyện dài ông cũng đã viết trên mười cuốn. Những truyện ngắn của ông rất có giá trị. Tính chất hiện thực của Nguyễn Công Hoan chủ yếu là ở trong các truyện ngắn của ông (nhất là những tập Kép Tư Bền, Đào kép mới), về truyện dài của ông thì Bước đường cùng là có giá trị hơn cả.

Nguyễn Công Hoan chuyên tả những cảnh xấu xa bỉ ổi, những cảnh bất công, vô lý trong xã hội nước ta dưới thời thuộc Pháp. Trong truyện Báo hiếu: trả nghĩa mẹ ông công kích hạng trọc phú ăn ở với mẹ không ra gì. Tên này gọi mẹ bằng "con vú già", để vợ đầu độc mẹ chết cho khuất mắt, rồi "trả nghĩa mẹ" bằng cách làm đám ma thật linh đình để báo hiếu. Trong truyện Hai thằng khốn nạn ông dựng lên một tên trọc phú keo kiệt khác: một ông Nghị bỏ ra ba hào mua một thằng bé nhưng vì lưng thằng bé có nhiều nốt ruồi nên hắn ta đã bớt lại hai xu mà vẫn còn tiếc là đắt quá! Trong truyện Mất cái ví ông đã nhạo báng lão tham đều cáng giả vờ mất ví để vu cho người bà con nghèo của hắn, làm cho người này không thể đến quấy nhiễu, nhờ vả nó. Những nhân vật phản diện trong các tác phẩm của Nguyễn Công Hoan đều lấy trong giai cấp thống trị hồi bấy giờ: một ông quan hà lạm hay áp bức dân, sách nhiễu dân, một cụ bá biển lận keo kiệt, một bà phán ăn không ngồi rồi chuyên đánh tổ tôm, đọc tiểu thuyết nhảm nhí, đi ve trai rồi lại "bán tròn" để cho chồng được thăng quan tiến chức... Với truyện Đào kép mới Nguyễn Công Hoan chế giễu một cách kín đáo trò hề thực dân Pháp đưa Bảo Đại "hồi loan" bày ra trò "cải tổ Triều đình" để lừa gạt nhân dân. Ông ví nó với lối quảng cáo bịp bợm của một gánh hát đã mất hết tín nhiệm. Nguyễn Công Hoan thường đặt nhân vật của ông vào trong những cảnh ngộ éo le buồn cười để làm một trò đùa cho bạn đọc. Trong nhiều tác phẩm của ông, Nguyễn Công Hoan thường cho những người giàu chạm trán với những người nghèo. Sự chạm trán giữa người giàu và người nghèo là cái cốt của hầu hết các truyện ngắn, truyện dài của ông. Trong cuộc xung đột giữa

## HUỶNH ÁI TÔNG

người giàu và người nghèo này bao giờ cảm tình của Nguyễn Công Hoan cũng nghiêng hẳn về phía người nghèo.

... Nguyễn Công Hoan có lối miêu tả rất sinh động, khéo léo làm cho người đọc tưởng chừng thấy ngay trước mắt cái cảnh tả trên trang giấy. Chúng ta hãy nghe tác giả tả "Thằng ăn cắp" trong *Kép Tư Bền*. Đứa trẻ nửa ăn mày nửa ăn cắp xuất hiện giữa đám hàng rong:

*"Một hôm, nó vơ vẩn giữa đám hàng bán rong.*

*Thấy nó, bà hàng rau đứng dậy, quẩy gánh hàng lên vai, đi chỗ khác. Bà hàng thịt rờ lại ruột tượng. Bà hàng bún riêu nắm túi tiền. Bà hàng lê bắm cô hàng bánh đúc. Chị bán bánh rán sốt ruột đưa mắt cho bác hàng khoai.*

*Họ thì thào:*

*- Thằng ăn cắp!" (tr.21)*

Tác giả mới tả đứa bé ăn cắp một cách gián tiếp qua những cử chỉ, lời nói, khoé mắt của những người bán hàng rong. Bây giờ tác giả tả thẳng vào đứa bé ăn cắp:

*"... Nó ngòì sán vào cô hàng bánh đúc. Nó chìa tay ra xin một miếng. Cô hàng ôm khư khư lấy mẹt vào lòng, xua lấy xua để:*

*- Chưa bán mở hàng đây! Khỉ ạ!*

*Nó lại dịch sang kê nôi bún riêu.*

*- Lạy bà, con ăn mày bà một bát.*

*- Ba mươi sáu cái nỡn nường! Mỗi bát mấy đồng xu của người ta đấy. Thôi đi! Dơ!*

*Nó lại mó vào củ khoai lang, tùm tùm cười.*

HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Bà ấy vội hất tay nó ra và mắng:

- Bà thì tát cho một cái bây giờ, đừng láo!

Bà hàng lê chắc chẳng đời thuở nào nó dám động đến hàng mình, là thứ xa xỉ phẩm, đùa nói rằng:

- Một hào một quả, bỏ tiền đây, tao bán cho.

Nó cười, lắc đầu.

Bà ấy ném vào lòng nó một mảnh vỏ quýt. Nó đỡ được, bỏ vào mồm, nhai gàu gấu. Rồi nghĩ thế nào, nó đứng dậy, tay nó đếm xu trong túi, nói với bà hàng bún riêu:

- Bà bán cho cháu một bát.

- Mà có tiền không?

Nó gật đầu, mạnh bạo. Rồi đắc chí, nó lắc túi.

Bà ấy múc cho nó một bát đầy. Nó ăn. Phù phù! Nóng! Suyt soạt! Cay! Ngon quá!"

Đứa bé ăn cắp là cái gai trong mắt mấy mẹ hàng rong. Mỗi người đều coi nó là một con chiên ghẻ. Ai cũng xua đuổi nó.

Ăn xong bát bún đứa bé bỏ chạy:

"- Ôi ông đội xếp ơi! Thằng ăn cắp! Ai đuổi hộ tôi!

Bọn bán hàng nhón nháo. Chạy tứ tung. Quang gánh vương. Người ngã. Hàng đổ. Bát vỡ.

- Bắt lấy nó!"

## HUỖNH ÁI TÔNG

Người ta đuổi bắt nó. Người thì bảo nó giết khấn, người thì đồn nó giết đôi khuyển tai vàng.

Cuối cùng người ta bắt được nó, khám người nó không có gì, người ta cho là nó có bẻ có đảng nên đã tẩu thoát tang vật. Người ta đánh nó nhừ tử:

*"Úc! Một cái đá vào mạng mờ... Hự! Một cái tống vào ngực! Huych! Huych! Bóp!*

*Bóp... A lê! Lên cầm!... Nó mềm như sợi bún, không dậy được..."*

Bà hàng bún riêu "áo lấm, khấn số, tóc rũ", chạy "lạch xạch như con vịt" còn mãi phía sau. Đến lúc tới gần người ta xúm lại hỏi: Bà mất cái gì?

*"Bà ấy cố trả lời, nói rời rạc như người sắp tắt thở:*

*- Nó ăn... của... tôi... hai xu... bún riêu... rồi... nó quýt... nó chạy...!"*

Cả một cảnh sống thực bày ra trước mắt chúng ta. Lối tả tỉ mỉ các chi tiết là một đặc điểm của phương pháp sáng tác hiện thực chủ nghĩa của Nguyễn Công Hoan. Câu chuyện kết thúc một cách đột ngột. Hai xu bún riêu, một trận đòn nhừ tử! Đó, giá trị con người dưới thời thuộc Pháp! Nguyễn Công Hoan đã giáng một đòn chí mạng vào chế độ coi mạng người như cỏ rác.

*... Bước đường cùng* ra đời vào năm 1938 giữa lúc phong trào Mặt trận Dân chủ Đông Dương lên cao nhất. Điều đó có ảnh hưởng quyết định đến xu hướng chung của tác phẩm.

*Bước đường cùng* là tác phẩm có giá trị cao nhất của Nguyễn Công Hoan. Với *Bước đường cùng* lần đầu tiên trong lịch sử văn học Việt Nam có một tác phẩm nói đến đời sống nông thôn

## HAI MUỠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Việt Nam một cách sâu sắc, vạch trần được một trong hai mâu thuẫn cơ bản của xã hội nước ta dưới thời thuộc Pháp là mâu thuẫn giữa nông dân và địa chủ phong kiến. Trong *Bước đường cùng* Nguyễn Công Hoan kể chuyện một nông dân nghèo là anh Pha bị tên địa chủ Nghị Lại cướp mất ruộng bằng cách làm vãn tự giả rồi bắt anh ấn dấu tay vào. Anh Pha cùng hai nông dân khác cũng bị Nghị Lại tịch thu ruộng vì không trả được nợ là Trương Thi và San đoàn kết nhau lại để giữ ruộng không cho thợ gặt của Nghị Lại xuống gặt lúa của mình. Nghị Lại đưa lính huyện về hộ vệ cho thợ gặt cướp lúa của anh Pha. Anh Pha chống lại bị bọn lính ôm ghì lấy, đè ngửa ra và trói gô lại khiêng đi... Truyện kết thúc một cách nghẹn ngào, uất ức.

Trong *Bước đường cùng* Nguyễn Công Hoan đã kích mạnh mẽ vào tên địa chủ Nghị Lại, vào tên tri huyện, vào bọn lính lệ... nghĩa là những đại biểu của giai cấp địa chủ phong kiến đang cấu kết với đế quốc để thống trị nhân dân ta hồi đó. Trong *Bước đường cùng* người ta tìm thấy những nét chính của xã hội cũ trong đó tên trọc phú bụng phệ ăn không ngồi rồi bóc lột nông dân từng xu, tên tri huyện chuyên ăn hối lộ đục khoét nông dân lao động nghèo không có miếng đất cắm dùi, tên lính lệ đều cáng thấy đàn bà như mèo thấy mỡ và những điều chướng tai gai mắt khác. Trong tác phẩm này tác giả tỏ ra là hoàn toàn đồng tình với những người bị áp bức. Ở đây sự đồng tình này không bị tiếng cười mỉa mai châm biếm và thái độ hài hước cay độc che lấp như trong các tác phẩm khác của ông. Tác giả cũng đã phần nào thấy được sức mạnh của người nông dân. Các nhân vật chính diện của ông đã thấy được "hai cánh tay mạnh mẽ" của mình là "hai cánh tay làm cho đất cát có giá trị". Họ đã nhìn thấy được sự bất công trong xã hội. Họ cũng đã biết được đoàn kết là sức mạnh. Thái độ của anh Pha khi đã hăng tiết lên "*vớ được một chiếc đòn càn, xông vào Nghị Lại, phang một cái thật mạnh vào đầu: "Đồ ăn cướp!"*" đã nói lên điều đó. Người nông dân trong *Bước đường cùng* không còn thụ động như người nông dân trong văn học Việt Nam ngày trước nữa. Đó là một hiện tượng rất mới trong văn học nước ta

## HUỶNH ÁI TÔNG

hồi bấy giờ. Hiện tượng mới này trong văn học đã phản ánh được hiện tượng mới ngoài xã hội đã xảy ra từ 7, 8 năm về trước (tức lúc có phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh), nhất là từ khi có phong trào Mặt trận Dân chủ. Phản ánh được sự kiện lịch sử này, chủ nghĩa hiện thực của Nguyễn Công Hoan tỏ ra là đã cao hơn một bậc so với chủ nghĩa hiện thực của Vũ Trọng Phụng và của nhiều nhà văn hiện thực chủ nghĩa khác hồi bấy giờ.

...Nguyễn Công Hoan thường tả những cảnh oái oăm vô lý trong xã hội cũ, làm cho người đọc thấy được sự thối nát của xã hội cũ: một bọn người vô tình nhẫn tâm bắt một anh kếp hát bông lơn trong lúc cha anh đang hấp hối; một anh phu xe hôm ba mươi Tết kéo phải một chị giang hồ không tiền cũng đi tìm khách; một người mẹ bỏ con nằm một mình để đi theo trai... tất cả tình đời éo le, chua cay đau xót trong xã hội cũ hiện ra dưới ngòi bút Nguyễn Công Hoan.

...Toàn bộ tác phẩm của Nguyễn Công Hoan là cả một pho tài liệu rất quý về "lịch sử xã hội" nước ta thời thuộc Pháp. Vì vậy chúng ta rất quý trọng các tác phẩm của Nguyễn Công Hoan.

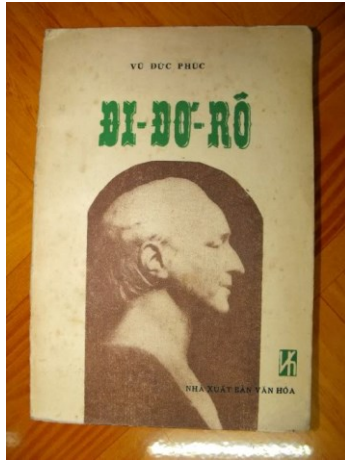
(Trích "Phương pháp sáng tác trong văn học nghệ thuật" Sự thật, Hà Nội, 1962)

Nhà phê bình Trần Hữu Tá nhận xét về nhà văn Hồng Chương: *"Hồng Chương hoạt động chủ yếu trên lĩnh vực lý luận phê bình. Là người truyền bá đường lối văn nghệ của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhiều tiểu luận của ông thể hiện một thái độ kiên định trên những vấn đề nguyên tắc, tuy không khỏi có chỗ còn chưa thật uyển chuyển."*

Tài liệu tham khảo:

- Hồng Chương Web: [www3.thuathienhue.gov.vn](http://www3.thuathienhue.gov.vn)
- Hồng Chương Blog: talawas

HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975  
15) Vũ Đức Phúc



**Lãng Bạc - Vũ Đức Phúc (1921- )**

Vũ Đức Phúc sinh ngày 12 tháng 11 năm 1921 tại Thị trấn Gia Lâm, Hà Nội.

Ông tham gia hoạt động cách mạng từ năm 1939 (Thanh niên Phản đế, biên tập viên Nhà xuất bản Mới (do Đảng lãnh đạo)).

Từ Cách mạng tháng Tám và kháng chiến chống Pháp, ông tham gia Tổng khởi nghĩa ở Gia Lâm, Bắc Ninh... Chủ tịch ủy ban Hành chính và Chủ tịch ủy ban Kháng chiến thị xã Bắc Ninh, Chủ tịch huyện Võ Giang (Bắc Ninh), Tỉnh ủy viên tỉnh Bắc Ninh.

Từ 1954: về tiếp quản Hà Nội, ông làm Trưởng phòng Văn nghệ Sở Văn hóa Hà Nội, rồi cán bộ tiểu ban Văn nghệ Ban Văn giáo Trung ương Đảng. Từ 1959, về công tác tại Viện Văn học cho tới khi nghỉ hưu.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Ngoài ra ông còn có nhiều bài nghiên cứu, tiểu luận, phê bình đăng trên các báo, tạp chí: Nhân dân, Văn học, Văn nghệ, Tạp chí Cộng sản, Tạp chí Văn học từ 1960 đến 1989.

Ông là cán bộ nghiên cứu văn học (Pháp và Việt Nam), nhiều năm giữ chức vụ Phó viện trưởng, Tổng biên tập tạp chí Văn học. Ông đã được tặng Huân chương Độc lập hạng ba.

Năm 1989, ông về hưu sống tại Thị trấn Gia Lâm, Hà Nội.

Tác phẩm:

- *LaFontaine* (dịch Thơ ngụ ngôn, 1957)
- *Voltaire* (dịch Tuyển tập truyện, 1963)
- *Quan thanh tra* (dịch của Gogol, 1963).
- *Sơ thảo lịch sử Văn học Việt Nam 1930-1945* (chuyên luận nghiên cứu, 1964)
- *Đấu tranh tư tưởng trong văn học Việt Nam hiện đại* (lý luận, 1971, 1973)
- *Đi-đô-rô* (chuyên luận, 1986)

Đồng tác giả:

- *Nguyễn Đình Chiểu, tấm gương yêu nước và lao động nghệ thuật* (1973)
- *Ra sức phấn đấu để có những thành tựu mới trong văn nghệ* (lý luận, 1980)
- *Nghiên cứu học tập thơ văn Hồ Chí Minh* (1979)
- *Văn học Việt Nam trên những chặng đường chống phong kiến Trung Quốc xâm lược* (1981)
- *Nguyễn Đình Chiểu* (1984)
- *Nhà thơ Việt Nam hiện đại* (1984)
- *Víchto Huygô ở Việt Nam* (1985)
- *Văn học Việt Nam kháng chiến chống Pháp* (1986)
- *Phân đấu sáng tạo theo đường lối văn nghệ của Đảng* (1986)



Trích văn:

### **Ngôn luận và sáng tác phản động của Trần Duy**

Trong cuộc phê bình báo *Văn* mới đây, người ta thường nhắc tới báo *Nhân văn* và các tập *Giai phẩm*. Những khuynh hướng sai lầm của một số bài trong báo *Văn* thực chất cũng là những cái đuôi to hay nhỏ của *Nhân văn* và *Giai phẩm*. Vì vậy cần phải trở lại phê bình triệt để báo *Nhân văn* và các tập *Giai phẩm*; trước đây ta mới phê bình một bước đầu.

Nói tới báo *Nhân văn*, phải nói tới Trần Duy “thư ký tòa soạn” của tờ báo. Trong giới văn nghệ của chúng ta, chắc cũng không mấy ai còn lạ gì giá trị của cuộc đời và “tác phẩm” của Trần Duy ngày trước. Nhưng trên báo *Nhân văn*, bỗng dưng người ta thấy Trần Duy nhảy lên làm lý luận về chính trị, về văn nghệ, rồi lại viết truyện, và tranh đả kích, thật không khác gì “ông tướng” gặp thời.

Có bạn bảo: “Một người chưa thể gọi là cầm bút ấy thì còn có ảnh hưởng gì mà nói tới”. Tôi cũng biết những người viết *Nhân văn* – *Giai phẩm*, không phải là phục lẫn Trần Duy, Phan Khôi, Nguyễn Hữu Đang, nhưng sự đời là họ vẫn đứng dưới lá cờ tã của Trần Duy, Phan Khôi như thường. Điều đó có gì lạ? Anh không phục con người là một chuyện, nhưng tình cảm tư tưởng của anh giống của hắn lại là một chuyện khác. Vậy thì chúng ta hãy xem Trần Duy biện luận và viết vẽ như thế nào?

### **Lý luận chính trị kiêu thò lò**

Báo *Nhân văn* số 4 (5-11-1956) có bài “Thành thật đấu tranh cho tự do dân chủ” của Trần Duy.

“*Báo Nhân văn ra đời, tự nguyện là một trong những lực lượng tiên phong, tích cực cùng nhân dân và Đảng chiến đấu*

## HUỶNH ÁI TÔNG

*chống lại những sai lầm lệch lạc, những hủ bại trong tác phong lãnh đạo đã vi phạm đến những nguyên tắc cơ bản xây dựng Đảng, xây dựng chế độ”.*

Như vậy là Trần Duy đã nói rõ mục tiêu chiến đấu của báo *Nhân văn* tức là “lãnh đạo”, nói rõ hơn, tức là Đảng, Chính phủ và các bộ phận lãnh đạo. Còn bọn Mỹ, Diệm và tay chân, bọn đầu cơ, những lực lượng đen tối mà Đảng và nhân dân ta còn chống lại không phải là mục tiêu chiến đấu chính của báo *Nhân văn*. Cố nhiên Trần Duy sẽ nói rằng “chiến đấu chống những sai lầm lệch lạc của Đảng lãnh đạo” cũng là giúp lãnh đạo ngày nay thêm mạnh mẽ để chống với kẻ thù. Nhưng thực ra, ngay từ số đầu, những bài trong báo *Nhân văn* hoàn toàn không có một chút gì giúp Đảng, sửa chữa sai lầm, mà phần lớn là những bài vu khống và bày đặt, bơm to vấn đề, xuyên tạc sự thật để đả kích vào Đảng và chế độ như mọi người đều biết. Đến nay, ta nghiên cứu lại các bài đó lại càng thấy điều đó rõ ràng. Cũng trong bài trên, sau khi kể lại một số “khó khăn” của báo *Nhân văn* (thực ra là những phản ứng chính đáng của quần chúng đối với một tờ báo đen tối lợi dụng lúc cách mạng gặp bước gay go, đả kích vào lực lượng lãnh đạo cách mạng) mà Trần Duy nói là “*những kẻ đội lốt danh nghĩa công đoàn*” gây ra, sau khi phản đối các bài phê bình, theo ý tôi rất đúng mục của Nguyễn Chương đăng trên báo *Nhân dân*, hồi tháng 9-1956, Trần Duy “*Đặt vấn đề với Đảng*”.

*“Và do đó, chúng tôi đặt vấn đề với Đảng mặc dầu đây mới là thái độ của những bộ phận lưng chừng của Đảng, chưa phải là của Trung ương, lại càng chưa phải là của toàn Đảng”.*

Như vậy là khi công nhân phản đối báo *Nhân văn* thì Trần Duy cho là có kẻ “*đội lốt danh nghĩa công đoàn vận động phá hoại*”, trường học phản đối thì Trần Duy viết là “*có kẻ đem báo Nhân văn ra gọi cho học sinh trẻ tuổi những nhận xét lệch lạc đối với báo Nhân văn*”, các cơ quan, khu phố, các tỉnh phản đối, thì đó là “*do cán bộ đi vận động*”. Khi báo *Nhân dân*

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

phản đối, Trần Duy cho “*đấy mới là thái độ của bộ phận lưng chừng của Đảng*”. Và nếu Trung ương Đảng phê bình thì, căn cứ vào lý thuyết trên kia của Trần Duy, Trần Duy sẽ nói là “*chưa phải là của toàn Đảng*”. Và nếu là toàn Đảng, toàn dân tức là cơ quan, xí nghiệp, khu phố trường học, các tỉnh có phản đối Trần Duy sẽ lộn trở lại nói là “*có kẻ... vận động phá hoại*”, v.v.,... nghĩa là thế nào cũng có thể xuyên tạc được. Đó không phải chỉ là lý luận có hai mặt mà thôi; đó là lý luận quay tít kiểu con thò lò của Trần Duy, một thứ lý luận rất phổ biến trong báo *Nhân văn* và các tập *Giai phẩm*.

Và khi đã lý luận theo kiểu thò lò đó, thì dù Trần Duy có tuyên bố là “*tin tưởng ở sự sáng suốt lãnh đạo của Đảng*”, người ta cũng thấy rõ chiếc mặt nạ nguy trang, một cách rất lộ liễu của bọn người định “*đặt vấn đề với Đảng*”.

Báo *Nhân văn* có quan niệm rất lạ về quần chúng. Khi nào cần khích người ta chống Đảng, thì nó nói “*chỉ quần chúng là sáng suốt và có thể quyết định*”. Khi nào quần chúng phản đối nó, thì nó lại la “*đó là tại có cán bộ vận động phá hoại*” làm như quần chúng là cừu cả. Vậy thì Trần Duy cứ thử đi “*vận động phá hoại*” trong công nhân, trường học, v.v... xem! Chắc chắn quần chúng sẽ cho người nào “*vận động phá hoại*” những bài học đích đáng. Và trong thực tế, quần chúng đã cho bọn “*chính tị thò lò*” những bài học đáng nhớ đời rồi!

### **Vừa đòi ăn cháo vừa đòi đái bát**

Trong bài “*Phấn đấu cho trăm hoa đua nở*” (*Nhân văn* số 2), Trần Duy làm lý luận văn nghệ và khuyên Đảng nên lãnh đạo văn nghệ thế nào?

Trần Duy không bao giờ dám công khai nói trắng ra rằng không cần Đảng lãnh đạo, vì nói như vậy sẽ không lừa bịp được mọi người. Nhưng quan niệm của Trần Duy về sự lãnh đạo ấy như thế nào?

## HUỶNH ÁI TÔNG

*“Sau khi gán bó người nghệ sĩ chặt chẽ hơn với thực tế để lấy tài liệu xây dựng tác phẩm, giúp cho nghệ sĩ nắm được cái chủ yếu, giúp cho nghệ sĩ những cái bí quyết bắt được cái “thần” của cuộc sống, lãnh đạo sau khi đã làm xong công việc ấy rồi thì nên dừng lại ở đấy”.*

Đảng giúp đỡ văn nghệ sĩ hiểu được thực tế, “tìm tài liệu”... rồi sau đó thì thôi! Khi văn nghệ sĩ viết tác phẩm, không ai được nói gì nữa! Không ai có quyền “can thiệp thô bạo” vào tác phẩm “thiên lương” của Trần Duy đã viết vẽ ra. Đảng chỉ có việc “đưa tài liệu” cho Trần Duy thôi! Thật là một quan niệm “mới mẻ”, “táo bạo” về công việc của văn nghệ sĩ!

Nhưng chúng ta đều biết trong tình hình đấu tranh xây dựng xã hội chủ nghĩa hiện nay, ngoài tối đại đa số văn nghệ sĩ là người tốt còn có một vài kẻ xấu, còn có những thứ luận điệu giáo giở ví dụ: những luận điệu chính trị kiêu thò lò của Trần Duy chúng ta không “dừng lại”, mà cứ vạch mặt nạ những luận điệu xấu xa ấy!

Trần Duy vạch ra phương pháp thực hiện trăm hoa đua nở:

*“Muốn thực hiện hiệu quả chính sách trăm hoa đua nở, chúng ta còn cần những biện pháp chính quyền và tổ chức Đảng để tiến hành giáo dục quần chúng và cán bộ, nhìn nhận rõ vai trò của quần chúng trong việc giáo dục và chịu sự giáo dục của văn nghệ sĩ, trong việc làm thầy và làm học trò ở địa hạt văn học và nghệ thuật”.*

Như vậy, trong việc lãnh đạo, biện pháp chính quyền và tổ chức của Đảng chỉ dùng đối với cán bộ và quần chúng nhân dân để cho họ nhận rõ vai trò làm thầy và làm học trò ở địa hạt văn học nghệ thuật! Thế còn Đảng đối với văn nghệ sĩ thế nào? Thì như trên Trần Duy đã nói chỉ có việc “đưa tài liệu” rồi “dừng lại”! Sao không nói trước hết văn nghệ sĩ phải chịu sự

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

giáo dục của Đảng? Hai nữa sự giáo dục sao lại cần đến biện pháp chính quyền đối với đảng viên và quần chúng, còn văn nghệ sĩ không những không cần được giáo dục mà cũng hoàn toàn tự do, không cần gì đến biện pháp chính quyền?

Không phải vậy? Chúng ta đều biết nếu như văn nghệ sĩ nào không công nhận sự giáo dục của Đảng thì chỉ bơ vơ lạc lõng hoặc là bắt buộc phải đi tìm một sự “giáo dục”, một sự lãnh đạo nào khác chống lại cách mạng, chống lại nhân dân, hoặc làm đầy tớ cho mấy kẻ đầu cơ sẵn tiền mà thôi!

Chưa hết! Theo Trần Duy, chính quyền và Đảng còn phải lãnh đạo bằng cách “*nâng đỡ thích đáng, cụ thể về phương tiện, ấn loát, giấy má, phát hành của chính quyền và các cơ quan Đảng*”. Như thế, lãnh đạo của Đảng và Chính phủ nghĩa là cấp tiền, phương tiện, giúp đỡ ấn loát, gò lưng phát hành, mặc dầu đó là thứ văn nghệ chống lại Đảng, chống lại xã hội chủ nghĩa như văn nghệ trong báo *Nhân văn* và cái tập *Giai phẩm*!

Tóm lại, toàn bộ quan niệm về lãnh đạo của Đảng và chính quyền đối với văn nghệ của Trần Duy chỉ vền vẹn có cái việc: đưa tài liệu, cung cấp hiện tượng, cung cấp phương tiện, bán hộ tác phẩm, dạy cho mọi người biết các văn nghệ sĩ là thầy... Ngoài ra phải dừng lại, không còn việc gì nữa. Như vậy Đảng phải làm đầy tớ đồng thời phải cung cấp phương tiện cho văn nghệ sĩ để cho “trăm hoa đua nở” nghĩa là để cho những “*Tiếng sáo tiền kiếp*” chẳng hạn ra đời.

Một quan niệm quái gở như vậy nhưng lại núp dưới chiêu bài “*dưới lá cờ của Đảng*” chẳng là muốn lừa bịp trẻ con ư?

Đó là thứ quan niệm của bọn vừa đòi ăn cháo vừa đòi đá bát!

### Tiếng sáo “lóc gân”

Trong truyện “Tiếng sáo truyền kiếp” (*Giai phẩm mùa thu*

## HUỶNH ÁI TÔNG

1956, tập I), một điệu nhạc mới lạ, một nền văn nghệ gợi cảm mới, chứng minh cho lý thuyết trên đây của Trần Duy:

“Có một người thổi sáo thôn Hoàng thích chơi sáo, gặp một khách lạ đến chơi. Người này có một chiếc sáo kỳ dị. Hai người thổi sáo cho nhau nghe, tiếng sáo của khách làm cho người thôn Hoàng cảm xúc phát khóc. Người thôn Hoàng muốn được chiếc sáo của người khách lạ. Khách buồn rầu kể lại chuyện ông tổ phụ, nhà mình được trên chỉ cho đến rừng Tĩnh Tước, chặt được một đoạn trúc làm chiếc sáo ấy. Tổ phụ khách được chiếc sáo, rất yêu thổi chiếc sáo ấy vì nó sầu thảm lâm ly. Cũng vì vậy cho nên tổ phụ khách chết. Từ đó cho đến đời khách, không đời nào dám thổi chiếc sáo. Khách cho người thôn Hoàng chiếc sáo. Từ ngày được sáo, người thôn Hoàng *“khao khát một điều gì hoài tiếc một cái gì mà chàng không tìm thấy ở cuộc đời thực tại”*. Chàng liền đốt nhà, bỏ ra đi. Tiếng sáo của người thôn Hoàng làm cho người đá hóa kiếp thành tượng được nghe thấy sáo rừng Tĩnh Tước thổi vào vôi hồ của bức tượng lại hóa thành người con gái gặp oan nghiệt nên biến thành tượng xưa kia (Hồn người con gái này có lẽ đã chỉ cho “tổ phụ khách” đến rừng Tĩnh Tước chặt trúc làm sáo). Người con gái thành vợ người thôn Hoàng; tiếng sáo của người thôn Hoàng *“thổi tan cái khí sống trong người vợ”* rồi làm cho người vợ chết. Người thôn Hoàng cũng vì tiếng sáo ấy mà chết nốt...”

Đó là một thứ âm nhạc kỳ lạ. Chúng ta đã được nghe nhiều thi sĩ nói về âm nhạc. Người kỹ nữ trên bến Tân Dương có tiếng đàn tỳ bà làm cho:

*Trong hoa, oanh riu rít nhau  
Suối tuôn róc rách chảy mau dưới gènh...*

Tiếng đàn của nàng Kiều khi nàng mới nhón đã đa sầu đa cảm, khi gặp Kim Trọng gây cho Kim Trọng nghe những điệu:

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

*Trong như tiếng Hạc bay qua  
Đục như nước suối mới xa nửa vời  
Tiếng khoan như gió thoảng ngoài  
Tiếng mau sầm sập như trời đổ mưa...*

“Tiếng sáo Thiên Thai” của Thế Lữ thì:

*Êm như lọt tiếng tơ tình  
Đẹp như Ngọc nữ uốn mình trong không...*

Khúc nhạc của Xuân Diệu xưa kia thì:

*Hãy tự buông cho khúc nhạc hường  
Dẫn vào thế giới của du dương  
Ngừng hơi thở lại xem trong ấy  
Hiện hiện hoa và phảng phát hương...*

Người ta thích hoặc không thích các loại âm nhạc như vậy. Nhưng cùng lắm, người khó tính cũng chỉ có thể trách rằng trong các điệu nhạc đó có điệu nào đó “mơ mộng” “lãng mạn” mà thôi!

Và khi nói tới một loại âm nhạc khác hẳn như nhạc khiêu dâm của Mỹ, chúng ta cũng chỉ nói đó là âm nhạc khiêu dâm. Nhưng tiếng sáo tiền kiếp của Trần Duy thật là đặc biệt:

*“...Tiếng sáo như lưỡi dao mỏng lùa vào xương tủy, lóc từng thớ gân một, chàng rợn người vì cảm xúc, lạnh buốt cả mười đầu ngón tay, sồn da gà, mồ hôi ở trán vã ra, chảy từng giọt”.*

Nhưng điệu nhạc đó không cần đến tiếng sáo tiền rừng Tinh Tước mới có thể có được. Điệu nhạc đó cái máy quay điện của bọn phòng nhì vẫn dùng để tra tấn anh em tù chính trị, cái máy đó vẫn phát ra. Không cần gì phải nghe “tiếng sáo tiền kiếp”, các chiến sĩ cách mạng của ta nhiều người, khi ăn những ngọn

## HUỶNH ÁI TÔNG

đòn “đi tàu bay”, “đi tàu ngầm”, nghe khúc nhạc “máy quay điện” của bọn đế quốc, đã thấy như “*lưỡi dao mỏng lùa vào xương tủy*” “*rợn người*” “*buốt cả mười đầu ngón tay*” “*sồn da gà*” “*mồ hôi ở trán vã ra...*” .

Và cố nhiên thứ “âm nhạc” đó, thứ “văn nghệ” đó làm cho “*nghẹn thở, rợn người, lạnh buốt toàn thân*”; tiếng sáo “*như những giọt dấm thanh đổ vào đống xương mục, đống xương lụn xuống dần, rã từng mảng, hơi bốc bay theo khói*”. Tiếng sáo kiêu “máy quay điện” đó “*thối sau cái khí sống tụ trong người mình yêu*”; “*tiếng sáo càng thối, người tổ phụ ta càng gầy rộc...*” tiếng sáo làm chết bao nhiêu kiếp người.

Đó là “trăm hoa đua nở”, là “văn nghệ có tác dụng gọi cảm”, “văn nghệ chân thành của ngọn lửa nội tâm thôi thúc viết ra” ư? Điều đó có thể đúng với Trần Duy, nhưng đối với chúng ta, đó là âm nhạc, là văn nghệ của thần chết, kiêu Mỹ, thứ âm nhạc của bọn quen tra tấn những người làm cách mạng và bọn chuyên nghề chỉ điểm. Đó là văn nghệ suy đồi lên đến mực cao nhất của nó.

Truyện “Tiếng sáo tiền kiếp” còn đưa ra những thứ triết lý rất mới lạ như: bỏ nhân loại, đi tìm một pho tượng để cho “*đỡ cô quạnh*”, triết lý luyến tiếc cái đời vôi vữa đất bùn và nhiều thứ triết lý mục nát khác.

Tất cả những dẫn chứng lòe bịp về Mác, Ăng-ghe-n, tất cả những trò gọi là “phân đấu cho trăm hoa đua nở” gọi là “tranh đấu cho tự do sáng tác” của Trần Duy chỉ là dẫn đến thứ văn nghệ vô nhân đạo của thần chết trên đây và những thứ triết lý mục nát khác.

**Quả tim đó muốn gì?**



## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

“Truyện người không lò không tim” (*Giai phẩm mùa Thu 1956*, tập II) ta lại thấy một “bông hoa lạ”, một khía cạnh khác về Trần Duy.

Trần Duy “*Gửi những người cộng sản chân chính*” truyện đó, có ý muốn giảng dạy cho những người cộng sản biết thế nào là người. Nội dung câu chuyện là Đức Ngọc Hoàng cho nặn lên một lũ “*không lò sức lực vô địch*”, cho xuống hạ giới để “*sát phạt ma vương, hổ báo, dã rùng, khai sông, lấp bể*” mà cứu vớt loài người. Nhưng trong khi nặn số người không lò đó, chỉ cốt lấy to, nhà trời hết nguyên liệu để nặn tim, cho nên trong đoàn không lò có một số không tim làm cho nhân loại khổ sở “*Những bản tình ca vừa chớm nở, những hoa bướm, những đôi lứa trẻ mới yêu nhau, những tình thương nỗi nhớ vừa nhen nhúm, có một số không lò, không trông thấy đã xéo bừa lên, giày nát*”. Ngọc hoàng gọi bọn không lò về dạy bảo thế nào cũng không cải tạo được họ vì họ không có tim, sau đành phải tính đến chuyện làm một lũ người bé nhỏ nhưng có tim to cho xuống hạ giới...”.

Trần Duy đã kích những người cộng sản, cho họ là không có tim.

Những người cộng sản có sức mạnh vô địch có phải là tự trên giời rơi xuống không? Không phải. Những người cộng sản, chủ nghĩa cộng sản, sở dĩ vô địch là vì gắn liền với loài người với nhân dân lao động. Sức mạnh của những người cộng sản là ở đó chứ họ không phải là thần thánh gì. Mà sở dĩ những người cộng sản được nhân dân tin theo, có sức mạnh, chính là vì họ “người” nhất, họ có tim, có óc nhất, tâm hồn họ rộng lớn hơn ai hết. Họ không phải là những con người máy họ là những con người có lý tưởng cao cả giải phóng nhân loại; mà muốn có lý tưởng giải phóng nhân loại, không có một tâm hồn rộng lớn, không có tim óc, không có lòng nhân đạo sao được?

## HUỶNH ÁI TÔNG

Những người cộng sản là khổng lồ giãy xéo lên tình yêu vừa nhen nhúm như Trần Duy nói ư? Một số người chủ trì báo *Nhân văn* như Hoàng Cầm, Lê Đạt cũng đã nói như vậy. Nhưng những người cộng sản chỉ phản đối tình yêu khi nào nó là một hành động vô nhân đạo. Khi có kẻ vì tình yêu mà phản bội cách mạng, tất nhiên người cộng sản phản đối và cố nhiên kẻ vì tình yêu mà phản cách mạng, mà lùi bước trước khó khăn là những kẻ vô nhân đạo, không tim, không óc chứ không phải là người cộng sản. Người cộng sản tán thành, ủng hộ, khuyến khích những tình yêu chân chính, nhưng họ phản đối những kẻ vô nhân đạo, sinh hoạt bừa bãi, tranh vợ, cướp chồng. Họ phản đối những cuộc tình duyên bất chính. Nếu như người cộng sản chỉ nghĩ đến tình yêu, gia đình, họ không chịu hy sinh như biết bao chiến sĩ đã hy sinh thì làm gì có cảnh tượng như ngày nay. Buồng tim, khối óc của người cộng sản rất là rộng lớn, điều đó những phần tử chỉ khư khư với cái sung sướng ích kỷ của cá nhân không thể hiểu được.

Trần Duy bôi nhọ những người cộng sản là “không tim”, vì quá tim của Trần Duy muốn những cái trái ngược với lý tưởng cộng sản – Cái luận điệu khổng lồ không tim ấy chúng ta đã nghe lâu rồi, nó là luận điệu của bọn tự xưng là “thế giới tự do” là “nhân vị” để tàn sát, bóc lột đồng bào ta.

\*

Trên đây, tôi mới điếm qua một số bài viết của Trần Duy. Trong *Giai phẩm – Nhân văn* và cả sau này trên báo Văn, Trần Duy còn vẽ một số tranh đả kích nữa, cũng mang những nội dung phản động và xỏ xiên, lòn bịp như trong những bài viết kể trên. Ví dụ: tranh “óc sên không cánh mà bay cao”, hoặc “một phương pháp xây dựng nghệ thuật”.

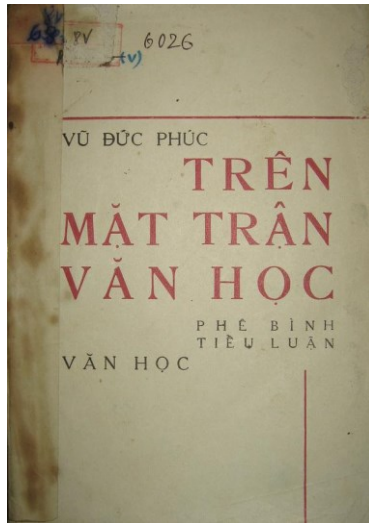
Bài viết, truyện, tranh vẽ của Trần Duy đều xoay chung quanh một chủ đề chính là bôi nhọ chủ nghĩa cộng sản và người cộng sản, và đả kích vào sự lãnh đạo của Đảng. Đó là những “bông

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

hoa lạ” và “tìm tòi nghệ thuật” chăng? Không, đó chỉ là kiểu “Văn nghệ chống cộng” nhan nhán trên các báo Mỹ của “Thế giới tự do”, đó chỉ là những thứ cỏ dại, mà chúng ta phải nhổ sạch, quét sạch, để vứt vào rác, hoặc làm một thứ phân bón cho những bông hoa chân chính trong vườn văn nghệ của ta.

(Nguồn: Tạp chí *Văn nghệ*, số 11, tháng 4, năm 1958)

*Vũ Đức Phúc là một nhà văn, viết theo đường lối chủ trương của Đảng. Có một nhà văn trong giai đoạn này, nhưng không nằm trong Nhân Văn – Giai Phẩm, đã phát biểu rằng: “Viết văn theo xu hướng của một chế độ nào đó, khi chế độ ấy sụp đổ, văn nghiệp của nhà văn sẽ bị cuốn hút đi theo.”*



Tài liệu tham khảo:

- Vũ Đức Phúc Web: [sachxua.net](http://sachxua.net)
- Vũ Đức Phúc Blog: [Talawas Blog](http://Talawas Blog)

16) **Đỗ Nhuận**



**Đỗ Nhuận (1922-1991)**

Đỗ Nhuận quê ở thôn Hoạch Trạch xã Thái Học, huyện Cẩm Bình, Hải Dương. Sinh ngày 10 tháng 12 năm 1922. Rời Cẩm Bình từ rất nhỏ, Đỗ Nhuận từng sống nhiều năm ở thành phố cảng Hải Phòng, nơi cha ông phục vụ trong đội quân nhạc với vai trò "lính kèn Tây".

Hải Phòng những năm cuối thập niên 1930 là một trong những cái nôi của tân nhạc với những Văn Cao, Lê Thương, Hoàng Quý... Năm 14 tuổi, Đỗ Nhuận tham gia hướng đạo sinh, hát những ca khúc Pháp và châu Âu. Ông cũng tự học âm nhạc dân tộc và biết chơi sáo trúc, tiêu, đàn nguyệt, đàn tứ, đàn bầu. Sau đó, khi âm nhạc cải cách bước đầu nhen nhóm, Đỗ Nhuận cũng bắt đầu tiếp xúc với tân nhạc, học đàn guitar, banjo, kèn harmonica và ghi âm. Sau ông còn học thêm violon, baian với các nhạc công người Nga lưu vong ở Hà Nội.

Năm 1939, Đỗ Nhuận sáng tác ca khúc đầu tay vào tuổi 17, bản *Trung Vương*, nhân ngày kỷ niệm Hai Bà Trưng ở tỉnh Hải Dương. *Trung Vương* được phổ biến rộng rãi và đã xuất bản ngay trong năm đó. Tiếp theo, từ cảm hứng lịch sử, ông soạn

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

nhiều ca khúc như: *Chim than, Lời cha già, Đường lên ải Bắc...* là cơ sở soạn nên vở ca cảnh *Nguyễn Trãi - Phi Khanh* gồm 3 ca khúc *Chim than, Lời cha già, Đường lên ải Bắc* được ông viết trong hai năm 1940, 1941.

Thời gian đó Đỗ Nhuận cũng bắt đầu tham gia hoạt động cách mạng. Năm 1943, vì in và rải truyền đơn tuyên truyền cho cách mạng nên ông bị bắt giam vào nhà lao Hải Dương, rồi đưa lên Hỏa Lò và sau bị đày lên Sơn La. Thời gian trong tù, Đỗ Nhuận đã viết nhiều bài hát cách mạng như: *Chiều tù, Côn Đảo, Hận Sơn La, Tiếng gọi tù nhân, Viếng mộ tử sĩ, Du kích ca...*

Sau khi được trả tự do, Đỗ Nhuận tiếp tục sáng tác và hoạt động cách mạng. Ông viết nhiều bài hát và được khá phổ biến thời bấy giờ: *Nhớ chiến khu, Đường trường vô Nam, Tiếng súng Nam Bộ, Bé yêu Bác Hồ, Ngày Quốc hội...* Trong thời gian chiến tranh, ông có những ca khúc về du kích cùng nhiều nhạc phẩm khác: *Du kích ca, Đoàn lũ nhạc, Hành quân xa, Trên đồi Him Lam, Chiến thắng Điện Biên, Tình Việt Bắc, Lửa rừng, Tiếng hát đầu quân, Áo mùa đông, Đèo bông lau...* Trong số đó phải kể đến *Hành quân xa* với câu hát nổi tiếng "Đời chúng ta đâu có giặc là ta cứ đi" và *Đoàn lũ nhạc* cùng trường ca bất hủ *Du kích sông Thao* vẫn được các ca sĩ nổi tiếng của Sài Gòn về sau trình bày.

Thời kỳ này, có thể nói Đỗ Nhuận đã ảnh hưởng nhiều nhạc sĩ cách mạng khác như Trần Quý, Lê Lan, Doãn Nho... Năm 1955, chùm ca khúc *Điện Biên Phủ* của ông đã được trao giải nhất của Hội Văn nghệ Việt Nam. Cho đến nay, giai điệu của bài *Chiến thắng Điện Biên* là một trong những nhạc hiệu quen thuộc của đài phát thanh và đài truyền hình.

Sau hòa bình 1954 Đỗ Nhuận tiếp tục sáng tác và có mặt trong lĩnh vực khí nhạc Việt Nam qua các tác phẩm: khúc biến tấu trên chủ đề dân ca cho flute và piano *Mùa xuân trên rừng*

## HUỖNH Ỉ TỒNG

(1963), tứ tấu đàn dây *Tây Nguyên* (1964), ba biến tấu cho violon và piano (1964), tổ khúc giao hưởng *Điện Biên* (1965), giao hưởng thơ *Dimit'rov* (1981)... Ngoài ra, còn phải kể đến kịch múa rối *Giấc mơ bé Rồng* (1968), kịch múa *Mở biển* (1973) và nhạc nền trong các phim tài liệu và phim truyện: *Chiến thắng Điện Biên* (1954), *Nguyễn Văn Trỗi* (1965), *Mở đường Trường Sơn* (1972), *Lăng Bác Hồ* (1975).

Đỗ Nhuận cũng là nhạc sĩ duy nhất trong thế hệ đầu của tân nhạc được đào tạo bài bản, ông đi học tại đại học tại Nhạc viện Tchaikovsky từ năm 1960 đến 1962. Ông là một trong những người đặt nền móng cho thể loại nhạc kịch theo truyền thống của opera phương Tây. Những thể nghiệm đầu tiên của ông xuất hiện từ những năm 1950 là các ca kịch ngắn: *Cả nhà thi đua*, *Sóng cả không ngã tay chèo*, *Anh Pấn về bản*, *Hòn đá*. Những năm 1970, 1980, Đỗ Nhuận viết các vở nhạc kịch: *Chú Tễu*, *Ai đẹp hơn ai*, *Trước giờ cưới*, *Quả dưa đỏ*... Đỗ Nhuận là nhạc sĩ Việt Nam đầu viết opera với vở *Cô Sao* (1965), rồi sau đó là *Người tạc tượng* (1971). Đỗ Nhuận còn có những tác phẩm khí nhạc như *Vũ khúc Tây Nguyên* cho violon và dàn nhạc... Nhưng tên tuổi ông vẫn gắn bó với những ca khúc như *Việt Nam quê hương tôi*, *Tôi thích thể thao* (một bài hát vui, bắt đầu bằng toàn chữ T), *Em là thợ quét vôi*, *Đường bốn mùa xuân*....

Đỗ Nhuận là Tổng thư ký Hội Nhạc sĩ Việt Nam từ năm 1957 đến 1983

Ngoài sáng tác, Đỗ Nhuận còn viết báo, tham gia phê bình.

Đỗ Nhuận mất 18 tháng 5 năm 1991 tại Hà Nội.

Huân chương và giải thưởng:

- Huân chương Độc lập hạng Nhì
- Giải thưởng Hồ Chí Minh

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

- Huân chương Chiến sĩ hạng Nhì
- Huân chương Chiến thắng hạng Nhì

Ca khúc:

- Áo mùa đông
- Bài ca cách mạng tiến quân
- Bé yêu Bác Hồ
- Chiều tù
- Côn Đảo
- Chim than
- Đèo bông lau
- Đoàn lũ nhạc
- Đồng chí ta ơi
- Du kích ca
- Du kích sông Thao
- Đường lên ải Bắc
- Đường trường vô Nam
- Em là thợ quét vôi
- Giặc đến nhà ta đánh
- Hận Sơn La
- Hành quân xa
- Hát mừng các cụ dân quân
- Lời cha già
- Lửa rừng
- Ngày Quốc hội
- Nhớ chiến khu
- Thắm hoa núi rừng
- Thương binh ca
- Tiếng gọi tù nhân
- Tiếng hát đầu quân
- Tiếng súng Nam Bộ
- Tình Việt Bắc
- Trai anh hùng gái đảm đang
- Trên đồi Him Lam
- Trông cây lại nhớ đến Người

## HUỶNH ÁI TÔNG

- *Trung Vương*
- *Vĩ tiên tuyền*
- *Viếng mộ tử sĩ*
- *Việt Nam quê hương tôi*
- *Vui mở đường*
- Khúc biến tấu trên chủ đề dân ca cho flute và piano *Mùa xuân trên rừng* (nhạc khí, 1963)
- Tứ tấu đàn dây *Tây Nguyên* (nhạc khí, 1964)
- Ba biến tấu cho violon và piano (nhạc khí, 1964)
- Tổ khúc giao hưởng *Điện Biên* (nhạc khí, 1965)
- *Cô Sao* (nhạc kịch, 1965)
- *Người tạc tượng* (nhạc kịch, 1971)
- *Nguyễn Trãi* (nhạc kịch, 1980)
- Giao hưởng thơ *Dimit'rov* (nhạc khí, 1981)
- Violon và dàn nhạc *Vũ khúc Tây Nguyên* (nhạc khí)

Trích văn:

### **Bộ mặt thực của Trần Dần trong nhóm phá hoại Nhân văn–Giai phẩm**

Có một số người trong *Giai phẩm–Nhân văn* trước kia, tự cho mình là kẻ đi phát hiện “sự thật”, nhưng chính họ đã ngò vực cả bản thân mình nên đã rủ nhau đi xem tướng số <sup>[1]</sup>.

Tôi không làm ông thầy tướng để đoán tiền vận, hậu vận cho các vị đó nhưng, tôi biết họ hơn thầy tướng vì tôi đã đọc họ trong *Giai phẩm–Nhân văn* và có người tôi đã gần nên tôi nhận rõ chân tướng họ hơn ông thầy tướng. Nay tôi nói riêng một vài nét trong con người Trần Dần.

Xuất thân từ một gia đình địa chủ kiêm tư sản có nhiều ruộng muối, có nhiều nhà cho thuê ở Nam Định và cho thuê xe tay, bản thân lại đi thầu khoán, Trần Dần đã ăn chơi trụy lạc từ hồi còn ít tuổi.



## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Trần Dần đọc nhiều sách Tây truy lục, và đã nhiễm phải những tư tưởng phản động của sách báo tư sản phản động Pháp từ hồi đó.

Năm 1946 sau khi Cách mạng tháng Tám thành công, Trần Dần cùng bạn bè lập ra nhóm “thi sĩ tượng trưng” và tờ báo *Dạ đài*. Nhóm này chuyên hút thuốc phiện, chơi gái và làm thơ truy lục, bẻ tắc điên cuồng, giữa không khí cách mạng sôi nổi, lại có một tờ báo lạc điệu như vậy, có người đã phải gọi tờ báo này là tờ *Dạ đài*, ra được một số rồi chết.

Toàn quốc kháng chiến, Trần Dần về Nam Định làm công tác thông tin. Nhờ hoàn cảnh kháng chiến và nhờ sự dìu dắt của Đảng, năm 1948 Trần Dần vào bộ đội Sơn La, làm cán bộ tuyên truyền mặt trận Sơn La, nộp đơn xin vào Đảng và được Đảng kết nạp.

Do hoàn cảnh kháng chiến, không có điều kiện ăn chơi, nhưng với cái đuôi nghệ thuật tư sản cũ vẫn thò ra trong thời kỳ ở nhóm văn nghệ “Sông Đà” ví dụ: làm thơ bí hiểm, vẽ tranh theo lối góc cạnh rất bị quần chúng phản đối.

Năm 1951, sau khi dự một lớp chỉnh huấn có kết quả, Trần Dần được điều về ban phụ trách đoàn văn công quân đội, có địa vị, sinh ra độc đoán, đả kích cán bộ sáng tác, chụp mũ diễn viên, khi định yêu một chị nữ diễn viên Trần Dần nói bịp là: “tôi rất trong sạch về chuyện ái tình”. Bị thi hành kỷ luật, Trần Dần về cục tuyên huấn viết báo và trong chiến dịch Điện Biên Phủ viết được quyển truyện *Người người lớp lớp*.

Khi hòa bình lập lại, Trần Dần hiện nguyên hình là con người truy lục phản động. Trần Dần đã tự thú trong lớp học văn nghệ vừa qua là: anh ta đã nỗ lực chống đối Đảng, có người cho rằng sự sai lầm về tư tưởng chống Đảng của Trần Dần đã hiện rõ nhưng còn cho là cả cuộc đời của Trần Dần bốc cháy như một

## HUỖNH ÁI TÔNG

ngọn lửa. Đúng! Hồi tiền vận Trần Dần có thể là một ngọn lửa nhưng không phải là ngọn lửa của một bó đuốc mà chỉ là một ngọn lửa của chiếc đèn dầu lạc tù mù trên khay đèn thuốc phiện của nhóm *Dạ đài* truy lạc, sa đọa về tâm hồn, gồm những tên Đinh Hùng, Vũ Hoàng Chương, Trần Dần v.v... Giữa lúc bao nhiêu thanh niên đang sôi nổi đi theo lý tưởng cao quí do Cách mạng tháng Tám đem tới, nhóm *Dạ đài* đã có những lời tuyên ngôn:

*“Lũ chúng tôi, bọn người vong gia thất thổ.  
Trót sinh ra lạc ánh sao mờ”.*

Nhóm này không những đã sa đọa về tâm hồn mà còn là những người có khuynh hướng chính trị “tờ-rốt-skít”. Trần Dần là một trong nhóm này nhưng đã may mắn được phong trào cách mạng lôi cuốn. Trong những năm kháng chiến, bệnh tật xấu của xã hội cũ không có điều kiện nảy nở thêm trong con người Trần Dần nhưng tư tưởng xấu xa đó vẫn mai phục và nó đã tấn công Trần Dần khi trở về đô thị vừa được giải phóng còn đây rầy nạn cao bồi, gái điếm, lưu manh.

Có người cho là tôi định đem bôi đen Trần Dần. Vâng, tôi có ý như vậy. Nhưng việc tôi bôi đen Trần Dần khác với việc Trần Dần dùng ngòi bút viết lên bao thứ bài thơ như “Nhất định thắng”, chuyện “Cò Lắm”, “Lão Rông”, “Em bé làm văn” v.v..., để bôi đen miền Bắc và con người của chế độ ta. Tôi bôi đen Trần Dần khác với việc nhóm *Nhân văn* đã bôi đen chế độ. Bọn họ đã ngậm mực phun người; tôi không ngậm mực phun Trần Dần mà chỉ có ý định lấy hắc ín quét Trần Dần như người thợ sơn quét hắc ín vào chân cột đèn để con sâu con mọt nếu ở trong sẽ chết đi, nếu ở ngoài nó sẽ không đục khoét vào được. Tất nhiên chân cột phải thui đi và cần quét hắc ín luôn luôn. Trong kháng chiến Trần Dần có một số thành tích nhất định nhưng nay chưa phải là lúc tôi kể ưu điểm của Trần Dần. Không phải là tôi cố ý quên, trái lại Trần Dần và các anh viết

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

*Nhân văn–Giai phẩm* đã tự xóa công lao của mình; chính các anh là những người đã vỡ nợ của nhân dân.

Anh Trần Dần! Những ai đã hy sinh ở Điện Biên Phủ để anh viết ra được chuyện *Người người lớp lớp*? Chắc anh còn nhớ những ngày tôi với anh cùng hành quân ra trận địa, mắt thấy tai nghe những con người anh dũng đã chiến đấu để giữ từng tấc đất, có đồng chí đã chết gục ở chân đồi, có đồng chí đã lấy thân mình ra lấp lỗ châu mai cho đồng đội tiến lên. Lúc đó anh cũng như tôi, là những người bình thường, làm nhiệm vụ của một chiến sĩ văn nghệ; anh viết thành văn, tôi ghi thành nhạc.

Khi trở về Hà Nội, anh in ra sách, lĩnh mấy triệu nhuận bút có biết đâu rằng: trong lúc đó có những người mẹ người vợ còn chút khăn tang đã đi bộ hàng bốn, năm chục cây số ra tỉnh, đến ty thương binh, báo tên chồng con chết trận, lĩnh một món tiền tử tuất nhỏ đem về dành dụm để có thêm miếng cơm manh áo. Trong lúc đó, số tiền nhuận bút lớn kia anh dùng để làm gì?

Chính hôm anh nói khi trờ về Hà Nội điều trước tiên là đi tìm gái nhà “thỏ”, hoặc tìm một con gái điếm để cưới đầu voi dữ. Anh lại lấy cớ đó tìm đề tài hoặc có ý định tổ chức tập hợp một số gái điếm để mở “dạ hội liên hoan”. Trong lúc đó anh vẫn còn ở trong quân đội mặc quân phục, đeo sao. Anh lại đặt tên cho chiêu đãi sở của quân đội là cái nhà “phe” (!)? Lối ăn nói thấp hèn đó phải chăng là tư tưởng của các vị đi tìm sự thật? Sự thật là vợ chồng bộ đội đã xa nhau trong mấy năm kháng chiến, hòa bình lập lại quân đội đã tổ chức nơi chiêu đãi cho anh em? Việc làm này có ý nghĩa yêu thương giai cấp, yêu thương đồng đội, yêu thương con người; anh nói như thế mà dám tự nhận là người đi tìm sự thật? Sự thật dễ hiểu và nhân đạo như thế mà sao anh không hiểu nổi? Sao anh lại đi chửi vào quân đội? Chửi vào những “người người lớp lớp” đã cung cấp cho anh những đề tài trong sáng tác?

Trong lúc cơ quan đang khó khăn về nhà cửa, nhiều cán bộ vẫn

## HUỶNH ÁI TÔNG

nghệ còn thành tích hơn anh, ở mười người một buồng: trong lúc chưa giải quyết được buồng riêng cho người sáng tác, anh được ở một buồng riêng, anh gọi cái buồng này là cái nhà “thỏ”. Khi Hoàng Cầm viết về anh trong báo *Nhân văn* đã bịa đặt gọi cái buồng này là nhà giam để cố ý vu cáo cho quân đội đã bắt anh; (hiện nay gian buồng này là nơi làm việc của thủ trưởng cao cấp). Ai chẳng biết anh “tay trắng làm nên” kiếm được người vợ ở phố Sinh Từ, có vài nóc nhà cho thuê do cha cô đi Nam để lại.

Khi các đồng chí trong cơ quan khuyên anh nên cảnh giác về việc vợ con, anh cố tình không chịu nghe và còn bào chữa bằng câu nói: “đi đạo lấy gạo mà ăn”. Lúc đó anh là người của quân đội, sao lại tán thành việc thu tiền, không phải do công sức lao động của vợ anh? Đã thế, anh lại còn làm thơ trong *Giai phẩm mùa Xuân*, nói là: Miền Bắc nghèo đói, dùng ngòi bút bịa đặt, kể rằng: “vợ chồng anh có con chó mực gầy, nhà hết gạo, định giết cả nó đi để ăn thịt”. Thật là một thái độ không lương thiện của một tên đầu cơ, kiếm chác nhiều mà vẫn kêu là giả nghèo giả khổ hay là thái độ vừa đánh trống vừa ăn cướp. Anh tự cho mình là người đi tìm sự thật mà không hiểu rằng: chính đế quốc và chiến tranh đã gây ra nạn thất nghiệp, gây khó khăn cho đời sống vật chất của nhân dân ta. Trong lúc nhân dân đang đổ mồ hôi sôi nước mắt, nỗ lực phục hồi sản xuất thì anh làm thơ chửi lại Đảng, chống lại chế độ:

*“Hai vạn miền Nam ra chưa có việc  
đói cơm ăn...”*

Đời sống sinh hoạt và tư tưởng sa đọa của anh có thể đảm bảo cho ngòi bút của anh trong sạch được không? Không thể được! Bọn các anh muốn bảo vệ cho cái cuộc sống xấu xa đó đã đưa ra luận điệu, nào là “dédoublement” nào là “Sáng tác là một việc, đời tư là một việc”. Các anh toàn nói láo và lẻo bíp. Thực ra những nhân tài vĩ đại của thế giới đều có một đời sống vĩ đại, cái vĩ đại nhất là tinh thần chiến đấu cho chính nghĩa;

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

không những chỉ chiến đấu bằng ngòi bút mà còn chiến đấu bằng gươm súng, bằng sức lao động chân tay của mình nữa. Ở nước ta các triết lý này đã phổ thông bằng phương ngôn: “Người làm sao, bào hao làm vậy”, “Người thế nào văn thế nấy”, “Khôn ngoan hiện ra mặt, què quặt hiện ra chân tay”, cho nên “Lòng dạ quặt quay nó hiện ra chữ nghĩa”. Bụng dạ các anh không ngay thẳng nên văn chương chữ nghĩa của các anh có tính chất hai mặt.

Bây giờ nói đến chuyện chữ nghĩa văn chương của Trần Dần đã bị tư tưởng nào chỉ đạo?

Năm 1952 anh đi theo đường lối văn nghệ của Đảng và theo kinh nghiệm của đường lối văn nghệ Trung Quốc, nên anh đã có một số sáng tác dùng được; vài năm sau anh nói với tôi rằng: “Không nên theo đường lối Trung Quốc vì như thế là đi đường vòng quanh, phải đi đường thẳng”. Đường thẳng là thế nào? Khi anh sang Trung Quốc, anh rất thích cái lý luận của tên phản động Hồ Phong ở Trung Quốc, anh nhập cái tư tưởng phản động của Hồ Phong vào người và ban phát nó cho một số người bạn của anh vì theo anh đó là con đường thẳng. Hồ Phong dùng hình ở mũi dao cắm vào lưng người văn nghệ sĩ để mật sát và chống lại sự lãnh đạo văn nghệ của Đảng Cộng sản Trung Quốc, thì trong bài thơ “Nhất định thắng” anh cũng dùng hình ảnh “*Con dao dựa cùn chém trộm ngang lưng*” để vu khống, xuyên tạc sự lãnh đạo của Đảng Lao động Việt Nam.

Đường lối đúng của Việt Nam, Trung Quốc, Liên Xô anh nhất định không theo và anh tin là đường lối của anh nhất định thắng. Bản thân anh không có lý luận gì nên đã vay tạm của Hồ Phong vài ngón và lục những trang sách báo của bọn văn nghệ tư sản phản động, hít lại cái sái nhị, sái ba một số luận điệu của bọn “trót-kít”. Anh đưa ra một loạt sáng tác tư tưởng là mới, nhưng loại sáng tác này bọn văn nghệ sĩ phản động quốc tế và Việt Nam đã viết để chống cộng từ mấy mươi đời, cho đến nay

## HUỖNH ÁI TÔNG

bạn Mỹ-Diệm ở miền Nam vẫn thường dùng lối sáng tác này để chống cộng. Dưới chiêu bài “chống sùng bái cá nhân”, “chống quan liêu”, anh và bạn các anh đã ban phát bằng mồm và bằng ngòi bút những tư tưởng sặc mùi “trốt-kít”.

Chính các anh đã sùng bái cá nhân tên phản động Trotsky và Hồ Phong, Trương Tửu, tôn Trần Đức Thảo làm thầy về triết học phản động, đồng lõa với bạn Nguyễn Hữu Đàng. Chính các anh là những tên đại đặc quan liêu chỉ nằm một xó buồng hút thuốc phiện mà bịa đặt, dựng đứng thành những câu chuyện xấu để bôi đen chế độ, không đếm xỉa gì đời sống của nhân dân lao động và không hiểu họ đã nghĩ gì, nói về Trần Dần và nhóm *Nhân văn*. Các anh cố tình bịt tai, nhắm mắt như vậy tôi còn biết nói sao? Tưởng “mới” thế nào? Té ra mới tìm được một cái giẻ rách cũ trong một đồng giẻ rách của xã hội tư sản cũ để lại. Những tư tưởng trụy lạc và quá khích đó đã thúc đẩy Trần Dần làm gì?

Trước hết là chủ động tấn công vào Đảng bằng tổ chức với khẩu hiệu “trả văn nghệ cho văn nghệ sĩ”, “bãi bỏ hệ thống chính trị viên trong các đoàn văn công”. Đánh vào lãnh đạo những đòn bất ngờ thật mạnh, đánh toàn diện và lâu dài. Khi có một số anh em nhận rõ tính chất đấu tranh của Trần Dần có tính chất quá khích, phá hoại đã rút lui, anh cho họ là hèn, xui giục một số anh em nộp đơn ra khỏi quân đội. Bản thân anh xin ra Đảng để tấn công vào Đảng, xét về những tai hại anh đã gây ra trong quân đội nên anh đã bị khai trừ ra khỏi Đảng. Khi cơ quan bắt anh kiểm thảo, anh đã thú nhận là không còn phương sách gì để chống đối Đảng nữa nên đã giả vờ tự tử để tấn công vào Đảng một lần nữa.

Sau khi ra khỏi quân đội, Trần Dần lại tiếp tục viết lách để tấn công vào Đảng một cách ráo riết hơn. Anh ta đã dám ngạo nghễ làm những câu thơ “tôi dán mắt cho lãnh tụ”.

## HAI MUỖI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Chính cách mạng đã đem lại cách nhìn cho những người văn nghệ sĩ biết yêu ai, ghét ai: cách mạng đã đem lại đất cho các anh đi, đem trời cho các anh đội mà dám nói hỗn xược. Chính mắt các anh mù mịt cho nên không nhìn rõ được sự thật, mới đặt mình cao hơn Đảng, cao hơn lãnh tụ. Trí thức của Trần Dần và nhóm *Nhân văn* không bằng một em nhi đồng; các em nghe đài còn biết đâu là địch; đâu là ta, còn các anh luôn mồm dùng luận điệu của địch; không muốn sống ở đất này, muốn đi sang miếng đất của một nước tư sản hoặc một miếng đất của địch, thảo nào Trần Dần làm bài thơ “Hãy đi mãi”. Đi đến đâu? Người ta đi đến giới tuyến tạm thời, phải ngừng lại vì đầu cầu bên kia đôn bốt của địch, còn anh? Nếu không kim chân anh lại thì có thể anh đã bắt tay với địch một cách dễ dàng; nếu anh có thể đi được, âu cũng là một điều may cho xã hội chủ nghĩa, bớt đi được một cục đá cản trở bánh xe lịch sử.

Lỗi sáng tác hai mặt nhóm *Nhân văn* gọi là “Symbole équivoque” thực chất là “đòn xóc hai đầu”, chửi địch cũng được mà chửi ta cũng được, nhưng chửi địch thì ít mà chửi ta thì nhiều. Chẳng thế mà bọn Mỹ-Diệm ở Sài Gòn đã cho in lại các bài báo *Nhân văn-Giai phẩm* để làm tài liệu chống cộng. Nhóm *Nhân văn* đã mắc nợ của nhân dân. Các anh nói sao? Các anh ăn cơm của nhân dân mà nỡ đi đầu độc cả nhân dân miền Bắc miền Nam, đầu độc lẫn nhau chưa đủ, lại còn âm mưu đầu độc cả một thế hệ nhi đồng bằng những chuyện trẻ em nguy hại như “Em bé viết văn”, “Ông tiên thông minh” của Trần Dần, “Chiếc gậy thần”, “Chuyện Thánh Gióng” của Hoàng Cầm, “Phê bình cuốn sách chụp mũ” của Hoàng Huế. Thủ đoạn của các anh chẳng khác gì thủ đoạn đầu độc trẻ em của đế quốc Mỹ bằng sách báo “cao bồi”.

Báo *Nhân văn* và Hoàng Cầm đã tôn Trần Dần lên làm một vị anh hùng. Nhưng qua đấu tranh, người ta đã thấy rõ: nay Trần Dần lại hiện nguyên hình là con người trong nhóm *Dạ đài* cách đây mười mấy năm, lại có điều lại nguy hiểm về tư tưởng chính trị và quyết tâm phá hoại hơn trước.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Khi Cách mạng tháng Tám, bọn họ là “*một lũ người vong gia thất thổ*” nay tiến lên xây dựng xã hội chủ nghĩa, Trần Dần cũng lại là “*người vong gia thất thổ*” vì không thừa nhận chế độ này, vì ngột ngạt với chủ nghĩa này. Mặc dầu thâm tâm anh ta thì đen tối và độc địa như vậy nhưng trong bài thơ “*Nhất định thắng*” anh ta cũng bịp một câu: “*Tôi yêu chủ nghĩa này, cờ đỏ cài cho tôi*”. Các bạn hãy nhìn vào hành động của anh ta, xem có thực như vậy không? Anh nói “*Cờ đỏ cài cho anh*” mà tại sao anh bôi xấu lá cờ đỏ trong truyện “*Cờ Lám*” như thế này:

“*Nhà anh Cờ Lám... lá cờ lùa đỏ giắt mái nhà, rủ trước mặt bức ảnh Hồ Chủ tịch, một đứa bé, cổ chân bị buộc dây vào cột nhà, tay nó có cái gì vàng vàng, à ra cắt, nó ỉa một đống còn kia*” hoặc trong bài thơ “*Nhất định thắng*” anh viết: “*Em treo lá cờ đỏ đầu nhà, lá cờ trừ ma.*” Về lá cờ thiêng liêng anh tả như vậy, còn về chủ nghĩa, anh nói rằng: “*yêu chủ nghĩa này*”. Nhưng sự thực là anh rất căm thù chủ nghĩa này vì xã hội này rất chuyên chính đối với bọn phá hoại như các anh. Các anh là bọn “*treo đầu dê, bán thịt chó*” không thể lừa bịp được quần chúng! Yêu chủ nghĩa này phải yêu cả khối xã hội chủ nghĩa, đứng đầu là Liên Xô, Trung Quốc, các anh đã nói xấu Liên xô, Trung Quốc bằng ngòi bút và bằng lỗ miệng.

Sáng tác là công việc cao quý mà bọn các anh và Trần Dần đã hạ thấp nó đến mức xuyên tạc trắng trợn như vậy. Anh lại còn có ý khoe là sáng tác say sưa, nhiều và nhanh. Đúng! Say sưa như những tên lính “*tây*” vào làng bắn giết dân ta, nhiều và nhanh như những nhát dao của kẻ cướp rình lúc người ta ngủ mà chém trộm, chính anh chém trộm lại vu người khác chém trộm ngay lưng anh. Nhưng, khi dân làng đã tỉnh dậy, quần chúng thấy rõ bộ mặt thực của các anh thì họ có cả nước ủng hộ; chỉ mỗi người một bãi nước bọt cũng đủ làm thành những làn sóng cuộn cái rom cái rác ra bể, chìm xuống vực thẳm. Nhưng, Đảng còn nhân đạo, không muốn các anh chìm, các



## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

anh đã chìm xuống bùn rồi, Đảng còn muốn cứu vớt các anh lên.

Nghe anh báo cáo, có người cho anh là chỉ sai lầm về tư tưởng chống Đảng nhưng về phương diện bút pháp thì là một người có tài. (không biết là có tài hay có “tai”). Nói đến đây, tôi chợt nhớ một câu chuyện cổ Hy Lạp: “Ngày xưa có anh chàng muốn mình nổi tiếng nhưng văn dốt, vũ dốt; không có cách nào để nổi tiếng được. Anh ta bèn nghĩ ra một kế là: đốt cái nhà thờ đẹp nhất của Hy Lạp hồi đó là nhà thờ Diane, để sau này lịch sử sẽ phải ghi tên anh ta là kẻ đã thiêu hủy nhà thờ. Nhưng, sau khi đốt nhà thờ, nhân dân đã biết rõ âm mưu của anh ta nên không thèm gọi tên anh ta nữa mà chỉ gọi là thằng đốt nhà thờ”.

Lại có ví dụ: Có một anh chàng nào đeo trước ngực một tấm biển “chống công thức”, rồi cỡi truồng ra, đi hiên ngang ở đường phố, tôi tin là hắn ta sẽ được nổi tiếng ngay nhưng người ta sẽ không cần hỏi tên hắn ta là gì để gọi cho hắn nổi tiếng, cũng không nhìn tấm biển gọi là thằng chống công thức chỉ gọi là thằng cỡi truồng. Tôi biết trong nhóm *Nhân văn-Giai phẩm* có một số người chưa có tiếng tăm gì mấy nhưng muốn nổi một cái tiếng thật to theo kiểu đốt nhà thờ và kiểu cỡi truồng. Điển hình là Trần Dần, Lê Đạt, Phùng Quán. Chính Phùng Quán đã nói ra mồm rằng: “Tôi muốn vác phèng la đi khắp đầu đường xó chợ, đọc thơ để thiên hạ biết đến thơ Phùng Quán” nhưng, thưa với Phùng Quán rằng: “Nếu anh muốn nổi tiếng theo kiểu làm quan tấtt như vậy thì dân phố cũng không gọi anh là Phùng Quán nữa mà chỉ gọi anh là “thằng đánh phèng la”.

Trần Dần muốn ăn một cái tiếng to hơn. Không những chỉ muốn nổi tiếng ở Việt Nam mà còn muốn nổi tiếng cả thế giới nữa. Bởi vậy Trần Dần đã bắt chước lối thơ của Mai-a-cốp-ski nhưng, trắng đen rõ rệt. Mai-a vì trung thành và chiến đấu cho chủ nghĩa cộng sản nên trở thành một nhà thơ vĩ đại, còn Trần

## HUỶNH ÁI TÔNG

Dàn thì làm ngược lại, hình thức thơ leo thang, bắt chước Mai-a nhưng nội dung thì chống Đảng cho nên cũng có được một cái tiếng đời rửa sao cho sạch!

Tôi can các vị! Đừng nên làm một tiếng bom để dội vào đầu người, hãy nên làm một tiếng trống để thúc giục nhân dân đánh giặc, hộ đê, hoặc làm tiếng trống giúp cho người ta múa hát cũng là một tiếng trống vui lành mạnh. Trong các vị có Văn Cao cũng muốn mở một con đường sang nước láng giềng để được nổi tiếng to hơn. Nhưng, trống đã thủng không chịu khó bung lại, đánh ở nhà cũng không kêu, vác sang nhà hàng xóm mà khua cũng vẫn không kêu, lại còn đèo thêm một cái tiếng xấu cho bà con hàng xóm nữa.

Bởi vậy người xưa đã có câu “*Nếu rắp tâm làm anh hùng thì không thể trở thành người hùng được*”. Trừ phi muốn làm “yêng hùng” theo kiểu cao bồi nhưng, hiện nay thanh niên đang gây phong trào “Ba nên, Hai chống” thì cao bồi cũng hết đất.

Lối văn thơ của Trần Dần, Lê Đạt, Phùng Quán trong *Giai phẩm-Nhân văn* tôi có thể ví như một lối văn cao bồi, đao to búa lớn, chụp mũ vào lãnh đạo khiến cho một số người lầm tưởng là họ có tài. Không ai khen cái tài nói lớn, nhưng nói khoác, nói vu, nói phá hoại mà chỉ khen cái tài nói nhỏ nhưng nói thật.

Trong lớp học, Trần Dần chỉ mới nhìn thấy tội lỗi, chống Đảng của mình một phần nào. Đối với bản thân, Trần Dần và một số người gây ra chuyện *Giai phẩm-Nhân văn*, họ đã làm cái việc “*kiếm củi mười năm, thiêu một giờ*”.

Chúng tôi không nở khoanh tay nhìn nhà cháy. Cần phải dập tắt ngọn lửa tai hại đó đi! Sau đó các anh hãy, cần cù mà dựng lại ngôi nhà, làm lại cuộc đời để trả nợ nhân dân.

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Cách ngôn có câu: “Yêu cho vọt, ghét cho ăn”, vì hy vọng Trần Dần và các anh khác còn có khả năng là người bạn cùng đi con đường tiến lên xã hội chủ nghĩa cho nên, tôi mong rằng: nếu có thực là giúp nhau xin các bạn đừng vuốt ve nhau, đừng thổi phồng nhau nữa, mà hãy thực hành câu: “Yêu cho vọt”.

3.1958

---

[<sup>1</sup>]Chuyện có thật

(Nguồn: Tạp chí *Văn nghệ*, số 12, tháng 5 năm 1958 – Số đặc biệt thứ hai chống *Nhân văn-Giai phẩm*)

Tác giả Minh Hiếu trên Đại Đoàn Kết đã có nhận xét về nhạc sĩ Đỗ Nhuận như sau: “... *Đỗ Nhuận ý chí kiên cường của một người lính - một người chiến sĩ cộng sản. Để rồi những sáng tác của ông với lời ca sâu sắc, nét nhạc hùng tráng đã cổ vũ động viên quân dân Việt Nam chiến đấu ngoan cường chống lại kẻ thù xâm lược và giành độc lập tự do cho Tổ quốc.*”

Tài liệu tham khảo:

- Đỗ Nhuận Web: [vi.wikipedia.org](http://vi.wikipedia.org)
- Đỗ Nhuận Blog: [talawas](http://talawas.com)

## HUỶNH ÁI TÔNG

### 17) Vũ Cao



#### **Vũ Cao - Vũ Hữu Chính (1922-2007)**

Vũ Cao tên thật là Vũ Hữu Chính sinh ngày 18 tháng 2 năm 1922, tại xã Liên Minh huyện Vụ Bản tỉnh Nam Định. Ông sinh trong một gia đình nho học và hoạt động văn học khá sớm.

Những năm đầu Chiến tranh Đông Dương kháng chiến chống Pháp, ông làm báo *Chiến sĩ* ở Liên khu IV rồi làm phóng viên báo *Vệ quốc quân*, báo *Quân đội nhân dân*.

Từ năm 1957, ông làm việc tại tạp chí *Văn nghệ quân đội* và trở thành Tổng biên tập từ năm 1967-1980. Trong số 4 tháng 4 năm 1958 Vũ Cao viết bài

Từ Sau năm 1975 ông giải ngũ ở cấp bậc Đại tá, làm giám đốc Nhà xuất bản Hà Nội, phó chủ tịch Hội Văn học nghệ thuật Hà Nội, chủ tịch Hội đồng thơ Hội Nhà văn Việt Nam. Sau khi nghỉ hưu ông sống ở Hà Nội. Ông là anh ruột của các nhà văn Vũ Tú Nam, Vũ Ngọc Bình.

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Tuy được biết đến như là một nhà thơ với bài thơ *Núi Đồi* nổi tiếng đã được đưa vào sách giáo khoa của Việt Nam nhưng Vũ Cao còn sáng tác văn xuôi.

Vũ Cao được tặng Giải thưởng Nhà nước về Văn học nghệ thuật năm 2001.

Vũ Cao mất ngày 3 tháng 12 năm 2007, tại Hà Nội, thọ 75 tuổi.

Tác phẩm:

- *Sớm nay* (Thơ, 1962 )
- *Đèo trúc* (Thơ, 1973)
- *Núi Đồi* (Thơ, 1990)
- *Truyện một người bị bắt* (Tập truyện ngắn, 1958)
- *Những người cùng làng* (Tập truyện, 1959)
- *Em bé bên bờ sông Lai vu* (Truyện, 1960)
- *Anh em anh chàng Lược* (Truyện, 1965)
- *Từ một trận địa* (1973)

Trích văn:

Năm 50, trong một cuộc hội nghị văn công, Hoàng Cầm ngang nhiên tuyên bố: "Đảng không nên dúng bàn tay vào chuyên môn nghệ thuật"

(Trích bài: *Ý thức phá hoại và tư tưởng đòi trụ của Hoàng Cầm*, Văn Nghệ Quân Đội, số 4, tháng 4/1958).

Trích thơ:

### **Núi Đồi**

*Bảy năm về trước, em mười bảy  
Anh mới đôi mươi, trẻ nhất làng  
Xuân Dục, Đoàn Đông hai cánh lúa*

## HUỶNH ÁI TÔNG

*Bữa thì em tới, bữa anh sang*

*Lối ta đi giữa hai sườn núi  
Đôi ngọn nên làng gọi núi Đôi  
Em vẫn đùa anh: sao khéo thế  
Núi chồng núi vợ đứng song đôi!*

*Bỗng cuối mùa chiêm quân giặc tới  
Ngơ chùa cháy đỏ những thân cau  
Mới ngỏ lời thôi, đành lối hẹn  
Đâu ngờ từ đó bật tin nhau.*

*Anh vào bộ đội, lên Đông Bắc  
Chiến đấu quên mình năm lại năm  
Mấy bận dân công về lại hỏi  
Ai người Xuân Dục, núi Đôi chăng ?*

*Anh nghĩ, quê ta giặc chiếm rồi  
Trăm nghìn căm uất bao giờ nguôi  
Mỗi tin súng nổ vành đai địch  
Sương trắng người đi lại nhớ người.*

*Đồng đội có nhau thường nhắc nhớ  
Trung du làng nước vẫn chờ trông  
Núi Đôi bớt dựng kê ba xóm  
Em vẫn đi về những bến sông ?*

*Náo nức bao nhiêu ngày trở lại  
Lệnh trên ngừng bắn, anh về xuôi  
Hành quân qua tắt đường sang huyện  
Anh ghé thăm nhà, thăm núi Đôi.*

*Mới tới đầu ao, tin sét đánh  
Giật giết em rồi, dưới gốc thông  
Giữa đêm bộ đội vây đồn Thừa  
Em sống trung thành, chết thủy chung!*

HAI MUỠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

*Anh ngược nhìn lên hai dốc núi  
Hàng thông bờ có con đường quen.  
Nắng lụi bông rụng mờ bóng khói  
Núi vẫn đôi mà anh mất em!*

*Dân chợ Phù Linh ai cũng bảo:  
Em còn trẻ lắm, nhất làng trong;  
Mấy năm cô ấy làm du kích  
Không hiểu vì sao chẳng lấy chồng ?*

*Từ núi qua thôn, đường nghẽn lối  
Xuân Dục, Đoài Đông cỏ ngút đầy  
Sân biến thành ao, nhà đổ cháy  
Ngón ngang bờ bụi cánh dơi bay*

*Cha mẹ đưa nhau về nhận đất  
Tóc bạc thương từ mỗi góc cau  
Nửa gianh nửa mái lều che tạm  
Sương nắng khuây dần chuyện xót đau.*

*Anh nghe có tiếng người qua chợ:  
Ta gắng: mùa sau lúa sẽ nhiều  
Ruộng thấm mồ hôi từng nhát cuốc  
Làng ta rồi đẹp biết bao nhiêu!*

*Nhưng núi còn kia, anh vẫn nhớ.  
Oán thù còn đó, anh còn đây  
Ở đâu cô gái làng Xuân Dục  
Đã chết vì dân giữa đất này!*

*Ai viết tên em thành liệt sĩ  
Bên những hàng bia trắng giữa đồng  
Nhớ nhau anh gọi em: đồng chí  
Một tấm lòng trong vạn tấm lòng.*

## HUỶNH ÁI TÔNG

*Anh đi bộ đội sao trên mũ  
Mãi mãi là sao sáng dẫn đường  
Em sẽ là hoa trên đỉnh núi  
Bốn mùa thơm mãi cánh hoa thơm.*

### Ngày xưa

*Mẹ tôi ru cháu chiều chiều  
Thường là ru mấy câu Kiều cháu nghe:  
“Mây Tần khoá kín xong the  
Bụi hồng lẻo đẻo đi về chiêm bao...”  
Tôi rằng: cháu hiểu làm sao  
Những câu thơ tự thưở nào, mẹ ơi!  
Mẹ nhìn, chẳng trả lời tôi,  
Hai tay ôm cháu, mẹ ngồi vẫn ru:  
“Mai sau dù có bao giờ  
Đốt lò hương ấy, so tơ phím này...”  
Con tôi đôi má tròn đầy  
Lại ngon giấc ngủ thơ ngây chiều chiều.*

*Bâng khuâng mẹ nói một điều:  
- Nghĩ mà thương phận cô Kiều ngày xưa...*

*Vũ Cao nhà báo, viết văn, làm thơ, bài thơ Núi Đồi ông sáng tác do cảm xúc từ môi trường đẹp trong kháng chiến chống Pháp, một cô du kích đã hy sinh, để lại trong lòng người chiến sĩ mãi mãi xa nhau và là tấm gương sáng dẫn đường vì nước.*

Tài liệu tham khảo:

- Vũ Cao Web: [vi.wikipedia.org](http://vi.wikipedia.org)
- Vũ Cao Web: [thivien.net](http://thivien.net)



**18) Từ Bích Hoàng**



**Từ Bích Hoàng - Trần Văn Hồng (1922-2010)**

Từ Bích Hoàng tên thật là Trần Văn Hồng sinh ngày 26 tháng 8 năm 1922 tại Hà Nội.

Nhà văn Từ Bích Hoàng (tên khai sinh Trần Văn Hồng), sinh ngày 26.8.1922, quê Hà Nội, nguyên Phó tổng biên tập Tạp chí Văn nghệ Quân đội đã nghỉ hưu, huy hiệu 50 năm tuổi Đảng, đã từ trần hồi 5 giờ sáng ngày 23.1.2010 tại nhà riêng ở quận Ba Đình, Hà Nội.

Nhà văn Từ Bích Hoàng vào bộ đội năm 1947, lên chiến khu Việt Bắc cùng các nhà văn Nam Cao, Quang Dũng, Trần Cư, Vũ Cao, Chính Hữu... tham gia làm các báo Vệ quốc quân, Quân đội Nhân dân.

Sau năm 1954, là thành viên sáng lập, biên tập viên rồi làm Phó tổng biên tập Tạp chí Văn nghệ Quân đội, vào Hội Nhà văn Việt Nam năm 1957, nghỉ hưu năm 1984 với cấp bậc đại tá.

Từ Bích Hoàng mất ngày 23 tháng 1 năm 2010 tại nhà riêng ở Quận Ba Đình, Hà Nội, thọ 88 tuổi.

Tác phẩm:

## HUỶNH ÁI TÔNG

- *Thượng Cam Lĩnh* (dịch với Thọ Hồng, 1954)
- *Trở Về* (1957)
- *Hoa Núi* (tập truyện ngắn, 1981)

Trích văn:

### **Vạch thêm những hoạt động đen tối của một số cầm đầu trong nhóm phá hoại *Nhân văn-Giai phẩm***

Trong số cầm đầu nhóm phá hoại *Nhân văn-Giai phẩm*, phải kể đến Trần Dân, Tử Phác, Hoàng Cẩm, Hoàng Tích Linh. Bọn này đã đóng một vai trò rất quan trọng và nguy hiểm, núp dưới danh nghĩa “văn nghệ sĩ kháng chiến, văn nghệ sĩ bộ đội” để lôi kéo quần chúng đánh lại Đảng và chế độ.

Trên các báo chí gần đây, nhiều đồng chí đã vạch rõ bộ mặt thực của họ. Vạch rõ hơn nữa sự thực về họ, vẫn là một việc cần làm, nên tôi sẽ góp thêm những điều tôi biết về họ. Bên cạnh, còn một số người nữa, trước đây cũng ở trong Văn nghệ Quân đội nhưng đã cố tình chạy theo nhóm tay tư đó để chống lại lãnh đạo trong quân đội, sau này lại tích cực tham gia nhóm *Nhân văn-Giai phẩm*, gây nhiều tác hại, cũng cần được nói tới ở đây. Đó là Phùng Quán, Trần Công, Quế Lâm, Trúc Lâm... Tôi cũng sẽ nói những điều tôi được biết về họ.

Tôi gắng bổ sung những điểm mới và nêu lên sự liên quan giữa họ với nhau trong hành động phá hoại suốt 3 năm qua.

### **Thời kỳ “đấu tranh chính sách” trong Văn nghệ Quân đội đầu năm 55**

Về thời kỳ này đã có nhiều bài nói rõ rồi. Tôi chỉ thêm mấy điểm.

Từ Trung Quốc về, Trần Dân còn mang theo một bài thơ dài

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

“Tiếng trống tương lai” trong đó Trần Dần gọi cán bộ chính trị là “người bệnh”, “người rời”, “người ụ”. Đó chỉ có thể là cách nhìn của bọn thù địch đối với cán bộ của Đảng. Đủ biết sự hằn học của Dần lúc bấy giờ đã nặng đến thế nào! Không ngạc nhiên khi thấy Dần mới bước về Phòng Văn nghệ Quân đội đã đả kích luôn lãnh đạo, rồi nhân một số thắc mắc của anh em về công tác, Dần lợi dụng phát động từng người và biến thành một cuộc đấu tranh đối lập với lãnh đạo, lấy “áp lực quân chúng” hòng buộc lãnh đạo phải chấp nhận những yêu sách thoát ly chính trị, thoát ly quân đội như ta đã biết. Chính Trần Dần đã thú nhận tính chất hoạt động này của họ.

Cục Tuyên huấn bảo anh em nghiên cứu lại bản đề nghị, Dần không chịu, bỏ mặc và phá phách ngày một dữ hơn. Dần lôi kéo được một số phá phách theo mình. Trần Công quá khích ăn nói lung tung: “Sống trong vòng K.50 (ý nói trong doanh trại, bên ngoài có bộ đội gác) nghẹt thở quá!” Những luận điệu vô kỷ luật này rất phù hợp với chủ trương “phải phá mà ra” của Trần Dần và mở đường cho bọn Dần càng đi sâu vào cạm bẫy của tư sản. Hoàng Cầm, Quế Lâm chơi bời lãng nhăng, định bỏ vợ cũ lấy vợ mới, tổ chức khuyên can nhưng Dần lại gợi ý cho Cầm: “Chỉ có ra bộ đội mới bỏ vợ được”. Biết Hoàng Tích Linh vốn có tư tưởng địa vị nặng và lâu năm, Trần Dần khích: “Quân đội chỉ sử dụng, không bồi dưỡng văn nghệ sĩ”. Luận điệu vu khống này đã đánh trúng sự bất mãn kèn cựa trong Linh. Linh trở thành một phần tử rất xấu. Trần Dần đưa Mai-a ra làm chiêu bài, xuyên tạc cuộc đời cách mạng vĩ đại của Mai-a, để tự phỉnh nịnh mình và lừa bịp người khác. Dần đã vỗ ngực cho mình “Cộng sản hơn Đảng, ra Đảng để phục vụ Đảng nhiều hơn”. Thực tế 3 năm qua chứng tỏ Dần đã chạy theo địch đánh lại Đảng quyết liệt. Nhưng những câu “cách mạng đầu lưỡi” ấy, Phùng Quán đã nuốt ngon lành. Quán ngang nhiên chống lại sự khuyên răn của tập thể đối với Dần, to tiếng tán thành việc Dần ra Đảng, ra quân đội. Còn đối với số anh em khác không theo Dần, đấu tranh với những sai lầm của Dần thì

## HUỶNH ÁI TÔNG

bọn Dần nhìn bằng con mắt hằn thù, cho là “bọn hèn nịnh hót phản bạn, bị lãnh đạo mua chuộc, sắp được đề bạt, rình cắn lại Dần!”.

Tử Phác thì khôn ngoan, nham hiểm, đi vào “chiến thuật tàu bò” (tiếng của Tử Phác), cứ lừ lừ làm mọi việc theo ý mình không cần lãnh đạo. Thỉnh thoảng lại “dí điện” anh em và đặt chuyện kích Trần Dần chửi thêm lãnh đạo. Lúc đó, Tử Phác đang làm thư ký toà soạn tờ *Sinh hoạt văn nghệ*, Tử Phác đã lợi dụng tờ báo của quân đội để Dần nổ ra hai cuộc phê bình *Vượt Côn Đảo* và tập thơ *Việt Bắc*, với một dụng ý rất xấu. Trần Dần “bóc” thơ Hoàng Cầm lên để đẩy Cầm cùng mình và Lê Đạt đã tập thơ *Việt Bắc*, thông qua tập thơ đó đã vào đồng chí Tố Hữu lãnh đạo văn nghệ, “hạ thần tượng” như bọn Dần đã nói.

Phải nói thêm rằng lúc này, bọn phản cách mạng bên ngoài đã đánh hơi thấy đất tốt làm ăn, và thực tế chúng đã hoạt động. Nguyễn Hữu Đang có mặt trong buổi phê bình thơ *Việt Bắc* đầu tiên, không nói câu nào, nhưng sau đó thả mồi nhử Dần ra bộ đội. Minh Đức “túm” được Tử Phác, in nhạc cho Tử Phác, và Tử Phác đã chạy xin giấy giới thiệu của Cục cho Minh Đức mua giấy in, nhưng không được. Trương Tửu viết thư cho Phùng Quán, tung Quán lên mây xanh: “*Vượt Côn Đảo*, cuốn sách hay nhất của 10 năm kháng chiến”, Quán tìm tới Tửu và tôn Tửu làm “bậc thầy” từ đó.

Suốt thời gian này, Trần Dần, Tử Phác, Hoàng Cầm, Hoàng Tích Linh, Trúc Lâm và cả Lê Đạt, luôn luôn bỏ việc đến tụ họp rượu chè trai gái ở nhà tư sản, đầu độc cho nhau những luận điệu phản động và bàn cách tấn công lãnh đạo trong quân đội. Hoàng Cầm càng đòi trụ trong lối sống đầy thèm khát thú tính của tư sản, lối sống rất quen thuộc với Cầm thời trước cách mạng, thì những tư tưởng quan điểm thù địch càng thấm sâu vào người, và Cầm biến chất rất nhanh. Bọn họ bàn nhau “tập trung giải ngũ” để bắt bí lãnh đạo. Thấy không xong, lại bàn “phân tán giải ngũ”. Bọn họ đã thực hiện chủ trương này.

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Trần Dần đi tiên phong làm một lúc hai lá đơn xin ra Đảng, quân đội, có tính chất tấn công vào Đảng, quân đội như ta đã biết.

Chính những hoạt động chống đối của Trần Dần, Tử Phác và sự hòa theo càng ngày càng có ý thức của số người kể trên đã gây tình trạng rối loạn hoàn toàn, một thời gian, trong Phòng Văn nghệ Quân đội, cầm đầu hồi này là Trần Dần và Tử Phác.

### **Thời kỳ Nhân văn-Giai phẩm**

Nhân Đại hội Đảng Cộng sản Liên Xô lần thứ 20 và Đảng ta phát hiện sai lầm Cải cách ruộng đất, Trần Dần, Hoàng Cầm, Tử Phác, Hoàng Tích Linh nắm lấy thời cơ hoạt động chống Đảng, chống chế độ một cách quyết liệt và thâm độc. Hoàng Cầm “trưởng thành” trong tư tưởng và hành động phá hoại từ *Giai phẩm mùa Xuân*, lúc này “sạch sẽ” hơn Dần và Phác, nhẩy ra giữ liên hệ giữa nhóm chống đối trước đây trong Văn nghệ Quân đội và nhóm *Giai phẩm mùa Xuân*. Còn Trần Dần tuy giấu mặt lúc đầu, nhưng vẫn “nhận định tình hình” trên cơ sở lý luận phản động “hệ thống Sta-lin” do đài địch, sách báo địch và bọn phản cách mạng, gián điệp trong nước truyền đi, để điều quân và chỉ huy chiến thuật, bên cạnh là “muru sĩ số 2” Tử Phác (theo nhận định của Dần). Dần “góp ý” để Hoàng Cầm vào thường trực *Nhân văn* ngay từ số 1, sau thấy còn yếu lại “góp ý” để Lê Đạt vào thêm. Dần mặc cả “chiến thuật” với Nguyễn Hữu Đang, Trần Đức Thảo về báo *Nhân văn* nên để “bao nhiêu trang cho chính trị, bao nhiêu trang cho văn nghệ, nên chuyển sang chính trị hay chỉ nên ở lĩnh vực văn nghệ”, làm như Dần chỉ có chủ trương đấu tranh trong lĩnh vực văn nghệ mà thôi! Sự thực, bọn Dần đã đồng tình với bọn phản cách mạng như Nguyễn Hữu Đang, với bọn gián điệp như Thụy An về căn bản rồi mà chỉ khác nhau về cách đánh. Chính Dần đã thú nhận về mình rằng: “Toàn những luận điệu phỉnh nịnh, hô hào quần chúng đi vào con đường chống Đảng, gây ra sự biến chính trị. Nhiều lúc mong có những cuộc biểu tình...”

## HUỶNH ÁI TÔNG

Tử Phác, Hoàng Cầm cũng đã thú nhận như vậy. Sự ngoạn mục giữa Cầm và Nguyễn Hữu Đang đã chặt chẽ đến chỗ có lần Đang nói với Cầm: “Cần lập một nhóm chính trị”, lần khác “Cần lập một Đảng quần chúng (?)”, lần khác nữa: “Phải lập mặt trận trí thức (?)”. Đúng hết luận điệu và chủ trương của Trương Tửu, Trần Đức Thảo bên đại học. Trong tư tưởng nhiều người trong bọn lúc đó, cũng đều là sẵn sàng nổi loạn, Phùng Quán, Phan Vũ bị kích động đến mù quáng, đã có ý nghĩ: “Nếu biểu tình nổ ra, sẽ là những xung kích sẵn sàng cầm cờ đi đầu chết cho tự do (?)”. Thật là thảm hại! Rõ ràng nhóm *Nhân văn* là một tập đoàn chính trị phản động có tổ chức, mục đích và âm mưu chính trị từ đầu trong đó bọn Trần Dần, Hoàng Cầm, Tử Phác, Hoàng Tích Linh và số người kể trên là cái “vốn quý” đầu tiên cho bọn phản cách mạng và tay sai đế quốc! Cái chiến thuật “võ kín” (jeu serré) của Trần Dần muốn kim hoạt động của *Nhân văn* lại trong phạm vi văn nghệ, chẳng qua chỉ là một thủ đoạn hiểm độc hơn để đánh lạc thực chất vấn đề nhưng cũng không thể nào che nổi con mắt sáng suốt của nhân dân quần chúng. Trần Dần vẫn thường vỗ ngực nói mình là “chân thật” nhưng ở đây Trần Dần đã không “chân thật” bằng Trương Tửu khi Tửu nói lúc bấy giờ: “Sáng tác lỗi thời rồi, vấn đề lớn đặt ra là vấn đề khác”. Vấn đề khác đây, chúng ta đã thừa hiểu Tửu định nói vấn đề gì. Trần Dần cũng không “chân thật” bằng Trần Đức Thảo khi Thảo nhận định ở buổi họp sau *Nhân văn* số 4: “Tình hình này cần đẩy mạnh sang chính trị!”. Rõ ràng bọn họ chỉ dùng lĩnh vực văn nghệ làm chỗ gây men để đánh lan sang các lĩnh vực khác, chỉ dùng văn nghệ làm một phương tiện để đầu độc quần chúng và kêu gọi biểu tình chống Đảng, chống Chính phủ, dùng khuynh hướng nghệ thuật này, trường phái nghệ thuật kia cũng chỉ là nguy trang cho những tư tưởng và âm mưu chính trị phản động mà thôi. Bọn họ đã nhằm lúc Đảng gặp nhiều khó khăn và trên thế giới có nhiều vụ biến, để kích động quần chúng hòng lật đổ hoặc thay đổi chính phủ theo kiểu tư sản phản động vào dịp khoá họp Quốc hội cuối 56. Tính chất chính trị phản động ấy

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

của nhóm *Nhân văn-Giai phẩm* (trong đó bọn Trần Dân, Tử Phác, Hoàng Cầm, Hoàng Tích Linh là những phần tử nguy hiểm và quan trọng), thật không thể chối cãi được.

Tôi đi vào sự việc cụ thể để nói rõ từng người trong bọn Trần Dân, Hoàng Cầm, Tử Phác, Hoàng Tích Linh đã tham gia *Nhân văn* như thế nào.

Trần Công trên tuần báo *Văn nghệ* đã viết bài xuyên tạc sự thực để đả kích vào lãnh đạo trong Phòng Văn nghệ Quân đội và vu khống anh em trong phòng là “bán thuốc giả” cho bộ đội.

Đó là phát súng đầu tiên của số người bất mãn chống đối với lãnh đạo trong Văn nghệ Quân đội, từ sau ngày họ giải ngũ. Rồi tới lớp học 18 ngày, cả bọn đã liên tiếp phản công vào lãnh đạo trong Văn nghệ Quân đội với một sự hằn học ghê gớm. (Cần nói luôn: thời kỳ này riêng Trần Dân, Tử Phác, Hoàng Tích Linh, Phùng Quán vẫn ăn lương bộ đội, mặc áo bộ đội.) Chuyện Trần Dân giả vờ cắt cổ để vu vạ cho lãnh đạo như lời Dân đã thú nhận, được xuyên tạc đi, cắn phẫn của một số văn nghệ sĩ lại chĩa nhăm vào Đảng. Trần Dân nhờ đó được đề cao thành “con người dũng cảm”, một “tử vì đạo” và nhất là sau cái bài xuyên tạc trắng trợn và hiểm độc “Con người Trần Dân” của Hoàng Cầm thì Trần Dân được suy tôn thành “con người của thời sự” (l'homme du jour). Mỗi lời nói, mỗi hành động của bọn họ đều nhằm gây cảm phẫn giả tạo trong quần chúng đối với Đảng. Trần Duy sung sướng tuyên bố: “Ma haine est partagée!”. (Căm thù của tôi đã được chia sẻ!).

Trên trại sáng tác Cải cách ruộng đất, Trần Dân và Hoàng Tích Linh cùng hoạt động ráo riết. Hoàng Tích Linh tung rất nhiều tin bịa đặt đả vào bộ đội và Cải cách ruộng đất. Linh cấu kết chặt chẽ với Chu Ngọc và Nguyễn Khắc Dực, hai phần tử xấu trong giới kịch bên Hội Văn nghệ, lúc đó cùng ở trại sáng tác với Linh, để làm mưa làm gió.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Hoàng Tích Linh đã kéo Phan Vũ “cái pháo thăng thiên của làng kịch” vào nổ trên tờ *Nhân văn*, và vận động anh em viết kịch tập trung vào những đề tài có thể khoét sâu thêm sai lầm Cải cách ruộng đất và làm cho quần chúng hoài nghi công tác sửa sai của Đảng. Còn Trần Dần thì đề ra phương châm viết về Cải cách ruộng đất như sau: “Thứ nhất đánh vào trung ương, thứ nữa đánh vào cán bộ, thứ nữa mới đánh đến cốt cán”, cứ theo thể mà viết, mà đánh giá sáng tác về Cải cách ruộng đất!

Tới khi Hoàng Cầm ngoặc với Nguyễn Hữu Đang quyết định ra báo *Nhân văn*, cả bọn đồng tình và tham gia tích cực: đóng tiền, viết bài, chạy nhà in, bán báo, cổ động... thôi thì từ việc to đến việc nhỏ, làm hết, say mê phấn khởi lạ thường! Và có đủ mặt “anh tài”:

Hoàng Cầm vào thường trực, phụ trách về nội dung bài vở, liên lạc với anh em lấy bài, sửa bài cho thêm “sắc”. Hoàng Cầm là người có sáng kiến mở mục “Ôn cố tri tân” rất ác. Khi thấy đồng bào và cán bộ miền Nam phản nộ đối với *Nhân văn*, Hoàng Cầm khôn khéo lôi kéo một số văn nghệ sĩ miền Nam viết bài cho *Nhân văn* để lấy đó làm bình phong; tóm lại Hoàng Cầm đã đóng một vai trò rất quan trọng và “được việc”. Hoàng Tích Linh phụ trách mục kịch của *Nhân văn*, viết vở *Xem mặt vợ* đăng trên *Nhân văn*, nội dung đã kích tổ chức công đoàn để bênh vực cho cái lối tự do kết hôn bừa bãi, nhưng Trần Dần vẫn còn chê là “dát” và “vấn đề hay mà không biết lợi dụng”. Trúc Lâm tuy là đảng viên nhưng lúc đó đã từ bỏ lập trường Đảng, chạy sang phía địch mất rồi, Trúc Lâm đã viết bài đã mậu dịch trên *Nhân văn* và bài thơ “Ngọn đèn” trên *Giai phẩm* đã thẳng vào Đảng, ngụ ý cho sự lãnh đạo của Đảng đang tàn rụi như ngọn đèn sắp tắt. Quế Lâm được phân công phụ trách mục “Không phải chuyện cười” và đã đi ô-tô của Trần Thịnh về Nam Định nói loa quảng cáo cho *Nhân văn*. Việc làm đó của Quế Lâm mới đúng là “không phải chuyện cười” thật! Trần Công đồng tình cho Lê Đạt mượn tên ký dưới bài “Chống bè phái trong văn nghệ”. Trần Công và Trần Thịnh đồng tình cho



## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Nguyễn Hữu Đang mượn tên hai người ký dưới bài “Đã tiến, cần tiến thêm bước nữa”. Bản thân Trần Công cũng đã viết bài thứ hai “Chống bè phái trong văn nghệ”. Trần Công lại giới thiệu với *Nhân văn*, Trần Thịnh, con một tư sản thâu dây thép gai để để quốc xây lô-cốt hồi chúng còn ở miền Bắc. Trần Thịnh và anh Thịnh là Trần Quế cho mượn ô-tô và bỏ tiền ra “ ủng hộ” *Nhân văn*. Trụ sở *Nhân văn* chuyển từ nhà Minh Đức sang nhà Trần Duy, có lần đã chuyển sang nhà Trần Thịnh. Ở nhà Thịnh luôn luôn có gái, rượu, đài địch mở ngày và đêm. Nguyễn Hữu Đang bày kế hoạch cho Trần Công về Xưởng phim Việt Nam - nơi Trần Công công tác - vận động quần chúng đập ai kéo ai trong bộ phận lãnh đạo. Trần Công đã tỏ ra là một tay sai đắc lực, hung hăng của bọn cầm đầu *Nhân văn*. Trần Công tự phong là đạo diễn, lôi kéo một số anh em điện ảnh ra làm báo *Sáng tạo* - đứa em của *Nhân văn* - bằng tiền của Trần Thịnh. Còn Phùng Quán, hồi này, không còn phải là một “cái loa”, một “tay sai” tầm thường nữa mà nhờ sự bồi dưỡng “tận tâm” và “nhiệt tình” của các “bậc thầy” và các “bậc đàn anh”, Quán đã “tiến bộ” có thể “độc lập tác chiến” được một cách vững vàng. Quán tiếc không được dự phần quan trọng xứng đáng trong *Nhân văn*. Tuy vậy, Quán đã tích cực tuyên truyền cổ động cho *Nhân văn*, là người đầu tiên mang *Nhân văn* về Phòng Văn nghệ Quân đội và Đoàn kịch Tổng cục Chính trị, hàng ngày đưa về phòng những tin tức luận điệu phản động, lôi kéo một số ít anh em hoang mang trong phòng theo khuynh hướng *Nhân văn*, và thực tế Quán đã lôi kéo được một hai người, điều mà Quán rất tự hào! Quán càng nổi lên chống đối với lãnh đạo Phòng Văn nghệ Quân đội bao nhiêu thì Quán lại càng được bọn kia phỉnh nịnh bấy nhiêu. Quán được tặng biệt hiệu “Cây thông trong Văn nghệ Quân đội”; Quán được Trần Duy khen: “Phùng Quán hăng hái như một Triệu Tử Long”; Quán được con gián điệp Thụy An khen: “Anh sôi nổi quá! tuổi già của tôi thấy ghen với tuổi trẻ của anh!”. Và đúng ý bọn kia nhất khi dùng Quán: “Một khẩu pháo nhỏ chống lại 30 đại bác Phòng Văn nghệ Quân đội”. Trong

## HUỶNH ÁI TÔNG

khi Quán tự phong cho mình, chả khác gì Trần Dần trước đây, là “người cộng sản nhất Phòng Văn nghệ”, là “xã hội không thể thiếu được mình” thì sự thực Quán chỉ đã là một “con rối” nguy hiểm và thâm hại.

Còn Tử Phác? Phác bày mưu tính kế, bàn bạc với Trần Dần những vấn đề “nhận định lực lượng”, “cách đánh”... như mọi khi Phác thường làm. Đặc biệt lần này, Tử Phác còn tham gia tích cực, từ việc nhỏ như chữa mo-rát, Phác cũng làm, làm với tinh thần: “làm được gì cho *Nhân văn* thì tích cực làm”. Đó là một “tác phong công tác” mà hầu như không thấy Tử Phác có bao giờ khi Tử Phác còn trong bộ đội. Ngoài ra Tử Phác còn chọn bài dịch, với dụng ý xấu, Nguyễn Hữu Đang cắt xén để xuyên tạc thêm, Tử Phác đã đồng tình và cho là giỏi. Tử Phác còn định làm mục “Điểm các báo” trên tờ *Nhân văn* để đá vào đường lối tuyên truyền của Đảng.

Hồi này “được thế”, bọn cầm đầu thường thường tổ chức tiệc tùng chè chén, bữa ngọt bữa mặn, ăn uống ngon lành với tiền của Minh Đức và của bọn tư sản phản động, tặng bốc nhau và chửi bới chế độ, chửi bới lãnh đạo. Có lần bọn họ đã “đùa” chia “ghế” bộ trưởng, vụ trưởng cho nhau. Tự họ đã phơi trần âm mưu bản thù của họ mà trên tờ *Nhân văn*, họ vẫn che đậy bằng danh từ lừa bịp “vì trách nhiệm đối với quần chúng (?)”, “vì trăm hoa đua nở”, “vì chống công thức, đi tìm cái mới”, v.v....

Tóm lại trong thời kỳ này, bọn Trần Dần, Tử Phác, Hoàng Cầm, Hoàng Tích Linh đã “say mê” (lời của Hoàng Cầm) hoạt động, mỗi người mỗi vẻ, tư tưởng thù địch dâng lên ngập đầu ngập óc, nó trở thành máu thịt của bọn họ, từ cái nhìn, cái nghe, cái ăn, cái nói, tất cả đều mang một ý thức chống đối, hằn thù với Đảng, với nhân dân. Vì quyền lợi giai cấp đối địch như Trần Dần, Tử Phác, Hoàng Tích Linh (con quan lại cũ, vợ buôn lậu và cho vay nợ lãi) hoặc vì thái độ chính trị đã trở thành đối địch như Hoàng Cầm, Trần Công, Phùng Quán...,

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

bọn họ đã ngoặt một cách tự giác và chặt chẽ với bọn phản cách mạng và tư sản phản động để hùng thực hiện âm mưu đen tối của chúng nhưng nhân dân đã kịp thời vạch mặt và chặn tay chúng lại. Không những chúng không cải tà quy chính mà còn lợi dụng thái độ khoan hồng của nhân dân, của Đảng đối với chúng, để tiếp tục hoạt động phá hoại tinh vi và hiểm độc hơn.

### **Thời kỳ sau Nhân văn**

*Nhân văn* bị đóng cửa, Trần Dần với ý thức của một kẻ cầm đầu “gan dạ” nhất bọn, đứng ra củng cố tinh thần và hàng ngũ bọn Dần bằng luận điệu lừa bịp của Nguyễn Hữu Đang: “Trung ương rồi sẽ sửa sai”. Với chiến thuật “võ kín”, Dần ít đi đâu, nhưng những người trong bọn thường tới nhà chịu sự “ban phát tư tưởng” của Dần. Đặc biệt thời kỳ này, Nguyễn Hữu Đang lại hay tới gặp Dần hơn thời kỳ trước. Đang và Dần đã bàn bạc, âm mưu gì trong những cuộc gặp gỡ tay đôi này? Thụy An và tay sai Thụy An cũng đến tìm Dần ở nhà đôi ba lần. Dần cũng gặp Thảo hai lần, lần sau được Thảo truyền cho lý luận phản động cho rằng “có hai phe trong Đảng, phe tiến bộ và phe quan liêu luôn luôn mâu thuẫn và đi đến chỗ tiêu diệt nhau. Cần phải giúp phe tiến bộ đánh đổ ‘hệ thống quan liêu ấy’ thì đời sống mới thoải mái được”. Dần nói sau lần gặp Thảo này, Dần “vỡ” ra nhiều trước luận điệu ấy của Thảo. Sự thực Đảng ta vốn có truyền thống đoàn kết nhất trí trong kháng chiến cũng như trong hoà bình. Đảng ta có nguyên tắc phê bình tự phê bình để giải quyết những mâu thuẫn nội bộ. Đảng ta bao giờ cũng chủ trương chống bệnh quan liêu trong hàng ngũ của Đảng, bao giờ cũng gắn bó với quyền lợi của quần chúng và đi theo đường lối quần chúng. Luận điệu trên chỉ là luận điệu của bọn trót-kít phản động, dựng lên những mâu thuẫn giả tạo để có thể khoác cái vỏ mác-xít, vỏ tiến bộ lừa bịp nhân dân để đánh lại Đảng, đánh lại chế độ. Có thể nói trong thời kỳ này, bọn Dần đã “trau dồi” cho nhau về lý luận phản động với một “tinh thần học tập” khá sôi nổi. Sách báo phản động ở lò Thụy An, Trần Đức Thảo tuôn ra càng nhiều. Không đủ, đánh máy

## HUỶNH ÁI TÔNG

thêm, truyền tay cho nhau đọc và truyền miệng. Phùng Quán là một cái loa đặc lực. Tổ chức học tập báo phản động *Thời đại mới* (*Temps modernes*), Lê Đạt thuyết trình, có thảo luận hẳn hoi. Chu Ngọc rủ Hoàng Tích Linh đến học “triết lý” của Trần Đức Thảo. Thảo hứa với Quán sẽ mở một lớp riêng huấn luyện cho bọn trẻ. Hoàng Tích Linh ở nhà một tư sản, luôn theo dõi đài dịch, mỗi lần thấy báo sắp có buổi phát thanh riêng về *Nhân văn*, lại đi triệu tập “anh em” đến nghe. “Anh em” rất phấn khởi khi thấy đài dịch đề cao *Nhân văn*, đọc bài *Nhân văn*, và thường khen: “Chúng nó chửi có kỹ thuật lắm”! Chủ trương của Văn Cao, Trần Dần là “phục xuống sáng tác” đợi thời cơ, “lấy cái nhỏ đánh cái to” mà “đã viết thì phải lách” nghĩa là nhất thiết phải luồn được vào sáng tác chất đả kích. Hoàng Tích Linh đọc vở *Cơm mới* ở nhà Phan Tại, có Thụy An nghe. Mọi người đều khen “hay”. Bàn nhau dùng cái thùng lòng tượng trưng cho Cải cách ruộng đất làm hình tượng chính trên sân khấu. Sau Hoàng Tích Linh có chữa khéo đi ít nhiều đề đăng trên báo *Văn*, Trần Dần chê là “dát, mất hay đi nhiều!”. Sự thực Linh chẳng “dát” gì. Trong sáng tác, Linh luồn khéo và độc như rắn. Linh còn biết bảo đồng loã: “Chúng mày đánh được đây nhưng còn đánh hờ lắm”. Có lần, Linh đã tự khen công khai: “Tao vừa viết vở kịch hay lắm. Đã thắng vào Đảng”. Phùng Quán làm bài thơ “Lời mẹ dặn”. Trần Dần, Văn Cao kéo Quán đi khao chả cá, Văn Cao khen: “Phùng Quán viết khá, không đánh vào hiện tượng mà biết đả thẳng vào bản chất”. Những sáng tác kiểu hai mặt như thế nhan nhản ra đời, không thể kể hết ở đây.

Ít lâu sau, “nhận định tình hình thấy bé tắc”, bọn họ đối phó bằng chủ trương: “Chuyên nhanh sang tô hồng. Làm ngay đi!” Không phải bọn họ có ý định tốt đẹp gì mà thực ra để gây lại một phân tín nhiệm trong quần chúng, bọn họ thấy cần phải “thay đổi phương pháp hoạt động để giữ đất làm ăn”. Tuy vậy, ý thức tư tưởng phản động đã ngấm sâu vào đầu óc, bọn họ không thể viết cái gì mà không xen vào một hai câu đả chế độ,

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

đả nhân dân. Như khi Hoàng Tích Linh viết vở kịch *Hạt giống* cổ tình viết “tô hồng” rồi mà sau cùng Linh vẫn phải “gài” một câu đả kích ở đoạn kết mới yên tâm. Chính Linh đã nói ra miệng như vậy.

Không phải bọn Trần Dân chỉ lũng loạn về mặt tư tưởng và sáng tác, bọn họ đã lũng đoạn rất nhiều về mặt tổ chức, kéo bè kéo cánh, nắm cơ sở trong các hội văn học nghệ thuật như Hoàng Cầm ở nhà xuất bản Hội Nhà văn, Trần Dân ở Ban nghiên cứu sáng tác, Tử Phác ở Hội Nhạc sĩ và trên tờ *Tập san Âm nhạc*; tuần báo *Văn* bị lũng đoạn như thế nào, v.v... nhiều bài đã nói tới rồi, tôi không nhắc lại ở đây. Đặc biệt tôi nói tới âm mưu tấn công vào Đoàn kịch nói Tổng cục Chính trị của họ.

“Thời kỳ sóng gió đã qua rồi”, Hoàng Tích Linh lại nghĩ đến chuyện “làm ăn”. Linh, trong bụng thèm địa vị, muốn trở về bộ đội làm đoàn trưởng đoàn kịch nói nhưng vừa ngại “anh em” vừa ngại phải tuân theo điều lệnh của bộ đội. Linh tìm đến hỏi ý kiến “tiên chi” Văn Cao. Văn Cao bảo: “Cứ về mà nắm lấy đoàn kịch làm công cụ biểu diễn”. Linh và bọn Linh bắt đầu hoạt động theo hướng đó. Gặp các đồng chí diễn viên, Linh tìm cách đề cao mình: “Minh về đoàn mình sẽ tổ chức cho các cậu học văn học và lập hội đồng chuyên môn, không tiền đồ các cậu bị lảm”, đồng thời hạ uy tín cán bộ phụ trách đoàn: “Chúng nó không thể làm chuyên môn được, không có máu đạo diễn, đạo diễn một vở thì uy tín sụp ngay”. Linh phỉnh nịnh diễn viên một cách khá trắng trợn và khôi hài: “Tớ rất mến các cậu!”, “Phải mạnh tay viết, không cần học chính trị thì tác phẩm mới hay được. Tớ về đoàn, sẽ để các cậu tự do thoải mái”. Nhưng quân đội đã nhìn rõ âm mưu đen tối của bọn Linh, chặn không cho Linh chui được vào đoàn và trả lại Linh vở *Com mới* mà Linh định mập mờ đưa vào cho đoàn diễn. Linh đành phải xin giải ngũ. Hăn học, bọn Linh quay sang đả liên tiếp vào cán bộ phụ trách đoàn, chia rẽ diễn viên với lãnh đạo: “Chúng nó dùng diễn viên như con rối, con cờ. Chúng nó

## HUỶNH ÁI TÔNG

chỉ muốn leo lên, thiết gì đến chúng mày!”, rồi đưa ra cái lối “lập nhóm sáng tác, đạo diễn” để kêu một số đạo diễn và diễn viên khá ra ngoài: “Tao khuyên mày nên ra bộ đội. Tường dày bốn phía thế này, sáng tác thế nào được!” hoặc “Câu ra ngoài làm kịch tu, rích tiền!” hoặc đem kịch bản của một số anh em Văn nghệ Quân đội sang cho đoàn kịch điện ảnh tập rồi tung dư luận cho là lãnh đạo bên quân đội là hẹp hòi, thành kiến. Bọn Linh đánh vào chỗ yếu của một số người muốn sống cái kiểu tự do bừa bãi, kiêu ngạo tự cho mình có thể làm lớn không cần sự giáo dục của Đảng, thực ra đi theo con đường của bọn Linh chỉ có thể đến chỗ bế tắc sa đọa. Đối với nữ diễn viên, bọn Linh thường lợi dụng chỗ sinh hoạt lúc này còn khó khăn trong hoàn cảnh chị em có con nhỏ để làm cho chị em phải suy nghĩ thắc mắc về tương lai, không yên tâm phục vụ trong bộ đội. Những luận điệu đó của bọn Linh không phải đã không ảnh hưởng phần nào tới sự lãnh đạo của Đoàn Kịch nói, lan cả sang Đoàn Ca vũ và tư tưởng của anh chị em diễn viên. Một số giao động đòi giải ngũ, một số ít theo luận điệu “phải bắt khuất, phải vùng lên” đã không muốn lãnh đạo tham gia góp ý vào chuyên môn, chỉ thích làm những cái lớn, nặng về kỹ thuật, coi nhẹ nội dung tư tưởng của sáng tác và yêu cầu trước mắt của bộ đội. Có người đã nói rất văn vẻ nhưng cũng rất sai lầm là: “Ồ bộ đội như chim ở lồng, phải bay ra khỏi lồng để hót những tiếng hót tự nhiên”. Quân đội ta có kỷ luật, có tổ chức chặt chẽ, không thể dung thứ cái kiểu “tự do thoải mái” thoát ly lãnh đạo ấy được. Muốn thoát khỏi bộ đội để đi vào cái kiểu “tự do thoải mái” của bọn Linh thì chỉ có thể rơi vào cái lồng của tư sản, hót những tiếng hót ca ngợi tư sản, chống đối lại nhân dân như bọn Trần Dần, Tử Phác, Hoàng Cầm, Hoàng Tích Linh đã làm và như chúng ta đã thấy! Một cái gương tày liếp là con đường Phùng Quán đã đi sau khi giải ngũ với lời hứa hẹn của Hoàng Cầm: “Cứ ra bộ đội, tao in sách cho mà sống!”.

Hãy nghe Hoàng Tích Linh nói tâm sự của Linh. Linh nói rằng

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Linh với quần chúng không thể nào hoà hợp được, ra phố thấy nhân dân tươi cười như trong ngày bầu cử Hội đồng Nhân dân thành phố Hà Nội, thì Linh thấy buồn. Cái “buồn” của Linh, không phải chỉ mình Linh thấy đâu. Cả bọn Trần Dần, Hoàng Cầm, Tử Phác, cả bọn *Nhân văn-Giai phẩm* đều “buồn” như thế trước chế độ ngày một tốt đẹp hơn của chúng ta mà những lời nói hành động phá hoại của bọn họ dù có điên cuồng thâm hiểm trá trở đến chừng nào cũng không thể bôi đen hoặc thay đổi được. Bọn họ càng sa đoạ về tư tưởng, về chính trị, càng tự thấy đời sống của họ “âm đạm tối tăm quần quai, không lối thoát”. Chắc chắn, bọn họ sẽ chìm mình xuống vực thẳm, nếu họ không muốn vươn tới ánh sáng của chế độ ta. Bàn tay chuyên chính của vô sản quyết không để cho họ thực hiện những ý muốn phản động của họ hòng cản trở bước đường tiến lên xã hội chủ nghĩa của chúng ta ở miền Bắc. Bao kế hoạch “giải toả” kiểu Trần Dần, Văn Cao, bao “muru meo” trá hàng của muru sĩ số 2 Tử Phác và của muru sĩ số 1 Đặng Đình Hưng cũng không thể củng cố tinh thần cho bọn họ. Bọn họ muốn có “một cuộc biểu tình, một cuộc nổi loạn để giải thoát cho mình”, nhưng không bao giờ có một cuộc biểu tình theo ý muốn họ được. Đó là một điều chắc chắn. Nhân dân và bộ đội chúng ta dưới sự lãnh đạo của Đảng đã đổ biết bao xương máu trong kháng chiến, bao mồ hôi trong kiến thiết hoà bình để xây dựng một chế độ tươi đẹp như thế này, không bao giờ lại để cho bọn họ phản bội lật đổ đi được. Tất nhiên họ chỉ có một con đường giải thoát cái tâm trạng tối đen của họ là lao mình vào rượu chè, thuốc sái, dĩ bọm. Hoàng Tích Linh rủ anh em về quê Linh hút thuốc phiện. Tử Phác vác bàn đèn về nhà. Trần Dần bảo: “Không còn đất sống”. Đúng, chế độ ta không thừa đất để nuôi những con người phản dân phản nước mà ngoan cố không chịu cải tạo. Lê Đạt nói: “Chỗ nào sống tốt, chỗ ấy là Tổ quốc”. Chúng ta không lấy làm ngạc nhiên, bởi vì con đường tất nhiên bọn họ đi tới là như thế. Những người đã chống đối với chế độ, chống đối với nhân dân, cũng không thể có Tổ quốc được. Cái “mới, mới, mới”, cái “bay cho cao, bay cho

## HUỶNH ÁI TÔNG

xa”, cái “hãy đi mãi” rốt cuộc cũng chỉ là như thế đó: mất hết phẩm chất con người, sẵn sàng làm tay sai cho bọn đế quốc tư sản phản động!

\*

Một đồng chí văn nghệ sĩ Nam Bộ đã kể lại cho chúng tôi nghe câu chuyện sau đây. Một hôm, bọn Mỹ-Diệm đem báo *Nhân văn* ra dán ở một đầu phố Sài Gòn nhằm dụng ý để cho đồng bào miền Nam đọc, “biết tình hình Việt cộng ở miền Bắc đen tối như thế nào!”. Một chị đứng đọc hồi lâu rồi không giữ nổi cảm giận, chị giơ tay xé tan tờ *Nhân văn* trước mặt chị. Một phát súng của một tên lính Mỹ-Diệm lập tức xuyên qua lưng chị, và chị đã gục xuống. Máu từ ngực chị đã thấm đỏ những trang báo *Nhân văn*. Đồng chí kể xong, nói: “Tội ác ấy, đồng bào miền Nam không bao giờ quên được!”.

Bộ đội chúng ta cũng không thể quên được rằng máu nhân dân và bộ đội chúng ta đã đổ ở Quỳnh Lưu, máu nhân dân và những chiến sĩ cộng sản đã đổ ở Hung-ga-ri, vào giữa thời kỳ nhóm *Nhân văn-Giai phẩm* đang tung hoành ở Hà Nội.

Suốt 3 năm qua, tội lỗi của nhóm phá hoại *Nhân văn-Giai phẩm*, trong đó bọn Trần Dần, Tử Phác, Hoàng Cầm, Hoàng Tích Linh đã đóng một vai trò chủ chốt, thật là lớn đối với Đảng, đối với chế độ, đối với nhân dân, đối với Tổ quốc, không thể tha thứ được. Bộ đội chúng ta rất căm phẫn, nhất là đối với số người trước đây đã ở trong bộ đội, thời gian qua lợi dụng cái vốn kháng chiến, cái áo bộ đội để quay trở lại đánh vào hàng ngũ chúng ta và làm những việc hại dân hại nước.

Bộ đội chúng ta muốn nói với họ rằng:

Họ không thể lợi dụng chính sách khoan hồng của Đảng được nữa.



## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Họ không thể lừa dối nhân dân, bộ đội được nữa.

Trước mặt họ, chỉ có một con đường:

Đầu hàng thực bụng, ăn năn hối lỗi, quyết tâm cải tạo từ đầu, theo con đường cách mạng, con đường của Đảng.

Quyết không thể có con đường thứ hai được!

4-58

(Nguồn: *Văn nghệ Quân đội*, số 5 tháng 5-1958)

### Một buổi tiễn đưa

Thế là sớm mai Sâm sẽ lên đường đi đại đội mới. Suốt ngày hôm nay và cả mấy ngày trước, Sâm bận tíu tít; hết lên trung đoàn nghe đả thông nhiệm vụ, lại trở về đơn vị giải quyết những việc còn lại, tới đến dự buổi liên hoan đơn vị tổ chức tiễn đưa Sâm. Cho mãi đến lúc này, đơn vị đã ngủ yên và mọi cái đã xong xuôi, Sâm nằm nhìn lên những bóng trăng tròn lọt qua liếp cửa, lốm đốm trên đỉnh màn, Sâm mới thấy thanh thoi một chút. Những ý nghĩ gần xa kéo đến, nhưng bây giờ mình với mình, Sâm thấy chúng không ồn ào, thúc giục mà nhẹ nhàng, êm ả như những bóng mây. Sâm đi bộ đội đã bảy, tám năm, làm chính trị viên đã gần ba năm, vì nhu cầu công tác phải chuyển đơn vị đã khá nhiều lần, nhưng sao Sâm vẫn thấy thế nào trong người, khi phải xa một đơn vị cũ để đi một đơn vị mới. Hình như con người Sâm không hợp, không quen với những cuộc đổi thay như thế. Trong chiến tranh, cái đó đã đành một lẽ, nhưng trong hòa bình Sâm thấy thấm thía hơn cái nặng nề về tình cảm của một cuộc lên đường, dù vì nhiệm vụ. Nhất là lần này Sâm sắp phải xa một đơn vị mà lần đầu tiên Sâm làm nhiệm vụ chính trị viên kiêm bí thư chi bộ Đảng. Ở đó, Sâm hầu như thuộc được hoàn cảnh, tính tình từng

## HUỖNH ÁI TÔNG

người cán bộ và chiến sĩ một, để đi phụ trách một đơn vị hoàn toàn mới đối với Sâm, Sâm càng thấy bản khoăn luyến tiếc trong lòng. Có một cái gì buồn buồn tự dung cứ đến với Sâm, Sâm muốn xua đi cũng không được, khi nghĩ rằng từ đêm mai Sâm không còn được ngủ dưới cái mái nhà nửa mà đơn vị cùng Sâm đã dựng lên, và trên cái giường gỗ mỏng của Sâm, đặc biệt có con mọt ở giữa lưng này. Sâm chợt nhớ ra mọi đêm vào giờ đây, con mọt ấy - không biết nó ở một mình hay có đôi - đã bắt đầu nghiền gỗ ken kết, làm cho Sâm phải tỉnh giấc, đập tay đôm đốp xuống giường để dọa nó mà nó cũng vẫn chẳng thôi cho. Thường Sâm chỉ còn có một cách là quên nó đi cho khỏi tức và tự rèn cho mình cái thói quen biết ngủ ngon lành ngay trên tiếng kêu khó chịu và dai dẳng ấy. Nhưng đêm nay không hiểu sao, Sâm vẫn chưa thấy nó nghiền gỗ dưới lưng. Chẳng lẽ nó cũng biết thông cảm với Sâm và muốn dành cho Sâm một đêm ngủ yên trước khi từ giã nó? Ý nghĩ ấy làm cho Sâm bật cười khe khẽ. Từ những màn bên, tiếng ngáy đều đều vẫn vang lên. Sâm thấy rõ với tâm trạng này, còn lâu Sâm mới ngủ được. Sâm bước ra khỏi màn, lần ra hiên. Sâm muốn được nhìn lần cuối cùng, cái doanh trại thân mến mà Sâm đã sống khá lâu cùng đơn vị. Ánh trăng mờ mờ hơi sương, lặng lẽ tỏa trên những mái nhà đã cũ, những bụi cây, mảnh sân rải cát, những chiếc xà đơn xà kép, những tấm bia quét vôi trắng toát, những mô hình xe tăng đen sì, những giàn mướp nở hoa vàng, con đường đá xanh đi ra bờ giếng... Tất cả những cái đó sao quen thuộc quá đối với Sâm! Trong gió đêm, Sâm có cảm giác như chúng đang thì thầm nói với Sâm những lời từ biệt. Sâm đứng tựa lưng vào cột, lim dim mắt lại, những kỷ niệm lần lượt lướt qua đầu Sâm. Sâm ngạc nhiên thấy những ngày vất vả nhứt mà Sâm đã trải qua trong công tác của mình, những chuyện va chạm, đấu tranh đôi khi gay gắt giữa Sâm và chiến sĩ, lúc này trở lại trong trí nhớ Sâm, cũng êm đềm như những kỷ niệm êm đềm khác. Thời gian như có sức mạnh gạt tròn những cạnh sắc của sự việc, và lúc sắp xa nhau, người ta cũng dễ dàng tha thứ cho nhau. Ở cái giảng đường kia, Sâm đã lên lớp bao lần cho

## HAI MUỖI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

đại đội? Sâm đã “gặp riêng” dưới mái hiên này bao nhiêu chiến sĩ có thắc mắc với lãnh đạo hay Sâm thấy cần phải giúp đỡ thêm? Ở đây, Sâm đã lớn dần lên trong công tác lãnh đạo và học tập quần chúng, Sâm đã ném đủ mọi nỗi khổ cực cũng như vui sướng của một người chính trị viên đơn vị trong hoàn cảnh hòa bình. Bất giác, Sâm nhớ lại những ngày đầu làm giáo án, Sâm lo đến mất ăn mất ngủ. Một bản giáo án, dài chỉ có hai trang, Sâm đã phải thức nhiều đêm và viết đi viết lại nhiều lần. Sâm chỉ được nói những điều đã viết ra giấy và đã được ban chỉ huy tiểu đoàn thông qua trước. Buổi lên lớp đầu tiên, cầm bản giáo án lèo tèo mấy dòng chữ trong tay, nhìn chiếc kim đồng hồ đứng im phăng phắc trước mặt, Sâm lúng túng không biết nói sao cho hết hai giờ quy định. Nỗi khổ tâm của Sâm là thế! Thế mà Lộc, một học sinh mới nhập ngũ sau hòa bình, còn tinh nghịch đứng lên vắn vẹo Sâm, làm Sâm càng lúng túng. Sâm không dám nói gì Lộc, cũng không dám nhìn thẳng anh em. Sâm đưa mắt liếc nhanh về phía người chính trị viên tiểu đoàn ngồi đằng cuối lớp, để cầu cứu. Anh chống tay lên cằm, đang lơ đãng nhìn ra sân như không có gì quan trọng xảy ra bên cạnh. Sâm đỏ bừng mặt, đành cho đại đội giải tán. Nhìn đồng hồ, mới hết hơn nửa tiếng! Anh em chiến sĩ ồn ào vác súng đứng dậy; Sâm còn nghe rõ tiếng Lộc cười nói bô bô trong đám đông: “Chính trị viên mới về mà đã thông cảm ngay với anh em! - Chính trị viên tương đối ưu điểm! - Chính trị viên hoan hô!”. Một chiến sĩ khác, láu lỉnh không kém, the thé cãi lại: “Sao lại chính trị viên hoan hô? - Hoan hô chính trị viên hoan hô chứ!”. Những chuỗi cười bật lên như những mũi kim đâm vào người Sâm. Sâm ù tai lên rồi. Sâm cúi gầm mặt, bước vội qua sân rộng, trở về buồng riêng, nằm vật xuống giường, úp mặt trên tờ giáo án. Sâm thấy chán nản quá. Sâm thấy giận mình lại giận cả Lộc. Người chính trị viên tiểu đoàn đã lại bên, an ủi, khuyến khích chính trị viên. Nhưng rồi chính trị viên vẫn ốm mất ba ngày sau buổi lên lớp ghê gớm ấy... Nhưng đến bây giờ, chính trị viên đã thấy mình vững vàng hơn. chính trị viên đã biết tự nghiên cứu tài liệu, thích đọc thêm sách báo, cả

## HUỶNH ÁI TÔNG

những cuốn truyện dài mà trước kia chính trị viên rất ngại, với sự gợi ý của tiểu đoàn, chính trị viên đã chuẩn bị được bài giảng tương đối tốt; khi Sâm lên lớp, đại đội đã chăm chú nghe Sâm, ngay cả Lộc cũng không còn đùa nghịch mấy như trước nữa. Sâm có cảm giác đơn vị đã giúp Sâm rất nhiều. Sâm đang có nhiều điều kiện để tiến bộ và làm cho đơn vị tiến bộ hơn thì Sâm lại sắp phải rời đi nơi khác mất rồi!

Sâm nhắc lại kỷ niệm ấy và nói thực ý nghĩ của mình với đại đội, giữa buổi tiệc trà liên hoan hồi chap tối. Cuối cùng Sâm gọi Lộc lại gần, nắm tay Lộc bảo: “Tôi nhắc lại chuyện cũ, không có ý trách gì đồng chí; mục đích là để nói rằng trong thời gian qua, đơn vị ta trong đó có bản thân tôi, đã phải trải qua những ngày gian khổ sóng gió, nhưng chúng ta đã biết thương yêu nhau và giúp nhau cùng tiến bộ. Có những chuyện như thế, chúng ta mới thông cảm và mới nhớ nhau lâu, phải không đồng chí?”. Lộc ngượng ngịu đứng im bên Sâm không nói. Lộc đã quên từ lâu câu chuyện ấy rồi. Lộc còn trẻ, đang hăng, chỉ biết nhìn về phía trước. Rất có thể Lộc đã nói những câu tình nghịch như thế, không sai. Ô! Những câu như thế, trước kia Lộc nói hàng ngày, bây giờ thỉnh thoảng quen miệng Lộc vẫn còn nói, nhớ làm sao cho hết được! Lộc không ngờ một câu nói làm phiền lòng người chính trị viên đáng mến kia đến thế! Sâm như nhìn thấy những điều Lộc đang suy nghĩ, nắm chặt hơn bàn tay của Lộc, rồi Sâm quay lại nói với đại đội: “Mai tôi đi chắc ngày một ngày hai trên sẽ điều một đồng chí chính trị viên khác về thay. Lúc đầu trong công tác không khỏi có nhiều trở ngại như tôi trước đây. Nhưng tôi chắc các đồng chí sẽ tích cực giúp đồng chí đó làm việc cũng như đã tích cực giúp tôi, phải không các đồng chí?”. Anh em đang im lặng, đã lại nhao nhao lên: “Đồng ý! Đồng ý với chính trị viên quá đi chứ lại!”, rồi phá lên cười như lúc trước. Trong đời sống bộ đội, có cái này là đặc biệt: cảm động thì thật cảm động đấy, nhưng không bao giờ có thể “lâm li” được lâu, người ta dễ cười, dễ vui hơn. Kể cả những lúc người ta chia tay nhau như

## HAI MUỖI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

lúc này, nội dung là buồn buồn đấy, nhưng người ta vẫn cười lên như sấm. Sâm giơ tay ra hiệu bảo im rồi kéo Lộc ra phía trước, Sâm nói: “Bây giờ đề nghị đồng chí Lộc hát một bài thật vui cho anh em nghe nào, các đồng chí có đồng ý thế không?” - “Đồng ý! Đồng ý cả chính trị viên sẽ hát nữa đấy!”. Một chiến sĩ đang cầm chiếc đàn băng-giô chạy đến ấn vào tay Lộc: “Lộc hát ngay đi! Hát lên để tiễn chính trị viên đi cho vui về!”. Con chim sơn ca của đại đội bỗng tươi tỉnh hẳn lên, bật mấy tiếng đàn lấy giọng rồi cất tiếng hát, nhưng Lộc không hát một bài vui mà hát một bài trầm trầm, lời ca buồn man mác. Lộc cố làm ra một vẻ mặt u buồn cho hợp với điệu bài hát nhưng trông Lộc vẫn láu lỉnh tinh nghịch thế nào! Lộc chưa hát xong thì đã có tiếng kêu xì xào ở bên: “Tối nay nó hát thế nào ấy, chẳng ra buồn cũng chẳng ra vui!”. Sâm mỉm cười, vội đưa mắt về phía đó. Sâm hiểu Lộc đang cảm động thực, nhưng các biểu hiện tình cảm buồn của Lộc chỉ được đến thế, không phải vì trình độ nghệ thuật của Lộc kém mà chính vì bản chất Lộc chỉ quen vui.

Lộc hát xong, tiếng vỗ tay vừa dứt thì hai anh nuôi khệ nệ bung vào hai thúng to, phủ kín lá chuối, miệng kêu rối rít: “Xê ra! Xê ra chứ! Mở đường cho chất tươi vào nào!”. Anh em cứ xô lại định lật lá chuối, xem cái gì mà bí mật thế. Tiếng anh nuôi kêu cứu: “Bảo cáo ban chỉ huy cho giữ trật tự!”. Một tiếng khác cãi lại luôn: “Cái ông già Tôn ấy đến là lắm cảm! Trật tự mà lại vui được thì lạ quá! Xin hỏi: Có ai cười được trật tự không hả?”. Già Tôn ức quá đứng dừng ngay lại, tay vẫn ôm chặt chiếc thúng vào người, quắc mắt nói: “Á, à! Lại tiếng thằng Lộc phải không? Hi, hi, tí nữa đừng có mà ăn nhé!”. Anh em lại phá lên cười như nắc nẻ. Thì ra Lộc đã vớt đàn bên Sâm, nhảy vào đám đông đang vây quanh anh nuôi lúc nào không biết. Sâm cố tìm Lộc trong đám đông mà không thấy. Lộc đã lần đi chỗ nào rồi, nhanh thế! Sâm chợt nghĩ giá trong đơn vị không có những chiến sĩ tinh nghịch như Lộc thì cuộc sống cũng giảm mất một phần tươi vui không ít. Người cán bộ có khó khăn hơn trong lãnh đạo thật, nhưng không thể vì thế mà

## HUỶNH ÁI TÔNG

làm mất cái hồn nhiên trong đời sống tình cảm của chiến sĩ. Nhưng rồi già Tôn cũng bê được cái thúng của mình nguyên vẹn đến chỗ Sâm đứng. Già Tôn đặt thúng lên bàn, mở những tàu lá chuối xanh đây trên, từ từ, từng cái một. Mấy người đã đứng lên ghé, ghéch cổ ngó xem: “Cái gì thế? Mở mau lên, sốt ruột quá!”. Rồi một tiếng hét to: “Chè con ong! Á à! Chè con ong chúng mày ạ! Biết ngay mà!”. Già Tôn cầm hai gói tương, giơ lên ngang đầu, cười hì hì, nói: “Ờ, ờ, chè con ong đây! Hoan hô đi!”. Có tiếng hỏi lại: “Hoan hô cái gì, nói cụ thể đi! Con ong hay anh nuôi?”. Già Tôn vẫn bình tĩnh: “Hoan hô cả hai mới được ăn!”. Lập tức, những tiếng: “Hoan hô cả hai! Hoan hô cả hai!” rầm rầm vang lên, xen lẫn những tiếng cười ròn rã. Già Tôn mặc kệ cái bọn tinh quái ấy “cứ giỏi thì kêu mãi đi”, quay lại trịnh trọng nói với Sâm: “Ngày mai chính trị viên lên đường. Anh nuôi chúng tôi biết tính đồng chí thích ăn chè con ong nên đã đề nghị đại đội trích một số tiền tặng gia để nấu một bữa chè con ong tiễn đưa đồng chí...”.

- “Anh em im lặng! Im! Để nghe già Tôn diễn văn gì cái nào!”

Già Tôn thấy đỡ ồn ào, liền quay mặt lại phía anh em, nói to hơn: “Bữa nay liên hoan tiễn chính trị viên, anh nuôi nấu một bữa chè thật đặc biệt, xin báo cáo với toàn thể các đồng chí trong đại đội. Đặc điểm thứ nhất thuộc về chất lượng: Ngọt sắc. Đặc điểm thứ hai, quan trọng không kém, thuộc về số lượng: Rất nhiều; đại đội có thể “hưởng tùy theo nhu cầu”. Khoan! Khoan đã, để tôi giới thiệu nốt, hãy vỗ tay một thể... Đặc điểm thứ ba thuộc về chi tiết: chè tối nay ăn sẽ dính răng khó cười và... sẽ dính tay ngày mai khó bắn bia đấy!... Khoan, khoan còn nữa! Chè này còn có ý nghĩa tình cảm đối với người đi và cả đối với người ở nữa. Con ong bay đi kiếm mật lại nhớ tổ bay về. Chính trị viên ăn chè này thì dù có đi xa đến đâu, dù có đi lâu đến bao giờ, chắc cũng không thể quên đại đội chúng ta, chắc cũng sẽ có ngày quay về tổ ấm, phải không các đồng chí?”.

## HAI MUỠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

- “Ồi giờ ơi! Già Tôn tôi nay văn nghệ quá! Hoan hô già Tôn! Thảo nào còn có người chết vì già Tôn chúng mày ạ!”.

Già Tôn hát hát tay mấy cái, lảm bảm: “Được! Được! Cứ việc hét đi, cứ việc nói láo đi!” , rồi bước lại gần Sâm đưa hai gói chè cho Sâm: “Đồng chí ăn ngay cho hết gói bé này đi, chè đang mềm, ngon lắm! Còn gói to này, giữ lấy để mai mang theo đi đường mà ăn, cho được mạnh chân khỏe tay!”.

Sâm đỡ lấy hai gói chè trên tay già Tôn và cầm luôn lấy hai bàn tay nổi gân nhưng còn chắc ấy. Sâm muốn nói nhiều với già Tôn nhưng cảm động chưa biết nói sao. Sâm đã sống cùng đơn vị với già Tôn từ lâu lắm. Hồi đó còn đang kháng chiến, hồi đó Sâm còn là một cán bộ tiểu đội. Già Tôn vẫn chuyên làm cấp dưỡng từ đó đến nay, nuôi đơn vị lớn lên, nuôi Sâm lớn lên. Già Tôn chỉ còn trội một mình trên đời, vợ con Tây đã giết hết. Già Tôn sống nương vào gia đình bộ đội, bỗng dưng lại có con đàn con đúm, tuổi già lại vất vả hơn. Món chè con ong của già Tôn nổi tiếng trong nhiều trận thắng Tây ở địch hậu đồng bằng, Sâm đã được ăn bao nhiêu lần món chè con ong ấy... Bỗng Sâm kéo già Tôn lại sát người Sâm, ghé đầu xuống nói thật sỗ, thật nhanh vào tai già Tôn: “Con xin nhớ lời bố dặn. Bố cứ yên tâm. Con sẽ viết thư về cho bố luôn!”. Già Tôn níu lấy vai áo Sâm, run run nói: “Nay mai thi hành nghĩa vụ quân sự, chắc bố không còn ở đây nữa đâu. Bố phải nhường cho bọn trẻ chứ. Nhưng con đừng lo, bố bao giờ cũng là bộ đội. Bố về đâu, bố cũng có thể làm ăn được. Chùng nào thành cơ sở tương đối, bố thư cho, nhớ về, bố kiếm vợ cho con”. Sâm gật gật đầu như một đứa con ngoan. Trong khi đó, anh nuôi đang tít tít chia chè cho đại đội. Không ai biết câu chuyện nhận bố con giữa già Tôn và Sâm vừa xảy ra bất ngờ giữa buổi liên hoan ồn ào ấy. Ngay cả đến Sâm và già Tôn cũng thế, không ai nghĩ đến chuyện ấy trước đây mấy phút. Cái ân sâu nghĩa cũ của hai người bạn chiến đấu, một già một trẻ, sống chết bên nhau gần chục năm trời, bỗng chốc đã trở thành tình bố con, rất

## HUỶNH ÁI TÔNG

tự nhiên thấm thía. Già Tôn bỏ tay Sâm ra, đi vội vào một góc tối. Nhưng Sâm đã nhìn thấy hai dòng nước mắt long lanh dưới ánh đèn, trên khuôn mặt đã răn và ám khói. Sâm thấy nghẹn ở cổ nhưng Sâm đã trấn tĩnh ngay lại được. Anh em đã có mỗi người một gói chè cầm tay. Sâm cũng giơ cao gói chè của mình lên ngang mặt, bóc lá chuối rồi cười to, nói: “Nào chúng ta cùng nâng... chè chúc đại đội ta mỗi ngày một thêm tiền bộ!”. Sâm nói xong, cầm một miếng chè ăn. Có lẽ chè ngọt lắm nhưng lúc đó riêng Sâm không thấy nó ngọt bao nhiêu. Anh em vừa ăn vừa hô: “Chúc thủ trưởng lên đường mạnh khỏe! - Chúc thủ trưởng lãnh đạo đơn vị mới thành công!”. Rồi bỗng có một giọng khàn khàn và kéo dài từ đằng cuối vang lên: “Đồng chí mai đi rồi, chúng tôi nhớ đồng chí lắm. Nhưng cũng là đi trong đại gia đình bộ đội ta cả mà thôi! Chắc đêm mai đơn vị bạn lại có một cuộc liên hoan đón tiếp đồng chí vui vẻ như thế này. Chỉ mong đồng chí gửi thư luôn về cho chúng tôi!” - “Hoan hô cóc mở miệng, Trương khàn hôm nay nói được đấy!” - “À, còn thằng Lộc đâu, từ nãy không thấy nó lên tiếng?”.

Sâm đã lách vào giữa đám đông. Sâm cười luôn miệng, nhìn mọi người ngồi xung quanh như muốn không bao giờ quên những nét mặt thân yêu ấy. Không khí thật là chân thành và cởi mở. Sâm đề nghị anh em cho Sâm được nói mấy lời cuối cùng trước khi giải tán. Sâm muốn nói lên những tình cảm đang sôi nổi chưa chan trong lòng mình. Tất cả yên lặng chờ đợi. Đến lúc ấy, Sâm lại bối rối không biết nên bắt đầu thế nào, y như buổi lên lớp đầu tiên của Sâm ở cái giảng đường này. Mãi sau Sâm mới nói được: “Tôi rất cảm động và tôi rất cảm ơn tất cả các đồng chí. Tôi xin hứa với các đồng chí sang đơn vị mới, tôi sẽ hết sức cố gắng làm việc tốt và... tôi xin chúc ban chỉ huy và tất cả các đồng chí ở lại được luôn mạnh khỏe, học tập đạt được nhiều kết quả... à quên, tôi xin hứa thêm sẽ gửi thư luôn về cho các đồng chí như các đồng chí đã dặn. Xin hết!”.

Có mấy câu thông thường ấy, Sâm cảm động nói mãi mới xong



## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

và cứ tưởng mình đã nói những gì đặc biệt lắm. Nhưng những chiến sĩ rất thông cảm với người chính trị viên của mình, đã chạy lại xúm quanh Sâm. Sâm vui vẻ bắt tay từng người. Tiếng hát “Đoàn kết” quen thuộc đã vang lên, đợt này qua đợt khác, như không bao giờ tắt...

Trăng đã úa sau rặng tre thưa. Bóng nhà đã đổ dài trên sân rộng và mỗi lúc một dài thêm. Gió khuya, từng cơn nhẹ và mau hơn. Sâm đã bắt đầu thấy người mệt mỏi, hai mắt cay cay. Đêm chắc đã khá khuya. Tiếng gà gáy trong xóm vừa vẳng lại. Sâm bước vào màn. Những đóm trắng đã mất trên đỉnh màn như con mọt dưới lưng đã nghiêng gổ ken kết từ lúc nào. Sâm đang thiu thiu ngủ, bỗng thấy một bàn tay đặt nhẹ lên người. Trong bóng tối, Sâm nghe rõ tiếng thở hổn hển của người ấy. Nhưng Sâm vẫn nằm im xem sao. Bàn tay đó lần dần đến cánh tay rồi đến bàn tay Sâm, và nắm chặt lấy. Bỗng Sâm thấy bàn tay mình nóng lên những giọt nước mắt to và nặng. Những giọt nước mắt vừa nóng lên, đã mát lạnh đi nhiều quá Sâm không nén nổi nữa, nắm lấy những ngón tay run run ấy. Sâm giật mình, thấy những ngón tay đầy đặn và mịn màng quá! “A ra cậu ấy!”. Sâm nghĩ thầm thế; Sâm cũng không ngờ, Sâm sung sướng quá, Sâm càng nắm chặt lấy những ngón tay. Rồi Sâm mỉm cười khẽ bảo: “Lộc! Tội thế, Lộc! Bộ đội đâu lại khóc, phụ nữ nó cười cho đấy!” Sâm định ngồi dậy, nhưng bàn tay kia đã vội rút ra, giữ người Sâm lại: “Đâu? Lộc có khóc gì đâu? Lộc đi tuần, rẽ vào xem đồng chí ngủ chưa, thế thôi, Lộc lại đi đây!” Sâm đưa bàn tay lên định sờ vào cái đầu đen đen đang lấp lo trong màn Sâm. Bàn tay Sâm quờ vào đầu khẩu súng trường và chiếc mũ lưỡi của Lộc. Sâm chỉ kịp nói: “Lộc cô gắng nhé!” thì Lộc đã đứng vùng dậy, chạy vụt ra sân. Sâm cất đầu nhìn theo và lắng tai theo dõi tiếng giầy Lộc đi cho đến lúc mất hẳn trong đêm khuya, Sâm mới nằm xuống. Sâm áp má vào chiếc ba lô đã xếp căng quần áo. Bỗng từ từ những giọt nước mắt lăn trên gò má Sâm. Sâm cắn môi lại, cố mở to mắt nhìn vào khoảng tối. Không được rồi, những giọt nước mắt vẫn

## HUỶNH ÁI TÔNG

cứ lẫn ra nhiều hơn, mau hơn. Sâm nhắm mắt lại, mặt cho nước mắt giàn giụa trên má, trên ba lô Sâm. Cứ thế Sâm mệt thiếp đi và mơ thấy con đường ngày mai Sâm sẽ đi, con đường dài và quanh co, vắt qua những đồi sim tím ngắt để đổ xuống một bên sông đỏ nặng phù sa...

(Nguồn: Văn Nghệ QuânĐội, số 10 - tháng 10 năm 1957)

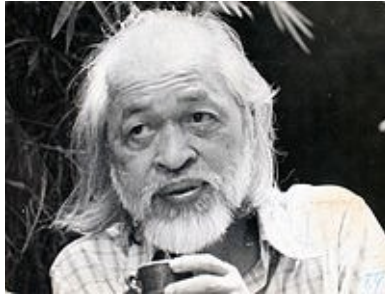
*Từ Bích Hoàng là nhà báo, nhà văn, về nhà báo ông đã góp tay vào sự nghiệp của mình với bài viết góp tay vào sự trù dập nhóm Nhân Văn Giai Phẩm, về sự nghiệp văn chương, ông không có nhiều tác phẩm, văn ông chắc đủ sức mạnh cổ vũ cho thanh niên tham gia bộ đội, để “trung” với Đảng, đó cũng là mục đích của Cộng sản để nắm quyền cai trị nhân dân.*

Tài liệu tham khảo:

- Từ Bích Hoàng Web: sachxua.net
- Từ Bích Hoàng Blog: talawas

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

### 19) Hoàng Trung Thông



#### Hoàng Trung Thông (1925-1993)

Nhà thơ Hoàng Trung Thông sinh ngày 5 tháng 5 năm 1925 tại xã Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, ông còn có những bút danh khác như Đặc Công, Bút Châm.

Thuở nhỏ ông theo học chữ Hán và được coi như một thần đồng nổi tiếng khắp vùng. Đến năm 12 tuổi, ông theo học trường Quốc Học Vinh, một trong những trường danh giá thời bấy giờ.

Ông giỏi 3 ngoại ngữ: Tiếng Trung, Tiếng Pháp, Tiếng Anh và đã dịch rất nhiều tác phẩm thơ cũng như văn xuôi nổi tiếng trên thế giới.

Ông là một thi sĩ giàu lòng yêu nước và sớm tham gia cách mạng từ trước 1945 trong phong trào Việt Minh. Trong Kháng chiến chống Pháp, ông cùng Hải Triều, Lưu Trọng Lư, Chế Lan Viên lãnh đạo Hội văn Nghệ khu IV. Là tỉnh ủy viên tỉnh Nghệ An,

Là hội viên Hội Nhà văn Việt Nam, ủy viên Tiểu ban Văn nghệ Trung ương; thư ký tòa soạn tạp chí *Văn nghệ* thuộc Hội Văn nghệ Việt Nam; tổng biên tập báo *Văn nghệ*, báo *Tác phẩm mới* của Hội Nhà văn Việt Nam; Giám đốc Nhà xuất bản Văn học, Vụ trưởng Vụ Văn nghệ thuộc Ban Tuyên huấn Trung

## HUỖNH ÁI TÔNG

ương. Với Nhân Văn – Giai Phẩm, ông viết bài, bút danh Hồng Vân, *Lê-nin-nít hay Tô-rút-skít? Con đường phản cách mạng của Nguyễn Hữu Đàng* được giao nhiệm vụ tổ chức cho Nhóm Nhân Văn – Giai Phẩm đi “lao động cải tạo” ở làng Thái Thủy, huyện Vũ Ninh, tỉnh Thái Bình, trong đó có Hoàng Cầm, Phùng Quán ...

Từ năm 1976-1985, là Viện trưởng Viện Văn học .

Hoàng Trung Thông mất ngày 04 tháng 01 năm 1993 do bệnh phổi và gan tại Hà Nội, thọ 68 tuổi.

Tác phẩm:

- *Quê hương chiến đấu* (1955)
- *Đường chúng ta đi* (1960)
- *Chặng đường mới của văn học chúng ta* (1961)
- *Những cánh buồm* (1964)
- *Đầu sóng* (1968)
- *Trong gió lửa* (1971)
- *Như đi trong mơ* (1977)
- *Cuộc sống thơ và thơ cuộc sống* (1979)
- *Chiến công tuổi thơ* (1983)
- *Hương mùa thơ* (1984)
- *Tiếng thơ không dứt* (1989)
- *Mời trăng* (1992)
- *Tuyển tập Thơ Hoàng Trung Thông (Văn học, 1994)*
- *Những người thân những người bạn* (2008)

Trích văn:

### **Con đường phản cách mạng của Nguyễn Hữu Đàng** *Hồng Vân*

#### **Từ bất mãn đến phản bội**

Giới văn nghệ biết đến Nguyễn Hữu Đàng không phải vì những tài năng nghệ thuật, những công trình sáng tạo của hần, mà vì hần đã khéo len lỏi vào trong hàng ngũ những người văn

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

nghệ bằng cái khiếu kinh doanh tổ chức. Hấn vốn không phải là văn nghệ, cũng chẳng phải là một tay trí thức gì. Nhưng vì xưa kia có làm "truyền bá Quốc ngữ" nên khi cách mạng thành công thì hấn nghiệm nhiên trở thành một người "vận động văn hoá", rồi cứ thế mà chơi bởi quen biết một số anh chị em văn nghệ sĩ.

Hấn là con một tên chánh tổng ở Thái Bình. Chính gia đình địa chủ cường hào này đã rèn luyện cho hấn từ lâu cái đầu óc thích "ăn trên ngồi trốc", thích địa vị với nhiều thủ đoạn nham hiểm và tàn nhẫn. Lớn lên, học được ít nhiều hấn chạy chọt thi vào làm thư ký Phủ Toàn quyền. Được ít lâu, hấn xin thôi và sống một cuộc đời lang bạt. Lúc này chính là lúc phong trào Mặt trận Bình dân đang phát triển mạnh, là một thanh niên nhanh nhẹn hoạt bát, hấn được phong trào tìm đến. Cũng có khi làm phát hành sách báo, cũng có lúc hấn được phân công viết dăm ba bài. Trong chiến tranh thế giới thứ hai, đế quốc lỏng lẻo khủng bố, toàn bộ Đảng ta rút vào bí mật. Không những các cán bộ, đảng viên, mà cả những đoàn viên thanh niên dân chủ cũng bị lùng bắt. Nguyễn Hữu Đang vẫn hoạt động công khai trong phong trào truyền bá Quốc ngữ. Lúc bấy giờ cụ Nguyễn Văn Tố làm hội trưởng Hội đó và được Đảng hết sức ủng hộ. Nhưng Nguyễn Hữu Đang lại vận động anh em đánh đổ cụ Tố xuống để Đảng làm hội trưởng. Công việc của Đảng thất bại. Vì Đảng vẫn ủng hộ cụ Tố. Đến khi bọn mật thám chú ý phong trào truyền bá Quốc ngữ, Đảng bỏ nhiệm vụ và tìm cách lẩn trốn. Ngay trong giai đoạn này, bên ngoài Đảng làm ra vẻ hăng hái, nhưng rất kín đáo, Đảng cũng muốn phát trên trường "chợ đen" và cũng đã nhiều lần lẩn lộn ở các sòng bạc trên những chiếc thuyền bên kia Gia Quất.

Mãi đến năm 1942 khi phong trào Việt Minh lên cao Nguyễn Hữu Đang mới được liên lạc lại và tham gia Văn hóa Cứu quốc. Chính trong thời kỳ này, khi phân công Nguyễn Hữu Đang đi vận động nhóm Hàn Thuyên thì hấn trở về mang theo cái chủ trương "cần dựa vào Nhật" của bè lũ tờ-rốt-skít. Cách

## HUỶNH ÁI TÔNG

mạng tháng Tám thành công, Nguyễn Hữu Đang được đề cử nhận một trách nhiệm trong Chính phủ.

Nhưng vì đầu óc địa vị quá nặng, Đang đã tỏ ra bất mãn vì thấy chức vị mình chưa được cử dứt khoát. Sau đó Nguyễn Hữu Đang lại được điều động sang công tác trong Văn hóa Cứu quốc. Vì Đang chưa có uy tín gì trong địa hạt văn nghệ nên không thể để Đang làm Tổng thư ký được. Đang lại kèn cựa với các đồng chí Nguyễn Đình Thi và Nguyễn Huy Tưởng. Ngay từ 1945 Nguyễn Hữu Đang đã câu kết với tên Trần Thiều Bảo là chủ nhà xuất bản Minh Đức. Đang vận động anh em để Trần Thiều Bảo về phụ trách nhà xuất bản của Văn hóa Cứu quốc. Nhưng, một nhà xuất bản của một đoàn thể cách mạng không thể để lọt vào tay một tên tư bản cơ hội như tên Trần Thiều Bảo, các anh em kiên quyết không tán thành đề nghị của Nguyễn Hữu Đang. Bất mãn với đoàn thể Văn hóa Cứu quốc và nhân cơ hội Đảng chủ trương mở Đại hội Văn hóa Toàn quốc, Nguyễn Hữu Đang xin ra lập ban vận động Đại hội Văn hóa Toàn quốc. Hội đầu cách mạng, công việc của Đảng và chính phủ rất bận. Tình hình lúc đó lại gặp nhiều khó khăn đối với bọn quân Quốc dân Đảng Tưởng Giới Thạch sang tước vũ khí quân đội Nhật Bản và bọn Quốc dân Đảng Nguyễn Tường Tam, bọn Cách mạng Đồng minh Hội Nguyễn Hải Thần và bè lũ của chúng âm mưu phá hoại chế độ ta. Lợi dụng lúc khó khăn đó không ai kiểm tra đôn đốc, Nguyễn Hữu Đang tự động làm mọi việc không thảo luận gì với các anh em, không xin chỉ thị của Đảng. Nguyễn Hữu Đang liên hệ với người này người khác, không cần biết người đó là ai? Thái độ chính trị ra sao? Công việc đương tiến hành thì kháng chiến bùng nổ. Nguyễn Hữu Đang không nhìn thấy hoàn cảnh khó khăn của kháng chiến mà chỉ nghĩ đến thích thú cá nhân của mình; làm cái gì cũng muốn làm to, khoa trương, hình thức. Đang tổ chức thanh niên xung phong rất quy mô và tiêu tốn rất nhiều tiền. Đầu óc lãnh tụ nổi lên, Đang muốn làm thủ lĩnh thanh niên và ý định đào tạo một lớp thanh niên với danh nghĩa: Thanh niên Nguyễn Hữu Đang (!).

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Chủ trương của Đảng không sát với hoàn cảnh thực tế rất khó khăn của kháng chiến, và cách tung tiền của Nguyễn Hữu Đang theo kiểu "xấn tay áo xô đốt nhà táng giấy" không quỹ nào cung cấp cho đủ. Tổ chức Thanh niên Xung phong của Đảng phải giải tán, Nguyễn Hữu Đang lại được Đảng điều động về làm thanh tra Bình dân Học vụ. Về đây chẳng bao lâu, đầu óc địa vị lại trở dậy, Nguyễn Hữu Đang lại kèn cựa, công kích đồng chí Vương Kiêm Toàn là giám đốc Nha Bình dân Học vụ, một người rất cần cù bền bỉ, một người đã có công rất nhiều từ phong trào truyền bá Quốc ngữ. Nguyễn Hữu Đang lại vận động anh em hòng lật đổ đồng chí Vương Kiêm Toàn. Nhưng anh em rất sáng suốt, Nguyễn Hữu Đang một lần nữa lại thất bại. Con đường cách mạng không phải như một cái thang để cho những kẻ đầu cơ như Nguyễn Hữu Đang trèo lên làm vương làm tướng, cũng không phải như một canh bạc đỏ đen như những canh xúc đĩa Đảng đã từng lăn lộn trên những chiếc thuyền trên sông Hồng bên kia Gia Quất. Con đường cách mạng lại cũng không phải những món hàng chợ đen mà Nguyễn Hữu Đang đã lăn lộn trước đây từ Hà Nội đến Sài Gòn hòng mong đầy túi. Đảng tham gia phong trào đã lâu nhưng vì đầu óc vô chính phủ và tư tưởng cơ hội nặng nề như vậy nên mãi đến năm 1947 mới được kết nạp vào Đảng. Nhưng rồi công không thành, danh không toại Đảng sinh ra chán nản. Cơ quan Bình dân Học vụ dọn lên Việt Bắc, Đảng ở lại Thanh Hóa và làm "quân sự" cho nhà xuất bản Minh Đức. Trong những năm cuối cùng của cuộc kháng chiến anh dũng của dân tộc, mọi người đều cố gắng đem khả năng của mình ra để cống hiến cho sự nghiệp quang vinh của tổ quốc thì Nguyễn Hữu Đang, vì bất mãn cá nhân, đã nằm bẹp, không hoạt động gì cho cách mạng, bám vào nhà xuất bản Minh Đức để chia lời với một cái tên cũng khá kêu là "giám đốc chính trị". Từ ngày đó Nguyễn Hữu Đang đã tự ý bỏ cơ quan và cũng từ ngày đó Đảng đã xa rời hàng ngũ của Đảng. Khoảng năm 1951 thì Đảng cắt đứt sinh hoạt của Đảng. Từ đó, khi Cầu Bó khi Hậu Hiền, Đảng luôn luôn chửi Đảng chửi cách mạng. Phẩm chất cách mạng của Nguyễn Hữu Đang đã mất. Đảng đã trốn trách nhiệm với

## HUỖNH ÁI TÔNG

cơ quan, Đàng đã bỏ quyền lợi của Đàng, của Tổ quốc để đi làm cái việc chia lãi với tên Trần Thiếu Bảo, một tên tư bản cơ hội, bản thủ.

Đã nhiều lần Đàng muốn cứu vớt Nguyễn Hữu Đàng, cho Đàng đi tham dự các lớp học chính trị của Đàng nhưng Đàng tìm hết cách nọ cách kia chối từ sự giáo dục của Đàng.

Hòa bình được lập lại, một số các anh em vốn muốn cứu vớt Nguyễn Hữu Đàng, đưa Đàng về làm báo *Văn nghệ*, mong Đàng hồi cải trở lại công tác cách mạng. Nhưng cái đầu óc lãnh tụ của Đàng quá nặng, tư tưởng chống Đàng đã có từ lâu, chứng nào vẫn tật ấy Nguyễn Hữu Đàng câu kết với những phần tử xấu và mưu đồ lật đổ sự lãnh đạo của Đàng trong văn nghệ. Lợi dụng lớp nghiên cứu tài liệu của Hội Văn nghệ mở cho các anh chị em văn nghệ sĩ học tập, hồi cuối năm 1956, Nguyễn Hữu Đàng cùng với những phần tử phản động và bất mãn như Phan Khôi, Thụy An, Trần Dần, Lê Đạt, Sĩ Ngọc, Trần Duy, Hoàng Cầm v.v. khoét sâu vào những khuyết điểm của một số anh em lãnh đạo trong văn nghệ, lung lạc những anh em văn nghệ sĩ lập trường còn bấp bênh, hòng tranh thủ quần chúng văn nghệ sĩ về mình để đối lập với sự lãnh đạo của Đàng. Sau đó Nguyễn Hữu Đàng đi vận động một vài nhà tư sản lạc hậu bỏ tiền ra tờ báo *Nhân văn*. Để che lấp hành vi bỉ ổi của mình, Nguyễn Hữu Đàng giở trò bịp bợm cho đăng lên báo tên các anh em văn nghệ sĩ đóng góp người năm nghìn, người một vài vạn để lừa dối nhân dân, tỏ ra nhóm *Nhân văn* là những người trong sạch, vì "trái tim", vì "con người", anh em phải gom góp nhau lấy tiền ra báo. Cố nhiên danh sách quyền tiền đó là bịa đặt. Như Hoàng Cầm góp 1 vạn, đăng là 10 vạn. Nhiều văn nghệ sĩ không góp đồng nào cũng thấy bị đăng tên mình vào danh sách.

Nguyễn Hữu Đàng đưa Phan Khôi và Trần Duy công khai ra làm chủ nhiệm và thư ký tòa soạn còn hấn thì tích cực hoạt động bên trong, liên lạc với nhóm này, người khác để "lấy



## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

quần chúng" về mình. Âm mưu của Nguyễn Hữu Đang là tìm những người nào có điều gì bất mãn với Đảng và chính phủ để lung lạc tinh thần trước đã rồi sau cho người vào gây nhân ở các cơ sở như các trường học, chủ yếu là trường đại học, các cơ quan văn nghệ và các cơ quan của Chính phủ.

Một mặt trên tờ báo *Nhân văn* tung ra những luận điệu rất có hại cho chế độ độ lung lạc tinh thần nhân dân, một mặt Nguyễn Hữu Đang cũng tích cực đi gây cơ sở, hòng có dịp phát cò. Thấy những hoạt động của Nguyễn Hữu Đang gây nhiều tai hại cho sự nghiệp cách mạng, các đồng chí lãnh tụ của Đảng đã gọi Đang đến khuyên giải, nói cho hắn biết những sai lầm nguy hại của hắn. Đang không nhìn thấy sự ân cần và đại lượng của Đảng. Hắn cho là đã có cơ hội tấn công vào Đảng, hắn càng chiêu binh mãi mã, làm tích cực hơn, ráo riết hơn, càng ra mặt khiêu khích trắng trợn hơn, đi hắn vào con đường chống Đảng, chống chế độ, thực sự phản bội Tổ quốc, phản bội nhân dân.

### **Nấp sau chiêu bài "trăm hoa đua nở"**

Về làm ở báo *Văn nghệ* không phải là ý nguyện tha thiết của Nguyễn Hữu Đang vì hắn không có khả năng sáng tác mà cũng chẳng hiểu gì về nghệ thuật. Ngay trong thời kỳ đầu, hắn có viết một số bài phê bình hội họa, treo tên hắn lên rất cao, nhưng rồi cũng chẳng mấy người chú ý. Tuy vậy hắn đã bắt đầu gieo rắc vào trong tòa soạn báo *Văn nghệ* lúc bấy giờ lối làm báo tư sản với các mục "Chữ với nghĩa", "Cũ và mới", với cách trình bày hình thức, cốt kê gọi sự tò mò của quần chúng hơn là thực chất nội dung của bài viết. Lúc này, trước những lời phê bình của lãnh đạo và của quần chúng về những bài viết của hắn trên báo *Văn nghệ*, Nguyễn Hữu Đang thường tỏ ra bất mãn, oán trách, và cùng với Lê Đạt hắn tìm cách đả kích và hạ uy tín của một số nhà văn phụ trách tờ báo kiên quyết bảo vệ đường lối văn nghệ của Đảng.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Cho đến lớp học 18 ngày, từ một tên viết lách tầm thường, hấn nhảy ra như một tên trùm khiêu khích. Trong tổ 2 lúc đó, hấn ngang nhiên phủ nhận văn nghệ kháng chiến mà hấn chẳng có một chút đóng góp gì, mạt sát sự lãnh đạo của Đảng, gọi bài phát biểu của đồng chí Lục Định Nhất về "trăm hoa đua nở, trăm nhà đua tiếng" là có "tính chất chiến thuật", cho bài "Tổ chức Đảng và văn học Đảng" của Lê-nin là lỗi thời. Nhưng đến khi cần chống Đảng thì hấn lại nấp sau cái chiêu bài "Trăm hoa đua nở" và những ý kiến của Lê-nin. Hấn tụ tập xung quanh hấn những Phan Khôi, Thụy An, Ngọc Giao, Đoàn Phú Tứ, để cho bọn này công nhiên xỉ vả văn nghệ sĩ kháng chiến và chính bản thân hấn cũng tuyên bố là "phải làm một cuộc cải cách ruộng đất trong văn nghệ" nghĩa là phải đánh đổ lãnh đạo đi cho bọn chúng nắm lấy quyền lãnh đạo. Thế rồi như mưu mô đã sắp sẵn, lợi dụng cái "vết sẹo giá vờ" của Trần Dần, hấn khích động những thắc mắc nhất thời của một số văn nghệ sĩ, và làm một bản "tham luận" đầy một giọng khiêu khích hấn học. Với bản "tham luận" này, hấn đã xuyên tạc trắng trợn những sự thật về tình hình văn nghệ, bịa đặt ra những "vụ" giải thưởng văn học, "vụ" Trần Dần, vu không cái gọi là "bè phái lãnh đạo", "độc quyền văn nghệ". Tất cả những mưu mô của hấn chỉ nhằm đánh vào đường lối văn nghệ của Đảng, sự lãnh đạo văn nghệ của Đảng. Chính hấn đã viết: "Vi bất cứ phát hiện sự việc gì, hoặc tìm giải quyết vấn đề gì, tổ chúng tôi cũng thấy cái nút cuối cùng ở chỗ lãnh đạo". Và hấn viết thêm: "Cho tới nay trên thực tế, Đảng đã dùng văn nghệ một cách căn bản là sự vụ chủ nghĩa, căn bản là thực dụng chủ nghĩa, bó buộc về cả nội dung lẫn hình thức, không kể người sáng tác có cảm nghĩ sâu sắc hay không, bó buộc đến cả thời gian bao giờ cũng quá ngặt nghèo". Hấn gọi sự lãnh đạo của Đảng ta là "sự lãnh đạo cay nghiệt", hấn cho "đường lối của Đảng là gò bó, cần sửa đổi". Rõ ràng âm mưu đầu tiên của Nguyễn Hữu Đang và bè lũ là đánh mạnh vào đường lối và sự lãnh đạo của Đảng. Nhưng tiếng chó sủa không làm tắt được ánh trăng. Đường lối văn nghệ mà Đảng ta đề ra trong bao nhiêu năm nay hướng văn nghệ đi vào con đường rộng rãi phục vụ cách mạng, phục vụ

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

công nông binh dù có thực hiện thiếu sót, chưa đầy đủ, vẫn là đường lối duy nhất đúng. Ngoài đường lối văn nghệ phục vụ chính trị, phục vụ cách mạng, phục vụ công nông binh ra, chỉ còn là đường lối văn nghệ phục vụ bọn bóc lột, bọn ăn không ngồi rồi, bọn thù địch mà thôi. Giới văn nghệ Việt Nam không bao giờ lại nhắm mắt cho bọn Đảng đẩy vào đường lối đen tối đó.

Nguyễn Hữu Đang và bè lũ thường vu khống Đảng ta lãnh đạo văn nghệ theo "thực dụng chủ nghĩa". Nhưng thực dụng chủ nghĩa là gì? Đó là một triết học tối phản động của bọn tư bản Mỹ "sáng tạo" ra, trực tiếp phục vụ cho lợi ích tư bản chủ nghĩa thối nát của chúng. Theo triết học này thì con người có thể dùng bất kỳ phương pháp thủ đoạn gì để có thể đạt mục đích riêng của mình. Đó chính là triết học phản cách mạng để kiếm lãi của công ty Nguyễn Hữu Đang - Minh Đức, của bè lũ *Nhân văn*, đúng là "đường lối" của chúng, nghĩa là dùng mọi thủ đoạn kể cả gái, rượu, thuốc phiện để trục lợi, lưu manh hóa, phản động hóa văn nghệ sĩ. Còn đường lối của Đảng là đường lối cách mạng, yêu cầu những người văn nghệ quyết tâm lăn vào quần chúng, tự nâng cao mình, một lòng một dạ phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân loại, phục vụ quần chúng lao động; đường lối đó chứa chan lý tưởng cao quý, bọn *Nhân văn* làm sao hiểu được!

Sau bài "tham luận" đầy giọng khiêu khích tấn công độc ác vào sự lãnh đạo của Đảng, Nguyễn Hữu Đang liền viết thêm hai bài nữa có tính vạch đường lối. Một bài là "Từ Pơ-rô-lê-kun đến trăm hoa đua nở" đăng ba kỳ (145, 147, 148) vào tháng 11-1956 trên tuần báo *Văn nghệ* và một bài là "Phấn đấu cho trăm hoa đua nở" ký mạo tên Trần Duy đăng trên báo *Nhân văn*. Cũng trong những bài này một lần nữa Nguyễn Hữu Đang đã kích sự lãnh đạo của Đảng là hẹp hòi gò bó mà hấn ám chỉ là Pơ-rô-lê-kun, rồi hấn hò hét kêu gào "phóng tay trăm hoa đua nở" hiểu theo nghĩa hoàn toàn cơ hội, vô chính phủ của hấn.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Để vạch một đường lối văn nghệ hoàn toàn phản động, hẳn ném ra những lý luận sắc mùi duy tâm thần bí, phỉnh nịnh văn nghệ sĩ tự thân là tiến bộ, những nào là "họ mang trong người họ một cái khả năng tiến bộ đặc biệt giúp cho họ đi theo cách mạng", những nào là "do cái trí tuệ minh mẫn mà họ có thể tiếp thu kiến thức và khát vọng của đồng loại rồi tổng kết để cuối cùng đem phổ biến. Cũng giống như cái 'bản năng làm mẹ' nó thôi thúc người phụ nữ (và các con vật cái). Bởi vậy hướng đi bình thường của họ phải là về phía chân thiện mỹ". Hẳn cố bịa ra cái "trí tuệ tính" đối lập với giai cấp tính và theo hẳn cái trí tuệ tính mới là căn bản. Lập luận này chẳng có gì là mới mẻ. Từ lâu, bọn duy tâm tư sản đã phát minh ra đủ các thứ lý luận chủ quan thần bí để chứng minh văn nghệ sĩ là siêu nhân, là đứng trên tất cả nhưng rồi cuối cùng vẫn đứng không cao hơn túi tiền của bọn tư sản. Bọn Hồ Phong cũng chả là luôn mồm nói đến "lương tâm nghệ thuật", "tinh thần chiến đấu chủ quan", "lực lượng nhân cách của nhà văn", nhưng cuối cùng cũng tự phơi bày cái lương tâm đen tối phản cách mạng của chúng ra đấy ư? Trong một xã hội có giai cấp mà định bịa đặt ra cái trí tuệ bản chất là tiến bộ, văn nghệ sĩ tự thân là cách mạng, để xóa mờ tính giai cấp của tư tưởng, phủ nhận cuộc đấu tranh giai cấp trên mặt trận tư tưởng trong văn nghệ thì thật là lừa bịp một cách trắng trợn. Bè lũ Nguyễn Hữu Đang không phải không biết vậy, nhưng đầu có đi đuôi mới lọt. Có đề cao được văn nghệ tự thân là tiến bộ bản chất là cách mạng thì mới có thể kêu gọi được "không lý gì không để cho trăm hoa đua nở", để cho văn nghệ "tự do không giới hạn". Cái danh từ "tự do không giới hạn" này (liberté illimitée) cũng chẳng phải là của bè lũ Nguyễn Hữu Đang "sáng tạo" ra đâu. Nó là một danh từ của Lukács György, một nhà triết học cơ hội chủ nghĩa đã tham gia chính phủ phản bội Im-rê Na-giơ mà bè lũ Nguyễn Hữu Đang nhập cảng vào. Nếu cái danh từ đó đã trở thành võ khí của bọn phản cách mạng Hung-ga-ri thì ở ta nó cũng đã thành mũi nhọn tiến công vào Đảng, vào chế độ của những phần tử phản bội.

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Ở đâu bọn cơ hội chủ nghĩa cũng không giấu giếm được cái chân tướng phản bội của chúng. Dù chúng cố tô son điểm phấn bằng những danh từ "tự do", "dân chủ", cuối cùng cũng chỉ là những bọn chống Tổ quốc chống nhân dân một cách hèn nhát bản thủ mà thôi.

Nguyễn Hữu Đang, tên bất học vô thuật này, nhảy vào văn nghệ với thủ đoạn của một tên khiêu khích, cũng chẳng tài giỏi gì hơn là cóp nhặt một số luận điệu, một số danh từ của những phần tử cơ hội chủ nghĩa đã ném ra, xuyên tạc những chính sách văn nghệ đúng đắn của Lê-nin, của Đảng Cộng sản Trung Quốc, để tấn công vào sự lãnh đạo của Đảng ta trên văn nghệ. Nhưng không riêng gì trong văn nghệ. Âm mưu của hắn còn đi xa hơn. Hoạt động về chính trị, chống Đảng, chống chế độ về mọi mặt mới thật là mục đích cuối cùng của hắn.

### **Những thủ đoạn và luận điệu chính trị phản động**

Nhằm đúng lúc Đảng và chính phủ ta phát hiện một số sai lầm trong cải cách ruộng đất và chân chính tổ chức, đời sống của nhân dân còn gặp những khó khăn, đồng thời tình hình thế giới cũng có những biến cố lớn ở Ba-lan và Hung-ga-ri, bọn theo chủ nghĩa xét lại theo sau những luận điệu của phản động quốc tế đang chửi rủa vu khống phong trào cộng sản quốc tế, tư tưởng phản cách mạng của Nguyễn Hữu Đang cũng trở dậy. Hắn tưởng thời cơ đã đến, nên càng đi sâu vào con đường phản động. Nguyễn Hữu Đang vội vàng dựa vào một nhóm văn nghệ sĩ cơ hội, và liên lạc chặt chẽ hơn với tên tư-rốt-skít Trương Tửu và một số phần tử lạc hậu ở đại học. Hắn chủ trương cùng một lúc ra tờ *Nhân văn* để tuyên truyền về chính trị, ra các tập *Giai phẩm* để vận động văn nghệ, tờ *Đất mới* để vận động sinh viên học sinh và tờ *Tự do diễn đàn* để tập hợp trí thức.

Ngay từ số đầu, tờ *Nhân văn* đã lộ rõ là một tờ báo chính trị. Bề ngoài do Phan Khôi và Trần Duy chủ trương, bề trong

## HUỖNH ÁI TÔNG

chính là một tay Nguyễn Hữu Đàng lo liệu, từ tiền bạc đến bài vở. Phần lớn những bài quan trọng đều do hắn trông coi và sửa chữa, hoặc đội tên người khác để viết hòng che giấu bộ mặt phản bội của hắn. Bài "Một cuộc đấu tranh trong văn nghệ" ký tên Người quan sát, "Phần đấu cho trăm hoa đua nở" ký tên Trần Duy, "Chống luận điệu vu cáo chính trị" ký tên Hoàng Cẩm, Trần Duy, Hữu Loan, v.v. đều do chính tay Nguyễn Hữu Đàng viết. Bài "Con người Trần Dần" được hắn nâng lên thành nhan đề "Một vụ án văn học", bài của Trần Lê Văn được hắn chữa thành "Không sợ địch lợi dụng". Bộ mặt khiêu khích gian hiểm của hắn lúc này còn khéo giấu kín để chờ cơ hội. Đi đâu hắn cũng nói "mình chỉ lo cho ra được số đầu còn thì sẽ giao lại cho bọn *Giai phẩm mùa Xuân* làm". Nhưng chúng ta thừa biết thủ đoạn xảo trá thâm độc của hắn.

Thế rồi, trên thế giới, tình hình Ba-lan, Hung-ga-ri có những biến chuyển, trong nước cũng có những rắc rối khó khăn. Nguyễn Hữu Đàng liền tập hợp những phân tử phản động nhất lại, và trong hội nghị này chúng quyết định từ số 4 chuyển mạnh sang vấn đề chính trị. Nguyễn Hữu Đàng liền tiếp trong ba số liền viết ba bài xã luận chính trị ký tên hắn hoi không còn giấu giếm bộ mặt phản cách mạng của hắn nữa. Đồng thời trên tờ báo, hắn xoay mạnh vào vấn đề dân chủ và chuyên chính, đề lên rất cao vấn đề dân chủ tư sản, hạ thấp đến phủ nhận chuyên chính vô sản. Trong ba bài xã luận tự tay hắn viết, giọng lưỡi cũng thay đổi dần. Từ chỗ kêu gọi dân chủ tư sản, đến chỗ vu cáo miền Bắc là không có dân chủ, từ chỗ còn gọi Đảng và chính phủ một cách kiêng dè đến chỗ ngang nhiên vu cáo Đảng và chính phủ của chúng ta là "tập đoàn thống trị", từ chỗ đòi hỏi "cần chính quy hơn nữa" đến chỗ hô hào quần chúng đứng dậy biểu tình mưu một cuộc biến động. Liên kết với một vài phân tử xấu trong Đảng Dân chủ, dựa vào một bộ phận lạc hậu trong giới tư sản, ngoặc chặt với những phân tử tác động tinh thần, và tờ-rốt-skit như Thụy An, Trương Tửu hẳn tưởng có thể thực biện được âm mưu phản cách mạng của hắn.

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Đã nhiều lần hấn tuyên truyền trong một số phần tử *Nhân văn* về việc phải thành lập một cái đảng chính trị để chống chọi với Đảng ta và trong những ngày Quốc hội họp vào cuối năm 1956 hấn tưởng có thể dùng áp lực của những phần tử cơ hội là có thể gây khó khăn trong phiên họp này. Nhưng âm mưu của hấn đã bại lộ. Tờ báo *Nhân văn* không che giấu nổi bộ mặt phản động của nó đã lộ rõ chân tướng một tờ báo khiêu khích vừa sặc mùi tờ-rốt-skít vừa y hệt cơ quan tác động linh thần của Mỹ Diêm. Đảng ta kịp thời chặn tờ báo *Nhân văn* lại. Trong những ngày quân chúng sôi nổi đấu tranh, Nguyễn Hữu Đang giả đờ nằm im đầu óc nhưng một mặt chỉ đạo cho các phần tử *Nhân văn* không được tự phê bình. Và chỉ ít lâu sau, khi cuộc đấu tranh đã qua hấn lại nhô mặt dậy trong nhà xuất bản Minh Đức, ra loại "sách Tết", hòng tập hợp lực lượng và duy trì tinh thần những phần tử trong nhóm phá hoại. Hấn gắn chặt với tên Minh Đức như bóng với hình. Ngoài việc chia tiền lãi 20%, hấn còn dùng nhà xuất bản này để tập hợp lực lượng chống Đảng chống chế độ, và cố nhiên tên lái buôn văn hóa này đã cung đốn đủ các thứ rượu mùi, bơ sữa cho tên lưu manh chính trị Nguyễn Hữu Đang tha hồ trụy lạc và làm chuyện phản phúc.

Vừa viết bài công khai trên báo, hấn vừa đi tuyên truyền bằng miệng, gieo rắc mọi thứ luận điệu khiêu khích của bọn tờ-rốt-skít, truyền bá mọi thứ sách báo phản động, phóng ra đủ các thứ tin bịa đặt của đài phát thanh địch. Tất cả mọi luận điệu của hấn đều xoay quanh vào việc vu khống Đảng ta là "một hệ thống quan liêu" như bọn tờ-rốt-skít xưa nay vẫn thường vu khống. Hấn gọi hàng ngũ cán bộ Đảng ta là "giai cấp mới" y như luận điệu của tên phản bội Gi-lát ở Nam Tư. Hấn dùng hết lời chửi rủa Liên Xô và các nước trong phe xã hội chủ nghĩa và hít lấy rất nhanh những hơi thở thối độc mà bọn phản động quốc tế nhả ra. Hấn tung ra cái lý luận về thuyết phải "tiến hóa" (évolutionisme) chứ không thể "cách mạng" (révolution) được vì theo hấn, cách mạng thì phải đấu tranh giai cấp gay go quyết liệt, còn tiến hóa thì loài người cứ theo luật tiến hóa tự nhiên rồi cũng đi dần đến mục đích. Đến đây bộ mặt cải lương bịp

## HUỶNH ÁI TÔNG

bọm của hắn đã hiện nguyên hình, hắn không che giấu nổi hy vọng hão huyền của tên địa chủ cường hào trước cuộc cách mạng ruộng đất. Nhưng "tiến hóa luận" chỉ là cái thuyết hắn đưa ra lừa bịp cách mạng mà thôi, còn đối với hắn và bè lũ, có cơ hội nào có thể chống cách mạng là hắn sẽ chống một cách quyết liệt không chịu điều hòa. Chính sau này khi có người hỏi hắn có ý nghĩ gì hiện nay sau khi *Nhân văn* bị đóng cửa thì hắn không ngần ngại trả lời: "Trước lúc chết, nếu tao có phải kiểm điểm thì tao chỉ kiểm điểm là tại sao hồi đó không làm mạnh hơn nữa mà thôi". Câu trả lời đó chứng tỏ đối với cách mạng, đối với Đảng và nhân dân ta, hắn đã tỏ rõ thái độ dứt khoát một còn một mất, hắn không hề tự che giấu là kẻ thù bản thù của nhân dân. Nhưng đến khi lớp học mở ra, các văn nghệ sĩ nô nức đến lớp, thì hắn vội vã đi tìm các phần tử *Nhân văn - Giai phẩm* để dặn họ: "Chỉ được nói các bài vở trong *Nhân văn* đều là do tập thể bàn bạc viết ra". Và một mặt khác làm ra vẻ bình tĩnh, hắn đi sắm hoa, viết thư vay tiền của cơ quan để "chữa bệnh". Nhưng thực chất là để che mắt mọi người để dễ bề hành động, vì cũng trong những ngày ấy, hắn đã liên lạc với những "người của hắn" để tìm cách phản bội Tổ quốc một lần cuối cùng.

Nhưng chậm lắm rồi. Một số phần tử *Nhân văn - Giai phẩm* sau khi học tập đã nhận rõ sai lầm tội lỗi của mình, tố cáo hết mọi âm mưu thủ đoạn phản cách mạng của hắn. Và mặc dù có nhiều thủ đoạn xảo quyệt, nhiều mảnh lối nham hiểm của một tên khiêu khích chuyên nghề, hắn cũng không giấu nổi những hành vi phản dân phản nước. Ngày nay bộ mặt thực và tội ác của hắn đã bị bóc trần. Âm mưu của hắn đã bị phơi bày ra trước ánh sáng. Không phải chờ đợi những lời tố cáo của các phần tử *Nhân văn-Giai phẩm*, Đảng ta và nhân dân ta nhờ một tinh thần cảnh giác chính trị rất cao, sớm đã biết những hành vi tội ác của hắn. Nhân dân ta chỉ còn chờ ngày hắn cúi đầu nhận hết tội ác trước nhân dân cùng với những phần tử phản cách mạng đầu sỏ khác.



## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Nguyễn Hữu Đang, chẳng phải là "văn nghệ", chẳng phải là "trí thức", mà cũng chẳng phải là "cách mạng lâu năm" gì hết. Hắn chỉ là một tên khiêu khích gian ngoan và hiểm độc, đi vào cách mạng để tìm danh lợi địa vị. Bị thất thế về chính trị, hắn vội tìm cơ hội trong văn nghệ dù hắn biết rằng ở địa hạt này hắn chỉ là một tên bất học vô thuật, lộn sòng vào để kiếm chác. Nhưng rồi, công bất thành danh bất toại, hắn chỉ còn tìm một con đường thích hợp với hắn nhất: con đường phản cách mạng xấu xa và bản thiêu.

(Nguồn: *Văn nghệ*, số 12 tháng 5 năm 1958)

Trích thơ:

### **Những cánh buồm**

*Hai cha con bước đi trên cát  
Ánh mặt trời rục rờ biển xanh  
Bóng cha dài lênh khênh  
Bóng con tròn chắc nịch,*

*Sau trận mưa đêm rả rích  
Cát càng mịn, biển càng trong  
Cha dắt con đi dưới ánh mai hồng  
Nghe con bước, lòng vui phơi phới.*

*Con bỗng lắc tay cha khẽ hỏi:  
"Cha ơi, sao xa kia chỉ thấy nước thấy trời,  
Không thấy nhà, không thấy cây, không thấy người ở đó?"*

*Cha mỉm cười xoa đầu con nhỏ:  
"Theo cánh buồm đi mãi đến nơi xa,  
Sẽ có cây, có cửa, có nhà  
Vẫn là đất nước của ta  
Ở nơi đó cha chưa hề đi đến."*

## HUỶNH ÁI TÔNG

Cha lại dắt con đi trên cát mịn,  
Ánh nắng cháy đầy vai  
Cha trầm ngâm nhìn mãi cuối chân trời  
Con lại trở cánh buồm xa hỏi khế:  
"Cha mượn cho con cánh buồm trắng nhé,  
Để con đi!"

Lời của con hay tiếng sóng thềm thì  
Hay tiếng của lòng cha từ một thời xa thẳm  
Lần đầu tiên trước biển khơi vô tận  
Cha gặp lại mình trong tiếng ước mơ con.

(Tuyển tập Thơ Hoàng Trung Thông)

### **Trên hồ Ba Bể** (Tặng Nông Quốc Chấn)

Thuyền ta chậm chậm vào Ba-bể  
Núi dựng cheo leo, hồ lặng im  
Lá rừng với gió ngậm se sẽ  
Họa tiếng lòng ta với tiếng chim.

Thuyền ta lướt nhẹ trên Ba-bể  
Trên cả mây trời trên núi xanh  
Mây trắng bông bành trôi lặng lẽ  
Mái chèo khua bóng núi rung rinh.

Thuyền ta vòng mãi trên Ba-bể  
Cây chạy theo thuyền thuyền vẫn đi  
Phải ta vượt khỏi nơi trần thế  
Tới giữa mộng lung, giữa điệu kỳ.

Nghe đồn xưa có thần Ba-bể  
Vì giận nhân dân giết mất bò  
Nửa đêm nổi sấm làm giông tố  
Dìm bản làng vui xuống đáy hồ.

HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

*Thuyền ta lại lướt trên Ba-bể  
Chuyện cũ tan dần như khói sương  
Ta đẩy mái chèo xưa lặng lẽ  
Sáng ngời mặt nước ánh vàng dương.*

*Đẹp sao du kích hồ Ba-bể  
Chống Nhật kiên cường lại đánh Tây  
Rễ đá chèo mây chân bước nhẹ  
Vụt chém quân thù như chặt cây.*

*Thuyền ta quanh quất trên Ba-bể  
Đỏ ối vườn cam, thăm bãi ngô  
Nhộn nhịp trâu về, vang tiếng trẻ  
Đâu còn giông bão hung thần xưa.*

*Thuyền ơi chậm chậm chờ ta nhé  
Chim hót trên đầu ta lắng nghe  
Một làn đã tới, ôi Ba-bể  
Muốn ở đây thôi chẳng muốn về.*

Bản Pắc-ngoi, 1-1-1961

**Bao Giờ Anh Trở Lại**

*Các anh đi ngày ấy đã xa rồi  
Xóm làng tôi còn nhớ mãi  
Các anh đi Bao giờ trở lại  
Xóm làng tôi trai gái vẫn chờ mong.  
Làng tôi nghèo nho nhỏ bên sông,  
Gió bắc lạnh lũng thổi vào mái rạ.  
Làng tôi nghèo gió mưa toi tả,  
Trai gái trong làng vất vả ngược xuôi.*

*Các anh về mái ấm nhà vui  
Tiếng hát câu cười rộn ràng xóm nhỏ  
Các anh về tung bồng trước ngõ*

## HUỶNH ÁI TÔNG

Lốp lốp đàn em hơn hờ theo sau  
Mẹ già bịn rịn áo nâu  
Vui đàn con nhỏ rùng sâu mới về.  
Từ lưng đèo dốc núi mù che,  
Các anh về Xôn xao làng tôi bé nhỏ.  
Nhà lá đơn sơ, nhưng tâm lòng rộng mở.  
Nồi cơm nấu dở bát nước chè xanh  
Ngồi vui kể chuyện tâm tình bên nhau  
Anh giờ đánh giặc nơi đâu  
Chiêng Vàng, Vụ Bản hay vào Trị Thiên?  
Làng tôi thắng lợi vụ chiêm,  
Lúc thêm xanh ngọn, khoai lên thắm vòng.  
Giảm tô hai vụ vừa xong,  
Đêm đêm ánh đuốc dân công rực đường  
Dẫu rằng gió núi, đèo sương  
Số anh máu nhuộm chiến trường thấm chị  
Bấm tay tính buổi anh đi  
Mẹ thường vẫn nhắc: biết khi nào về?  
Lúa xanh xanh ngắt chân đê  
Anh đi là để giữ quê quán mình  
Cây đa, bến nước, sân đình  
Lời thề nhớ buổi mít tinh lên đường.  
Hoa cau thơm ngát đầu nương,  
Anh đi là giữ tình thương dạt dào

Các anh đi khi nào trở lại  
Xóm làng tôi trai gái vẫn chờ mong  
Chờ mong chiến dịch thành công  
Xác thù chát núi, bên sông đổ cờ.  
Anh đi chín đời, mười chờ,  
Tin thường thắng trận, bao giờ về anh?

### **Nếu tôi chết**

Nếu tôi chết  
Đừng có ai

HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

*Khóc lóc làm gì*

*Thế là hết*

*Đừng có ai bi*

*Nằm dưới mồ*

*Tôi ngượng ngùng*

*Chỉ nhớ khúc tình si*

*Nếu tôi chết*

*Đắp điểm ngôi mồ tôi*

*Và anh hay chị sẽ viết*

*Giữ lòng trong suốt đời*

*Đã hơn sáu mươi tuổi*

*Tôi chỉ cười thôi*

*Đỗ Phủ đã từng nói*

*Nhân sinh thập cổ lai hy*

*Tôi sống hơn ông nhiều tuổi*

*Còn mơ màng chi*

*Tôi viết còn ít quá*

*Thì đi là phải đi*

*Ấy đó món nợ đời*

*Đã vay thì phải trả*

*Xong một cuộc đời tôi*

*Nghĩ bụng thì bảo dạ*

*Nếu tôi chết*

*Có ai*

*Đưa vòng hoa xuống mộ*

*Thì thôi đừng tiếc hoài.*

**Quét lá**

*Đầu hè lá sáu rụng*

*Sáu bắt đầu ra hoa*

## HUỖNH ÁI TÔNG

Lá sấu tươi mơn mớn  
Bên những lá sấu già

Một bà đi quét lá  
Nhận đầy bị mới thôi  
Bước chân đi xiêu ngã  
Đi một lúc lại ngồi

Mang bị lá sấu khô  
Bước qua đường không vững  
Bị lá to hơn người  
Đi mới rồi lại đứng

Tôi ngồi uống nước trà  
Muốn giúp bà một chút  
Nhưng bà cứ lắc hoài  
- Nhà đó, kia ngõ cụt

Ôi tôi ngồi làm thơ  
Sấu chín nhìn vui sướng  
Có biết ai mong chờ  
Lá sấu vàng rụng xuống...

Khách ở quê ra chơi

Khách ở quê ra chơi  
Cho tôi mấy cân lạc  
Sẻ ngọt và chia bụi  
Với nhà thơ kiết xác

Khách hỏi: "Sống ra răng?"  
Chủ nói: "Cũng nhì nhằng"  
Khách bảo: "Về quê khá"  
Chủ cười không nói năng

Về quê quê còn ai

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

*Chỉ còn bà chị ruột  
Bảy mươi tuổi một đời  
Sống với quê tạm được*

*Nhưng nhớ em nhớ lắm  
Hàng dừa nghiêng bóng trắng  
Nhớ em chị chỉ nhắn  
Nhìn trời nhìn xa xăm*

*Khách ở quê ra chơi  
Mắm gửi tôi một lọ  
Nói là chị gửi cho  
Cả nhà mặt hớn hở*

*Nhớ chị như nhớ mẹ  
Mong mãi khách ra chơi  
Khách về rồi nhớ chị  
Nói làm sao chị ơi*

### **Mùa nhớ**

*Nắng vừa đỏ lửa trên hàng phượng  
Ve gọi vào mùa gặt lúa chiêm  
Đồng ruộng hôm qua còn trái biếc  
Hôm nay ai vẽ sắc vàng lên.*

*Bao nhiêu mưa gió bao sương nắng  
Bao bữa mồ hôi thành suối tuôn  
Cho lúa đồng ta bông trĩu nặng  
Cho lòng ai thấm đượm mùi hương*

*Rộn vui vì nổi mùa chiêm tốt  
Mà mỗi người yêu còn cách xa  
Tiếng hát đưa nhanh nghe loạt xoạt  
Mơ buồn bỗng hóa giấc mơ hoa*

## HUỶNH ÁI TÔNG

*Người xa xa có nhớ ta không  
Mỗi hạt sương sa hạt lạnh lòng  
Mỗi hạt lúa vàng thành hạt ấm  
Tiếng ve mùa gặt gọi tình chung.*

*Thơ của Hoàng Trung Thông là thơ của những người xứ Nghệ, thơ ông tứ bình dị, lời mộc mạc nhẹ nhàng, ghi đậm tình cảm quê hương, tình gia đình, tình hậu phương đối với người tiền chiến, tên tuổi ông nằm trong những nhà thơ Việt Nam cận đại.*

Trong *Chân dung nhà văn*, Xuân Sách họa chân dung Hoàng Trung Thông với bài tứ tuyệt:

*Đường chúng ta đi trong gió lửa  
Còn mơ chi tới những cánh buồm  
Từ thuở tóc xanh đi vỡ đất  
Đến bạc đầu sỏi đá chửa thành com*

Tài liệu tham khảo:

- Hoàng Trung Thông Web: [vi.wikipedia.org](http://vi.wikipedia.org)
- Hoàng Trung Thông Web: [thivien.net](http://thivien.net)



HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975  
20) **Bàng Sĩ Nguyên**



**Bàng Sĩ Nguyên - Bàng Khởi Phụng (1925- )**

Nhà thơ Bàng Sĩ Nguyên tên thật là Bàng Khởi Phụng, sinh ngày 13 tháng 8 năm 1925 tại Bắc Giang. Quê gốc ở Bình Lục, Hà Nam.

Nhà thơ Bàng Sĩ Nguyên sinh trưởng trong một gia đình trí thức. Gia đình ông có cửa hàng tơ lụa nổi tiếng toàn miền Bắc lẫn miền Nam và hiệu thuốc bắc lừng danh khắp các tỉnh.

Thời nhỏ là học sinh trường Thăng Long, Hà Nội. Ông cùng lứa với Nguyễn Đình Thi, Nguyễn Đông (Nguyễn Đông sau là liên lạc của Đại tướng Võ Nguyên Giáp)... Bàng Sĩ Nguyên học chữ Hán, chữ Anh, chữ Pháp, chữ La Tinh. Ông đọc Immanuel Kant, Francis Bacon, Schopenhauer, Heiderger, Spencer...và hoạt động trong các tổ chức tuyên truyền Chủ nghĩa Mác ở Hà Nội.

Từ năm 1946, ông đi bộ đội làm báo Xông Pha, báo Dân Quân Việt Bắc, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của các ông Nguyễn Khang, Nguyễn Đông. Ông đã từng nhận các cương vị: cán sự kiểm tra, cán bộ tuyên huấn bộ tư lệnh và là chính trị viên kiêm đoàn

## HUỶNH ÁI TÔNG

trưởng đoàn văn công quân đội mà Nguyễn Đức Toàn là cấp phó của ông, khi Hoàng Cầm đã thôi việc.

Năm 1954, sau khi tiếp thu Hà Nội, ông đi học đại học, ra trường năm 1956, ông được Ban tổ chức Trung ương Đảng điều động ra ngoài quân đội cùng Hoàng Trung Thông, Hữu Loan, Đào Vũ, Nguyễn Đình Thi... thành lập báo Văn Nghệ và tiếp sau là Tạp chí Văn nghệ. Ông cũng là một trong 37 hội viên sáng lập ra Hội Nhà văn Việt Nam năm 1957.

Vào thập niên (19)60 lớp bồi dưỡng viết văn ở Quảng Bá được tổ chức, ông được điều về phụ trách Phó hiệu trưởng.

Năm 1978, ông mở phòng tranh tại Giảng Võ, Hà Nội, khi ấy được Tùng Giang, Trần Độ, báo chí và các Hội nghệ thuật đều ủng hộ. Trong thời gian này ông làm thơ và vẽ tranh. Ông nổi tiếng nhờ những bức vẽ sơn dầu.

Ông nhận được giấy chứng nhận của Tổng cục Chính trị, bằng khen của Bộ Văn hoá, Hội Mỹ thuật... Và giải thưởng về kịch, vở “Hai thái độ” (1954-1955)

Thập niên (19)80, ông chuyển công tác vào Sài Gòn. Năm 1985, về hưu, ông định cư ở quận 5, thành phố HCM, tiếp tục sáng tác thơ, vẽ tranh.

Tác phẩm:

- *Mùa hoa trên núi* (1957)
- *Ban đầu* (1959)
- *Ánh thép* (1961)
- *Trên mảnh đất của tình thương* (1966)
- *Người con gái Bắc Sơn* (1973)
- *Hồn nhiên* (1979)
- *Niềm vui*
- *Phá thác*

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

- *Cành lên lộc non*

- *Khúc nhạc trầm hồn ngây dại* (Văn Học, 2006)

Trích văn:

### **Tưởng rằng thời cơ đã đến...**

...

Vào giữa lúc Hung-ga-ri và ở Pô-dơ-nan có một bọn phiến loạn định phá hoại thành quả của cách mạng; ở ta, Đảng tích cực sửa chữa những sai lầm đã mắc phải trong cải cách ruộng đất, Phan Khôi một tên đã năm lần phản cách mạng, vùng dậy hô to «bỉ nhất thời dã, thử nhất thời dã» (xưa một thời, nay lại một thời). Nguyễn Hữu Đang đang nằm ở nhà Minh Đức làm quân sư quạu mo cho tên lái chữ Trần Thiếu Bảo cũng vội chạy ra đường đưa dúi sách phản động vào tay nhóm «Giai phẩm mùa xuân», cùng với Phan Khôi, Trần Duy, kéo Trần Dần, Lê Đạt, Hoàng Cầm đến họp bàn ra báo «Nhân Văn», khoác áo chủ nghĩa xét lại để chống phá lãnh đạo. Như vắt người thấy máu, Thụy An như rắn bò tới câu lạc bộ Hội nhà văn phun nọc độc mặt sát «ché độ ta bàn cùng hóa nhân dân». Ngưu tầm ngưu, mã tầm mã, những phường quý quái tinh ma, chung quy kẻ cắp bọm già gặp nhau. Chúng ngoặc ngay với nhau. Trương Tửu bảo Trần Đức Thảo: «Trường đại học sẽ là pháo đài của chúng ta»; Tửu cũng tưởng «đây là một thời», vỗ ngực bảo với mấy tên thân tín: «Tơ-rốt-ky là đây chứ đâu» và tung tin vào đám sinh viên: «Tơ-rốt-ky được phục hồi». Trương Tửu chia tay nắm «Nhân Văn Giai Phẩm» và «Đất Mới». Tửu khoe với thân tín: «Đạo này thức đêm chữa bài cho Nhân Văn bạn quá». Bọn chúng núp dưới chiêu bài «trăm hoa đua nở». Nhưng quần chúng không nhầm - quần chúng thừa biết rằng: dưới hoa lại núp những phường ác nhân là bọn Phan Khôi, Nguyễn Hữu Đang, Trương Tửu, Trần Duy, Lê Đạt và bao nhiêu tên phá hoại khác...

## HUỶNH ÁI TÔNG

Bài Sĩ Nguyên  
(Trích báo Tiền Phong, số 282, ngày 23-4-1958)

.....

Thụy An là người phụ nữ duy nhất - ở trong hay ở ngoài phong trào - bị kết án là "gián điệp". Bà là một trường hợp đặc biệt, theo Lê Đạt và Nguyễn Hữu Đang, bà không ở trong Nhân Văn Giai Phẩm, vậy mà tên bà được nêu lên hàng đầu trong "hàng ngũ phản động" với nhãn hiệu "Con phù thủy xảo quyệt" và những lời lẽ độc địa nhất dành cho bà: "Như vắt người thấy máu, Thụy An như rắn bò tới các câu lạc bộ Hội Nhà văn phun nọc độc mật sát chế độ ta bần cùng hoá nhân dân"

(trích *Bọn Nhân Văn Giai Phẩm trước tòa án dư luận*)

Trích thơ:

*Tôi nghe tiếng chim gọi đàn  
Con chim gáy gọi bạn  
Hồn tôi muốn van  
muốn gọi theo chim  
Lặng động trong tôi  
Tiếng chim gáy của ngày an bình  
Đã đưa tôi về quá khứ  
Nghe con chim gáy  
Tiếng gáy trong gió thoảng  
Trong vườn hoang  
Khúc nhạc trầm này  
Sáng trong ký ức  
Như tiếng kinh cầu khiêm nhu  
Bay trong mùa lúa thơm  
Cùng tiếng di tiếng sẻ  
Không thiếu tiếng chim vui buồn  
Cùng xóm chiều yên ắng  
Nhìn lên trời trong toả rạng ngời*

HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

*Mây trắng buồn*

*Thiết tha*

*Tiếng chim gáy vô tư ngọt ngào*

*Khúc nhạc trầm*

*Nước nở trong hồn tôi*

*Ngây dại...*



*tranh Bàng sĩ Nguyên*

Nhà thơ Nguyễn Đình Chính viết về Bàng Sĩ Nguyên : “*Điện thoại dẫm lên bẫy lượ thì chỉ tút tút tút... Lão kì nhân nghệ sĩ hiện giờ lang bạt nơi nao? đang là thượng khách ngất ngưỡng com rượu vẽ tranh tại một ngôi biệt thự cực kì sang trọng của mấy ông chủ bang Hoa kiều ở quận 5, hay là đang cời đàn phóng thơ, múa võ tại một miệt vườn muối bay như trấu ở miền quê mũi đất cực Nam trong tiểu thuyết Đất rừng phương Nam của nhà văn Đoàn Giỏi.*”

Tài liệu tham khảo:

- Bàng Sĩ Nguyên Blog: [laxanh2015.blogspot.com](http://laxanh2015.blogspot.com)

**21) Võ Huy Tâm**



**Võ Huy Tâm (1926-1996)**

Võ Huy Tâm sinh ngày 28 tháng 12 năm 1926, tại Thôn Đông, xã Gia Hòa, huyện Nam Ninh, tỉnh Nam Định.

Thuở nhỏ, Võ Huy Tâm theo gia đình ra sinh sống ở vùng mỏ Quảng Ninh và nhiều năm làm thợ mỏ.

Từ 1941-1942, ông làm thợ mỏ ở than Uông Bí, tham gia hoạt động trong tổ chức Công nhân cứu quốc và trong nhóm nghiên cứu chủ nghĩa Mác ở Đông Dương do Đảng tổ chức.

Cuối 1948-1949, ông xuống Hồng Gai, Cẩm Phả và hoạt động trong vùng địch. Trong kháng chiến chống Pháp, Võ Huy Tâm vừa làm thợ, vừa tham gia công tác công đoàn.

Sau đó ông lên Việt Bắc, công tác trong Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam. Từ cuối 1951, làm việc ở sở Vận tải và báo Công đoàn Vận tải. Sau đó, chuyển về làm việc ở mỏ Lòng Cẩm, mỏ Phấn Mễ, đồng thời sáng tác văn học.

Ông nhận được giải nhất, Giải thưởng Văn nghệ của Hội Văn nghệ Việt Nam năm 1952 (tiểu thuyết *Vùng Mỏ*).

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam. Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam (1957).

Sau Hiệp định Geneve 1954, Võ Huy Tâm chuyển về Hà Nội, Từ năm 1959-1962 công tác ở cơ quan Hội Nhà văn.

Từ năm 1963-1966, ông là một trong những người đảm nhiệm công tác đào tạo những người viết văn trẻ của Hội.

Từ 1967-1975, ông công tác tại tuần báo Văn nghệ. Từ năm 1976, ông trở lại sống ở Quảng Ninh.

Võ Huy Tâm mất ngày 21 tháng 10 năm 1996 tại Quảng Ninh, thọ 70 tuổi.

Năm 2001, ông được truy tặng Giải thưởng Nhà nước về Văn học Nghệ thuật cho các tác phẩm: *Vùng mỏ*, *Những người thợ mỏ*.

Tác phẩm:

- *Vùng mỏ* (tiểu thuyết, 1953)
- *Kể chuyện mỏ thời Tây* (trường ca, 1956)
- *Chiếc cán búa* (truyện ngắn, 1958)
- *Ngõ ngang xóm thợ* (truyện vừa, 1960)
- *Những người thợ mỏ* (tiểu thuyết, 1961)
- *Đi lên đi* (tiểu thuyết, 1971)
- *Gánh chèo mảnh* (truyện ngắn, 1974)
- *Mãng bão* (truyện cho thiếu nhi, 1980)
- *Trăng bão* (truyện, 1980)
- *Rượu chát* (tiểu thuyết, 1981)
- *Via than lớn* (tiểu thuyết, 1983)
- *Hòn gạch chịu lửa* (truyện ngắn, 1984)
- *Hạt trai* (truyện, 1987).

## HUỖNH ÁI TÔNG

Trích văn:

### **Nọc độc của báo *Nhân văn***

Anh chị em công nhân nhà in Xuân Thu đã ngừng lại việc in báo *Nhân văn*, việc ấy làm cho những kẻ đi gieo rắc những tư tưởng bậy phải suy nghĩ, và phải chùn bước.

Nhưng đối với những số báo *Nhân văn* đã phát hành, đã có một số người đọc, chúng ta cần vạch rõ nọc độc của nó, quyết không để những nọc độc ấy lây ngấm vào đồng chí đồng bào ta được.

Vậy nọc độc của báo *Nhân văn* là gì? Trên các báo gần đây đã có nhiều bài vạch rõ lối bôi đen và xuyên tạc của báo *Nhân văn*, qua những bài như "Con người Trần Dần", "Nhân câu chuyện mấy người tự tử" và một số bài khác. Ở đây tôi muốn góp ý kiến về vấn đề tự do dân chủ.

Ai cũng biết, báo *Nhân văn* có một điểm mà số nào cũng nêu lên, ấy là vấn đề tự do dân chủ. Và làm như là chỉ có báo *Nhân văn* mới dám nói đến vấn đề ấy. Nhưng sự thực là thế nào? Anh chị em văn nghệ sĩ và đồng bào ta ai cũng biết: Chế độ của ta là chế độ dân chủ, thường xuyên dùng vũ khí phê bình, tự phê bình và sau hội nghị lần thứ 9 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam, Đảng chủ trương tổ chức một phong trào phê bình rộng rãi, từ dưới lên trên, ở khắp các cấp bộ, để phê bình lãnh đạo, phát huy tự do dân chủ chống sùng bái cá nhân. Ở hầm mỏ tôi, ở khu Hồng Quảng cũng như ở Hội Văn nghệ Việt Nam... đều tiến hành phê bình lãnh đạo như vậy.

Báo *Nhân văn* đã lợi dụng phong trào tự do dân chủ do Đảng chủ động đề ra, để nói xấu chế độ, – thể hiện trên rất nhiều bài báo suốt từ số 1 đến số 5.



## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Cái nguy hiểm của báo *Nhân văn* là: Nêu to vấn đề tự do dân chủ, mà không nêu vấn đề kỷ luật, vấn đề ý thức tổ chức. Như trong những bài của Trần Duy, Nguyễn Hữu Đang, mặt sát chuyên chính. Bài nói về hiến pháp, bài nói về Ba Lan và Hunggari ở số 5, nhằm mục đích gì nếu không phải là núp dưới chiêu bài đòi dân chủ để gieo rắc những tư tưởng phá hoại.

Qua kinh nghiệm đấu tranh của chúng ta bao năm nay, chúng ta đều đã thấy rõ một nguyên lý rất thông thường là: Dân chủ mà không tập trung, tự do mà không kỷ luật, sẽ dẫn đến tình trạng hỗn loạn vô chính phủ. Ngay như ở hàm mỏ, chúng tôi mở một phong trào dân chủ hóa sản xuất, mở hội nghị bàn bạc các việc ở xí nghiệp, phê bình cán bộ, chống tham ô, lãng phí, quan liêu. Nhưng đi đôi với dân chủ hóa, là phải chấp hành nghiêm chỉnh kỷ luật lao động, phải củng cố chuyên môn, công đoàn, củng cố quyền lực của Nhà nước ở bộ phận ấy. Đây là hoàn cảnh ở một xí nghiệp còn hoàn cảnh chung ở các nơi khác, tôi nghĩ về căn bản cũng như vậy. Nên khi phê bình chống những tệ nạn quan liêu, độc đoán, v.v... thì đồng thời cũng phải xây dựng cho lãnh đạo, nâng cao tác dụng của lãnh đạo, làm cho cơ quan lãnh đạo có thực lực thực quyền, như vậy mới là tư tưởng của giai cấp công nhân mới là cách mạng.

Còn thái độ của báo *Nhân văn* là cổ động mọi người chống lại lãnh đạo, nói cán bộ nào cũng xấu. Như vậy đã là xuyên tạc, đã sai với sự thực rồi; lại không hề nhắc đến ý thức người dân đối với tổ chức. Đây là tư tưởng gì? Nếu không phải là tư tưởng tự do quá trớn, tư tưởng vô chính phủ, tư tưởng ấy chỉ có lợi cho bọn đế quốc, phong kiến.

Cái hiểm độc của báo *Nhân văn* là nịnh dân: Nó vin vào những chủ trương của Đảng đang thực hiện là: Tự do dân chủ, nâng cao đời sống cho nhân dân, nhưng nó nói bằng giọng là chỉ có nó mới lớn tiếng đòi quyền lợi cho nhân dân. Từ những bài xã luận đến những mẩu chuyện "không phải chuyện cười", v.v... báo *Nhân văn* đều thổi phồng các khuyết điểm lên, phỉnh nịnh

## HUỶNH ÁI TÔNG

quần chúng hòng gây những bất bình đối với các cơ quan lãnh đạo, từ Văn nghệ, Mậu dịch, Y tế, Công an, Bru điện, đến hầu hết các cơ quan khác.

Nhưng những luận điệu như vậy chỉ tạm thời lừa dối được một số người riêng lẻ, rồi ra, ai cũng nhìn rõ.

Lấy một ví dụ: Hiện nay ta xây dựng kinh tế, còn gặp những khó khăn, hàng thủ công nghiệp và công nghiệp chưa đủ. Công tác mậu dịch của ta cũng gặp nhiều khó khăn, mặc dù nó đã có những thành tích đáng kể: khối lượng hàng nhập khẩu nhiều hơn mấy năm trước, hàng đi khắp hang cùng ngõ hẻm, nông thôn đồng bằng và rừng núi nhưng vì nhiều cố mà nó vấp phải những khuyết điểm về bảo quản và phân phối hàng. Những người buôn không chính đáng, đầu cơ trục lợi, hoặc trước đây được độc quyền trong một ngành nào, giờ họ không còn dễ dàng trong những hành vi kinh doanh, trái với lợi ích của nhân dân được, nên họ không bằng lòng với mậu dịch quốc doanh.

Để lôi kéo quần chúng, báo *Nhân văn* đã cho đăng một phóng sự bịa đặt thêm để vu khống cho mậu dịch hòng làm được lòng những nhà buôn không chân chính.

Một thí dụ nữa: báo *Nhân văn* đã định đào một cái hố sâu giữa Đảng và văn nghệ sĩ, lạm dụng tiếng nói của quần chúng văn nghệ sĩ để đả kích lại lãnh đạo, làm như là mình đại biểu cho văn nghệ sĩ.

Là một người viết văn, tôi nói rõ để các ông biết: Chúng tôi thẳng thắn vạch khuyết điểm của lãnh đạo, nhưng chúng tôi không thể tin cậy những người đi gieo rắc những tư tưởng vô chính phủ. Những bản kiến nghị của hàng trăm văn nghệ sĩ, phản đối thái độ chính trị của báo *Nhân văn*, đã cho các ông bừng tỉnh!

Bất kỳ ai, đã làm việc, thì thế nào cũng có sai lầm khuyết điểm,

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

nhất là làm công tác lãnh đạo. Nhưng những người mắc sai lầm khuyết điểm ấy, được Đảng giáo dục, và được quần chúng phê bình, rồi ra sức sửa chữa, thì dần dần trở nên những cán bộ tốt. Và tới các cuộc đại hội, quần chúng có quyền hoàn toàn chủ động, bầu người này hay không bầu người này, vào cơ quan lãnh đạo.

Nhưng chúng ta quyết không để cho kẻ nào đá kích vào tổ chức của chính phủ và đoàn thể. Chúng ta phải củng cố tổ chức của chúng ta. Không phải dăm bảy tháng hay một năm chúng ta đã xây dựng được một tổ chức. Hội Văn nghệ Việt Nam, không phải là chúng ta đã mất bao nhiêu công phu mới tập hợp xây dựng được đó sao?

Càng đọc kỹ báo *Nhân văn*, tôi càng hết sức công phẫn, càng thấy cần vạch trần những luận điệu chia rẽ của báo *Nhân văn*, tung ra những luận điệu "bè phái thống trị văn nghệ", ăn cắp, nịnh hót, v.v... khiến một số anh chị em cũng ngại không muốn gần gũi lãnh đạo. Đó là một cách phá hoại đoàn kết, chia rẽ giữa văn nghệ sĩ và người lãnh đạo.

Là người thợ và nhà văn, tôi rất hoan nghênh việc làm của anh chị em nhà in Xuân Thu, đã kiên quyết ngăn chặn những nọc độc của báo *Nhân văn* không cho nó gieo rắc vào đồng bào chúng ta nữa. Không phải đến nay anh chị em mới có thái độ, mà ngay từ số 1 anh chị em đã định không in rồi, tỏ rõ sự nhìn nhận sáng suốt của những người trong giai cấp thợ. Hàng ngàn, hàng vạn anh chị em thợ ở khắp các xí nghiệp, trí thức và văn nghệ sĩ, sinh viên và học sinh, cũng như toàn thể đồng bào, đều hết sức hoan nghênh tinh thần đấu tranh của anh chị em.

Còn về hình thức văn nghệ của báo *Nhân văn* thế nào? Theo tôi thấy, thì do những quan niệm lệch lạc về trăm hoa đua nở, những cái nhìn một chiều hời hợt, nên những bài viết, dù huênh hoang, cũng rất tầm thường. Bài thợ của Lê Đạt dù nguy hiểm đến thế nào đi nữa vẫn bôi đen chế độ: "*Bóng những ngày u*

## HUỶNH ÁI TÔNG

*ám, còn lớn vờn che cuộc đời như gấu ăn giăng*", lời văn chán ngán như điệu than buồn của giai cấp thống trị bị lật đổ. Truyện ngắn thì nói bóng nói gió, phóng sự thì xuyên tạc sự thật, gọi là "mới", là "chống công thức", mà chỉ là nhai lại những lối viết lối nhìn cũ rích từ lâu rồi. Nội dung tư tưởng của nó như vậy, giá trị nghệ thuật của nó cũng chẳng có gì hơn.

Có bạn cho tôi biết, mỗi người viết báo *Nhân văn*, mục đích ý nghĩa khác nhau, nhưng cứ nhìn các bài lớn nhỏ dài ngắn, từ những bài "Cần phải chính quy hơn nữa" đến những bài "Không sợ địch lợi dụng", "Trả lời bạn Nguyễn Chương và báo *Nhân dân*", các bài trích dịch cắt xén, cho đến các bài nhận xét điện ảnh, âm nhạc, mỹ thuật, v.v... thì ta nhận thấy những bài nòng cốt nó quyện với những bài khác, thành cái chất vô chính phủ rất nặng, nó như những vị thuốc có chất độc, nặng nhẹ khác nhau, làm "quân, thân, tá, sử" cho nhau trong một thang thuốc độc, gieo rắc đầu độc nhân dân, lôi kéo nhân dân. Nhưng nhân dân đâu có phải dễ dàng lừa dối được. Những tư tưởng đó định nêu lên thành một "ngọn cờ", nhưng thực chất đó chỉ là những mảnh dẻ rách mướp hôi hám, có dán vào đấy cái khẩu hiệu tự do dân chủ (giả hiệu) thì cái mùi vị vô chính phủ cũng đã sặc sụa lên rồi.

Ấy thế mà có ông còn bảo phong trào của quần chúng chống nọc độc của báo *Nhân văn* là "giả tạo" hoặc là do "cảm tính" đấy. Nhưng những khẩu hiệu báo *Nhân văn* nêu lên nào "không sợ địch lợi dụng" để tha hồ nói láo, nào "chống chụp mũ" để lấp liếm ý kiến phê bình của quần chúng, những bài viết, tranh vẽ, khiêu khích và vu cáo đã làm cho quần chúng thấy rõ chân tướng của tờ báo *Nhân văn* rồi. Các ông bảo cảm tính à? Cảm tính của hàng ngàn hàng vạn công nhân và trí thức, cán bộ và đồng bào, cảm tính mà có suy đi nghĩ lại, phân tích kỹ càng, thì các ông cũng nên dè chừng đối với cảm tính ấy! Nếu các ông cứ giữ luận điệu ấy, là tự lừa dối mình đấy thôi.

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Lại có ông la làng là đồng bào phản đối báo *Nhân văn* như thế này thì phong trào tự do dân chủ xẹp mắt, những phần tử quan liêu sẽ trở dậy để trả thù. Nhưng ai cũng biết, cái mảnh dẻ rách hôi hám của các ông, không thể là lá cờ tự do dân chủ chân chính được.

Chỉ có giai cấp công nhân (thông qua chính đảng của nó) mới có thể dẫn đầu một phong trào tự do dân chủ chân chính, phong trào có tổ chức, có lãnh đạo, tự do dân chủ nhưng mọi người có ý thức tự giác rất cao, đối với tổ chức của giai cấp công nhân, của nhân dân mình. Thì tự do ấy, chính chúng ta cũng đang được hưởng, như: nhân dân thủ đô đã được làm chủ Hà Nội, người thợ của chính phủ đã được làm chủ xí nghiệp, người nông dân đã được làm chủ nông thôn. Người thợ mỏ không còn chịu cảnh đánh đập cúp phạt, văn nghệ sĩ tự do dùng ngòi bút của mình để phục vụ nhân dân, quan hệ bóc lột đế quốc phong kiến bị thủ tiêu. Đây chính là quyền tự do dân chủ căn bản nhất.

Cuối cùng tôi muốn nói thêm về vấn đề cảnh giác. Báo *Nhân văn* đã kích rất nhiều về đề cao cảnh giác. Số 5 báo ấy vẽ người soi gương, cho bóng mình là địch, để hòng làm mọi người tê liệt cảnh giác. Nhưng chúng ta không sa vào luận điệu ấy, giai cấp công nhân và toàn thể đồng bào ta luôn luôn tỉnh táo, kịp thời vạch trần và đập tan mọi âm mưu và hành động phá hoại của địch. Chúng ta luôn luôn sáng suốt trên lĩnh vực công tác tư tưởng, sẵn sàng vạch trần những hành động buôn lậu tư tưởng hủ bại, nguy trang bằng nhiều hình thức tinh xảo. Những người mắc sai lầm đó cần phải thay đổi thái độ. Nếu không thì dù là tờ *Nhân văn* hay tờ *Nhân đức*, ký tên là Người quan sát hay Người trung hậu mà nội dung chống lại nhân dân chống lại chế độ, thì cũng bị vạch trần.

Ngày 18-12-1956

## HUỶNH ÁI TÔNG

(Nguồn: Báo Văn nghệ, Hà Nội, số 153 ngày 27-12-1956)

Trích thơ:

### Hòm mìn

Bạn của tôi  
Những người thợ mỏ  
Đã giúp tôi  
Dựng túp lều bằng gỗ  
Căn phòng của tôi  
Sàn bằng gỗ hòm mìn  
Trần bằng gỗ hòm mìn  
Tường bằng gỗ hòm mìn  
Và cửa sổ cũng bằng gỗ hòm mìn...  
Cám ơn anh chị em  
Đã đến giúp tôi  
Trong lúc vừa đào than vừa bắn rơi máy bay giặc Mỹ

Giặc đã bỏ bom Mạo Khê, Vàng Danh, Uông Bí  
Giặc đã bỏ bom Bãi Cháy, Hòn Gai  
Giặc đã bỏ bom Hà Lâm, Hà Tu  
Giặc đã bỏ bom Mông Dương, Cửa Ông, Cẩm Phả  
Một dải Vùng mỏ giàu đẹp yêu thương đang bị  
tàn phá...

Đêm khuya trong rừng sâu, tôi nghĩ gì, viết gì?  
Căn phòng các bạn làm giùm toàn bằng gỗ  
Sàn bằng gỗ hòm mìn  
Tường bằng gỗ hòm mìn  
Và cửa sổ cũng làm bằng gỗ hòm mìn  
Tất cả căn phòng là một cái hòm mìn  
Còn tôi: tôi phải là thuốc nổ!

### Đời thợ mỏ

HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

*Làm nấy đom đóm  
Hai kíp một ngày  
Vất vả thế này  
Vẫn hoàn tưng thiếu*

*Thuốc thiếu từng liều  
Gạo thiếu từng cân  
Vợ ốm hàng tuần  
Con không sửa bú*

*Thế mà bọn chủ  
Tiệc tùng quanh năm  
Xi nê nháy đăm  
Áo quần sang trọng  
Cửa cao nhà rộng  
Thả cửa ăn chơi  
Sống bằng mồ hôi  
Máu người phu mỏ*

*Một hôm xe đổ  
Tây đánh ở đường  
Bị cúp mất lương  
Về nhà hết gạo*

*Vài lẻ nấu cháo  
Xách chiếc vầu ra  
Con bé khóc oà  
Bữa ăn nước mắt*

Nhà văn Tô Hoài trong tác phẩm *Những gương mặt* - *Chân dung văn học*, ông viết về Võ Huy Tâm:

*Hầu hết các tác phẩm Võ Huy Tâm cũng như tiểu thuyết “Vùng mỏ” đều khai thác một đề tài, một loại nhân vật: người công nhân mỏ hoặc người cơ nhỡ cố cùng trong xã hội trước kia. Những tác phẩm ấy, giá trị nghệ thuật và trình độ biểu hiện*

## HUỶNH ÁI TÔNG

đều na ná tiểu thuyết “Vùng mờ”. Với người viết, tác phẩm nổi chìm khác nhau là thường tình, không phải cá biệt ở Võ Huy Tâm, nhưng tìm đến nguyên nhân thì Võ Huy Tâm có những biểu hiện riêng. Võ Huy Tâm không hẳn lặt lại, nhưng cũng chưa phải đã phát hiện và sáng tạo được những vỉa mới. Tại sao vậy? Võ Huy Tâm “chột” đi sau tiểu thuyết “Những người thợ mỏ”. Không phải. Cái người đã nói thật thà tôi chỉ viết được những điều tôi đã thấy thì chắc chắn anh ta cũng lơ đãng với những điều ong tiếng ve, không thể mỗi chốc đã dễ dàng bỏ đi được những cái hiển nhiên đã biết đã sống, mà cuộc đời anh thì chỉ có lẩn lộn và máy mò, chắc chắn với sự thực.

Một ngòi bút thấm sâu một thực tế dữ dội nhưng ấy như Võ Huy Tâm sự sáng tạo đặt ra là những tình trạng một đời được thể hiện thật mới mà lại cũng thật xưa, như thế mới thực sự Võ Huy Tâm và bước tiến của anh.

Nhưng Võ Huy Tâm đã không vượt lên được khác “Vùng mờ”.

Tài liệu tham khảo:

- Võ Huy Tâm Web: sachxua.net
- Võ Huy Tâm Blog: talawas



22) **Đào Vũ**



**Đào Vũ - Đào Văn Đạt (1927-2006)**

Nhà văn Đào Vũ được song thân đặt tên là Đào Ngọc Thư , nhưng trong giấy khai sinh tên ông là Đào Văn Đạt, sinh ngày 17 tháng 10 năm 1927 tại làng Lưu Xá, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên. Đào Vũ là bút danh do ông chọn bằng cách ghép họ cha và họ mẹ.

Sinh trong gia đình nho học, cụ nội, cụ ngoại và thân phụ ông đều là các thầy đồ nho nổi tiếng trong vùng. Vì có nhiều học trò đỗ đạt cao nên các môn sinh đã tự nguyện xây lăng để tỏ lòng biết ơn, trả nghĩa đối với thầy giáo cũ ở nhiều nơi nay còn lưu giữ.

Từ những năm 1940, gia đình ông đã là một cơ sở của Việt Minh. Lớn lên trong môi trường gia đình như vậy nên Đào Vũ được học hành quy củ và cũng sớm được giác ngộ Cách mạng.

Ngay từ những năm 1942 – 1943, ở tuổi vị thành niên, ông đã tham gia hoạt động bí mật, năm 1945 trong cao trào tổng khởi nghĩa ông đã tham gia lãnh đạo thanh niên xã, giành chính quyền ở địa phương, được bầu làm Chủ tịch ủy ban Cách mạng lâm thời ở xã.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Năm 1947, ông được kết nạp Đảng, sau đó được cử đi du học tại Học viện văn nghệ Trung Nam ở Vũ Hán Trung Quốc. Sau một thời gian dài công tác tại Việt Nam, Đào Vũ lại được cử sang Liên Xô học tập, tốt nghiệp Học viện Hàn lâm Khoa học xã hội tại Maxcova.

Năm 1957 Đào Vũ được phân công về công tác ở Tạp chí Văn nghệ làm biên tập, phó Tổng biên tập rồi Quyền Tổng biên tập. Từ đó cho đến lúc về hưu, ông gắn bó trọn đời mình với nghề văn.

Đào Vũ là Hội viên sáng lập Hội Nhà văn Việt Nam năm 1957, là Ủy viên BCH Hội Nhà văn Việt Nam khóa III, ủy viên Ban chấp hành Hội Nhà báo khóa IV.

Năm 2001, ông được trao Giải thưởng nhà nước về Văn học Nghệ thuật

Ông đã từ trần ngày 8 tháng 1 năm 2006, thọ 79 tuổi

Tác phẩm:

- *Qua đôi sim* (kịch, Văn Nghệ, 1954)
- *Chiến sĩ và tổ quốc* (dịch, Văn Nghệ, 1955)
- *Cái sân gạch* (1959)
- *Vụ lúa chiêm* (1961)
- *Đội quân nhỏ làng Dương* (Kim Đồng, 1967)
- *Con đường mòn ấy* (1971)
- *Đất ta đây rồi* (Phổ Thông, 1972)
- *Bí thư cấp huyện* (1973)
- *Dãi lụa* (Phụ Nữ, 1973)
- *Hoa lụa* (Phụ Nữ, 1974)
- *Một mùa mưa* (Tổng Hợp Đắc Lắc, 1976)
- *Tìm vàng* (Hà Nội, 1980)
- *Danh dự chúng em* (Kim Đồng, 1985)
- *Con than ngơ ngác* (Hải Phòng, 1988)

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

- *Lưu lạc* (Hội Nhà Văn, 1996)
- *Cái sừng trâu biết nói* (Kim Đồng, 2001)
- *Những người cùng thời* (hồi ức, QĐND, 2002)
- *Trăng rơi xuống giếng*
- *Con voi dữ và chủ nai con*
- *Truyện cô bé bỗng trở nên xinh đẹp*
- *Đội cầu gian truân*

Trích văn:

### **Tính cách vô lại và bộ mặt chính trị nhơ nhớp của Phan Khôi ngày nay**

#### **Câu chuyện lai lịch một biệt hiệu**

Nhân dân Quảng Nam quen gọi Phan Khôi là “*con cóc già*”. Dĩ nhiên không phải vì Phan Khôi đi bằng bốn chân như con cóc, (rõ ràng Phan Khôi vẫn còn đi hai chân) mà là chính vì cả cuộc đời nhơ nhớp của Phan Khôi.

Chả biết có thật hay không, nhưng bà con Quảng Nam vẫn thường tin rằng “*con cóc già*” có thể cắn chết người, nó là một giống vật nguy hiểm. Đối với nhân dân Quảng Nam, nhất là đối với nhân dân miền xung quanh Bảo An, Phan Khôi trước đây cũng là một người rất nguy hiểm. Bởi vậy người ta đã tặng cho Phan Khôi biệt hiệu ấy tự bao giờ không biết.

Phan Khôi con quan, cháu quan chính tông dòng dõi nhà quan như Phan Khôi đã tự báo trong truyện “*Ông Năm chuột*”. Có điều Phan Khôi chưa tự báo là Phan Khôi còn đã là một đại địa chủ chiếm đoạt bao nhiêu mẫu nương dâu. Một đồng chí cùng quê với Phan Khôi <sup>[1]</sup> kể lại cho biết rằng:

Con sông Thu Bồn cứ lở bên Cu Nhí, Bắc Nhí, Bình Lam, Kỳ Lam, bồi một mình bên Bảo An, làng của Phan Khôi. Bãi bồi ấy có đến hàng trăm mẫu. Đất tốt vô cùng. Trồng dâu chăn tằm

## HUỶNH ÁI TÔNG

phải bắc thang hái lá, trồng ngô lừa cả đàn trâu vào tìm không không thấy. Nhưng nhân dân cả vùng vẫn rất đói khổ. Vì bờ bãi phì nhiêu những nhà như Phan Khôi đã chiếm cả, nhất là Phan Khôi. Bồi đến đâu, Phan Khôi có tiền, có thể chống ba-toong về chỗ tay cầm đến đấy. Chỉ nhà Phan Khôi mới có được bao nhiêu xe trâu kéo nước, mới bắc được kè đặt guồng gió lấy nước tưới dâu. Nhà Phan Khôi cửa cao sân rộng nhất làng Bảo An, là một cơ sở chặn tầm rất lớn. Bà con địa phương thường đồn rằng nhà Phan Khôi nuôi tầm thu bạc thược. Sự thật có đúng như lời đồn ấy không, không chắc chắn; nhưng có điều chắc chắn ai cũng biết, đó là chuyện Phan Khôi làm báo lấy tiền về tậu ruộng, đó là chuyện Phan Khôi có lấy thế Tây về làng đàn áp, bóc lột nhân dân xung quanh làng Bảo An. Và nhân dân địa phương đối với Phan Khôi đã có một mối thù không đội trời chung. (Chẳng tin Phan Khôi cứ thử về quê hương mà xem!)

Đồng chí cùng quê với Phan Khôi ôn lại chuyện nhân dân địa phương căm thù định đến tàn phá nhà Phan Khôi từ phong trào bình dân, cho biết, ý định ấy đến mãi sau cách mạng mới thực hiện được: những nương dâu phì nhiêu kia của Phan Khôi bà con nông dân đã giành lấy về tay chia nhau trồng trọt, tre nhà Phan Khôi vì căm thù, bà con đốt không còn một gốc, nhà của Phan Khôi, bà con đập lấy gạch về xây bao nhiêu hầm khắp làng để che chở cho dân làng kháng chiến trường kỳ. - Giữa Phan Khôi và nông dân địa phương, từ bao lâu đã diễn ra một cuộc đấu tranh giai cấp gay gắt.

### **Những danh từ mỹ miều nhưng lừa bịp**

Không biết tại làm sao Phan Khôi có thể làm cho một số người mắc lừa tin rằng y “tiết tháo”, “trung thực”, “kháng khái”... Đó là những danh từ rất đẹp trong tiếng mẹ đẻ của chúng ta, nhưng đối với Phan Khôi, đó là những danh từ hoàn toàn lừa bịp.

Tính cách thật của Phan Khôi chỉ có thể nói rằng rất bản thiú.

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Đại khái như Phan Khôi bấy nay không ưa gì Đảng của chúng ta. Vốn là một người hay xô xiên vặt, y gọi Đảng ta là “cái Đảng” thế này thế khác. Có người vặn lại: sao lại gọi là “cái Đảng”, tiếng “cái” ấy có cần thiết gì đâu? Phan Khôi sẽ thủng thẳng trả lời: tiếng “cái” ấy cũng như “le, la, les” của tiếng Pháp mà thôi.

Hoặc Phan Khôi chê báo *Nhân dân* là dốt. Hỏi tại sao thì y đáp: Mao Trạch Đông báo *Nhân dân* vẫn in một chữ *trạch* không viết hoa, thế là dốt. Tôi tự nhiên nhớ lại một hình ảnh đồng chí nhà văn Liên Xô có dùng trong buổi nói chuyện hôm trước: Hình ảnh một người đứng trước một tòa lâu đài, nhìn thấy trên tường một lỗ đinh, người đó cứ nhìn sâu mãi vào lỗ đinh kia mà kêu la lên đây là một sự hoang tàn ghê gớm. Cái kiểu của Phan Khôi cũng là như vậy.

Cái mà có người bị mắc lừa cho là tính thẳng của Phan Khôi đại khái là những biểu hiện như thế này:

Anh đi qua phòng y mà sơ ý không đóng chặt cửa, y sẽ có gan gọi lại bắt anh đóng chặt lại giả y. Nếu chẳng may anh gặp y mà hỏi: bác xoi cơm chưa. Y sẽ trả lời: để nhường ông xoi, tôi *ăn* rồi, – để tỏ ý phản đối tiếng “xoi”. Hoặc chẳng may hơn nữa anh đang ăn cơm, thấy y đi qua mà chào bằng câu: mời bác xoi cơm. Y sẽ bảo đó là “xỏ lá kiểu Bắc kỳ”. Y không thể quan niệm được đó là một lời chào mời, đó là một biểu hiện tỏ tình tỏ nghĩa trong tập tục của đồng bào miền Bắc.

Anh mời Phan Khôi ăn cơm, nếu không vừa ý, y có thể chửi vỗ mặt. Thời kháng chiến, ở nhà sàn với đồng bào thiếu số, y có thể đá ra nhà người ta; y có thể cứ nằm ườn ra giữa nhà, mặc mọi người xung quanh qua lại làm việc tấp nập; nhường cho y gian nhà tốt, kín đáo (mà thường ngày đồng bào thiếu số vẫn giành cho phụ nữ trong nhà) thì y sẽ chửi tại sao lại để cho y nằm chỗ phụ nữ?

## HUỶNH ÁI TÔNG

Những chuyện như thế rất nhiều. Nếu coi những chuyện ấy là “kháng khái” thì quả là Phan Khôi “kháng khái” lắm vậy.

Cũng có thể nói Phan Khôi có tính bướng, cãi với ai thì không muốn nghe người ta, chỉ muốn nói lấy một mình. Hoặc trái lại như có đồng chí đã từng nhận xét rất đúng: khi nào mình cãi thì y làm thính, khi mình làm thính thì y nói rất bậy. Cái thứ bướng ấy chẳng qua như tính cách một con chuột già chui vào một cái sừng trâu, chui càng vào đầu nhọn vừa đặc vừa tối, người ta bảo cho chuột hay rằng: “Chuột chui nhằm hướng rồi.” Nhưng con chuột ấy gân cổ lên mà cãi lại: “Tôi mà lại có thể nhằm được ư?” Cái thứ bướng ấy của Phan Khôi chỉ tiếc rằng không phải là bướng để chống với phong kiến, đế quốc (sự thật lại hoàn toàn trái lại, tôi sẽ nói ở dưới), mà quay trở lại bướng vật với ý thức chống lại Tổ quốc, chống lại nhân dân.

Phan Khôi thường hay đọc mấy câu này:

*Làm sao cũng chẳng làm sao  
Đã có thể nào cũng chẳng làm chi  
Làm chi cũng chẳng làm chi  
Đã có làm gì cũng chẳng làm sao.*

Thứ nhất sợ kẻ anh hùng, Phan Khôi phải chăng là hạng người thứ nhì mà người ta phải sợ đó vậy?

Không kể bọn *Nhân văn* và bọn Ngô Đình Diệm đã phong cho Phan Khôi là “dũng cảm”, là “anh hùng của ba trăm nô lệ” ấy thì y chỉ còn biết lấy một việc sau đây để chứng minh. Đó là, trải qua cả một giai đoạn “cách mạng” lớn lao của đời Phan Khôi, y đã dám “dũng cảm” gọi một anh thợ bạc giỏi nghề xoay xở, đánh tráo là “*Ông Năm chuột*”.

Phan Khôi còn là người giữ mặt như giờ bàn tay. Đồng chí Thế Lữ có kể một câu chuyện rằng: Trên một đoạn đường cùng đi

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Phú thọ, Phan Khôi toàn một giọng nói xấu, đặc biệt là nói xấu thậm tệ ông N.K., một người đã giúp cho Phan Khôi rất nhiều để xuất bản sách. Chính đang khi nói thì lại gặp đúng ngay ông N.K. Phan Khôi lập tức có thể quên ngay được những điều mình vừa nói và lập tức ngửa tay xin tiền tiêu. Ông N.K. móc túi cho tiền. Phan Khôi xòe cả năm ngón tay ra lấy tiền, miệng nói không ngớt “mét-xì, mét-xì”.<sup>[2]</sup>

Một chuyện khác với đồng chí Hoài Thanh cũng chứng tỏ tính cách ấy của Phan Khôi.

Ngày 2-11-1955, Phan Khôi có tặng đồng chí Hoài Thanh một cuốn sách dịch với lời đề tặng đầy tình nghĩa: “*Tặng hai bác Hoài Thanh, Phan Thị Nga, nhắc lại cái tình bạn hai mươi năm nay, nhất là cùng cam khổ trong thời kỳ kháng chiến.*” Nhưng chỉ ngay sau đó ít lâu, trong lớp học mười tám ngày của văn nghệ, Phan Khôi đã có thể vu cáo đồng chí Hoài Thanh thậm tệ.

Lớp học qua rồi, đồng chí Hoài Thanh đến tận phòng riêng của y ôn tồn hỏi xem y có ý kiến gì đối với mình xin cứ nói, đôi bên trao đổi với nhau tìm ra lẽ phải. Phan Khôi bỗng trở nên rất hồn hậu vốn vã nói với đồng chí Hoài Thanh:

“Không, không, tôi với bác biết nhau từ lâu, tôi nói là nói người khác kia, chứ tôi với bác, tôi bao giờ cũng kính trọng bác.”

Nhưng chỉ ngay sau đó ít ngày, trong buổi đồng chí Tô Hữu tới gặp riêng Phan Khôi thì Phan Khôi lại nói với đồng chí Tô Hữu: Thế nào cũng phải hạ Hoài Thanh, Xuân Diệu xuống, không thể để được.

Người xấu khác có thể căn cứ vào một chút sự thật để vu cáo. Phan Khôi vu cáo không cần cả một chút sự thật ấy nữa. Người xấu khác có thể căn cứ vào một chút lập lờ giữa trắng và đen

## HUỶNH ÁI TÔNG

để đổi trắng thay đen, Phan Khôi không cần cả một chút lập lờ ấy để đổi trắng thay đen, để giở mặt như con bài tây.

Bằng giấy trắng mực đen, gài dây trong tập *Giai phẩm mùa Thu*, với bài “Phê bình lãnh đạo văn nghệ”, Phan Khôi đã một lần nữa phơi bày tính cách rất bản thiêu ấy của mình.

Trong bài đó, Phan Khôi đã dựng đứng hay xuyên tạc rất nhiều, nhưng cũng chính ngay trong bài đó, y có thể lôm la lên rằng: “*Tôi nói ra đây tưởng không có ai ác đến nỗi bảo tôi là dựng đứng hay xuyên tạc như bên địch.*” (trang 6).

Hoặc cũng trong bài đó, theo Phan Khôi, để đáp lại câu của ông Nguyễn Tuân hỏi: “Nói như thế để viser (ám chỉ) ai?” Phan Khôi nghĩ: “*Tôi lấy làm lạ, tôi sao lại có tâm địa xỏ lá đến nỗi mỗi khi nói phải có ám chỉ ai mới được.*” (trang 7). Sự thật Phan Khôi có tâm địa xỏ lá hay không, Phan Khôi có hay ví von để xỏ xiên hay không? Chỉ nội trong bài ấy thôi của Phan Khôi, chúng ta cũng đã thấy y đã ví sự lãnh đạo của chế độ dân chủ cộng hòa như quan trường thừa Thiệu Trị Tự Đức (trang 8); đã ví thời đại này với thời đại Gia Long (trang 12); y đã ví bác Tú Mỡ như ông Lê Mỗ tố cáo ông Nguyễn Mỗ trước ngai vàng ở một sân rồng nọ (trang 11); y đã ví đồng chí Nguyễn Đình Thi với Bạch Thái Bưởi (trang 12); y đã ví đồng chí Hoài Thanh với Phạm Quỳnh (trang 16) v.v...

Thật là trắng trợn và cũng thật là mĩa mai!

Nhưng Phan Khôi còn có thể trắng trợn hơn nữa trong những lời bỉ ổi của y để nói về cái gọi là “vụ giải thưởng văn học 1954-55” (những trang 13, 14, 15, 16 trong *Giai phẩm mùa Thu*).

Sau khi công bố giải thưởng, có một số người thắc mắc về giải thưởng của hai tập thơ *Ngôi sao* (giải nhì) và *Người chiến sĩ* (giải ba), cho là cao quá. Phan Khôi mặc dù trong Ban chấm



## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

giải, nhưng muốn nhân dịp này đã kích vào giải thưởng văn học của ta, đồng thời tự đề cao mình là sáng suốt hơn người khác, y đã bất chấp sự thật, viết trên *Giai phẩm*: “*Hôm bình định về thơ, tôi phản đối tập Ngôi sao đứng giải nhì*”... “*Phải biểu quyết (về tập Ngôi sao) thì tôi đứng về thiếu số, mà nhớ hình như thiếu số tuyệt đối.*” .... “*Ngày 20-8-1956, thành linh có cuộc họp Ban chấm giải, tôi phát hiện thêm ra một sự gian lận: Bao nhiêu lời phản đối của tôi về tập Ngôi sao đều bị bỏ hết, không ghi vào biên bản.*”

Nhưng sự thật là như thế nào? – Sự thật là chính Phan Khôi cũng đã bỏ phiếu tán thành *Ngôi sao* giải nhì. Bạn Yên Lan, thư ký của Ban chấm giải đã viết rất rõ trong bài “*Một vài sự thật chung quanh “vụ giải thưởng văn học 1954-55”*” (đăng báo *Văn nghệ* số 139 ngày 20-9-56). “*Biểu quyết cuối cùng là ông Phan Khôi đã đồng ý Ngôi sao ở giải nhì*” (Yên Lan).

Còn về việc biên bản gian lận, sự thật là một sự vu cáo đê tiện. Chính một số ý kiến không tán thành của Phan Khôi về *Ngôi sao*, biên bản có ghi rõ ràng: những nào *Ngôi sao* của *Xuân Diệu* phần trước kém...; nhiều câu đọc chậm hiểu...; còn ít đoạn chen vào đôi câu tầm thường... Biên bản còn ghi tiếp cả những đoạn ý kiến sau đây của Phan Khôi: “*Phần thứ hai (từ 1953 về sau) thơ có thể nói là xứng đáng với cái tên của một nhà thơ nổi tiếng về trước, nguyên do là nhờ quá trình cải tạo trong chỉnh huấn.*”

Bạn Yên Lan đã đăng lại toàn đoạn ý kiến ấy đầy đủ hơn trong bài nói trên, (tôi xin phép không chép lại ở đây). Trước khi viết bài này tôi cũng đã đối chiếu lại với tập hồ sơ biên bản hiện còn lưu, tôi thấy những điều bạn Yên Lan ghi lại về Phan Khôi là đúng sự thật.

Đến tập thơ *Người chiến sĩ*, Phan Khôi viết: “*Hôm thượng tuần tháng 6, tôi nằm trong Bệnh viện C, thấy mấy anh bộ đội đọc tập thơ Người chiến sĩ của Hồ Khải Đại mà chê rằng dở quá,*

## HUỲNH ÁI TÔNG

*tôi bèn mượn xem thì thấy quả thật là dở quá. Thế mà nó được giải ba văn học. Tập thơ này, tôi ở trong Ban chung khảo chưa hề thấy mặt nó, sau cùng chỉ nhận được thông tri nói nguyên ở giải khuyến khích, nay tương lên giải ba. Ai tương lên? Thế có lạ không?”*

Tôi không thể tin ở sự lú lẫn của Phan Khôi.

Tôi lại xin trích một đoạn bài báo của bạn Yên Lan: *“Sự thật thì như thế nào? Sự thật là trong các cuộc họp chung khảo về thơ, cụ thể những ngày 24-1-56, 28-2-56, 29-2-56, là những ngày có cuộc họp bàn chung về thơ, trong đó có cả thơ của Hồ Khải Đại, và ông Phan Khôi không hề vắng mặt. Trong một cuộc gần sau hết buổi tranh cãi về giải nhì, đến tranh cãi về giải ba, ông Hoài Thanh đã đề cử một số bài thơ của Hồ Khải Đại để bênh vực ý kiến nhận định của ông về giá trị một số bài của tập thơ này; nhiều người vỗ tay, chẳng nhớ ông Phan Khôi có vỗ tay hay không, nhưng theo tôi biết chắc chắn ông không tỏ thái độ phản đối.”*... Sau một đoạn nữa kể quá trình tỷ mỉ sự định giải về tập thơ, bạn Yên Lan kết luận viết: *“Như thế nghĩa là ông Phan Khôi đã có mặt vừa trong cuộc họp có ông Hoài Thanh đọc thơ Hồ Khải Đại, vừa có mặt trong buổi biểu quyết cuối cùng này.”*

Đôi chiếu một chút với sự thật như thế, chúng ta đã thấy rất rõ tính chất ăn không nói có của Phan Khôi. Chính y tán thành giải nhì cho *Ngôi sao* nhưng có thể nói ngược lại là mình phản đối, còn bịa ra là mình bị thiếu số tuyệt đối. Chính y có tham gia bàn bạc biểu quyết về thơ Hồ Khải Đại, nhưng y có thể giữ mặt nói rằng mình *“chưa hề thấy mặt nó”* và còn giả ngây dại *“Ai tương lên? Thế có lạ không?”* Chính y là kẻ gian lận xấu xa nhất, nhưng y có thể ngậm máu phun người hô hoán lên rằng *“biên bản gian lận”*. Không những thế y còn có gan viết thư lên cả đồng chí Tổng Bí thư Đảng Lao động Việt Nam kêu lên sự gian lận vu cáo đó. Một mặt y kiện lên tận Trung ương như vậy về sự biên bản gian lận, cũng có nghĩa là Thư ký Ban

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

chăm thi là Yên Lan gian lận; nhưng một mặt khác là thế nào? “Ông Phan Khôi đã biểu hiện thật là thành khẩn, thân mật, khi ông tìm đến tôi trong phòng tôi làm việc, gọi riêng ra một góc, nói nhỏ rằng: “Anh cứ yên tâm, tôi không kiện anh đâu”. (Yên Lan, vẫn trong bài báo nói trên).

Nói tóm lại thực chất tính cách Phan Khôi là úp mặt vào sự thật, úp mặt vào sự thật một cách nhẫn tâm như úp mặt vào bàn đèn thuốc phiện, miễn là làm sao đạt được chút ít gì đấy có lợi cho mình về tiền tài, danh vị... Phan Khôi không những không “trung thực” không “khảng khái”... gì hết mà chính là tráo trở, xỏ xiên hơn cả mọi người tráo trở xỏ xiên khác. Phan Khôi ngày xưa độc quyền ngón làm báo đập đầu ăn vạ, ngày nay, y cũng định giở lại cái trò lỗi thời ấy. Cái thời mà Phan Khôi kiếm chác được bằng các ngón ấy đã vĩnh viễn qua rồi.

### **Hạ cái mũ ấy xuống**

Chỉ có Ngô Đình Diệm đã phong cho Phan Khôi là “nhà cách mạng lão thành”, thật là chụp cho Phan Khôi cái mũ to quá chính y cũng phải từ chối không nhận được. Thủy chung cả cuộc đời của y, cho tới bây giờ, y chỉ có thành tích phản cách mạng, phản Tổ quốc, chống Cộng sản.

Thực vậy, từ xưa đến giờ, Phan Khôi vẫn là người chống cộng đây nhiệt tình và thâm thúy. Ngày ở Xuân Áng y đã có lần nói trắng điều đó ra mồm.

Lùi về quá khứ, cuộc đời của Phan Khôi đã có nhiều lần chống cộng. Bạn Hồng Quảng đã có lần nhắc lại một ý kiến của Phan Khôi viết lên báo *Tràng An* (1935) gọi phong trào Xô viết Nghệ an vô cùng oanh liệt của lịch sử dân tộc chúng ta là “*loạn Cộng sản*”. Các đồng chí khoảng lứa tuổi với Phan Khôi bảo cho tôi biết rằng bài “Đống lửa rom” y hay ngâm nga chính cũng là để ám chỉ Xô viết Nghệ an:

## HUỶNH ÁI TÔNG

*Ngôi rồi đốt đồng lửa rom  
Khói lên nghi ngút chẳng thơm chút nào  
Khói bay lên tận Thiên Tào  
Ngọc Hoàng phán hỏi thằng nào đốt rom?*

Theo Phan Khôi, phong trào cách mạng chỉ như đồng lửa rom. Cũng theo y khói lửa ấy không thơm gì. Điều đó chứng tỏ rằng từ sớm lắm, Phan Khôi đã không cùng chỗ đứng với nhân dân quần chúng, trái lại đã đứng về phía đối địch. Tôi rất tiếc không có dưới tay báo *Phụ nữ thời đàm* năm 1936 để tìm đọc lại số đặc biệt chống Đệ tam quốc tế (như có bạn mách tôi) để bây giờ đây nói chuyện lại với Phan Khôi.

Cho tới rất gần đây, trong dịp sang thăm Trung Quốc dự lễ kỷ niệm Lỗ Tấn, có lần tới thăm Hội nhà văn Quảng Châu, trong bữa tiệc rượu chiêu đãi, các bạn đưa giấy cho Phan Khôi làm thơ, y đã nhìn một nữ đồng chí Trung Quốc viết một câu ý nói mong tới chủ nghĩa cộng sản để sẽ được cộng thể (?).

Tôi không nói tới khía thô tục đến bỉ ổi của lời nói ấy, mà chỉ định lấy chuyện đó chứng minh thêm con mắt thù hằn của Phan Khôi đối với chủ nghĩa Cộng sản. Đối với y, thực ra cuộc đời sa đọa nưôm nhà cô đầu thuốc phiện của y trong chế độ cũ, cuộc đời y mấy thê mấy thiếp, tưởng đúng đã là nghĩa cộng thể như ý muốn rồi việc gì còn phải vu cáo cho chế độ cộng sản?

Đối với cộng sản thì như vậy, còn đối với triều đình phong kiến thì sao? Có nhẽ “nhà nho tiết tháo Phan Khôi” chống vua quan lắm chẳng? Tiếc thay tôi đi hỏi nhiều người cao tuổi và tìm qua sách báo đều chỉ được biết rằng Phan Khôi có khi dám chửi quan, nhưng đều là những viên quan không ác, chửi để khiêu khích với mục đích cuối cùng là nặn túi. Duy chỉ có một lần trên báo *Tràng An* của Phan Khôi, Phan Khôi đã có lần chửi *Tôn Thất Thuyết*. Chỉ tiếc rằng thảm hại cho Phan Khôi, hành động của Tôn Thất Thuyết ngày 23 tháng năm âm lịch

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

tức là ngày 5-7-1885 lại là hành động chống Pháp, đầu có mặt chưa toàn vẹn, nhưng vẫn là biểu hiện của chủ nghĩa yêu nước.

Một việc đó cũng đủ cắt nghĩa không phải Phan Khôi chống cộng sản vì tinh thần quốc gia. Trái trở lại nếu không nói Phan Khôi liêm giấy để quốc thì cũng phải nói cho đúng rằng y ôm chân để quốc Pháp như đười ươi giữ ống. Chẳng thế mà sau Cách mạng thành công, để luôn luôn tưởng nhớ đến “mẫu quốc”, Phan Khôi còn đặt tên cho con nhỏ của mình là Phan Lang Sa (nghĩa là Pháp)! Câu nói của Phan Khôi đồng chí Hoàng Châu Ký vừa nhắc lại ở báo *Nhân dân* “*Dân An Nam không có nguyện vọng nào khác ngoài việc yêu cầu Chính phủ Pháp cai trị cho tốt.*” Phan Khôi còn nhớ chăng? Việc Phan Khôi lớn tiếng chống phong trào đòi bãi bỏ chế độ kiểm duyệt của giới nhà báo trước kia, lấy cớ rằng trình độ trí thức của người An Nam mình còn kém, nếu bỏ kiểm duyệt, mình viết sai Tây nó bắt thì sao, mục đích của Phan Khôi là để bảo vệ cho chế độ kiểm duyệt ấy được duy trì, chắc Phan Khôi cũng chưa quên? Tất cả những quan hệ bên trong của Phan Khôi đối với bọn trùm mật thám tây Mác-ti, Cút-xô, Xô-nhi... và các quan thầy chánh sứ, đốc lý Tây v.v... thời trước như thế nào? Tôi hậu sinh không làm sao nói cho tường tận được; chỉ có lương tâm của Phan Khôi – dù cái lương tâm ấy đã mờ ám vì khói thuốc phiện đến đâu chăng nữa – mới trả lời được tường tận mà thôi.

Thủy chung trong cả cuộc đời Phan Khôi, Phan Khôi chỉ biết có hết lời ca ngợi cái kiếp vong nô của mình dưới thời Pháp thuộc, coi như một kiếp sống tự do, lý tưởng nhất của Phan Khôi:

*“Tôi không quên chúc phước cho tôi vì tôi được làm một người tự do độc lập về tư tưởng ở thời đại này.”*

Phan Khôi đã viết như vậy trong bài “Sự lập thân của thanh niên nam nữ đời nay” (đăng trong *Phụ nữ tân văn* 1931), và trong một bài khác, Phan Khôi viết:

## HUỶNH ÁI TÔNG

*“Tôi phải lấy sự sanh ra ở đời này làm may mắn. Tôi phải đỡ hết thảy bao nhiêu lạc quan của tôi ở thời đại này.”*

Dưới thời thuộc Pháp, Phan Khôi ca ngợi mình cũng được tự do cũng không có gì lạ, vì thực tình Phan Khôi được tự do vu cáo cho cộng sản, được tự do làm đầy tớ cho đế quốc xâm lược, được tự do làm báo bịp bợm, được tự do lấy ba vợ, được tự do đi cô đầu và hút thuốc phiện v.v... Phan Khôi lấy sự sinh ra ở đời thời thuộc Pháp làm may mắn quả có lý lắm vậy!

Vậy thì, thôi, hãy hạ cái mũ bằng hàng mã Ngô Đình Diệm phong cho ấy, để mọi người thấy bộ mặt chính trị thật của Phan Khôi, bộ mặt nhơ nhớp của một kẻ năm lần phản quốc, một kẻ “An Nam” miệt thị dân tộc bằng đủ các danh từ xấu nhất (hèn kém, ngu dốt v.v...), bằng cả những hình ảnh xấu nhất như Phan Khôi đã từng dùng: *“Đại phạm là chó thì phải ăn cứt; không ăn cứt hà vị chó? Người An Nam đều là chó, không ăn cứt hà vị người An Nam?”*

Vô lại đến nước ấy thì thật không ai bằng Phan Khôi!

### **Một người chạy loạn**

Kháng chiến bùng nổ. Phan Khôi đi theo kháng chiến. Nói cho đúng hơn, chúng ta đưa Phan Khôi đi theo kháng chiến từ đầu chí cuối. Đảng ta đến cùng vẫn là muốn quên đi cái quá khứ của Phan Khôi, vẫn là muốn cải tạo cho y trở lại sống quãng đời cuối cùng của mình cho sạch sẽ. Nhưng bây giờ ngòi bình tĩnh ôn lại, y đi theo kháng chiến chỉ làm một người khách xấu, hoặc nói cho đúng hơn theo kháng chiến, Phan Khôi chỉ là một người chạy loạn.

Tôi là người có cùng sống một cơ quan với Phan Khôi trong thời kỳ kháng chiến, tôi biết chắc chắn rằng cơ quan đối với y bao giờ cũng dành những ưu tiên lớn. Anh em có thiếu thôn

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

đến đâu, nhưng Phan Khôi vẫn có thức ăn riêng, anh em có túi bụi đến đâu, Phan Khôi vẫn nhàn hạ. Mỗi lần di chuyển cơ quan, vấn đề di chuyển Phan Khôi đều được đặt trước trong kế hoạch. Phan Khôi đối xử với anh em giúp việc quái ác như thế nào, nhưng Phan Khôi vẫn có đồng chí cần vụ, rượu cho Phan Khôi không thiếu, cái áo ấm, cái ba-toong chu tất. Phan Khôi đau dạ dày phải cáng đi mổ; Trung ương Đảng gửi về cho những thứ thuốc quý nhất, hiếm nhất trong kháng chiến, dầu dù thuốc men điều trị cho bao nhiêu cán bộ cao cấp, bao nhiêu người có công với cách mạng rất thiếu thốn. Tôi nhớ trong số thuốc gửi về Chiêm hóa cho Phan Khôi có hai ống thuốc máu bột, Phan Khôi chỉ dùng hết một ống, còn một ống đã dùng để cứu sống được một đồng chí cán bộ chúng ta. Đảng tổ chức cho Phan Khôi học tập, chỉ cho Phan Khôi bát nước trong mà uống, quãng đường quang mà đi.

Vậy mà Phan Khôi đã đền đáp lại sự đối xử ấy của nhân dân bằng thái độ đi kháng chiến như thế nào?

Một người khách nhiều dân về cái bệnh hút xách của mình. Cơ quan rời tới đâu, hoặc chỉ đi qua nơi nào, Phan Khôi đã đánh hơi tìm ngay được “phi trường”, nơi để cưỡi tàu bay lên mây xuống gió, để hút thuốc phiện. Hút rồi gây gỗ với dân, dân phản nản, các đồng chí phụ trách nhắc nhở, có lần Phan Khôi đã đòi “cho tôi xin một cái giấy thông hành”. Để đi đâu, chúng ta đều đã biết.

Phan Khôi đi theo kháng chiến, nhưng không phải là người kháng chiến, chỉ là một người:

*Tuổi già thêm bệnh hoạn,  
Kháng chiến thấy thừa ta.  
Mối sầu như tóc bạc  
Cứ cắt lại dài ra.*

(“Hớt tóc trong bệnh viện” – Phan Khôi - 1952)

## HUỶNH ÁI TÔNG

Cái thế đứng ngô ngoai ấy phát triển đến đối lập. Có một lần Phan Khôi làm sai bị phê bình, y nhắc lại câu: “*Đương quân chi thời, ngô hà lập ngôn*” (Đương lúc thời thế của anh, tôi còn biết nói sao). Thật chẳng khác gì cái điệp khúc sau này của *Nhân văn* “Bạn cố tình đến thế, tôi còn biết nói sao.”

Cái tâm địa của một kẻ đối địch chẳng qua yếm thế phải tạm theo ta của Phan Khôi còn được bộc lộ trong những bài thơ bằng Hán văn của y.

Trong bài thơ Đường vịnh cảnh kháng chiến có mấy câu:

*Một mình trước cảnh xanh núi rừng  
Ta ngồi ngồi ngạo nghễ với bầy chim bầy vượn  
Vì ta chạy loạn mà tình cờ gặp cảnh lâm tuyn.*

(Thế Lữ dịch ý)

Nhất là trong bài thơ vịnh cảnh ba mươi Tết ở Yên dã, tâm địa ấy của Phan Khôi càng rõ ràng hơn nữa:

*Một mình đêm giao thừa  
Đến ngọn đèn làm bầu bạn cũng không có  
Đắp lên thân suy tàn một tấm chăn kép  
Chợ mắt mơ là nhằm miếng chua cay.  
Có vợ con mà cam sống chia cách  
Không sinh kế đành phải ăn nhờ  
Nghe tiếng gà mừng vùng dậy  
Kháng chiến bốn lần gặp xuân rồi.*

(Thế Lữ dịch)

Vì không đứng cùng một chỗ với nhân dân, nên Phan Khôi nhìn tất cả đều ảm đạm, đến nỗi sống trong lòng cuộc kháng



## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

chiến vĩ đại đến thế, Phan Khôi không thấy gì cả mà chỉ thấy làm lạ “loạn lạc như vậy mà không có trộm cướp”.

Một mặt khác, còn có những hiện tượng chứng tỏ tâm địa đầu hàng phản bội của Phan Khôi.

Trong kháng chiến, có lần cơ quan bị hãm trong vòng vây của giặc. Ban ngày cơ quan cứ phải tản tản cả vào rừng. Có điều lạ là vào rừng không bao giờ thấy Phan Khôi đâu cả; bao giờ y cũng lánh đi một chỗ riêng với một người nữa tôi không tiện nói tên. Anh em hỏi Phan Khôi về việc đó, Phan Khôi bảo như thế mới là đúng. Anh em bảo như vậy nguy hiểm, một hai người lơ ngơ sợ Tây nó có thể bắt được. Phan Khôi đáp không sợ Tây bắt.

Vì sao lại không sợ? Mãi về sau anh em mới được biết Phan Khôi thổ lộ lý do đó với một người thân tín:

*“Tôi đã định bụng, nếu có bị Tây bắt, tôi sẽ có một vũ khí xưng: Moa<sup>[3]</sup>, Phan Khôi đây!”*

Phải rồi, một người đã từng trung thành với “mẫu quốc” như vậy, nay nếu phản bội kháng chiến, chắc “mẫu quốc” lại hoan nghênh thôi.

Một số anh em muốn đi tìm lại xem trong suốt thời kỳ kháng chiến, “nhà báo lão thành” ấy có viết được dòng chữ lớn nhỏ nào đả kích đế quốc Pháp xâm lược, ca ngợi nhân dân kháng chiến hay không? Nhưng anh em tìm toát mồ hôi mà không thấy.

Tôi được biết Phan Khôi trong kháng chiến có viết một số bài tạp văn nghiên cứu về sinh hoạt. Sau khi hòa bình lập lại, y có đưa cho nhà xuất bản văn nghệ (nhưng không xuất bản). Đồng chí Chế Lan Viên lúc ấy có đọc bản thảo kia, kể lại cho tôi nghe đại khái trong đó có những ý xuyên tạc, thí dụ về “cây

## HUỶNH ÁI TÔNG

chó đẽ” ngoài việc có nơi gọi là “cây cộng sản”, Phan Khôi bảo còn có nơi gọi là “cây cụ Hồ”; thí dụ “con chim bắt cô trói cột” ở Quảng Nam người ta còn gọi là chim “bắt nhau trói buộc” y nói vì thời gian ấy Quốc dân Đảng phản động trong đó đang bị bắt; Phan Khôi còn nói thêm sau ra Bắc cũng lại thấy “con chim bắt nhau trói buộc” ấy và kết luận “con chim ấy nó đi ngược đường với tôi”

Đồng chí Chế Lan Viên lúc ấy có phân tích nhiều mặt về những ám ý xấu xa, phản động trong những “tìm tòi” ấy của Phan Khôi; và tỏ ý rất công phần. Chúng tôi cũng đồng tình.

Nói tóm lại, sinh hoạt tư tưởng, thái độ chính trị, trước tác của Phan Khôi trong thời kỳ kháng chiến là như vậy. Tôi cho rằng dẫu thế chẳng nữa, cuộc kháng chiến cũng đã cho Phan Khôi một quãng đời tương đối sạch sẽ trong cả cuộc đời bản thiêu của Phan Khôi, cuộc đời toàn những đảo điên phản trắc. Chỉ có điều là, chúng ta có quyền không cho Phan Khôi được mang cái xưng hiệu rất vẻ vang là “người kháng chiến” vì Phan Khôi đã không xứng đáng.

### **Lần phản quốc mới nhất**

Hòa bình lập lại, Phan Khôi trở về Hà Nội, ngất ngheo với cái mũ phớt, cái ba-toong, lập lờ khó hiểu với đôi mắt trắng dã, hai hàm răng cái mả. Cơ quan Hội Văn nghệ bố trí cho Phan Khôi những điều kiện sinh hoạt và làm việc tốt nhất. Hình như Phan Khôi có làm được một việc có ích: Phan Khôi đưa xuất bản sách dịch giới thiệu Lỗ Tấn. Nhưng, chỉ tiếc rằng sau này kiểm tra lại, người ta mới biết Phan Khôi đã xuyên tạc Lỗ Tấn<sup>[4]</sup>. Và xét cho cùng Phan Khôi có dịch Lỗ Tấn chẳng qua cũng như ngày trước Phan Khôi đã để năm ấy qua năm khác dịch Kinh Thánh cho một cơ quan truyền đạo ngoại quốc, lĩnh những món tiền rất to để tậu ruộng nương, sinh cơ lập nghiệp lớn ở quê.

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Đáng tiếc hơn nữa, trong mấy năm qua, Phan Khôi đã có những hành tung xấu xa mà tính chất, mục đích là tiến công điên cuồng vào Đảng Lao động Việt Nam, chống Tổ quốc, chống chế độ, chống xã hội chủ nghĩa.

Trước hết, người ta thấy Phan Khôi hay được một người trước kia cũng viết văn cũng từng “bẹp tai” với Phan Khôi ở Việt Bắc, sau đó “dinh tề” vào thành cho đến khi hòa bình trở lại, lại đến lôi kéo Phan Khôi đi hút thuốc phiện và phao tin đồn nhảm. Ai cũng biết rằng bẹp tai bên ngọn đèn dầu lạc, khói tuôn ra là tuôn theo cả bao nhiêu lời tối tăm bạc ác.

Hoặc có những việc đại khái như Phan Khôi được con mụ phù thủy Thụy An lui tới sâu nhưng nâng giắc v.v...

Nguy hiểm hơn nữa Phan Khôi đã bắt đầu cả một loạt hành động phá hoại cách mạng.

Người ta đã thấy mòi của những hành vi phản động sau này từ những mâu thuẫn “*Nghiến răng*” của Phan Khôi hoặc từ cách ký tên *Tơ-hông-reo* của y đăng trong tuần báo *Văn nghệ* cũ. (Tại sao trong thời Pháp thuộc Phan Khôi nguyện làm Thông reo<sup>[5]</sup> mà bây giờ lại đổi thành *Tơ-hông-reo*, có phải chăng Phan Khôi muốn dùng kiểu nói Nam bộ để nói Phan Khôi không reo nữa chứ gì?)

Cho đến lớp học mười tám ngày của văn nghệ, Phan Khôi đứng lên phất ngọn cờ phản động mục nát của mình, tập hợp xung quanh một số những phần tử sau này là *Nhân văn-Giai phẩm*. Phan Khôi vu cáo cho lãnh đạo ở tổ 2, Phan Khôi định đọc tham luận của tổ 2 (sau Nguyễn Hữu Đang đọc thay), Phan Khôi phát ngôn rất thâm độc ở buổi lễ tổng kết lớp học.

Gặp lúc trong nước ta mắc sai lầm trong cải cách ruộng đất, ngoài nước nổ ra những vụ Hung-ga-ri, Ba Lan, Phan Khôi tưởng thời cơ đã đến, tưởng bầu trời Phan Khôi đã hừng nắng,

## HUỖNH ÁI TÔNG

đã tiếc tuổi mình già mất rồi, nhưng vẫn tự nhủ còn hành động được thì cứ hành động:

*Nắng chiều có đẹp.  
Tiếc tài gần chạng vạng,  
Mặc dù gần chạng vạng,  
Nắng được thì cứ nắng.*

(“Nắng chiều” – *Giai phẩm mùa Thu* - 1956)

Phan Khôi càng trắng trợn càng điên cuồng đi lôi bè kéo cánh, phát ngôn độc ác, hành động phá hoại. Trong chuyện này, có một chuyện xảy ra sau này cũng thành “giai thoại” trong giới văn nghệ, đó là chuyện đồng chí Chế Lan Viên chửi cho Phan Khôi một trận ở trụ sở Hội Văn nghệ.

Muốn tranh thủ đồng chí Chế Lan Viên, Phan Khôi nói với chị Chế Lan Viên nên về khuyên Bảo Anh ấy đừng đi theo lãnh đạo, ít ra cũng nên trung lập như Cao Miên ấy; Hồ Viết Thắng đồ rồi, bên Đại học đang sôi nổi v.v... Đồng chí Chế Lan Viên biết chuyện, lên tận phòng của y cho một bữa nên thân. Những nào: Đùng cây già mà nói láo, đây ba mươi năm nữa cũng già, đồ đồn mặt đồ hèn v.v... Phan Khôi đáp: “Vâng, tôi hèn!” Và, sớm hôm sau, Nguyễn Hữu Đang đã bỏ đến, Trần Duy đã bỏ đến Hội Văn nghệ nói với đồng chí Chế Lan Viên làm gì mà “nóng” quá.

Không “nóng”, nghĩa là để mặc lão già ấy ra sức hành động phá hoại chứ gì? Chúng ta thử đọc lại xem trong *Giai phẩm mùa Thu*, Phan Khôi đã đả kích vào sự lãnh đạo của Đảng ta cay độc như thế nào?

Thôi thì Phan Khôi vu cáo Đảng ta tiêu diệt thứ tự do không hề có của văn nghệ sĩ (!) (trang 6), Đảng ta tiêu diệt cá tính của nghệ thuật, quá trốn, xâm phạm vào quyền riêng nghệ thuật của văn nghệ sĩ (!) (trang 6 và 9); Thường vụ Hội Văn nghệ xỏ

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

seo văn nghệ dắt đi, bẻ bai bẻ hợe như bà già đối với nàng dâu (!) (trang 10); nguyên nhân của vụ *Giai phẩm* là do lãnh đạo (!) (trang 19); lãnh đạo nắm độc quyền ngôn luận, cả vú lấp miệng em (!) (trang 13), mọi người đã bị vú lấp (trang 16) v.v...

Bây giờ chúng ta ai ai cũng đã rõ thứ tự do của bọn Phan Khôi đòi lấy được chỉ là thứ tự do tách rời chính trị, tự do phản quốc, tự do làm con ngựa già phục vụ cho giai cấp tư sản, tự do làm cơ quan tác động tinh thần của Mỹ - Diệm ở miền Bắc.

Thực ra thứ tự do ấy Phan Khôi đã có. Bằng chứng hiển nhiên là Phan Khôi đã sánh vai với Trần Duy, một gã trước kia đã làm mật thám cho Pháp, chủ trương tờ báo *Nhân văn* rất phản động, mà Chính phủ đã sáng suốt đóng cửa từ số số 6.

Về báo *Nhân văn*, tôi xin miễn nói lại ở đây, vì tôn chỉ mục đích, tính chất, luận điệu, nhân vật, nguồn tài chính, tác hại của nó, sự hoan nghênh của địch ở miền Nam v.v... cả một năm trời vừa qua, chúng ta đã nói nhiều và đều biết rõ.

Riêng Phan Khôi, qua quá trình mưu toan ra báo *Cái chổi*, ra báo *Thượng vàng hạ cám* định nhằm bới móc vu cáo chế độ ta, đến lần làm chủ nhiệm báo *Nhân văn*, thân chinh tự tay đi bán ngoài phố, đến việc sang Trung Quốc dự lễ kỷ niệm Lỗ Tấn, bất cứ đi đến đâu, bất cứ nhân nói chuyện gì, Phan Khôi cũng tìm cách nói xấu Chính phủ ta, đả kích vào chế độ ta (như anh chị em giới văn nghệ đã được nghe đồng chí Tế Hanh cùng đi với Phan Khôi về báo cáo) thì chúng ta có thể kết luận Phan Khôi có đầy đủ tiêu chuẩn của một tên phản quốc lần thứ năm.

### **Hậu Nhân văn hay những phá hoại hiện hành**

Báo *Nhân văn* bị đóng cửa, cả phong trào quần chúng nổi dậy chống luận điệu và hành động phá hoại của nhóm *Nhân văn-Giai phẩm* vẫn chưa làm Phan Khôi tỉnh ngộ. Y đóng cửa trong buồng, bầm gan tím ruột thâm thù chế độ ta và tiếp tục hành

## HUỶNH ÁI TÔNG

động phá hoại, Một trong những thủ đoạn Phan Khôi sử dụng trong lúc này là làm thơ phản động bí mật lưu hành bằng cách đọc lên lút hoặc chép tay chuyền cho nhau, hoặc luôn đi để câu những bài họa lại.

Phan Khôi tất nhiên căm thù phong trào cải cách ruộng đất của ta, bởi vậy ta có làm sai, sửa sai, nhưng Phan Khôi vẫn tiếp tục đả kích:

*Sửa sai sửa lại sửa đi  
Sửa thì cứ sửa, sai thì cứ sai.*

(thơ Phan Khôi đọc riêng cho Hoàng Cầm nghe)

Phan Khôi cứ nhắm mắt nói càn vu khống vì y có đi đến đâu đâu mà biết tình hình nông thôn của ta sau sửa sai như thế nào; vậy xung quanh y là những phần tử *Nhân văn-Giai phẩm* cũng chẳng đi đâu hết làm sao y biết được sự thực của tình hình thực tế khách quan; y không hề bao giờ ra khỏi phòng, nếu có ra là đi tìm ánh sáng của ngọn đèn dầu lạc mà thôi!

Phan Khôi rất hần học khi thấy Đảng ta đoàn kết được đông đảo văn nghệ sĩ yêu nước, nhất là khi thấy cả những văn nghệ sĩ ngoài Đảng cũng tự nguyện đứng dưới ngọn cờ của Đảng, phục vụ nhân dân, lập được thành tích, được Đảng ta khuyến khích cổ lệ.

Phan Khôi làm thơ gửi bác Tú Mỡ:

*Ở sở Phi-nặng có một thầy  
Già đời chẳng được cái mè đay  
Nay cái mè-đay thầy đã được  
Vớ đời thầy hết giọng chua cay.*

...

Phải nhận thực rằng cái lối “gí điện” ấy (danh từ của nhóm

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

*Nhân văn*) trong một lúc cũng có làm bác Tú Mỡ suy nghĩ vẩn vơ, nhưng cuối cùng, hẳn Phan Khôi có đọc bài thơ vạch mặt Phan Khôi đăng ở báo *Cứu quốc* gần đây của Tú Mỡ!

Phan Khôi tiếp tục đả kích một nhà nghệ sĩ khác cũng được tặng huân chương:

*Mó vào sách vở tay xoa mỡ  
Bước đến thực hành cẳng trơ xương  
Tội nghiệp huân chương không biết nói  
Đáng câu số mệnh nghĩ mà thương.*

Mục đích của Phan Khôi là muốn “kích” văn nghệ sĩ đi theo con đường chống Đảng, chống chế độ như Phan Khôi, là muốn chia rẽ văn nghệ sĩ tách rời với Đảng. Nhưng sự thật là bọn Phan Khôi càng điên cuồng, những người văn nghệ sĩ chân chính càng đoàn kết phấn đấu cho chân lý của Đảng.

Tiếp tục luồng thơ ấy, Phan Khôi khai thác đề tài từ những việc nhỏ như việc giá quả chanh, từ con rùa, con lợn đến việc y lên 70 tuổi.

Phan Khôi tự ví mình với con rùa than van rằng “*sống lâu chỉ để đội bia chùa*”, lại tự phỉnh nịnh “*mấy phen ma vật mà không chết*”, rồi kết luận bằng bốn câu phản động:

*Nhồi sọ báng nhau trăm bộ sách  
Còng lưng thờ nặng chín triều vua  
Giật mình trước mắt nền dân chủ  
Hắt cái bia đi kéo trái mùa.*

Phan Khôi cũng nên tự biết sống lâu cả ba triều đại mà triều đại nào cũng làm tên phản quốc như vậy thì tuổi nhiều chỉ thêm nặng tội thật; nếu Phan Khôi không cố tình coi nền dân chủ như thù địch thì sao phải giật mình, Phan Khôi hãy đừng tự nịnh mình mà nên nhìn thẳng vào tội lỗi:

## HUỶNH ÁI TÔNG

...  
*Chống Pháp lại đi ôm đít Pháp  
Chửi vua rút cuộc liếm giày vua  
Há mồm lại nói nền dân chủ  
Đạo đức ba que quả trái mùa.*

(“Thơ họa Con rùa đá” của Tế Hanh - 1957)

Sau khi *Nhân văn* bị đóng cửa, Phan Khôi đã bộc lộ tim gan của mình rất rõ qua bài vịnh con lợn bị trói. Y tự ví mình với con lợn và kêu rằng bị chằng trói không được tự do:

*Đánh đùng một cái  
Kêu éc éc ngay  
Bịt mồm bịt miệng  
Trói chân trói tay.*

Đúng, chúng ta cũng không cần úp mở gì mà nói cho Phan Khôi biết rằng nhân dân nhất định không cho Phan Khôi thứ tự do phản quốc. Chúng ta nhất định phải bịt những cái mồm vu cáo lại, trói những bàn tay phá hoại lại. Chúng ta cảnh cáo bọn Phan Khôi để họ biết rằng con đường họ đang đi là con đường nguy hiểm, dẫn họ đến chỗ chết, họ phải dừng lại nếu họ thực biết nền dân chủ chuyên chính của nhân dân không cho họ làm liều:

*Từ đây đến cái dao  
Chẳng còn xa là bao*  
(“Con lợn”)

Trong bài thơ quả chanh, Phan Khôi có đoạn viết:

*Anh bép nhà ông nước bạn  
Mua một trăm quả mười hai vạn*

.....  
*Thôi đừng nói nữa mà tôi tủi*



## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

*Là người Việt Nam giữa Hà Nội  
Mùa bức chả được ăn quả chanh.*

Phan Khôi muốn đả kích vào chính sách kinh tế, chủ trương xuất nhập khẩu của ta, cho đây là nguyên nhân làm cao giá sinh hoạt; Phan Khôi muốn đả kích vào mối bang giao hữu nghị giữa các nước trong phe xã hội chủ nghĩa, muốn gây sự thù hằn đối với các đồng chí nước bạn sang giúp ta một cách vô tư; Phan Khôi làm ra bộ thiếu não “mùa bức chả được ăn quả chanh”, có được quả chanh “cắt vào nước rau húp lại chan”... Nhưng những luận điệu ấy không lừa bịp được ai, nó chỉ cho thấy thêm bộ mặt thật của Phan Khôi, bộ mặt của một kẻ kiên quyết chống Tổ quốc, chống Đảng, chống xã hội chủ nghĩa đến cùng, bộ mặt của một kẻ lừa bịp, mồm nói không được ăn quả chanh nhưng sự thực là mềm môi uống sâm, hút thuốc phiện.

Còn bài thơ có lẽ nhiều người họa nhất là bài tự chúc thọ 70 của Phan Khôi. Phan Khôi tự vịnh:

*Lên bảy mươi rồi mẹ nó ơi  
Thọ ta ta chúc nở phiên ai*

Phan Khôi tiếp:

*Khờ khạo một mình khua trống bỏi  
Ngại ngừng lắm lúc sợ thân voi  
Sống thêm cho kẻ ưa mời chén  
Cho kẻ không ưa mặt cú gai.*

Một tên già đời phản quốc hòng ai chúc thọ? Còn cái “bướng” của Phan Khôi, chúng ta phải nói lại một lần nữa rằng bướng với nhân dân, quỳ gối trước đế quốc xâm lược chỉ là cái bướng nhục, cái bướng của một “con chó ăn cứt”. Hãy đừng đem “cái tuổi văn chương bốn chục ngoài” ra lừa bịp ai, sự thực người ta đối với Phan Khôi như thế này đây:

## HUỶNH ÁI TÔNG

*Đã lộ mặt rồi mẹ đỡ ơi  
Giả vờ đạo đức chẳng lừa ai  
Bán buôn chữ nghĩa ba thời đạ  
Mặc cả văn chương bốn chục ngoài  
Cương trực ngoài môi khi xuống chó  
Anh hùng lỗ miệng lúc lên voi  
Tưởng bao khói thuốc trôi qua họng  
Giờ báo Nhân văn lại mắc gai.*

(họa "Chúc thọ 70" của Phan Khôi)

*Nhấn bảo Phan Khôi khôn kiếp ơi  
Thọ mi mi chúc chớ hồng ai  
Văn chương! Dù mẹ thằng cha bạc  
Tiết tháo! Tiên sư cái mẽ ngoài  
Lô-gích, trước cam làm kiếp chó  
Nhân văn, nay lại hít gì voi  
Sống dai thêm tuổi cho thêm nhục  
Thêm nhục cơm trời chẳng biết gai.*

(thơ họa của Nguyễn Công Hoan - 1957)

### **Phan Khôi hãy trở lại làm kiếp người**

Chúng ta sẵn sàng quên đi tất cả cái quá khứ thối tha của Phan Khôi, nhưng thái độ cố tình phản quốc một cách tự giác của Phan Khôi bắt buộc chúng ta phải ôn lại. Bây giờ Phan Khôi đã thành kẻ thù địch của nhân dân, của cách mạng, sự ôn lại ấy giúp chúng ta thấy tính cách phản trắc, ăn không nói có của Phan Khôi, thấy bộ mặt chính trị phản động như nhóp của Phan Khôi để không mắc lừa những luận điệu xảo trá lừa bịp của y.

Đối với Phan Khôi, hãy chấm dứt kiếp chuột, kiếp chó, kiếp rùa, kiếp lợn của mình đi, hãy đừng làm con cóc già nữa, mà phải cúi mặt xuống đầu hàng nhân dân vô điều kiện, hãy ngay

HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975  
thật trở lại làm kiếp người.

---

[1] Tức là đồng chí Hứa Minh vốn là du kích chiến đấu bảo vệ vùng Bảo An, hiện nay tập kết ra Bắc, công tác tại Vụ nghệ thuật Bộ Văn hóa. Đ. V.

[2] Tức là tiếng Pháp merci, merci nghĩa là cảm ơn cảm ơn.

[3] Tức là *moi* tiếng Pháp, nghĩa là tôi – Đ. V.

[4] Các bạn Lê Xuân Vũ, Xuân Lê đã có bài riêng nói về vấn đề này (sẽ giới thiệu trên tạp chí Văn nghệ) tôi xin phép lướt qua – Đ. V.

[5] Một trong những bút danh của Phan Khôi thời Pháp – Đ. V.

(Nguồn: Tạp chí *Văn nghệ*, số 12, tháng 5, năm 1958 – Số đặc biệt thứ hai chống *Nhân văn-Giai phẩm*)

Nhà văn, nhà soạn kịch Học Phi nói về Đào Vũ: “ *Tôi thực lòng lấy làm vui, thấy như có một sợi chỉ đỏ xuyên suốt một đời văn Đào Vũ. Với trên 50 năm cầm bút, với trên dưới 70 đầu sách đã cho in, lại mấy chục năm làm báo... một lòng, một dạ theo Đảng không để lại phía sau một sai sót gì đáng kể, không hề ngã nghiêng trước song gió, bão giông...Đào Vũ đã thực sự kết tục và phát huy được truyền thống của các bậc đàn anh đi trước, tạo dựng cho mình một vị trí xứng đáng trong nền văn học hiện đại của ta*”

Tài liệu tham khảo:

- Đào Vũ Web: [hodaovietnam.com](http://hodaovietnam.com)

- Đào Vũ Blog: [talawas](http://talawas.com)

23) Hữu Mai



**Hữu Mai - Trần Hữu Mai (1926-2007)**

Hữu Mai tên thật là Trần Hữu Mai, sinh ngày 7 tháng 5 năm 1926, tại thành phố Thanh Hóa. Nguyên quán ông gốc ở làng Đông Trụ, xã Chiến Thắng, huyện Lý Nhân, Hà Nam.

Ông là con một gia đình viên chức nhỏ. Kháng chiến toàn quốc ông tham gia tự vệ thành, chiến đấu ở Hà Nội rồi vào bộ đội, phụ trách báo *Quân Tiên Phong* (báo của Đại đoàn 308), tham gia nhiều chiến dịch trong đó có chiến dịch Điện Biên Phủ.

Năm 1956, ông tham gia thành lập và biên tập tạp chí *Văn nghệ Quân đội*, trưởng phòng Văn nghệ Quân đội, lên đến cấp bậc Đại tá.

Năm 1983, ông chuyển ngành sang Hội nhà văn, là Ủy viên Ban thư ký thường trực Ban Chấp hành Hội khóa III, khóa IV. Ông là thành viên của Hiệp hội Quốc tế những nhà văn viết truyện trinh thám AIEP. Trong các sáng tác văn học, ông thường sử dụng hai bút danh là Hữu Mai và Trần Mai Nam.

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Về sự nghiệp văn học, ông nhận được các giải thưởng:

- Giải thưởng văn học Bộ Quốc phòng (1989) với Ông cố vấn
- Giải A văn xuôi Hội Nhà văn (1990)
- Giải A văn học về đề tài an ninh Bộ Công an - Hội Nhà văn Việt Nam
- Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật đợt I, năm 2001 cho các tiểu thuyết: *Cao điểm cuối cùng*, *Vùng trời*, *Ông cố vấn*

Ông qua đời ngày 17 tháng 6 năm 2007 tại Hà Nội, hưởng thọ 81 tuổi.



*Từ trái: Hữu Mai, tướng Hồng Cư, Võ Nguyên Giáp, nhà văn Phạm Chí Nhân, cán bộ văn phòng của tướng Giáp*

Tác phẩm:

## HUỖNH ÁI TÔNG

- *Những ngày bão táp* (tiểu thuyết, 1956)
- *Cao điểm cuối cùng* (tiểu thuyết, 1960)
- *Đông đội* (tập truyện ngắn, 1962)
- *Phía trước là mặt trận* (tập truyện ngắn, 1966)
- *Dải đất hẹp* (ký sự, 1967)
- *Vùng trời* (tiểu thuyết, 3 tập, 1971, 1975, 1980)
- *Trận đánh cuối cùng* (ký sự, 1977)
- *Đất nước* (tiểu thuyết, 1985)
- *Ông cố vấn* (tiểu thuyết, 3 tập, 1988, 1989)
- *Đêm yên tĩnh* (truyện, 2000)
- *Người lữ hành lặng lẽ* (tiểu thuyết tư liệu, 2005)
- *Không phải huyền thoại*
- *Hà Nội 12 ngày đêm*
- *Hoa ban đỏ* (kịch bản phim)
- *Ông cố vấn* (kịch bản phim truyền hình)
- *Nguyễn Ái Quốc ở Hồng Công* (kịch bản phim)
- *Cao điểm cuối cùng* (kịch bản phim)

Trích văn:

### **Để rõ thêm chân tướng phản động của Trần Dần**

Đến nay, Trần Dần đã được lột mặt nạ trước quần chúng. Nhưng cũng còn một số bạn, chưa từng gần gũi Trần Dần, thắc mắc: “Sao một quân nhân, hơn nữa một đảng viên, đã được rèn luyện qua 10 năm kháng chiến, có thể trở nên xấu xa như thế?”

Biết Trần Dần từ lâu, tôi xin nói điều đó.

### **Trần Dần đã đi vào cách mạng, vào kháng chiến như thế nào?**

Năm 1945, trước khởi nghĩa, Sài Gòn như nước trong nồi sủi mạnh ngàn ngọn bốc hơi, muốn hát băng cái nắp vung đang đem tất cả sức ý nặng nề để cưỡng lại. Một buổi sớm thức giấc, thấy cờ sao bay đỏ thành phố, Trần Dần mới biết cách mạng đã

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

nắm chính quyền. Dần bỏ dở cuộc ngoa du, quay về Hà Nội. Cuộc đấu tranh chính trị diễn ra giữa thủ đô từng giờ, mỗi lúc càng gay gắt, đe dọa chính quyền cách mạng đang trũng nước. Giữa lúc ấy, Dần vẫn say sưa phun khói thuốc phiện bên bàn đèn với Đinh Hùng, và bắt chim một mụ gái nhảy hơn mình gần chục tuổi, vợ ba của một văn sĩ lúc đó. Con một gia đình tư sản kiêm địa chủ khá lớn (có vài ba chục nóc nhà, dăm chục mẫu ruộng và hàng trăm chiếc xe tay cho thuê), Trần Dần có thể lấy của bố mẹ hai vạn bạc Đông Dương đưa người yêu vào Huế sống truy lạc. Hai tháng hết tiền, đôi trai gái bất chính này quay về Hà Nội. Được Đinh Hùng khai tâm, Dần rủ rê mấy người bạn thành lập một nhóm thơ tượng trưng và xuất bản tờ báo *Dạ đài*. Dần tự tay thảo tuyên ngôn: “*Chúng tôi một đoàn người thất thủ đầu thai nhằm lúc sao mờ...*” Sự nghiệp cách mạng thay trời đổi đất của quần chúng, Dần coi “*Cách mạng có nghĩa là để phát triển thơ tượng trưng*”. Dần ở chung nhà với một đồng chí trong ban khởi nghĩa thành Hà Nội. Đồng chí này thường có bạn đến chơi. Họ hay tranh luận các vấn đề chính trị. Dần nói: “*Làm chính trị như các anh lết bết chán lắm! Chỉ thơ tượng trưng là nhất, một ‘cú’ là lên cao vút ngay*”. [1]

Súng khiêu khích của giặc bắt đầu nổ. Cả thành phố nổi gai hào ụ. Sau một ngày đi nhặt bài, chuẩn bị ra báo *Dạ đài* số 2, Dần về chưa kịp lên giường, đèn tắt, đại bác nổ, lửa cháy đỏ thành phố. Giờ cứu quốc đã điểm. Là một thanh niên năm ấy 20 tuổi, Trần Dần xách va-ly tản cư về Hành Thiện, Vụ Bản, Nam Định, không quên dắt theo mụ nhân tình. Dần định bụng dăm bữa nửa tháng, ngừng tiếng súng, sẽ quay về Hà Nội. Nhưng ở đây, được một số đồng chí Đảng giúp đỡ, được đọc sách, Dần bắt đầu biết thế giới có hai phe, bốn mâu thuẫn lớn, cuộc kháng chiến phải qua ba giai đoạn, phải trường kỳ.

Một người bạn rủ Dần lên Phú Thọ, giới thiệu Dần vào làm việc ở Sở Thông tin khu XIV. Dần kể lại với tôi: “*Ở đó chỉ đọc sách, và ngồi vắn vơ suy nghĩ suốt ngày, rất ít vận động, hàng*

## HUỶNH ÁI TÔNG

*tháng không tắm vẫn thấy người dễ chịu chệ nhàng...*” Rồi Dần cũng chán cảnh tù túng này. Đang muốn đi đây đi đó bay nhảy, một người bạn đến rủ Dần vào bộ đội Sơn La. Nghe anh bạn nói: “*Sơn La cảnh đẹp, phụ nữ Thái đẹp, hay tắm truồng, có ngựa phi, vào bản có rượu có lợn (!)*”, Dần thích, đi ngay. Vào bộ đội, Dần làm “li-tô” (viết đá đề in). Dần tìm hiểu Đảng phần lớn qua sách vở. Sáu tháng sau, do anh bạn kia giới thiệu, Dần vào Đảng. Lúc đó là cuối năm 1948.

Như vậy, Trần Dần đã trở thành một quân nhân, một đảng viên.

### **Những đóng góp của Trần Dần trong kháng chiến**

Một số anh em bộ đội, trong đó có Dần, thành lập nhóm Văn nghệ Sông Đà. Dần bắt đầu vẽ và làm thơ “phục vụ bộ đội”. Những chiến sĩ Sơn La anh dũng gian khổ, dưới ngòi bút của Dần, thành những hình thù mình và chân tay to lớn, riêng cái đầu chỉ bằng nắm tay. Còn thơ Dần như sau:

*...Ôi kẻ xa chơi lẻ trú đình  
Quê nhà ai khóc lệ ai xanh  
Hồn em mây trở về đâu nhỉ  
Có gặp buồn trong cuộc lũ tình*

.....  
*Hãy dậy đi cô nàng lịch sử  
Tay này em vịn hãy còn men  
Cắm em! Chiếc gậy lên đường đó  
Hãy để nhà hoang, phó lại đèn...*

Lẽ tất nhiên tranh và thơ bệnh tật đó không thể đi vào chiến sĩ và còn bị họ la ó. Cuối năm ấy, Dần được điều về Mặt trận bộ Tây Bắc làm báo. Dần ở cơ quan soạn bài và minh họa. Một hôm, tôi và Dần cùng xuống một đơn vị vừa chiến thắng trận Phó Lu. Đồng chí cán bộ tiểu đoàn mở tờ báo, trợn mắt, trò chúng tôi một bức tranh, hỏi: “Vẽ bộ đội gì thế này? Vẽ để dọa



## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

ai? Ai vẽ đây các anh?” Đồng chí đó không biết họa sĩ đang đứng ngay trước mặt.

Năm 1950, sau khi học lớp “cải tạo tư tưởng”, Dần được điều về Tổng cục Chính trị, ở trong ban phụ trách một lớp chỉnh huấn của văn công. Những chất cũ trong người Trần Dần lại chớm nổi dậy. Dần hung hăng chụp mũ, mặt sát, đàn áp anh em, nhất là đối với các văn nghệ sĩ cũ mà Dần coi mới là đối thủ. Nhưng đồng thời Dần say mê theo đuổi một đồng chí nữ văn công đã có người yêu hiện công tác xa. Vì hai khuyết điểm trên, Dần bị kỷ luật cảnh cáo ghi lý lịch.

Những năm sau Dần đi các chiến dịch, lúc cùng với dân công, lúc ở tuyến hậu cần, chưa có dịp nào thực tế cọ xát với chiến đấu. Kháng chiến đòi hỏi những sáng tác nhỏ nhẹ, sắc bén, để kịp thời tung ngay ra mặt trận. Nhưng Dần nói: “*Minh làm những món ấy không quen*” và để anh em làm. Dần rắp tư tưởng ăn to.

Cuộc kháng chiến bắt đầu những bước chuyển không lồ. Những hòn đá, dù là đá tảng nằm trong lòng sông, không thể nào không bị dòng nước mãnh liệt cuốn theo. Đến chiến dịch Tây Bắc, rồi Điện Biên Phủ, ngoài những bài thơ làm chỉ để ghi vào sổ riêng cất một chỗ, Dần đã viết được một vài bài báo nhỏ nhỏ có ít nhiều bổ ích cho cuộc chiến đấu.

Và cuộc kháng chiến kết thúc. Những “cống hiến” của Trần Dần có thể đếm trên đầu ngón tay. Nhưng công lao giáo dục của Đảng, của quân đội với Dần thật lớn, đã biến một con người hư hỏng của xã hội cũ thành một người có ích.

### **Sự sa đoạ của Trần Dần sau khi hoà bình lập lại**

Hoà bình lập lại, Trần Dần, đưa con hư hỏng của Hà Nội cũ, trở về thủ đô với bộ quần áo bộ đội chiến thắng. Ngay đó, Dần được qua Trung Quốc một thời gian. Ở đây, Dần gặp lại một

## HUỶNH ÁI TÔNG

người bạn cùng nhóm *Dạ đài* ngày xưa. Anh ta kể lại cho Dân một số lý luận phản động của bọn Hồ Phong. Sẵn mồm bắt mồm trong người qua vụ bị thi hành kỷ luật và những va vấp khác với các đồng chí phụ trách cơ quan, Dân nhập tâm những điều này rất nhanh. Hết hai tháng Dân trở lại Hà Nội. Sau đó *Người người lớp lớp* ra đời. Chúng ta chưa có dịp xác định giá trị tư tưởng và nghệ thuật quyển sách này. Nhưng cũng phải thấy sự sống và tư tưởng Trần Dân còn rất xa chiến sĩ, không thể giúp Dân thể hiện họ một cách trung thực. Về cuốn sách này, đến nay, chính Dân đã phải tự nhận: “*Mang nhiều giáo điều, suy diễn, nhiều bịa đặt thay thực tế*” (mà Dân chưa thể hiểu được; người chiến sĩ Điện Biên Phủ vĩ đại đã bị Dân bóp méo đi). *Người người lớp lớp* vẫn được một số người hoan nghênh vì nó nói đến chiến thắng lịch sử của chúng ta. Dân còn một hũ thơ vẫn còn phải đút nút trong kháng chiến. Văn như vậy là được rồi, Dân muốn đưa thêm thơ mình lên ngôi bá chủ.

*Người người lớp lớp* không phải chỉ đem cho Dân danh vọng, còn thêm cả số tiền nhuận bút ba triệu đồng. Giữa thành phố mà những tàn tích của chế độ cũ chưa mỗi lúc xoá bỏ được ngay, sẵn danh sẵn tiền, thú tính trong người Dân sống lại rất nhanh. Ăn uống, lê la khắp quán tiệm đã chán, Dân nhớ mùi “nhà thổ”, nhớ khói thuốc phiện. Dân đã bàn với Từ Phác tổ chức một đêm họp mặt với các bộ mặt cũ của Hà Nội (cụ thể là gái điếm, gái nháy), sống lại những phút hoan lạc ngày xưa. Đi chơi với các bạn, Dân quen một người con gái. Dân điên cuồng lao vào cuộc tình duyên với người đàn bà này, mặc dầu chị ta là con nuôi một cố đạo, khi cô đạo này đi Nam đã để lại cho quản lý mấy toà nhà, lý lịch chưa rõ ràng.

Chi bộ Đảng, các đồng chí phụ trách, tập thể anh em ở đơn vị có trách nhiệm giáo dục, giữ cho Trần Dân khỏi rơi xuống vực thẳm. Tất cả sự tận tình, kiên nhẫn của Đảng, của tập thể, với Trần Dân chỉ còn là “*những sợi dây xích trói buộc phải phá mà ra*”.

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

### Thực chất sự chống đối của Trần Dần không phải chỉ còn nằm trong phạm vi văn nghệ

Với ít lý luận ăn nhặt của Hồ Phong khi ở Trung Quốc, Dần ngoặc ngay với Tử Phác và bắt rẽ vào Hoàng Cầm, Trần Công, Phùng Quán... tiến hành phá phách. Ngay lúc đó, Nguyễn Hữu Đang đã đánh hơi thấy, Đang tới bảo Dần: “Nếu ra bộ đội thì cậu sẽ đứng chủ bút một tờ báo, lương tháng 10 vạn đồng”. Tưởng đó là lối thoát, Dần càng làm già, mang chút vốn còm “*mười năm kháng chiến*”, “*Người người lớp lớp*” định bắt bí trên, đòi nếu không giải quyết các yêu sách, Dần sẽ ra khỏi Đảng, khỏi quân đội. Cuộc đấu tranh nhằm phá vỡ những nguyên tắc lãnh đạo, tổ chức của Đảng trong Văn nghệ Quân đội bị thất bại, Dần như con ngựa đứt khỏi cương, bị quất mấy roi đòn càng lao nhanh xuống vực thẳm.

Con trâu tìm trâu, Trần Dần, Hoàng Cầm, Tử Phác ngoặc rất nhanh với Lê Đạt, Văn Cao, Đặng Đình Hưng. Nhóm *Giai phẩm mùa Xuân* thành hình, tiếp tục công cuộc chống phá. Trong nhóm này, Dần sắp xếp: “*Văn Cao là tiên chỉ, Đặng Đình Hưng là mưu sĩ loại I, Tử Phác mưu sĩ loại II, Lê Đạt lý luận gia...*” Còn mình, Dần “*khiêm tốn*” “*cái gì mình cũng có một tí*”. Thực tế trong đầu, Dần tự cho mình là người có uy tín nhất nhóm. Đúng vậy, mọi việc trong nhóm, nếu thiếu Dần bàn bạc tham gia ý kiến đều không xong. Khi trong nhóm xảy ra hục hặc, chỉ mình Dần có đủ “*tư cách*”, “*uy tín*” đứng ra dàn xếp.

Tập *Giai phẩm mùa Xuân*, nhóm Dần gọi là “*một kiến nghị đối với Đảng*”, thực chất là bản tuyên ngôn chống đối của nhóm Dần, ra đời. Dần bắt đầu phát cao lá cờ đen thi ca chống Đảng, chống chế độ, chống sự nghiệp của quần chúng bằng bài thơ “*Nhật định thắng*”. Bài này, tự Dần đã thú nhận: “*... làm với dụng ý xuyên tạc sự thật, bôi đen miền Bắc... Nếu cảnh thất nghiệp, hàng ế, đi Nam, hai năm không thống nhất... Luôn*

## HUỶNH ÁI TÔNG

*luôn lấp lại cái điệp khúc ‘Mưa sa trên màu cờ đỏ’ để nhấn mạnh ‘Đảng là nguyên nhân của cái xã hội thê thảm này’...*

Bọn thù địch của chế độ giật quả mìn phá hoại đầy hơi xú uế: *Nhân văn* số 1 ra đời, Dần khi đó vẫn còn ở bộ đội, gian ngoan lúc đầu còn làm ra vẻ đứng ngoài. Nhưng chính Dần đã thông qua bài “Con người Trần Dần” của Hoàng Cầm viết. Báo ra bị quần chúng phản đối. Biết khó khăn, trước số 2 *Nhân văn*, Dần bảo Lê Đạt bằng một câu rất phản động: “*Nhảy vào đi! Mà làm như Các Mác với Ba-lê công xã ấy (!) Biết là thất bại, cũng vào mà giẫm bót thất bại đi!*”. *Nhân văn* ra số 3, Dần cùng vợ mang báo đi bán, coi như một “*ngõa cừ*”. Lúc này, thấy không cần ném đá giấu tay nữa, Dần ra mặt hoạt động, nhảy đến họp *Nhân văn*, nhảy đến nhà in chữa bài... Quần chúng ngày càng phẫn nộ. Biết *Nhân văn* sắp phải đóng cửa, Dần chủ trương “*đánh vọt vài đôn*”. Dần ném vào số 4 bài “*Không có lý gì không tán thành trăm hoa đua nở*”<sup>[2]</sup> đòi Đảng phải để cho bọn Dần được tự do đưa ra quần chúng những sáng tác chống Đảng, chống chế độ, chống nhân dân. Và Dần ném vào số 6 giấy chết một bản dịch về hội họa Ba Lan nhằm nói “*Đảng lãnh đạo nghệ thuật là đưa đến bế tắc nghệ thuật*”.

Dần đã tự lột mặt mình: một trong những phần tử *Nhân văn* tích cực nguy hiểm và ngoan cố nhất.

*Nhân văn* bị đóng cửa. Lê Đạt lánh mặt “*tị nạn*” một nơi. Biết phe cánh đang hoang mang, Dần tích cực đi đây đó an ủi phù dụ anh em, tập họp lại, chuyển sang trận đánh khác. Dần rút kinh nghiệm, “*đánh lộ quá nên chết, phải dùng võ kín* (Dần còn gọi là “*jeu serré*”) *mới được*”.

Trong khi Đảng và Chính phủ bỏ nhiều công sức, tiền của tổ chức các hội các ngành tạo điều kiện cho mọi văn nghệ sĩ sáng tác phục vụ quần chúng Công Nông Binh, Dần nói: “*Cho các anh cứ bày mọi thứ tổ chức ra, tôi chỉ đánh bằng sách (bataille des livres) thôi*”. Dần và phe cánh đi vào kế hoạch thâm độc

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

nhằm lũng đoạn Hội Nhà văn, biến dần Hội thành một công cụ thực hiện mọi ý định của chúng.

Ngoài thủ đoạn khích bác, phỉnh phờ, hoặc đánh để kéo, Dần gặp ai cũng đầu độc bằng những luận điệu phản động. Cách làm đó Dần gọi là “*ban phát tư tưởng*”. Dần thường nói: “*Hồng hết rồi! Cả cái hệ thống xã hội chủ nghĩa này chỉ là hệ thống của chủ nghĩa Stalin thôi. Đảng Lao động Việt Nam cũng nằm trong hệ thống đó...*”, “*Nước ta đi vào xã hội chủ nghĩa tức là đi vào chủ nghĩa Stalin*”. Dần học mót được qua Lê Đạt chữ “*chủ nghĩa Stalin*” (Stalinisme) của bọn phản động quốc tế, nhân Đại hội 20 Đảng Cộng sản Liên Xô phát hiện một số sai lầm quăng cuối đời Stalin, dùng để xuyên tạc một cách trắng trợn bỉ ổi chủ nghĩa xã hội đầy tốt đẹp, nhân đạo của chúng ta. Dần triệt để dùng nó để bôi nhọ ta. Bạ cái gì Dần cũng quy vào mấy chữ “*chủ nghĩa Stalin*” phản động: “*Vô sản chuyên chính cũng là chủ nghĩa Stalin...*”, “*Công thức, tôn giáo cũng là do chủ nghĩa Stalin...*” Trong khi toàn thể nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng đang anh dũng lao động kiến thiết tổ quốc nhằm xoá bỏ những tàn tích của chế độ cũ đưa miền Bắc tiến lên một xã hội công bằng và hợp lý, trong đó mọi người đều lấy lao động làm nghĩa vụ vinh quang, không còn sự bất công tỵ nghìn đời nay “*người bóc lột người*”; Trần Dần luôn lấp lại cái luận điệu rất phản động của Nguyễn Hữu Đang đã mớm cho: “*Chế độ này lấy sản xuất làm mục đích, lấy con người làm phương tiện*”.

Với những người lãnh đạo Đảng, Nhà nước, kết tinh của trên dưới 30 năm hoạt động cách mạng của quân chúng, đã lãnh đạo nhân dân giành lại được chính quyền trong tay Pháp Nhật, đã đánh đuổi đế quốc ra khỏi miền Bắc, đang lãnh đạo đấu tranh thống nhất nước nhà và kiến thiết xã hội chủ nghĩa trên nửa nước, Dần gọi là “*bọn ngu si thống trị, bọn ngu si nắm chính quyền*”. Các cán bộ phụ trách, Dần gọi là “*bọn người không có óc, chỉ suy nghĩ bằng cấp trên*”. Những đạo lý cách mạng quy định mọi quan hệ giữa người và người trong xã hội

## HUỖNH ÁI TÔNG

mới, Dân gọi là: “*những luân lý hiện hành, những công thức cần phải phá vỡ*”. Dân đi đến một kết luận: “*không còn hy vọng gì ở Liên Xô, ở cái Trung ương này!*”

Sau khi phủ nhận Đảng, phủ nhận chế độ, phủ nhận tất cả, Dân chuyển sang nói về mình... Dân tự phong là “*tiên tri về chính trị*” (*prophète politique*). Trong một buổi nói chuyện với chúng bạn, Dân cười ha hả nói: “*Liên Xô cũng sai, Ba-lan cũng sai, chỉ có tao là đúng*”. Trong một sáng tác “Ông tiên thông minh”, Dân ví “*Đảng là Ngọc hoàng, quây quanh Ngọc hoàng toàn bầy thú vật: con mèo lười, con gấu hổn, con lừa ưa nặng, con chó ăn cứt vì ưa nịnh hót, phải nhờ đến tay một ông tiên thông minh là bọn Dân mới quét sạch đi được*”. Dân lúc nào cũng tỏ ra mình uyên thâm về chính trị. Dân hay quảng cáo với mọi người về Nam Tư. Nhưng thực ra Dân chỉ hiểu Nam Tư qua một mẫu bài dịch của Bùi Quang Đoài, học trò yêu của Trương Tửu, đăng trên *Giai phẩm mùa Thu*.<sup>[3]</sup>

Dân mượn lời mượn chữ Mai-a khua vỏ thùng sắt tây rộng quảng cáo cho “*thiên tài văn chương*” của mình:

*“Tôi vẫn nâng chiếc đầu lâu nặng nề sáng tạo  
Như một chiến viễn vọng đài...”*

Dân tự khoe mình là: “*Người lao động nhất địa cầu ta*”.

Nhưng dù khăn cổ kêu gào bằng những lời lẽ to lớn, hào nhoáng, bịp bợm ấy, Dân vẫn không thể che giấu nỗi con đường sáng tác bất lương Dân đang đi. Dân đã cắn quá sâu vào đời sống tư sản ngọt lịm của thành phố, không thể nhả ra được nữa. Đối tượng phục vụ của Dân cũng đã thay đổi rồi, Dân đã nói: “*Công nông binh sức thế nào được thơ tao*”. Với con đường sáng tác Dân đang theo đuổi, Dân không phải đi vào Công Nông Binh, không phải lao động, học tập, cứ ở nguyên Hà Nội với vợ con, nhật sách này cốp sách kia (như Dân đã làm với Mai-a), bịa chuyện này bịa chuyện khác, hà thêm vào

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

đó ít chất độc đầy rẫy trong người Dần, mà Dần gọi là “*chất tư tưởng*”, thế là đủ tạo ra những tác phẩm “lớn” “*vượt qua đầu các vị cầm quyền*”, “*vượt qua đầu muôn thế kỷ*” rồi! Thịnh thoảng cũng cần bồi bổ thêm tí lý luận... Chẳng phải đi đâu xa, chẳng phải mất tiền mua... Một quyển *Temps modernes* từ tay Chu Ngọc chuyên tới, một buổi gặp Nguyễn Hữu Đang, Trần Đức Thảo,... Có khi cũng chẳng cần đi, Dần cứ ngồi nhà, đã có “chiếc xe rác Phùng Quán” đưa tới. Xe này lăn suốt ngày từ nhà “thầy Thảo”, qua “thầy Tửu”, qua “chị Thụy An”... hót tất cả những thứ bần thiêu, đến đâu thì đổ bậy ra đó, lẽ tất nhiên đổ cả cho Dần mà Quán cũng coi là bậc đàn anh.

Những thủ đoạn sáng tác của Dần mỗi ngày càng đi vào tinh vi. Tự Dần đã tổng kết ra những mảnh lối chính: “*biểu tượng hai mặt*” (*symbole équivoque*) làm như chữ địch mà là chữ ta; “*cài mìn*”, xen các tư tưởng xấu vào những bài chủ đề xem như bình thường; “*xôi đổ*”, ý tốt ý xấu quấn nhau làm giả thực khó phân; *mượn lịch sử, dã sử, thần thoại, tiểu lâm để chửi*, hoặc lựa chọn các bài dịch có thể vừa nói ý này vừa nói ý khác. Trước khi sáng tác, Dần định sẵn tỷ lệ bao nhiêu phần trăm bôi hồng, bao nhiêu phần trăm bôi đen cho một bài.

Với những thủ đoạn trên, Dần đã cho ra đời một loạt sáng tác, nội dung tư tưởng rất phản động. Có nhiều bài các nơi chưa dám in như: “Mâu thuẫn với cả nước”, “Anh Cả Quán”,... Những bài khác: “Con Vẹt”, “Cái đầu trọc”, “Mẹ sư đời”,... Dần mới trao đổi với chúng bạn, bảo đề đó “*phục kích*” đợi “*thời cơ*”. Gần đây, do sự mơ hồ của các đồng chí phụ trách báo *Văn*, Dần đã đưa lọt bài “*Hãy đi mãi*”, tiêu biểu cho tư tưởng phản động của Dần. Nội dung tư tưởng bài này, chính Dần đã tự nói: “*Với điệp khúc ‘Đi! Chống bọn nằm ý! không sáng tạo’, là lời hô hào có ý thức phát động quần chúng đấu tranh chống sự lãnh đạo của Đảng*”.

Dần đã gian ngoan bịp bợm được một số người mơ hồ, nhẹ dạ.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Nhưng Đảng và quần chúng vẫn sáng suốt nhìn thấy. Gần đây, Dân cũng đã cảm thấy bộ mặt thực của mình sắp bị phơi bày ra ánh sáng. Nhưng tư tưởng phản động của Dân vẫn ngoan cố đến cùng, Dân đề thêm một sáng tác: “Chú bé đêm giao thừa”... Trong truyện ngắn này, Dân kể lại chuyện hai em bé trốn khỏi trại trẻ của chúng ta, lang thang giữa đêm giao thừa giá rét vẫn không chịu quay về trại. Ý Dân muốn nói “dù có thể nào chăng nữa, Dân vẫn kiên quyết đi theo con đường đen tối của mình, không chịu quay về với tập thể”.

Dân luôn luôn tự nhận mình là thông minh hơn Đảng hơn quần chúng; cái kiêu ngạo điên rồ mù quáng đã đưa Dân đến chỗ thực sự mù quáng điên rồ... Các bậc đàn anh Đảng, Thảo cũng không giải quyết được cho Dân bế tắc này... Dân đến nhà Tử Phác hút thuốc phiện. Và đã có lúc Dân tìm đến thầy bói, nhờ gieo quẻ đoán tương lai vận mệnh của mình. Mới ba năm xa Đảng, xa tập thể, đôi mắt Dân còn mở, nhưng Dân đã không nhìn thấy gì nữa.

Nghe ngóng đây đó, biết sắp học tập kiểm điểm, Dân tìm chúng bạn bàn cách đối phó. Dân đưa ý kiến: “*Để không khí căng thẳng thế này không lợi, phải ‘giải tỏa tình hình’ cho mau. Nên vờ xét lại tất cả các việc phá phách từ phê bình thơ Tố Hữu đến nay, nhận một số khuyết điểm, cùng lắm có thể nhận tự phê bình trên báo, để làm cho lãnh đạo mềm (!) đi*”. Tiên chỉ Văn Cao định đi vẽ các lãnh tụ để có dịp ton hót bào chữa cho bọn mình. Tử Phác bàn: “Tung tin đánh hữu phái bừa đi để chẹn trước lãnh đạo”. Tư tưởng của Dân đã sa đọa đến mức Dân suy nghĩ đúng như một nha lại một ruộng thời xưa, Dân xui Văn Cao: “*Hôm nào ra Câu lạc bộ, vờ khen ít câu thơ Tố Hữu...*” Và chính Dân đã vờ phát biểu một vài ý kiến xây dựng ở Câu lạc bộ nhà văn, rồi xin gặp đồng chí Tố Hữu, để, theo tiếng nói của bọn Dân, “*dò mọo của lãnh đạo*”. Mưu mẹo này không xuôi.



## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Trước khi vào lớp học của văn nghệ sĩ, Dân đã bàn bạc với các phần tử *Nhân văn* kế hoạch đối phó rất cụ thể, định mức độ nhận gì, chối gì, và nếu phải kiểm điểm thì sẽ dùng cách “*người bị cáo tố cáo lại*” (*l' accusé accuse*) để chống phá. Vào lớp bọn Dân luôn luôn hội ý, ghì chân nhau lại. Dân tỏ vẻ làm lì gan góc. Học tập Dân, Phùng Quán muốn “tác động” như một “anh hùng” kiểu “cao bồi”. Quán nói: “Ở đâu có bất công thì người ta nổi loạn”. Một chị giận ứa nước mắt bảo Quán: “Đồ vong ân bội nghĩa!” Một đồng chí bộ đội trở mặt Quán nói: “Nếu anh nổi loạn, tôi là chiến sĩ Quân đội Nhân dân tôi sẽ treo cổ anh lên!” Mọi sự thật của bọn Dân được quần chúng văn nghệ sĩ phơi bày ra trước ánh sáng. Tư tưởng phản động của Dân vẫn cố thủ từng góc phố từng căn nhà. Đến khi vỡ hai lô cốt Hoàng Cầm và Văn Cao, bấy giờ Dân mới bắt đầu nhận những sự thật không còn thể chối cãi. Và cũng là khi Dân thấy những tham vọng của mình, đang phóng Dân bay vút lên từng không, bốc khói. Dân luôn lầm nhảm hai câu thơ của Mai-a:

*Ông vua An-be đã mất cả thành trì  
Còn nhiều của cải hơn tôi nhiều lắm!*

Sự kiên nhẫn giáo dục của Đảng của tập thể đã làm cho Dân bước đầu nhận thấy tội lỗi của mình. Dân đã nói: “... *Cách mạng có tha cho song lương tâm tôi chưa thể tha cho tôi những sự giày vò xứng đáng. Cả cuộc đời tôi còn lại cũng không thể nào chuộc hết những tội lỗi tôi đã làm*”. Chúng ta đã bị Dân lừa dối, phản trắc nhiều lần, nhưng chúng ta vẫn mong lần này là lần cuối cùng, Dân sẽ thực thà với nhân dân, với Đảng.

### **Kết luận**

Trần Dân đã phản bội lại quyền lợi của nhân dân không phải vì ngẫu nhiên.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Bản thân gia đình Dân, cái nôi chăm ẵm Dân từ khi lọt lòng, là một cuộc chống đối nhau kịch liệt để tranh giành quyền lợi giữa những kẻ cùng sống trên mồ hôi nước mắt của người khác; quan hệ vợ chồng, cha con, anh em nhiều khi rất tàn nhẫn. Mẹ Dân, người Dân yêu quý nhất, hồi đầu chiến tranh sau mấy tháng tản cư, quay về thành phố thấy mấy chục ngôi nhà bị bom đạn tàn phá, đã tiếc của phát điên mà chết. Cùng với những tư tưởng ăn trên ngồi trốc hưởng lạc đòi truy, Dân còn mang thêm trong dòng máu một sự hằn thù giai cấp. Trước cách mạng, cái xã hội do đế quốc thống trị đã bước vào thời kỳ phát-xít, chỉ cho phép Dân phá phách và mưu đồ danh vọng bằng cách làm thơ lập dị (thực tế chỉ là học mót tư tưởng nghệ thuật quẩn loạn mới nhập cảng của giai cấp tư sản phương Tây), và trốn vào sinh hoạt sa đoạ nhây nhụa, để thoả mãn mọi dục vọng điên cuồng của mình.

Dân đã mang tất cả những cái đó đi vào cách mạng. Với những điều kiện thực tế tham gia kháng chiến của Dân, chất thù địch trong người Dân mới chỉ co lại.

Về Hà Nội, con người cũ của Dân hồi sinh mau chóng. Vì bị dồn ép một thời gian khá dài, nó bật tung ra. Gặp khi cách mạng vấp khó khăn, các tư tưởng phản động của bọn Hồ Phong, trốt-kít, của bọn “xét lại” quốc tế, bọn gián điệp đế quốc, bọn tư sản phản động, cũng đang quẫy, Dân hút những cái đó vào mình như nam châm hút sắt. Dân đã phá phách hung hãn. Được nguy trang bởi cái áo khoác “10 năm kháng chiến”, đeo thêm cái chiêu bài bịp bợm “*chống công thức tìm cái mới*”, Dân càng có điều kiện tác hại.

Vì vậy, không phải ngẫu nhiên, trong một thời gian khá dài, Trần Dân đã chạy theo bọn thù địch điên cuồng chống phá lại chúng ta.

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

[1] Trong toàn bài những chữ in nghiêng đều là của Trần Dần (nguyên chủ của Hữu Mai)

[2] Bài “Không có lý gì không tán thành trăm hoa đua nở” ký tên H. L. đăng trên *Nhân văn* số 5, ngày 20.11.1956, chứ không phải số 4 (chú thích của talawas)

[3] Chúng tôi không tìm thấy bài dịch được nhắc đến của Bùi Công Đoài trong cả hai tập *Giai phẩm mùa Thu* đã đăng lại toàn văn trong Tủ sách talawas (chú thích của talawas)

(Nguồn: *Văn nghệ quân đội*, số 5, tháng 5 năm 1958)

Trong bài *Riêng chung của Hữu Mai*, Trương Tư Tần Quỳnh đã viết: “Anh là một chiến sĩ văn nghệ, có kỷ luật, thông hiểu, thám nhuần đường lối tuyên truyền văn nghệ của Đảng và Chính phủ trong từng giai đoạn cách mạng, thế mà, anh đã viết những chuyện động trời về những sai lầm của cuộc cải cách ruộng đất.

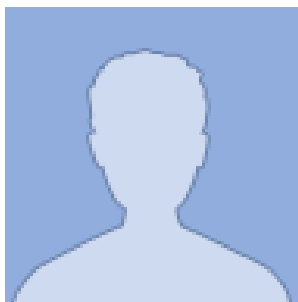
*Cán bộ cải cách trấn áp, ép buộc, độc đoán. Người dân bị oan ức, một số người bị quy là địa chủ cường hào đại gian đại ác, trước đó từng là những cán bộ có công trong kháng chiến, điển hình là bà Nguyễn Thị Năm ở Thái Nguyên từng nuôi cá đại đội lính 308 ở trang trại của mình.*

*Nhưng anh vẫn thoát khỏi “lưới trời”, bởi những điều anh viết là sự thật, có chừng mực, được người đọc hoan nghênh. Điều quan trọng là nó hợp lòng dân và một phần ý Đảng lúc ấy.”*

Tài liệu tham khảo:

- Hữu Mai Web: viwikipediaorg
- Hữu Mai Blog: talaws

24) Xuân Thiêm



**Xuân Thiêm - Phạm Xuân Thiêm (1926- )**

Nhà thơ Xuân Thiêm tên thật là Phạm Xuân Thiêm, ngoài tên thật ông còn có hai bút danh khác là Hồ Trương và Bút Chiến Hào. Ông sinh ngày 1 tháng 3 năm 1926 tại xã Lai Hạ Trung, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên. Sau nửa thế kỷ chiến đấu và công tác, khi nghỉ hưu, ông lại trở về với vùng quê Kim Động.

Bước sang tuổi gần chín mươi, trời vẫn cho ông một sức khỏe hiếm thấy, và đặc biệt là sự minh mẫn, sức nhớ khác thường về những gì cuộc đời lừa các ông đã trải qua với không ít chồng gai ngay từ những buổi đầu theo cách mạng.

Xuân Thiêm tham gia cách mạng từ trước Tổng khởi nghĩa tháng Tám 1945, từng làm Chủ nhiệm Việt Minh huyện.

Từ năm 1946 đến 1954, ông làm báo Hưng Yên, là thành viên Ban vận động thành lập Hội Văn nghệ Liên khu 3. Khi vào quân đội, ông tham gia phụ trách báo chí và sáng tác ở Đại đoàn 320.

Năm 1955, ông về trại sáng tác của Tổng cục Chính trị. Năm 1957, khi Tạp chí Văn nghệ Quân đội ra mắt, ông là thành viên của Ban biên tập đầu tiên, đã từng làm Thư ký tòa soạn. Nhiều năm sau đó đảm nhiệm chức Trưởng phòng Văn hóa - văn nghệ quân đội, thuộc Tổng cục Chính trị.

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Năm 1978, chuyển ngành sang Hội Liên hiệp văn học nghệ thuật Trung ương, từng là ủy viên thư ký Ủy ban Trung ương Liên hiệp các hội văn học nghệ thuật, Phó Tổng thư ký Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam.

Đầu năm Quý Dậu 1993, Xuân Thiêm 67 tuổi, sắm được chiếc xe Hon-da đi lại cho “oách”. Mấy ngày đầu tuần đi không sao, đến cuối tuần thì bị một thanh niên lao vào, ông phanh gấp, xe đổ kênh. Hậu quả là ông bị rạn xương đòn gánh, phải bó bột và nằm đó phải nằm tại bệnh viện... đón xuân. Nhà thơ Thôi Sơn đến thăm và tặng Xuân Thiêm bài thơ sau đây:

*Mô cha xe máy rõ lưu manh  
Nó quăng nhà thơ ngã chống kênh  
Mấy kẻ vô tâm nghe... phớt tỉnh  
Những người nặng nghĩa thấy... buồn tênh*

*Từ nay biết phận kiêng đồ độc  
Tới lúc khôn hồn tập hãm phanh  
Sắp “cổ lai hi” đừng quá trớn  
Chẳng nên nuối tiếc cái thời xanh.*

Lúc bạn về, nhà thơ Xuân Thiêm bình tĩnh đọc lại bài thơ trên, rồi cầm máy điện thoại “phôn” cho Thôi Sơn một bài thơ họa ứng khẩu:

*Mắt mình vẫn sáng, chẳng thong manh  
Nững vợ vờ chơi cú ngã kênh.  
Xe đổ nhưng sơn còn xịn xịn  
Người đau mà bước vẫn tênh tênh!*

*Càng già, càng dẻo, càng phô sức  
Chẳng hốt, chẳng kiêng, chẳng thích phanh  
Trống bỏi cứ khua cho thỏa chí  
Trời cho “của quý” vẫn còn xanh.*

## HUỶNH ÁI TÔNG

Tác phẩm:

- *Người trai Bình Định* (truyện thơ, 1959)
- *Cô gái bãi bồi* (truyện thơ)
- *Xuôi dòng Nậm Na* (trường ca)
- *Nghĩa vụ quang vinh* (diễn ca)
- *Đại đoàn Đồng Bằng* (ký sự lịch sử, soạn chung)
- *Bok Vưu* (ca kịch, viết chung với nhạc sĩ Nguyễn Đức Toàn)

Trích văn:

### **Mấy ý kiến về lãnh đạo sáng tác trong quân đội** (Nhân đọc bài phê bình phòng Văn nghệ Quân đội của Trần Công)

Chưa bao giờ bằng lúc này, người làm công tác văn nghệ phải suy nghĩ nhiều về việc mình đã làm, suy nghĩ về sự chỉ hướng của Đảng trên mặt văn học nghệ thuật những năm vừa qua. Phê bình lãnh đạo văn nghệ trở thành một vấn đề lớn, nhất là sau kỳ nghiên cứu lý luận do Hội Văn nghệ tổ chức. Anh em trong Phòng Văn nghệ Quân đội cũng đã bàn cãi nhiều, tìm ra những cái gì đã cản trở sự phát triển của phong trào văn nghệ trong quân đội nói chung và sáng tác nói riêng. Giữa cái nhíp điều suy nghĩ tìm sai đúng ấy thì chúng tôi nhận được những lời giải bày tâm sự và lên án Phòng Văn nghệ Quân đội của Trần Công đăng trên báo *Văn nghệ* số 136.

Trần Công đã nêu lên nhiều khuyết điểm của lãnh đạo rồi đặt ra những lời chất vấn: “*Một năm nay Phòng Văn nghệ Quân đội đã làm được những gì... làm thiệt hại của nhân dân những gì... Tờ Văn nghệ Quân đội suốt năm hô hào viết về chỉnh huấn nhưng cho đến bao giờ các nhà văn quân đội sẽ ra được một tác phẩm văn học về chỉnh huấn*”... Trước con mắt của Trần Công thì “*Phòng Văn nghệ Quân đội có mấy nhà văn làm*

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

*công tác nắm chính quyền ngoài văn phòng giấy để rồi bắt bộ đội phải nhai những tư tưởng cũ rích lạc hậu của họ và bán thuốc giả cho anh em uống” [1] .*

Bài của Trần Công gây nhiều phản ứng trong cán bộ, chiến sĩ và một số anh em trong và ngoài bộ đội. Câu hỏi đặt ra là sự lãnh đạo của Phòng Văn nghệ Quân đội có sai hại đến mức như Trần Công nêu lên không? Nếu không thì trắng đen ra sao? Để góp phần làm sáng tỏ điều đó, tôi phát biểu một số ý kiến nhỏ đặt nó trong phạm vi góp ý kiến về lãnh đạo sáng tác vì tôi nghĩ rằng: Phê bình sự lãnh đạo về toàn bộ công tác văn nghệ trong quân đội là một việc vượt mức hiểu biết của tôi, hơn nữa phê bình sự lãnh đạo sáng tác tức là nói đến một mặt quan trọng của công tác lãnh đạo văn nghệ trong quân đội hiện nay.

### **Việc lãnh đạo sáng tác có những thiếu sót gì?**

Trước hết là cấp lãnh đạo chưa thấy rõ tầm quan trọng của sáng tác, chưa thông cảm hết những băn khoăn thắc mắc của cán bộ văn nghệ để tạo điều kiện cho anh em sáng tác.

Kiểm điểm hàng ngũ văn nghệ trong quân đội hiện nay, ngoài một số ít văn nghệ sĩ từ ngoài chuyên vào còn phần lớn là xuất thân từ người chiến sĩ cầm súng chiến đấu. Trong kháng chiến mỗi người ở một đơn vị, một chiến trường khác nhau, hòa mình vào cuộc chiến đấu sôi nổi, ai nấy đều thấy mình lớn dần lên. Càng biết yêu biết ghét, càng thấy giá trị của cuộc sống, của con người, thì càng muốn sáng tác để nói lên sự nghiệp lớn lao của Đảng của quân đội. Khi tiếng súng ngừng rồi, mong muốn tha thiết nhất của anh em là được viết, được vẽ. Ngoài một số tác phẩm về kháng chiến, mỗi người ít nhiều đều có một số tài liệu gọi là "vốn liếng mười năm": mấy cuốn nhật ký, một tập ký họa, một số trang ghi vôi trong từng đợt chiến dịch, trên những chặng đường hành quân. Đã đến lúc người văn nghệ cần bỏ cả trí tuệ và tâm hồn mình vào những vốn quý đó để có được những tác phẩm tốt. Đã đến lúc người văn nghệ

## HUỶNH ÁI TÔNG

hướng tất cả tâm lòng mình về lãnh đạo chờ đợi một sự giải quyết thỏa đáng. Một số anh em sáng tác ở các đơn vị lẻ xa sự chỉ đạo của cơ quan văn nghệ đã viết thư về nêu lên thắc mắc của mình, anh em văn nghệ sĩ chuyên nghiệp tập hợp chung quanh Phòng Văn nghệ cũng đòi hỏi cấp lãnh đạo tổ chức những trại sáng tác, những cuộc họp mặt thảo luận một số vấn đề cần thiết như: người viết văn chuyên hướng thể nào, có nên viết chuyện kháng chiến cũ nữa không, thể nào là khô và ướt? Trước tình trạng đó cấp lãnh đạo đã nặng về mặt phát động phong trào văn nghệ cơ sở mà coi nhẹ việc chỉ đạo sáng tác, không thấy hết tầm quan trọng của sáng tác và tâm tư thắc mắc của những người phục vụ bộ đội bằng tác phẩm, do đó đã không kịp thời đề ra một số chính sách cụ thể tạo điều kiện cho người văn nghệ hoạt động. Khuyết điểm trên làm cho không khí hăng hái phấn khởi sáng tác giảm sút, khó khăn trở ngại càng nhiều. Ở đơn vị chiến đấu có đồng chí muốn có được đôi chút thời gian sáng tác đã phải giả ốm để được nằm lại nhà hoặc nửa đêm lên dậy viết. Ngay ở Phòng Văn nghệ, phần lớn anh em sáng tác không được làm công việc chính của mình mà phải chạy theo các công việc sự vụ, có đồng chí họa sĩ suốt một năm rưỡi không được vẽ vì bận các công việc phụ trách cơ quan, trang trí hội nghị, tổ chức triển lãm v.v... Có đồng chí viết văn phải bỏ dở cuốn tiểu thuyết của mình để làm công tác tổ chức để rồi hơn một năm sau vẫn chưa hoàn thành tác phẩm. Không sáng tác được, một số anh em bi quan về sự phát triển khả năng, đã sống gò bó trong sự dày vò về cả thể chất lẫn tình cảm, cần cỗi như cây bị cớm mà nhẽ ra những cây đó có thể nẩy ra hoa thơm quả ngọt nếu thuận nắng thuận mưa. Khuyết điểm trên hạn chế sáng tác của bộ đội trong một phạm vi nhất định. Nếu lãnh đạo đúng thì không những quân đội có 13 tác phẩm được giải thưởng vừa qua mà nhất định còn có nhiều tác phẩm tốt hơn nữa, phục vụ được quân đội nhiều hơn nữa.

Cấp lãnh đạo đã không kịp thời uốn nắn lỗi lãnh đạo gò bó gián đơn, hẹp hòi. Tôi quan niệm phạm vi lãnh đạo sáng tác không chỉ bó hẹp ở một số văn nghệ sĩ ở ngay Phòng Văn nghệ mà



## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

phải tới cả lực lượng sáng tác trong toàn quân. Nhìn tình hình chung mà xét, lối lãnh đạo gò bó, giản đơn, hẹp hòi đã cản trở nhiều sự phát triển sáng tác. Nhiều cán bộ quân chính còn nhìn nhận người làm văn nghệ bằng con mắt thành kiến cũ, tưởng như chỉ có mình mới nắm vững đường lối chính sách của Đảng nên đã thô bạo can thiệp vào sáng tác, gò sáng tác phục vụ trước mắt một cách hẹp hòi, đặt yêu cầu cho những sáng tác đó chỉ là làm vui thêm cho một buổi lên lớp ở bãi tập hoặc ở giảng đường. Có cán bộ còn thiếu ý thức tôn trọng sự tìm tòi lao động nghệ thuật, dễ dàng chụp tư tưởng ăn to, ham danh ham lợi cho người sáng tác. Khi bộ đội bắt đầu chương trình học tập chính quy, việc đánh thông phương châm sáng tác Phòng Văn nghệ làm không được thấu suốt nên ở nhiều đơn vị chiến đấu, cán bộ quân chính đã gò sáng tác vào đề tài chính huấn quân sự một cách máy móc. Sáng tác nào cũng muốn nói lên bằng được những việc đã xảy ra ở thao trường, trong lớp học, tưởng như con người chiến sĩ trong hòa bình chỉ đơn thuần nghĩ đến học tập, khẩu súng, chiếc bia chứ không còn có mối quan hệ tình cảm nào khác với xã hội bên ngoài, tưởng như chỉ có những sáng tác về đề tài bộ đội học tập chiến thuật chiến lược mới thiết thực phục vụ bộ đội. Do quan niệm hẹp hòi đó nên ít nhắc nhở khuyến khích anh em sáng tác về đề tài kháng chiến và các đề tài khác để mở rộng kiến thức của chiến sĩ và để nói lên truyền thống anh dũng của quân đội ta.

Lối lãnh đạo giản đơn hẹp hòi trước đây còn tạo ra nhiều khó khăn về tổ chức khác nữa. Nó đã gò người cán bộ sáng tác sống theo một trật tự hẹp hòi của thứ thi hành điều lệnh máy móc, đòi hỏi người sáng tác phải làm việc theo lối bàn giấy, tám tiếng một ngày, phải học tập theo chế độ chung tùy từng cấp trung đội, đại đội mà không kể đến trình độ hiểu biết và khả năng của từng người cán bộ văn nghệ cũng như chiếu cố đến yêu cầu về sáng tác nữa.

**Cần chấn chỉnh một số nhận xét lệch lạc nguy hiểm của Trần Công trong bài phê bình Phòng Văn nghệ Quân đội**

## HUỶNH ÁI TÔNG

Ở trên tôi đã nêu lên một số vấn đề về sự lãnh đạo sáng tác của cơ quan văn nghệ trong quân đội mà theo tôi là những khuyết điểm lớn đã làm cho hoạt động sáng tác có lúc ì ạch đi bước một, có lúc bị chững lại trong lúc quân đội ta đã dướn lên qua nhiều chặng đường dài và quần chúng chiến sĩ đòi hỏi phải có những sáng tác tốt nói lên tâm tư của họ. Khuyết điểm đó là do nhiều nguyên nhân nhưng tôi nghĩ nguyên nhân chính vẫn là do cấp lãnh đạo đã không nắm vững đặc điểm của lãnh đạo văn nghệ, chưa thấy rõ tầm quan trọng của sáng tác và chưa đánh giá đúng mức người cán bộ văn nghệ trong quân đội, những người đã từng qua nhiều cơn thử thách cao nhất, dính chặt cuộc đời tình cảm và nghệ thuật với quân đội, một lòng phục vụ quân đội đến cùng.

Để góp với lãnh đạo kế hoạch sửa chữa khuyết điểm trên, anh em công tác văn nghệ trong quân đội cũng như một số văn nghệ sĩ ngoài quân đội có nhiều gắn bó với quân đội đã lên tiếng.

Tôi đã đọc bài Trần Công. Tôi đồng ý với anh một số điểm nhưng không thể không nói đến một số nhận xét thiếu suy nghĩ, lệch lạc quá đáng và nguy hiểm của anh.

Vào bài, Trần Công đã bộc bạch lòng mình là *nhìn Phòng Văn nghệ Quân đội một cách không đẹp lắm (!)*. Cách nhìn sẵn bực dọc ấy không những làm cho Trần Công chỉ thấy một chiều xấu về sự lãnh đạo mà còn bóp méo sự thật nữa.

*“Một năm nay Phòng Văn nghệ Quân đội đã làm được những gì... làm thiệt hại của nhân dân những gì”*... Trần Công buông ra một câu hỏi như người vừa qua một cơn mê loạn. Tôi phân vân không biết rằng Trần Công cố tình quên những việc mà bao nhiêu anh em văn nghệ chuyên nghiệp và bán chuyên nghiệp đã làm để góp phần xây dựng quân đội hay Trần Công không biết thật. Trần Công mới ra khỏi quân đội hơn một năm nay lại thường xuyên tiếp xúc với bạn bè của mình còn tại ngũ

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

và thường tự nhận mình vẫn *quý mến quân đội* chẳng nhẽ lại sớm phủ nhận những thành công của Văn nghệ Quân đội sao? Một năm nay phong trào văn nghệ trong quân đội phát triển khá mạnh, hoạt động văn nghệ ở khắp các đơn vị phân tán cũng như tập trung đều có nhiều tiến bộ rõ. Lấy một đại đội làm thí dụ, trước kia chỉ lẻ tẻ vài ba chiến sĩ tham gia văn nghệ, sau khi phát động phong trào đã có hàng trăm chiến sĩ hò hát nhảy múa, làm thơ ca. Họ đã thấy không thể thiếu được những tối liên hoan, họ đã thấy văn nghệ cần như cơm như máu. Cùng với sự phát triển rộng khắp của phong trào, bao nhiêu đội văn công đã được thành lập và trưởng thành mau chóng, bao nhiêu tiết mục mới được dựng nên làm cho đời sống quân đội thêm vui tươi và góp cho nền nghệ thuật thêm phong phú. Cũng chỉ trong vòng một năm, hàng mấy trăm diễn viên hát múa, nhạc công được bổ túc bằng những lớp huấn luyện ngắn ngày. Trại sáng tác về anh hùng quân đội đã có kết quả tốt, mấy chục cán bộ sáng tác có dịp gặp nhau, học hỏi kinh nghiệm của nhau và hoàn thành tác phẩm của mình. Báo *Văn nghệ Quân đội*, báo ảnh *Quân đội* được cải tiến về hình thức cũng như nội dung, được chiến sĩ đón đọc và coi là món ăn không thể thiếu. Nói riêng về mặt sáng tác, ngoài hàng trăm tập san nhỏ do chiến sĩ văn nghệ đại đội làm ra phục vụ ngay đơn vị cơ sở, phải kể đến những tìm tòi, những cố gắng của Nguyễn Ngọc với tiểu thuyết *Đất nước đứng lên*, của Nguyễn Khải với truyện *Người con gái quang vinh*, của Nguyễn Khắc Thuần với truyện *Anh hùng Lê Văn Thọ*, của Đỗ Nhuận - Trần Quý với nhiều bài hát mới gần đây, của Mai Văn Hiến cùng nhóm họa sĩ với những bức tranh góp vào cuộc triển lãm mỹ thuật của Việt Nam ở nước bạn.

Những thành công trên và còn nhiều việc khác nữa tất nhiên còn thiếu sót. Tôi không cho những việc làm được đó đã là hoàn toàn đủ và tốt, nhất là về mặt sáng tác. Nhưng có thể chứng minh rằng những người làm công tác văn nghệ trong quân đội đã không ngủ một giấc ngủ một hai năm. Họ là những người biết suy nghĩ, nhiều suy nghĩ, luôn luôn lao động để phục vụ quân đội dù khó khăn thế nào cũng vẫn gắn bó với

## HUỶNH ÁI TÔNG

quân đội. Những việc đã làm được ấy không phải ngẫu nhiên mà có. Công việc Phòng Văn nghệ làm có tác dụng cụ thể trong việc động viên giáo dục chiến sĩ, được quần chúng công nhận và hoan nghênh càng không thể là “*thuốc giả*” hoặc “*những tư tưởng lạc hậu, cũ rích mà họ bán, bắt anh bộ đội phải nhai*” như Trần Công nói.

Báo Văn nghệ Quân đội có một số bài nhắc nhở chiến sĩ, cán bộ sáng tác về bộ đội chính huấn. Tôi cho rằng đây là một chủ trương đúng. Trước sau anh em làm công tác văn nghệ trong quân đội và cả những người có trách nhiệm lãnh đạo không hề có chủ trương lập một nền Văn nghệ Quân đội riêng biệt tách rời sự lãnh đạo của Hội Văn nghệ Việt Nam. Trong bài *Khuyết điểm tại ai* <sup>[2]</sup> đồng chí Tô Hải cũng đã nói điểm này. Văn nghệ Quân đội có đặc tính riêng của nó và cần phải có những sáng tác nói lên được con người bộ đội, những bước trưởng thành của quân đội... Lúc kháng chiến, ta viết về người chiến sĩ đánh giặc giữ nước, trong hòa bình ta vẫn tiếp tục viết về đề tài kháng chiến và còn nhắc nhau đi sâu vào đời sống thực của người chiến sĩ luyện tập, nói lên trung thực sâu sắc tâm tình của anh. Như phần trên đã nói, tuy có một số cán bộ quân chính ở đơn vị dưới có khuyết điểm hay gò sáng tác vào đề tài chính huấn một cách máy móc nhưng nói chung sự lãnh đạo của cơ quan văn nghệ không hề bắt một cán bộ nào chỉ được sáng tác về đề tài chính huấn. Sự thực thì trong năm qua, anh em sáng tác chuyên nghiệp ở Phòng Văn nghệ đã luân phiên nhau đi xuống đơn vị nghiên cứu và sáng tác về con người chiến sĩ trong học tập chính quy, đi tham gia cải cách ruộng đất để hiểu biết thêm về nông thôn, đi công trường, nhà máy, bờ biển để viết về sự kiến thiết của Tổ quốc. Sau những chuyến đi ấy, mỗi người đều có một thu hoạch về vốn sống cho sáng tác.

Hồ Phương và Vũ Cao đi nghiên cứu về đề tài bộ đội chính huấn. Hồ Phương góp ý kiến *viết về con người bộ đội hiện nay*. Người văn nghệ có thiện chí bao giờ cũng trân trọng sự tìm tòi của bạn, lắng nghe ý kiến của bạn với một thái độ chân thành.

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Trần Công không thể. Trần Công đã cắt xén những ý kiến của bạn, vin vào đó để bóp méo sự thật về vấn đề lãnh đạo của Phòng Văn nghệ Quân đội và sau cùng đã nhận định bằng quơ: *Hồ Phương vẫn thắc mắc, lo lắng một cách đáng thương (!).*

Trần Công vẫn thấy “*trong quân đội có một số cán bộ lãnh đạo vì đã chủ trương có một thứ văn nghệ riêng biệt nên đã có những hành động độc đoán, không đếm xỉa tới nguyện vọng và nhân phẩm của những anh em văn nghệ sĩ công tác trong quân đội*”, hoặc “*có một số nhà văn làm công tác nắm chính quyền ngồi vển vển trong bàn giấy*”... Thậm chí gần đây Trần Công còn khẳng định “*có một số văn nghệ sĩ trong quân đội đã nhảy lên ghé lãnh đạo phong trào, thừa thế kết bè "làm láo, báo cáo hay" kìm hãm phong trào*”... [3]

Tôi là một trong số anh em sáng tác ở đơn vị chiến đấu về phòng Văn nghệ Quân đội hơn một năm nay. Thấy rõ một số khuyết điểm của lãnh đạo, nhưng cũng thấy những cố gắng và tiến bộ chung của Phòng Văn nghệ Quân đội hiện nay, tôi càng thấy Trần Công có những nhận định mơ hồ, thiếu suy xét xem những lời nói của mình dựa trên cơ sở nào, đã đúng chưa. Trước đây, – ngày mà Trần Công ra khỏi quân đội – giữa một số văn nghệ sĩ trong Phòng Văn nghệ Quân đội đã có một số ý kiến bất đồng, cho đến kỳ học tập lý luận vừa qua, tập thể đã xác nhận những khuyết điểm của các cán bộ có trách nhiệm lãnh đạo từng bộ phận không phải xuất phát từ cái bệnh bè phái, tham quyền cố vị, chèn ép, như Trần Công nói trên giấy trắng mực đen.

Hiện nay tâm sự của những người làm văn nghệ trong quân đội là lo làm sao có sáng tác tốt phục vụ quân đội, lo trau dồi một đạo đức tốt đẹp xứng đáng là người làm văn nghệ chứ không ai lo cấp lãnh đạo không đếm xỉa tới nguyện vọng và nhân phẩm của mình. Quân đội là nơi đào tạo ra những người biết yêu, biết ghét, biết làm văn nghệ, là nơi có nhiều đề tài tốt để sáng tác nhưng quân đội cũng có nhiều hình thức khác nhau để giáo dục

## HUỶNH ÁI TÔNG

người thiếu tự trọng, phủ nhận sự lãnh đạo của Đảng, làm thình trước lẽ phải, muốn thấy mình mà không thấy chung quanh, muốn tác mình ra khỏi những quy tắc cần thiết nhất của tổ chức.

Nhìn những thiếu sót về lãnh đạo của Phòng Văn nghệ Quân đội, tôi không tách nó ra khỏi những khuyết điểm của lãnh đạo văn nghệ toàn quốc nói chung. Tôi suy nghĩ nhưng không sùng sốt, bàng hoàng. Tôi thấy một số đồng chí văn nghệ sĩ có nhiệm vụ thực hiện sự lãnh đạo của Đảng trong Phòng Văn nghệ Quân đội đã mắc nhiều khuyết điểm, tác phong quan liêu, đại khái, thiếu tinh thần trách nhiệm trong một số trường hợp cụ thể. Các đồng chí đó cần nghiêm khắc kiểm điểm nhưng dứt khoát họ không phải là những người xấu, cố bám lấy danh vị, kìm hãm phong trào. Phòng Văn nghệ Quân đội vừa qua những buổi kiểm điểm sôi nổi, anh em gần gũi nhau hơn, hiểu thêm tâm sự băn khoăn sáng tác của nhau, nhìn nhau là những người bạn chiến đấu và văn nghệ. Một năm nay, Phòng Văn nghệ Quân đội đã đi vào nền nếp, làm được một số việc cụ thể trong không khí đoàn kết. Đó là cơ sở cho việc sửa chữa khuyết điểm, nó sẽ vươn mình lên, không như lối nhìn một chiều đượm màu ảm đạm, chua chát của Trần Công.

### **Mấy lời cuối bài**

Lúc này mỗi người văn nghệ chúng ta đều muốn góp với lãnh đạo những ý kiến chân thành xây dựng. Tôi thấy bài của Trần Công không góp một ý nhỏ cho lãnh đạo sửa chữa khuyết điểm mà còn nêu lên nhiều điểm lệch lạc để cho người không thiện chí có chỗ khoét sâu thêm khuyết điểm của ta hoặc làm một số anh em có thể hoài nghi sự lãnh đạo của Đảng.

Quân đội ta đang lớn lên mau chóng.

Người chiến sĩ trên thao trường chính quy hiện đại luôn luôn sẵn sàng hy sinh mình để làm tròn nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc.

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Gia đình quân đội sẵn sàng đón những người bạn văn nghệ đến với mình. Tôi tin rằng sau đây, cũng như trước đây đã thế, không những chỉ một số cán bộ văn nghệ trong quân đội viết về bộ đội mà còn nhiều văn nghệ sĩ ngoài quân đội viết về người chiến sĩ cảm hứng nữa.

Tôi mạnh dạn nêu lên một số ý kiến, mong sẽ có nhiều anh em khác góp thêm nhiều ý kiến phong phú hơn, nhất là các bạn Văn nghệ Quân đội mới chuyển ngành và các văn nghệ sĩ quen biết từng có mặt ở các chiến dịch sẵn có mối cảm tình với quân đội.

---

<sup>[1]</sup>Xem bài: “Mấy ý kiến về vấn đề lãnh đạo của phòng Văn nghệ Quân đội” của Trần Công, báo *Văn nghệ* số 136 (nguyên chú)

<sup>[2]</sup>Bài “Khuyết điểm tại ai? Mấy ý kiến về bài của Trần Công nêu lên những thiếu sót về lãnh đạo của Phòng Văn nghệ Quân đội”, báo *Văn nghệ* số 141 (nguyên chú)

<sup>[3]</sup>Bài “Chống bè phái trong văn nghệ” của Trần Công, *Nhân văn* số 2 (nguyên chú).

(Nguồn: Báo *Văn nghệ*, Hà Nội, số 143 ngày 18-10-1956)

Trong *Chân dung nhà văn*, nhà thơ Xuân Sách họa chân dung của nhà thơ Xuân Thiêm:

*Thơ ông tang tỉnh tang tình  
Cây đa bên nước mái đình vườn dâu  
Thân ông mấy lượt lấm dầu  
Miếng môi danh lợi mắc câu vẫn thềm.*

Tài liệu tham khảo:

- Xuân Thiêm Web: [vannghequandoi.com.vn](http://vannghequandoi.com.vn)

25) Lương Ngọc Trác



**Lương Ngọc Trác - Nguyễn Quế Trác (1928-2013)**

Nhạc sĩ Lương Ngọc Trác tên thật là Nguyễn Quế Ngạch về sau đổi lại là Nguyễn Quế Trác, ông sinh ngày 3 tháng 7 năm 1928 tại làng Giao Tất, Gia Lâm, Hà Nội. Từ khi lên 11 tuổi đã được học âm nhạc có bài bản.

Vừa học phổ thông Lương Ngọc Trác vừa được học đàn, rồi tham gia các ban nhạc nghiệp dư biểu diễn ở hội Từ thiện, hội Truyền bá Quốc ngữ, các hội này do Việt Minh tổ chức.

Học xong bậc trung học ở trường Louis Pasteur, 17 tuổi Lương Ngọc Trác tham gia chơi nhạc chuyên nghiệp: là nhạc công chơi đàn piano ở các tiệm nhậu: LuckyStar, Moulin Rouger, phòng trà Thiên Thai... Khi học, toàn chơi nhạc cổ điển, khi đi kiếm sống thì chơi nhạc khiêu vũ (có thu nhập khá cao).

Năm 1945 sáng tác những bản nhạc không lời Vũ khúc tung bừng được sử dụng trong chương trình ca nhạc chào mừng ngày độc lập đầu tiên của đất nước (2-9-1945). Kháng chiến toàn quốc nổ ra, Lương Ngọc Trác chiến đấu trong hàng ngũ tự



## HAI MUỖI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

vệ Thủ đô, bị thương, nằm trên giường bệnh, cảm xúc về bài thơ *Mơ đời chiến sĩ* của Mạc Tân, ông đã phổ nhạc và bài hát được lan truyền khắp nơi. Sau đó ông công tác ở Trung đoàn Thủ đô, viết các ca khúc *Thủ đô huyết thệ*, *Ngày về*, *Trường chinh ca*, *Trăng Tây Bắc*, *Lô Giang*.



*Lương Ngọc Trác, Trang Công Lũy, Phạm Đình Luận  
(những chú bé liên lạc gan dạ trên chiến lũy Liên khu 1)*

Nhân đón xuân Đinh Hợi năm 1947, Hồ Chí Minh gửi thư cho bộ đội Thủ đô, trong đó có câu: “Các em thề quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh”. Lương Ngọc Trác đã cảm tác bài ca: “*Thủ đô huyết thệ*”. Bài “*Thủ đô huyết thệ*” và “*Mơ đời chiến sĩ*” đã có vai trò lịch sử thiêng liêng của quân – dân Thủ đô suốt 60 ngày đêm với những hành động quả cảm tuyệt vời: ôm bom ba càng xông vào xe tăng quân giặc!

Sau đó, Lương Ngọc Trác đã cùng đồng đội, đồng bào tiến hành cuộc thoái binh, bảo toàn lực lượng lên chiến khu Việt Bắc.

Sau hiệp định Genève năm 1954, ông công tác ở Cục Tuyên huấn Tổng cục Chính trị QĐNDVN rồi về phụ trách Đoàn Ca

## HUỶNH ÁI TÔNG

múa Tổng cục Chính trị. Ông tham gia viết nhạc cho vở vũ kịch đầu tiên của Việt Nam *Ngọn lửa Nghệ Tĩnh*.

Từ một nhạc công chơi đàn trong tiệm nhẩy, trở thành một chiến sĩ chiến đấu cầm súng chiến đấu trên “Lũy Hoa” đến nhạc sĩ gắn bó suốt cuộc đời với âm nhạc trong quân đội. Ông tự nhận công tác chính của mình là quản lý và chỉ đạo các đơn vị văn công quân đội, ban đầu là đội trưởng văn công đại đoàn Quân Tiên Phong 308 năm 1951, rồi trưởng ban nghệ thuật phòng Văn Nghệ Quân đội năm 1955. ông 4 lần được cấp trên giao nhiệm vụ làm đoàn trưởng chỉ đạo nghệ thuật Đoàn Ca múa Quân đội thuộc Tổng cục Chính trị, vào năm 1954, 1958, 1966, 1983. Cấp bậc cuối cùng của ông là Đại tá.

Gia tài âm nhạc ông để lại không nhiều, ông tự chọn ra phần sáng tác chỉ gồm 55 ca khúc, và 15 tác phẩm khí nhạc.

Ông được trao huân chương “Chiến sĩ” 1952, huân chương Độc lập hạng ba 1996, danh hiệu Nghệ sĩ ưu tú 1997, đồng tác giả sáng tác nhạc cho vũ kịch “ngọn lửa nghệ Tĩnh” giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn Học Nghệ Thuật năm 2001, giải thưởng Nhà nước về Văn Học Nghệ Thuật năm 2001

Nhạc sĩ Lương Ngọc Trác mất lúc 10h15 ngày 8 tháng 5 năm 2013, tại Hà Nội, hưởng thọ 85 tuổi.

Tác phẩm nhạc:

- *Mơ đời chiến sĩ*
- *Thủ đô huyết thệ* (1947)
- *Trường chinh ca*
- *Lô Giang*
- *Ngày về* (sáng tác với Chính Hữu)
- *Chiếc áo xanh*
- *Ta đi trong nắng mới*
- *Bài ca chèo thuyền*

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

- *Vũ khúc tung bồng*
- *Bài ca gửi đất liền*
- *Đường lên phía trước*
- *Công nông liên minh*
- *Ta đi trong nắng mới*
- *Ô cửa số*
- *Tâm sự với mùa Xuân...*

Trích văn:

### **Lời nói và việc làm của Tử Phác**

Kể ra nói về Tử Phác cho được rõ ràng cũng không phải dễ vì nhóm *Nhân văn* có phương châm hoạt động là “jeu serré” (báo cáo Trần Dần) tức là dùng những đòn hiểm hóc, dùng những luận điệu hai mặt, kích người khác làm bậy hộ mình, Tử Phác lại được đồng bọn suy tôn làm mưu sĩ, tức là nghệ thuật đòn hiểm cũng đã khá lắm. Tôi không phải là một nhà thám tử cho nên chỉ giới thiệu những điểm mà trong quan hệ công tác với nhau Tử Phác đã làm tôi phải suy nghĩ.

Gần đây Tử Phác hay nói đến nghệ thuật, luôn tỏ ra cho mọi người biết là mình yêu nghệ thuật lắm và chê trách những ai không “yêu” nghệ thuật bằng mình! Gần đây Tử Phác tỏ ra mình thương yêu anh em, tự cho mình là người biết “hy sinh” cho anh em! Như vậy thực chất Tử Phác yêu nghệ thuật hay địa vị, thực chất Tử Phác có thương yêu anh em không?

Tôi xin lược ra đây tóm tắt bản lý lịch của Tử Phác. Bí danh là Tử Phác tức Nguyễn Anh Chân, tên thật là Trần Kim. Xuất thân từ một gia đình phong kiến quan lại, đời ông làm quan to ra đầu hàng Pháp. Bố sang Tây du học về Hà Nội làm Tham tá lục lộ. Mẹ con quan, có vốn buôn tở lụa, vàng bạc. Nhà có cửa, bố mẹ lại mất sớm nên Tử Phác tha hồ ăn chơi và sớm trụ lạc, rượu chè, thuốc phiện, dần dần bế tắc về tư tưởng, nghiên cứu triết học Nietzsche và các thứ tôn giáo. Làn sóng cách mạng

## HUỖNH ÁI TÔNG

đến gỡ Tử Phác ra khỏi cuộc sống bế tắc đó, lôi cuốn Tử Phác vào cuộc sống mới, con đường hoạt động cách mạng. Trong những năm đầu cuộc kháng chiến, Tử Phác được kết nạp vào Đảng và phụ trách tờ báo *Thủ đô* của khu II. Sau một thời gian công tác Tử Phác mắc khuyết điểm: bao biện, độc đoán, làm báo theo lối tư sản, v.v... tờ báo bị đình bản. Đầu năm 49 được vào Ban Chấp hành Chi hội Văn nghệ Liên khu III, công tác một ít lâu Tử Phác lại mắc khuyết điểm: bao biện, độc đoán, quan niệm công tác kiểu tư sản, v.v... và một lô khuyết điểm nữa như: tham ô, lãng phí, hủ hoá, v.v... cứ thế tiếp tục, Tử Phác còn thuyên chuyển qua nhiều cơ quan khác: báo *Sự thật*, báo *Sức trẻ*, cơ quan Trung ương Thanh niên, cơ quan tuyên huấn quân đội, phụ trách Đoàn văn công quân đội, v.v... Tới đâu Tử Phác cũng cố gắng được một thời gian rồi lại phạm vào những tật xấu đã quen mắc: bao biện, độc đoán, quan liêu, tham ô, lãng phí, hủ hoá, v.v...

Thậm chí thời kỳ ở văn công Tử Phác đã tìm cách quyến rũ cả một phụ nữ trong khi người chồng đi bộ đội vắng.

Riêng tôi có vài kỷ niệm về Tử Phác như sau:

Một lần tôi gặp Tử Phác ở Thanh Hoá hồi 1951, khi đó Tử Phác mới ở đoàn thể chuyển sang công tác quân đội. Sau những câu chuyện thân mật, Tử Phác cho biết là cấp trên định tạm xếp Tử Phác cấp phó chính ủy Trung đoàn (mới tạm thời tức là có ngụ ý sẽ phải cao hơn). Ít lâu sau tôi được biết là Tử Phác còn thấp hơn cấp đó vài nấc. Tôi nghĩ rằng cấp bậc là nhiệm vụ mà nhân dân trao cho, vinh quang của người cán bộ là phải làm tròn nhiệm vụ ấy. Đâu phải như chức nhiều chức lý ngày xưa có thể dùng tiền tài hoặc thủ đoạn mà chiếm được. Tại sao Tử Phác lại tự cho mình cái chức mà mình không có. Chính vì Tử Phác thích cái lối ngời thứ kiểu cổ như vậy.

Đến Tết năm đó chúng tôi nhận được mỗi người một phong thư chúc Tết khổ rộng có trang trí hoa lá, in trên giấy trắng tốt, nội

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

dung là chúc tụng anh em và khuyến khích văn nghệ sang năm mới nên cố gắng, v.v... ký tên: Từ Phác Nguyễn Anh Chấn. Nhận lá thư mừng xuân chúng tôi tự nhiên phải nhìn nhau một cách hơi khô hài vì chúng tôi cho rằng trong quân đội có lẽ chỉ có Đại tướng Võ Nguyên Giáp mới ở cương vị cần thiết để làm việc này.

Năm 1954 ở chiến dịch Điện Biên, tôi có công tác đi qua và tạm lưu lại ở Đoàn Văn công Tổng cục chính trị do Từ Phác phụ trách thì gặp dịp anh em trong Đoàn hội nghị phê bình Từ Phác. Khuyết điểm là: quyen rũ nữ diễn viên tuy mình đã có vợ, quan liêu, độc đoán, v.v... Lần này Từ Phác lại bị kỷ luật và chuyển sang công tác khác.

Năm 1955, sau tiếp thu Hà Nội. Tôi được về công tác ở Phòng Văn nghệ Quân đội thì lại gặp dịp anh em cán bộ trong cơ quan đang phê bình Từ Phác về bệnh độc đoán, quan liêu, hay dè nén anh em, v.v... và đề nghị lãnh đạo thay Từ Phác đi công tác khác.

Đó là tạm nêu tóm tắt vài việc mà tôi biết.

Vậy mà trong bài giới thiệu Đoàn nghệ thuật Hung-ga-ri qua thăm Việt Nam ở báo *Nhân văn* số 4, Từ Phác đã viết:

*“Người nghệ sĩ hãy làm công việc nghệ thuật đi, hãy sống chân thực và nhiệt tình, hãy đem “tâm hồn và trái tim” ra cống hiến cho nhân dân, đừng có rắp tâm đi trên con đường nghệ thuật bằng những biện pháp nào khác!”*

Thậm ý Từ Phác viết đoạn này chính là chửi người khác, và như vậy kết quả sẽ là tự đề cao. Cái lối viết báo *Nhân văn* như thế đó.

Vậy thì cái giá trị của bài báo *Nhân văn* ấy thế nào? Sự thật Từ Phác đã dùng những biện pháp gì trên con đường nghệ thuật?

## HUỶNH ÁI TÔNG

Hàng chục năm lý lịch quá đủ để chứng minh là Tử Phác nện gót chân quan liêu độc đoán của mình trên lưng anh em văn nghệ với một nhịp điệu khá tàn nhẫn.

Vì những tội xấu cố hữu cho nên Tử Phác bị anh em văn nghệ không ưa và hoàn toàn mất tín nhiệm, bị cô lập. Tất nhiên Tử Phác phải tìm cách giải quyết. Thế là bắt đầu một giai đoạn mới: Tử Phác cải tiến biện pháp hoạt động.

Khi ấy năm 1955, anh em Văn nghệ Quân đội có một số thắc mắc về chính sách, đang đề đạt với lãnh đạo yêu cầu được giải quyết hợp lý. Lúc này quân đội bước đầu áp dụng điều lệnh chính quy, kỷ luật phải được tôn trọng; ngoài xã hội thì Hà Nội mới tiếp thu trật tự an ninh đang cần được củng cố; một vấn đề lớn như quy định những chế độ đặc biệt cho văn nghệ trong quân đội cần phải được nghiên cứu cẩn thận, không thể vội vã được. Một phần vì thế nên anh em văn nghệ ở Phòng Văn nghệ Quân đội sốt ruột và thắc mắc. Thế là Tử Phác trở thành một người rất “thương” anh em, bàn bạc với người này người khác để đấu tranh với lãnh đạo giành quyền lợi cho anh em! Tử Phác hay kể với anh em là do mình đấu tranh quyết liệt nên Tổng cục mới ký quyết định cho văn công được phụ cấp ăn thêm. Nói như vậy vừa là kể công mình vừa là để rút ra một “nguyên tắc”: đối với lãnh đạo phải đấu tranh quyết liệt thì “họ” mới nhả quyền lợi cho anh em. Việc này theo đồng chí phó Cục Tuyên huấn cho biết thì chính do đồng chí Đại tướng đã gặp văn công trong chiến dịch nên chỉ thị cho Cục Tuyên huấn phải nghiên cứu một chế độ bồi dưỡng cho văn công. Việc này Cục trao cho Tử Phác nghiên cứu thì Tử Phác làm rất chậm, phải giục mới xong. Thế là Tử Phác đã không làm tốt phần việc của mình còn đi nói xấu lãnh đạo.

Cái lỗi vu cáo như vậy Tử Phác luôn luôn dùng. Những câu nói nhọn hoắt như mũi dùi luôn luôn đâm vào sự bức tức của anh em. Tác dụng của nó làm cho cuộc đấu tranh cứ theo đà quá

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

khích mà bốc mãi lên. Mâu thuẫn giữa cấp trên và anh em văn nghệ ở Phòng Văn nghệ Quân đội ngày càng sâu sắc.

Lúc này chiến thuật của Trần Dần là “*Phải “imposer” lãnh đạo thực hiện mọi yêu cầu của ta*” tức là phải làm quyết liệt và cấp tốc để lãnh đạo trở tay không kịp. Đột nhiên tờ báo *Nói thật* (của Hoàng Công Khanh) trình trọng đăng lên trang nhất bài: “Bước chia tay giữa văn nghệ và chính trị” (trích dịch bài của Lỗ Tấn viết thời kỳ đấu tranh với chế độ Tưởng Giới Thạch). Bài này thật là vu vơ với tình hình chung của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà nhưng lại rất đúng với những hành động của Trần Dần, Tử Phác trong quân đội.

Họ cứ theo đà vu cáo gây sự phẫn nộ trong quần chúng mà nổi lên theo. Tình trạng vô chính phủ trong cơ quan trở thành nghiêm trọng.

Các cấp ủy Đảng trong cơ quan luôn luôn giúp đỡ nhưng đến lúc này trong anh em mới có một số người bắt đầu nhìn thấy sự thật. Rõ ràng là cuộc đề đạt chính sách có tính chất nội bộ đã bị một số phần tử xấu kích lên thành một cuộc đấu tranh có tính chất đối kháng. Thế là anh em bắt đầu chống lại cuộc đấu tranh sai lầm kia. Qua nhiều cuộc tranh luận gay go, số anh em nhìn ra lẽ phải ngày càng đông và cuối cùng thì một nhóm quá khích đã lộ mặt. Đó là: Tử Phác, Trần Dần, Hoàng Cầm, v.v... Đúng như Trần Dần đã kiểm thảo: “*cuộc đấu tranh chính sách của anh em Văn nghệ Quân đội chỉ là một cái cớ để chúng tôi khoét sâu mâu thuẫn giữa quần chúng với lãnh đạo...*” Âm mưu của họ đã vấp phải sự giác ngộ và đoàn kết của anh em Văn nghệ Quân đội nên đã thất bại hoàn toàn. Trần Dần, Tử Phác bị kỷ luật. Nhưng với chiêu bài “*vì quyền lợi quần chúng*”, Tử Phác và đồng bọn đã tìm được nhau, kết thành vây cánh, phá phách được một thời gian trong quân đội. Họ sẽ mang chiêu bài đó đi hoạt động những nơi mà còn ít người biết.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Họ kéo nhau ra khỏi quân đội. Đi đâu cũng than thở: “Ở quân đội bị bè phái chèn ép, không thể sống được”.

Việc ra khỏi quân đội của họ có những dụng ý rất đen tối cần vạch ra. Trong khi những anh em Văn nghệ Quân đội còn lại đang lặn mình vào công tác để giải quyết những công việc bị ứ đọng lại trong gần một năm qua và hàn gắn lỗ hổng của bọn họ để lại thì họ đã liên kết được với vây cánh sẵn có ở ngoài vừa vu khống và chửi rủa quân đội, vừa căng chiêu bài nghệ thuật lên chuẩn bị tấn công vào chiếm lĩnh các vị trí cần thiết ở các hội văn học và nghệ thuật.

Riêng như ở ngành nhạc, trong Ban đại diện lâm thời có một cuộc vận động của Văn Cao và Đặng Đình Hưng gạch tên một đại biểu khác của quân đội để thay Tử Phác vào danh sách đại diện. Rồi gạch tên một người khác của quân đội trong dự kiến về danh sách đại biểu đi dự cuộc họp ở Praha để thay Tử Phác vào (cũng trong khoảng thời gian này thì Phan Khôi chuẩn bị đi Trung Quốc, Chu Ngọc chuẩn bị đi Ấn Độ, Thái Thị Liên đi Praha, Nguyễn Văn Tý cùng danh sách với Tử Phác, v.v...). Lúc này Văn Cao đang phụ trách tờ *Tập san Âm nhạc* đã nhẹ nhàng rút lui và nhường chân thư ký toà soạn cho Tử Phác. Vai trò Tử Phác kể cũng đã được vây cánh tô điểm cho một cách khá kỹ càng nhưng đến lúc thành lập hội thì không một ai đề cử Tử Phác vào danh sách chấp hành hội cả. Đúng ra cũng có một người đã đề cử nhưng rồi chẳng hiểu nghĩ sao lại lên bảng xoá dòng chữ Tử Phác do chính mình đã viết. Sau này Ban chấp hành Hội nhạc đã cử đồng chí Lưu Hữu Phước lên phụ trách chủ nhiệm để lãnh đạo tờ báo của hội thì Tử Phác phản ứng. Rồi nhân dịp đồng chí Phước có việc đi quốc tế một thời gian thì ở nhà Tử Phác tổ chức một cuộc họp toà báo (không báo cáo cho thường vụ hội biết) đề nghị Văn Cao về làm chủ nhiệm thay Lưu Hữu Phước, rồi kẻ biển quảng cáo không đề tên chủ nhiệm. Đến lúc Ban chấp hành cảnh cáo Tử Phác mới kẻ thêm tên chủ nhiệm vào biển.



## HAI MUỠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Một người hành động như vậy, với bè cánh như vậy mà lại đi kêu ầm lên là bị bè phái chèn ép. Thật là vừa ăn cướp vừa đánh trống.

Đến lớp chính huấn văn nghệ vừa rồi. Tử Phác có kiểm điểm về sai lầm của mình và ân hận là mình có tài mà không được trọng dụng nên bất mãn (!) Nào là đang viết “lịch sử âm nhạc thế giới” (!), là trình độ mình thừa sức làm chủ tịch Hội Nhạc sĩ Việt Nam, v.v... Tôi nghĩ rằng cái việc nói bâng quơ cũng là cái tự do của con người, vả lại mấy việc đó thực là lớn quá tôi chưa đủ khả năng làm tới, chỉ xin nhận xét mấy công việc cụ thể mà Tử Phác đã làm.

Báo *Nhân văn* còn có phần của Tử Phác, đã quá nhiều người góp ý kiến, tôi không cần góp thêm. Xin nêu ra vài bài trong tờ *Tạp san Âm nhạc* thời kỳ Tử Phác làm thư ký toà soạn.

- Bài “Cần gì trước tiên” (trích dịch *Anecdote musicale* của V. de Velde): Ngày xưa có người hỏi nhạc sĩ Gờ-luych (Gluck) là cần gì trước tiên. Nhạc sĩ trả lời: Cần tiền! Rượu! Vinh quang! Phải chăng ông thư ký toà soạn đã dùng cái phép “ôn cũ biết mới” của *Nhân văn* để nói lên lẽ sống của mình là như thế.

- Bài “*Con trâu nghe nhạc*”: Ở miền Trung có điệu hò rất hay. Trâu kéo gỗ dù mệt rồi mà cứ nghe điệu hò nổi lên thì lại ra sức kéo không nghỉ nữa. Có bác nông dân tham việc cứ hò mãi, trâu kéo gỗ về đến nhà thì kiệt sức lăn ra chết. Phải chăng Tử Phác đã mượn bài này để bôi nhọ vốn dân tộc và xuyên tạc ảnh hưởng đúng đắn của văn nghệ với xã hội.

Tờ báo còn một loạt bài và những mục tin để đã chỗ này khen chỗ kia. Tất nhiên chúng ta rất hoan nghênh sự phê bình đúng đắn nhưng ở đây Tử Phác khen những cái chưa đáng khen và chê những cái chưa đáng chê, và nhất là có những dụng ý không tốt ở trong. Ví dụ: Tử Phác chê một sáng tác của Đ.P. là

## HUỶNH ÁI TÔNG

kém thì bị anh em phản ứng về lối phê bình không đúng đắn. Thế là Tử Phác đính chính: “Khuyết điểm trước phê bình chưa rõ ý. Nay đính chính lại rõ hơn là nếu chế độ sáng tác của ta mà khá hơn thì Đ.P. sáng tác không đến nỗi tồi như vậy”. Câu đính chính này rất có giá trị về mặt... xô xiên. Tử Phác rất thích dùng cái lối chửi xô như vậy, lật vặt mà hiểm hóc.

Tử Phác có đăng một bài của nhạc sĩ Xô-viết A. Ka-cha-toa-ri-an viết về tình hình nhạc Việt Nam sau khi qua thăm Hà Nội (do Thụy Ứng dịch). Trong đó A.Ka có nhận định một điểm là ở Việt Nam chưa có dàn nhạc “quần huyền” lớn (orchestre symphonique). Tử Phác liền chú thích luôn ý kiến riêng của mình đại ý là: “nhận định này chỉ đúng với miền Bắc Việt Nam” nghĩa là Tử Phác muốn nói là Sài Gòn đã có dàn nhạc symphonique rồi, nghệ thuật Sài Gòn phát đạt hơn Hà Nội. Tội nghiệp cho Tử Phác! Sài Gòn đã làm gì có dàn nhạc symphonique lớn. Chưa nói đến nội dung tư tưởng trong nghệ thuật âm nhạc của Sài Gòn, chỉ nói đến cái hình thức mà Tử Phác rất chú ý ấy Sài Gòn cũng chưa có. Trong khi đó thì thực tế ở Hà Nội có Trường nhạc Việt Nam, năm ngoài nhà trường đã tổ chức hoà nhạc với hình thức của một dàn nhạc symphonique tập sự, tuy chưa đầy đủ nhưng nó đã thành hình. Tử Phác làm báo khách quan theo kiểu gì mà lại quảng cáo cho một sự kiện mà Sài Gòn chưa có?

Tử Phác cũng hay nhắc đến tài năng của mình về sáng tác nhạc. Thực tình việc này tôi không muốn nêu lên vì sự phê bình âm nhạc là rất khó cụ thể, dễ suy diễn, có thể cãi nhau mãi được – nhưng vị quá kiêu căng nên một số anh em khó chịu đã góp thêm cho mấy ý kiến rất cụ thể. Bài “Lá reo” của Tử Phác sáng tác trong kháng chiến là mô phỏng âm hình đoạn A của bản *Symphonie pastorale* (Beethoven). Bài “Quay to” và “Gió Hồ Tây” là mô phỏng một âm hình của bản *Flute enchantée* (Weber). Bài nhạc thể dục buổi sáng mà Tử Phác đã báo cáo trước hội nghị là thức ba đêm liền để sáng tác thì chính là trích trong vũ kịch *Phạm Minh Đức* cũng của Tử Phác. Nhân đây

## HAI MUỖI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

giới thiệu luôn về vũ kịch này tuy rằng nó còn dở dang chưa xong. Vũ kịch là hình thức lớn trong sáng tác âm nhạc, nó đòi hỏi người sáng tác phải có một trình độ kỹ thuật nhất định chưa kể đến cảm xúc và các sự hiểu biết khác, Tử Phác không đủ những điều kiện đó nhưng cứ làm. Vì trình độ hoà thanh kém nên Tử Phác chỉ làm được một phần giai điệu còn phần bè đệm thì đến nhờ nhạc sĩ Hiếu giúp, mà loại sáng tác này thì hoà thanh là một công trình rất quan trọng trong việc xây dựng tác phẩm. Kể ra một người năng lực có chỗ còn thiếu sót phải đi nhờ người khác giúp đỡ thì không có gì lạ. Nhưng nó lạ ở chỗ là Tử Phác không chịu nhận là mình còn kém, đã đi nhờ anh Hiếu giúp lại còn sĩ diện nói với anh em bạn là: “Hiếu giúp mình về hoà thanh chẳng qua vì hắn biết đàn piano. Thật ra là tay Hiếu mà là óc mình”. Tử Phác có dám nói câu đó trước mặt anh Hiếu không? Phải chăng đó là biểu hiện của sự vô ơn? Đã vậy khi Cục Tuyên huấn tạm ứng một món tiền cho sáng tác này thì Tử Phác lấy cả và viết thư báo cáo với Cục Tuyên huấn là đã đưa anh Hiếu một nửa! Phải chăng đó là tâm hồn và trái tim của Tử Phác!

Kể những sự việc như trên thì lan man còn nhiều lắm. Sự thực về Tử Phác là như vậy. Cả một hệ thống những sai lầm xấu xa như thế mà cứ mang chiêu bài nghệ thuật và chân lý để chửi Đảng, chửi quân đội, phỉ bình quân chúng hùng thực hiện những ý định đen tối của mình. Tử Phác và nhóm *Nhân văn-Giai phẩm* thường dùng những chữ lớn như văn nghệ sĩ là lương tâm của thời đại, chịu trách nhiệm trước lịch sử ngàn đời, v.v... Những chữ ấy kêu lắm nhưng cụ thể họ đã làm những gì cho đất nước trong mấy năm nay? Những đêm nằm cạnh bàn đèn thuốc phiện trên gác nhà Tử Phác, họ đã bàn bạc với nhau những gì: *jeu serré*, các lối vu cáo, đập người này lôi người kia, và những chuyện gì nữa? Họ hãy nói to những chuyện đã bàn bạc ấy lên cho nhân dân góp ý kiến với!

Hãy tỉnh lại đi thôi! Thực tế chứng minh là một số lớn trong bọn họ đã sa đoạ rồi. Họ nên mau mau trở về với thực tế cuộc

## HUỶNH ÁI TÔNG

sống, bớt những tham vọng điên cuồng tàn nhẫn đi. Không nên phá phách lung tung và cuối cùng là tự phá hoại. Chúng tôi nghĩ rằng đất nước chúng ta đang trên đường tiến lên xã hội chủ nghĩa. Xã hội này chỉ nhận làm công dân những người lương thiện và trung thực. Bất kể tài năng anh như thế nào, bất kể anh làm nghề nghiệp gì; là người thợ mỏ đào than hay là người nhạc sĩ sáng tạo ra âm thanh, bao giờ sự lao động lương thiện vẫn là vinh quang trước tiên của con người chân chính.

(Nguồn: *Văn nghệ Quân đội*, số 5, tháng 5-1958)

Trên báo *Thế Thao & Văn Hóa*, ngày 9-5-2013, Nguyễn Phú Cường viết về nhạc sĩ Lương Ngọc Trác: *“Trên tất cả, bạn bè đồng nghiệp thương nhớ một nhạc sĩ đoàn trưởng trong công việc luôn nghiêm túc hết mình, trong cuộc sống luôn tể nhị, chân tình, lịch lãm và tử tế. Âm nhạc của Lương Ngọc Trác mang nhiều chất nam tính, mạnh mẽ, rộn rã... đôi khi có nét kịch tính song vẫn ẩn chứa chất trữ tình, đôn hậu.”*

Tài liệu tham khảo:

- Lương Ngọc Trác Web: [thethaovanhoa.vn](http://thethaovanhoa.vn)
- Lương Ngọc Trác Blog: [talawas](http://talawas)

26) Nguyễn Khải



**Nguyễn Khải - Nguyễn Mạnh Khải (1930-2008)**

Nguyễn Khải tên thật là Nguyễn Mạnh Khải, sinh ngày 3 tháng 12 năm 1930 tại Hà Nội. Quê nội ở thành phố Nam Định nhưng tuổi nhỏ sống ở nhiều nơi. Đang học trung học thì gặp Cách mạng tháng Tám.

Trong Kháng chiến chống Pháp, Nguyễn Khải gia nhập tự vệ chiến đấu ở thị xã Hưng Yên, sau đó vào bộ đội, làm y tá rồi làm báo.

Bắt đầu viết văn từ những năm 1950, được chú ý từ tiểu thuyết *Xung đột* (phần I năm 1959, phần II năm 1962). Ông là Hội viên Hội nhà văn Việt Nam.

Sau năm 1975 Nguyễn Khải chuyển vào sinh sống tại thành phố Hồ Chí Minh. Ông rời quân đội năm 1988 với cấp bậc đại tá, để về làm việc tại Hội Nhà văn Việt Nam. Nguyễn Khải từng là Ủy viên Ban chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam các khóa 2, 3 và là Phó tổng thư ký khóa 3.

Ông là Đại biểu Quốc hội khóa VII.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Năm 1982, Nguyễn Khải nhận Giải thưởng Hội Nhà văn Việt Nam với tiểu thuyết *Gặp gỡ cuối năm*.

Năm 2000, nhà văn được phong tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh đợt II về Văn học nghệ thuật.

Nguyễn Khải mất ngày 15 tháng 1 năm 2008 tại thành phố Hồ Chí Minh do bệnh tim, thọ 78 tuổi.

Tác phẩm:

- *Xung đột* (1959-1962)
- *Mùa lạc* (tập truyện ngắn, 1960)
- *Thời gian của người* (1985)
- *Thượng đế thì cười* (2003)
- *Đi tìm cái tôi đã mất* (2006)

Trích văn:

### **Những bài học của đấu tranh cách mạng**

Hai cuộc hội nghị nghiên cứu về chính trị và văn nghệ do Tiểu ban văn nghệ trực thuộc Trung ương Đảng Lao động Việt Nam tổ chức và lãnh đạo vừa qua có giá trị lịch sử. Nó là một cuộc cách mạng về tư tưởng trong toàn bộ cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa. Hội nghị đã lấy đấu tranh cách mạng làm phương châm, tư tưởng Mác-Lênin làm vũ khí, chủ nghĩa xã hội làm mục tiêu. Hơn hai tháng, những phần tử tham gia nhóm *Nhân văn*, có tư tưởng chống Đảng, chống chủ nghĩa xã hội đã phải đầu hàng chân lý của Đảng, số lớn tình nguyện gia nhập vào đội quân cách mạng; những phần tử tiêu cực có nhiều lúc đầu hàng những khuynh hướng chính trị phản động, đã nhen lại được lửa chiến đấu, cùng với những chiến sĩ gan dạ bước lên hàng đầu. Và cũng có thể lác đác một vài người nào đó đã mất hết phẩm chất chính trị của người cách mạng, vẫn còn hoang mang, hoài nghi thì hãy cứ để họ đứng đấy, sớm muộn nếu họ

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

không thu hết can đảm mà tiêu diệt nọc độc trong mình thì nọc độc ấy sẽ quật chết họ. Nghĩa là họ cũng không thể đứng lừng chừng như vậy mãi. Trong cuộc đấu tranh cách mạng sôi sục ấy tôi đã rút ra được một vài kết luận làm bài học cho riêng tôi.

### 1. Văn nghệ là một mặt trận

Mặt trận văn nghệ không phải là một danh từ đọc cho kêu, mà chính là một thực tế chiến đấu. Trong cuộc đấu tranh giai cấp, cách mạng từ mặt trận đó mà xuất hiện, lên tiếng, và sau khi cách mạng thắng lợi rồi thì mặt trận văn nghệ, tư tưởng vẫn là nơi độ grom cuối cùng giữa ta và kẻ địch. Mấy năm vừa qua bọn đầu sỏ phá hoại đã âm mưu bước lên vũ đài chính trị bằng cái cửa ngách văn học nghệ thuật. Phát lệnh đầu tiên của chúng là: cho được tự do phê bình đường lối lãnh đạo văn nghệ của Đảng, phê bình một số cán bộ lãnh đạo của Đảng. Một số đồng chí chúng ta vẫn vô tư: “Vâng, xin mời các anh cứ mạnh dạn góp ý kiến”. Bọn chúng mạnh dạn hơn thật, tạo nên “vụ án văn học Trần Dần”; đánh dấu hỏi: chế độ này có đảm bảo được tự do sáng tác cho văn nghệ sĩ không? Đã có nhiều đồng chí mũi lòng quay lại trách lãnh đạo: “Sao ta không chịu sửa sai nhanh lên để người sáng tác được yên tâm, không khí văn nghệ được thoải mái, vui vẻ”. Lập tức bọn chúng hô lớn khẩu hiệu: Trăm hoa đua nở, đảm bảo các xu hướng nghệ thuật tự do phát triển, thổi phồng “tính chất riêng biệt của văn nghệ”, “chính trị văn nghệ cùng đi song song”. Đến lúc ấy thì khá nhiều người vỗ tay hoan nghênh: “một giai đoạn văn học nghệ thuật mới đã mở ra trước mắt”. Thế là thời cơ thuận lợi nhất của bọn phá hoại đã đến, chúng công khai quảng tẩm áo nghệ thuật giả hiệu – nhưng cũng đã làm lóa mắt một số người – phất cờ giống trông quảng cáo những luận điệu chính trị phản động, đề xướng “đường lối riêng tiến lên chủ nghĩa xã hội” “không theo Nga, chẳng theo Mỹ”, kêu gọi biểu tình để lật đổ “bộ máy quan liêu hiện hành”, nhằm nhe mưu đồ vương bá. Báo *Nhân văn* bị đóng cửa, âm mưu chính trị của chúng bị vỡ lở, thất bại. Nguyễn Hữu Đang rút về làm “cố vấn tối cao” cho nhà xuất

## HUỶNH ÁI TÔNG

bản Minh Đức, ngày đêm bày mưu tính kế chuẩn bị một thời cơ thuận lợi nào sẽ đến. Trương Tửu, Trần Đức Thảo lợi dụng diễn đàn trường đại học công khai truyền bá tư tưởng chính trị Tờ-rốt-kít, gấp rút đào tạo chân tay. Phan Khôi ăn lương thân sĩ, cơm rượu ngày hai bữa, làm “thơ luân lưu” chửi Đảng, chửi chế độ. Trần Dân, Hoàng Cầm, Lê Đạt cuộn khúc trong các tổ chức văn học, rèn một loạt “dao hai lưỡi”, nung nấu chí phục thù, khiêu khích, chia rẽ, đánh kéo những phần tử yếu bóng vía. Trong tình hình nghiêm trọng ấy, đáng nhẽ chúng ta phải nêu khẩu hiệu: “Quét sạch tư tưởng thù địch của nhóm *Nhân văn-Giai phẩm*” thì có người lại kêu gọi: “Sáng tác trước hết, sáng tác trên hết, lấy sáng tác mà đầu sáng tác”. Đáng nhẽ chúng ta phải giám sát chặt chẽ các cơ quan xuất bản, báo chí, ngăn ngừa những nọc độc của chúng từ đáy phun ra, thì có người lại đề xướng: “tái bản sách cũ, tái bản tất cả, phải tin ở sự sáng suốt của quần chúng”. Đáng nhẽ chúng ta phải ủng hộ những đồng chí đã kịp thời vạch trần những luận điệu lập lờ hai mặt chửi Đảng, chửi chế độ trong các sáng tác của bọn *Nhân văn*, thì có người lại làm ra “nhân đạo”, oán trách: “Đừng nên thành kiến với anh em có sai lầm, phải tôn trọng sự sáng tạo nghệ thuật của họ”. Thế là tình hình đã thành ra như sau: một số cơ quan văn nghệ tuy danh nghĩa là của Nhà nước, nhưng lại thực hiện khá nhiều chủ trương chống lại Nhà nước; tiếng nói chính thống trong các cơ quan ấy không phải là tiếng nói của Đảng, mà lại là những tiếng nói chống Đảng; những người có quyền không phải là chúng ta mà hóa ra lại nằm trong tay bọn phá hoại. Từ chỗ ấy bọn chúng đã thổi khúc dạo đầu của bài kèn tiến quân công phá vào sự nghiệp vĩ đại của nhân dân, của Đảng. Kể đến bây giờ mới vỡ lẽ những mưu mô nguy hiểm của nhóm phá hoại *Nhân văn-Giai phẩm* thì cũng hơi muộn, nhưng bài học rút ra từ đây sẽ không bao giờ quên được. Quả thật văn nghệ là một mặt trận, văn nghệ sĩ là một đội quân, sách báo, sân khấu là nơi tác chiến. Nếu tư tưởng xã hội chủ nghĩa không chiếm lĩnh trận địa thì tư tưởng tư sản phản động sẽ chiếm lĩnh, nếu tư tưởng Đảng không chiếm lĩnh thì tư tưởng chống Đảng, chống Nhà nước sẽ chiếm lĩnh, nếu mặt



## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

trận văn nghệ bị bỏ rơi thì các mặt trận khác sẽ chịu tổn thất nặng nề. Cuộc chiến đấu quyết liệt ấy chắc chắn còn phải dài lâu, ít ra cũng phải mất vài chục năm nữa mới có thể kết thúc được.

### 2. Đoàn kết tiểu tư sản và đoàn kết cách mạng

Muốn đoàn kết với nhau được thực thà thì phải đấu tranh, đấu tranh để thống nhất lý tưởng thì sự đoàn kết mới lâu dài được. Câu ấy nghe như cũ, nhưng hiểu được nó không phải là dễ, không phải ai cũng hiểu như ai. Trong giới văn nghệ có một vài đồng chí thực hiện đoàn kết trên cơ sở nhận thức chính trị như thế này: mọi người chung quanh ta đều có lòng lành cả, họ có thể có khuyết điểm này nọ ta nên tha thứ, hoặc dùng lời lẽ phải chăng mà bảo ban, không nên làm méch lòng nhau. Họ mời nhau đi uống nước chè, ăn bún bung, đọc sách ngâm thơ cùng nhau, cười nói vui vẻ. Nhưng khôn một nỗi xã hội ta chưa phải đã “hòa cả làng” như vậy, chưa phải mọi người đều đã một lòng ủng hộ Đảng Lao động, ủng hộ chủ nghĩa xã hội. Vì nếu mọi người đều là ta cả thì cách mạng cũng không còn nữa. Cho nên anh vui vẻ với họ, nhưng họ lại lợi dụng sự “chín bỏ làm mười” của anh để lợi dụng anh thực hiện ý định xấu của họ. Kết quả tai hại đã đến như sau: hôm đầu anh và họ, cả hai đều hoan hỉ nhận định “Đảng ta lãnh đạo tài tình”. Hôm thứ hai chỉ có anh nói còn họ ngồi im. Hôm thứ ba họ nói “Đảng Lao động lãnh đạo tồi”, và hôm thứ tư thì chính mồm anh lấp lại: “Đảng lãnh đạo tồi thật!”, còn họ thì không cần nói gì cả và chỉ nhìn anh mồm mím cười. Quả nhiên hai người vẫn đoàn kết với nhau, nhưng là đoàn kết trên những nguyên tắc của họ đặt ra, chứ không phải trên những nguyên tắc của Đảng. Nghĩa là anh đã bị họ giắt mũi lúc nào không biết, trong khi đó có ai phê bình anh hữu, theo đuôi thì anh lại to mồm cãi lại “Vì tôi mà quần chúng mới đi theo Đảng”. Phân tích hiện tượng trên tôi thấy thế nào – *Theo ý tôi thì anh tiểu tư sản thích đoàn kết trên sinh hoạt, chứ không thích đoàn kết trên lý tưởng.* Một tách cà phê, một chén trà tàu, một múi cam, một bó rau húng thú vị

## HUỶNH ÁI TÔNG

hơn là sự sinh hoạt tư tưởng trong cơ quan. Biểu nhau một cái áo cho con, chăm nom giúp nhau lúc vợ đẻ con ốm thấy nghĩa nặng ơn sâu hơn là sự giúp đỡ nhau nhìn rõ những sai lầm, kiên quyết cải tạo tư tưởng. Nhưng sự thực thì lại chính cái việc đấu tranh tư tưởng với nhau mới là nghĩa nặng ơn sâu, vì nó quyết định sinh mệnh chính trị và sự nghiệp sáng tác của nhau. Cho nên muốn làm bạn với nhau thì nhất định phải cùng là đồng chí, muốn cùng một chí hướng thì phải đấu tranh với những sai lầm của nhau trên nguyên tắc của Đảng. Ta có thể và nên nhân nhượng, tha thứ cho nhau trong sinh hoạt, nhưng phải nghiêm khắc bảo vệ sự thống nhất tư tưởng, chứ không phải là “thống nhất về sinh hoạt còn tư tưởng khác biệt cũng được, đó là quyền tự do của mỗi người, không hề gì!”.

### 3. Sự phá sản của “chủ nghĩa hoài nghi”

Cũng có thể nói hoài nghi là đặc điểm của trí thức (Trí thức của xã hội cũ chưa được cải tạo). Vì trí thức xuất thân ở giai cấp tiểu tư sản. Mà bản thân tiểu tư sản là cái loại “gió thổi chiều nào che chiều ấy”, tư sản mạnh thì theo tư sản, vô sản mạnh thì theo vô sản. Trong cuộc đấu tranh giai cấp anh tiểu tư sản thường thường lơ lửng ở giữa, nghe ngóng, không hẳn nhập vào cách mạng, mà cũng không dám phản cách mạng, lý tưởng không xác định rõ ràng, khi thế này khi thế khác. Hẳn như thằng tư sản thì lúc nào nó cũng dứt khoát phải chống cách mạng, nhất sống nhị chết; hoặc hẳn như người vô sản lúc nào cũng kiên quyết phấn đấu cho cách mạng tiến lên, tiêu diệt mọi lực lượng đối địch. Những năm vừa qua cũng chứng minh rằng: tiểu tư sản không thể đứng giữa được nữa, hoặc là phản cách mạng thành phần tử tư sản phản động, hoặc một lòng một dạ đi theo cách mạng, thành người vô sản, dần dần xóa bỏ tính chất giai cấp gốc rễ của mình. Ngay đến bây giờ từ trong hàng ngũ cách mạng vẫn tách ra một số người tiểu tư sản nào đó, họ dù chân lại một chỗ, mắt lơ láo, tai nghe ngóng, bụng phân vân không hiểu con đường cách mạng đương đi kia thật đúng hay không, hay còn một chân lý nào khác. Rút lại họ chỉ là

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

những anh muốn trở về lối cũ, muốn nhập bọn với kẻ thù của chủ nghĩa xã hội. Điều đó cũng dễ hiểu, vì anh tiểu tư sản đi với vô sản rất khó, phải cải tạo tư tưởng nhọc mệt, phải dứt đi những thói quen những cá tính xấu, nhưng có làm được thế anh mới có lối thoát. Còn đi với tư sản thì thú vị hơn nhiều, không những không phải cải tạo tư tưởng mà còn được phát triển những dục vọng, những cá tính, những thói quen của mình lên cao độ, nhưng đây chỉ là “cái lợi” cho anh trước mắt, còn nhìn về lâu dài thì anh đã bắt đầu choàng dây thòng lọng vào cổ rồi. Những người muốn quay trở lại ấy lấy cớ là “trí thức cần hoài nghi, không nên tin mù quáng” để hợp pháp hoá sự sa đọa tư tưởng của họ. Thử xem họ hoài nghi những cái gì? Đảng nói: “tư tưởng của nhóm *Nhân văn* là tư tưởng chính trị phản động”. Họ nói: “cường điệu, nhóm *Nhân văn* là nhóm hoạt động nghệ thuật”. Đảng nói: “Cách mạng vô sản phải do Liên Xô đứng đầu, lãnh đạo”. Họ nói: “Sùng bái, đầu óc nô lệ, ta theo con đường của ta”. Nhưng khi giai cấp tư sản phát ngôn: phải chiếu cố tư sản, phải để các xu hướng nghệ thuật tự do phát triển, không nên quá tin ở Liên Xô, thì nhất nhất họ đều khen: - đúng, hay, phải, ý kiến độc đáo! – Thế nghĩa là gì? Đảng là một tập thể sáng suốt nhất bảo họ, họ không nghe, nhưng khi bọn tư sản là giai cấp phản động, thổi nát (trên lý luận họ cũng biết như thế) bảo họ những điều rất nghịch tai thì họ tin ngay lập tức, không hoài nghi một chút nào. Chẳng qua cái tâm của họ vẫn là cái tâm tư sản. Họ biện bạch “để tôi được tự do tư tưởng” cũng chỉ là để họ được tự do nhập bọn với tư sản, chống lại Đảng. Nếu cứ giữ cái kiêu hoài nghi như thế thì có thể bây giờ họ chưa chống Đảng, nhưng nay mai họ sẽ chống Đảng, làm đầy tớ cho giai cấp tư sản. Vì những người đi vào con đường chống Đảng đều bắt đầu bằng sự hoài nghi như thế cả.

### 4. “Nhân vật vĩ đại” hay là cái cá nhân to tướng

Tôi xin mô tả “nhân vật vĩ đại” của phong trào “sáng tạo nghệ thuật” trong mấy năm vừa qua. Sự thúc đẩy đầu tiên trong anh

## HUỶNH ÁI TÔNG

ta không phải là chuyện tìm tòi một hình thức nghệ thuật khả dĩ thể hiện nổi cái cuộc sống phong phú mãnh liệt của chúng ta hiện nay, mà là sự suy nghĩ về nội dung của thực tế. Thực tế này đẹp hay là xấu, con đường ta đi đúng hay là sai, Đảng lãnh đạo tài hay là tồi. Rõ ràng đó là sự suy nghĩ về chính trị chứ đâu có phải là sự tìm tòi về nghệ thuật. Nếu anh ta muốn làm chính trị thì đó là điều hay lắm. Vì muốn là một nghệ sĩ lớn phải là một nhà tư tưởng lớn, một nhà hoạt động chính trị lớn. Nhưng anh ta làm chính trị như thế nào? Điều chắc chắn là anh ta không thêm nghiên cứu thực tế, nhất là cũng không thêm biết trong xã hội ta hiện nay ai đương đầu tranh với ai, và ai sẽ thắng. Anh ta nhìn thực tế bằng con mắt “thiên tài” của mình, bằng sự suy nghĩ chủ quan của mình. Vậy cái chủ quan của anh là cái chủ quan gì? Anh đương bất mãn. Bất mãn về tình yêu: tại sao Đảng không cho tôi được yêu tự do, muốn bỏ ai thì bỏ, muốn lấy ai thì lấy. Bất mãn về đời sống: tại sao Đảng không cho tôi được ăn sung mặc sướng, ô-tô nhà lầu, vì tôi đã cống hiến sức lực tài năng cho cách mạng bao nhiêu năm nay. Bất mãn về địa vị: tại sao người này lại được đề bạt, còn tôi Đảng vẫn để đây. Đưa “tài hèn” lại làm cấp trên đưa “tài cao”. Từ đó anh rút ra những kết luận, đề lên thành nguyên lý: “Đảng chỉ biết lo cái dạ dày còn không biết chăm sóc tình cảm; cách mạng thắng lợi thì chỉ có Trung ương là sướng còn để mặc quần chúng đói khổ, Trung ương xa rời quần chúng, trở lại bóc lột, thống trị quần chúng; đưa nào nịnh nọt thì được đề bạt, ai ngay thẳng thì bị ruồng bỏ, đưa ngu trị đưa khôn, cấp trên thói nát, kẻ dưới trong sạch”. Cái thứ lý luận nguy hiểm trên đã trở lại vuốt ve anh, phỉnh nịnh anh, bợ đỡ những sai lầm của anh, và dồn trách nhiệm vào Đảng. Nó trở thành những luận điểm chính trị để anh nhìn cuộc đời, định giá trị sự việc, tìm hiểu tình hình. Tức là anh đã đứng trên một quan điểm nào khác với quan điểm của Đảng, có thể gọi trắng ra là anh đã đứng trên quan điểm của giai cấp tư sản. Cái đầu, cái mắt của anh đã làm nô lệ cho tư sản rồi nhưng mồm anh vẫn gào to: “Tôi chống lại những tệ lậu của xã hội, phấn đấu cho chủ nghĩa cộng sản. Tôi là một người cộng sản không Đảng, một người cộng sản chân

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

chính hơn ai hết”. Khi đã đứng trên lập trường khác thì anh không thể đồng tình với Đảng được một điểm nào. Đảng bảo đúng, anh nói sai. Đảng bảo thế là phải, anh cãi thế là trái. Anh nhìn cái gì cũng lộn ngược, nhưng lại cảm thấy mình đã phát hiện ra được bao nhiêu điều mới mẻ mà từ trước Đảng không dám nói bao giờ. Đây là tâm trạng của một anh trồng cây chuối ngược để nhìn đời và chê bai mọi người tại sao lại không thấy được như mình. Ai đồng tình với anh thì là bạn tri kỷ, là người có trí lớn mà bị xã hội bạc đãi, ai đấu tranh với anh thì anh chửi là dốt, bảo thủ, quan liêu. Do đó anh thả cửa nói xấu các lãnh tụ của Đảng, của nhà nước, của cả thế giới vô sản nữa, mà lương tâm không hề cắn rứt mảy may. Tâm trạng luôn luôn u uất, buồn nản, đen tối, tư tưởng rối loạn vì những kích thích, những dục vọng, sinh hoạt buông trôi, trụy lạc. Đây là điều cốt nghĩa tại sao từ một con người theo cách mạng theo kháng chiến viết được những bài thơ hay, áng văn tốt, trở thành một anh đi hút thuốc phiện, trai gái đi điếm, xem bói tướng và đã nghĩ đến chuyện tự tử. Nhân vật vĩ đại đáng thương kia ơi! Rõ là anh còn xa lắm mới được là một người công dân bình thường của chế độ ta, anh đã trở thành một phần tử chống Đảng, chống chủ nghĩa xã hội. Rõ ràng rằng không phải là Đảng đã “tha hóa” mà chính anh đã rơi vào cái hố trụy lạc của giai cấp tư sản. Rõ ràng không phải là anh cứu vớt Đảng mà chính Đảng đương đưa bàn tay đầy thương yêu và độ lượng ra đỡ lấy anh, rửa rấy anh, đặt anh vào hàng ngũ những người cách mạng do Đảng lãnh đạo.

### **5. Đi theo Đảng thì sống, rời sự lãnh đạo của Đảng thì chết**

Phải có kinh nghiệm xương máu mấy năm vừa qua mới có thể kết luận dứt khoát được như trên. Bây giờ không ai còn nghĩ đến bàn sự quan hệ giữa văn nghệ và chính trị nữa, vì sự thực đã chứng minh quá rõ: chẳng có thứ nghệ thuật nào không có chính trị cả, chính trị là mục đích và nội dung của nghệ thuật. Chỉ có điều nên bàn: theo nghệ thuật của chính trị tư sản hay theo nghệ thuật của chính trị vô sản. Mấy năm vừa qua đã có

## HUỶNH ÁI TÔNG

một số người đi theo thứ chính trị của giai cấp tư sản rồi (mà họ lầm tưởng là thứ chính trị của riêng họ, do họ phát minh ra). Kết quả về sáng tác thì mất chân thực, phản bội lại đời sống, đi vào cái riêng tư u uất buồn nản chán chường của cá nhân, và cuối cùng vẫn là chửi lại Đảng, chửi quần chúng, chửi chế độ. Tác dụng của những sáng tác đó là: quần chúng bảo nhau nếu có dịp gặp những tác giả ấy thì họ sẽ trị tội. Vậy chỉ có cách đi theo đường lối chính trị của vô sản. Có thể và nhất định phải mệt nhọc hơn. Vì muốn sáng tác tốt thì phải nhìn đời cho đúng, phải gây được cái hào hứng cách mạng trong mình, phải yêu cái đời sống hiện nay và tình nguyện sống chết với đời sống tốt đẹp đó. Được thể thì lại phải cải tạo tư tưởng, cải tạo lối sống. Khó nhưng nhất định phải làm nếu không muốn tụt lại, không muốn bé tắc. Có thể năm nay tôi sáng tác vẫn tồi, vẫn công thức, sơ lược, sang năm cũng thế, vài ba năm nữa cũng vẫn thế, thậm chí hàng chục năm nữa vẫn chưa ra được một tác phẩm nào theo ý mình mong muốn. Sự lâu dài đó rất tất nhiên, vì muốn tốt đâu có phải chuyện dễ, nhưng tương lai thì nhất định sẽ sáng tác tốt được, vì con đường mình đi là con đường duy nhất đúng, không có con đường nào khác. Nếu anh nào mới cầm bút mà đã nhăm nhăm định nổi tiếng, làm ăn tất thì sẽ chết ngay. Vì nếu muốn gây tiếng tăm cũng dễ, chỉ phải cái là không lương thiện. Chẳng hạn như Trần Dần, Lê Đạt mở đầu sự nghiệp lẫy lừng của mình bằng bài thơ “Nhất định thắng”, “Nhân câu chuyện mấy người tự tử”. Nhưng nổi tiếng vì sự nguyên rủa thì thật không hay một chút nào. Danh lợi là cái cửa hấp dẫn nhất để nhử ta vào con đường đòi truy của giai cấp tư sản.

Tôi nghĩ: Đảng bảo văn nghệ sĩ nên và cần thiết chịu sự lãnh đạo của Đảng, đâu có phải Đảng muốn bắt ta làm nô lệ cho Đảng, kỳ thực chỉ là mong muốn cho ta trở thành những người văn nghệ chân chính, đem hết sức mình, tài mình phục vụ cho sự nghiệp cách mạng. Đảng mong văn nghệ sĩ nên lấy tư tưởng của Đảng làm tư tưởng tác phẩm đâu có phải là Đảng độc đoán, tiêu diệt sự sáng tạo của cá nhân, mà chính vì tư tưởng

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

của Đảng là tư tưởng lớn nhất của thời đại. Đảng yêu cầu văn nghệ sĩ đi vào thực tế đấu tranh của quần chúng, phục vụ những nhiệm vụ trung tâm của cách mạng, đâu có phải Đảng tầm thường hóa công tác nghệ thuật, mà chính vì muốn ngòi bút của ta là một vũ khí, tác phẩm của ta rừng rực bốc cháy lửa chiến đấu, nâng cao thêm tính tích cực và tính cải tạo xã hội của tác phẩm. Đó là vì muốn đề cao vị trí chiến đấu của ta, nhận thấu tác dụng mạnh mẽ của nghệ thuật. Có thể tóm tắt ta với Đảng tuy hai mà một, hay nói cho chính xác hơn, Đảng là cái phần lương tâm, phần lý tưởng, phần người trong ta. Đảng kêu gọi tức là lương tâm và lý tưởng ta thúc giục. Khi nào ta thấy Đảng như xa ta, gương gao khi nhắc đến Đảng, thậm chí thù hận Đảng thì chắc chắn là cái phần đê hèn, phần thú tính (tức là cái chất tư tưởng tư sản bế tắc) đã nổi loạn và nắm chính quyền ở trong ta rồi.

\*

Trải qua một cuộc cách mạng về tư tưởng tôi tỉnh ra nhiều lắm, học được nhiều điều thâm thúy như máu thịt, mà tôi chắc chỉ đọc sách thì dù thiên kinh vạn quyển cũng không thể làm mình mở mắt ra như vậy được. Nhân đây cũng lại có một bài học nữa: nên đọc sách nhưng càng nên tham gia đấu tranh cách mạng, có đấu tranh trong thực tế thì mình mới có vốn để hiểu và để tiêu sách vở. Đừng làm anh một sách, vì anh một sách chung quy chỉ là một anh gàn, chỉ tổ làm phiền người khác, chứ chẳng giúp ích gì cho ai.

4-4-58

(Nguồn: *Văn nghệ Quân đội*, số 5, tháng 5 năm 1958)

### Một người Hà Nội

1.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Chúng tôi gọi là cô, cô Hiền, là chị em đôi con dì ruột với mẹ già tôi. Năm 1955, tôi từ kháng chiến trở về một Hà Nội nhỏ hơn trước, vắng hơn trước, còn họ hàng chỉ còn lại có dăm gia đình, vì chồng và con đều đi theo cách mạng. Cô Hiền cũng ở lại, đầu cô chú vẫn sống ở Hà Nội suốt chín năm đánh Pháp, các con lại còn nhỏ, chả có dính líu gì đến chính phủ "ngoài kia" cả.

Họ ở lại chỉ vì không thể rời xa Hà Nội, không thể sinh cơ lập nghiệp ở một vùng đất khác. Lại thêm, chú tôi làm nghề giáo học, một ông giáo dạy cấp tiểu học, là người cần thiết cho mọi chế độ, chế độ cộng sản cũng phải khuyến khích trẻ con đi học, học văn hóa và học làm người. Còn chính trị chính em là những lứa tuổi trên, học sinh tú tài và sinh viên đại học.

Tính thế là đúng nhưng tôi vẫn lo, thật ra không có gì đáng để phải lo, nhưng tôi vẫn nghi ngại gia đình này rất khó gắn bó với chế độ mới và chế độ mới cũng không thể tin cậy được ở họ. Là vì họ ở rộng quá, một tòa nhà tọa lạc ngay tại một đường phố lớn, hướng nhà nhìn thẳng ra cây si cô thụ và hậu cung của đền Ngọc Sơn. Với người vô sản, ở quá rộng là một cái tội, trong khi cán bộ và gia đình họ phải ở chen chúc trong những khu nhà tập thể, có khi phải ở ngay dưới gầm cầu thang của nhà ban bè.

Cái mặc cũng sang trọng quá. Mùa đông ông mặc áo ba-dờ-xuy, đi giày da, bà mặc áo măng-tô cổ lông, đi giày nhung đính hạt cườm. Lại cái ăn nữa cũng không giống với số đông. Bàn ăn trải khăn trắng, giữa bàn có một lọ hoa nhỏ, bát úp trên đĩa, đĩa bọc trong giấy bản và từng người ngồi đúng chỗ đã quy định.

Gia đình tôi thì ăn uống bình dân hơn, vợ chồng con cái ngồi súm sít quanh cái mâm nhôm, thức ăn có khi múc ra đĩa, có khi cứ để nguyên trong nồi, nồi lớn đặt giữa mâm, nồi nhỏ đặt cạnh mâm, cứ việc sục muôi vào, sục đũa vào, vừa ăn vừa quát con mắng cái, nhôm nhôm, hả hê, không cần phải theo bó một quy



## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

tắc nào cả. Ăn cốt để sống, để làm việc, hay hóm gì cái thứ lễ nghi của... giai cấp tư sản.

Tôi không dám thốt ra miệng nhưng vợ chồng vẫn bảo riêng nhau : "Cô Hiền đích thị là tư sản rồi. Đã là tư sản thì không thể tin cậy được. Việc mình mình biết, việc cô mặc cô, dính líu nhiều có ngày lại rắc rối".

2.

Đã là người gốc Hà Nội thì không thể không nghe nói tới sự giàu có lương thiện của cụ Tú Dâu Hàng Bạc, là nhà ở cuối Hàng Bạc đầu Hàng Mắm. Xưa kia đất ấy là bến sông, mảnh Nghệ An chở nước mắm ra đổ tại bến và bốc ngay lên nhà. Nước mắm đổ vào các kiệu chôn chìm trong đất, mỗi lần thay phải dùng khăn bông trắng lau chùi sạch. Một dãy nhà chôn kiệu nước mắm và một gian nhà để tiền, tiền kẽm, mang một quan tiền kẽm đã phải vác vai.

Cụ Tú đậu tú tài khoa thi hương cuối cùng khi tuổi đã lớn, sau đó là bỏ hẳn bút lông để theo bút sắt. Cụ Tú ngâm thơ vịnh nguyệt, ăn ở giao tiếp theo kiểu cách nhà quan, dạy con cái cũng theo khuôn phép nhà quan là cái phần hào nhoáng của gia đình. Còn cái phần căn cốt, cái phần được người đời trọng thực nể thực, cái gian nhà tiền ấy đều do hai bàn tay đảm đang của vợ gây dựng nên. Bà chỉ buồn có nước mắm thôi. Thơ của cụ Tú được bạn bè khen nịnh chẳng qua là nhờ ở cái mùi nước mắm Nghệ, nhờ ở cái mùi tiền từ các kiệu nước mắm, con cháu sau này vẫn đùa vụng thế.

Bà Tú Dâu là em ruột bà ngoại tôi và là chị ruột mẹ cô Hiền. Hình như cả ba chị em đều lớn lên ở Hà Nội cùng một thời, cái thời Pháp mới sang, phố phường còn là nhà lá, nhưng chỉ có bà Tú là tiếng tăm hơn cả. Nhìn những tấm ảnh các cụ chụp từ đầu thế kỷ mà cảm động. Các cụ đều không được đẹp, mặt vuông trán ngắn, mắt hẹp và dài, lại hơi xệch một chút, gò má thì cao.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Cả ba cụ đều ăn mặc theo cái mốt của thời ấy: khăn vấn bỏ đuôi gà, áo tứ thân bằng hàng tơ dệt thưa gọi là xuyên, mặc quần lĩnh Bưởi và đi hài. Ba bà đặc nhà quê nhưng lại để ra một loạt con gái rất tân thời. Khoảng cuối những năm ba mươi, mẹ già tôi vẫn để răng đen, nhưng đã vấn tóc trần, đeo kiềng cổ và vòng tay bằng vàng chạm vừa thô vừa nặng.

Cô Hiền vào những năm ấy đã cạo răng trắng và uốn tóc, mặc quần áo đồng màu, hoặc đen hết, hoặc trắng hết. Còn nữ trang đã biết dùng đồ ngọc, bạch kim và hạt xoàn. Cũng vào những năm ấy có một số gia đình công chức cao cấp và quan lại, có cả mấy nhà buôn bán tơ lụa, thuốc bắc, kim hoàn, cho con gái lớn mở phòng tiếp khách văn chương, gọi là salon littéraire để mời gọi mấy anh văn sĩ, thi sĩ mới nổi và các cậu sinh viên cao đẳng. Khách văn chương là cái khung phải có, còn đám công tử một mai sẽ thành quan đốc, quan trạng, quan huyện mới là những nhân vật chính của mọi mộng mơ theo kiểu Tự lực văn đoàn.

Ngôi nhà của cô Hiền cũng là một salon nổi tiếng, không phải vì bố mẹ giàu hoặc sang mà vì có con gái lớn quá đẹp, vừa đẹp vừa thông minh, biết cách tự khoe bằng những mẫu chuyện rất duyên dáng của mình. Tôi sờ dĩ biết vô ối chuyện vặt vãnh của mấy ông Lan Khai, Đái Đức Tuấn tức Tchya, Phùng Tất Đắc, Lê Văn Trương, Hồ Dzếnh... là do cô tôi kể lại cả. Ông Trương còn nhờ cô đọc giùm bản thảo của nhiều cây bút chưa thành danh, một phần vì tin ở tài thẩm định văn chương của cô, phần nữa cũng vì ông bận quá : bận viết, bận hút và bận cách làm giàu.

Tôi hỏi đùa : "Vậy cái ông Nam Cao là do cô tìm được ra phải không ?" Cô trả lời rất nghiêm trang : "Ông Lê Văn Trương tìm ra. Là do ông nằm hút thuốc phiện ở nhà Trác Vỹ, tiện tay với lấy một chồng bản thảo để kê đầu, rồi tiện tay lôi ra một tập để đọc, cái tập ấy có tên "Cái lò gạch" do một cây bút hoàn toàn vô danh viết ra".

3.

Được sống năm đầu ở Hà Nội vừa giải phóng với lứa tuổi chúng tôi ngày ấy mới hăm bốn hăm năm cái xuân xanh, là cực kỳ khoan khoái. Chín năm xa phố phường, xa ánh điện, không được vào rạp xem chiếu bóng hoặc cải lương, không được vào một cái chợ đông người giữa ban ngày, bây giờ mỗi ngày đều ở Hà Nội, mỗi đêm đều ở Hà Nội, mãi mãi còn ở Hà Nội.

Chúng tôi thì vui thế, tại sao những người vốn sống ở Hà Nội chưa thật vui nhỉ ? Họ đang tìm cách thích ứng với chế độ mới, cách sống, cách làm việc, cả cách nói năng nữa. Một lần tôi đến thăm cô chú, thằng em trai đã 14, 15 tuổi chạy ra mở cửa rồi kêu ầm lên : "Mẹ ơi ! Đồng chí Khải đến". Cô tôi cau mặt gắt : "Phải gọi là anh Khải, hiểu chưa ?" Bất đồ chú tôi cũng bước tới, nắm tay tôi rồi hỏi hồn nhiên : "Tại sao chủ nhật trước đồng chí không ra chơi, cả nhà chờ cơm mãi". Cô tôi thờ dãi, quay người đi. Tôi nói : "Nước được độc lập vui quá cô nhỉ ?" Cô trả lời : "Vui hơi nhiều, nói cũng hơi nhiều, phải nghĩ đến làm ăn chứ ?".

Theo cô, chính phủ can thiệp vào nhiều việc của dân quá, nào phải tập thể dục mỗi sáng, phải sinh hoạt văn nghệ mỗi tối, vợ chồng phải sống ra sao, trai gái phải yêu nhau như thế nào, thậm chí cả tiền công xá cho kẻ ăn người ở. Về sau tổ dân phố lại vận động nhau không nên nuôi người ở. Nhà này trước đây có hai người ở, một anh bếp và một chị vú. Chị vú là vợ anh bếp, đẻ được đứa con nào lại đưa về quê cho bà ngoại nuôi.

Sau ngày giải phóng cô tôi cho anh bếp về quê làm ruộng, còn chị vú vẫn ở lại, vì chủ tớ còn cần dựa vào nhau. Mỗi ngày chị đi chợ, đều có cán bộ bám theo, dò hỏi : "Chị có bị nhà chủ hành hạ không ? Tiền công có đưa đều đặn không ? Thái độ chính trị của họ là như thế nào ?" Chị vú gắt ầm lên : "Nếu họ không tử tế tôi đã xéo đi từ lâu rồi không cần anh phải xui".

## HUỶNH ÁI TÔNG

Chị ta kể lại chuyện đó cho cả nhà nghe, bình luận : "Cách mạng gì toàn để ý đến những chuyện lật vật!". Bây giờ thì chị vú đã mất rồi, về quê được bốn năm thì mất. Chị trông con cho bà cô tôi từ năm 19 tuổi đến năm 45 tuổi mới về quê, tình nghĩa như người trong họ. Anh chồng không lấy vợ khác vì các con đã trưởng thành, anh làm chủ nhiệm một cửa hàng mua bán của xã, ngày giỗ ông chú và ngày tết đều đem gạo, đậu xanh, miến và rượu, toàn của nhà làm cả, lên biếu cô và các em.

4.

Trong lý lịch cán bộ tôi không ghi tên cô Hiền. Họ thì xa, bắn súng đại bác chưa chắc đã tới, huống hồ còn là bà tư sản, dính líu vào thêm phiên. Tôi vẫn đinh ninh cô phải thuộc giai cấp tư sản vì cô có gương mặt đặc biệt là tư sản, càng già lại càng rõ. Tôi hỏi cô :

- Tại sao cô không phải học tập cải tạo, cô giấu cũng tài nhỉ?

Cô Hiền cười rất tươi :

- Tao chưa đủ tiêu chuẩn.

Tôi cũng cười :

- Lại còn chưa đủ.

Cô nói thản nhiên :

- Tao có bộ mặt rất tư sản, một cách sống rất tư sản, nhưng lại không bóc lột ai cả thì làm sao thành tư sản được.

Tôi nín lặng vì đó là sự thật. Cửa hàng của cô chỉ bán có một thứ : hoa giấy, các loại hoa giấy và các lẵng hoa đan bằng tre, thêm ít bưu ảnh và sổ tay kỷ niệm. Hoa làm rất đẹp, bán rất

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

đất, nhưng chịu thuế rất nhẹ, chỉ có một mình cô làm, các con thì chạy mua vật liệu, hoặc làm giúp phần cuồng lá vào dịp Tết ta và Tết tây.

Nhiều bà bạn cũng tỏ ý ngờ vực: "Trông bà như tư sản mà không bị học tập cũng lạ nhỉ?". Cô tôi trả lời thật nhẹ nhàng: "Các bà không biết nhưng nhà nước lại rất biết". Tất nhiên là cô khôn hơn các bà bạn của cô và cũng thức thời hơn ông chồng. Sau ngày Hà Nội giải phóng cô vẫn có hai dinh cơ, một nhà đang ở và một nhà ở Hàng Bún cho thuê. Ông làm nghề dạy học, con đông, đủ ăn là may, có tiền dư để tậu nhà là do ông viết sách giáo khoa cấp tiểu học, được Nha Học chính công nhận và cho in bán.

Năm 56, cô bán ngôi nhà ở Hàng Bún cho một người bạn mới ở kháng chiến về. Một năm sau có một cán bộ đến hỏi về nhà cửa và có nhắc tới ngôi nhà ở Hàng Bún. Cô trả lời tỉnh khô: "Xin mời anh tới ngôi nhà anh vừa nói, hỏi thẳng chủ nhà xem họ trả lời ra sao. Nếu còn thắc mắc xin mời anh trở lại". Cũng trong năm 56, ông chú tôi muốn mua một cái máy in nhỏ để kinh doanh trong ngành in vì chế độ mới không cho phép ông mở trường tư thực. Bà vợ hỏi lại: "Ông có đúng máy được không?" - Ông chồng trả lời: "Không" - "Ông có sắp chữ được không?" - "Không" - "Ông sẽ phải thuê thợ chứ gì. Đã có thợ tất có chủ, ông muốn làm một ông chủ dưới chế độ này à?" Ông chồng tính vốn nhát, rút lui ngay.

Cô kết luận với tôi: "Chế độ này không thích cá nhân làm giàu, chỉ cần họ đủ ăn, thiếu ăn một chút càng hay, thiếu ăn là vinh chứ không là nhục, nên tao chỉ cần đủ ăn". Làm hoa giấy không thể làm giàu được nhưng rất đủ ăn, lại nhàn, lại không phải lo sợ gì. Tôi hỏi lại: "Còn chú, còn các em?" - "Chú tuy chưa già nhưng đành để ngồi chơi, các em sẽ đi làm cán bộ, tao sẽ phải nuôi một lũ ăn bám, dầu họ có đủ tài để không phải sống bám".

## HUỶNH ÁI TÔNG

5.

Cô Hiền bên ngoài, chị Đại bên nội là những người đàn bà có đầu óc rất thực tế. Mọi sự mọi việc đều được các bà tính toán trước cả. Và luôn luôn tính đúng vì không có lòng tự ái, sự ganh đua, thói thời thượng chen vô. Không có cả sự lãng mạn hay mộng mơ vớ vẩn. Đã tính là làm, đã làm là không thêm để ý đến những đàm tiếu của thiên hạ. Cô tuyên bố thẳng thừng với tôi : "Một đời tao chưa từng bị ai cảm dỗ, kể cả chế độ".

Gần ba chục tuổi cô mới đi lấy chồng, không lấy một ông quan nào hết, cũng chẳng hứa hẹn gì với đám nghệ sĩ văn nhân, đùa vui một thời còn son trẻ thế là đủ, bây giờ phải làm vợ làm mẹ, cô chọn bạn trăm năm là một ông giáo cấp tiểu học hiền lành, chăm chỉ khiến cả Hà Nội phải kinh ngạc. Có gì mà kinh ngạc, cô đã tính trước cả. Sau khi sinh đứa con gái út, người con thứ năm, cô nói với chồng: "Từ nay là chấm dứt chuyện sinh đẻ, bốn mươi tuổi rồi, nếu ông và tôi sống đến sáu chục thì con út đã hai mươi, có thể tự lập, khởi sống bám vào các anh chị". Là thôi hẳn.

Cô bảo tôi : "Mày bắt nạt vợ mày quá, không để nó tự quyết định bất cứ việc gì, vậy là hỏng. Người đàn bà không là nội tướng thì cái gia đình ấy cũng chẳng ra sao". Khi các con còn nhỏ, ngồi vào bàn ăn cô thường chú ý sửa chữa cách ngồi, cách cầm bát cầm đũa, cách múc canh, cả cách nói chuyện trong bữa ăn. Cô vẫn răn lũ con tôi : "Chúng mày là người Hà Nội thì cách đi đứng nói năng phải có chuẩn, không được sống tùy tiện, buông tuồng". Có lần tôi cãi: "Chúng tôi là người của thời loạn, các cụ lại bắt dạy con cái theo thời bình là khó lắm". Cô ngồi ngẩn ra một lúc, rồi bảo: "Tao chỉ dạy chúng nó biết tự trọng, biết xấu hổ còn sau này muốn sống ra sao là tùy".

Đầu năm 1965, Hà Nội có đợt tuyển quân vào chiến đấu trong Nam, là đợt đầu tiên nên tuyển chọn rất kỹ càng, lứa tuổi từ 18

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

đến 25, diễn viên cải lương và kịch nói có, nhạc sĩ có, họa sĩ có, giáo viên trung học rất đông, là những chàng trai ưu tú của Hà Nội. Nghe nói khoảng 660 người. Người con trai đầu của cô Hiền vừa tốt nghiệp trung học, tình nguyện đăng ký xin đi đánh Mỹ. Tháng 4 năm 1965, lên Thái Nguyên huấn luyện. Tháng 7 rời Thái Nguyên vào Nam.

Họ dừng lại ở Hà Nội vài giờ vào lúc tối, nhưng không một ai biết. Tôi hỏi cô: "Cô bằng lòng cho em đi chiến đấu chứ?" Cô trả lời: "Tao đau đớn mà bằng lòng, vì tao không muốn nó sống bám vào sự hy sinh của bạn bè. Nó dám đi cũng là biết tự trọng". Ba năm cô không nhận được tin tức gì về đứa con đã ra đi, lại đến thẳng con kể làm đơn xin tòng quân, cũng đòi vào chiến trường phía trong để gặp anh, nếu anh đã hy sinh thì nói tiếp chí hướng của anh. Tôi hỏi lại cô: "Cô cũng đồng ý cho nó đi à?" Cô trả lời buồn bã: "Tao không khuyến khích, cũng không ngăn cản, ngăn cản tức là bảo nó tìm đường sống để các bạn nó phải chết, cũng là một cách giết chết nó". Rồi cô chép miệng: "Tao cũng muốn được sống bình đẳng với các bà mẹ khác, hoặc sống cả hoặc chết cả, vui lẽ thì có hay hóm gì".

Cũng may chú em tôi học rất giỏi, thi vào đại học với số điểm cao, nên nhà trường giữ lại. Tôi đến chúc mừng cô và em, cô nói: "Hiện tại thì nó may hơn anh nó, nhưng nếu anh nó còn sống thì cũng chưa biết đứa nào may hơn đứa nào". Cô tôi tính toán việc nhà việc nước đại khái là như thế.

6.

Tháng 12 năm 1975, cô Hiền cho con gái xuống nhà gọi vợ chồng tôi tới ăn liên hoan mừng em Dũng đã về. Cô nói: "Nó đeo ba lô bước vào đến giữa nhà tao còn hỏi, anh muốn mua gì?" Tôi cũng không thể nhận ra nếu được gặp đồng chí thượng úy này ở đâu đó. Gầy ốm quá, da đen quá, râu ria cũng nhiều quá, chẳng còn tí dấu vết gì là một chàng trai của Hà Nội.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Trong mấy chục năm sống dưới chế độ ta, mỗi tháng cô đều tổ chức một bữa ăn bạn bè, gồm các cựu công dân Hà Nội, những tên tuổi đã thành danh của đất kinh kỳ. Khoảng mười, mười lăm người gì đó. Cửa hàng đóng từ chiều, các bà lần lượt đến trước, xông ngay vào bếp cùng làm cơm, các ông đến sau, mũ dạ, áo ba-đờ-xuy, bỏ áo khoác ngoài bên trong còn mặc đồ bộ, thắt cà-vạt, nhưng đã sòn bạc cũ kỹ. Tiệc đã bày xong, vẫn chỉ có mấy ông ngồi tán suông chứ chưa thấy các bà. Rồi cửa trong mở, bà chủ xuất hiện trước như diễn viên trên sân khấu, lược giắt trâm cài hoa hột lép lánh, rồi một loạt bảy tám bà tóc đã bạc hoặc nửa xanh nửa bạc, áo nhung, áo dạ, đeo ngọc đeo dây đi lại uyển chuyển.

Ngày thường các bà mặc áo bông ngắn, quần thâm, đi dép hoặc đi guốc, vuông khăn len toí tớp buộc quanh cổ hay bịt đầu, là các cô Lộ Lem của mỗi ngày, có phải nói chuyện mình cũng dễ ăn nói buông tuồng, thiếu ý tứ. Tất cả là bình dân, tất cả đều có quyền ăn nói thô tục. Còn lúc này, toàn là những người quý phái mình phải xử sự ra sao nhỉ? Cô hỏi tôi: "Xã hội nào cũng phải có một giai tầng thượng lưu của nó để làm chuẩn cho mọi giá trị. Theo anh, ở xã hội ta thì là tầng lớp nào?". Tôi cười phá lên: "Thưa cô, là bọn lính chúng tôi, là giai cấp lính chúng tôi, chứ còn ai nữa".

Cho nên cái mùi lính trắng thâm nhiễm vào mọi nơi mọi chỗ, quan hệ kiều lính, vui chơi kiều lính, ăn nói kiều lính, văn chương cũng là một mùi lính. Là người lính vừa chiến thắng, người lính đang được cả xã hội trọng vọng. Còn bây giờ, sau bữa tiệc mừng đại thắng mười lăm năm, tầng lớp lính đã mất ngôi vị độc tôn của mình rồi. Bây giờ là thời của các giám đốc công ty, các tổng giám đốc công ty, các cố vấn, chuyên viên kinh tế thật giả đủ loại lên ngôi ban phát mọi tiêu chuẩn giá trị cho cả xã hội.

Tôi xin trở lại cái bữa tiệc của buổi tối hôm ấy, bữa tiệc của mấy người thượng lưu của Hà Nội đã mất ngôi tiếp đãi, chiều



## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

nịnh hai anh bộ đội từ một thành phố lớn nhất nước trở về. Nói cho thật, Dũng là nhân vật chính, còn tôi chỉ là một loại nhân vật phụ, ghé gắm vào cái vinh quang chung mà thôi. Trong bữa tiệc hình như tôi nói có hơi nhiều, nói về thành phố Sài Gòn rộng hơn, đông hơn, đẹp hơn cái Hà Nội của mình, về người dân Sài Gòn cũng lịch thiệp nhã nhặn hơn người dân Hà Nội. Những người ngồi nghe đều nín lặng, không một ai hỏi lại, không một ai bình phẩm gì thêm. Tôi đã nói điều gì thất thố ?

Một ông già hướng mặt về phía Dũng bảo: "Đồng chí bộ đội có chuyện gì vui kể nghe nào?" Dũng nói: "Thưa các bác, chỉ có những chuyện không được vui lắm". Một bà nói: "Cứ nói, người ở xa về có quyền muốn nói gì thì nói". Dũng nói rằng trong nửa năm nay anh không ngót nghĩ về những người từ Hà Nội ra đi cách đây đúng mười năm. Sáu trăm sáu mươi người, bây giờ còn lại khoảng trên dưới bốn chục.

Anh kể về một người bạn cùng trung đoàn, cùng một cấp thượng úy, tên là Tuất. Khi chuyển tàu từ Thái Nguyên tiến vào ga Hà Nội đã gần nửa đêm. Vừa mưa to xong, ánh điện lờn nhòe trên lá cây, trên những mặt đường vắng hun hút, trên sân ga Hà Nội. Tàu vừa dừng lại thì từ đâu đó bật lên tiếng loa rất sâu, rất vang : "Quý khách chú ý ! Quý khách chú ý ! Chuyển tàu từ Thái Nguyên...". Tuất ngồi cạnh Dũng chột nhòi người qua mặt bạn, gần như đưa cả nửa thân người qua khuôn cửa sổ, hất mặt lên phía có tiếng loa kêu nhỏ nhỏ: "Dũng ơi, Dũng, tiếng của mẹ mình đây ! Tiếng của mẹ mình đây !...". Không một ai được phép rời khỏi toa tàu, không một người thân nào được biết trước để chờ sẵn ở sân ga, để được nhìn nhau lần cuối, nói với nhau một lời cuối. Tất cả đều phải bí mật. Dũng kể tiếp:

- Thăng Tuất hy sinh ở trận đánh vào Xuân Lộc, trước ngày toàn thắng có mấy ngày. Cháu về Hà Nội là muốn nhào ngay lại nhà ga, đến phòng phát thanh, gặp mẹ Tuất, nói với bà một lời, vì bọn cháu vẫn ở cạnh nhau trong suốt mười năm. Vậy mà

## HUỖNH ÁI TÔNG

phải mấy ngày sau cháu mới dám đến. Cháu biết nói thế nào với một bà mẹ có con hy sinh, mà bạn của con mình lại vẫn còn sống, sống đến bây giờ, đến hôm nay. Bà bước ra giữa một đám đông nhưng cháu vẫn nhận ngay được là mẹ của Tuất. Tuất vẫn nói là hấn giống mẹ hơn giống cha. Cháu chỉ vừa kịp nói: Thưa cô, cháu là Dũng... nước mắt đã đầm òa, rồi cháu òa khóc y hệt một đứa trẻ. Bà níu chặt lấy một cánh tay của cháu nhưng không khóc. Và bà nói run rẩy : "Nín đi con, nín đi Dũng! Cô đã biết cả. Cô biết từ mấy tháng nay rồi".

7.

Nhiều năm đã trôi qua. Tôi sống ở thành phố Hồ Chí Minh thỉnh thoảng có việc phải ra Hà Nội đều ghé lại thăm cô Hiền. Chú tôi đã mất rồi. Các em đã có gia đình riêng. Chúng nó cũng đã bắt đầu già. Lớp các cụ trong họ chỉ còn vài người, cô Hiền là một. Cô đã yếu nhiều, đã già hẳn, ngoài bảy mươi rồi còn gì, nhưng cô vẫn là người của hôm nay, thuần túy Hà Nội, không pha trộn. Nơi tiếp khách của cô sau tấm bình phong cao hơn đầu người bằng gỗ chạm suốt mấy chục năm không hề thay đổi.

Một bộ sa lông gụ "cái khánh", cái sập gụ chân quỳ chạm rất đẹp nhưng không khảm, cái tủ chùa một cánh bên trong bày một cái lọ men Thủy Hồng, một cái lư đời Hán, một cái liễn hấp sâm Giang Tây, và mấy thứ bình lọ màu men thì thường nhưng có dáng lạ, chẳng rõ từ đời nào. Cô đang lau đánh một cái bát thủy tiên men đỏ, hai cái đầu rồng gắn nổi bằng đồng, miệng chân cũng đều bịt đồng, thật đẹp. Bên ngoài trời rét, mưa rây là lướt chỉ đủ làm ẩm áo chứ không làm ướt, lại nhìn một bà lão (nếu là một thiếu nữ thì phải hơn) lau đánh cái bát bày thủy tiên thấy tét quá, Hà Nội quá, muốn ở thêm ít ngày ăn một cái tết Hà Nội.

Năm nay chắc chưa thể có thủy tiên. Dân Hà Nội nhảy tàu lên Lạng Sơn buôn bán đủ thứ mà lại không buôn được vài ngàn

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

củ thủy tiên nhi ? Vì thử có thủy tiên liệu còn có người biết gọt tĩa thủy tiên? Lại thêm cái cách sống, cái tâm lý sống ồ ạt, xô bồ, vụ lợi của đám người vừa thoát khỏi cái chết cái khổ đã dễ gì có được sự bình tĩnh để thưởng thức vẻ đẹp trang trọng của một rò hoa thủy tiên. Cô Hiền hỏi :

- Anh ra Hà Nội lần này thấy phổ xá thế nào, dân tình thế nào ?

Tôi vừa cười vừa nói :

- Chưa bao giờ Hà Nội vui như bây giờ. Phổ xá vui, mặt người vui.

- Nhiều người nói Hà Nội đã sống lại.

Tôi nói :

- Có đúng một phần, phần xác thôi, còn phần hồn thì chưa. Cứ nhìn nghe những người Hà Nội buôn bán, ăn uống, nói năng, cư xử với nhau ở ngoài đường là đủ rõ.

Nói thế cũng hơi nghiệt. Vì có mấy việc vừa xảy ra làm tôi tức, tức và đau. Tôi đạp xe ở đường Phan Đình Phùng, tôi đạp chậm, vừa đạp vừa nghĩ ngợi. Một ông bạn trẻ đạp xe như gió thúc mạnh bánh xe vào đít xe tôi, may mà gượng kịp. Tôi quay lại nói cũng nhẹ nhàng : "Cậu đi đâu mà vội thế ?". Hắn không trả lời, đạp vượt qua xe tôi, rồi quay mặt lại chửi một câu đến sững sờ: "Tiên sư cái anh già !".

Lại một buổi sáng tôi đến thăm một người bạn ở quận Đống Đa, đã lâu không đến nên quên đường, lát lát phải hỏi thăm. Có người trả lời, là nói sống hoặc hát cầm, có người cứ giương mắt nhìn mình như nhìn con thú lạ. Tôi có than phiền với vợ chồng bạn về sự thiếu lễ độ của người Hà Nội, cô con gái đang cho con bú góp lời liền: "Ông ăn mặc tằm như thế lại đi xe đạp

## HUỲNH ÁI TÔNG

họ khinh là phải, thử đội mũ dạ, áo ba-đờ-xuy, cười con cúp xem, thừa gửi từ tế ngay". Tôi cười nhăn nhó: "Lại ra thế!".

Cô Hiền không bình luận một lời nào về những nhận xét không mấy vui vẻ của tôi về Hà Nội. Cô than thở với tôi rằng dạo này cô thường nghĩ ngợi mọi chuyện một cách duy tâm, y hết một bà già nhà quê. Mùa hè năm nọ, bão vào Hà Nội gào rú một đêm, sáng ra mở cửa nhìn sang đền Ngọc Sơn mà hãi. Cây si cổ thụ đổ nghiêng tàn cây đè lên hậu cung, một phần bộ rễ bật gốc chổng ngược lên trời. Lập tức cô nghĩ ngay tới sự khác thường, sự dời đổi, điềm xấu, là sự ra đi của một thời.

Với người già, bất kể ai, cái thời đã qua luôn là thời vàng son. Mỗi thế hệ đều có thời vàng son của họ. Hà Nội thì không thế. Thời nào nó cũng đẹp, một vẻ đẹp riêng cho một lứa tuổi. Cô nói với tôi thế, đã biết nói thế đâu phải đã già. Mấy ngày sau, cô kể tiếp, thành phố cho máy cầu tới đặt bên kia bờ, quãng dây tời vào thân cây si rồi kéo dần lên, mỗi ngày một tí. Sau một tháng, cây si lại sống, lại trở ra lá non, vẫn là cây si của nhiều thế hệ Hà Nội, nghĩ cứ lạ, tưởng là chết đứt bỏ ra làm củi, mà lại sống. Cô nói thêm: "Thiên địa tuần hoàn, cái vào ra của tạo vật không thể lường trước được".

Cô muốn mở rộng sự tính toán vốn dĩ đã rất khôn ngoan của mình lên thêm một tầng nữa chẳng, cái tầng vô hình, không thể biết, nhưng phải biết là trên đời này còn có nhiều lý sự không thể biết để khỏi bị bó vào những cái có thể biết. Bà già vẫn giỏi quá, bà khiêm tốn và rộng lượng quá. Một người như cô phải chết đi thật tiếc, lại một hạt bụi vàng của Hà Nội rơi xuống chìm sâu vào lớp đất cổ. Những hạt bụi vàng lấp lánh đâu đó ở mỗi góc phố Hà Nội hãy mượn gió mà bay lên cho đất kinh kỳ chói sáng những ánh vàng.

Trong *Hồi ký*, Giáo sư Nguyễn Đăng Mạnh viết về Nguyễn Khải như sau:

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

*Thông minh và tỉnh táo, Nguyễn Khải luôn có ý thức về thân phận của mình, về cái giá trị của mình đối với đời. Anh kể chuyện, hồi anh là đại biểu quốc hội, đi ô-tô từ Ba Đình về nhà khách. Đến chỗ đường tàu, xe phải dừng lại cùng một số đồng bào đi xe đạp, xe máy. Anh nhìn xuống, thấy rợn người : có một tay đang nhìn lên anh, cặp mắt đầy căm thù. Anh nghĩ mình cũng chỉ là loại nghị gât, vô tích sự, chẳng ăn hại, dân nó khinh ghét là phải.*

*Chiến thắng 30.4.1975, anh đi vào Nam. Gặp Nguyễn Ngọc, Nguyễn Trọng Oánh. Anh cảm thấy Ngọc và Oánh nhìn mình như muốn nói : " Minh chiến đấu gian khổ bao lâu không thấy mặt nó đâu, bây giờ chiến thắng rồi, nó vào. Rồi nó sẽ viết nhiều, viết hay hơn mình cho mà xem ! ". Nguyễn Khải nói : " Biết thân phận thế, tôi cứ ngồi len lén, không dám nói năng gì".*

*Mà cái tài của Nguyễn Khải là thế thật, có cần đi thực tế gì đâu. Trước 1975, anh chỉ ngồi ở ngoài Bắc mà viết về Hoà Vang chiến đấu như thật. Cho nên có ai đó đã làm về giễu anh:*

*Anh đi anh lại về ngay,  
Hoà Vang cũng ở ngoài này đó em.*

Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Khải Web: [vi.wikipedia.org](http://vi.wikipedia.org)

## HUỶNH ÁI TÔNG

### Tiết Năm: Biện pháp thanh trừng

Tướng cũng cần nhắc lại những sự kiện lịch sử, như ngày 19-12-1946, chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến:

“Chúng ta muốn hoà bình, chúng bắt chúng ta nhân nhượng. nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới. Vì chúng quyết tâm cướp nước ta lần nữa.

Không! Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ.

Hỡi đồng bào! Chúng ta phải đứng lên. Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già, người trẻ, không phân biệt tôn giáo, đảng phái, dân tộc, hễ là người Việt thì phải đứng lên chống thực dân Pháp. Ai có súng cầm súng, ai có gươm cầm gươm, không có gươm thì dùng cuốc, thuổng, gậy gộc, ai cũng phải ra sức chống thực dân Pháp cứu nước.

Hỡi anh em binh sĩ, tự vệ, dân quân giờ cứu nước đã đến, ta phải hy sinh đến giọt máu cuối cùng để giữ gìn đất nước...”

Đáp lời kêu gọi cứu nước của chủ tịch Hồ Chí Minh, toàn dân nhất tề đứng lên đánh giặc cứu nước. Đêm 19-12-1946, tiếng súng nổ ra tại thủ đô Hà Nội, mở đầu cuộc kháng chiến. Về sau vì lực lượng Pháp mạnh, bộ đội phải rút đi, những người theo kháng chiến cũng như dân chúng phải tản cư theo lên Việt Bắc. Cách mạng chọn nơi có địa hình rừng núi hiểm trở làm căn cứ địa, các tổ chức khác cũng tập trung về đây để hoạt động được an toàn.

Nhiều văn nghệ sĩ theo kháng chiến, do vậy cần phải có tổ chức, nên một hội nghị văn nghệ sĩ được tổ chức, gọi là **Hội nghị văn nghệ toàn quốc**.

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Hội nghị văn nghệ toàn quốc tổ chức trong các ngày từ 23 đến 25 tháng 7 năm 1948 tại Việt Bắc, với hơn 80 văn nghệ sĩ đại biểu của các ngành văn học, sân khấu, âm nhạc, kiến trúc, mỹ thuật về dự. Hội nghị đánh giá về tình hình hoạt động văn nghệ mấy năm đầu kháng chiến chống Pháp, thống nhất phương châm Dân tộc, Khoa học, Đại chúng là phương hướng hành động của giới văn nghệ thời bấy giờ.

Hội nghị chính thức thành lập Hội văn nghệ Việt Nam, và bầu ra Ban chấp hành của Hội gồm có:

- Tổng thư ký: Nguyễn Tuân
- Phó tổng thư ký: Tố Hữu
- Ủy viên kinh tế: Võ Đức Diên
- Ủy viên quân sự: Ngô Quang Châu
- Ủy viên tổ chức và kiểm tra: Xuân Diệu

Ngoài ra còn có đại biểu các ngành Trần Văn Cẩn (mỹ thuật); Thế Lữ (sân khấu); Nguyễn Xuân Khoát, Lưu Hữu Phước (âm nhạc), và đại biểu các khu: Ngô Tất Tố (khu 1), Lê Hữu Kiều (khu 3); Lưu Trọng Lư (khu 4), Tạ Mỹ Duật (khu 10), Đỗ Cung (Nam Trung Bộ); Hoàng Xuân Nhị, Huỳnh Văn Gấm (Nam Bộ).

Cũng trong Hội nghị này Đoàn Nhạc sĩ Việt Nam và Đoàn Sân khấu Việt Nam được thành lập.

Hội văn nghệ Việt Nam có tạp chí Văn nghệ là cơ quan ngôn luận của Hội.

Năm 1954, sau khi tiếp thu Hà Nội, các cơ quan tổ chức đầu não dời về Hà Nội, như chúng ta đã biết một số văn nghệ sĩ, trong cũng như ngoài quân đội, đòi hỏi có tự do sáng tác, phê bình lãnh đạo, đã tạo ra phong trào Nhân Văn - Giai Phẩm trong năm 1956. Tờ báo *Nhân văn phát hành được 5 số* thì bị cấm vào ngày 15-11-1956; tạp chí mang tên *Giai phẩm* cuối

## HUỶNH ÁI TÔNG

cùng là *Giai phẩm mùa đông* phát hành vào cuối tháng 11-1956, sau đó *Giai Phẩm* này không được cấp phép nữa.

Sau đó Đại hội văn nghệ toàn quốc lần thứ hai được tổ chức từ 20-2-1957 đến ngày 28-2-1957 tại Nhà hát lớn Hà Nội.

Phiên họp trừ bị chiều ngày 19-2-1957 đã bầu 25 người vào Chủ tịch đoàn: Đặng Thai Mai, Hoàng Ngọc Phách, Tố Hữu, Nguyễn Đình Thi, Tú Mỡ, Hoài Thanh, Nguyễn Xuân Khoát, Lương Xuân Nhị, Phan Thao, Thế Lữ, Nguyễn Phương Danh (Tám Danh), Nông Quốc Chấn, Lưu Quý Kỳ, Nguyễn Cao Luyện, Văn Cao, Ai Liên, Thái Thị Liên, Nguyễn Thị Kim, Nguyễn Văn Ty, Y Đơn, Nguyễn Tuân, Nguyễn Nho Túy (Đội Tảo), Trần Văn Lắm, Lưu Hữu Phước, Trần Huyền Trân.

Ngày 20-2-1957, Khai mạc hội nghị: Chủ tọa Đặng Thai Mai và Đỗ Nhuận. Tổng thư ký Hội Văn nghệ Việt Nam Nguyễn Tuân đọc diễn văn khai mạc và giới thiệu thành phần đại hội và khách của đại hội: Thủ tướng Phạm Văn Đồng, đại tướng Võ Nguyên Giáp, ông Trường Chinh đại diện Đảng Lao động Việt Nam trên 600 văn nghệ sĩ; các vị khách Đảng, Chính phủ, Quốc hội, Mặt trận tổ quốc, Quân đội nhân dân, đảng Xã hội, đảng Dân chủ, Bộ văn hoá, các sứ quán, các phóng viên...

Trong thời gian đại hội, ngày Chủ nhật 24-2-1957, Trường Chinh với tư cách đại diện Đảng Lao động Việt Nam, được Ban tổ chức mời đến nói chuyện tại Nhà hát Lớn với chủ đề: “Phấn đấu cho một nền văn nghệ dân tộc dưới ngọn cờ của chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa xã hội”, trong bài nói chuyện này có những đoạn nhận định và lên án *Nhân văn – Giai phẩm* rất gay gắt.

Ngày cuối cùng 28-2-1957, thông qua nghị quyết của đại hội. Nguyễn Tuân tuyên bố Hội Văn nghệ Việt Nam hết nhiệm kỳ. Đại hội bỏ phiếu kín, bầu Ban Chấp hành chính thức của Hội



HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975  
Liên hiệp Văn học Nghệ thuật Việt Nam. Chiều, công bố kết  
quả: có 45 văn nghệ sĩ trúng cử. Ban Chấp Hành ra mắt.

**Ban Chấp hành Hội Liên hiệp Văn học Nghệ thuật Việt  
Nam**

(do đại hội Văn nghệ toàn quốc lần thứ hai bầu ra)

**Ngành văn:** Nguyễn Văn Bổng, Hồ Dzếnh, (bà) Vân Đài, Bảo  
Định Giang, Nguyễn Công Hoan, Tố Hữu, Đặng Thai Mai, Tú  
Mỡ, Hoàng Ngọc Phách, Võ Huy Tâm, Thanh Tịnh, Nguyễn  
Tuân, Hoài Thanh, Nguyễn Đình Thi, Trần Hữu Thung

**Ngành mỹ thuật:** Trần Văn Cẩn, (bà) Nguyễn Thị Kim, Trần  
Văn Lắm, Lương Xuân Nhị, Nguyễn Văn Ty, Huỳnh Văn  
Thuận

**Ngành kiến trúc:** Nguyễn Cao Luyện

**Ngành nhạc:** Văn Cao, Lưu Quang Duyệt, Vũ Tuấn Đức, (bà)  
Thương Huyền, Nguyễn Xuân Khoát, Đỗ Nhuận, Lưu Hữu  
Phước

**Ngành múa:** Hoàng Châu

**Ngành sân khấu:** Nguyễn Phương Danh (Tám Danh), (bà) Ái  
Liên, Thế Lữ, Tống Văn Ngũ (Năm Ngũ), Nguyễn Thị Lan (bà  
Cả Tam), Nguyễn Nho Túy (bác Tảo), Sĩ Tiến

**Ngành múa rối:** Huỳnh Văn Cát

**Ngành xiếc:** Phạm Xuân Thu

**Ngành điện ảnh:** Phạm Văn Khoa, Mai Lộc

**Ngành nhiếp ảnh:** Nguyễn Văn Phú

## HUỶNH ÁI TÔNG

**Văn nghệ sĩ dân tộc thiểu số:** Cầm Biêu, Nông Quốc Chấn, Y Don

(ngoài ra còn 10 ghế dành cho anh chị em văn nghệ hiện ở miền Nam).

- Chủ tịch Hồ Chí Minh đến mừng thành công của đại hội và nói chuyện với văn nghệ sĩ.

- Tổ Hữu trong đoàn Chủ tịch đại hội đọc diễn văn bế mạc.

Sau đó từ ngày 1 đến ngày 4 tháng 4 năm 1957, tại Câu lạc bộ Đoàn Kết cạnh quảng trường Nhà Hát Lớn Hà Nội, hội nghị thành lập Hội nhà văn Việt Nam đã được tiến hành.

Có 278 đại biểu tham dự hội nghị thành lập Hội nhà văn Việt Nam, đã thông qua điều lệ, phương hướng hoạt động, chương trình công tác 3 năm. Trong điều lệ có đoạn nói rõ: “Trên cơ sở Cương lĩnh Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Nhà văn Việt Nam đoàn kết mọi nhà văn yêu nước và tiến bộ, không phân biệt dân tộc, tôn giáo, xu hướng chính trị, xu hướng nghệ thuật”

Bỏ phiếu bầu 25 người vào Ban Chấp Hành. Hội nghị quyết định: 25 người trong Ban chấp hành đầu tiên này là **25 hội viên sáng lập** Hội nhà văn Việt Nam. Gồm có:

Nông Quốc Chấn, Nguyễn Công Hoan, Nguyễn Đình Thi, Tú Mỡ, Anh Thơ, Mộng Sơn, Cầm Biêu, Nguyễn Xuân Sanh, Nguyễn Huy Tưởng, Hoàng Cầm, Sao Mai, Tổ Hữu, Hoàng Tích Linh, Nguyễn Hồng, Bửu Tiên, Xuân Diệu, Đoàn Giỏi, Phạm Huy Thông, Tế Hanh, Nam Trân, Vũ Tú Nam, Hoàng Trung Thông, Xuân Miên, Tô Hoài, Nguyễn Tuân.

Ngày 11-4-1957 Ban chấp hành Hội nhà văn VN họp hội nghị lần thứ nhất, cử ra Ban thường vụ Hội gồm 7 người: Chủ tịch

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Hội: Nguyễn Công Hoan; phó chủ tịch: Tú Mỡ; Tổng thư ký: Tô Hoài; phó tổng thư ký: Nguyễn Xuân Sanh; các ủy viên: Nguyễn Hồng, Tế Hanh, Đoàn Giỏi.

Ngày 25 và 26-4-1957: Hội nghị Ban chấp hành HNVTN lần thứ hai, quyết định một loạt việc về tổ chức: duyệt đề án xuất bản tuần báo *Văn* và lập nhà xuất bản *Hội nhà văn*; lập các ban (ban kết nạp hội viên, ban chế độ công tác sáng tác, ban nghiên cứu sáng tác, ban văn học nước ngoài), và lập cơ quan Hội.

Tuần báo *Văn*: chủ nhiệm Nguyễn Công Hoan, thư ký tòa soạn Nguyễn Hồng; các ủy viên biên tập: Tú Mỡ, Tế Hanh.

Nhà xuất bản *Hội nhà văn* : giám đốc Tô Hoài, các ủy viên ban biên tập: Hoàng Cầm, Đoàn Giỏi, Nguyễn Văn Mãi.

Ban kết nạp hội viên: trưởng Tú Mỡ, phó Nguyễn Hồng (và một tiểu ban chuẩn bị hồ sơ).

Ban chế độ công tác sáng tác: trưởng Nguyễn Công Hoan, phó Nguyễn Xuân Sanh (và một số ủy viên).

Ban nghiên cứu sáng tác: trưởng Tô Hoài.

Ban văn học nước ngoài: trưởng Nguyễn Xuân Sanh, ủy viên Nguyễn Tuân, Phạm Huy Thông.

Thành lập cơ quan Hội gồm một số nhà văn và một số cán bộ nhân viên hành chính.

Tuần báo *Văn* số đầu tiên ra mắt độc giả vào ngày 10-5-1957. do Nguyễn Công Hoan làm Chủ bút, Nguyễn Tuân Phụ tá chủ bút, Nguyễn Hồng Tổng thư ký tòa soạn.

Rồi tuần báo *Văn* bị đóng cửa. Do mười số đầu của báo *Văn* đi theo đường lối chính thống, nhưng Thế Toản (Trịnh Xuân An)

## HUỶNH ÁI TÔNG

đăng trên báo *Học Tập* của Đảng số 7 tháng 7 năm 1957 bài viết: “*Tuần báo “Văn” và con người thời đại*”, nêu ra một loạt tác phẩm bị phê phán: *Phở* (tùy bút Nguyễn Tuân), *Gió* (thơ Xuân Diệu), *Xiếc khi* (bút ký Quang Dũng), *Nhật ký người mẹ* (Lê Minh), *Bóng tối* (truyện ngắn Nguyễn Châu Viên), *Yêu nhau* (thơ Lê Đạt), *Căn nhà hạnh phúc* (truyện ngắn Nguyễn Hồng Điện), *Bích-xu-ra* (truyện ngắn Thụy An).

Theo Thế Toản, “Tờ báo hầu như xa rời thực tế, xa rời cuộc sống, tách rời những nhiệm vụ trung tâm của cách mạng”.

Tiếp theo Hồng Chương và Trịnh Xuân An, trên *Học Tập* số 8 tháng 8 năm 1958 đăng bài viết: *Phải thấu suốt đường lối văn nghệ của Đảng*. Trong đoạn kết viết:

*Chúng ta cần kiên quyết đấu tranh chống những thiên hướng lệch lạc đi trệch ra ngoài đường lối văn nghệ của Đảng. Chúng ta cũng kiên quyết phản đối thái độ của một số cán bộ đảng viên phụ trách văn nghệ phạm khuyết điểm sai lầm được báo chí Đảng giúp đỡ phát hiện khuyết điểm sai lầm mà không chịu khiêm tốn kiểm điểm và thành tâm sửa chữa, trái lại, lại đả kích và mật sát báo chí Đảng. Thái độ đó rõ ràng là không lợi cho việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trên mặt trận văn nghệ.*

Sau 2 bài đó, Nguyễn Hồng thư ký tòa soạn báo Văn, trả lời trên báo này số 15 ngày 16-8-1957, cho rằng bài phê bình của Thế Toản là "quan liêu", "trịch thượng".

Tiếp theo trên tuần báo *Văn* số 23, ngày 11-10-1957, Nguyễn Tuân viết:

*Trong việc đánh giá, đặc biệt nhất là ba ông Thế Toản, Hồng Chương và Trịnh Xuân An đã có những “thái độ trịch thượng và cái lối nói đao to búa lớn”. Tôi cũng đồng ý với ông thư ký tòa soạn báo Văn về cái nhận xét này. Thêm nữa, cá nhân tôi*

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

*lại còn cảm thấy mấy ông đó đã làm cho người đọc phải hiểu rằng các ông đang lấy Đảng ra để “dọa” anh em viết bài báo.*

Và

*Theo chỗ tôi biết thì đã có một số hiện tượng hách dịch đối với văn nghệ phẩm, xuất phát từ một số người phê bình cũng như từ một số cán bộ chính trị. Tôi rất đồng ý là văn nghệ sĩ, mà nhất là văn nghệ sĩ có tài, càng cần phải khiêm tốn. Nhưng chung quanh, nhất là những người có trách nhiệm về phán đoán cái này cái kia, đề nghị cũng làm như vậy cho. Tôi tán thành cái ý kiến là những “sĩ” của các ngành văn nghệ chúng ta chưa có gì là ghê gớm lắm đâu, về trình độ tư tưởng trình độ văn hóa trình độ nghề nghiệp còn phải học cho nát xương lòi da ra, học cho đến chết mà chắc gì đã nắm hết được quy luật của sự sống. Nhưng cũng không nên vì nó chỉ là “sĩ” của Việt Nam mà đánh giá nó quá thấp quá tồi về khả năng nhạy cảm đối với thực tế khách quan, cho nó là mọt là xoài tất trong mọi cảm xúc phiền toái và vĩ đại của thời đại vừa gieo neo vừa lớn lao hiện nay của chúng ta. Trong mọi thực tiễn Việt Nam nói chung các mặt, nếu đã có những tác giả còn non nớt, nếu đã có những tác phẩm yếu xoàng, thì cũng đã có một số cán bộ thực hiện chính trị một cách cũng không được cao tay gì lắm. Đối với nghệ phẩm, anh đến với nó (nhất là thứ tạo ra ở bản xứ) mà anh tham lam quá đáng hoặc hung hăng một cách không cần thiết, thì nó biến mất....*

Tiếp theo tạp chí *Học tập*, một loạt tờ báo khác hưởng ứng việc phê bình tuần báo *Văn*, trước hết là nhật báo *Nhân dân* của Trung ương Đảng Lao Động Việt Nam, sau đó là hầu hết các tờ báo ở Hà Nội đương thời, từ các nhật báo còn mang danh nghĩa tư nhân như *Thời mới*, *Hà Nội hàng ngày* đến các báo, tạp chí các ngành, các đoàn thể: *Cứu quốc* của Mặt trận Tổ quốc, *Độc lập* của đảng Dân chủ Việt Nam, *Tổ quốc* của đảng Xã hội Việt Nam, *Thống nhất* của ban Thống nhất Trung Ương, *Quân đội nhân dân* và *Văn nghệ quân đội* của Tổng cục

## HUỶNH ÁI TÔNG

chính trị Quân Đội Nhân Dân Việt Nam, *Tiền phong* của Đoàn thanh niên lao động Việt Nam, *Phụ nữ Việt Nam* của Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, *Thủ đô* của Đảng bộ Đảng Lao Động Việt Nam thành phố Hà Nội, *Điện ảnh* của Cục điện ảnh bộ Văn hóa...

Tuần báo *Văn* dần dần thay đổi thái độ, chẳng bao lâu một số cây bút cũ trong *Nhân Văn - Giai Phẩm* lại xuất hiện trên báo *Văn*. *Văn* số 21 ngày 27-9-1957, đăng bài thơ *Lời mẹ dặn* của Phùng Quán, số 24 ngày 18-10-1957, đăng kịch thơ *Tiếng hát* của Hoàng Cầm, số 28 ngày 15-11-1957, đăng bài *Hãy đi mãi* của Trần Dần. Số 30 ngày 29-11-1957, in hý hoạ của Trần Duy chế giễu chế độ văn nghệ của Đảng và số 36 ngày 10-1-1958 bài *Ông năm Chuột* của Phan Khôi. Sau số này, tuần báo *Văn* bị đóng cửa vĩnh viễn.

Ngày 6-1-1958, Bộ chính trị Trung Ương Đảng Lao Động Việt Nam ra nghị quyết số 30 – NQ/TW, “*Về việc chấn chỉnh công tác văn nghệ*” do Nguyễn Duy Trinh ký.

Những điểm chính yếu nghị quyết nhận định, và chỉ đạo giải quyết:

*Về văn học nghệ thuật, ranh giới giữa tư tưởng văn nghệ của Đảng và tư tưởng văn nghệ tư sản đã bị xóa nhòa. Trên tuần báo Văn và trong một số sách xuất bản hoặc tái bản, đã biểu hiện khuynh hướng xa rời thực tế đời sống của nhân dân lao động ở nông thôn và thành thị, thoát ly chính trị và không nhằm đúng những nhiệm vụ trung tâm của cách mạng trong giai đoạn mới. Những tình cảm cá nhân chủ nghĩa đang có chiều hướng phát triển, những chủ đề lớn do đời sống thực tại đề ra không được chú ý. Hình ảnh công nông binh phấn đấu dũng cảm trong hòa bình mờ nhạt trong văn thơ và trong các tác phẩm nghệ thuật khác. Nhiều quan điểm văn nghệ của giai cấp tư sản lại được nêu lên.*

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

*Cuộc tranh luận giữa tạp chí Học Tập và báo Văn gần đây lại là một biểu hiện cụ thể của cuộc đấu tranh giữa đường lối văn nghệ của Đảng với khuynh hướng chống lại hoặc xa rời đường lối đó. Tư tưởng chủ đạo biểu hiện trên báo Văn chính là tư tưởng tách rời đường lối văn nghệ phục vụ công nông binh, tách rời những nhiệm vụ trung tâm của cách mạng trong giai đoạn hiện tại, tách rời sự lãnh đạo của Đảng.*

*Rõ ràng những phản tử chống chủ nghĩa xã hội, chống Đảng đã nhân chỗ sơ hở của ta mà tiếp tục tiến công ta về mặt tư tưởng dưới hình thức văn nghệ. Sự hoạt động của những phản tử phá hoại trong giới văn nghệ là một hiện tượng hết sức nguy hiểm, một vấn đề cấp bách cần giải quyết (...) Chúng truyền bá những tài liệu và những báo chí phản động. Dưới chiêu bài “chống giáo điều, máy móc”, chúng gieo rắc những nọc độc của chủ nghĩa xét lại trong văn nghệ, nhằm lôi kéo văn nghệ sĩ đi vào con đường nghệ thuật tư sản suy đồi. Trước những hoạt động có hại đó, số đông văn nghệ sĩ, kể cả một số văn nghệ sĩ đảng viên, đã mất cảnh giác hoặc bị động, không kiên quyết đấu tranh, thậm chí một số còn hòa theo chúng.*

Chính nghị quyết này đưa tới các đợt học tập chính huấn cho văn nghệ sĩ tại ấp Thái Hà, đưa tới những trừng phạt, hoặc dưới dạng các mức kỷ luật trong “nội bộ” các hội, hoặc dưới dạng tuyên xử của tòa án.

Thật sự ra, sau khi Giai Phẩm mùa Xuân đã phát hành, Lê Đạt đã bị Tố Hữu gọi về Tuyên huấn để làm kiểm điểm trong 15 hôm kể từ ngày mùng 5 tháng Giêng năm Bính Thân, tức là ngày 16-2-1956 cho đến ngày 1-3-1956. Có thể xem như đây là cuộc tiếp xúc sơ khởi. Theo như lời Lê Đạt thuật lại cho bà Thụy Khuê:

*Lúc đó đi đâu cũng thấy người ta nói đến Giai Phẩm Mùa Xuân. Bây giờ là gần Tết rồi và hôm ấy, vào khoảng độ 28 Tết, trên đường đi tôi gặp một người liên lạc của tôi, đang chạy xe*

## HUỶNH ÁI TÔNG

đạp đi các phố để tìm tôi, bảo rằng: "Anh Tố Hữu có điện đi tìm anh và nói rằng mời anh lên Tuyên Huấn để kiểm thảo". Phản ứng đầu tiên là tôi rất bức mình. Tôi cũng là một người như mọi người khác, thì phải để cho tôi ăn Tết chứ? Tôi bảo với cậu liền lạc: "Bây giờ em về, em cứ nói với cơ quan là không tìm thấy anh, rồi sau Tết anh sẽ lên".

Tôi nghỉ ăn Tết xong, mừng 5 Tết tôi lên gặp Tố Hữu. Lên, thì lúc ấy Tố Hữu ở trên gác, một anh chánh văn phòng xuống gặp tôi, nói rằng: "Anh đợi một lúc, anh Tố Hữu sẽ xuống!" Tôi phải nhắc lại với chị một lần nữa: Tôi là người trong suốt thời kháng chiến ở Tuyên Huấn, cho nên tôi về Tuyên Huấn như là tôi về nhà tôi vậy. Nhưng mà tôi thấy sao hôm nay về nhà mình, ngạc nhiên lắm, cái nhà không phải là nhà mình nữa, trông nó lạnh lùng mà nó khác hẳn rồi. Trong lúc ngồi ghé đợi, tôi thấy quyển Giai Phẩm Mùa Xuân để trên bàn, bài Nhất định thắng của Trần Dần với rất nhiều câu hỏi của anh Lành - Tố Hữu- đánh bằng bút bi đỏ, ở chung quanh. Nói ghê lắm. Còn bài Mới của tôi, thì bên cạnh câu: Bay cho cao, bay cho xa, anh Tố Hữu có đề câu hỏi: Bay đi đâu? Có phải bay vào miền Nam không? Tôi thấy tình hình gay go rồi: Mình làm chuyện sáng tác nhưng tự nhiên các ông ấy lại gắn vào cái chính trị, ngoài ý muốn của mình. Nhưng lúc ấy tôi chưa sợ. Tôi không có lý do gì mà sợ cả. Tôi vẫn tin ở sự trong sáng của mình và lúc ấy tôi vẫn tin vào sự trong sáng của Đảng.

Giai Phẩm Mùa Xuân ra vào tháng giêng, tháng hai, thì như thế là vào khoảng cuối tháng hai tôi đã bị gọi lên Tuyên Huấn, chị thấy tác động nó rất nhanh. Lúc đó, anh Tố Hữu đi trên gác xuống, lần này anh Tố Hữu gặp tôi khác lắm, không chào hỏi gì cả. Và anh rút bao thuốc lá Trung Quốc trong túi ra, anh ấy hút mà không mời tôi.

Câu đầu tiên anh nói với tôi rất lạnh lùng: "Các anh muốn gì?". Tôi hơi bức mình, tôi trả lời: "Chúng tôi chẳng muốn gì cả, chúng tôi chỉ muốn làm văn nghệ. Anh Tố Hữu này, chúng



## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

*ta vẫn còn là đồng chí với nhau, cho nên anh không thể xử sự với tôi như người ngoài được. Có gì anh cứ nói một cách bình tĩnh." Lúc ấy anh Tố Hữu nghĩ thế nào, mới rút một điều thuốc lá mời tôi và chúng tôi bắt đầu nói chuyện. Câu đầu tiên mà anh Tố Hữu nói là: "Tôi rất lo cho tương lai chính trị của anh. Anh thì còn là người ở trong nội bộ, còn Trần Dần hỏng rồi. Chúng tôi đã có tài liệu rằng Trần Dần là có bàn tay của địch dính vào. Vì anh còn là người của nội bộ cho nên chúng tôi mời anh đến đây kiểm điểm. Anh phải ở lại đây 15 ngày để kiểm điểm và để thấy rõ bộ mặt phản động của Trần Dần."*

*Thế là tôi ở lại đây ăn cái Tết kiểm thảo 15 hôm. Tôi không phải làm việc gì cả, tức là theo cái cách ở Việt Nam người ta làm, anh cứ ngồi đấy "suy nghĩ" về những lỗi lầm của anh. Anh viết về những sai sót của anh. Lẽ dĩ nhiên, lúc đó anh Lành cũng không gây áp lực gì nhiều lắm đối với tôi. Tôi có nói với anh Lành thế này: "Tôi không thể căn cứ vào tác phẩm của anh Dần mà đi đến kết luận anh ấy là phản động được. Dù anh có kéo dài nửa tháng hay một tháng cũng thế thôi: Không thể căn cứ vào tác phẩm của ai mà kết tội người ta là phản động được. Phản động là thuộc phạm vi của công an". Trong 15 ngày thì có một cuộc hội nghị rất lớn, hầu hết các nhân vật sừng sỏ nhất của Tuyên Huân, nào là anh Kinh này, Kinh là trung ương ủy viên và là phó ban Tuyên Huân, Nguyễn Chương này. Nguyễn Chương, anh em quen gọi là Xứ Chương, là một cán bộ kỳ cựu sừng sỏ về lý luận - sau này cuộc tranh luận giữa Xứ Chương và Nguyễn Hữu Đang trên báo được rất nhiều độc giả lưu ý. Cả thiếu tướng Lê Trường, ... nhiều, nhiều lắm. Cuộc họp rất to, mà ở bên này chỉ có tôi thôi - cười. Một người thì không thể nào cãi lại được tất cả mọi người. Nhưng tôi cãi được một điểm duy nhất mà tôi có thể cãi lại, và tôi cho là đúng, đó là: "Tôi không thể nào căn cứ vào một văn bản mà kết luận một người là phản động được". Lúc đó anh Tố Hữu nói: "Thôi được rồi, để anh suy nghĩ thêm, nhưng tổ chức đã có tài liệu." Thì tôi nói: "Tổ chức đã có tài liệu thì tôi còn phải kiểm điểm gì nữa."*

## HUỶNH ÁI TÔNG

*Tóm lại, cuộc đấu tranh rất căng thẳng. Sau đó, tôi được thả về vì đến đây coi như đã xong và anh Dần cũng đã bị bắt rồi. Tức là cùng lúc tôi bị gọi lên kiểm điểm ở Tuyên huấn thì anh Dần bị bắt ở chỗ Cải Cách Ruộng Đất. Trần Dần bị bắt cùng với Từ Phác, trong khi hai người đang đi thực tế học tập về chính sách Cải Cách Ruộng Đất. Ba hôm sau, anh Dần cửa cổ tự tử, người ta buộc phải giải quyết vấn đề tức là cho anh Dần ra bệnh viện để chạy chữa và khuyên anh ấy không nên làm như thế. Vì vậy trong hình của Trần Dần trên báo Nhân Văn, Nguyễn Sáng có vẽ một vết sẹo ở cổ, chính là cái vết tự tử bằng mìnce lame trong cuộc bị bắt ấy. Rồi Giai Phẩm Mùa Xuân bị tịch thu và tự nhiên người ta gọi chúng tôi là nhóm Giai Phẩm Mùa Xuân.*

Trước khi tờ Nhân Văn phát hành, có mấy cuộc tiếp xúc, theo lời Hoàng Cẩm kê trên đài RFI ngày 8-2-2008:

*“...Trước khi ra báo thì các anh em đã rậm rịch nói với nhau rồi, cho nên tin tức đều đến tai lãnh đạo cả. Thì lãnh đạo, tức là bộ chính trị, đã bố trí cho ông Võ Nguyên Giáp mời Nguyễn Hữu Đang lên nói chuyện, mời riêng đấy. Còn ông Lê Đức Thọ, lúc bấy giờ cũng là bộ chính trị, thì mời Lê Đạt và ông Lê Liêm lúc bấy giờ là Tổng cục phó Tổng cục chính trị (về sau này ông ấy mới chuyển sang làm Thứ trưởng Bộ giáo dục), thì mời tôi. Như vậy là ba ông ủy viên bộ chính trị gặp những người chủ chốt của Nhân Văn, và nếu mà ba ông ấy thuyết phục được ba người đó đừng ra báo, thì thôi, coi như là yên ổn cả, không có chuyện gì. Ông Lê Liêm gặp tôi đến ba buổi tôi trong nhà khách của quân đội, ông Giáp thì gặp anh Đang, ông Lê Đức Thọ gặp anh Lê Đạt, tất nhiên là để nói đến chuyện ra tờ báo, thì họ cũng lấy tình đồng chí, tình bạn bè, khuyên bảo, chứ không phải để ra lệnh gì. Ông Lê Liêm gặp tôi rất khiêm tốn, nói hết những cái Đảng có thể có những sai lầm này, sai lầm khác v.v... trong việc lãnh đạo văn nghệ. Tự ông ấy nói ra để cho mình hiểu và yên tâm là Đảng cũng biết đấy, để Đảng sửa dần, để cho mình muốn nói cái gì về Đảng trên tờ*

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

*báo của mình thì mình rút đi, rút lui cái ý kiến trên báo ấy đi. Mục đích của những cuộc gặp đó là như thế. Khổ một nỗi là lúc bấy giờ những thắc mắc của anh em văn nghệ nó ồn ào lắm. Mà nó nhiều cái sâu sắc lắm, cho nên anh Đăng anh ấy kiên quyết là không, cứ phải ra báo, phải ra báo thì mới nói được. Anh Đăng kiên quyết ra báo. Tôi thì ra cũng được mà không ra cũng được. Thế là trong nội bộ của mấy anh em hoạt động nhất trong báo Nhân Văn là Nguyễn Hữu Đăng, Lê Đạt và tôi cùng thống nhất với nhau là cứ ra. Thế là ra được Nhân Văn số 1”.*

Sau khi Nhân Văn phát hành được 3 số, Thủ tướng Phạm Văn Đồng mời gặp đại diện báo Nhân Văn. Theo trả lời phỏng vấn của bà Thụy Khuê, Trần Duy Thu ký toàn soạn Nhân Văn cho biết:

*Tôi gặp anh Phạm Văn Đồng, ông Đồng gọi tôi lên, khi đó là số 3 rồi. Bắt đầu số 3. Khi đó có những tin đồn là Nhân Văn muốn ngả về những mouvement, những phong trào đòi dân chủ ở Hung hay là ở Nam Tư gì đó, thì anh Đồng có cho gọi ban biên tập và tòa soạn lên, cuối cùng anh em báo Trần Duy lên gặp, thì tôi lên. Việc tôi lên gặp ông Đồng cũng có một số anh em tán thành, một số không tán thành, cho rằng như thế là tự mình ràng buộc với... chính quyền. Nhưng tôi nghĩ rằng anh không thể nào vượt chính quyền được và anh không thể nào vượt khỏi tổ chức của đảng được, không thể chống lại được nó, làm cái gì cũng phải nằm trong cơ sở tổ chức của đảng thôi. Tôi lên gặp ông Đồng. Thái độ của ông Đồng rất cởi mở, gặp tôi bảo: "Tôi hiện nay rất bận, bao nhiêu khách đang chờ tôi bên Phủ Chủ tịch cho nên tôi cũng nói qua để anh biết rằng tôi ủy cho anh Phan Mỹ thay tôi để giải quyết những vấn đề gì của anh em còn vướng mắc, theo tôi thì đừng nói chữ đấu tranh, các anh cần gì, yêu cầu gì, các anh cứ việc đề ra và chúng tôi giải quyết chứ đừng đấu tranh, đòi hỏi cái gì mà phải đấu tranh". Ông Đồng quay sang nói với anh Phan Mỹ: "Hiện nay tôi phải sang họp, anh ở đây gặp các anh ấy, có vấn đề gì các*

## HUỖNH ÁI TÔNG

*anh đề xuất mà anh có thể giúp được thì anh cứ giúp". Ông Đổng đi thì tôi ngồi nói chuyện với anh Phan Mỹ một thời gian, anh Phan Mỹ bảo: "Các anh cần gì, vấn đề tài chính thì tất nhiên chính phủ làm được việc đó, các anh cần mua giấy thì chúng tôi cấp giấy cho các anh mua".*

Có lẽ cuộc tiếp xúc cuối cùng, đã xảy ra giữa Trường Chinh với nhạc sĩ Văn Cao và nhà văn Nguyễn Tuân. Theo lời Văn Cao kể ở đầu tập sách, xin nhắc lại:

*Longue Marche (Trường Chinh) còn cho mời mình và Nguyễn Tuân đến gặp. Lúy (hấn) nói cả tiếng đồng hồ về đảng tính, về trách nhiệm đảng viên. Chiêu hỏi mà. Nguyễn Tuân nghe, mặt hát lên, ngáp không cần che miệng. Nguyễn Tuân vẫn thế - bắt cần đòi. Đôi lúc cũng có hèn một tí, hèn có mức độ thôi, trong đại đa số trường hợp là kẻ bất chấp.*

Và cuối cùng là Tố Hữu ra tay. Tố Hữu là Ủy viên Trung ương Đảng Lao Động Việt Nam, Trưởng ban Tuyên huấn trung ương, phụ trách về công tác văn hóa văn nghệ, tuyên truyền, được coi là người dập tắt phong trào *Nhân Văn - Giai Phẩm*. Trong cuốn *Qua cuộc đấu tranh chống nhóm phá hoại "Nhân Văn - Giai Phẩm" trên mặt trận văn nghệ*, nhà xuất bản Văn Hoá, 1958, trong sách này Tố Hữu đã nhận định về phong trào và những người bị dính líu như sau:

*Lật bộ áo "Nhân Văn - Giai Phẩm" thôi tha, người ta thấy ra cả một ổ phản động toàn những gián điệp, mật thám, lưu manh, trót-kít, địa chủ tư sản phản động, quân tụ trong những tổ quỷ với những gái điếm, bàn đèn, sách báo chống cộng, phim ảnh khiêu dâm.*

*Trong cái công ty phản động "Nhân Văn - Giai Phẩm" ấy thật sự đủ mặt các loại "biệt tính": từ bọn Phan Khôi, Trần Duy mật thám cũ của thực dân Pháp đến bọn gián điệp Thụy An, từ bọn trót-kít Trương Tửu, Trần Đức Thảo đến bọn phản Đảng*

## HAI MUỠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

*Nguyễn Hữu Đang, Trần Dần, Lê Đạt. Một đặc điểm chung là hầu hết bọn chúng đều là những phần tử thuộc giai cấp địa chủ và tư sản phản động, và đều ngoan cố giữ lập trường quyền lợi giai cấp cũ của mình, cố tình chống lại cách mạng và chế độ.*

Hai đợt học tập chính huấn tại ấp Thái Hà: đợt 1 từ cuối tháng 1 đến cuối tháng 2-1958, cho 172 văn nghệ sĩ là đảng viên, đợt 2 từ 3-3 đến 14-4-1958 cho 304 văn nghệ sĩ, gồm một số người đã dự đợt 1 được giữ lại làm “cốt cán” cho đợt 2, và số đông văn nghệ sĩ không phải là đảng viên, trong đó có những người từng tham gia viết cho *Nhân văn và Giai phẩm*. Trong các lớp học tập này, bằng việc phát động “đấu tranh tư tưởng” trong giới văn nghệ sĩ, tức là khuyến khích sự phát hiện và cáo giác lẫn nhau, một danh mục những người từng can dự hoạt động của *Nhân văn - Giai phẩm* được xác lập, làm cơ sở cho các hình thức kỷ luật từ cảnh cáo đến khai trừ có thời hạn hoặc vĩnh viễn bên trong các hội nhà văn, sân khấu, âm nhạc, ....

Ngày 10-4-1958 Công an Hà Nội bắt giam Nguyễn Hữu Đang, Thụy An, Trần Thiều Bảo.

Sau cuộc học tập đấu tranh tại ấp Thái Hà, có thư của 304 văn nghệ sĩ:

**Thư của 304 văn nghệ sĩ và cán bộ văn hoá ở lớp học văn nghệ lần thứ hai gửi Ban chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam.**

*Chúng tôi 304 văn nghệ sĩ và cán bộ văn hoá ở trung ương và địa phương được Tiểu ban văn nghệ của Đảng triệu tập về học từ ngày 3-3-1958 đến ngày 14-4-1958, vô cùng sung sướng báo cáo lên Trung ương Đảng lớp học của chúng tôi đã đạt được những kết quả rất tốt đẹp.*

*Từ trước tới nay dưới ánh sáng của Đảng, chúng tôi mỗi ngày càng thấy con đường đi của mình một sáng sủa thêm, càng*

## HUỶNH ÁI TÔNG

*vững lòng tin ở tương lai của đất nước và tiền đồ của văn học, nghệ thuật. Đến lớp này, sau khi nghiên cứu hai văn kiện lịch sử của các Đảng cộng sản và Đảng công nhân hợp ở Mát-sơ-va, chúng tôi nhận thấy rằng thời đại lịch sử của chúng ta ngày nay, mặc dù còn những đám mây u ám, chính là thời đại mà những người nghệ sĩ, những nhà văn hoá lớn của nhân loại từ bao thế kỷ nay hằng ao ước mơ tưởng: thời đại thắng lợi của hoà bình và của chủ nghĩa xã hội. Chúng tôi rất phấn khởi với những thành tựu to lớn của dân tộc ta trên con đường đấu tranh đầy chông gai để xây dựng miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội và đấu tranh thống nhất nước nhà. Do nhận thức được những sự chuyển biến mới mẻ của tình hình thế giới và cách mạng trong nước, chúng tôi càng thấy trách nhiệm nặng nề của mình, những chiến sĩ trên mặt trận văn hoá và văn nghệ.*

*Trong những thành tích lớn lao của nhân dân ta trong ba năm qua phong trào văn học, nghệ thuật đã có những cống hiến nhất định. Nhưng bên cạnh những thành tích đó, một bài học lớn cho chúng tôi là trong một thời gian dài, chúng tôi đã mơ hồ để cho những phần tử phá hoại len vào trong hàng ngũ, lôi kéo một số người, hoạt động gây nhiều thiệt hại cho phong trào văn học, nghệ thuật, đồng thời tiến hành những âm mưu đen tối chống lại chế độ và chủ nghĩa xã hội, chống Đảng và nhân dân. Bọn chúng là nhóm phá hoại Nhân văn-Giai phẩm, trước đây một năm đã hoạt động như một bọn “tác động tinh thần” ở miền Bắc. Trong Đại hội văn nghệ toàn quốc lần thứ hai, Trung ương Đảng đã chỉ rõ tính chất phá hoại của nhóm Nhân văn-Giai phẩm và vạch đường đi tới cho văn nghệ sĩ. Song số đông chúng tôi vẫn mất cảnh giác nghiêm trọng, vẫn để bọn chúng tiếp tục những hành vi âm mưu, lũng đoạn các cơ quan văn học, nghệ thuật, gây ra những tác hại lớn.*

*Trong tình hình ấy, lớp học này, do Đảng mở ra đã thức tỉnh chúng tôi, giúp chúng tôi nhận rõ được bộ mặt thật của bọn phá hoại, và càng xác định tính chất đúng đắn đường lối văn nghệ của Đảng. Chúng tôi càng thấy cần phải luôn luôn đặt*

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

*mình dưới sự lãnh đạo của Đảng đi theo đường lối văn nghệ của Đảng, càng phải nâng cao cảnh giác, xiết chặt hàng ngũ thành một đội văn nghệ lớn mạnh của Đảng và của nhân dân, tiếp tục đấu tranh quét sạch những tư tưởng chống Đảng, chống chủ nghĩa xã hội trong văn nghệ, bảo vệ và phát triển đường lối văn học, nghệ thuật của Đảng. Chúng tôi kiên quyết sẽ lột mặt nạ của bọn phá hoại trước nhân dân đông đảo, bóc trần những âm mưu, luận điệu, hành động và thủ đoạn thù địch của chúng.*

*Chúng tôi sẽ tích cực theo lời khuyên nhủ của Đảng trong bức thư của Trung ương gửi Đại hội văn nghệ lần thứ hai, trước hết: “cần ra sức học tập chủ nghĩa Mác-Lê-nin, học tập đường lối chính sách của Đảng và Chính phủ, nâng cao lập trường, trau dồi tư tưởng và nghệ thuật”.*

*Chúng tôi nguyện, theo lời kêu gọi của Đảng, đi vào đời sống sản xuất và chiến đấu của công nông binh, tùy sức mỗi người mà tham gia lao động, để tiếp tục cải tạo mình và phản ánh được trung thực sự nghiệp vĩ đại của Đảng và nhân dân.*

*Dưới sự lãnh đạo của Đảng, dưới ánh sáng bức thư của Ban chấp hành trung ương Đảng gửi Đại hội văn nghệ lần thứ hai và nghị quyết của Bộ chính trị của Trung ương Đảng về việc chấn chỉnh công tác văn nghệ và quyết tâm của tất cả chúng tôi, chúng tôi hoàn toàn tin tưởng từ đây nền văn học, nghệ thuật chúng ta sẽ tiến lên theo đà mới, phục vụ đắc lực hơn nhiệm vụ trọng tâm của cách mạng trong giai đoạn mới.*

Hà Nội, ngày 14-4-1958

Các Hội thành viên trong Hội Liên hiệp văn học nghệ thuật Việt Nam nhận được chỉ thị phải chấn chỉnh về tổ chức.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Ngày 25-5-1958, Hội Nhà văn Việt Nam cho ra mắt báo *Văn học* có manchet gắn với tiêu đề “*Vì Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội*”.

Cụ thể trong kỳ họp Ban Chấp Hành Hội nhà văn Việt Nam ngày 2 và 3-7-1958, sau phần Thường vụ tự kiểm thảo do Tô Hoài trình bày, là phần thứ hai: Nguyễn Đình Thi trình bày đề án chấn chỉnh tổ chức.

Về tổ chức, Hội không còn có các chức danh Chủ tịch, Phó chủ tịch mà chỉ có Tổng Thư ký, người đứng đầu Hội.

Về thi hành kỷ luật đối với một số người trong nhóm *Nhân văn-Giai phẩm*, Ban chấp hành Hội quyết định:

- Khai trừ hẳn ra khỏi Hội: Thụy An, Trương Tửu, Phan Khôi.
- Khai trừ trong thời hạn ba năm: Trần Dần, Lê Đạt;.
- Cảnh cáo một số hội viên có sai lầm nặng.
- Khai trừ Hoàng Cầm ra khỏi Ban chấp hành.
- Cảnh cáo và cho phép Hoàng Tích Linh rút khỏi Ban chấp hành.

Hội nghị biểu quyết bổ sung vào Ban chấp hành: Hoài Thanh, Nguyễn Văn Bông, Võ Huy Tâm, Nguyễn Ngọc, Phạm Ngọc Truyền.

Về chấn chỉnh các cơ quan của Hội, hội nghị chính thức cử Nguyễn Đình Thi làm Thư ký tòa soạn báo *Văn học*, sẽ cùng Ban Thường vụ lập Ban biên tập cho tờ báo. Hội nghị giao Ban Thường vụ làm việc với Bộ văn hóa để xây dựng một Nhà xuất bản văn học của Nhà nước, và Nhà xuất bản Hội nhà văn sẽ hợp nhất vào đó.



## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Hội Mỹ thuật cảnh cáo Sĩ Ngọc, cho Sĩ Ngọc và Nguyễn Sáng rút khỏi Ban Chấp Hành. Khai trừ Trần Duy khỏi Hội Mỹ Thuật.

Hội Nhạc sĩ cho Văn Cao, Nguyễn Văn Tý rút khỏi Ban Chấp Hành. Khai trừ 3 năm Từ Phác, Đặng Đình Hưng ra khỏi Hội Nghệ Sĩ.

Các đợt học tập chỉnh huấn tại các trường Sư phạm và Tổng hợp Hà Nội các Giáo sư Nguyễn Mạnh Tường, Đào Duy Anh, Trương Tửu, Trần Đức Thảo cũng bị đưa ra cho giáo viên và sinh viên đầu tó, bị miễn nhiệm thôi giảng dạy. Ngoài ra còn nhiều người khác cũng chịu kỷ luật như Cao Xuân Hạo, Phan Ngọc, Cao Xuân Huy, ... Một số sinh viên cũng bị kỷ luật như Bùi Quang Đoài ( Thái Vũ), Văn Tâm, Phan Kế Hoành, Hà Thúc Chỉ ( Thúc Hà)...

Một số trí thức là nhân sĩ đã có thái độ ủng hộ *Nhân Văn - Giai Phẩm* cũng chịu các hình thức đối xử như Dương Đức Hiền, Vũ Đình Hòe, Đỗ Đức Dục, Hoàng Văn Đức, Đặng Văn Ngữ, Nguyễn Tấn Gi Trọng... Ngoài ra tại các địa phương những giáo viên, cán bộ, học sinh có hưởng ứng *Nhân Văn - Giai Phẩm*, mua báo *Nhân Văn*, *Giai Phẩm* đều bị xử lý với nhiều hình thức.

Trong vòng ba đến sáu tháng, các văn nghệ sĩ đi cải tạo lao động tại các nhà máy, nông trường, hợp tác xã... Một số người bị cư trú lâu dài tại các địa phương như Hoàng Tố Nguyên, Nguyễn Bính, Hải Bằng, Trần Lê Văn, Nguyễn Khắc Dực...

Báo cáo tổng kết vụ "Nhân Văn - Giai Phẩm" Tô Hữu viết kết luận về tư tưởng chính trị và quan điểm văn nghệ của phong trào Nhân Văn-Giai Phẩm như sau:

*Những tư tưởng chính trị thù địch:*

## HUỶNH ÁI TÔNG

1. *Kích thích chủ nghĩa cá nhân tư sản, bôi nhọ chủ nghĩa cộng sản.*
2. *Xuyên tạc mâu thuẫn xã hội, khiêu khích nhân dân chống lại chế độ và Đảng lãnh đạo.*
3. *Chống lại chuyên chính dân chủ nhân dân, chống lại cách mạng xã hội chủ nghĩa.*
4. *Gieo rắc chủ nghĩa dân tộc tư sản, gãi vào đầu óc sô-vanh chống lại chủ nghĩa quốc tế vô sản.*

*Những quan điểm văn nghệ phản động:*

1. *Nhóm "Nhân Văn - Giai Phẩm" phản đối văn nghệ phục vụ chính trị, thực tế là phản đối văn nghệ phục vụ đường lối chính trị cách mạng của giai cấp công nhân. Chúng đòi "tự do, độc lập" của văn nghệ, rêu rao "sứ mạng chống đối" của văn nghệ, thực ra chúng muốn lái văn nghệ sang đường lối chính trị phản động.*
2. *Nhóm "Nhân Văn - Giai Phẩm" phản đối văn nghệ phục vụ công nông binh, nêu lên "con người" trừu tượng, thực ra chúng đòi văn nghệ trở về chủ nghĩa cá nhân tư sản đòi truy.*
3. *Nhóm "Nhân Văn - Giai Phẩm" hần học đả kích nền văn nghệ xã hội chủ nghĩa, nhất là văn nghệ Liên Xô, đả kích nền văn nghệ kháng chiến của ta. Thực ra, chúng phản đối chế độ xã hội chủ nghĩa, chúng đòi đi theo chế độ tư bản chủ nghĩa.*
4. *Nhóm "Nhân Văn - Giai Phẩm" phản đối sự lãnh đạo của Đảng đối với văn nghệ, chúng đòi "trả văn nghệ cho văn nghệ sĩ", thực ra chúng đòi đưa quyền lãnh đạo văn nghệ vào tay bọn phản cách mạng.*

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Tháng 7-1958: Văn Cao cùng với Nguyễn Tuân, Nguyễn Văn Tý, Lưu Quang Thuận và Nguyễn Huy Tưởng làm Trưởng đoàn, đi thực tế Điện Biên, Văn Cao bị chảy máu ruột, nên được trở về.

Ngày 22-8-1958: Trần Dần, Lê Đạt, Đặng Đình Hưng, Tử Phác... đi lao động cải tạo ở Chí Linh, đến Tết mới được về Hà Nội nghỉ, đợt đợt sau. Theo Trần Dần, Phùng Quán mới đầu "bắt trị" đi 3 ngày rồi lại bỏ về Hà Nội. Sau Phùng Quán cùng Hoàng Cầm đi thực tế ở Thái Bình.

Trong bài *Cái ổ chuột "Nhân Văn Giai Phẩm" bị vạch trần trước ánh sáng của dư luận*, in trong *Bọn Nhân Văn Giai Phẩm Trước Tòa Án Dư Luận*, nhà xuất bản Sự Thật, Hà Nội, phát hành năm 1959 có đoạn nêu rõ tên 34 người:

*"Thụy An, Nguyễn Hữu Đang, Trần Thiếu Bảo, Trương Tửu, Trần Đức Thảo, Phan Khôi, Trần Duy, Trần Dần, Lê Đạt, Tử Phác, Đặng Đình Hưng, Hoàng Cầm, Sĩ Ngọc, Chu Ngọc, Văn Cao, Nguyễn Văn Tý, Phùng Quán, Hoàng Tích Linh, Trần Công, Trần Thịnh, Phan Vũ, Hoàng Huế, Huy Phương, Vĩnh Mai, Như Mai tức Châm Văn Biếm, Hữu Thung, Nguyễn Khắc Dực, Hoàng Tố Nguyên, Hoàng Yến, Thanh Bình, Yến Lan, Nguyễn Thành Long, Trần Lê Văn, Lê Đại Thanh" ...*

Ngoài ra còn có danh sách 47 người ký tên dưới các bài viết, hoặc cộng tác với 5 số báo Nhân Văn và 5 cuốn Giai Phẩm, gồm có: Nguyễn Hữu Đang, Trần Thiếu Bảo (nxb Minh Đức), Hoàng Cầm, Trần Dần, Lê Đạt, Văn Cao, Trần Duy, Nguyễn Sáng, Phùng Quán, Sĩ Ngọc, Tử Phác, Tô Vũ, Nguyễn Bính, Quang Dũng, Phan Khôi, Hữu Loan, Phùng Cung, Trần Lê Văn, Phác Văn, Huy Phương, Lê Đại Thanh, Hoàng Yến, Nguyễn Tư Nghiêm, Trần Công, Hoàng Huế, Hồng Lực, Bùi Xuân Phái, Trương Tửu, Đào Duy Anh, Bùi Quang Đoài, Mai Hạnh, Chu Ngọc, Nguyễn Mạnh Tường, Trần Đức Thảo, Trúc Lâm, Phan Vũ, Hoàng Tích Linh, Đặng Văn Ngữ, Trần Thịnh,

## HUỶNH ÁI TÔNG

Hữu Tâm, Thanh Bình, Trần Phương, Thanh Châu, Châm Văn Biếm, Hoàng Tố Nguyên, Cao Nhị, Trần Hải An...

Hai danh sách này không giống nhau vì ngoài Nhân Văn, Giai Phẩm còn có Trăm Hoa, Đất Mới, Tự Do Diễn Đàn, Sáng Tạo, Sách Tết 1957 (Đình Dậu) và tuần báo Văn.

Ngày 19-1-1960, Tòa án nhân dân Hà Nội, Chánh án: Nguyễn Xuân Dương. Hội thẩm: Nguyễn Tử Các và Phùng Bảo Thạch. Đã đưa vụ án ra tòa với tội danh “Gián điệp” phản cách mạng, phá hoại, gồm có 5 người: Nguyễn Hữu Đăng, Lưu Thị Yến tước Thụy An, Trần Thiều Bảo, Phan Tại, Lê Nguyên Chí.



*Từ trái sang phải: Lê Nguyên Chí, Phan Tại, Lưu Thị Yến (Thụy An), Trần Thiều Bảo (Minh Đức) và Nguyễn Hữu Đăng*

Tòa án thành phố Hà Nội sau khi xét xử, ngày 21-1-1960 đã tuyên án:

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

- Nguyễn Hữu Đang, 15 năm phạt giam, 5 năm mất quyền công dân
- Lưu Thị Yến tức Thụy An, 15 năm phạt giam, 5 năm mất quyền công dân
- Trần Thiều Bảo tức Minh Đức, 10 năm phạt giam, 5 năm mất quyền công dân
- Phan Tại, 6 năm phạt giam, 3 năm mất quyền công dân
- Lê Nguyên Chí, 5 năm phạt giam, 3 năm mất quyền công dân.

Năm 1973, Thụy An và Nguyễn Hữu Đang được tạm tha theo diện tù chính trị của Hiệp định Paris.

Phùng Cung viết truyện *Con ngựa già của chúa Trịnh* đăng trên Nhân Văn số 4. Sau đó, ông bị đình chỉ công tác, ở nhà viết kiểm điểm. Vào tháng 5 năm 1961, ông được triệu tập đến cơ quan để kiểm điểm trước cuộc họp, mà thực chất gần như một buổi đấu tố thời "cải cách" của Liên hiệp các Hội văn học nghệ thuật, gồm cả đại diện bên Văn nghệ quân đội. Chủ trì cuộc đấu tố gồm các ông Võ Hồng Cương, Nguyễn Đình Thi, Chế Lan Viên, Hoài Thanh... những bạn thường ngày chơi thân với ông lại tham gia vào việc "đấu tố". Ngày hôm đó, ông Trần Dần là người đứng lên "tố" để hai ông Lê Đạt và Hoàng Cầm làm chứng dối. Tội chính ông bị "tố" là mang lòng hận thù cách mạng sau cái chết của bố mình. Lôi kéo người khác cùng về hòa để lăng mạ lãnh đạo và còn viết nhiều chuyện chưa in khác - Tất cả nội dung đều tập trung vào lãnh tụ và Đảng cộng sản như: *Dạ ký*, *Chiếc mũ lông*, *Quản thời*, *Kép Nghệ*... Sau đó, xe công an tới nhà lục xét, tịch thu sách vở và bắt Phùng Cung chở đi vì ông đã tham gia làm báo *Nhân Văn* nhưng theo bà Cung cho biết, còn nhiều lý do khác nữa, chẳng hạn do tính cương trực cũng như việc hôn nhân của ông không được tổ chức đồng ý, chỉ do Phan Khôi đứng làm chủ hôn.

Kể từ khi bị bắt cho đến lúc ký hiệp định Paris năm 1973, tức là 12 năm sau, ông mới được tha về nhà. Thời gian đầu ông bị

## HUỶNH ÁI TÔNG

giam ở Hòa Lò tại Hà Nội, sau đó đưa lên Bát Bạt, tỉnh Sơn Tây, rồi Yên Bình, tỉnh Yên Bái, Phong Quang, tỉnh Lào Cai. Dù ở đâu, ông cũng bị biệt giam và không hề bị tòa xét xử, tuyên án gì cả.

Nhà Văn Phan Khôi mất ngày 16 tháng Giêng năm 1959, thọ 73 tuổi. Đám tang của ông chỉ có vợ con trong gia đình và nhà thơ Yên Lan, lặng lẽ đi theo quan tài do ngựa kéo xe tang.

Nguyễn An, phóng viên đài RFA đã viết:

*Nhà thơ Hoàng Cầm thì kể lại với nhà nghiên cứu Thụy Khuê rằng không ngờ cái kỷ luật ấy kéo quá dài, chứ không phải chỉ ba năm lao động như đã tưởng lúc ban đầu. Ông nói là "thời gian cứ thế kéo đi, nó kéo thế nào mà cho đến năm 1988. Tức là kỷ luật suốt 30 năm. Năm người Trần Dân, Lê Đạt, Phùng Quán, và Hoàng Cầm, Đặng đình Hưng không được in một cái gì cả trong suốt 30 năm, trong thời gian đó, nhà thơ phải lao động đủ mọi cách để sống còn, kể cả rủ Trần Dân đi làm nghề kéo xe bò. Một kết quả của những năm tháng đọa đầy đó là nhà thơ bị bệnh tâm thần, cụ thể là hoảng loạn và trầm uất mãi cho đến cuối năm 1988 mới tự phục hồi. Bệnh bắt đầu từ sau khi nhà thơ bị bắt giam 18 tháng sau vụ bản thảo "Về Kinh Bắc". Lúc ấy, Lê Đạt đến thăm và ông mô tả lại rằng Hoàng Cầm đúng là "một cái rẽ rách". Sau này, khi đã được phục hồi về cả sức khỏe lẫn vị trí trong nền văn học, Nhà thơ vẫn không dấu được ngậm ngùi khi nhìn lại quãng đời đã qua của mình.*

*Nhà văn Phan Khôi và các giáo sư đại học như Trương Tửu, Trần Đức Thảo, Nguyễn Mạnh Tường, Đào Duy Anh đều bị cách chức, bao vây kinh tế và quản thúc cho đến khi qua đời. Nhưng đó không phải là hết. Còn không biết bao nhiêu người khác bị hệ lụy chỉ vì có liên quan nào đó với Nhân Văn Giai Phẩm mà sự liên quan đơn giản nhất có khi chỉ là đọc một tờ báo Nhân Văn thôi.*

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

*Người bị đánh nhẹ nhất có lẽ là nhạc sĩ Văn Cao, bởi ông là tác giả của bản quốc ca. Ông chưa hề bị khai trừ khỏi đảng, chỉ phải đi lao động công nông trên Tây Bắc, nhưng một thời gian thì được về vì xuất huyết bao tử. Ông liên quan vào nhóm Nhân Văn Giai Phẩm tại Hà nội trong năm 1956, nhưng đến tháng bảy năm 1958, ông mới phải chịu đựng đợt kỷ luật đầu tiên, là "cho rút khỏi ban chấp hành hội nhạc sĩ" và sau đó đi thực tế lao động. Từ đó cho đến khi qua đời tại Hà nội vào năm 1995, ông không còn sáng tác được gì nữa.*

*Phong trào Nhân Văn Giai Phẩm đã đưa đến vụ án Nhân Văn Giai phẩm với con số không nhỏ cả văn nghệ sĩ, nhà hoạt động văn hoá lẫn người dân bình thường bị đầy đoạ vì có liên quan nhưng không rõ là bao nhiêu. Ảnh hưởng của vụ án Nhân Văn Giai Phẩm không chỉ trên bình diện cá nhân mà còn trên bình diện văn học và xã hội Việt Nam.*

\*&\*

Tài liệu tham khảo:

- Nhân Văn Giai Phẩm Web: [vi.wikipedia.org](http://vi.wikipedia.org)
- Nhân Văn Giai Phẩm Blog: [Talawas](http://Talawas)
- Nhân Văn Giai Phẩm Web: [rfa.org](http://rfa.org)

## HUỶNH ÁI TÔNG

### Tiết Sáu: Hậu quả dành cho nhóm Nhân Văn - Giai Phẩm

#### 1) Với Phan Khôi

Sau Nhân Văn, Phan Khôi bị đuổi khỏi 51 Trần Hưng Đạo, Trần Duy viết:

"Cũng từ dạo ấy, tôi thấy sức khoẻ của ông Phan Khôi sa sút. Có lúc thấy ông đi không vững. Có lúc thấy ông khó thở. Ông nói với tôi ông bị sốt thường xuyên, xin được đi khám bệnh nhưng không ai ký giấy giới thiệu. Một buổi chiều tôi đến 51 Trần Hưng Đạo thì gặp cảnh: Một quan chức có quyền lực quát đuổi vợ chồng ông ra khỏi số nhà 51 Trần Hưng Đạo.

Người này quát lớn:

"Tống cổ thằng già khôn nạn này ra khỏi đây!"

Vợ ông, bà Huệ ôm chần mản, sách vở; ông Phan Khôi lão đảo theo sau. Ra cổng gặp tôi, ông chào và nói: "Thôi, anh về đi... Buồn không cần thiết!"

(Trần Duy *Tưởng niệm về Phan Khôi*, Talawas 18-6-2008)

Bị đuổi khỏi 51 Trần Hưng Đạo, Phan Khôi dọn về 10 Nguyễn Thượng Hiền, và sau đó là 73 Phố Thuốc Bắc.

Lâm Bích Thủy, con gái nhà thơ Yên Lan, nhớ về căn nhà này:

#### **Thủy chung tình bạn sau linh cữu**

"Gia đình tôi ở phía dưới, giữa 5 gia đình khác, kê vách là gia đình cụ Khôi. Phía ngoài căn nhà cụ là chân cầu thang của hộ bà Cán, đến bể nước công cộng. Căn dành cho gia đình cụ là một cái buồng khép kín, rộng chừng 9 m<sup>2</sup>, bằng 3/4 gian nhà



## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

tôi, có thể đây là nơi thờ cúng của chủ trước. Giữa nhà tôi và nhà cụ là một cửa sổ nhỏ, to bằng bàn cờ tướng. Tôi thường ngồi cạnh cửa sổ nhà cụ giặt giũ.

Ban đầu mới dọn về, tôi thấy ba tôi và các chú nhà thơ hay vào phòng cụ Khôi uống trà, bàn chuyện thời sự, bình luận những bài thơ vừa đăng báo; bọn trẻ chúng tôi chạy vô chạy ra nhà cụ để chơi với các anh các chị con cụ, mọi người đều thân thiện, cởi mở. Thế rồi, dần dần tôi thấy có một điều gì đó, lung lắm. Các cô các chú không xởi lời như trước nữa. Trong cư xử tỏ ra dè dặt, dò xét. Nhà cụ Khôi cứ vắng dần bóng người lớn, vắng dần tiếng trẻ. Không khí trong ngôi nhà nặng nề, xét nét, xa lạ. Tôi hỏi má tôi "tại sao vậy?". Bà nói nhỏ sợ người khác nghe: "*Ông Khôi đang bị coi là người cầm đầu nhóm Nhân văn - Giai phẩm, con không nên vào nhà cụ, có người đang theo dõi nhà mình đấy...*". Tôi không hiểu *Nhân văn - Giai phẩm* là tội gì, nặng đến mức nào mà ai cũng sợ liên lụy đến như thế. Tuy không nói ra nhưng ai cũng muốn chứng minh rằng mình không hề có quan hệ thân mật với gia đình cụ Khôi. Họ tránh nhà cụ như thể nhà có bệnh dịch lây lan. (...)

Dường như gia đình cụ hiểu được điều bản khoán của mọi người nên tế nhị lấy báo dán kín cửa sổ lại. Lâu lâu tôi thấy cụ ngang qua nhà, vẫn dáng người cao, nhưng gầy yếu hơn trong bộ đồ tây màu vàng nhạt, tóc còn lơ thơ vài cọng bạc trắng, ần sau chiếc mũ phớt màu nâu. Trên tay cụ giờ có thêm chiếc ba-toong, gặp ai cụ không nhìn, mắt hướng thẳng phía trước như chưa hề biết họ.

Như trước đây, tôi vẫn ngồi giặt bên bể nước, cạnh cửa sổ nhà cụ. Tôi liếc nhìn cụ qua cửa sổ. Cụ ngồi trên giường, giờ cụ trầm ngâm, buồn buồn, mắt nhìn đâu đâu, tôi thương cụ quá chừng. Có lần tôi nghe cụ ngâm bằng giọng Quảng Nam:

*Làm chi cũng chẳng làm chi  
Đâu có làm gì cũng chẳng làm sao*

## HUỶNH ÁI TÔNG

*Làm sao cũng chẳng làm sao  
Dẫu có thể nào cũng chẳng làm chi...*

(Lâm Bích Thủy, *Thủy chung tình bạn sau linh cữu*, Talawas).

### **Cái chết của Phan Khôi**

Phan Cừ, Phan An viết: "11 giờ trưa ngày 16/1/1959 (mùng 8 tháng Chạp âm lịch). Ông nằm quay mặt vào tường lặng lẽ trút hơi thở cuối cùng, trong sự túc trực chăm sóc của bà vợ Nguyễn Thị Huệ (...) Cỗ xe song mã màu đen quấn thi hài ông, đi sau là vợ con, cháu cùng một vài bạn hữu tiền ông lần cuối đến nghĩa trang Hợp Thiện ở phía đông thành phố Hà Nội. Trong chiến tranh, phần mộ của ông bị thất lạc".

(Phan Cừ, Phan An, *Phan Khôi niên biểu*, *Chương Dân thi thoại*, Đà Nẵng, 1996).

Phan Thị Thái viết: "Mộ cha tôi được ghi dấu bằng tấm bia nhỏ mang tên: Chương Dân (...) Khoảng một năm trước khi mất, thầy tôi rất buồn. Mỗi dịp nghỉ hè về thăm thầy, tôi thường thấy người ngồi bàn viết lách hoặc đọc sách.

Có khi nằm đọc rồi ngủ quên nhưng hai tay vẫn giữ chặt quyển sách dày cộm, hầu hết là sách chữ Hán. Hầu như thầy tôi không có thì giờ rảnh. Sáng sáng đi vài ba đường quyền, ăn uống điếm tâm rồi ngồi vào bàn làm việc cho đến tối. Chỉ có một tuần trước khi mất, vì quá đuối sức, người đành phải lia chiếc bàn và quyển sách. Gia tài lớn mà thầy tôi để lại cho chúng tôi là sách và rất nhiều các bài viết, các bài nghiên cứu về tiếng Việt và chữ Hán. Chúng tôi đã gìn giữ tất cả trước tác của thầy tôi trong nhiều năm và sau đó đã chuyển giao cho Viện Hán Nôm để các đồng nghiệp của ông tiếp tục công việc nghiên cứu, dịch thuật".

HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975  
(Phan Thị Thái *Nhớ cha tôi, học giả Phan Khôi* Kiến Thức  
Ngày Nay, 19-12-1996)

**Thủy chung tình bạn sau linh cữu (tiếp theo)**

Chở linh cữu cụ là một chiếc xe có hai con ngựa kéo bị che hai bên mắt, khoảng bảy hoặc tám người, kể cả người đánh xe ngựa và ba tôi – nhà thơ Yên Lan. Nhưng điều để lại sau đám tang là sự dè bịu và mĩa mai đối với ba tôi mà người thời bấy giờ gọi là "thằng". Sáng hôm sau, ngoài phố, họ kháo nhau bằng những câu: "*Nghe nói ngoài gia đình còn có thằng cha nhà thơ nào đó cả gan đưa đám lão Phan Khôi*". Giải thích điều này ba tôi nói: "*Đó là đạo lý của người Việt Nam – Nghĩa tử là nghĩa tận*".

(Lâm Bích Thủy, *Thủy chung tình bạn sau linh cữu*, Talawas).

**2) Với Phùng Quán**

Theo Nguyễn Giang kể chuyện về Phùng Quán.

Biết anh Phùng Quán hay uống rượu, tôi với anh Mạnh ra quán quốc lủi ngoài công trường mua mỗi người một chai 65, không dám mua hơn vì ở trong khu tập thể tự nhiên mua nhiều rượu sẽ gây chú ý ngay, sau đó ra cửa hàng mậu dịch mua hai chai Lúa mới nữa. Suốt đêm hôm ấy, chúng tôi uống rượu, nghe anh Phùng Quán đọc thơ, kể chuyện văn, chuyện đời. Giọng anh truyền cảm, cuốn hút và xúc động. Anh bảo: Cái thằng người mình hấn vớ vẫn lắm. Khăn mặt rách, lần lữa mãi vẫn quên không mua nổi, nhưng thuốc lá thì lúc nào cũng nhớ.

Có lần vợ sai đi mua hộp thuốc đánh răng, về hỏi lại chia ra bao thuốc lá Trường Sơn. Rồi anh kể câu chuyện về một người vô gia cư, chuyên sống bằng nghề câu quăng. Đêm đêm anh ta ra hồ Trúc Bạch câu cá, sáng hôm sau đem bán lấy tiền đóng gạo. Ngày qua ngày, nếu hôm nào không được cá thì cầm chắc

## HUỶNH ÁI TÔNG

là đôi. Có một đêm, chẳng hiểu trở trời trái gió thế nào ấy, anh câu mãi không được. Càng về khuya, càng cố càng không ăn thua. Được ăn cả ngã về không anh quyết định quăng một cái cuối cùng. Muốn được cá to phải thả câu cho dài, anh dùng hết sức, quăng thật xa và nghĩ lần này không được cũng về. Bỗng nhỗng một cái rất nặng, đoán chắc là con cá to, muốn bắt được phải dong cho đến khi nó mệt. Thế là, anh cuốn dây kéo con cá lại, rồi lại thả cho nó chạy ra. Mãi như vậy, cá không mệt, chỉ người mệt. Trời sáng dần, tiếng chuông tàu điện leng keng từ phía Thụy Khuê, báo hiệu một ngày mới. Nhìn sang bờ bên kia, lơ mơ thấy một người cũng đang câu. Để ý kỹ mới thấy, bên này kéo thì bên kia thả và ngược lại. Lúc sáng rõ, cùng nhắc lên, hóa ra hai lưỡi câu mắc vào nhau...



*Vợ chồng nhà thơ Phùng Quán cùng nữ sĩ Ngân Giang (phải) chụp chung với dịch giả Nguyễn Hữu Hiệu (ngồi giữa) tại Hà Nội, mùng 3 tháng 1 năm 1995. Hơn hai tuần sau, Phùng Quán từ trần.*

### **Một năm lao động ở công trường Cổ Đàm**

Từ năm 1958, tôi đã phải đi nhiều đợt lao động ở Hợp tác xã

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

nông nghiệp Thái Lai (Thái Bình), Công trường Nhà máy đường Việt Trì (Phú Thọ), Nông trường cao su - cà phê Thăng Lợi ở Thọ Xuân (Thanh Hóa)... Đợt nào tôi cũng gặp phải chuyện trục trặc, oan ức, đều bị cơ quan quản lý nhận xét là "chưa tiến bộ", "chưa khắc phục được tư tưởng nhân văn", đôi khi còn có "ý định góc đầu dây"... Năm 1964 cho đến đầu năm 1965, tôi tiếp tục được Hội Văn nghệ cử đi lao động cải tạo ở Công trường Trạm bơm điện Cốc Thành, Cỏ Đam. Trạm bơm điện Cốc Thành vào loại lớn nhất miền Bắc ngày đó, tưới tiêu cho hai huyện Ý Yên- Bình Lục tỉnh Hà Nam Ninh.

Trước khi mang ba lô về công trường, Võ Hồng Cương trong Ban lãnh đạo Đảng đoàn Văn nghệ căn dặn tôi: "Lần này cậu phải cố gắng lao động cho thật tốt. Cuối đợt sẽ được Đảng bộ công trường nhận xét. Đừng để xảy ra những chuyện lồi thối như mấy đợt trước. Cậu phải nhớ rằng, nếu có nhiều tiến bộ thì tôi sẽ giới thiệu cho cậu về công tác ở Ty Văn hóa Hà Nam. Sau một vài năm phấn đấu, người ta sẽ cho cậu vào biên chế...". Tôi hứa với anh sẽ hết sức cố gắng để khỏi phụ lòng tốt của anh. Tôi đã lao động ở công trường này từ khi san nền, đổ móng cho đến khi công trình được nghiệm thu. Cùng về công trường với tôi đợt này có một tổ ba người ở Viện Văn học và Bộ Văn hóa đi tham gia thực tế theo chỉ thị của Ban Bí thư Trung ương: Cán bộ đi làm thủy lợi một năm, gồm: N.N, nhà lý luận phê bình lâu năm; Mai Quốc Liên cũng là nhà lý luận phê bình mới bước vào nghề và nhà thơ Trúc Cương. Trong ba người này chỉ một mình Trúc Cương là tôi quen biết từ trước.

Trúc Cương gặp riêng tôi, nói nhỏ: "Anh N.N. là đảng viên, lập trường tư tưởng hết sức vững vàng, cứng rắn, chống nhân văn giai phẩm quyết liệt... Tiếp xúc với anh, Quán nhớ giữ mồm, giữ miệng, không có thì phải vạ đấy!"

- Được, mình sẽ uốn lưỡi 14 lần trước khi nói!

- Còn Mai Quốc Liên thì chơi được, mới lấy vợ. Đặc điểm là

## HUỖNH ÁI TÔNG

rất phục thơ Chế Lan Viên. Quán nhớ không chê thơ Chế Lan Viên trước mặt cậu ta.

- Chính mình cũng thích thơ Chế Lan Viên!

Năm đó tôi đã ngoài ba mươi tuổi. Tôi đã lấy vợ và có đứa con gái đầu lòng lên hai. Thật lòng từ đây, tôi muốn được sống yên thân. Tôi đã quá mệt mỏi vì phải đi lao động hết công trường này đến nông trường khác. Tôi đã chán cái cảnh: "cá trộm, vãn chui, rượu chui". Tôi tự hện với mình sẽ cố gắng lao động thật tốt, nói năng giữ mồm, giữ miệng. Cuối năm sẽ nhận được bằng khen của công trường vì "lao động tích cực, có tiến bộ rõ rệt về lập trường tư tưởng". Nhờ đó tôi sẽ được Hội giới thiệu vào công tác ở Ty Văn hóa, rồi sẽ được tuyển dụng lại vào biên chế, có thể bắt đầu hưởng lương cán sự 1 - 56 đồng một tháng. Thế là gấp đôi số tiền trợ cấp của Hội Văn nghệ mấy năm nay - 27 đồng một tháng. Với 27 đồng, tôi chỉ đủ nộp tiền ăn cho công trường. Nhưng điều quan trọng nhất mà tôi hy vọng, dần dần tôi sẽ được xóa kỷ luật, được xuất bản sách trở lại và có tiền để đỡ đàn vợ. Tôi phải lao động ở đội mộc rồi chuyển sang đội bê tông. Lao động nặng mà không có tiền ăn sáng, tôi đói mềm người. Tôi lại xấu máu đói. Hết đói là tay chân bủn rủn, mồ hôi vã ra như tắm.

Mặc dù lúc nào tôi cũng đinh ninh trong dạ là phải hết sức cố gắng, phải thật quyết tâm phấn đấu để mau chóng thoát khỏi cái cảnh trợ cấp 27 đồng một tháng. Nhưng rồi tôi lại gặp phải vài chuyện trục trặc không đâu, làm mất tôi công sức lao động hơn một năm trời...

Tôi về đội mộc được phân công đóng cốp pha. Tay tổ trưởng tên là Hoàng, đảng viên, người to béo phục phịch, dân Thanh Hóa, tay nghề khá giỏi và rất tốt bụng. Tay ấy thường giao tôi việc nhẹ và dạy nghề cho tôi rất tận tình. Sau ba tháng, Hoàng nhận xét tay nghề của tôi: "Cậu có thể xếp vào thợ bậc 1 rồi đây!". Tôi cười nhỉnh: "Nếu giám đốc công trường có hỏi thì

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

anh nhớ báo cáo tốt cho tôi với nhé. Đại khái là tuy tay nghề còn non nhưng lao động hăng say, nhiệt tình, nói năng đúng lập trường chính sách..."

"Được được, tớ hiểu rồi. Tớ sẽ báo cáo thật tốt cho cậu. Lần nào lên họp ông ấy cũng hỏi thái độ lao động của cậu. Tớ đều bảo cậu lao động rất chăm chỉ, cần cù. Tớ còn đề nghị hàng tháng công trường nên phụ cấp cho cậu mấy đồng, cộng với tiền trợ cấp ở trên, cho ngang với lương công nhân bậc một... Ông ấy bảo sẽ xét. Lần nào ông ấy cũng nhắc nhở mình: Phải cảnh giác cao độ với cậu vì cậu là một tên nhân văn "thâm độc" và "nguy hiểm". Mình cãi: Nhưng tôi thấy hấn hiền khô mà, đồng chí? Ông ấy còn nhấn mạnh với mình: Đồng chí là đảng viên, phải xác định lập trường. Những tên đã viết văn viết báo chống chế độ thì chẳng có tên nào hiền hết! Mình quý cậu nên kê riêng với cậu thôi để cậu đề phòng. Nhớ không được nói lộ ra với ai...". Hường dặn đi dặn lại.

Câu chuyện của Hường làm tôi hết sức lo ngại. Lao động tôi càng chăm chỉ hơn. Nói năng càng thận trọng hơn. Hường có cái thú là mê sáng tác ca khúc. Nghĩa là đặt lời mới theo một số làn điệu dân ca quan họ. Hường khoe với tôi, hồi đi nghĩa vụ quân sự, anh ta đã được giải thưởng văn nghệ của tiểu đoàn vì đã sáng tác được một bài hát phục vụ chủ đề gìn giữ tác phong quân nhân. Bài hát theo điệu "Trèo lên trái núi Thiên Thai". Hường hát luôn: "Ra đường phải thắt xanh tuya này xanh í í tuya...".

Ngày Tết sắp đến. Công trường thông báo sẽ tổ chức một đêm văn nghệ quần chúng, tiết mục tự biên tự diễn. Hường say sưa sáng tác bài hát cho đêm văn nghệ. Nội dung bài hát là ca ngợi đội mộc đóng cốp pha đúng kỹ thuật, năng suất cao. Bài hát theo điệu "Tình bằng có cái trồng com". Đã lâu quá rồi tôi không còn nhớ cả bài hát, chỉ nhớ câu đầu: "Tình bằng có cái búa đĩnh, khen ai khéo gõ ấy mới đĩnh nên đĩnh, ấy mới đĩnh nên đĩnh...". Nhưng rồi hình như công việc đặt lời cho bài hát

## HUỶNH ÁI TÔNG

của anh không được suôn sẻ, gặp phải chỗ bí. Tôi để ý, nhiều lúc đang làm việc Hường bỗng ngân ra, buông đục, bỏ cưa, bỏ riu, rút trong túi áo ra tờ giấy nhàu nát, trải lên mặt tấm ván, nhấm nhấm nước bọt cây bút chì thợ mộc vót nhọn hoắt mà lúc nào anh cũng cài trên vành tai, cúi xuống tờ giấy gạch gạch xóa xóa, miệng lầm nhảm hát cái gì đó tôi không nghe rõ lời, trán cau lại. Cũng là người sáng tác nên tôi thông cảm ngay.

Điều này là anh ta đang bí đây. Tôi thấy thương anh, muốn giúp anh gỡ bí. Bước đến gần, tôi hỏi: "Sáng tác gặp khó khăn à? Thử nói xem anh bí chỗ nào, tôi có thể giúp anh được không? Tôi không rành sáng tác bài hát lắm, nhưng việc đặt lời cho bài hát nói cũng gần với văn thơ". Anh chỉ đầu bút chì vào tờ giấy, nói: "Mình đang vấp cái chỗ: lợi, lợi lợi sông ấy mấy đi tìm..., không biết đặt cái tiếng gì vào đó cho đúng giọng. Mình muốn dùng chữ đóng, đóng, đóng hay cưa, cưa, cưa, nhưng đều không đúng điệu dấu nặng. Nghĩ nát cả óc mà không ra. Tôi góp ý: Hay anh dùng chữ đèo, đèo, đèo. Nếu hát lên thì đèo có thể hát thành đẹo, người nghe cũng hiểu.

Anh gật gù: Đúng, đúng. Ý kiến của cậu hay. Vượt qua được chỗ bí, anh hoàn thành được bài hát ngay chiều hôm đó. Anh chọn trong đội mộc của anh năm cậu có khả năng hát hò nhất, cho nghỉ một buổi làm để tập hát. Anh lãnh nhiệm vụ chỉ huy tập ca, vừa huấn luyện, vừa bắt nhịp, vừa lĩnh xướng.

Đêm văn nghệ bài hát của đội mộc làm cho mọi người cười vỡ trời vì khi hát đến chỗ đẹo, đẹo đẹo, khán giả ngồi bên dưới sân khấu liền rộ lên hát theo đéo đéo, đéo muốn vỡ hội trường. Ban tổ chức phải la hét đến khản cổ mới giữ lại được trật tự, nhưng không sao giữ yên được hoàn toàn. Thịnh thoảng bên dưới khán giả vẫn rúc rích: đéo, đéo, đéo...

Hường bị giám đốc công trường gọi lên xạc cho một trận toi bời, kết tội anh là cố ý phá rối đêm văn nghệ chào mừng thắng lợi của công trường. Hường hoảng quá phải thú thật: ba tiếng



## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

đeo, đeo, đeo áy là cậu Phùng Quán nó góp ý kiến cho tôi. Lúc đầu tôi định đặt là cưa, cưa, cưa, nhưng hẳn bảo hát là đeo... nó đúng điệu hơn...

Giám đốc công trường gầm ghè: "Đấy, đồng chí cứ khen hẳn là hiền nữa đi. Nó xỏ mũi đồng chí mà đồng chí không biết. Tôi đã cảnh giác với đồng chí nhiều lần mà đồng chí đều bỏ ngoài tai, không nghe?". Sau sự việc này, Huỳnh giận tôi lắm. Anh cũng tin là tôi chơi xỏ anh, muốn hại anh. Anh cương quyết không nhận tôi ở đội mộc nữa. Thế là tôi phải chuyển sang đội đồ bê tông. Công việc lao lực nặng nhọc gấp ba gấp bốn lần ở đội mộc. Tôi thực sự điên đầu. Nhưng cũng thật đáng đời cho tôi: Đã mù nhạc lại còn dám chơi trèo, sáng tác ca khúc! Chưa hết chuyện rắc rối này đã lại tiếp chuyện rắc rối khác. Mà cũng chỉ tại tôi quá ngu.

Còn một tuần nữa là Tết. Các bạn N.N, Mai Quốc Liên, Trúc Cương đều được công trường cho nghỉ Tết, về Hà Nội. Tôi ở đội bê tông nghỉ Tết theo công nhân. Sáng 29 Tết mới được về, sáng mừng Ba Tết đã phải có mặt ở công trường.

Ông Tám, giám đốc công trường lên Bộ họp rồi nghỉ Tết luôn trên đó. Chỉ huy công trường giao cho phó giám đốc Hộ. Ông Hộ trước cũng là bộ đội chống Pháp, tính tình hiền lành, xuề xòa. Thấy hoàn cảnh rắc rối của tôi, ông cũng có ý thương nhưng không giám tỏ rõ thái độ, mà chỉ thông cảm một cách lặng lẽ. "Tại sao hẳn đi bộ đội từ nhỏ, lại viết được cuốn Vượt Côn Đảo đọc rất xúc động, bỗng thoát một cái trở thành tên phản động, chống chế độ?, Tôi được cậu Na, phụ trách công tác tổ chức cán bộ kể lại có lần ông Hộ đã đặt vấn đề với nhà lý luận phê bình văn học N.N như vậy. N.N giải thích: "Rất dễ hiểu, lúc đó hẳn còn trẻ, lại kiêu căng vô tổ chức, vô kỷ luật, chống đối lãnh đạo, mang sẵn trong người mầm mống xấu, gặp được đất tốt là mọc ngay. Về Hà Nội hẳn bị bọn phản động, gián điệp, tò-rốt-kit, tư sản mại bản kích động, lôi kéo, dùng gái, dùng tiền mua chuộc. Hẳn đã khai trong bản tự kiểm điểm

## HUỶNH ÁI TÔNG

về vụ "nhân văn giai phẩm" là nếu nổ ra cuộc biểu tình chống đối chế độ, thì hẳn sẽ cầm cờ đi đầu".

Lời giải thích của N.N rất đanh thép, nhưng hình như vẫn chưa hoàn toàn thuyết phục được người lính chống Pháp xuề xòa, tốt bụng này. Thỉnh thoảng gặp tôi ở chỗ vắng vẻ, ông lại dúi cho tôi khi thì bao Tam Đảo, khi thì nửa bao Điện Biên. Những đợt giám đốc đi vắng, ông thay mặt chỉ huy công trường, tôi thường tranh thủ xin ông nghỉ vài ba ngày phép về thăm vợ con. Ông đều ký giấy cho tôi đi và dặn: "Nhớ về cho đứng phép đấy!". Ông Hộ có đặc tính là thích vui, thích văn nghệ. Ông có ý định trước khi cho công nhân nghỉ Tết, sẽ tổ chức một cuộc mít tinh nhỏ. Ông sẽ lên diễn đàn đọc mấy lời thật rôm rả về những thắng lợi to lớn của công trường, tổng tiến năm cũ, đón mừng năm mới. Sau đó sẽ có ngâm thơ, hát hò. Ông cho gọi tôi lên văn phòng, nói: "Cậu viết cho tớ một bài diễn văn. Nội dung như sau, như sau... Cậu gắng viết cho hay vào để tớ đọc trong buổi tiến công nhân về ăn Tết. Cho cậu nghỉ hẳn một ngày lao động để viết".

Tôi sướng mê người. Tôi hy vọng nhờ bài diễn văn sẽ chuộc lại được cái tội "đạo, đạo, đạo" vừa rồi. Khi hết thời hạn lao động, chỉ còn hơn một tháng nữa, ông sẽ có cảm tình hơn với tôi, ghi tốt vào bản nhận xét và cấp bằng khen. Vì tuy là phó, nhưng ông là bí thư đảng uỷ đồng thời phụ trách công tác tổ chức. Tốt nhất là đúng dịp ấy, ông Tám đi vắng. Tôi cầu Trời khẩn Phật cho ông Tám đi vắng đúng vào dịp ấy!

Tôi vận dụng hết tài ba văn chương để viết bài diễn văn này. Bao nhiêu từ ngữ hoa mỹ, đại ngôn, khoa trương tôi tưng hắt vào bài diễn văn. Tôi mở đầu bài diễn văn như sau: "Thời gian trôi chảy trên công trường như dòng sông Đáy êm đềm trong xanh (công trường nằm bên bờ sông Đáy) trôi trên cánh đồng Bình Lục, Ý Yên chiêm khê mùa thối (ý nói là hạn và úng). Nó như đàn ngựa đang phi nước kiệu. Nhưng rồi với quyết tâm vượt năng suất thi công để chào mừng năm mới, năm bản lề

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

của giai đoạn quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội, Ban lãnh đạo cùng với công nhân đã quát cho đàn ngựa thời gian lòng lên phi nước đại...v.v.. và v.v...".

Bài diễn văn được công nhân xuýt xoa khen hay, vỗ tay dài, vỗ tay ran. Ông Hộ sửng phồng mũi. Sau kỳ nghỉ Tết, ông đưa bài văn ra khoe với nhà lý luận văn học N.N: "Các đồng chí đi vắng, tôi phải nhờ Phùng Quán viết. Tôi thấy hắn viết được đấy chứ. Xem ra lập trường tư tưởng hắn đạo này tiến bộ vững vàng hơn nhiều so với ngày mới xuống công trường. Đúng là lao động chân tay rất có tác dụng sâu sắc trong việc cải tạo con người".

N.N đọc xong bài văn liền sa sầm nét mặt: "Hắn viết xỏ đồng chí mà đồng chí không biết. Hắn dùng thể văn biểu tượng hai mặt, tiếng Pháp gọi là xanh- bon ê-ki-vốt (Symbole équivoque). Đây là một chủ trương hắn hoi của bọn nhân văn mà chúng đã thú nhận trên báo chí. Hắn ví công nhân như một bày ngựa và lãnh đạo công trường chẵn ngựa bằng roi vọt. Trước "phát hiện" của nhà lý luận phê bình N.N, ông Hộ tím mặt vì giận. Ông cho là tôi đã lừa ông như lừa con nít bằng thứ văn chương "biểu tượng hai mặt" đó. Khi được nghe Trúc Cương kể lại sự việc này, tôi sững người. Tôi không ngờ cơ sự lại diễn ra theo chiều hướng đó! Chuyến này thì một năm trời lao động cực nhọc hóa thành công cốc. Việc được vào biên chế, được xóa án kỷ luật trở lại với nghề văn, được in sách để có tiền nhuận bút càng xa vời. Tuy vậy tôi vẫn còn chút hy vọng ở ông Hộ, người chiến hữu một thời của tôi sẽ nghĩ lại, sẽ thông cảm mà nhận xét tốt cho tôi, mà ông có mắt gì cho cam! Tôi hồi hộp khi được biết tin khoảng một tuần nữa, tổ Văn nghệ sĩ tham gia "một năm làm thủy lợi" sẽ hết hạn trở về Hà Nội và tôi cũng sẽ được về cùng. Ngày tiễn đưa chúng tôi đã được ấn định. Hôm đó, Ban chỉ huy công trường sẽ phát bằng khen cho mỗi người. Sau đó là một cuộc liên hoan nhẹ chuối, bánh ngọt, nước trà. Phòng tổ chức đang chuẩn bị giấy khen. Chờ lúc vắng người, tôi vào phòng hỏi nhỏ cậu Na, người phụ

## HUỶNH ÁI TÔNG

trách công tác bằng khen. Tôi hỏn hển như người hựt hơi: "Mình có được bằng khen không?". Cậu Na nói: "Không thấy tên anh, chỉ có tên các anh N., Cương, Liên". Tôi chết điếng. Thế là bao nhiêu hy vọng tan thành mây khói. Không có bằng khen mang về trình Đảng đoàn Hội sau hơn một năm trời lao động cải tạo nghĩa là tôi là phần tử nhân văn giai phẩm không thể cải tạo được nữa. Trong khi đó các nhà văn nhà thơ khác có dính dáng đến nhân văn như Trần Lê Văn, Quang Dũng... đều đã được trở lại công tác trong biên chế, được in tác phẩm.

Càng nghĩ tôi càng giận thân. Làm văn mà viết câu văn không sáng sủa đến nỗi gây nên tai họa. Ôi giá như tôi đừng làm văn mà làm lính thì bây giờ, chắc mình đang ngang dọc ở chiến trường đánh Mỹ. Tôi được tin sư đoàn 325 của tôi đã vào đến chiến trường. Cậu Hồi, tiểu đội phó của tôi bây giờ đã là tiểu đoàn trưởng, huân chương đầy ngực. Buổi chiều về, tôi và Trúc Cương rủ nhau ra sông Đáy tắm giặt. Tôi nói với hấn: Cậu giúp tớ với. Cậu thử gặp ông Tám, ông Hộ nói tốt cho tớ, đề nghị các ông ấy nghĩ lại, cấp bằng khen cho tớ. Với các cậu, cái bằng khen chỉ là một tờ giấy viết chữ đẹp, có đóng dấu đỏ treo lên tường cho vui. Còn với tớ là được thêm gần 30 đồng lương mỗi tháng, được trở lại nghề văn, được in tác phẩm, thêm được chút tiền nhuận bút đóng góp với vợ nuôi con và được chấm dứt cái cảnh phải đi lao động hết công trường này đến nông trường khác.

Trúc Cương buồn rầu nói: "Chính mình cũng đang khó khăn, suýt nữa không cũng được bằng khen vì chuyện cô Hòa. Mình không giúp được Quán đâu. Quán thông cảm với mình đi. Đừng giận mình". Thôi được, mình sẽ tự phần đầu lấy. Và trong giây phút ấy, tôi bỗng thấy mình đơn độc khủng khiếp. Tôi bật ngâm lên một câu thơ: Tôi đơn độc giữa biển người! Đêm tiễn đưa, ông Tám giám đốc đứng lên nói mấy lời đưa tiễn tốt đẹp tỏ văn nghệ sĩ do Trung ương cử về tham gia chủ trương lớn của Đảng: Một năm làm thủy lợi. Rồi ông phát bằng khen trao tận tay từng người. N.N thay mặt tổ phát biểu cảm

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

tưởng, nói lên những thu hoạch sâu sắc trong thời gian đi thực tế được cùng chia sẻ niềm vui cũng như khó khăn gian khổ với bà con, anh em ở công trường trên bước đường tiến lên chủ nghĩa xã hội. Chờ N.N dứt lời, tôi thu hết cam đảm đứng lên nói: "Bản thân tôi, trong quá trình lao động cải tạo hơn một năm vừa qua, tôi đã hết sức cố gắng lao động hăng say, tích cực không ngại khó ngại khổ. Tôi tự nhận xét so với các anh khác, tôi cũng xứng đáng được công trường cấp bằng khen.

Ông Tám không đứng lên mà ngồi yên tại chỗ, vừa hút thuốc vừa nói, không nhìn vào mặt tôi: "Đảng ủy công trường đã xét kỹ trường hợp của đồng chí. Tuy đồng chí có chịu khó lao động, nhưng về mặt lập trường tư tưởng vẫn còn nhiều thiếu sót nghiêm trọng, cần phải tiếp tục lao động cải tạo để khắc phục sửa chữa. Mặc dù như vậy, chúng tôi cũng chiếu cố biểu dương tại chỗ đồng chí, còn bằng khen, chúng tôi đã hội ý với trên, đồng chí chưa đủ tiêu chuẩn...".

Giọng của ông thật rành mạch, thật dứt khoát.

Từ công trường muốn về Hà Nội, tôi phải đi bộ 25 cây số dọc theo đê sông Đáy 5 cây lên đến cầu Gián Khuất. Từ Gián Khuất theo Quốc lộ Một 20 cây số nữa đến ga Phủ Lý. N. N, Liên, Cương có xe đạp đi nhân nha chỉ mất hơn hai tiếng. Tôi cũng có chiếc xe nhưng đã bán mất rồi để thuốc thang cho con gái hồi nó mới lên một. Vì thế tôi phải đeo ba lô lên đường từ lúc trời chưa rạng sáng. Sông Đáy còn mờ mịt khói sương và thấp thoáng ánh lửa chài. Lên đến cầu Gián Khuất trời mới hừng sáng. Tôi trút cái ba lô vải bạt thùng vá nhiều chỗ còn giữ được từ ngày làm lính xuống rệ cỏ ướt sương.

Tôi tụt xuống bờ sông dốc đứng, cúi người vốc nước sông Đáy rửa mặt. Tôi bỗng phì cười với ý nghĩ miên man: Hơn ba chục tuổi đầu đời tôi đã rửa mặt trên không biết bao nhiêu bờ suối, bến sông. Có lẽ vì vậy mà một đứa trẻ chăn trâu, một anh lính i- tờ rít sinh ra làm thợ, làm thợ.

## HUỖNH ÁI TÔNG

Đòi tôi có một cái nghiện là nghiện rửa mặt. Hễ thấy suối, sông, đầm, hồ là mặt tôi cứ nóng phừng, ngứa ngứa, và tôi phải tìm cách rửa mặt cho bằng được!

Hễ thấy nước là tôi thềm rửa mặt.

Rửa mặt nhiều dị ứng thành thơ!

Tôi ngồi lên chóp cái cột cây số sứt mẻ, chữ đã tróc, mờ: Phủ Lý 21 km, lồi trong ba lô ra một cái bánh bao không nhân đường đậu, to bằng hai bát ăn cơm. Nói cho chính xác là cục bột mì luộc. Nó cũng có lai lịch của nó.

Từ ngày có công trường, mậu dịch huyện Ý Yên mở cửa hàng ăn uống để phục vụ công nhân. Phụ trách cửa hàng là cô Hòa vừa béo vừa lùn, đen trùi trũi, mặt to tròn như mặt thổ địa. Cô ta yêu nhà thơ Trúc Cương mê mết. Nghe Trúc Cương là nhà thơ, cô liền làm thơ tình tặng Trúc Cương theo kiểu "Đôi thông hai mộ":

*Anh Trúc Cương giờ đây đâu nhỉ  
Anh của em yêu quý nhất đời  
Anh đi biệt biệt xa khơi  
Em ngồi xào nấu bồi hồi nhớ anh*

Mỗi lần Trúc Cương ra chơi cửa hàng, cô đều dúm cho khi cái bánh mì, khi cái bánh bao - cục bột mì, kèm theo một bài thơ tình kiểu "Đôi thông hai mộ". Chiều qua, cô dúm cho Trúc Cương những hai chiếc với ý thơ: trước kia yêu một, nay yêu gấp đôi. Trúc Cương chia cho tôi một chiếc để sáng mai ăn đường. Tôi bẻ từng miếng bánh nhỏ bỏ miệng. Nhả nha nhai. Vừa nhai vừa ngắm con đường quốc lộ Một ngổn ngang ổ gà, hun hút chạy về phía thị trấn Phủ Lý. Tự nhiên một nỗi buồn ghê gớm dâng lên làm nghẹn cả cổ.

Đúng 10 năm trước, cũng cái ba lô này, đôi dép cao su này, tôi

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

đã đi bộ trên con đường này từ thị xã Thanh Hóa ra Hà Nội. Và có lẽ tôi cũng đã tụt bờ dốc xuống đúng con sông này rửa mặt. Nhưng ngày ấy tôi trẻ bao nhiêu, hạnh phúc bao nhiêu! Nhưng cũng chỉ vì một cái cột cây số giống như cột cây số tôi đang ngồi lúc này mà cuộc đời tôi đã phải rẽ một khúc quanh thật đột ngột.

Nếu buổi sáng hôm đó, tôi không dừng lại cái quán nước bên đường ăn một củ khoai luộc, và trước mặt quán không có cái cột cây số sứt mẻ, chữ khắc phai mờ vì cả chục năm trời kháng chiến đã bị bỏ quên nhưng vẫn còn đọc được: HÀ NỘI 157 km, thì có lẽ lúc này tôi đang chỉ huy một đại đội trinh sát quân giải phóng, đang cùng đồng đội sư đoàn nổ súng công đồn diệt viện hoặc đã ngã gục dưới làn đạn trong tiếng hò hét xung phong ở một địa danh quen thuộc nào đó tại quê nhà, đầu đến nỗi phải khốn khổ vì một mảnh giấy khen của cái công trường xây dựng trạm bơm điện Cốc Thành này...

### 3) Với Lê Đạt

Về việc lao động cải tạo, Lê Đạt cho biết:

Lúc đầu mới đi thì mình cũng lao động, cũng hăm hở. Mình hăm hở vì chắc là hai năm thì xong. Thế nhưng mà hai năm rồi cũng không thấy ai nói gì về vấn đề đó cả và lại tiếp tục hai năm nữa... rồi dần dần nó phai nhạt đi không ai nhắc đến chuyện đó nữa. Thì thời gian disponibilité -thời gian mà phải đi, lúc nào người ta gọi đi lao động cũng được- thời gian đó kéo dài 10 năm. Lẽ dĩ nhiên là trong 10 năm ấy, không phải lúc nào cũng đi. Người ta gọi đi, rồi người ta lại cho mình về; về rồi, họ lại kéo mình đi, nghĩa là trong 10 năm là thời gian mình phải dành cho việc đi lao động cải tạo. Thế còn sau này hết 10 năm thì ở nhà. Nhưng mà ở nhà thì... Tôi không ngờ nó kéo dài đến thế: cả thời kỳ đi lao động lẫn thời kỳ "cắm" là gần 40 năm chịt ạ. Mình thấy nó đặng đặng mà mình coi như là số mệnh thôi.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Lúc bấy giờ, nếu tôi không có sự cưỡng lại thì tôi là một người vứt đi, thành một cái giẻ rách. Tôi cho cái việc giẻ-rách-hóa-con-người đó, chính quyền phải chịu trách nhiệm.

### 4) Với Trần Dần

Ngày 10-12-1959, Trần Dần ghi trong nhật ký:

*Sớm mai tòa xử Thụy An gián điệp và Nguyễn Hữu Đang phá hoại, cả hai: hiện hành. Tôi không có giấy gọi cho dự (...)* Người có một cái gì văng vẳng. Tôi đã có đứng với nhóm Đang cầm đầu. Tôi đã ly khai với "lý tưởng" đó. Cả khi đứng ở đó, cả khi ly khai, cả bây giờ, tôi vẫn cứ róm máu. Chao ơi! Con đường để đi đến chỗ "Đúng" mới nhiều máu làm sao? Tương lai có để dành cho tôi nhát dao nào nữa không? Đang đã thấy cái sai lớn của Đang chưa? (...) Ngoài trời mưa bụi. Rét xoàng. Không có gió. Đôi lúc vài tiếng chuông xe đạp. Năm nay rét muộn. Đang ra tòa cuối năm. Tôi cũng không thể nào nhớn như với sự kiện này. Chao ơi! Con đường để đi tới chỗ "Đúng" mới nhiều máu làm sao?

### 5) Với Nguyễn Mạnh Tường

Trong quyển *Un Excommunié-HàNội: 1954-1991: Procès d'un intellectuel (Kẻ bị khai trừ-HàNội 54-92:bản án một người trí thức)* Quê Mẹ Paris xuất bản năm 1992. Nguyễn Quốc Vĩ dịch:

Việc bán tài sản của tôi hết món này đến món khác đã giúp chúng tôi một ít tiền bạc, cái ít ỏi mà nhờ đó chúng tôi có những bữa ăn đạm bạc hằng ngày. Số chén cơm cho cả ba chúng tôi, bữa trưa và buổi tối, đã được nâng lên con số 12 và phần rau cũng được nâng lên. Thật là một bữa tiệc cho chúng tôi ngày Chủ Nhật, khi tự cho phép mình mỗi người một trái chuối! Tình trạng bị cô lập chúng tôi vẫn thế: không ai trong dòng họ dám gõ cửa nhà tôi và không một người bạn nào



## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

thoáng qua cửa sổ. Tất cả họ đều đi vòng để tránh phải đi qua con đường chúng tôi ở. Tôi không ra khỏi nhà nữa, cũng không ra khỏi cái bàn làm việc của tôi để loại cho những người quen một cuộc gặp gỡ mà họ sợ còn hơn là sợ ngọn lửa của địa ngục.

Dù thế, tôi không biết họ làm cách nào, những người bạn xa gần vẫn không quên tôi. Nhiều lần, khi tôi mở cửa nhà buổi sáng, tôi chợt thấy nhét dưới cánh cửa là một phong thư nhồi đầy giấy bạc. Chúng tôi khóc vì xúc động và chúng tôi tuyệt vọng vì không biết làm cách nào để tỏ lòng biết ơn những người đầy lòng tốt mà chúng tôi không hề biết tên! Nhiều lúc, khi màn đêm buông xuống, vào lúc trời còn nhá nhem, có những lần tôi làm vài bước đi dạo ngoài đường. Bọn cú vọ lẻo đẹo một khoảng cách phía sau, nhưng rất khó cho chúng nhận ra mặt của những người, đạp xe ngang qua rất nhanh, vội vàng nhét vào tay tôi một phong thư hay một gói nhỏ. Chẳng thấy, chẳng biết! Tất cả những thao tác ấy xảy ra chớp nhoáng: mấy tay công an chỉ kịp thấy ánh đèn xe đạp nhấp nháy!

Tất cả những cử chỉ hào phóng mà tôi là kẻ được hưởng làm tôi suy nghĩ. Tôi nhận thấy cái bất lực của nhà cầm quyền trong việc ngăn những tin tức được truyền đi. Họ đã quyết định tước bỏ vĩnh viễn quyền công dân của tôi, ngăn cấm mọi liên lạc của tôi với thế giới bên ngoài. Trong nước, cái sợ hãi bị trừng phạt, trực tiếp hay xa gần, đã đánh gục những kẻ ngây thơ hay bạo gan dám liên lạc với một loại «bị bệnh dịch» như tôi, xoá sạch những tấm lòng đầy thiện ý. Dường như với tôi, bị cô lập cả trong và ngoài nước, cái chết tự nhiên sẽ tiếp nối không sớm thì muộn cái chết dân sự kia. Nhưng cái hy vọng đó xem ra là vô ích. Những tin tức dù bí mật nhất rồi cũng sẽ thoát ra ngoài xã hội, chúng lan truyền với tốc độ chóng mặt, nhờ những phương tiện truyền thông hiện đại và bởi cái tác động của tính tò mò mà mọi người đang cháy bỏng muốn biết những gì đang xảy ra ngầm trong hậu trường chính trị.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Tôi sẽ vén lên cái bắt lực thứ hai của nhà nước: Có thể chẳng họ không muốn cái chết của tôi, một cái chết mà họ không muốn bị bắt tay và cẩn thận tránh không bị nhân dân quy trách nhiệm, nhưng họ sẽ không được nhìn cảnh tượng biền mất của tôi bằng cặp mắt thiếu thiện cảm. Họ đã dùng mọi thủ đoạn để loại bỏ một trong những giống trí thức tồi tệ này: bằng cách chối bỏ bất cứ phương tiện kiếm sống nào của người này. Tôi và gia đình không chết vì đói: chúng tôi quá khổ đau vì đói, mất hàng kí thịt trong cơ thể, trên mặt chúng tôi là những vết tích của cái bụng lồi sâu và cái bao tử trống không, nhưng chúng tôi chịu đựng được! Tiền thu được của những lần bán liên tiếp các tài sản giúp chúng tôi kéo dài những ngày dật dờ trong nhiều năm nhưng chúng tôi không cho phép những kẻ căm ghét chúng tôi được vui khi hay tin chúng tôi chết. Và, vào những khi chúng tôi cạn kiệt tiền bạc thì lòng hào hiệp của những người bạn trong nước hay đang ở nước ngoài ném cho chúng tôi những chiếc phao cứu hộ giúp cho chúng tôi nổi trên mặt nước thay vì phải chìm sâu đến tận đáy sâu của hư không. Nhiều người bạn trong nước cũng như ở Pháp, sau bốn mươi năm bất tin, cứ tưởng rằng tôi đã bị gạt tên khỏi danh sách của những người còn sống. Nhưng tôi đã trả lời cho họ: “Tôi là một loài cỏ dại. Người ta có thể bước lên nó, đạp bẹp nó nhưng một khi có một giọt sương mai, giọt nước mưa hay một dòng nước mắt rớt xuống, nó lại bùng dậy mỉm cười trước ánh sáng mặt trời”. Nguồn sống của chúng tôi, bắt đầu khô cạn sau khoảng chục năm, lại được đong đầy bởi những dòng thác sôi sục của lòng hào hiệp của những người bạn, những người quen trong nước và trên thế giới. Họ là những kẻ không tên, không biết mặt nhưng không phải là không thận trọng, đã sáng tạo ra những phương cách tài tình chế nhạo tất cả những kẻ cầm quyền trên thế giới, bắt kể cái hung tàn đàn độn và cái cảnh giác gay gắt của chúng. Họ đã chung tay làm nên một mặt trận không chính thức nhưng năng động, mặt trận của lòng trắc ẩn và sự tử tế, để đưa bàn tay cứu giúp những nạn nhân của bọn độc tài khát máu. Cái nhiệt tình của họ sinh động là nhờ lòng vị tha và lòng vô tư đã gạt qua tất cả những toan tính của ích kỷ.

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Cái mục tiêu mà họ muốn đạt đến có hai khuôn mặt: một mặt là tinh thần nhân đạo và tình anh em giữa những người trí thức, mặt kia là cái kinh hoàng của những kẻ bạo ngược và sự tàn bạo. Cuộc chiến đấu của trí thức tiến công chống lại cái độc tài mù quáng và vô nhân đạo, bởi lẽ kẻ độc tài đã ra tay đọa đầy người trí thức kia! Một trí thức, trong cái liêm chính của con người và với cái minh mẫn trong tinh thần, là một người lính chống lại sự chuyên chế chuyên lập đi lập lại những lời hứa hảo huyền và sự bất lực đã phải cầu cứu đến đến sức mạnh của công an để giữ vững ngai vàng của họ.

Sau hai mươi năm, tôi đã hoàn tất công trình mà tôi tự đặt cho mình. Nhờ sự đồng hành của Montaigne, Rousseau, Eschyle và Virgile, tôi đã thoát ra khỏi sự cô lập và nỗi cô đơn của tôi, tôi như nở hoa trước ánh nắng của sáng tạo và dưới ánh mặt trời của tự do trong lòng tôi. Từ 1958 cho đến nay, gần bốn mươi năm hiện hữu, tôi đã sống qua những thử thách tột tệ nhất mà người ta có thể gán cho một trí thức, một con người. Nhưng đó lại là những năm tuyệt vời mà tôi biết được. Tôi như được thăng hoa, sung sướng là đã thắng những nghịch cảnh mà người ta đã đưa ra để chặn con đường sống của tôi, đã điều khiển những sinh hoạt của mình hướng theo sở thích và sự chọn lựa của mình và cống hiến những khả năng khiêm nhường của tôi cho dân tộc. Ý chí của tôi đã thắng những tâm địa độc ác và đê bại của những kẻ đã thề phải hạ gục được tôi. Nhưng tôi vẫn tha thứ cho họ bằng cách lập lại câu nói bất hủ: «Chúng cũng không biết chúng đang làm gì!». Người ta sẽ quên đi Cinna, nhưng sẽ nhớ mãi August [1] và lòng khoan dung quảng đại của ông ta.

Năm 1989, vào tuổi tám mươi của tôi, những người bạn Việt Nam và Pháp mời tôi làm một chuyến viếng thăm Pháp. Sau Đại Hội VI Trung Ương Đảng Cộng Sản Việt Nam, lần đầu tiên trong lịch sử của họ, đã tuyên bố chấp nhận chủ nghĩa tự do còn hồi sữa, tôi lợi dụng cơ hội xin chiếu khán đi Pháp. Tôi cũng không mong mỗi đơn xin của tôi sẽ được chấp thuận, nhất

## HUỶNH ÁI TÔNG

là đối với một người mà hồ sơ chính trị lại đầy cộm như của tôi. Thật là bất ngờ đến sững sốt, sau đâu chừng hai tháng chờ đợi, tôi nhận được cả hộ chiếu lẫn chiếu khán để đi Pháp. Rủi thay, chính phủ Pháp đã kéo nhiều tháng dài mới cấp chiếu khán nhập cảnh cho tôi. Thiệt tình! Thế giới đã bị lộn ngược.



*Nguyễn Mạnh Tường và Hoàng Xuân Hãn tại Paris năm 1989*

Tôi xuống máy bay ở phi trường Orly vào một buổi chiều Tháng Mười. Những người bạn Việt và Pháp đã dành cho tôi một cuộc đón tiếp thật cảm động. Sau sáu mươi năm, tôi tìm lại tổ quốc của tri thức của tôi, cùng lúc với một sự hiếu khách đầy tinh tế và ân cần của những trái tim vàng. Cái cơ thể đã suy nhược bởi bốn mươi năm thiếu thốn về vật chất và khốn khổ về tinh thần đã xui ngã quy ra sàn. Đây là lần thứ nhất trong đời, ở tuổi tám mươi, tôi nhập viện vào một nhà thương của Pháp và nhận được những chăm sóc hết lòng. Mười ngày sau, tôi liên lạc lại với bạn bè và tiếp tục những sinh hoạt. Tôi được đài truyền hình TF1 phỏng vấn. Tôi đã làm hai cuộc hội thảo, một ở Clermont l'Herault, gần thành phố Montpellier, nơi mà ngày xưa tôi đến thu thập tài liệu về ông J. Bossière cho đề tài của luận án bổ túc Tiến Sĩ Quốc Gia về Văn Chương của tôi; và

HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975  
một Đại Học Sorbonne ở Paris VII. Tôi đã đến thăm thủ lĩnh  
Luật Sư Đoàn Paris.

## 6) Với Nguyễn Hữu Đang

### Phùng Quán tìm thăm Nguyễn Hữu Đang

Anh Nguyễn Hữu Đang thì tôi được biết mặt từ mấy chục năm trước, nhưng rất ít khi được chuyện trò với anh. Mỗi lần tôi được anh hỏi chuyện, tôi bối rối, sượng mê người, đầu không khiến mà chân cứ rụt về đứng thành tư thế đứng nghiêm, như ngày còn làm lính trinh sát mỗi lần được Chính uỷ Sư đoàn hỏi chuyện. Tôi nghĩ bụng: Tôi là cái thá gì mà được một người như Nguyễn Hữu Đang hỏi chuyện? Nguyễn Hữu Đang, người tham gia hoạt động cách mạng từ khi tôi chưa đẻ; nhà hoạt động báo chí công khai của Đảng cùng thời với Trường Chinh, Trần Huy Liệu; một trong những người tổ chức và lãnh đạo chủ chốt của *Hội Truyền bá Quốc ngữ* cùng thời với Phan Thanh, cụ Nguyễn Văn Tố. Một trong những người sáng lập và tổ chức *Hội Văn hoá Cứu quốc* cùng với Nguyễn Huy Tưởng và Nguyễn Đình Thi. Và cuối cùng là Trưởng ban Tổ chức ngày Đại lễ của Đất nước: 2-9-1945.

Cách đây khoảng mười lăm năm, anh từ cao nguyên Hà Giang trở về tá túc tại quê nhà. Hàng năm vào dịp giáp Tết, lại thấy anh đáo lên Hà Nội trên chiếc xe đạp thiếu nhi Liên Xô (cũ). Anh mang đến cho mấy bạn cũ mỗi người một cân gạo nếp. Một lần tôi cũng được anh cho một cân. Tôi cảm động và ngạc nhiên hỏi anh: “*Anh kiếm đâu ra gạo nếp mà cho chúng em thế?*”. Anh cười: “*Minh sống ở nông thôn cũng phong lưu ra phết. Không những có gạo nếp biếu bạn, lại có cả thóc và rom cho nông dân vay*”. “– *Hiện nay anh đang làm gì ở dưới đó?*”. “– *Minh nghiên cứu Lão Trang và dịch lại cuốn Lịch sử Đảng cộng sản Liên xô qua bản tiếng Pháp. Đối chiếu, thấy bản dịch đã in sai nhiều quá*”.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Hai năm trở lại đây không thấy anh lên Hà Nội nữa. Mấy anh em quen cũ chúng tôi lo lắng hỏi nhau: “*Không biết anh Đang có gặp phải chuyện gì trắc trở dưới đó?*”.

Nỗi lo lắng này thường xuyên ám ảnh tôi. Nhân thể muốn tìm hiểu về công trình Lễ đài Độc lập, năm đó tôi nhất quyết phải về quê thăm anh, mặc dầu đã gần giáp tết. Tôi nói khó với vợ: “*Em bớt cho anh một phần lương hưu tháng này, lấy tiền tàu xe, ăn đường, về Thái Bình tìm thăm anh Đang...*”. “– *Nhưng tết nhất đến nơi rồi, chờ ra giêng anh đi có được không?*”. “– *Anh bỗng nhiên thấy nóng ruột quá... đợi đến ra giêng e chậm mất. Anh Đang đã gần cái tuổi tám mươi, mà lại một thân một mì nh...*”. “– *Anh có biết địa chỉ của anh Đang không?*”. “– *Anh chỉ biết anh ấy ở Thái Bình, địa chỉ cụ thể thì không biết*”. “– *Cả cái tỉnh Thái Bình rộng mênh mông với hơn hai triệu dân, không có địa chỉ cụ thể làm sao anh tìm được?*”. “– *Trời đất! Một người như anh Nguyễn Hữu Đang thì anh tin rằng về dưới đó hỏi đũa con nít nó cũng biết*”. Vợ tôi đành trao cho tôi một nửa số tiền lương hưu tháng cuối năm vừa lĩnh, với vẻ mặt nhịn nhẫn của người vợ phải trao cả một nửa sản nghiệp cho chồng tiêu hoang vào việc không đâu! Tôi nhét vội mấy tờ giấy bạc vào túi, nhảy lên xe đạp, cầm đầu đạp thẳng ra ga vì sợ vợ thay đổi ý kiến.

Vừa đi tàu, vừa ô-tô, xe đạp... sáng 26 tết, tôi có mặt ở thị xã Thái Bình. Để đỡ bớt thì giờ tìm kiếm, tôi hỏi đường đến Sở văn hoá và Hội văn nghệ tỉnh, hỏi địa chỉ của anh. Tôi thực sự ngạc nhiên khi thấy nhiều anh chị em cán bộ ở hai cơ quan này không biết Nguyễn Hữu Đang là ai. Có vài người biết nhưng lại rất lơ mơ. “*Hình như ông ta ở Quỳnh Phụ, Kiến Xương hay Tiền Hải gì đó...*”. Ở Hội văn nghệ tỉnh, tôi làm quen được với một nhà thơ trẻ. Khi biết rõ ý định của tôi, anh hăng hái nói: “– *Cháu sẽ đưa chú ra cái quán thịt chó nổi tiếng, ở đó thường có mấy anh cán bộ về hưu, [chắc sẽ hỏi ra]*”. Đến quán thịt chó, tôi đành móc] số tiền còn côi trong túi, gọi một đĩa thịt luộc và hai chén rượu cho phải phép. Đợi chừng nửa tiếng, có một

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

người đã đứng tuổi để chiếc xe *cúp* trước cửa, đi vào quán. Nhà thơ trẻ đứng bật dậy, nói khẽ với tôi: “Ông này ở cơ quan an ninh tỉnh, hỏi chắc ông biết”. Tôi vội níu tay anh lại dặn nhỏ: “– Cậu nhớ đừng giới thiệu mình là ai, sẽ rách việc”. “– Biết rồi, biết rồi, chú không phải dặn”. Anh bạn trẻ đi đến gặp ông ta, nói cái gì đó, và chỉ tay về phía tôi. Anh cán bộ an ninh tươi cười bắt tay tôi, ngồi đối diện và niềm nở hỏi: “Xin lỗi cụ, năm nay cụ hưởng thọ được bao nhiêu tuổi ạ?”. Tôi đoán chắc anh ta thấy tôi ăn vận nhếch nhác – áo quần bà ba nâu, chân dép lốp – râu tóc bạc trắng, nên hỏi vậy. Tôi liền nói phứa lên: “– Cảm ơn đồng chí – tôi cười – cũng thất thập cổ lai hy rồi đồng chí ạ”. “– Trước cụ có làm công tác ở đâu không ạ?”. “– Tôi làm thường trực cho một cơ quan thương nghiệp trên Hà Nội... về hưu đã gần được chục năm rồi”. “– Cụ là thế nào với ông Nguyễn Hữu Đang ạ?”. “– Tôi có quen biết gì với ông ta đâu. Thậm chí cũng chưa biết mặt. Chẳng là ở tổ hưu của tôi có một cụ nghe đâu hỏi bí mật cùng hoạt động với ông ta. Biết tin tôi về thăm đứa cháu họ công tác giáo viên ở Quỳnh Côi, ông cụ gửi tôi mười ngàn bạc gửi biếu ông ấy, mà giao hẹn phải đưa tận tay. Tôi tưởng ông ấy ở thị xã, hỏi loanh quanh mãi không ai biết...” Anh cán bộ cười: “Ông ấy đâu có ở thị xã. Hiện ông ấy đang ở thôn Trà Vỹ, xã Vũ Công, huyện Kiến Xương... cách đây gần hai chục cây số. Ngược gió này mà cụ đạp xe về tới đó cũng vất vả đấy...”. Thấy tôi chăm chú lắng nghe, anh cán bộ trở nên cười mờ: “– Nói để cụ biết, trước kia cái ông Đang ấy cũng là người hoạt động cách mạng có tên tuổi... Nhưng rồi ông ta giờ chúng, làm báo làm văn chống đối Đảng và Nhà nước, bị xử phạt 15 năm tù ngồi, đưa lên giam trên trại tù Hà Giang. Mãn hạn tù, ông ta xin về cư trú tại quê quán. Tuy vậy cách đây mấy năm, ông Đang này tự tiện đi sang Nam Định không có giấy đi đường, đến nhà một đối tượng mà công an đang theo dõi. Công an hai tỉnh liền phối hợp, hỏi giấy tờ đi đường của ông ta, rồi bắt giam giữ bốn tháng ở nhà lao hai tỉnh để cảnh cáo, và tổ chức khám nhà. Sau đó thả cho về...”. Tôi tỏ ý sợ hãi, gỡ đầu gỡ tai: “Chà... biết rắc rối thế này thì tôi chẳng gặp ông ấy nữa... đem tiền về trả lại thôi...”. Anh

## HUỶNH ÁI TÔNG

cán bộ xuê xoa: “*Không sao đâu cụ ạ, chính sách của ta bây giờ là đổi mới tư duy. Nghe đâu ở trên cũng đang sửa soạn cho ông ấy được hưởng lương hưu. Nếu cụ muốn về thăm ông ấy, cứ việc về. Tôi sẽ chỉ đường cho cụ*”. Anh cán bộ chắm ngón tay vào ly rượu, vẽ lên mặt bàn, chỉ vẽ cho tôi rất cận kề con đường từ thị xã về chỗ anh Đàng tá túc. Tôi đứng lên rồi rít cảm ơn anh...

**C**on đường đá mười mấy cây số chỉ chút ỏ gà. Gió cuối đông buốt như kim châm tấp thẳng vào mặt. Nhưng vừa đạp xe tôi vừa nghĩ ngợi miên man về sự thăng trầm của những kiếp người tình nguyện dấn thân vì nghĩa lớn, nên con đường như cũng bớt xa... Đến chỗ ngã ba rẽ vào trường phổ thông cấp I, II xã Vũ Công – nơi anh Đàng tá túc – tôi vào cái quán bên đường uống li rượu cho ấm bụng. Ông cụ chủ quán khi biết tôi từ Hà Nội về tìm thăm anh Đàng, rót rượu tràn li và nói: “*Ông ấy thỉnh thoảng vẫn ngang qua đây, tôi đều mời vào uống nước. Ông ấy tần tiện khét tiếng cái xã Vũ Công này. Mới cách đây dăm hôm, ông ấy đeo sau xe cái giỏ tre ràng buộc rá t kỹ. Ông ấy kể với tôi, tối qua bắt được con rắn gì dữ lắm, phun phè phè, bò vào nhà. Định làm thịt ăn nhưng tiếc, chở lên huyện bán cho một tay buôn rắn độc, kiếm lấy mấy nghìn mua mấy lạng mỡ lá...*”. Tôi bật phì cười: “*Ông ấy bây giờ lại thêm cái tài bắt rắn độc, mà mát công đạp xe mini những mười cây số để đổi lấy mấy lạng mỡ lá... Vui thật! Tôi có người bạn làm thơ tên là Tuân Nguyễn, chết lâu rồi, làm câu thơ, mới nghe thật vô nghĩa, nhưng cứ bắt chợt lại hiện ra trong trí nhớ tôi: Cuộc đời vui quá không buồn được!*”. Ông chủ quán rót thêm li rượu nữa, giọng hào hiệp: “*Li này tôi đãi cụ!... Mà khổ, ông ấy có bán được đâu. Chiều tối ông ấy đạp xe về phàn nàn: nó không chịu mua, nó bảo loại rắn này không nằm trong bộ tam xả!*”. Tôi cười ngất.

Anh Đàng ở gian đầu hồi cái nhà bếp của khu tập thể giáo viên, trước mặt là ao cá Bác Hồ của xã. Đứng bên kia bờ ao, một cô giáo chỉ cho tôi: “*Bác ấy đang ngồi ở bậc cầu ao kia kia!*”



## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

*Đang cọ rửa cái gì mà chăm chú thế không biết...* ". Tôi dắt xe đạp qua sân trường, vòng ra gần sát sau lưng anh. Anh đang dùng nắm rom cọ rửa những viên gạch vỡ đôi, xếp thành chồng cao cạnh chỗ ngồi. Tôi đứng lặng nhìn anh. Đầu anh đội cái mũ cối méo mó, khoác cái ruột áo bông thùng be bét, quần lao động màu cháo lòng, hai ống chân ôm vòng hai dây cao su đen nom như hai vòng cùm sắt; chắc hẳn để nhét hai ống quần vào đó chống rét, lưng anh khòng xuống hình chữ C viết nghiêng... Tôi chợt nhớ cách đây rất lâu, tôi được nghe những người cùng thời với anh kể. Hồ Mật trận Bình dân, Nguyễn Hữu Đang là cán bộ Đảng được cử ra hoạt động công khai, ăn vận sang trọng như một công tử loại một của Hà thành, thất cả vạt đồ chói, đi khắp Trung Nam Bắc diễn thuyết, oai phong, hùng biện, tuyên truyền cách mạng... Mỗi lần cách mạng cần tiền để hoạt động, Nguyễn Hữu Đang có thể đến bất cứ một nhà tư sản Hà Nội nào giàu có, vay vàng, tiền. Mà những người này trao vàng, tiền cho anh đều không đòi hỏi một thứ giấy tờ gì vì họ tin sâu sắc rằng trao vàng, tiền cho anh, là trao tận tay cho Cách mạng... Và bây giờ, anh ngồi đó, gần tám chục tuổi, không vợ không con, không cửa không nhà, lưng khòng chữ C viết nghiêng, tỉ mỉ cọ rửa những viên gạch vỡ – chẳng hiểu để làm gì – như người bố già trong truyện *Hương cuối* của Nguyễn Tuân cọ rửa những viên cuội trắng để tẩm keo mạch nha vào dịp Tết niên... Miên man nghĩ vậy và tôi bật phì cười... "*Anh Đang!*", tôi ghen ngào gọi. Anh quay lại, chớp chớp mắt, răng vàng xin, cùn mòn gần nửa vì năm tháng... "*Phùng Quán! Chú về đây từ lúc nào thế?*". Hai anh em chúng tôi ôm chặt nhau giữa bậc cầu ao. Và cả hai gương mặt già nua phút chốc đắm lệt...

**Cái** chái bếp căn hộ độc thân của anh rộng khoảng 5 mét vuông, chật kín những tư trang, đồ đạc. Mấy cây sào ngọn tre gác dọc ngang sát mái, treo vắt cả chục cái khăn mặt rách xơ như giẻ lau bát, áo may-ô thùng nát, quần lao động vá vúi. Cặp quần đeo lưng lẳng một chùm lục lạc làm bằng vỏ hộp dầu cao *Sao vàng* xuyên thủng, buộc dây thép, bên trong có hòn sỏi

## HUỶNH ÁI TÔNG

nhỏ. Động vào chùm lục lạc rung lên leng keng, nghe rất vui tai. Sau đó tôi được anh giải thích tác dụng của chùm lục lạc: Đi lại trong đường làng những đêm tối trời, anh thường bị cánh thanh thiếu niên đi xe đạp, xe máy phóng ẩu đâm sầm vào, làm anh ngã tẹo tay, sầy gối. Học tập sáng kiến của đồng bào các dân tộc ở Việt Bắc, treo mõ vào cổ trâu – *trâu gõ mõ, chó leo thang* – anh đang chế chùm lục lạc đeo vào cặp quần, báo hiệu có người để họ tránh xe. Tác dụng thứ hai, quan trọng không kém... Mỗi lần đạp xe trên đường vắng, nghe tiếng lục lạc loong coong ngang thắt lưng, tự nhiên cảm thấy đỡ đơn độc. Chính giữa gian chái kê cái chiếc tủ gỗ tạp nhỏ, hai cánh mở ruỗng không khép kín được, khoá một chiếc khoá lớn như khoá cửa nhà kho. Trên nóc tủ, xếp một chồng mũ cối, mũ vải, mũ lá mà ở Hà Nội người ta thường quẳng vào các đồng rác. Cạnh tủ là một cái giường cá nhân, bốn chân giường được thống cố thêm bốn chông gạch. Trên giường một đồng chăn bông trần rách thủng, và một xấp áo quần cũ làm gối... Sát chân giường kê chiếc bàn xiêu vẹo chỉ có hai chân, hai chân kia được thay bằng hai sợi dây thép buộc treo vào tường. Mặt bàn lát bằng nan tre. Anh nói, giọng Lão Trang: *“Một cái bàn bốn chân là một con vật. Khi nó chỉ còn lại hai chân, nó thành một con người”*. Trên mặt bàn xếp kín những chai lọ, vỏ đồ hộp, hai (...*mắt nửa dòng*...) vài con dao làm bằng mấu (... *mắt một dòng*...) thuyết minh viên giới thiệu hiện vật trong các bảo tàng nghệ thuật: *“Nó là loại gạch nung rất già, gần đạt tới tiêu chuẩn của sành sứ cổ, sức nặng và độ bền của nó làm các loại chuột, mối, dãn phải vị nể”*. Bây giờ thì tôi đã hiểu anh cọ rửa những viên gạch vỡ để làm gì. Dưới gầm bàn là mấy chục đôi dép cao su hư nát, đứt quai, được bó thành từng bó, hai cái vại muối dưa rạn nứt, sứt miệng, một đồng bản lề cửa, sắt vụn, đinh còng queo, mẩu dây thép han rỉ... Tất cả những đồ lè đó, phủ lên một lượt bụi tro. Lúc tôi bước vào, gian buồng mờ mịt khói. Anh giải thích: *“Giờ này các cô giáo nấu ăn. Bếp tập thể ở sát bên kia tường. Tôi đã trộn rom với bùn trát những khe hở sát mái, nhưng khói vẫn cứ lọt sang – anh cười –. Chịu khói một chút nhưng cũng có cái lợi. Thỉnh thoảng lại được người*

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

mùi xào nấu lẫn với khói, cái mũi được bồi dưỡng. Trong việc dở nào cũng có việc hay, và ngược lại”. “Để em đạp xe ra chợ mua cái gì về ăn...”. “ – Thôi khỏi cần. Chủ về chơi hôm nay là rất gặp may. Sáng nay tôi vừa chế biến một mẻ thức ăn ngon vô địch. Chủ ném rồi sẽ biết. Com cũng có sẵn rồi. Tôi mới nấu lúc sáng, ủ vào lồng ủ rom, còn nóng nguyên. À, tôi lại có cả rượu cho chủ, rượu cam xuất khẩu hẵn hoi, quà của Hội nhà văn gửi biếu vào dịp Tết năm ngoái... Tôi chỉ mới mời mấy thầy giáo mấy chén, còn đủ cho chủ say sưa suốt mấy ngày ở chơi”. Anh xăng xải lấy chùm chìa khoá buộc chung với chùm lục lạc, mở khoá tủ tìm chai rượu. Tôi liếc mắt nhìn vào mấy ngăn tủ. Những xấp quần áo cũ nát để lẫn với những chồng báo, giấy má, sách... ó vàng. Ngăn dưới cùng để rất nhiều chai lọ, vỏ đồ hộp, vỏ bia lon, và nhiều chồng các loại bao thuốc lá. Anh lúi húi lục tìm một lúc khá lâu mới lôi ra được chai rượu cam còn giã nửa. “Đây rồi! Bây giờ giã hoá làm cầm. Để chỗ này lại tìm sang chỗ kia”. Tôi cười, nói: “Nhìn anh, em cứ tưởng là một nhà quý tộc Nga thời Sa hoàng, tụi tay tìm chọn loại rượu quý cất giữ một trăm năm trong hầm rượu, để đãi khách quý”. Tôi chỉ những chồng vỏ bao thuốc lá, hỏi: “Anh chơi sưu tập thuốc lá à? Thế mà em (... mất một dòng...) vì phải dọn nhặt đem đốt”. Anh kêu lên: “ – Thế có tiếc không! Làn này chủ về trên đó nhớ dặn cô ấy, có vỏ bao thuốc lá ngoại cứ cất giữ cho anh Đàng, càng nhiều càng tốt. Nó là hàng đối lưu của tôi đấy...”, “ – Hàng đối lưu?”, tôi ngạc nhiên hỏi. “ – Để tôi dọn com cho ăn rồi tôi giảng cho chú nghe thế nào là hàng đối lưu. Tôi xem ra chú mù tịt về môn kinh tế chính trị học”. Tôi ngắm nhìn bao quát căn hộ độc thân đầy khói của anh, hỏi: “ – Hơn mười lăm năm qua anh vẫn sống ở gian buồng này à?”. “ – Ngày tôi mới về xã, tôi sống ở trại lợn của Hợp tác xã. Chẳng là cán bộ xã cũng thông cảm hoàn cảnh khó khăn của tôi, nên đề nghị tôi ra đó trông coi giúp như nhân viên thường trực của trại. Ở đó một thời gian. Nhà kho cũng thoáng mát, tôi có thể ăn ở, đọc sách, viết lách kết hợp với việc trông coi trại. Mỗi mùa Hợp tác xã trả công điểm mấy chục cân thóc, mấy chục cân rom làm chất đốt. Số

## HUỖNH ÁI TÔNG

*thóc, rom này tôi không phải dùng đến, trong mấy năm tiét kiệm được hai ba tạ thóc, hai trăm sáu chục cân rom cho bà con vay. Ngoài ra, vào dịp tết, Hợp tác xã bồi dưỡng thêm ít thóc nếp, đem lên Hà Nội biểu các chú... Khi tôi bắt tay vào việc dịch thuật lại cuốn Lịch sử Đảng Cộng sản Liên xô, tiếng lộn kêu âm ỉ quá làm tôi mất tập trung tư tưởng, nên phải xin thôi công việc trông coi trại, chuyển về đây để được yên tĩnh hơn”.*

**A**nh lôi dưới gầm giường ra một cái xô tôn thùng đáy, đặt lên miệng xô tấm gỗ dán: “– Đây là bàn ăn – anh giới thiệu, và vằn tiếp ra hai cái vại muối dưa sút miệng – Còn đây là ghé ngò. Bà con nông dân nghèo mà phí phạm thế đấy. Hai cái vại còn tốt như thế này mà đem quăng bụi tre... Tôi nhặt về cọ rửa sạch sẽ, lật đít lên làm thành cái ghé ngò vừa vững chãi lại vừa mát. Chú ngò thử mà xem, có khác gì ngò trên đôn sứ đời Minh?”. Anh dọn ra hai cái đĩa, rồi chọn trong hai cái bát hương đây viên gạch vỡ gấp ra năm sáu viên gì đó tròn tròn, đen xìn, nom rất khả nghi. Anh chỉ vào mỗi đĩa, giới thiệu thực đơn: “– Đĩa này là chả cóc, đĩa này là chả nhái. Nhờ ăn thường xuyên hai thứ đặc sản này mà tôi rất khỏe, còn khỏe hơn cả chú”. Anh nhắc trong cái rổ phủ đầy rom để ở góc nhà, xoong cơm đã ăn mất một góc mà anh giới thiệu vằn nóng nguyên. Nói đúng hơn là một thứ cháo rất đặc, có thể xắn thành từng miếng như bánh đúc. “Ba năm trở lại đây, tôi phải ăn cơm nhão, nếu ăn cơm khô thì bị nghẹn. Tôi nấu cơm với nước vo gạo nên rất bổ. Chẳng là các cô giáo thường đổ phí nước vo gạo. Tôi đưa cho các cô cái chậu, dặn đổ nước vo gạo vào đây cho tôi, để tôi chắt ra nấu lẫn với cơm. Tinh túy của gạo nằm trong nước vo, bỏ đi thật là phí phạm”. “– Nhưng cóc nhái đâu mà anh bồi dưỡng được thường xuyên thế?”, tôi hỏi. “– Ấy, chỗ này mới là bí quyết. Phải huy động lực lượng quần chúng, tức là các cháu thiếu nhi. Biết các cháu ở đây thích chơi vở bao thuốc lá, nhất là các loại vở bao đẹp. Mỗi lần lên thị xã hoặc sang Nam Định chơi, tôi nhặt nhanh về, đổi cho các cháu lấy cóc, nhái. Cũng đề ra tiêu chuẩn hẳn hoi. Một vở

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

*bao ba số<sup>(0)</sup> đôi 3 con cóc hoặc 5 con nhái. Các loại khác 2 cóc, 3 nhái. Bởi vậy tôi mới gọi nó là hàng đối lưu, chú hiểu chưa. Mỗi tháng, tôi chỉ cần ba bốn chục cái vỏ bao thuốc lá là thừa chất đạm, mà là loại đạm cao cấp. Hôm nào chú về tôi gửi biếu cô, chú Cung<sup>(00)</sup> mỗi nhà mấy viên ném thử!. Cô chú ăn thịt cóc của tôi rồi sẽ thấy các thứ thịt khác đều nhạt hoét!”.*

Anh rót rượu, chọn gắp viên chả cóc nhái bỏ vào bát cho tôi, ân cần, âu yếm, trang trọng, làm tôi ứa nước mắt. Anh hỏi: “– Chú đi đâu mà lặn lội về tận đây, vào lúc tết nhất sắp đến nơi?”. “– Em về đây chỉ một mục đích là thăm anh. Hơn hai năm nay không thấy anh lên Hà Nội, chúng em rất lo. Không biết anh đau ốm gì, liệu anh có còn sống không? Về đây thấy anh vẫn khoẻ mạnh, em rất mừng... Anh là nhân chứng của một quá khứ hào hùng của đất nước. Nếu anh chết đi, tàn lụi như cỏ cây, không nhắn gửi gì cho các thế hệ sinh sau, theo em là một tổn thất không gì bù đắp được...”. Tôi lấy đưa anh xem một số tư liệu liên quan đến ngày Đại lễ mừng 2 tháng 9 năm 1945, vừa sao chụp: “ Em suy luận ra anh là Trưởng ban Tổ chức Ngày Độc lập như trong tư liệu hiện còn giữ được. Em muốn được tận tai nghe anh kể lại những kỷ niệm, những hồi ức mà anh cho là sâu sắc nhất... mà nếu anh không dùng đến thì cho em xin” .

Anh im lặng rất lâu, dùng đũa tém lại những mảnh vụn thịt cóc, nhái trong đĩa, gắp bỏ vào bát mình những mảnh khác rót xuống mâm ván. Anh chăm chú nhìn vào cái đĩa đã tém gọn, như đang gắng đọc những hồi ức in lại trong lớp men sành... Anh chợt nói, mắt vẫn không rời cái đĩa:

*“Thảm thoát thế mà đã bốn mươi bảy năm trôi qua... Tôi còn nhớ như in ngày hôm đó là ngày 28 tháng 8... Tại sao tôi nhớ, vì đó là thời khắc lịch sử phải được tính từng phút một... Năm đó tôi bước vào cái tuổi băm ba. Chính phủ cách mạng lâm thời họp tại Bắc Bộ phủ, để quyết định ngày lễ ra mắt quốc dân đồng bào... Hôm đó, tôi có việc cần giải quyết gấp, nên đến nơi*

## HUỶNH ÁI TÔNG

*thì phiên họp vừa giải tán. Vừa bước lên máy bậc thềm thì thấy cụ Nguyễn Văn Tố từ trong phòng họp đi ra. Cụ mừng rỡ, chụp lấy tay tôi, nói: “– Anh vào ngay đi, Cụ Hồ đang ngồi đợi anh trong đó”. Tôi theo cụ Tố vào phòng họp. Đó là lần đầu tiên tôi được gặp mặt ông Cụ. Ông Cụ ngồi ở ghế tựa, mặc bộ áo quần chàm, tay chống lên ba toong. Cụ Tố kéo tôi lại trước mặt Cụ, giới thiệu: “– Thưa Cụ, đây là ông Nguyễn Hữu Đang, người mà phiên họp quyết định cử làm Trưởng ban Tổ chức ngày lễ”. Cụ Hồ nhìn tôi một thoáng với cặp mắt rất sáng, cặp mắt mà về sau này nhân dân cả nước đồn rằng có bốn con người – như muốn cân nhắc, đánh giá người mà Cụ quyết định giao trọng trách. Cụ hỏi tôi với giọng Nghệ pha rất giống giọng Cụ Phan Bội Châu mà có lần tôi đã được nghe: “– Chính phủ lâm thời quyết định làm lễ ra mắt quốc dân đồng bào vào ngày mùng hai tháng chín. Chú có đảm đương được việc tổ chức buổi lễ không? ”. Tôi tính rất nhanh trong đầu : tháng 8 có 31 ngày, như vậy là chỉ còn có 4 ngày nữa thôi... Tôi suy nghĩ cân nhắc trong một phút. Hình dung ra tất cả những khó khăn như núi mà tôi phải vượt qua... để tổ chức được một ngày đại lễ như vậy, trong khi đó mình chỉ có hai bàn tay trắng. Tôi nói với Cụ Hồ: “Thưa Cụ, việc cụ giao là quá khó, vì gấp quá rồi”. Cụ Hồ nói ngay: “Có khó thì mới giao cho chú chứ!”. Anh Đang ngẩng phắt lên nhìn tôi. Vẻ già nua cùng quần trên con người anh như được trút bỏ hết. Dáng dấp oai phong, khí phách của người chiến sĩ cách mạng luôn luôn đứng ở hàng xung kích lại hiện nguyên hình.*

*“– Như chú biết đấy – giọng anh vụt trở nên sang sảng – tôi là một nhà tuyên truyền, động viên thiên hạ, chuyên nghiệp. Thế mà lần này tôi lại bị ông Cụ động viên, động viên một cách tài tình, bằng một lời thật ngắn gọn, giản dị! Nghe ông Cụ nói vậy, lúc đó tôi thấy trong con người mình bùng bùng khí thế, muốn lập nên được những kỳ tích, những chiến công thật vang dội... Tôi nói với ông Cụ: “– Thưa Cụ, Cụ đã nói như vậy, con xin nhận nhiệm vụ. Con xin hứa sẽ cố gắng hết sức để hoàn thành trọng trách”. Cụ Hồ đứng lên bắt tay tôi, dáng bộ, gương*

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

*mặt nom rất vui vẻ, bằng lòng: “– Thế thì chú trở về bắt tay ngay vào việc đi. Đến sáng ngày kia, chú đến đây báo cáo với tôi công việc được tiến hành như thế nào”. Tôi chào Cụ, ra về, lòng rạo rức lâng lâng... Nhưng khi vừa bước xuống hết những bậc thềm rộng thênh thang Bắc Bộ phủ, tôi chợt nghĩ ra một điều. Tôi liền quay trở lại phòng họp. Cụ Hồ vẫn còn đứng ở đó. Cụ hỏi ngay: “– Chú còn cần gì nữa? ”. “– Thưa Cụ, để hoàn thành trọng trách, xin Cụ trao cho con một quyền...”. “– Quyền gì chú cứ nói đi!”. “– Thưa Cụ, quyền được huy động tất cả những gì cần thiết cho việc tổ chức buổi lễ, về người cũng như về của...”. “– Được, tôi trao cho chú cái quyền đó. Nếu ai hỏi huy động theo lệnh của ai, cho phép chú được trả lời: theo lệnh của Chủ tịch Hồ Chí Minh!”.*

*Công việc đầu tiên là tôi thảo một thông cáo ngắn gọn – anh gấp thêm mấy viên chả cóc trong bát hương, bỏ ra đĩa, rồi kê tiếp – Nội dung như sau : ngày 2 tháng 9 năm 1945, Chính phủ Cách mạng lâm thời sẽ làm lễ ra mắt quốc dân đồng bào, tuyên ngôn Độc lập tại vườn hoa Ba Đình. Đồng bào nào có nhiệt tâm, muốn đóng góp sức, góp của vào việc tổ chức ngày lễ lịch sử trọng đại này, xin mời đến Hội quán Trí Tri phố hàng Quạt gặp Ban tổ chức. Thông cáo được gửi ngay đến tất cả các báo hàng ngày, yêu cầu đăng lên trang nhất, với hàng chữ tit thật lớn chạy hết trang báo (... mất một dòng...) ngoài chặt kín Hội quán. Người ghi tên vào các công tác, người góp tiền, góp vàng, góp vải vóc, gỗ ván. Nhiều người từ chối không lấy giấy biên nhận: “– Biết bao nhiêu anh hùng, liệt nữ góp xương máu cho nền độc lập, đâu có lấy giấy biên nhận”, họ nói vậy. Tôi mời mọi người dự cuộc họp chớp nhoáng, và đưa ra ý kiến: Việc cần thiết trước tiên là phải dựng một lễ đài Độc Lập thật đẹp, thật lớn, thật uy nghi, xứng đáng với ngày lịch sử trọng đại này, tại trung tâm vườn hoa Ba Đình để Chính phủ cách mạng lâm thời đứng lên ra mắt. Vậy đồng bào nào hiện có mặt ở đây có thể đảm nhiệm trọng trách đó? Một người trạc ngoài ba mươi tuổi, ăn mặc lối nghệ sĩ, đeo kính trắng, bước ra nói: “Tôi là họa sĩ Lê Văn Đệ. Tôi xin tình nguyện nhận việc dựng*

## HUỶNH ÁI TÔNG

lễ đài. Trưa nay tôi sẽ mang bản phác thảo lễ đài đến để ban tổ chức xem xét”. *Tôi bắt tay họa sĩ, nói: “– Tôi được biết tên tuổi anh từ lâu và cũng nhiều lần được xem tranh của anh. Tôi xin thay mặt Ban tổ chức hoan nghênh nhiệt tâm đóng góp của anh. Nhưng Lễ đài Độc Lập là một công trình kiến trúc, tuy dựng gấp rút, tạm thời, nhưng phải đạt được những tiêu chuẩn không thể thiếu của nó như sự vững chắc, sự hài hoà công trình với tổng thể... Nói ví dụ nếu không vững chắc, mấy chục con người đứng lên, nó đổ sụp xuống thì ngày lễ coi như thất bại. Bởi vậy cần có một kiến trúc sư phối hợp với anh”. Một người trẻ tuổi ăn vận chỉnh tề từ trong đám đông bước ra, tự giới thiệu: “Tôi là kiến trúc sư Ngô Huy Quỳnh<sup>(2)</sup>, cùng hoạt động trong Hội văn hoá cứu quốc với anh Phạm Văn Khoa. Hôm qua tôi được anh Khoa cho biết ý đồ của Ban tổ chức, tôi đã vẽ xong bản đề án thiết kế lễ đài”. Anh Quỳnh trải rộng cuộn giấy can cầm sẵn trong tay lên mặt bàn. Đó chính là toàn cảnh lễ đài Độc Lập mà sau này chú được nhìn thấy in hình trên báo chí. Bản vẽ thật đẹp, thật chi tiết, tỉ mỉ... Lễ đài với tổng thể vườn hoa Ba Đình, vị trí dựng lễ đài, chiều cao, chiều rộng, mặt bằng, mặt cắt ngang, cắt dọc lễ đài, độ lớn các xà gỗ, tổng diện tích mặt ván ốp lát, v.v... Sau khi nghe anh Quỳnh thuyết trình, tôi xem xét, cân nhắc rồi đặt bút ký duyệt vào bản thiết kế, đóng dấu Ban tổ chức. Tôi nói với anh Lê Văn Đệ và anh Ngô Huy Quỳnh: “Ban tổ chức quyết định giao công trình này cho hai anh. Các anh cần gì, chúng tôi sẽ lo chạy đầy đủ. Hiện chúng tôi có một kho ba ngàn thước len đỏ, cần dùng bao nhiêu, các anh cứ lấy dùng. Lễ đài phải được dựng xong trong vòng 48 giờ đồng hồ. Đúng 5 giờ sáng ngày mùng 2 tháng chín, tôi sẽ đến nghiệm thu lễ đài. Chúc các anh hoàn thành nhiệm vụ”.*

*Sáng ngày 31 tháng 8, tôi đến Bắc Bộ phủ gặp Cụ Hồ như cụ đã chỉ thị. Sau khi nghe tôi báo cáo ngắn gọn, đầy đủ về tất cả mọi việc có liên quan tới ngày lễ, cụ nói giọng hết sức nghiêm trang: “Chú phải nhớ ngày Mùng hai tháng Chín sắp tới sẽ là*



## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

một ngày lịch sử. Đó là ngày khép lại cuộc Cách mạng tháng Tám, và ngày khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà”.

“– Ông Đang ơi! ông Đang!” , tiếng con nít gọi nheo nhéo ngoài cửa, ngắt ngang câu chuyện của anh. Tôi nhìn ra, thấy hai chú bé trạc 9, 10 tuổi, mỗi chú cầm một cành tre, đầu cành tre thông thọt một con rắn nước, mình nhỏ bằng chuôi dao, đầu bị đập dập còn rỉ máu tươi: “– Ông có đổi rắn nước không ạ?”. Anh Đang bỏ bát đũa bước ra cửa, xem xét cẩn thận hai con rắn nước, rồi hỏi: “– Các cháu định đổi như thế nào?”. “– Ông cho cháu mỗi con hai cái vỏ bao ba số”. “C ác chú đừng có giỡn thôi bắt chẹt”, giọng nói và dáng bộ của anh đã chuyển hẳn sang giọng của dịch vụ đổi chác, “Mỗi con rắn này chỉ giá trị bằng hai con cóc. Nhưng thôi thì ông đành chịu thiệt vậy, mỗi con một vỏ bao ba số, các chú có đổi thì đổi, không đổi thì thôi!”. Hai chú bé ngần ngừ một lúc, rồi nói : “Chúng cháu đổi ạ”. Anh quay vào mở khoá tủ, chọn lấy ra hai cái vỏ bao ba số đưa cho mỗi chú một chiếc, và cầm lấy hai con rắn. Hai chú bé cũng xem xét hai cái vỏ bao cẩn thận không kém ông Đang xem xét hai con rắn. Một chú nói: “Ông đổi cho cháu cái vỏ bao khác, cái này bên trong không có tờ giấy vàng”. Anh cầm cái vỏ bao xem lại cười: “Được, ông sẽ đổi cho vỏ bao khác. Sau này chú mà làm cán bộ thu mua thì Nhà nước sẽ không phải chịu thua thiệt”.

Anh cầm hai con rắn bỏ vào cái rổ con ở góc nhà, mặt tươi hẳn lên, như người buôn bán vừa vớ được món hời: “Thịt rắn còn bổ hơn thịt nhái. Tôi mai tôi sẽ đãi chú món rắn om riêng mẹ. Ăn vào chú sẽ (mắt một dòng) Tân Đệ”.

Tôi ở lại chơi với anh Đang ba ngày, thuê một anh phó nháy ở xã trên xuống chụp mấy pô ảnh làm kỷ niệm. Bữa cơm tiền tôi, anh có vẻ buồn. Vừa dùng đũa tém tém mấy khúc rắn om mặn chát nổi muối trong đĩa, anh vừa nói: “Hiện tôi đang cố gắng hoàn thành thiên hồi ký thuật lại tất cả những gì có liên quan đến thế sự, kể từ khi tôi bước chân vào con đường hoạt động

## HUỶNH ÁI TÔNG

*cách mạng cho đến những năm tháng gần đây... Trong hồi ký, tôi sẽ đề cập đến những sự việc mà từ trước đến nay tôi chưa hề tiết lộ với ai. Ví dụ như bản thảo bản Tuyên ngôn Độc lập cụ Hồ viết... còn hay mát, nếu còn thì bây giờ đang ở đâu... Hoặc cụ định sửa hai câu trong bản Tuyên ngôn, nhưng không kịp vì bản chính đã đưa in mất rồi. Là Trưởng ban Tổ chức ngày lễ, tôi phải phụ trách việc in ấn những tài liệu có liên quan đến vận mệnh đất nước này, nhưng... như chú biết đấy, hiện nay trong Bảo tàng Hồ Chí Minh cũng như Bảo tàng Lịch sử, không có bản thảo Tuyên ngôn Độc lập... Tôi sợ sẽ làm không kịp mát, gần tám chục tuổi đầu rồi còn gì, mà lại không có điều kiện làm việc, ban đêm coi như chịu chết, đèn đóm tù mù, đúng là đóm thật"... Anh im lặng một lúc lâu, rồi ngẩng lên nhìn tôi, hỏi tiếp: "Chú có biết điều lo lắng nhất hiện nay của tôi là gì không?" không đợi tôi đoán, anh nói luôn: "Tôi lo nhất là không biết chết ở đâu. Lúc sống thì tôi ở nhờ nhà ai chẳng được, ở đây cũng như ở trên Hà Nội... Nhưng lúc chết thì người thân mấy cũng làm phiền người ta. Có ai muốn một người không phải ruột rà máu mủ lại nằm chết trong nhà mình? Ngay cả cái chái bếp này cũng vậy, tôi nằm chết sẽ làm phiền đến nhà trường, các thầy cô giáo, các cháu học sinh... Bởi vậy mà hai năm nay tôi không muốn lên Hà Nội. Ở đây, tại quê hương bản quán, tôi đã chọn sẵn chỗ để nằm chết. Chú ra đây tôi chỉ cho, đứng ở đây cũng nhìn thấy..."*

Tôi theo anh ra đứng lên cái trụ xi măng cầu ao cá. Gió mùa đông bắc lạnh thấu xương thổi thốc vào mặt hai anh em. Anh chỉ tay về phía một bụi tre gần cuối xóm, đơn độc giữa cánh đồng, ngọn tre đang vật vã trong gió buốt. "Đấy, dưới chân bụi tre ấy có một chỗ trũng nhưng bằng phẳng, phủ dày lá tre rụng, rất vừa người tôi... Tôi sẽ nằm ở đó chết để khỏi phải phiền ai... Tôi đã chọn con đường ngắn nhất để có thể bò kịp đến đó, trước khi nhắm mắt xuôi tay..."

Trở vào nhà, cả người tôi nổi gai, ớn lạnh, chắc là vì bị cảm... Tôi dốc hết rượu ra bát uống ực một hơi chống lạnh. Rượu vào

HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975  
lời ra, tôi cất giọng ngâm to mấy câu thơ của Phùng Cung gửi  
tôi mang về tặng anh:

*... Mặt ra giông chớp  
Rạc mái phong lưu  
Gót nhọc men về thung cũ  
Quỳ dưới chân quê  
Trăm sự cúi đầu  
Xin quê rộng lượng  
Chút thổ phân bò xéo cuối thôn!*

Tháng 12.1992

## 7) Với Hoàng Cầm

### Xà lim bộ

Hôm nay họ lại gọi lên gặp ông Nhạ, lần này ông bảo: "*Chị Yến vợ anh có làm cái đơn xin tha cho anh, nộp lên phường. Chúng tôi định đưa anh về khu phố nhân dân để anh báo cáo tội của anh cho nhân dân góp ý kiến. Nhưng chị Yến đến xin chúng tôi đừng làm thế, xấu hổ cho chồng tôi lắm, chồng tôi là nhà văn thì để cho Hội Nhà Văn xét xử chứ đưa ra người dân khu phố, họ có biết gì về văn chương đâu mà xử, nhục cho chúng tôi lắm, xin các ông đừng làm thế. Vậy thể tình chị Yến, chị ấy cũng có tuổi rồi, chúng tôi không đưa anh về khu phố cho người ta phê phán nữa. Chị ấy là người tốt đấy, thế mà anh cứ chống đối mãi làm khổ chị ấy. Còn cái đơn của chị ấy thì chúng tôi đang xét, tội của anh nặng lắm còn phải đợi lệnh trên đây."*

Tôi ăn cái Tết đầu tiên trong tù, vợ tôi gửi quà từ chiều 30, nhưng quá giờ, nên đến mừng bốn họ mới đưa, bánh chưng, nhất giò mỏng, mọi thứ thiu cả.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Anh Hoà nói: "*Chuyện chị Yến làm đơn xin tha cho anh, thì trên đang xét, tôi thấy ông Nhạ cũng có thể tha cho anh được, nhưng vì anh mắc vào cái vụ Nhân Văn Giai Phẩm từ năm 1956, năm nay là 83 rồi mà anh vẫn còn cái tội này, nên chúng tôi phải thỉnh thị lên trên Trung Ương, lên Bộ Chính Trị, lên Chính phủ. Chúng tôi nhận được lệnh chuyển anh lên trại giam của Bộ để xét tội trạng của anh. Anh về sửa soạn sáng mai chuyển trại*". Tôi hoàn toàn tuyệt vọng vì trước đây ông Nhạ có bảo: "*Có thể tha cho anh về trước Tết*".

Trong hơn tháng cuối ở Hoà Lò, tôi ở cùng phòng với Huỳnh Minh Tuấn con trai ông Huỳnh Tấn Phát. Tuấn bị bố bắt bỏ tù vì tội tổ chức cho người vượt biên. Tuấn rất quý tôi, vài ngày xoay cho tôi một điều thuốc Lào, thỉnh thoảng một quả chuối hay cái kẹo, làm tôi đỡ khổ. Tôi về kể với Tuấn là mai chú phải chuyển trại, chẳng biết trại nào. Nó bảo ngay: "*Chú phải lên xà lim bộ đấy! Xà lim bộ, tức là Bộ quản lý. Bộ đây là Bộ Công An*". Tôi hỏi: "*Ở đâu, có xa Hà Nội lắm không?*" Nó bảo: "*Gần thôi, về phía Thanh Trì*".

Ngày mùng 5 Tết, tháng 2-1983 tôi phải chuyển trại. Ô tô đi xuống đường Hà Đông, rồi rẽ theo ven sông Tô Lịch, qua làng Kim Lũ, đi thêm độ 2 cây số nữa, đến một nơi như dinh tuần phủ hay tổng đốc ngày xưa, họ dẫn tôi vào, trao cho anh quản giáo.

Xà lim là phiên âm tiếng cellule của Pháp, tức là giam phòng riêng, biệt giam. Tôi được dẫn đến một dãy nhà một tầng, xây từng căn một, mỗi căn có độ 9, 10 phòng, mỗi phòng cách nhau một bức tường, trên có chằng giây điện, cửa xúc xích sắt khoá kín.

Vắng lặng, dường như chả có ai bị giam ở đây. Quản giáo sai tự giác lấy cho tôi một cái xô với một cái chiếu. Anh này nói đùa: "*Bác già như thế này mà còn vào xà lim làm gì!*" Phòng tôi dài rộng 2m trên 3m. Khi hai người đi ra mình mới thấy cái cảm

## HAI MUỠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

giác bị ném vào sa mạc Sahara, ở đây không có sự sống của con người. Thấy tiếng kêng thì anh tự giác đem com lên. Com nước cũng khá hơn: một bát com, một bát canh, tức là canh rau muống có cho muối sắn. Rau muống ở đây non hơn; còn ở Hoà Lò chỉ toàn gốc, xơ, rau cho lợn ăn. Có lẽ là bên Bộ nên chính sách khác. Nhưng sự cô liêu thì khủng khiếp, mình viết văn vẫn hay tưởng tượng cô đơn như thế nào. Nhưng bây giờ chỉ có bốn bức tường, sàn xi măng và tiếng xích sắt, không có người, thì nó ghê gớm lắm. Ở Hoà Lò còn nghe được tiếng động của thành phố, tiếng rao hàng, tiếng chửi nhau... nhưng người ngoài đường lại không nghe thấy tiếng động bên trong nhà tù, dù tù nhân có la hét, đánh nhau.

Sáng hôm sau, một anh quản giáo đến gọi, vẫn tên Bùi Đăng Việt, đi cung. Lên gặp, thì đúng là cái anh dẫn mình xuống trại giam này hôm qua. Anh ấy nói:

*"Tên tôi là Chiến, thuộc Cục Điều Tra Xét Hỏi của Bộ". Hôm nay tôi bắt đầu làm việc với anh. Làm lại từ đầu. Bên Hoà Lò và ở đây không có liên quan gì với nhau. Bắt đầu từ ngày mai, anh sẽ được ăn uống theo tiêu chuẩn cán bộ trung cấp, tức là ngạch cũ của anh".* Anh Chiến là người hoà nhã, lại có học, có tình, người tôi rất mến khi ở xà lim. Anh làm tôi lại nhớ anh Tú ở Hoà lò, thường gọi tôi khi bằng bác khi bằng ông. Còn thì bất kể tuổi tác, người ta đều gọi là anh. Anh Chiến ôn tồn nói:

*"Bây giờ bác khai lại tất cả những gì đã khai, bổ sung hoặc viết lại, chúng tôi có nhiệm vụ điều tra lại vụ án của bác, việc bác gửi thơ sang Pháp, sang Canada, cho ai, mục đích gì, thì phải nói hết".* Thế là tôi lại khai lại, tôi quen cô Cần Thơ ở Pháp như thế nào, khai giống như ở Hoà Lò vậy. Trong vòng ba tháng, anh Chiến cứ hai ba ngày lại xuống xà lim một lần. Rồi bằng đi một tháng không thấy ai hỏi nữa, sự cô liêu trở lên khủng khiếp.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Trong lúc bị giam thì mấy ngày sau, tôi bắt đầu quan sát xà lim. Trên bốn bức tường có đủ các thứ chữ, viết bằng ngói, bằng gạch, bằng bút chì, vẽ hình, vẽ hai bàn tay bị cùm, có cả những câu như: *"Đừng có đại dột mà khai, tù dài chung thân"*. Vậy phòng này đã giam những tù chính trị hạng nặng. Lại có những câu mà mình nghĩ là ám chỉ mình, hoặc ám chỉ tội trạng của mình, như: *"Bên kia sông?"*, *"Đại tướng 5 sao"*, *"Anh Việt ơi! Về với em!"* Rõ ràng là tên cúng cơm của mình rồi! Tôi nghĩ là họ bố trí để đánh vào tâm não của mình qua 4 bức tường.

Ban đêm, lại có những loại tín hiệu khác: Có cái đèn điện trên cao, sáng, nhưng lúc cắt điện tối mò, anh tự giác đem đến một cái đèn hoa kỳ, để ở cái khe trên cao, tù mù. Tôi ngủ thiếp đi độ 5, 10 phút, lại nghe tiếng súng oang lên bên tai, giật thót mình tỉnh dậy, căn phòng vẫn tối mờ mờ. Lại có tiếng chó sủa, tiếng người chạy rầm rầm ở hành lang. Lại nghe tiếng người nói chuyện, rõ câu *"bánh xe vuông mà"*. Mà bánh xe vuông có trong câu thơ mình tả chân dung Đặng Đình Hưng: *"Sa lầy bãi sông Thu Bồn lũ ngược, những chiếc xe bánh vuông"*.

Tất cả những chuyện ấy có thực chứ không phải mình mê ngủ, nó đánh động vào thần kinh. Tức là 24 giờ trên 24, có những tiếng động, những âm thanh, những dấu hiệu, chỉ vào mình. Ví dụ, có đêm tôi đang ngủ bỗng nghe rõ ràng xà lim bên cạnh ồn ào náo nhiệt như chợ Đồng Xuân, rồi bỗng có tiếng hét: *"Ông Việt ơi ! Ông Hoàng Cầm ơi! Ông định chết ở trong này sao, không về với vợ con à?"* Có lúc họ còn gọi cả bút hiệu khác của tôi, như: *"Ông Lê Kỳ Anh ơi!"* Lại có hôm, giữa trưa, ở cái xà lim bên tay phải phát ra tiếng ru con Nam Bộ của một giọng nữ, rất trẻ. Mình lại nghĩ là có người đàn bà bị giam, mình lấy gạch gõ vào tường ba tiếng, thấy bên kia gõ lại ba tiếng. Nhưng sau đó lại có giọng nam cũng ở phòng đó, ngâm Đường thi, câu thơ ám chỉ hoàn cảnh mình... Những chuyện như thế xảy ra nhiều lắm không thể kể xiết: Một buổi trưa, tôi đang nằm trên sàn xi măng thì nghe na ná giọng bà Yên, nói rót vào bên cạnh

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

tai: "*Anh coi còn cái gì thì anh khai hết đi, còn giấu diếm cái gì nữa!*".

Trong những tháng hè năm 1983, giữa trưa tôi thường nghe phòng bên cạnh có tiếng "*Tắc kè! Tắc kè!*" bầy tám lần. Có lúc lại nghe tiếng mỗi "*Zac, Zac, Zac*" mà nhìn lên trần thì chả thấy thạch sùng, mỗi đâu cả. Có đêm điện tắt thì thấy ánh sáng xanh bắt chéo ở phòng bên cạnh rọi sang, chẳng biết ở đâu ra, cứ chập chờn. Tức là tôi nghe tất cả mọi biến thể âm thanh, màu sắc, không ngừng, ngày đêm, có thể lúc tôi ngủ họ cũng vẫn phát ra những tiếng động như thế.

Một tuần họ mở cửa cho mình được ra sân tắm giặt vài tiếng đồng hồ, mình cũng vẫn nghe thấy những tiếng ấy, như ở sân bên cạnh. Nhìn lên thì chỉ thấy tường cao có mảnh chai và dây điện, nhưng vẫn có tiếng nói văng vẳng, họ nói chuyện với nhau, thỉnh thoảng chen vào nói mình, thí dụ lúc thì có giọng một ông già nói: "*À ! Cái lão ấy ở trên Cao Bằng có gập, đạo ấy đẹp trai lắm, hăng hái lắm!*"

Trong suốt cả năm giờ tôi ở xà lim, liên tục ngày đêm là như thế. Về âm thanh, họ có để ổ điện hay một cái máy nghe, máy phát nào đấy, ở chỗ nào đó, trên cao, hay ngang tầm mình; bởi vì tôi có trông thấy một chùm dây điện, hàng chục dây chui vào một lỗ, cụm dây chui vào độ 10 phân thôi, rồi hở ra có một cục đen như đầu máy, họ trét xi măng gồ ra như cái hộp, nhưng trét nham nhở để mình đoán là cái đầu máy, để mình hiểu là có thể có máy thu thanh hay máy gì đó. Hoặc như cái thêm xi măng mình nằm, tưởng nó đặc nhưng một hôm đánh rơi cái thìa thì thấy nó rỗng. Mình đi một vòng thêm xem xét thì thấy về một phía tường có lỗ hở độ bàn tay trẻ con, nhìn vào thấy rỗng; vậy đúng là đường dây thông, để chứa những máy mà họ phát ra những âm thanh tắc kè, mối, hay những tiếng rì rào nói chuyện.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Tâm trạng tôi lúc bấy giờ xuống dốc đến thế nào, hay là tôi hèn kém quá, khiến tôi luôn luôn nghĩ đến cái chết nhưng lại sợ. Muốn đập đầu vào tường chết, lại sợ không biết phải đập như thế nào mới chết được, mà không chết thì có chịu nổi không. Tôi nghĩ đến viết thư về nhà xin gửi thuốc gì cũng được, độ 30 viên mà nuốt vào, rồi không uống nước, nó sẽ sung phù trong bụng, mà chết; nhưng cũng không được vì gửi thuốc phải qua kiểm soát. Hôm ấy vào lúc được ra sân tắm, mà lại không thấy quần giáo đâu, tôi có một cái quần rách mà cặp còn dai lắm. Tôi xé cái cặp ra, lấy hết sức buộc hai ngón chân cái lại với nhau rồi lê ra bể nước, lết lên miệng bể thả mình vào, định chết chìm. Nhưng cái bể nó lại nông, uống chỉ được hai ba ngụm nước thì bản năng sinh tồn vùng dậy, lại quờ quạng lấy tay ngoi lên mặt bể, bò ra, bị lạnh, rét run. Chết kiểu ấy cũng không được. Trong khi ấy, gần một năm rồi, những âm thanh vẫn tiếp tục như cái trò giải trí, không tha mình giây phút nào.

Minh ở trong cái thế giới hiu quạnh, một mình, thỉnh thoảng nhìn qua khe hở lỗ khoá xích sắt, để xem có ai qua lại hành lang. Lúc thì thấy anh quản giáo, lúc thì thấy con chó berger hẩn hoi. Một hôm nhìn sang cái xà lim trước mặt thấy có người, một ông già độ 70, bị giam cùng với đứa cháu gái 14, 15. Ông già nói: "*Mày đừng đấy chờ cán bộ đưa cơm thì mang vào cho tao nhá!*" Rồi thấy ông già đi vào trong xà lim không trở lại nữa. Có hôm thấy một ông già nhà quê, và đứa con gái, khác, cũng ngoan ngoãn hầu hạ, rồi cũng biến mất. Không biết họ tạm giam hay sao, thế là mình mất cái dịp nhìn thấy con người.

Vì vậy, khi nghe thấy bất cứ tiếng động gì thì bám lấy, bám như bám vào cái xã hội mà mình không được sống ở trong ấy nữa. Dăm hôm sau, bên cạnh có hai cô, ngoài 20, cũng nửa quê nửa tỉnh, đi lấy cơm rồi mang vào xà lim bên cạnh, họ cười nói khúc khích, như chả có vẻ gì đi tù cả. Tôi thèm được nói chuyện với họ, thèm như đói thèm cơm, cứ mong đến giờ ăn để



## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

họ ra cho mình nhìn một tý, nhưng đến chiều không thấy họ ra nữa.

Loáng thoáng những hình ảnh, luôn luôn thay đổi như thế, nó làm cho thần kinh mình cứ loạn dần, loạn dần. Mình thêm sự sống, thêm được đi cung, để được nói dăm ba câu, chứ giam như thế này thì đúng là hoang đảo. Có khi hàng tháng chả nhìn thấy bóng công an, mỗi ngày chỉ có anh tự giác bung com tận miệng, nhưng hỏi gì nó cũng không nói, hoặc chỉ trả lời qua loa. Mình xin: "*Bác ơi! làm ơn cho tôi xin điều thuốc Lào.*" Thì nó bảo: "*O, tù mà còn đòi thuốc Lào!*" Một sự thêm muốn ghê gớm đến khủng khiếp, có cảm tưởng là mình bị chôn sống trong xà lim này. Mình thêm muốn tiếng người, dù là tiếng nó chửi mình, còn hơn sự im lặng. Nghe thấy tiếng người là thấy sống. Nghe cái thứ âm thanh ám chỉ, dù không phải là tiếng người trực tiếp, cũng còn hơn im lặng hoàn toàn.

Ngày tháng trong xà lim chỉ đại khái, không thể biết rõ. Lúc đầu tôi còn đếm ngày, tôi nhớ ngày 8-4 lễ Phật Đản năm 83 là ngày giỗ con gái tôi, nó tên là Hoàng Yến. Giỗ đầu. Hôm ấy tôi ở trong xà lim. Sáng dậy, tôi đã nhớ con gái lắm, bỗng có một con bướm trắng nhỏ, nó không bay mà lại bò đến chỗ mình nằm. Tôi nhớ lại lúc tôi còn ở nhà, khi con tôi chết được 35 ngày, thì đến 11 giờ 15 đêm, nó hiện ra con bướm màu hoàng yến, nó bay vào giường ngủ của tôi. Tôi ra thắp hương cho nó, rồi nó bay không biết bao nhiêu vòng nữa, tôi biết là con gái tôi về thăm bố. Hôm nay nó lại hiện ra, nó là con bướm trắng nó về thăm bố trong tù.

Khoảng cuối tháng 9/83, anh quản giáo đến bảo: "*Anh Việt mặc quần áo vào lên ban quản trị!*" Lên đến nơi, họ cho biết: "*Báo cho anh biết: Anh được về thăm gia đình!*" Tôi vừa ngạc nhiên vừa sung sướng. Họ đưa lên xe buýt về, tôi ngồi giữa hai cán bộ. Họ đã dặn kỹ: "*Tuyệt đối không được nói chuyện tù, giam ở đâu, đã khai những gì, chỉ về thăm nhà thôi.*" Tôi tưởng được về Lý Quốc Sư, nhưng ô tô đỗ lại ở phòng thường trực của Bộ

## HUỖNH ÁI TÔNG

ở phố Trần Bình Trọng. Bà Yến đã ngồi ở đấy với thằng Anh, thằng Phi và cô Huyền là bồ của Phi. Nó mua sẵn tô phở còn nóng, và gói quà để đấy. Cán bộ bảo: "*Anh ăn đi, rồi nói chuyện với gia đình*". Thằng Anh đã chuẩn bị sẵn một cái bát nhỏ sê ra: "*Bố ăn đi, phở tái ngon lắm*". Nhưng tôi không ăn được, không thể nuốt được, đưa lên miệng lại nghẹn, lại oẹ ra, nước mắt trào vào bát phở. Thằng Anh cảm động, nó bỏ ra ngoài. Bà Yến bình tĩnh hơn tôi nhiều: "*Thôi cũng là số phận, kể như ông bị tai nạn thôi. Ông chả việc gì phải buồn, đáng nhẽ tôi còn buồn gấp vạn ông, mà có dám buồn đâu, phải lo bao nhiêu là việc*". Bà càng săn sóc, an ủi, càng nói thì tôi càng khóc nức nở như đứa trẻ con, không sao cầm lại được. Cả cuộc thăm rồi cũng không nói được gì.

Cùng thời điểm ấy, trong xà lim có một tay đến làm quen, bảo nó là cán bộ công an, chẳng tham ô gì nhưng bị bắt bừa. Tôi đang thềm người nói chuyện, nó lại giúp đỡ tôi, lúc tắm nó kỳ cọ cho, tôi cũng quý mền chuyện trò với nó, nhưng nhiều lúc nó cứ hỏi như thăm vấn về chuyện mình làm "*gián điệp*" thì tôi lại bực mình. Độ hai tuần, nó được lệnh chuyển trại, thấy nó quần gói đi thản nhiên, trông như đóng kịch, chứ không phải ở tù. Sau này tôi đoán nó được gài lại để kích mình, xem mình có nói gì không, xong việc nó rút đi.

Thế rồi mình lại sống một mình, từ tháng 10 đến cuối năm, lại được gọi đi cung tới tấp, vẫn là hỏi về mối liên lạc với cô Cần Thơ ở Pháp, việc gửi băng ngâm thơ cassette, bị địch lợi dụng, rồi trở lại cuốn *Về Kinh Bắc*, anh muốn ám chỉ ai, v.v... loanh quanh chỉ ngần ấy thứ.

Đến gần Noël, trời rét lắm, 5 giờ sáng, nghe tiếng hét rất to: "*Bùi Đăng Việt! Chuyển trại!*" Mình nghe thế thì nghĩ ngay: Thôi thế là hết rồi! Lần này chắc đi Thanh Chương, Nghệ An hoặc Thái Nguyên, Phúc Lưu đây. Cuộc đời mình kể như chết rồi, là cái giẻ rách chứ chẳng còn khí tiết gì. Chán chường. Tuyệt vọng. Anh công an bảo: "*Anh viết kiểm điểm đi, từ ngày*

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

ở Hoả Lò sang đây anh có bị ai đánh đấm tra khảo gì không, có ai ăn cướp quần áo gì không, thì nói hết ra rồi ký vào!" Thế là tôi ngồi viết: "Từ hồi Hoả Lò chuyển sang đây gần một năm trời rồi, không ai đánh đập, xỉ vả gì nặng quá. Tôi không có đồ đạc gì đáng giá nên không ai bóc lột lấy cắp một tý gì" Tôi ký tên, và hỏi: "Thưa cán bộ, tôi được đổi đi trại nào đây ạ?" Thì được trả lời: "Đây không biết, chỉ biết có lệnh chuyển trại thôi!" Họ cho tôi ăn cơm sáng sớm hơn mọi hôm rồi cho lên xe bịt kín đi. Tôi đang suy nghĩ không biết họ đưa đi đâu, thì lại thấy sông Tô Lịch, rồi về thành phố vào Khâm Thiên, đến gần toà án thì mình nghĩ: họ đưa mình ra toà. Nhưng qua toà án, thấy nó rẽ ra Hoả Lò rồi đổ. Nghĩ bụng thôi được về Hoả Lò cũng tốt, có người, đông vui hơn.

Họ đưa vào một cái buồng bảo anh ngồi đây, chờ cấp trên. Rồi thấy anh Tú và anh Hòa bá cổ nhau đi đến, anh Hoà bông đùa: "Anh Cẩm à, tôi nói có sai đâu, hôm anh dọn xuống xà lim, tôi nói anh cứ tin vào ngày mai tốt đẹp!". Tôi nghe chả hiểu gì. Độ nửa tiếng sau, ông Nguyễn Doãn Nhạ bước vào, người cao, gầy, da mặt bám sát xương, hai con mắt của ông có gì rờn rợn, tôi vẫn còn nhớ lần trước ở Hoả Lò, ông ấy dọa: "Tôi sẽ cho anh gặp con gái anh." Tức là gặp con Hoàng Yến nó mới chết! Ông ấy cho mình xuống âm phủ gặp con gái. Cái ông Nhạ này thâm và ác. Mặt lạnh lùng, khi ông đến gần mình thì hai mắt ông quắc và sát lại, đăm đăm như có gì hằn thù, tức giận, hoặc có mưu mẹo gì, làm cho mình rờn rợn, có cảm tưởng đứng cạnh tử thần.

Thấy ông vào thì tôi cũng đứng dậy chào ông, vẫn theo thường lệ: "Chào cán bộ!" Tôi biết bây giờ ông là đại tá rồi, ông có thư ký đi theo. Ông bảo: "Hôm nay đưa anh từ xà lim bộ lên đây là anh được tạm tha theo yêu cầu của bà Yến, vợ anh, có đơn làm lên phòng. Chúng tôi sẽ trao trả anh về phòng, anh ngồi viết kiểm điểm lại đi".

## HUỶNH ÁI TÔNG

Được tha thì tôi cũng mừng nhưng lại viết kiểm điểm nữa thì mình biết viết gì? Lại Kinh Bắc à? Viết đến bao giờ cho xong? Tôi cầm bút ngần ngừ, thì ông bảo: *"Hay thôi, để tôi đọc, anh viết cho nhanh, tên tôi là... anh nói sơ qua lý lịch một tý, bị bắt ngày... vì tội danh dám làm cả một tập thơ Về Kinh Bắc nội dung phản động, chống Đảng... ngày hôm nay được nhà nước khoan hồng cho về thì tôi xin hứa điểm thứ nhất: Tuyệt đối ngừng bán rượu. Tuyệt đối tuân thủ chính sách của Đảng. Không được phá hoại..."* Ông đọc chậm chậm như thế nào thì tôi viết như thế. Rồi ký. Sau đó anh thư ký đọc lệnh, tôi phải đứng nghiêm nghe lệnh. Họ cho về nhưng có tha đâu. Họ bảo chỉ tạm tha, lúc nào muốn bắt trở lại cũng được. Cứ hai, ba ngày họ lại đến, lại hỏi bài này anh chưa khai hết, phải khai thêm cho rõ, cho kỹ, anh làm lại đi, hai ngày nữa chúng tôi đến lấy.

Qua những trận như thế, tinh thần tôi ngày càng sa sút. Tôi bị bệnh tâm thần. Dạng trầm uất. Cả ngày chả nói năng gì, trông thấy ai cũng sợ người ta sắp bắt mình. Có lần đạp xe ra phố, thấy camion lao vào nhưng người lái xe phanh lại kịp rồi thò cổ ra chửi rửa thẳng già muốn tự tử hả? Có lần định nhảy vào đường sắt ở chỗ Trần Phú, đã đứng rình sẵn đợi xe lửa đến lao vào, thì có một bà đứng đằng sau kéo giập trở lại, ngã giập đầu vào tường.

Sau khi bị giam 18 tháng, Hoàng Cầm được thả về, ông bị bệnh tâm thần từ 1985 đến 1987. Hỏi về nguyên do, bệnh trạng, Hoàng Cầm cho biết:

*"Sau khi tôi bị giam cầm 18 tháng, từ đó đến khi được về thì những bác sĩ quen của tôi họ đều thống nhất một điểm là tâm thần của tôi tự nhiên nó bị ở hai dạng:*

*- trước tiên là hoảng loạn,*

*- thứ hai là trầm uất.*

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

*... Hoảng loạn một cách hết sức lặng lẽ. Ví dụ nghe một tiếng còi ô-tô và một cái gì như là frein ô-tô rít lên ở ngoài cửa -mà lúc bấy giờ tôi ở tít tận trong nhà cơ- nhưng khi nghe thấy như thế, vào lúc độ gần nửa đêm chẳng hạn, thì tự nhiên tôi co rúm lại và hết sức sợ hãi. Nó như là một cái bản năng đấy, tìm chỗ trốn.(...)*

*Thứ hai là dạng trầm uất. Có khi cả ngày tôi không nói một lời. Bạn bè đến, tôi vẫn cứ tỉnh táo đi pha trà mời mọi người có vẻ lịch sự lắm. Nhưng đến khi người ta hỏi tôi về bất cứ một cái gì đó thì tôi không trả lời".*



Một đoạn của Hoàng Hưng viết về Hoàng Cầm trong bài *Kỷ niệm 25 năm ngày ra tù (30/10/1985 – 2010)*, vì tập thơ *Về Kinh Bắc*, ngày đó Hoàng Cầm định nhờ Tiến sĩ Nguyễn Mạnh Hùng (Nam Dao), Việt kiều ở Canada về Việt Nam, cầm ra nước ngoài, chuyên cho cô Bùi Cần Thơ (Cao Ngọc Phượng) ở Pháp. Còn Hoàng Hưng (sinh 1942, tốt nghiệp Đại học Sư Phạm Hà Nội năm 1965), chỉ là người sưu tầm thơ của Hoàng Cầm và tranh của các danh họa như Bùi Xuân Phái, Văn Cao.

(...) Tôi không thể nào quên cái buổi sáng ấy trong Hòa Lò. Sau mấy tháng không thuyết phục được tôi thừa nhận *Về Kinh Bắc* là “phản động”, Công An để tôi nghỉ một hơi dài. Rồi

## HUỶNH ÁI TÔNG

bỗng một hôm tôi lại được gọi đi “làm việc”. Người Công An đưa tôi vào một phòng hỏi cung, nhưng không có ai trong đó. Mà lại có một tập giấy thép viết sẵn để trên bàn. Tôi tò mò giờ ra, thì... trời ơi, đó là bản tự khai của Hoàng Cầm, tôi nhận ra chữ viết rất nắn nót, đẹp, của ông. Tôi đọc lướt, càng đọc càng hoang mang vì ông nhận tuột tuột các ý tưởng chống Đảng, đả kích chế độ... trong tập thơ. Để cho tôi một mình đọc xong, người ta mới đưa tôi trở lại phòng giam. Và họ bố trí rất khéo, để như tình cờ tôi gặp Hoàng Cầm đang ngồi ở cổng chờ (giữa khu trại giam và khu “làm việc” có một cái cổng lớn, sau khi “làm việc” xong phạm nhân ngồi đó chờ “quản giáo” ra nhận để đưa vào buồng giam). Tôi xông đến bên ông, hỏi gay gắt: “Anh nhận tội phản động thật à? Sao lại thế?” Hoàng Cầm cúi đầu xuống, không nói gì, từ khóe mắt ông lăn ra những giọt nước mắt. Đến tận hôm nay, nhớ lại những giọt lệ tủi nhục của nhà thơ đàn anh, lòng tôi vẫn còn đau. Với tôi, tự buộc mình phải hèn để có thể tồn tại là điều không gì đau hơn cho một kẻ sĩ.”

(Hoàng Hưng, *Kỷ niệm 25 năm ngày ra tù (30/10/1985 – 2010)*, talawas.org ngày 18/9/2010)

Một số nhân vật trong nhóm Nhân Văn – Giai Phẩm đã bị trù dập hết sức oan nghiệt từ vật chất cho đến tinh thần, từ cá nhân cho đến gia đình họ. Sau năm 1975, nhà văn Nguyễn Tuân vào Nam thăm chơi với các bạn bè văn nghệ sĩ, ông đã tâm sự: “*Tôi còn sống được đến ngày hôm nay là nhờ biết sợ...*”

Tài liệu tham khảo:

- Nhân Văn Giai Phẩm Web: rfi.fr
- Nhân Văn Giai Phẩm Web: thuykhue.free.fr

HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975  
**Tiết Bấy. Phục hồi cho các văn nghệ sĩ NV – GP**

Trong vụ Nhân Văn – Giai Phẩm, các nhà văn, họa sĩ, nghệ sĩ khác bị xử lý nhẹ vẫn tiếp tục sáng tác và công bố tác phẩm như bộ tứ Nguyễn Tuân Nghiêm – Dương Bích Liên – Nguyễn Sáng – Bùi Xuân Phái, Nguyễn Bính, Trần Lê Văn, Huy Phương, Thái Vũ (Bùi Quang Đồi), Phan Vũ, Quang Dũng, Hoàng Tố Nguyên, Yến Lan, Nguyễn Thành Long, Hải Bằng, Nguyễn Văn Tý, Phạm Kỳ Nam, Văn Tâm, Hoàng Yến...

Một số nhà văn nhà thơ, tác phẩm của họ không được xuất bản, nhưng vì nghiệp “văn” họ vẫn tiếp tục sáng tác, ngay cả trong tù, có người dùng bút danh khác, mượn người khác đứng tên như Phùng Quán được người ta gán cho biệt danh: “cá trộm, rượu chui, văn chui.”

Theo như Hoàng Cầm kể chuyện liên quan đến tập thơ *Về Kinh Bắc*:

"Chúng tôi bắt đầu làm thơ lại ngay từ năm 1959. Đặng Đình Hưng làm được tập thơ *Cửa ô*, tôi làm *Về Kinh Bắc*, Trần Dần làm *Cổng Tĩnh* và Lê Đạt làm những bài thơ về Yên Bái. Tập *Về Kinh Bắc* tôi viết trong năm tháng, từ cuối năm 1959 đến đầu năm 1960, đêm nào cũng viết. Lối sáng tác của tôi là như thế, ví dụ như bài *Lá Diêu Bông*, những đêm trần trọc không ngủ, thì như có một giọng nữ văng vẳng đọc bên tai, từ đầu đến cuối, mình chỉ việc ghi lại, mà phải ghi ngay, để độ 3, 4 phút sau là quên hết. Vì vậy, khi đi ngủ tôi luôn luôn có giấy bút để sẵn bên cạnh. Làm xong thơ, người đầu tiên tôi đọc cho nghe là một anh sinh viên văn khoa, tên Trần Sơn Nam. Anh nghe và chép lại, anh là người thuộc tập thơ *Về Kinh Bắc* của tôi từ năm 1960. Thì ít lâu sau có dư luận trên Tuyên Huấn nói rằng: Ông Tố Hữu bảo bọn Nhân Văn bây giờ chúng nó phát điên, chúng nó làm thơ quái quỷ gì, không ai hiểu được.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Năm 1973, tôi bị mời ra Sở Công An Hà Nội để cảnh cáo lần đầu. Người tiếp là ông Nguyễn Doãn Nhạ, bảo: "Anh truyền bá những bài thơ có tư tưởng xấu cho thanh niên, sinh viên, rồi chúng đem truyền bá lẫn nhau để chửi Đảng. Chúng tôi là những người "*canh-gác-cho-bầu-trời-tư-tưởng*", gọi anh lên để cảnh cáo, anh phải thu hồi lại ngay tức khắc". Làm thơ ai chả muốn có người đọc, mà cái thơ nó đã đi ra, người ta đã thuộc lòng rồi, tôi "*thu hồi*" làm sao được. Tôi chỉ hứa từ nay không phổ biến bất cứ cái gì nữa. Rồi tôi phải viết kiểm thảo độ hai trang, mật độ 2 tiếng, nói rõ tư tưởng trong thơ, đại khái chỉ có nỗi buồn, buồn hui hắt, chứ chả có gì xấu. Rồi họ cho về. Từ đấy tôi chẳng đọc thơ, chép thơ cho ai nữa, sợ nhờ nó bắt được. Nhưng tôi chép riêng cho tôi một tập rất đẹp, độ 200 trang, khổ giấy to. Tôi đưa ông Bùi Xuân Phái vẽ cho tôi 3 tranh minh họa đẹp lắm, ông vẽ cả chân dung tôi nữa. Sau lại có bìa của Văn Cao, bìa chỉ trình bày chữ, chứ không vẽ. Tôi giao cho Café Lâm giữ, dặn giữ kỹ, đừng cho ai đọc.

Chín năm sau, 1982, Hoàng Hưng, là nhà thơ trẻ mà tôi rất quý, ở Sài Gòn ra Hà Nội bảo: "*Anh chép cho em cả tập Về Kinh Bắc để em mang vào Sài Gòn. Trong ấy họ thèm khát lắm*". Hoàng Hưng xin Minh Đức cho tôi 200 tờ giấy đẹp. Thế là tôi chép, mỗi đêm chép một ít, độ 10 ngày xong. Chép xong, tôi đưa cho Hoàng Hưng. Hoàng Hưng hẹn lúc 10g30, 11 giờ, đêm 18-8-1982 ở nhà Trần Thiếu Bảo, anh Bảo cũng mở quán cà phê hay rượu gì đó, đến uống chén rượu chia tay, mai em về Sài Gòn, đi tàu thủy. Trong quán cũng còn một vài người khách.

Tôi giao cho Hoàng Hưng tập *Về Kinh Bắc*, thì Hoàng Hưng lại có sẵn bìa do anh Văn Cao trình bày và bốn tranh phụ bản của Bùi Xuân Phái. Vì Hoàng Hưng có nói với Bùi Xuân Phái và Văn Cao là em sẽ có tập Về Kinh Bắc của anh Hoàng Cầm, các anh cứ làm phụ bản, bìa cho em, khi nào anh ấy chép xong thì em đóng thành một tập mang vào Sài Gòn. Hoàng Hưng khoe tôi cái bìa của Văn Cao và bốn bức tranh của Bùi Xuân



## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Phái, có ba bức tôi thích lắm bởi vì Bùi Xuân Phái đã đọc *Về Kinh Bắc* rồi và anh đã từng vẽ phụ bản cho tôi chín năm trước đây, bản tôi gửi Café Lâm.

Năm 1982, Hoàng Cầm bị tù 18 tháng vì tập thơ *Về Kinh Bắc* do nhà thơ Hoàng Hưng sưu tầm, Hoàng Hưng bị 39 tháng tù.

Tháng 12 năm 1986, Đại Hội VI Đảng Cộng sản Việt Nam, Trường Chinh từ chức, Nguyễn Văn Linh (1915-1998) được bầu làm Tổng bí thư.

Tháng 11-1987, Bộ Chính trị ra Nghị quyết 05 về văn hóa - văn nghệ trong cơ chế thị trường: *Đổi mới và nâng cao trình độ lãnh đạo, quản lý văn học nghệ thuật và văn hóa, phát huy khả năng sáng tạo, đưa văn học, nghệ thuật và văn hóa phát triển lên một bước mới.*

Trần Độ là Trưởng Ban Văn Hoá Tư Tưởng Trung Ương dưới thời Nguyễn Văn Linh, trong kháng chiến, ban đầu ông làm báo *Vệ Quốc Quân*, sau đó đi chiến đấu, ông làm chính uỷ sư đoàn 302, là một nhân vật rất hay. Ông xúc tiến, đẩy mạnh việc phục hồi cho nhóm Nhân Văn Giai Phẩm.

Theo đó, Công an và các ban ngành liên quan tiến hành làm chính sách cho các đối tượng Nhân Văn Giai Phẩm. Các hội liên quan như Hội Nhà văn Việt Nam phục hồi hội tịch cho Trần Dần, Hoàng Cầm, Hoàng Tích Linh, Lê Đạt, Phùng Quán, Trần Duy. Giải quyết chế độ lương hưu cho Nguyễn Hữu Đang, Phùng Cung.

- Nhà xuất bản Văn hóa in tập thơ *Mưa Thuận Thành* của Hoàng Cầm.

- Trên báo Quảng Nam-Đà Nẵng Trường ca *Cây Cà* của Phùng Quán.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Năm 1988:

- Nhà xuất bản Tác phẩm mới xuất bản tập thơ *Lá* của Văn Cao, do các thi hữu đàn em Nguyễn Trọng Tạo, Nguyễn Thụy Kha, Thanh Thảo tuyển chọn biên tập.
- Nguyễn Hữu Đang được chuyển lên Hà Nội, được cấp nhà.

Năm 1991:

- Tháng 4, Ban Chấp Hành Trung Ương Đảng Cộng sản Việt Nam ra thông báo về hai vụ án Nhân Văn Giai Phẩm và Xét lại chống Đảng. Đảng không thừa nhận sai lầm, giữ nguyên quan điểm như trước kia.
- Nhà xuất bản Hội nhà văn in tập thơ *Bài thơ Việt Bắc* của Trần Dần.
- Từ 23-11 đến 10-12 Hội Nghệ sĩ tạo hình Việt Nam mở *Triển lãm tranh Trần Duy* tại Nhà triển lãm tranh 16 Ngô Quyền Hà Nội.

Năm 1992:

- Kỷ yếu nhà văn Việt Nam in lần đầu tiên, danh sách có tên Phan Khôi.
- Hoàng Cầm xuất bản kịch thơ *Kiều Loan*

Năm 1993:

- Nhà xuất bản xuất bản tập thơ *Bên kia sông Đuống* của Hoàng cầm

Năm 1994:

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

- Nhà xuất bản Hội nhà văn xuất bản tác phẩm *Bóng chữ* của Lê Đạt.

- Nhà xuất bản Văn học in tập thơ *Về Kinh Bắc* của Hoàng Cầm

- Nhà xuất bản Văn Học in *Tuyển tập Văn Cao*

- Nhà xuất bản Hội nhà văn in Tiểu thuyết thơ *Công Tĩnh* của Trần Dần

Năm 1995:

- Nhà xuất bản Văn hóa – Thông tin in tập thơ *Xem Đêm* của Phùng Cung

- Nhà xuất bản Hội Nhà văn in *Tuyển tập thơ Phùng Quán*.

Năm 1996:

Trao Giải thưởng Hồ Chí Minh cho Đặng Văn Ngữ, Cao Xuân Huy, Văn Cao, Nguyễn Tư Nghiêm, Bùi Xuân Phái, Nguyễn Sáng.

Năm 1997:

- Bắt đầu in lại các tác phẩm cũ trước 1945 của *Phan Khôi* do Lại Nguyên Ân đã sưu tầm.

- Bắt đầu in một vài tác phẩm mới của Triết gia Trần Đức Thảo.

Năm 2000:

## HUỶNH ÁI TÔNG

-Trao Giải thưởng Hồ Chí Minh cho Đào Duy Anh, Trần Đức Thảo, Nguyễn Bính, Nguyễn Văn Ty, Nguyễn Sỹ Ngọc, Lộng Chương, Nguyễn Văn Tý.

- Tặng Giải thưởng Nhà nước cho nhà thơ Quang Dũng

Năm 2001-2002:

- Nhà xuất bản Hội nhà văn in *Hoàng Cầm Tác phẩm 3 tập*.

Năm 2003:

- Nhà xuất bản Văn hóa-Thông tin xuất bản cuốn *Nguyễn Bách Khoa-Khoa học văn chương*. (Nguyễn Bách Khoa là một bút danh của Trương Tửu).

Năm 2007:

- Tặng Giải thưởng Nhà nước cho Trần Dần, Hoàng Cầm, Lê Đạt, Phùng Quán, Yên Lan, Phạm Kỳ Nam.

Nhờ chánh sách “đổi mới” dưới thời Tổng bí thư Nguyễn Văn Linh, và cũng nhờ Trần Độ (1923-2002), là Trưởng Ban Văn hóa văn nghệ Trung ương được thành lập năm 1981, kiêm Thứ trưởng Bộ Văn hóa. Ở chức vụ này ông đã soạn nghị quyết số 5, củng cố tiến trình cởi mở văn hóa trong thời kỳ “đổi mới”. Nhờ đó, những người trong nhóm Nhân Văn Giai Phẩm từng bước được phục hồi.

Tài liệu tham khảo:

- Nhân Văn Giai Phẩm Web: rfi.fr

- Nhân Văn Giai Phẩm Web: danchimviet.info

HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975  
**Tiết Tám. Tổng kết về phong trào Nhân Văn – Giai Phẩm**

Tôi nghĩ một phần bài viết của ông Lê Hoài Nguyên *Vụ Nhân Văn – Giai Phẩm: Một trào lưu dân chủ, một cuộc cách tân văn học không thành*, đủ nói lên chủ trương, mục đích, tánh chất và vai trò của Nhân Văn Giai Phẩm, phải thừa nhận là một bài viết có giá trị nhất định, trên phương diện nào đó.

Ông Lê Hoài Nguyên bút danh khác là Nguyên Phong, tên thật là Thái Kế Toại, ông sinh ngày 02-01-1950 tại Tiên Hải, Thái Bình. Từ tháng 8 năm 1980, ông chuyển về Bộ Công an, công tác tại A 25. chuyên theo dõi văn nghệ sĩ và văn hóa. Ông tốt nghiệp Đại học Công an Nhân dân Hà Nội năm 1987, với luận án *Về các đối tượng Nhân Văn Giai Phẩm và giải pháp trong tình hình đổi mới hiện nay*. Ông từng làm Giám đốc điện ảnh Công an Nhân dân. Vào hội Nhà văn Việt Nam năm 1998. Ông về hưu với cấp bậc Đại tá.

Do nghiệp vụ được giao, ông đã tiếp cận gần như toàn bộ hồ sơ vụ Nhân Văn Giai Phẩm, được tiếp xúc với một số nhân vật liên can, ông lại được đào tạo chánh quy trong ngành công an dưới chủ nghĩa Cộng sản, nên bài viết của ông giúp chúng ta có cái nhìn sau thời kỳ “đổi mới”. Một Đảng viên, đại tá công an, tưởng ông không thể vượt rào, nhảy cao, nhảy xa hơn.

Bài của Lê Hoài Nguyên viết:

“Hiện nay còn tồn tại nhiều cách đánh giá về vụ Nhân Văn-Giai Phẩm. Có người cực đoan cho rằng cốt lõi đây là vụ án chính trị phản động không dính líu gì đến văn học, mà chỉ có một số anh em văn nghệ sĩ bị lôi kéo vào, Đảng và nhà nước đã không xử án văn nghệ sĩ. Người thì cho là một vụ án văn học, thuần túy oan sai về văn học, để đàn áp văn nghệ sĩ, nhà nước đã biến một vụ việc văn học thành một vụ án chính trị. Tất nhiên là để bảo vệ các khuynh hướng, để đánh giá đúng thực

## HUỶNH ÁI TÔNG

chất của Nhân Văn Giai Phẩm không phải dễ dàng, mà phản bác hoàn toàn cũng cần hết sức thận trọng.

Với tất cả những gì đã xảy ra, xem xét vụ Nhân Văn Giai Phẩm nên được đánh giá dưới góc độ là một trào lưu tư tưởng dân chủ, một cuộc cách mạng văn học không thành thì đúng hơn, để đi tìm cách cắt nghĩa nó, gìn giữ những gì nó đặt ra, nó để lại cho đời sống chính trị, cho nền văn học nước nhà. Còn nếu coi là vụ án chính trị phản động thì không cần tốn giấy mực để viết về nó trong lịch sử văn học làm gì.

Xem xét từ cốt lõi các vấn đề chủ yếu, tức là hồn cốt vụ án, tức là hình thái của nó, các điều kiện lịch sử của nó, các nhân vật của nó, các vấn đề nó đặt ra cho xã hội đều thực sự là tư tưởng và văn học.

Vài vấn đề về phương pháp luận:

- Đánh giá Nhân Văn Giai Phẩm như một trào lưu văn học nhưng vẫn phải ghi nhận rằng không có thứ văn học *thuần túy văn học*. Từ trong thuộc tính của văn học Nhà văn bao giờ cũng là người nhạy cảm và có trách nhiệm trước các vấn đề của thời đại, của dân tộc mình. Như vậy văn học mang tính chính trị theo ý nghĩa đó. Một trào lưu văn học ra đời, trước đó nó đã chịu tác động của thời cuộc, của chính trị. Chính vì lí do đó văn học xứng đáng là một loại hình cao cấp trong các loại hình văn học nghệ thuật.

- Đánh giá Nhân Văn Giai Phẩm trong tiến trình tư tưởng Việt Nam từ 1945-1948-1954-1960 cho đến 1986-và nay 2010. Tiến trình tư tưởng cách mạng Việt Nam có đặc điểm riêng, khi du nhập chủ nghĩa Mác Lênin. Trước khi ngã hẳn, thuần hóa chủ nghĩa Mao, nó có trạng thái lưỡng phân và giao tranh giữa tư tưởng dân chủ với tư tưởng cộng sản, tư tưởng toàn trị với tư tưởng pháp quyền.

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

- Các vấn đề của Nhân Văn Giai Phẩm đặt ra đều có nguồn gốc từ các thời kỳ trước đó trong tiến trình cách mạng, tiến trình văn học Việt Nam. Nhân Văn Giai Phẩm xuất hiện vào lúc hội đủ điều kiện cả khách quan và chủ quan. Vì mang tính tất yếu, những gì mà Nhân Văn Giai Phẩm chưa làm xong thì các thế hệ sau sẽ phải tiếp tục thực hiện sứ mệnh của nó.

- Đánh giá bản chất của Nhân Văn Giai Phẩm còn phải dựa trên tập quán hành xử chính trị của hệ thống xã hội chủ nghĩa, của xã hội Việt Nam trên cơ sở thể chế hiện hành. Tức là không thể tin cậy vào các lượng thông tin chính thống, vì loại thông tin đó đã bị biến dạng và thường là không phản ánh trung thực, toàn diện bối cảnh xã hội lúc đó, không phản ánh đúng bản chất các con người, sự việc lúc đó. Cần phải tiếp cận Nhân Văn Giai Phẩm từ nhiều phía, nhiều nguồn tư liệu khác nhau trong và ngoài nước, quan trọng nhất là thông tin của những người trong cuộc, thậm chí cả ở những tác phẩm văn học nghệ thuật sau này phản ánh về thời kỳ này.

- Xem xét vụ Nhân Văn Giai Phẩm phải lấy việc xem xét nội dung văn bản văn học của nó làm chính, cái nội dung ấy phản ánh tình trạng văn học lúc đó thế nào, chứ không lệ thuộc vào việc nhà nước công bố nó là chống đối, tức chống đối là không có giá trị văn học. Từ trước đến nay những người viết về Nhân Văn Giai Phẩm gần như theo quan niệm này và đã không xem xét giá trị văn học của các sáng tác của nó trong tiến trình văn học Việt Nam, cùng tham vọng đổi mới nền văn học miền Bắc của nó.

Trước hết có thể khái quát như sau:

*Nhân Văn Giai Phẩm trước hết là một trào lưu tư tưởng, một cuộc cách mạng văn học đòi hỏi dân chủ hóa ở miền Bắc Việt Nam năm 1954-1960 có nguồn gốc và đã xảy ra trong nội bộ Đảng Cộng sản Việt Nam, trong bộ máy Chính phủ Kháng chiến chống Pháp do Hồ Chí Minh lãnh đạo trong quá trình đi*

## HUỶNH ÁI TÔNG

*từ chủ nghĩa dân chủ tư sản đến chủ nghĩa cộng sản hình thái Mao Trạch Đông (1948 – 1954), bùng phát vào thời điểm đặc biệt 1955-1957 trên các lĩnh vực triết học, tư tưởng, pháp luật, giáo dục, văn học nghệ thuật, báo chí chủ yếu trên các ấn phẩm báo Nhân Văn, Sáng Tạo, Trăm Hoa, Tự Do Diễn Đàn, Đất Mới-Chuyện Sinh Viên, Văn... và các sách dạng tạp chí Giai Phẩm Mùa Xuân, Giai Phẩm Mùa Thu, Giai phẩm Mùa Đông, Sách Tết, Vũ Trọng Phụng...do khởi xướng hầu hết là số văn nghệ sỹ, trí thức tài năng, có nhiều công lao trong kháng chiến chống Pháp, trong quân đội, bị đàn áp và xét xử công khai bằng một vụ án Tổ chức chính trị hoạt động gián điệp lật đổ chính quyền nhân dân với cái tên Nhân Văn-Giai Phẩm, tiếp theo là việc xử lý bằng các hình thức trừng phạt nội bộ với hàng trăm giáo sư, thầy giáo, sinh viên, nhà văn, nghệ sỹ điện ảnh sân khấu, nhạc sỹ, họa sỹ, kiến trúc sư, phóng viên, xuất bản, cán bộ lãnh đạo, nhân viên một số bộ ngành, cơ quan nhà nước...*

Sau khi bị đàn áp, Nhân Văn Giai Phẩm không chết ngay lập tức, nó còn tồn tại dai dẳng trong một số sáng tác của Phùng Cung, Hoàng Cầm, Trần Dân, Lê Đạt, Hữu Loan... thậm chí cả Nguyễn Chí Thiện, nhóm Văn nghệ Chân đất ở Hà Nội những năm 70-80, cho đến vụ Hoàng Cầm, Hoàng Hưng bị bắt năm 1982, cho đến lúc Đổi mới, trao Giải thưởng Nhà nước, Giải thưởng Hồ Chí Minh cho một số nhân vật chủ chốt của vụ Nhân Văn Giai Phẩm 50 năm về trước. Còn mục tiêu tự do tư tưởng, tự do sáng tác, dân chủ xã hội pháp quyền, cách tân nghệ thuật mà Nhân Văn Giai Phẩm đã đặt ra thì vẫn đang là câu hỏi cho các thế hệ người Việt Nam cho đến hôm nay...”

Chúng ta biết rằng Nhân Văn - Giai Phẩm đòi hỏi tự do sáng tác, phê bình sự lãnh đạo văn nghệ. Chúng tôi thiết tưởng nên đọc lại lời của nhà văn Lê Đạt trả lời nhà phê bình Thụy Khuê phỏng vấn, thu thanh ngày 14-3-1999, trong loạt bài viết *Tìm hiểu phong trào Nhân Văn Giai Phẩm* đăng trên Trang Mạng nhanvangiaipham.free.fr :



## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

“Sau vụ Việt Bắc, đến vụ Trần Dần. Dần lúc ấy có quan hệ với chị Khuê là vợ anh ấy bây giờ; chị Khuê là một người công giáo, cho nên người ta nghĩ rằng đó là một người công giáo cài lại làm gián điệp để tranh thủ anh Dần. Vì Trần Dần lúc đó còn ở trong quân đội nên Dần bị kỷ luật và người ta cấm trại không cho ra nữa. Đó là lần anh Dần bị giữ lần thứ nhất, không bị giam. Trần Dần, sau đó, cũng được ra và rồi hai người, như trong truyện cổ tích, cũng lấy được nhau.

Trần Dần ra rồi, chúng tôi mới nghĩ đến chuyện này: bây giờ làm sao mà in được một tập thơ, trái với nguyên tắc lúc bấy giờ - nguyên tắc bấy giờ là tất cả các bài đều bị kiểm duyệt. Tôi chủ trương tập này phải là một tập tự do sáng tác hoàn toàn, tức là mỗi cá nhân đều chịu trách nhiệm về bài của mình và không có kiểm duyệt gì cả. Tôi có bàn với Dần, Cầm, với Văn Cao, Tử Phác và mấy anh hội họa nữa là Sỹ Ngọc và Nguyễn Sáng. Lúc đó thì chưa tìm được chữ gì hay lắm. Tôi cũng không thích chữ *Giai Phẩm* tại chữ *Giai Phẩm* có vẻ Tự Lực Văn Đoàn, nghe chữ ấy nó sang trọng quá tôi không thích. Nhưng lúc đó anh Minh Đức, nhà xuất bản và anh Đặng đều thích chữ ấy. Trước tôi định cái tit là "*Thơ năm người*", nhưng mọi người bảo thế là "*gây sự*" quá, thì sau cũng đành lấy chữ *Giai Phẩm*.

Ngay lúc đó xảy ra vấn đề Phùng Quán: Phùng Quán thì không dính dáng gì đến lớp chúng tôi cả. Phùng Quán lúc ấy -theo lối nói Việt Nam- mới chỉ là "*đàn em*" thôi, thế nhưng Phùng Quán đang nổi tiếng vì quyển *Vượt Côn Đảo*, tác phẩm chứng tỏ Phùng Quán có óc tưởng tượng rất phong phú. Một hôm Phùng Quán đến tôi chơi, tôi thấy một anh bộ đội trẻ, xung với tôi: em là Phùng Quán. Trong lúc anh em ngồi chơi nói chuyện với nhau, Phùng Quán có đọc cho tôi nghe mấy bài thơ, trong đó có bài *Công nhân hót rác*, nghe tôi cũng thấy vui lắm. Tôi bảo: "*Các anh sắp ra một quyển *Giai Phẩm Mùa Xuân*, thế Quán có muốn tham gia không?*" Tôi không ngờ lời nói đùa ấy đã rẽ Quán sang một bước ngoặt của đời Quán. Quán nói rằng:

## HUỶNH ÁI TÔNG

"Em thích lắm, tất cả các anh em đều quý cả, để em tham gia với." Tôi lấy bài của Quán, nhưng khi đến bàn với anh em thì tôi gặp sự phản đối, nhất là anh Văn Cao. Anh Văn Cao nói rằng: "*Quán nó không thể ngồi cùng chiếu với mình được!*" Tôi cười, tôi nói với anh Văn Cao rằng: "*Đây là chỗ anh em với nhau chứ không phải chiếu tiên chi, thử chỉ gì mà chúng ta đối với nhau trật tự quá như thế*". Tôi không ngờ câu nói đùa đó sau sẽ cứ đeo bám anh Văn Cao suốt một cuộc đời. Và từ đó người ta đều gọi anh Văn Cao là *tiên chi*. Ý kiến của tôi dĩ nhiên được cả mọi người ủng hộ, thì anh Văn Cao phải thua thôi. Vì thế trong Giai Phẩm Mùa Xuân lại có một người rất trẻ là Phùng Quán."

Và bài viết của nhà văn Phan Khôi:

### **Phê bình lãnh đạo văn nghệ**

Ngày 14 tháng 7 trước đây, một anh bạn trẻ đến với tôi, ngỏ ý muốn tôi viết một bài cho tập *Giai phẩm mùa Thu*, tôi nhận lời, và viết bài này.

Tôi không phải không nhớ nhập tâm rằng cái *Giai phẩm mùa Xuân* đã gây ra một cảm giác nặng nề cho giới văn nghệ, nhưng mà tôi cứ viết. Là vì tôi nghĩ thấy mùa Thu không thể giống được với mùa Xuân. Thầy Mạnh Tử nói rằng "Bĩ nhất thời dã, thử nhất thời dã". "Thời" là mùa, mùa nào tiết khí ấy, mà cũng mùa nào thức ấy.

Hướng chi cái tôi viết đây là viết bằng văn xuôi, có chi nói nấy, nói toàn những sự thực, tôi không làm thơ, trong đó không có cái gì nhiều khê, bí hiểm, như "Cái bình vôi" của Lê Đạt, "Con chó đói" của Trần Dần, "Cái chổi quét rác rưởi" của Phùng Quán, nó như ruột voi, như phổi bò, suôn đuồn đuột mà xộp xồm xộp, ai đọc cũng thấy ngay tôi nói gì, khỏi phải hiểu ý này ra ý khác thì tôi tưởng cũng nên viết lắm.

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Tôi muốn nói sự thực. Nhưng có người bảo rằng “có những cái sự thực không nên nói”. Tôi không tin. Đó là ở dưới chế độ nào kia, chứ ở dưới chế độ của chúng ta, đã lấy phê bình, tự phê bình làm võ khí, thì còn có cái sự thực nào là cái sự thực không nên nói?

Tôi muốn phê bình. Nhưng có người khác lại bảo rằng “phê bình nội bộ thì được, không nên viết trên sách báo, bên địch chúng thấy chúng sẽ xuyên tạc ra”. Tôi cũng không tin. Cái thời kỳ “đóng cửa dạy nhau” đã qua rồi, ngày nay chính là ngày có mâu thuẫn gì giữa nội bộ cần phải giải quyết trước mặt quần chúng nhân dân, không nhờ ánh sáng của quần chúng nhân dân soi dẫn cho, thì không thể giải quyết nổi. Và lại, đã nhận rằng ăn của nhân dân, làm việc cho nhân dân, nhân dân là chủ, có quyền kiểm tra mọi việc, thì sao cứ im im ta với nhau không cho nhân dân biết?

Bởi những lẽ đó, tôi viết bài này phê bình lãnh đạo văn nghệ của Hội Văn nghệ Việt Nam, cái cơ quan mà tôi sống trong đó tám chín năm nay từ khi nó mới bắt đầu thành lập ở Việt Bắc tới giờ, và phê bình rất thẳng thắn.

Hồi còn ở Việt Bắc, đường lối văn nghệ có vẻ giản đơn lắm. Tóm lại là theo chủ nghĩa Mác, chủ nghĩa hiện thực xã hội để phục vụ tổ quốc, phục vụ nhân dân, nhất là phục vụ cho cuộc kháng chiến trước mắt. Những người công tác văn nghệ lúc bấy giờ có làm đúng và đầy đủ như thế không, chưa nói đến; một điều có thể nói chắc là ai nấy đều cố gắng đi theo đường lối ấy. Đối với lãnh đạo, họ có thắc mắc gì không? Hầu như không có thắc mắc gì cả. Nếu có thì cũng đã chín bỏ làm mười, vì trong thời gian đó, cái vĩ đại, cái gian khổ mà vinh quang của cuộc kháng chiến ngập trên người họ, họ đang để lòng mà nghĩ đến kháng chiến, không nghĩ đến chuyện khác.

Ở đây tôi không đi sâu hơn, không đi tìm cái có tại làm sao mà sau khi thắng lợi trở về thủ đô, *lãnh đạo văn nghệ* thành ra vẫn

## HUỶNH ÁI TÔNG

đề, *quần chúng văn nghệ* thách mắc đối với lãnh đạo; tôi chỉ đưa ra cái hiện tượng không tốt ấy sau khi trở về Hà Nội hai năm nay.

Thình linh tôi dùng cái danh từ “*quần chúng văn nghệ*” chắc có người thấy mà lấy làm chướng mắt. Nhưng không dùng thì không lấy gì đủ chỉ rõ một cái hiện tượng: cái hiện tượng *đối lập*, một bên là lãnh đạo văn nghệ, một bên là quần chúng văn nghệ. Trước kia, trong thời kháng chiến, lãnh đạo với thứ quần chúng ấy là một, mà bây giờ là hai. Thêm một điều đáng chú ý, là cái thứ quần chúng ấy, hiện nay, không chỉ là văn nghệ sĩ theo kháng chiến ở Việt Bắc, mà còn văn nghệ sĩ ở vùng mới giải phóng, mà còn văn nghệ sĩ ở vùng Nam bộ, ở khu V ra tập kết nữa, một thứ quần chúng khá đông đảo, hễ lãnh đạo không khéo thì nó dễ thành ra đối lập.

Ở dưới chế độ tư sản, sự đối lập là thường: nhân dân đối lập với chính phủ, công nhân đối lập với chủ xưởng, học sinh đối lập với nhà trường... Nhưng ở dưới chế độ của chúng ta, về mọi phương diện, yêu cầu phải đi đến không đối lập, hễ còn có đối lập, là cái hiện tượng không tốt, cái triệu chứng không tốt.

Sở dĩ có cái hiện tượng ấy là bởi trong lĩnh vực văn nghệ chúng ta hai năm nay có những điều sai lệch về lãnh đạo mà tôi sẽ cử đại khái ra như dưới đây. Đây là những việc nổi bật lên, tôi thấy rõ thì tôi nói; còn những việc khác, về mặt tổ chức, về mặt hành chính tôi không biết cho lắm thì tôi không nói.

### 1. Về vấn đề tự do văn nghệ sĩ

Sau khi về Hà Nội không lâu, giữa một cuộc toạ đàm ở trụ sở Hội Văn nghệ, một cán bộ cao cấp lấy tư cách cá nhân đề ra cái vấn đề “*tự do của văn nghệ sĩ*”. Cái vấn đề ấy được giải thích là: Có một số văn nghệ sĩ nào đó đòi tự do hay là có ý đòi tự do, mà tự do một cách bừa bãi, đến nỗi “*ví như một kẻ kia đi trên đường phố, thấy có người ôm cái cặp da đẹp, giật ngang*

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

*lấy đi, rồi nói rằng đó là tự do của mình vì mình thích cái cặp da.” Do đó, kết luận là: phải có lãnh đạo, văn nghệ sĩ phải ở dưới quyền lãnh đạo.*

Tôi thấy vấn đề đặt như thế không đúng. Sự thực trước mắt chúng ta không hề có như thế.

Bao nhiêu văn nghệ sĩ từng theo kháng chiến, không luận ở Việt Bắc, ở Nam bộ, ở Khu V, đều đã ở trong Hội Văn nghệ, đều đã bằng lòng chịu lãnh đạo rồi, nếu họ không bằng lòng chịu lãnh đạo thì họ đã không ở trong Hội Văn nghệ. Còn những văn nghệ sĩ ở vùng mới giải phóng, họ còn ở lại đây tức là họ rắp tâm chịu lãnh đạo, nếu không thì họ đã đi vào Nam. Tóm lại, văn nghệ sĩ hiện nay có mặt ở miền Bắc không ai đòi tự do bừa bãi hết, không ai định “đánh giật cặp da” hết, tôi không biết vì sao lại đặt ra vấn đề ấy.

Quả thật như vậy, văn nghệ sĩ của chúng ta chẳng những đáng yêu mà lại đáng thương nữa. Họ biết trước kia họ đã đi sai đường, họ ngoan ngoãn chịu lãnh đạo. Mồ ma Tô Ngọc Vân, anh là một họa sĩ cup vẽ mỹ nhân, năm 1948, anh còn vẽ bức tranh màu đề là “Hà Nội đứng lên”, trình bày một người thiếu phụ tuyệt đẹp đứng hiên ngang trong đồng lửa, chung quanh là những cái nẹp nhà đổ vì bom đạn. Thế mà sau đó anh chừa hẳn cái vai cup ấy. Ở Triển lãm Hội họa năm 1952, trong một bức tranh không có thể không có phụ nữ, thì anh vẽ một đám đàn bà già và gái bé. Còn Thế Lữ, có lần tôi hỏi tại sao anh không làm thơ như trước kia. Anh trả lời rằng đợi đến bao giờ anh “chỉnh” lại được tâm hồn, cảm thông được với quần chúng cần lao, bấy giờ anh sẽ làm. Thứ văn nghệ sĩ như thế, mà nói họ đòi tự do, dù chưa phải là tự do bừa bãi, cũng đã oan họ lắm rồi, oan mà không có chỗ kêu.

Có lẽ bởi nhìn thấy ở một khía cạnh nào rồi nhận định hẳn như thế, nên từ đó lãnh đạo gắt hơn, kỳ tiêu diệt thứ tự do ấy của văn nghệ sĩ. Nhưng, sự thực, thứ tự do ấy vốn không có để bị

## HUỶNH ÁI TÔNG

tiêu diệt, mà cái cá tính của văn nghệ sĩ, cái nghệ thuật tính của văn nghệ, nhân đó, tuy chưa đến bị tiêu diệt, chứ cũng đã bị thương.

Chưa nói đến cá tính và nghệ thuật tính. Ngay đến ý kiến, ngôn luận của quần chúng văn nghệ dù rất bình thường, không có gì hại, cũng bị kìm hãm. Tôi là một người đã chịu cái điều khó chịu ấy, tôi nói ra đây tưởng không có ai ác đến nỗi bảo tôi là dựng đứng hay xuyên tạc.

Sau khi về Hà Nội mấy tuần lễ, có một cuộc họp mặt văn nghệ sĩ với mấy đồng chí văn nghệ Liên-sô. Một đồng chí nói rằng mình vì không đọc được tiếng Việt cho nên không biết văn học Việt như thế nào, chứ còn mấy ngành khác như nhạc, hoạ, kịch đều thấy có tiến bộ cả. Nhân đó, tôi phát biểu ý kiến, đại khái tôi nói văn học Việt vì những điều kiện nào đó hạn chế, nên hiện thời nó còn thấp kém lắm, chưa theo kịp sự tiến bộ của mấy ngành kia. Lại trong một cuộc họp khác sau đó, nói về âm nhạc, có mấy người đề cao nhạc cổ Việt Nam. Tôi tuy dốt âm nhạc chứ cũng biết rằng nhạc cổ của ta không cao đến cái mức ấy, bèn lại phát biểu ý kiến. Tôi thuật lại chuyện nghe ở người khác rằng có một nghệ sĩ nước bạn phê bình điệu hát chèo, trong đó đậm nhiều những “a ý a”, “tình tính tang”, còn đeo tính chất nguyên thủy. Mấy hôm sau, tôi gặp ông Hoài Thanh ở chỗ thang gác tầng thứ hai của trụ sở Hội Văn nghệ, ông bảo rằng mấy lần phát biểu ý kiến của tôi đều đáng phê bình, nhất là lần sau, sao lại bẻ vào lời một nghệ sĩ nước ngoài mà phủ định nhạc cổ? Tôi chưa kịp nói gì thì ông đã đi xuống khỏi thang gác.

Tháng mười năm ngoái, tôi được cất cử nói chuyện trong cuộc kỷ niệm Lễ Tấn. Trước khi nói, tôi phải viết ra trình qua lãnh đạo xem. Trong bài viết, có chỗ tôi nói Lễ Tấn thông hiểu chủ nghĩa Mác lắm, nhưng trong văn chương của ông không hề dùng những danh từ mác-xít, mỗi khi đọc, làm tôi nghĩ đến con tằm: con tằm ăn dâu rồi nhả ra tơ, nếu nhả ra dâu thì không

## HAI MUỖI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

phải là con tằm. Ông Nguyễn Tuân hỏi tôi: “Nói như thế là định *viser* (ám chỉ) ai?” Đề nghị tôi nên chữa. Tôi lấy làm lạ, tôi sao lại có tâm địa xỏ lá đến nỗi mỗi khi nói phải có ám chỉ ai mới được; tuy vậy, tôi cứ hứa sẽ chữa. Một chỗ khác, nói về lỗi phiên dịch, Lỗ Tấn chủ trương trực dịch. Ông Hoài Thanh bảo tôi phải chữa, lấy lẽ rằng phiên dịch có nhiều lỗi, nếu lấy Lỗ Tấn làm khuôn mẫu thì Hồ Chủ tịch dịch *Tinh uy bí mật*, không trực dịch, chẳng là không đúng hay sao? Tôi biết rõ rằng cái câu nói đó chỉ là thuật lại cái chủ trương của Lỗ Tấn, chẳng hề lấy làm khuôn mẫu, cũng chẳng hề đả động gì đến việc dịch của Hồ Chủ tịch hết, những tôi không cãi, cũng cứ hứa sẽ chữa, mà thật, tôi đã chữa ngay trong bản thảo trước mặt ông Hoài Thanh.

Đó là cái thói kỳ huý trong văn chương của thời phong kiến còn sót lại. Thuở Thiệu Trị, ở trường thi hương Thừa Thiên, Đặng Huy Trứ vào trường thi, trong văn có câu “*vi gia miêu chi hại*“, nghĩa là làm hại giống mạ tốt, nhưng “*gia miêu*” là tên làng các vua triều Nguyễn, quan trường sợ bóng sợ gió, sợ như thế có thể hiểu ra là làm hại làng của vua, bèn đánh rớt bay. Lại thuở Tự Đức, cũng trường thi Thừa Thiên, Lương Gia Hựu cũng vào trường thi, trong văn có câu “*vi thiên tử chi áp*“, chữ “*áp*” đó nghĩa là kinh đô, thế mà quan trường sợ có thể hiểu nôm na rằng thiên tử ôm ấp cô gái nào, cũng đánh rớt bay. Thử so sánh mà xem, có phải mấy ông lãnh đạo của tôi cũng sợ bóng sợ gió, cũng kỳ huý như mấy ông quan trường ấy không? Người ta làm cho tôi cảm thấy qua việc ấy rằng nước Việt Nam ngày xưa, triều đại là triều đại Thiệu Trị, Tự Đức, cái nguồn văn chương là Tử thư, Ngũ kinh, còn nước Việt Nam ngày nay, cũng là triều đại gì đó, chỉ khác cái nguồn văn chương là Mác-xít, chứ cái thói kỳ huý của quan trường thì không khác.

Trở lại vấn đề “tự do của văn nghệ sĩ”.

Thực ra thì, như trên đã nói, văn nghệ sĩ không đòi tự do bừa bãi, họ chịu ở dưới quyền lãnh đạo, chỉ duy cái vấn đề họ đặt ra

## HUỶNH ÁI TÔNG

là *lãnh đạo phải như thế nào*. Nói như thế cũng chưa hết ý. Phải nói rằng văn nghệ sĩ cũng muốn được tự do, nhưng họ chỉ yêu cầu *được tự do trong nghệ thuật*.

Đành rằng văn nghệ phục vụ chính trị, cho nên chính trị phải lãnh đạo văn nghệ. Nhưng phải hỏi: chính trị nếu muốn đạt đến cái mục đích của nó, thì cứ dùng những khẩu hiệu, biểu ngữ, thông tri, chỉ thị, không được hay sao, mà phải cần dùng đến văn nghệ? Trả lời cho thành thật, e chính trị phải vỗ vai văn nghệ mà nói rằng: “Sở dĩ tao tha thiết đến mày là vì tao muốn lợi dụng cái nghệ thuật của mày.” Đã cởi mở với nhau như thế rồi, văn nghệ đồng ý. Nhưng phần nghệ thuật này là phần riêng của văn nghệ, chính trị không bao biện được, nó phải đòi tự do trong phần ấy. Như thế, tưởng chính trị cũng lấy lẽ gì mà không đồng ý. “Hai bên đều có lợi”, cái nguyên tắc ấy, ở ngày nay, nó thích dụng trong bất cứ một sự hợp tác nào.

Nhưng hai năm nay, lãnh đạo văn nghệ của chúng ta đã đi quá trớn mà không giữ đúng cái giao ước bất thành văn ấy. Lãnh đạo đã xâm phạm mỗi ngày một hơn vào quyền riêng nghệ thuật của văn nghệ sĩ.

Trong văn nghệ, không cứ về ngành nào, sáng tác hay “sản xuất”, đều hầu như bị Ban Thường vụ của Hội xô sẹo dặt đi, hay quá lắm là nhúng tay vào. “Phục vụ công nông binh” và “phục vụ kịp thời”, cái đó đã đành rồi; “quần chúng văn nghệ” bực mình vì còn phải chịu mệnh lệnh của lãnh đạo ngoài những cái đó.

Tức như trước đây trong việc chấm giải thưởng về nhạc. Có một bài nhạc, Ban chấm giải (gồm những nhạc sĩ chuyên môn) đặt vào hạng thấp, thì Ban Thường vụ bảo phải nhắc lên hạng cao, lấy lẽ rằng “lời” nó hay và đúng chính sách. Ban chấm giải bày rằng tuy “lời” hay mà “nhạc” tầm thường nên để hạng thấp, nhưng không được, rốt lại cũng phải nhắc lên hạng cao. Một anh nhạc sĩ trong Ban chấm giải thuật chuyện ấy cho tôi



## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

nghe và phàn nàn rằng thế thì làm thơ làm văn cho hay và đúng chính sách cũng được, việc gì phải làm nhạc và phải giao cho nhạc sĩ chấm? Tôi cho phàn nàn như thế là có lý lắm, trừ ra khi nào Ban Thường vụ cũng là nhạc sĩ chuyên môn thì vấn đề còn phải thảo luận lại.

Để rồi đến ngày Đại hội, trong mỗi ngành sẽ có người đứng lên nói những sự thực như thế ra. Tôi ở ngành văn, tôi đã kể một chuyện về viết như trên kia cũng đủ thấy là khó chịu rồi. Cái sự bẻ bai bẻ học của bà già đối với nàng dâu, hà tất phải kể ra hàng tràng, thiên hạ mới biết.

Ông Nguyễn Tuân và ông Hoài Thanh đều là nhà văn nổi tiếng, tôi không nói các ông không có thẩm quyền về nghệ thuật viết văn. Nhưng các ông có nghệ thuật của các ông, còn tôi có nghệ thuật của tôi. Trong nghệ thuật ngụ cái cá tính của mỗi người một khác, do đó nghệ thuật tính của văn nghệ của mỗi tác giả một khác. Có thể thì mới có được cái quang cảnh “trăm hoa đua nở”. Nhược bằng bắt mọi người viết phải viết theo một lối với mình, thì rồi đến một ngày kia, *hàng trăm thứ hoa cúc đều phải nở ra cúc vạn thọ hết.*

Mà nếu cứ thế này mãi, than ôi, cái ngày ấy cũng chẳng xa đâu!

Cái tác phong lãnh đạo ấy hiện đã truyền nhiễm khắp Hà Nội rồi. Một toà soạn nào đó cũng có quyền chữa bài của tôi, vớt bài của tôi. Mà phải chỉ đáng chữa mà chữa, đáng vớt mà vớt cho cam. Mới đây, trước ngày 20 tháng 7, có một nhà báo – giấu làm gì? Nói ngay là nhà báo *Tổ quốc* – nhà báo *Tổ quốc* viết thư cậy tôi viết một bài. “Viết một bài về chuyện miền Nam”, như thế là đã “ra đề” cho tôi “làm bài” đó, tưởng cũng đủ lắm rồi. Trong thư, ông đại chủ bút còn “dàn bài” cho tôi nữa: những là “yêu cầu” thế này, “mục đích” thế nọ, và hạn từ một ngàn chữ đến hai ngàn chữ. Tôi lấy làm đau xót quá

## HUỶNH ÁI TÔNG

(có lẽ đó vì tôi tự ái, đáng kiểm thảo), bèn kiểm cách từ chối.  
Cụ Đồ Chiêu ơi! Cụ Đồ Chiêu! Ở thời cụ, cụ đã kêu:

*Ở đây nào phải trường thi  
Ra đề, hạn vận một khi buộc ràng?*

thế mà đến ngày nay, bảy tám mươi năm sau cụ, người ta còn ra đề, dàn bài, lại hạn chữ cho tôi nữa đó cụ ơi! Tôi còn làm ăn gì được nữa cụ ơi! Tôi còn là tôi đâu được nữa cụ ơi!

### 2. Về vụ Giai phẩm mùa Xuân

Lãnh đạo như thế cho nên mới có tập *Giai phẩm mùa Xuân*. Nói cho tiêu tột, mấy người viết *Giai phẩm mùa Xuân*, họ vốn không hề cho tôi biết gì cả, nhưng khi tôi đọc thì tôi – có lẽ như tục ngữ nói: voi thuộc voi, ngựa thuộc ngựa, tôi biết ngay là vì họ bất bình với lãnh đạo.

Sáng hôm mùng Một Tết âm lịch năm nay, ông Tố Hữu đến chơi trụ sở Hội Văn nghệ. Giữa anh em đông, ông hỏi ý kiến tôi về tập *Giai phẩm mùa Xuân*. Tôi nói trong đó chỉ có bài thơ của Trần Dần nói lời thôi, có hơi không lợi; còn của Phùng Quán, của Lê Đạt, tôi thấy nói đúng đấy. “Chống công thức”, “quét rác rưởi tư tưởng” là việc chúng ta cần phải làm. Có điều cái gì là công thức, cái gì là tư tưởng rác rưởi, chẳng những nên bảo họ nói rõ ra, mà còn nên bảo họ viết lên báo cho rõ ra. Ông Tố Hữu nói một câu có đông anh em cùng nghe: “Giấy mực đâu mà phí để cho họ viết?”. Thế rồi làm thinh. Tôi làm thinh, nghĩa là tôi trải đời nhiều rồi, tôi tròn lăm rồi, tôi không đại dột đến nỗi đã thế rồi mà còn cứ nói nữa.

Mấy hôm sau, nghe nói tập sách mỏng ấy bị thu về, tôi cho rằng sự thu về ấy là thất sách. Sao lại phải làm to chuyện cái chuyện không đáng làm to? Sao lại gọi cho những kẻ hiếu kỳ lén lút tìm mua tập sách ấy 3000 đ một tập mà đọc? Sao lại làm như là sợ nó? Ở Trung Quốc, Hồ Phong nói xấu lãnh đạo văn

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

nghệ đến thế nào, mà “*Ba sấp tài liệu*” của Hồ Phong vẫn được công bố ra, cả đến cái *Ý kiến thư* của hắn cũng được công bố ra, chẳng ai hề sợ.

Thế rồi một ngày xuân mới, ánh mặt trời ấm áp, tối lại, có mấy hạt mưa phùn để giúp cho những cây rụng lá mùa đông nứt lộc ra, thì ở trụ sở Hội Văn nghệ khai hội từ 7 giờ tối đến 1 giờ sáng để phê bình bài thơ Trần Dần, mà ký thực là hỏi tội Trần Dần, một mầm non văn nghệ. Hỏi tội độc một Trần Dần thôi, là cái ngón chính trị tài tình lắm đấy, để cô lập Trần Dần và phân hoá lũ người trong *Giai phẩm*, cái ngón ấy đã thành công. Hết thầy có độ một trăm rưởi người, trong đó có vài chục người đứng lên nói, đại khái giống nhau và kết luận là Trần Dần có tội. Không phải không có những người thấy rằng Trần Dần dù có tội cũng không đến to như thế, nhưng mà họ đã làm thình.

Tôi nhớ có một vị bắt lỗi trong bài thơ Trần Dần có chữ “*Người*” viết hoa. Lấy lẽ rằng chữ “*Người*” viết hoa lâu nay chỉ để xưng Hồ Chủ tịch, thế mà Trần Dần lại viết hoa chữ “*Người*” không phải để xưng Hồ Chủ tịch. Tôi ngồi nghe mà tưởng như mình ở trong chiêm bao: chiêm bao thấy mình đứng ở một sân rồng nọ, ông Lê Mỗ tố cáo ông Nguyễn Mỗ trước ngài vàng, rằng trong phép viết, chỉ có chữ nào thuộc về hoàng thượng mới phải đài, thế mà tên Nguyễn Mỗ viết thư cho bạn, dám đài chữ không phải thuộc về hoàng thượng. Nhưng may cho tôi, tôi tỉnh ngay ra là mình ngồi trong phòng họp Hội Văn nghệ.

Rồi đến ông Hoài Thanh viết một bài trên báo *Văn nghệ*, bằng giấy trắng mực đen, ghép Trần Dần vào tội phản động, đứng về phía địch chống lại nhân dân ta (Báo *Văn nghệ* số 110 ra ngày 17-3-56).

Thật cái tội phản động ở xứ này sao mà ghép một cách dễ dàng quá. Hồ Phong bên Trung Quốc, còn phải điều tra bao nhiêu

## HUỶNH ÁI TÔNG

năm, công bố “*Ba sấp tài liệu*“, mới vạch mặt hẳn là phản cách mạng, là tay sai của Tưởng Giới Thạch được. Tôi lại còn thấy một cái tài liệu, nói Hồ Phong từng bị bắt quả tang có một thanh gươm, ở cái nạm có bốn chữ “Tưởng Trung Chánh tặng”, ở cái lưỡi có ba chữ “Đảng Nhân hồn”. Như thế thì phản động là đáng lắm, có đâu chỉ một bài thơ mà đã là phản động?

Tuy vậy, Trần Dần còn có phúc hơn cậu cử Nguyễn Thuyên con trai cụ lớn Tiền quân Nguyễn Văn Thành nhiều lắm. Trần Dần với bài thơ hàng hơn năm trăm câu mà chỉ mang tiếng là phản động thôi, không như cậu cử Thuyên, bài thơ chỉ có 56 chữ, ý tứ vu vơ, mà bị chết chém, và còn liên lụy đến anh em, bè bạn, liên lụy đến ông cụ bố phải uống thuốc độc mà chết. Trong chỗ đó, tôi thấy thời đại dân cộng hoà dân chủ rộng rãi đối với văn nghệ hơn thời đại chuyên chế triều Gia Long rất nhiều.

Cuối cùng, ông Nguyễn Đình Thi, thư ký toà soạn báo *Văn nghệ* viết liên tiếp ba bài đại ca sa phê bình tập *Giai phẩm mùa Xuân*. Sau khi ba số báo in ra xong, ông Thi đưa cả cho tôi xem và hỏi ý kiến tôi đối với ba bài ấy.

Đọc xong sau một hôm, hai chúng tôi nói chuyện với nhau. Tôi bảo ông Thi rằng ông đặt sai vấn đề. Vấn đề *Giai phẩm* là vấn đề lãnh đạo, chứ không phải vấn đề quần chúng. Tôi phân tích rõ ràng cho ông thấy rằng tại lãnh đạo văn nghệ có thể nào cho nên quần chúng văn nghệ mới bất bình mà phát biểu ra như thế. Ví dầu trong sự phát triển của họ có làm lỗi cũng còn là cái ngọn, mà cái gốc, phải tìm đến ở chỗ do lãnh đạo gây ra. Thế mà cả ba bài của ông Thi không có một chữ nào đụng đến lãnh đạo hết, chỉ đổ lỗi cho mấy người viết trong *Giai phẩm*, thế là không công bình, thế là quá đáng. Khi viết đây, tôi ngồi dưới ngọn đèn điện 20 nèn, tôi nói có mặt đèn làm chứng, ông Thi nhận cho lời tôi nói là đúng, hứa sẽ viết phê bình lãnh đạo, nhưng mãi tới nay chưa thấy viết.

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Đọc trong bài thứ nhất của ông Nguyễn Đình Thi, đến chỗ ông nói mấy người trong *Giai phẩm* là “*cả vú lấp miệng em*“, làm tôi nhớ lại một vài chuyện cũ mà tủm tỉm cười một mình. Năm 1920, tôi làm thư ký kiêm kế toán cho công ty Bạch Thái ở Hải phòng, tôi thấy ông Bạch Thái Bưởi bóc lột công nhân làm tàu của ông rõ ràng, thế mà một hôm ông chỉ vào mặt các anh làm tàu mà nói rằng: “Chính chúng mày bóc lột tao”; năm 1930 hay 1931 gì đó, tôi viết báo ở Sài Gòn, biết thực dân Pháp khủng bố cộng sản dã man hết sức, thế mà trên báo Tây, chúng gọi Xô viết Nghệ An là “khùng đỏ” (*terreur rouge*). Nghề thế, hễ mình muốn người khác đừng nói đến cái tật xấu của mình, thì mình đem ngay cái tật xấu ấy đổ trên đầu người khác để đấm họng họ cho câm đi. Chính ông Nguyễn Đình Thi “*cả vú lấp miệng em*” cho nên ông bảo trước rằng bọn Trần Dần, Phùng Quán, Lê Đạt là “*cả vú lấp miệng em*“. Thực ra thì bọn này có “*vú*” đâu mà “*cả*“, vả lại họ cũng không có ai là “*em*” họ hết.

### 3. Về vụ giải thưởng văn học 1954-1955

Sau khi giải thưởng này tuyên bố, ở đâu thì không biết, chứ ở Hà Nội, dư luận bàn tán xôn xao, nhiều người không phục, cho rằng có mấy tác phẩm trong đó không xứng đáng được giải. Nói như thế, có thể bị coi là nói vu vơ, không có bằng chứng. Nhưng muốn có bằng chứng cũng không thể có được, vì cả nước chỉ có một tờ báo *Văn nghệ* có thể đăng những bài phê bình văn nghệ, mà là của Hội Văn nghệ, thứ dư luận ấy có muốn phát biểu cũng không phát biểu vào đâu. Tuy vậy, bằng chứng cũng không phải toàn không có. Đạo trước, tờ *Trăm hoa* có ba bài của ba người công kích tập thơ *Ngôi sao* của Xuân Diệu, nhưng khôn nổi, nó ra đến bài thứ ba thì nó chết. Dù vậy, tôi thấy dư luận ấy là quả có, chẳng tin, ai thử làm một cuộc trưng cầu ý kiến mà xem.

Chính tôi là một người ở trong Ban Chung khảo chấm giải, tôi

## HUỶNH ÁI TÔNG

đã biểu đồng tình với thứ dư luận ấy trước khi nó xôn xao, nghĩa là trước khi tuyên bố kết quả giải thưởng.

Ban Chung khảo có mười người, tôi là một. Tôi quên lửng, không biết do ai công cử hay chỉ định, khi nhận được giấy triệu tập thì cứ di dự vào, làm việc, lãnh tiền thù lao, nhưng khi việc xong thì tôi đâm ra trách mình một cách bâng quơ: phải chi mình đừng dự vào đó thì hay.

Tác phẩm của mỗi ngành trong văn học, như thơ, tiểu thuyết, kịch bản... sau khi chuyển cho nhau đọc rồi, về mỗi ngành có một buổi họp toàn ban để bình định thứ bậc. Trong khi bình định, hễ đồng ý với nhau thì thôi, bằng có mâu thuẫn thì biểu quyết bằng lối giơ tay, “*thiểu số phục tùng đa số*”.

Hôm bình định về thơ, tôi phản đối tập *Ngôi sao* đứng giải nhì, tôi nói: có vót vát lắm thì cũng chỉ nên để nó đứng giải ba. Tôi cử ra những câu bí hiểm không thể hiểu nghĩa được, thì ông Huy Cận (một trong Ban chung khảo) bảo rằng đó là tại tôi “muốn” không hiểu thì không hiểu. Quái, tôi “muốn” làm sao được? Theo lẽ, ông Huy Cận nếu bình vực cho *Ngôi sao* thì phải cắt nghĩa rạch ròi những câu ấy ra, chứ sao lại bảo rằng tôi “muốn” không hiểu? Nhưng cả ban làm thinh, tự hồ ai cũng hiểu những câu ấy, không ai tỏ đồng ý với sự chỉ trích của tôi. Tôi còn cử ra những câu tầm thường quá, không xứng đáng là thơ, và nói rằng thơ Xuân Diệu ngày nay trở kém thơ Xuân Diệu ngày trước. Một ông trong ban (quên là ai) cãi rằng nếu thế thì bao lâu nay Đảng giáo dục Xuân Diệu không có hiệu quả gì sao? May mà một ông khác (quên là ai) lập tức đưa tay ngăn cản lại, nói đó không phải là cái luận cứ vững, đừng đưa ra. Nhưng đồng thời tôi trót đã vọt miệng thốt ra câu này: Đảng giáo dục Xuân Diệu làm cách mạng, chứ có giáo dục Xuân Diệu làm thơ đâu, thật như đức Khổng tử đã dạy rằng: “Ngựa tứ chẳng kịp lười”. Cũng vì tôi nên có sự mâu thuẫn, phải biểu quyết, thì tôi đứng về thiểu số, mà nhớ hình như thiểu số tuyệt đối.

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Hôm khác bình định về tiểu thuyết. Tôi phản đối *Truyện anh Lạc* của Nguyễn Huy Tường đứng giải nhì. Tôi cử ra sáu bảy chỗ, kết luận rằng cái tiểu thuyết này nhiều chỗ không giống với sự thực, trái với chủ nghĩa hiện thực bước thứ nhất, nếu nó được giải cao thì khi ngoại quốc dịch nó ra, nhất là khi bên dịch đọc nó, bất lợi cho văn học của chúng ta. Cả ban không ai bác lại lời tôi, tuyệt nhiên không có một người nào bác lại tôi, nhưng thế nào không biết, cuối cùng cũng phải biểu quyết, và tôi vẫn đứng về thiểu số, và lại là thiểu số tuyệt đối.

Đến khi việc đã xong rồi, Ban Chung khảo không còn có buổi họp nào nữa rồi, tôi mới tiếp được hai tác phẩm về ký sự, đều đứng giải ba, có thông tri bảo đọc và cho ý kiến. Tôi thấy cái *Nam bộ mến yêu* của Hoài Thanh chỉ là bài viết chạy như bài đăng trên báo, không có gì là giá trị văn học, còn cái *Lên công trường* của Hồng Hà viết có công phu hơn. Tôi nhớ ra mình đã từng hạ hai tác phẩm của hai ông Xuân Diệu, Nguyễn Huy Tường xuống mà không được, bây giờ không còn có đủ sức bướng bỉnh mà hạ của ông Hoài Thanh xuống nữa, bèn viết một mẫu giấy đề nghị đưa *Lên công trường* lên giải nhì. Nhưng mẫu giấy ấy về sau chìm đi đâu mất, không ai nhắc đến.

Sau có một buổi họp giữa những người chấm giải với những người được giải. Đáng lẽ, một buổi họp như thế, thế nào Ban chấm giải cũng phải gọi cho những người được giải có thắc mắc gì thì nói ra. Bởi vì bây giờ không phải như thời phong kiến chấm trường thi, quan trường ăn tiền lấy đồ bậy bạ rồi ai rớt nấy chịu. Nhưng mà không thấy đã động gì đến việc ấy. Gần rốt buổi họp tôi mới đề nghị xin cho nói thắc mắc. Thế rồi có mấy người nói thắc mắc của họ. Cuối cùng tôi cũng đưa ra thắc mắc của tôi về cái sự hai lần bị đứng về thiểu số như đã nói trên. Tôi nói quả quyết rằng mặc dầu tôi đứng về thiểu số, chứ cái sự định đoạt ấy của đa số, tôi cho là không đúng, tôi nhất định không phục. Trong những người được giải, có một người đứng lên phát biểu ý kiến, lấy làm lạ rằng sao trong Ban Chung khảo không nhất trí với nhau, xong việc rồi lại còn có

## HUỶNH ÁI TÔNG

người đưa ra thắc mắc? Tan buổi họp, tôi nghĩ mà cũng lấy làm lạ rằng sao cái ông lấy làm lạ đó lại không ở trong Ban Chung khảo?

Đến hôm phát giải thưởng ở Câu lạc bộ Đoàn kết, ban tổ chức đề nghị tôi làm một người trao giải. Tôi từ chối. Tôi sợ rằng trong khi trao giải hoặc rui mà tôi gặp phải trao ba cái giải mà mình phản đối thì khổ cho mình. Khi tuyên bố ba cái giải mà tôi phản đối ấy tôi nhất định không vỗ tay. Tôi nhất định tỏ thái độ phản đối đến cùng.

Hôm thượng tuần tháng 6, tôi nằm trong Bệnh viện C, thấy mấy anh bộ đội đọc tập thơ *Người chiến sĩ* của Hồ Khải Đại mà chê rằng dở quá, tôi bèn mượn xem thì thấy quả thật là dở quá. Thế mà nó được giải ba văn học. Tập thơ này, tôi ở trong Ban Chung khảo chưa hề thấy mặt nó, sau cùng chỉ nhận được thông tri nói nó nguyên ở giải khuyến khích, nay tương lên giải ba. Ai tương lên? Thế có lạ không?

Ban Chung khảo theo đề nghị của ông Xuân Diệu, sau khi tuyên bố giải thưởng, phải làm nhiều cách tuyên truyền cổ động rầm rộ cho các tác phẩm được giải, và đã cắt cử người nào viết bài phê bình cho tác phẩm nào. Lâu mà không thấy mấy người viết. Tình cờ tôi hỏi một ông, ông trả lời: “Khó viết quá”. Câu trả lời đúng hết sức: lấy nó trúng giải thì dễ, chứ viết để tuyên truyền cổ động cho nó thì phải khó.

Cho đến hết tháng bảy mà chỉ có hai bài phê bình trên báo *Văn nghệ*. Một bài ông Hoàng Xuân Nhị (một trong Ban Chung khảo) phê bình *Truyện anh Lục*, đọc giả không lấy làm mãn nguyện, có người đã nói, đọc nó chỉ thấy cái vẻ mô phạm hiền lành của một vị giáo sư đại học mà thôi. Một bài ông Hoài Thanh viết đề bình vực cho *Ngôi sao* mà bình vực một cách gượng gượng quá, nhất là yếu, không hề chống cãi lại những chỗ đã kích trong ba bài của báo *Trăm hoa*. Tôi rất không phục ông Hoài Thanh ở điểm này: ông viết bài ấy sau ba bài của *Trăm*



## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

hoa mà ông không hề nhắc tới *Trăm hoa* lấy một tiếng, ông cố đim nó xuống cũng như Phạm Quỳnh đã đim báo *Hữu Thanh* của Ngô Đức Kế. Nếu không đim thì là ông khinh, cũng như Phạm Quỳnh đã khinh báo *Hữu Thanh* của Ngô Đức Kế.

Về vụ này, có một điều, người ngoài không phải là tôi, không biết đến, thì không lấy làm quái. Ấy là điều, ba ông Xuân Diệu, Nguyễn Huy Tưởng, Hoài Thanh đều có tác phẩm dự thi mà đều ở trong Ban Chung khảo. Nếu chỉ ở trong Ban Chung khảo mà thôi, còn khá; thử điều tra lại hồ sơ, thì ba ông còn ở trong Ban Sơ khảo nữa. Sao lại có thể như thế? Trường thi phong kiến thuở xưa, tuy có ám muội gì bên trong, chứ bên ngoài họ vẫn giữ sạch tiếng: Một người nào có con em đi thi, thì người ấy vẫn có được cắt cử cũng phải “hồi tị”, không được đi chấm trường. Bây giờ cả đến chính mình đi thi mà cũng không “hồi tị”: một lẽ là ở thời đại Hồ Chí Minh, con người đã đổi mới, đã “liêm chính” cả rồi; một lẽ trắng trợn vì thấy mọi cái “miệng” đã bị “vú lấp”.

Người ta cứ sợ “bên địch xuyên tạc”. Sao trong việc này không sợ? Nó cần gì phải xuyên tạc? Đọc mấy tác phẩm được giải thưởng này, tha hồ cho nó đánh giá văn học miền Bắc.

Gọi là phê bình, chỉ có thế; tôi chỉ trình bày mấy hiện tượng không tốt trong giới văn nghệ. Còn sửa chữa, mong ở Đại hội sắp tới, nếu toàn thể xét thấy lời tôi nói có đúng phần nào thì xin tùy đó mà sửa chữa.

Phan Khôi

(Viết xong ngày 30-7-1956 tại Hà Nội)

Người miền Nam hầu hết đều có đọc sách Nguyễn Hiến Lê, đều biết ông từ chối cộng tác với chánh quyền miền Nam. Sau 1975, ông viết hồi ký hoàn tất năm 1980, *Hồi ký Nguyễn Hiến Lê* có 33 chương, nhà xuất bản Văn học đã xuất bản tập *Hồi ký*

## HUỶNH ÁI TÔNG

*Nguyễn Hiến Lê* năm 1992, 1993, 1994, 1997, nhà xuất bản Văn nghệ Thành phố HCM 2001, và nhà xuất bản Văn học năm 2006. Họ cắt bỏ chương XXX, XXXI và XXXII.

Vì sao ? Vì Nguyễn Hiến Lê phê bình cái xã hội bát nháo sau khi “giải phóng Miền Nam”, phơi bày bộ mặt trơ trẽn của Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam và cả những tiên đoán sai lầm của Karl Marx (1818-1883), ông tổ của cộng sản. Ông phê bình, cán bộ đuổi dân để lấy nhà ở, phê bình sai trái từ Công, Nông, Thương nghiệp, Ngân hàng đổi tiền ... và ...

Trong những năm 1960, có một quyển sách do ông Phạm Đình Tân dịch, có tựa *Những tác phẩm làm biến đổi thế giới*. Trong sách này có nói đến *Tư Bản Luận*, có nói đến quyển sách nào đó, về sự *Sự nói dối lớn* nghĩa là những nhân vật danh tiếng, dám nói dối một sự việc sẽ có hàng trăm, hàng triệu người nghe theo, hoặc nói hoài nói mãi người ta cũng sẽ nghe theo như trong *Cổ học tinh hoa* của Ôn Như Nguyễn Văn Ngọc:

### **Tăng Sâm giết người**

Ông Tăng Sâm ở đất Phi. Ở đây có kẻ trùng danh với ông giết chết người.

Một người hớt hải chạy đến báo mẹ ông Tăng Sâm rằng: “Tăng Sâm giết người”. Bà mẹ nói: “Chẳng khi nào con ta lại giết người”. Rồi bà điềm nhiên ngồi dệt cửi.

Một lúc lại có người đến báo: “Tăng Sâm giết người”. Bà mẹ không nói gì, cứ điềm nhiên dệt cửi.

Một lúc lại có người đến báo: “Tăng Sâm giết người”. Bà mẹ sợ cuống, quăng thoi, trèo qua tường chạy trốn.

*Quốc Sách*

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Cho nên nhà cầm quyền miền Bắc, lấy thực dân Pháp ra để gọi “đế quốc Mỹ xâm lược”, hô hào nhân dân đánh Mỹ. Cũng là một thứ Tăng Sâm giết người. Chúng ta cứ thử xem từ đệ nhị thế chiến (1939-1945) đến nay, Mỹ đã xâm lược, thôn tính nước nào ? Bên Âu Châu, Mỹ giúp giải phóng Pháp, Đức dưới gót giày bạo tàn của nhà độc tài Adolf Hitler (1889-1945), rồi sau đó Pháp và Tây Đức độc lập.



Ở Á Châu, năm 1945, Mỹ thay mặt đồng minh, nhận sự đầu hàng của Nhật Hoàng Hirohito (1901-1989), giúp Nam Hàn đánh Bắc Hàn trong chiến tranh Triều Tiên 1950-1953.



## HUỶNH ÁI TÔNG

Ngày nay mặc dù ở Đức quốc, ở Nhật Bản cũng như ở Nam Hàn đều có sự hiện diện của hàng chục ngàn binh sĩ Mỹ, nhưng các nước ấy đều độc lập, toàn vẹn chủ quyền. Nhật có nền kinh tế đứng vào hàng thứ 3 trên thế giới, Nam Hàn là 1 trong 4 con Rồng Á Châu của những năm cuối thế kỷ 20. Đó là Hồng Kông, Hàn Quốc, Singapore và Đài Loan. Còn Đức quốc là nước có nền kinh tế tài chánh đứng hàng đầu trong Cộng Đồng Châu Âu ngày nay, là thời đại kinh tế khủng hoảng toàn cầu. Vậy thì “đế quốc Mỹ xâm lược” hay “đế quốc Mỹ” mang lại sự tự do và thịnh vượng cho các nước được Mỹ giúp đỡ ?

Những người có lý tưởng, những nhà chánh trị, họ muốn nhà văn phải viết như thế này, phải viết như thế kia để xây dựng con người trong một xã hội, đáp ứng với nhu cầu của họ muốn phù hợp với xã hội hay chánh thể lý tưởng của họ. Nhiều nhà văn đoạt giải Nobel văn chương hàng năm, bởi vì họ viết “cái phải là” nhằm đưa người ta đi đến hướng thượng. Không như nhà văn W. Somerset Maugham (1874-1965), vì ông chuyên viết “cái là”. Văn của ông, truyện của ông đâu có thua gì các nhà văn đoạt giải Nobel.



Không kể những tiểu thuyết của Bình Nguyên Lộc, Đoàn Quốc Sĩ, Nhật Tiến, Duyên Anh. Chừng nào tiểu thuyết của Chu Tử, Nhã Ca nhất là của Nguyễn Mạnh Côn được in ra những quyển

HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975  
chẳng hạn như *Yêu, Giải khấn sớ cho Huế, Đem tâm tình viết lịch sử* thì lúc đó mục tiêu của *Nhân Văn - Giai Phẩm* mới đạt được phần nào.

Trong vụ *Nhân Văn - Giai Phẩm*, câu nói của Văn Cao với Trường Chinh đáng để cho mai hậu suy gẫm:

*"Nếu trong vườn hồng có sâu thì ta phải chịu khó mà bắt bằng tay, từng con một. Đồ up cả đồng thuốc trừ sâu vào đấy thì chết cả vườn hồng. Rồi anh sẽ thấy: qua đợt đánh phá này không biết bao giờ nền văn nghệ Việt Nam mới ngóc đầu dậy được!"*

Ngày 6 tháng 6 năm 2013

# HUỶNH ÁI TÔNG

Cùng soạn giả:

- *Văn học Miền Nam (1623-1954)*
- *Báo chí và Nhà văn Quốc ngữ thời sơ khởi*
- *Văn học Miền Nam 1954-1975*
- *Hai mươi năm Văn học Miền Bắc 1954-1975*
- *Văn học Việt Nam Cận và Hiện đại*

## **HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954-1975**

Hiên **PHẬT HỌC**  
2013